

Nguyễn Trãi

TOÀN TẬP



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN



HOÀNG KHÔI
Biên dịch

NGUYỄN TRÃI TOÀN TẬP (ỨC TRAI THI TẬP)

TẬP THƯỢNG
(*Quyển 1, 2, 3*)

Phiên dịch theo
PHÚC KHÊ NGUYÊN BẢN
TỰ ĐỨC MẬU THÌN THU

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong lịch sử dân tộc và trong văn học, Nguyễn Trãi (1380 - 1442) có một vị trí đặc biệt. Nguyễn Trãi không chỉ là nhà chính trị lỗi lạc, nhà chiến lược quân sự, mà ở bất kỳ lĩnh vực nào như văn học, văn hóa, triết học, địa lý v.v... Ông cũng là cây đại thụ rợp bóng cho muôn thuở. Chính vì lẽ đó mà những tác phẩm ông còn lại cho hậu thế đều hết sức có giá trị cho đất nước. **Phan Huy Chú**, trong **Lịch triều hiến chương loại chí**, viết: "Văn chương [của Nguyễn Trãi] là văn chương mưu lược gắn liền với sự nghiệp kinh bang tế thế". **Phạm Văn Đồng** cũng viết: "Nguyễn Trãi, người anh hùng dân tộc, văn võ song toàn (...). Văn và võ đều là vũ khí, mạnh như vũ bão, sắc như gươm dao".

Thơ văn của Nguyễn Trãi được viết cả bằng chữ Hán và chữ Nôm, nhiều thể loại. Có thể tạm kể ra: **Ức trai thi tập**, **Quốc âm thi tập**, **Bình ngô đại cáo**, **Quân trung từ mệnh tập**, **Dư địa chí**, **Lam sơn thực lục**, **Ngọc đường di thảo**, **Luật thư**, **Thạch khánh đồ**, **Văn bia Vĩnh Lăng**, **Phủ núi Chí Linh**, v.v... Sau thảm án (1442) và sau khi được vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan, toàn bộ văn thi phẩm của Nguyễn Trãi mới được truy tìm và ấn hành. Kể từ đó đến nay đã có nhiều bộ toàn tập Nguyễn Trãi. Đáng kể nhất là bộ Nguyễn Trãi toàn tập do Viện Sử học ấn hành từ 1968.

Ức trai tập mà độc giả có trong tay do Hoàng Khôi dịch, xuất bản năm 1971 tại Sài Gòn. Bản dịch này dựa vào bản "**Phúc Khê nguyên bản**" bằng chữ Hán được ấn hành năm Tự Đức Mậu Thìn thứ 21 (1868) từ nguyên bản tìm thấy ở quê nhà Nguyễn Trãi: làng Nhị Khê huyện Thường Tín, Hà Đông; bản này do Dương Bá Cung biên tập, Nguyễn Đình bình duyệt, Ngô Thế Vinh khảo chính. Nguyên bản gồm 6 quyển, trong đó quyển 2 là **Phụ lục Nguyễn Phi Khanh thi văn**. Phi Khanh là thân sinh của Nguyễn Trãi, phần thơ và văn của ông cung cấp nhiều tư liệu cần thiết cho việc tìm hiểu về cuộc đời Nguyễn Trãi.

Ức trai tập tái bản lần này để nguyên như cũ thành 2 tập. Điều đáng quý là sách in lại toàn bộ vì ảnh chữ Hán được ấn hành từ thời Tự Đức (1868). Mỗi phần văn, các bài thơ đều có in chữ Hán nguyên bản, phiên âm và dịch nghĩa rất tiện lợi cho bạn đọc biết chữ Hán và không biết chữ Hán. Như đã nói, đọc **Ức trai tập** chúng ta còn tìm thấy ở đấy tư tưởng cao cả, lòng yêu nước sáng ngời, tinh triết lý sâu sắc, sự độ lượng lớn lao của Nguyễn Trãi. Ta còn được cung cấp một tư liệu sử học chính xác, những hiểu biết về địa lý từ cái nhìn cách ta gần 600 năm.

Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin xin giới thiệu cùng bạn đọc **Ức trai tập** bản dịch tiếng Việt nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp, văn nghiệp... của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi. Mong được sự góp ý cho nhà xuất bản để sách ngày càng được tốt hơn.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

Phàm Lộ

1.— Bộ «**ỨC TRAI TẬP**» này gồm có hai phần :

1) Phần in theo lối offset toàn bộ vi-ảnh chụp nguyên tác chữ Hán ấn hành đời Tự Đức Mậu Thìn thu, mệnh danh là «**PHÚC KHÊ NGUYÊN BẢN**».

2) Phần phiên âm và phiên dịch ra chữ quốc ngữ của dịch giả Hoàng Khôi. Vì lẽ vi ảnh phóng lớn đọc không được rõ nên trong phần này dịch giả đã sao-lục nguyên tác chữ Hán.

2.— «**PHÚC KHÊ NGUYÊN BẢN**» gồm phần đầu với các bài tựa và 6 quyền. Đề tiện đối chiếu với bản phiên âm và bản dịch, chúng tôi dùng mẫu tự A để chỉ thị phần đầu và các mẫu tự từ B đến G để chỉ thị 6 quyền trong tập. Dưới các trang chúng tôi đánh số riêng đề tiện tra cứu. Ví dụ như A-1a là phần đầu tờ 1 trang a, G-1b là quyền 6 tờ 1 trang b v.v...

3.— Chúng tôi chia bộ này làm hai tập :

— **TẬP THƯỢNG** gồm phần các bài tựa (A) quyền 1 (B) quyền 2 (C) và quyền 3 (D).

— **TẬP HẠ** gồm quyền 4 (E) quyền 5 (F) và 6 (G).

Lời nói đầu

Các vua triều Nguyễn đều hiếu học, đặc sắc là vua Tự Đức đã mệnh cho ông Phan Thanh Giản, soạn bộ **KHÂM ĐỊNH VIỆT-SỬ THÔNG-GIÁM CƯƠNG-MỤC. ỨC TRAI TẬP** là một sách đã được dùng làm sách tham khảo.

Nguyễn Trãi (1380-1442), hiệu Ức-Trai là người làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, nay thuộc về phủ Thường-Tín, tỉnh Hà-Đông, con ông Bảng Nhân, Nguyễn Phi Khanh, cháu ngoại ông Trần Nguyên Đán. Năm 21 tuổi thi đỗ Thái Học Sinh (Tiến Sĩ) triều nhà Hồ. Khi giặc Minh tới xâm lăng, diệt xong họ Hồ, thì bắt Nguyễn Phi Khanh, đem về Tàu. Trãi cùng một người em đi theo cha. Nhưng, sau cha bảo về mà lo việc phục thù, giúp nước. Ông về tìm vào Lam Sơn giúp Lê Lợi. Đẹp giặc xong, ông được thưởng công, phong tước. Khi 60 tuổi, (1439) về hưu, tại Côn Sơn, thuộc huyện Chí-Linh, tỉnh Hải Dương. Đến năm 63 tuổi, vì án Thị Lộ, ông phải tội, bị giết cùng cả họ.

Sách Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục có chép rõ cái án ấy : Tháng bảy năm Đại Bảo thứ ba (1442), vua Thái Tôn đi tuần thú về đông. Nguyễn-Trãi đón xa giá về nhà tại Côn-Sơn. Xưa, người thiếp Nguyễn-Trãi là Nguyễn thị Lộ, học giỏi, có sắc đẹp, được vua biết tiếng triệu vào triều, cho làm chức Lễ Nghi Học Sĩ. ngày đêm hầu cận, Khi xa giá rời Côn Sơn, về tới vườn Lê Chi, huyện Gia Định (nay là huyện Gia Bình) thì vua mắc chứng sốt nặng. Thị Lộ hầu suốt đêm. Vua mất. Triều đình khép Thị Lộ vào tội thí nghịch. Hưu quan Nguyễn Trãi bị chu di cả họ.

Văn thơ Nguyễn Trãi rất nhiều, nhưng sau cái án đó bị thất lạc. Nay các tác phẩm còn truyền lại, đều được in trong bộ **ỨC-TRAI TẬP**, in năm Tự Đức thứ 21 theo nguyên bản tìm ra ở xã Nhị Khê, do Dương Bá Cung biên tập, Nguyễn Đình bình duyệt, và Ngô Thế Vinh khảo chính. Bài tựa của Dương Bá Cung đề năm Tự Đức thứ 21 (1868). Bài tựa của Ngô Thế Vinh đề năm Minh-Mệnh thứ 6, (1825).

ỨC TRAI TẬP có 6 quyển. Ngoài giá trị về thơ văn, bộ này là một tập sử-liệu rất quan trọng, nhất là quyển thứ 4. Vì thế, cần phiên dịch, để người không chuyên về Hán văn đời sau được hiểu rõ sự tiến hóa của quốc-gia Việt-Nam.

Người dịch: HOÀNG-KHÔI

năm 1970



ỨC TRAI TẬP

序

發全太越興，以明降文日贈評詞顏備潤發傲壯見馬陳文母淫不其。視君，必，我代矣明理師而平封次中，不空而摹而中藏竊乎文下而見矣忍人之業，德，一然，非退此手代撰軍目其深章直老集，剽大之天言不已顧仁之事人一耶有趣道苟視如尹歷爲備名惜精文，於用豈莫世乎之而而。謂爲是之也必生失，坐人揚并請稍其而而於作堅一所此宙經傳言用指此孰行於尹章，先氏矣肯有平作。選載，心著而一有得宇然不不之枝易，先於用伊文君齋胡世豈乎嘉諸予文見存庭無其窮，顯大鳴。滅爲用摠彼起見降如謂之抑。兩，惜子卿示音已畧家固矯，者，以。也煙以無駟以一得，千古所王如哉地心。邑飛論越。幸於得不咏觀養足我言之自爲聞不塞少者蓋諸非興全矣其其耶。君評較論蓋出獨雄吟君所焉者之使。以人猶一自才，觀又代其難有服我也先誌文史。學其華生忘有行成家可也自諸，崇抱章，一求也。奄折還傳及譜詩，集之乃英平不晦，或一而若。繫心止。德文也書黎，興國以以畫生家序誌遺生方則其稱其忘其獨，圖言其之一乎懷爲之兵陳佐之大畫手能先訪及與齋先剛言，輩夫相試非得漆可，蓬行意凡言予之李之黎堂正空不集勅，地抑。大於夏前，以而，多莫其用有一之大於以公丁王且堂義將章所語問命曰也正之虞，之足迹章不書見可雖其子

位，章賦物春手錢兩整。揚拱呼。不匪得聞曰君
文，謂予，幾，詳矣而田鳴俾然，既其之數
神交，所甲也未晦次世章藍。後，位其名有於然
然我十固，產。湮編諸文猶哉而顯鬱，掛詩吾誰
犁數耶。邑之俾其公此嘗也文後區恨樂，其
每嘆詩豈難。生辭毋詆將如，力待而區爲誠爾止生
史竊得，其先每，以吾夫之人不贊以以，私行先
讀又而恨是。揚序世出曰。得豈，待自之陋之行齊
反文，既爲若。得豈，待自之陋之行齊
，全，足亦遇以之復且言全夫傘不，得雖慕景押
之其也，不平之公，力成今，遽，者未榮嘆，曰
識見俾以，嘉屬願遇心違而樂乎學辭其，日止不
而得勤猶好，揚，曰再見母，廣存性一，喜平仰，
樂不而然所門編因獲具子之庭公乎于普爲寫山後
知恨富則于，同是行冬昔吾歲洞生得閱伊以少高之
亦輒之一聚與授之申夢惟能壁先文敢今之，，子

後學陽亭吳世榮

明命六年丁酉春

拜書于竹堂



PHIÊN ÂM

TỰ

Đại phạm, hoài tài báo đức giả, kiến ư hành, vi sự nghiệp ; phát ư ngôn, vi văn chương. Cái, thiên giáng dụng ư thị nhân, tất toàn dĩ dư chi dã. Quan chư cổ, như Y-Doãn chi nhất đức, Thái-Công chi binh-thư hữu phi sở vị văn-chương dã gia. Ngã Việt, Đinh, Lý, Trần, Lê nhất đại hưng vương chi quân, tất hữu nhất đại hưng vương chi tá, cầu kỳ toàn như Úc-Trai tiên-sinh mặc nhiên hỹ. Thả Lê chi hưng dã, nan hỹ tai. Hồ thị thất đạo, Minh dĩ đường đường đại quốc, yểm hữu kỳ địa lương thế hỹ, cầu phi lý minh, nghĩa chính, tận dĩ chiết phục kỳ tâm, khởi khảng tọa thị thoái sư, hàng tướng, không thủ, dĩ hoàn ngã gia. Tích hồ, hữu nhậm như thử, nhi văn-chương bất năng tận truyền dã. Ấp Tử, Gia Bình, Dương Doãn, thủ, bình nhật sở tập Tiên-Sinh cập tiên Quân Tử, Phi-Khanh chư tác, cập tịnh lịch đại phong tặng cáo sắc chư gia phá Chí Bình-Luận, thị dư, thỉnh vi soạn thử, bình duyệt, cập tự thi văn giáo Việt âm văn tuyên sảo bi Quân-trung Từ mệnh, Địa-Dur Chí, Sử Luận, dĩ kiến tải kỳ danh mục nhan viết : Úc-Trai Di Tập. Cái hạnh lược tôn. Nhi tích kỳ bất bị dã.

Tiên-Sinh chi học, xuất ư gia-đình, nhi tinh thâm không khoát chính đại cương phương, nãi kỳ độc đắc. Cổ vô tâm ư văn-chương, nhi phát chi ư ngôn, tắc anh hoa hùng bất kiêu kỳ trước tác, trực mô phỏng Ngu Hạ. Kỳ bình sinh, ngâm vịnh, cùng nhi kiên, lão nhi tráng, tiền bối xưng, bất vong quân thân giả, nhất nhất ư tập trung kiến chi. Phù kỳ hỡi hữu sở dương, hiên hữu sở dụng, tàng yên túc dĩ tương vong, hành yên túc dĩ đại đắc, thử khởi phiếu thiết trần ích, nhi thí kỳ hoặc thành giả tai

Ồ Hô, vũ trụ mạc đại hồ văn chương. Phi độc nhất gia chi ngôn già. Nhiên kinh thế chi văn, mỗi bất đa đắc. Nhi khả sử chi yên diệt bất truyền hồ thiên hạ thâm thư mạc Tất Viên nhược đã. Tự dĩ vi bất ngôn chi ngôn nhi bất kiến kỳ khả ngôn. Tự dĩ vi vô dụng chi dụng nhi bất kiến kỳ khả dụng. Kỳ tập chư nhân gian, biến mẫu chi chỉ nhi dĩ hỹ. Tuy hữu bằng chi tâm, do bất dĩ bì dịch thử. Cổ nhân thị kỳ nhất hành, nhất chỉ, nhất tắc, nhất khởi thực vi nhân nhân, quân tử chi ý hồ.

Vinh, tự thiều, đắc văn Tiên Sinh huân nghiệp chi khái, diệc tri lạc nhi chí chi. Cập độc Sử, mỗi lễ nhiên, thần vãng, triếp hận bất đắc kiến kỳ toàn văn. Hựu thiết thán, ngã giao văn-chương chi phú nhi khám truyền đã. Ký nhi đắc thi sồ thập thủ, phú nhất tắc. Nhiên do dĩ bất túc vi hận. Khởi cố sở vi, vật tự vu sở hiểu, nhi diệc nhược thị kỳ nan gia.

Giếp ngọc xuân, dư đồng môn, Dương Gia Bình ngô Dương tiên sinh ấp sản đã. Thủ thụ thị biên, chúc chi dĩ tự mỗi từ chi. Vị kỳ, tiền chi hành. Nhân viết : Nguyên công chi thế, vô tỷ, yên hối. Bính thân đông, hoạch tái ngô, phục xuất dĩ thị kỳ biên thứ, tường chỉnh xa tích, cụ kiến tâm lực. Thả viết : Ngô Tướng Công chư thế hỹ. Duy ngô tử vô vi thành ngôn. Phù như thử văn chương nhi Dương năng tàn chi, nhi kim toàn đắc chi. Thí do Lam điền cùng bích, Đông Đình quảng nhạc phù khởi nhân lực đã tại.

Ồ hô, Tiên Sinh, công tồn hồ Lô, Tản, bất đãi văn nhi hậu truyền văn đắc hồ tính học, bất đãi tán nhi hậu hiền. Nhiên bất cảm khuyết vu nhất từ giả. Tự dĩ khu khu hướng vãng, phi kim y tích. Kỳ vị đắc chi, dĩ vi hận, kỳ ký đắc chi, dĩ vi hỹ.

Vinh, tuy lậu, thành lạc quải danh kỳ gian. Thiều tả bình nhật thán mộ chi tư nhĩ. Thi, hữu chi viết : Cao sơn ngưỡng chỉ, cảnh hành hành chỉ. Ngô ư sồ quân-tử chi hậu bất viết Ưc-Trai tiên sinh, kỳ thù dư?

Hậu học, DƯƠNG-ĐÌNH-NGÔ-THẾ-VINH

Minh-Mệnh, lục niên Đinh Dậu, Xuân

Bái thư vu Trúc-Đường

Bài Tựa

Phàm người đã có tài, có đức, thì động làm là nên sự nghiệp, động nói là thành văn chương. Giong khi đã chọn người để làm việc, là ban cho hoàn toàn, cứ xem như đời xưa, Y-Doãn có tiếng về đức, Thái-Công để lại Binh-Thư, đều là có cả văn chương.

Nước Việt ta, trải các triều đại Đinh, Lý, Trần, Lê, cứ một đời vua khai sáng là có một vị tướng khai sáng. Nhưng được hoàn toàn như Ưc-Trai tiên sinh, thì hiếm lắm. Họ Hồ tiếm loạn, nhà Minh, đường đường một nước lớn, mà đi chiếm cứ nước ta đến hai đời. Ví như lý không sáng rõ, nghĩa không chính đáng, để khuất phục được nhân tâm, thì đâu có phải cứ ngồi yên, để chờ cho bên địch, tướng sĩ bó tay ra hàng, trả lại đất đai.

Tiếc rằng, người như thế, mà văn chương không truyền lại đời sau cho đầy đủ. Có người đồng huyện Gia-Bình là Dương Doãn Tử thu thập các biên tập của Nguyễn Trãi tiên sinh, của tiên phụ là Nguyễn Phi Khanh, cùng các bản cáo sắc phong tặng trải các triều vua, các bình luận trong gia phả nhiều nhà, tất cả đưa cho tôi, xin tôi duyệt và để tựa vào văn thơ một số văn thơ, một số quân trung từ mệnh, địa dư chí, sử luận, mục lục đã xếp thứ tự sẵn, nhan đề là Ưc-Trai Thi Tập. Thế là may, còn lại ít nhiều, chỉ tiếc là không được đủ cả.

Học của tiên sinh là học ở gia đình. Nhưng phần tinh vi, sâu sắc, bao quát đại thể, là ở mình. Chính vì thế, mà không đề tâm đến văn chương, cứ nói ra là văn chương, thể thức y như thời cổ Bình sinh, ngâm vịnh, càng cùng càng thấy kiên, càng già càng thấy tráng. Các bậc tiền bối có bàn rằng, tiên sinh không bao giờ lãng quên hai chữ quân thân, mỗi bài là mỗi thấy.

Khi tiếm ăn thì chăm nuôi, khi hiển hiện thì tác dụng. Ăn thì như không thấy gì, làm thì thành công lớn. Vậy đâu có phải là lợi dụng vết trước, thi thố ra để cầu may, được thành công chẳng.

Than ôi, trong giới đất, có gì lớn hơn văn chương, mà đâu có phải là riêng một loại văn chương nào. Tuy nhiên, loại văn kinh bang tế thế, thường không có nhiều, không nên để mặc cho tiêu diệt như loại dăm thư Tắt-Viên (Trang Chu),

Tự cho là cái lời không nói ra, cho nên không thấy được lời đáng nói. Tự cho là cái dụng vô dụng cho nên không thấy được cái có thể dụng, phạm nhân gian đều quen như thế cả. Dù người tâm hay thay đổi, thì cũng không suy xét thay đổi, không nhận định hành vi, cử chỉ, thế nào là đức phận, quân tử.

Vinh tôi, từ khi ít tuổi, được nghe đại khái huấn nghiệp tiên sinh, cũng biết vui mà ghi nhớ. Đến khi đọc Sử, thì kính cần, trầm ngâm, suy đoán, thường tiếc là không được đọc toàn văn. Rồi riêng than rằng, ta nhận được nhiều bài văn, cứ khảo cứu đi. Thế là được vài chục bài thơ, một bài phú. Văn ân hận là còn không đủ. Vậy có phải là nơi nào ra vật, thì vật đó tới đâu. Mới biết việc khó thật.

Mùa xuân năm giáp ngọ, cùng bạn đồng môn, Dương Gia Bình, được gặp Dương tiên sinh tại nhà, tay đưa cho tôi tập văn,

rồi ân cần bảo tôi viết tựa. Ít bữa, lúc tiễn đưa, có nói : Quyết không để cho Công bị lãng quên, không ai biết tới.

Mùa đông năm bính thân, lại được gặp, đưa cho coi tập biên chép thứ tự, rõ ràng, so với trước thấy rõ công phu. Có nói : đây chép đủ xin ông nhớ lời hẹn. Thế là họ Dương trước đã cất giữ, nay lại được toàn thê. Chính như có đất Lam Điền mới sinh được ngọc tốt, có xứ Động Đình mới phát được nhạc hay, chứ đâu phải sức người sản xuất được. Thế mới biết : Công của Tiên Sinh bền cùng sông Lô núi Tản không đợi có lời văn mà cứ được truyền. Còn văn thì hễ được đúng đạo là không cần được tán tụng mà cứ hiển dương. Tuy nhiên, không dám không có một lời: Tôi trước sao sau vậy. Khi chưa được thì ân hận, khi đã được thì vui mừng.

Vinh tôi đây, tuy bị lậu, cũng mong có mấy câu để tả tình riêng hằng kính phục. Kinh Thi có nói : Ngừng trông đức cao, công lớn. Tôi đi theo hàng quân tử, chả nói là Tiên Sinh Ưc-Trai thì còn ai.

Hậu học *Dương đình Ngô Thế Vinh*

Niên hiệu Minh Mệnh năm thứ 6, Đinh Dậu, Xuân

Bái thư tại Trúc - Đường



QUYỀN I
ỨC TRAI THI TẬP

我，得公其實夫功卓之紀彼表攻之矣容立，義文者拙而，諸彼創
 者人宋張以是，，之明地，之言道昭不其拚仁則生自志也勃，而。
 是古，貞各，朽正世宋川年人不昭集觀可然然先不之滅語考幸惑
 若觀黎文而國不之經自山十東策功遺，不隱，如輒拾泯封參不之
 ，還昌公功持以反謂蓋其數于大十之生也殆，後呼子收而朝備之俗
 世嘗公朱之道遂世非，夷者立歆其生先問灝論傳鳴小尹得歷足年世
 行也韓得赫正文亂又功貸仲獨首使先知棘而志而，，楊可，端晚滋
 以還得越赫術其撥，之其得傑起卒，則斷誠之世哉歟成不外卷生使
 可其唐我無端故用後濟漁不豪生，我，煙，朝垂觀也以終記存先母
 後生，於皆異，之于開人而雄先心之掩沉迂立以其世蓋，史具惜之
 然先川，者開世義被生其，英，攻歸可之不，足二名，氣狀，，削
 ，齋廣叔子，萬仁澤先奴怨謂哉言而不付而命尤可之言之行論者特
 世抑相永君義於操，，民自在言挈之字切語旨豈越以然生評報，
 經獻董公數仁功有辰耶也然日安善，功復議之之業皇黎灝先志蛇說
 足文得陽甫明陰苟于者交神平，而土夫紙奉師德事我復信夫譜謂此
 文越漢歐升學有然加平吞，其者城人，片朝行遺章其，深若家所為

靜能阮學後

春己癸卯年四月十命明

堂花梅于書

Tố-văn, NGUYỄN-HÀU ỨC-TRAI Tiên-sinh

Thi Văn tập Tự

Văn túc kinh thế, nhiên hậu khả dĩ hành thế. Nhược thị giả ngã Việt văn hiến, Ức-Trai tiên sinh, kỳ tuyển dã. Thường hà quan cổ nhân, Hán đặc Đồng Tướng Quảng-Xuyên, Đường đặc Hàn Công, Xương-Lê, Tống đặc Âu Dương Công, Vĩnh-Thúc. U' ngã Việt đặc Chu Công Văn-Trình, Trương Công, Thăng phủ. Sở quân tử giả, giai vô hách hách chi công, nhi các dĩ kỳ học minh nhân nghĩa, tịch dị đoan, vệ chính đạo, trị quốc. Thị thực hữu âm công ư vạn thế. Cổ kỳ văn tuy dĩ bất hủ. Phù nhiên, cầu hữu thao nhân nghĩa chi dụng, bát loạn thế, phản chi chính, công gia vu thời, trạch bị vu hậu, hựu phi vị kinh thế chi trách trách giả gia. Tiên sinh khai tế chu công, cái tự Tống Minh Chi thôn Giao dã. Nô kỳ nhân, ngư kỳ hóa, Di kỳ sơn xuyên địa kỷ. Thần nộ dân oán. Uất nhi bất đắc thân giả, sở thập niên. Bĩ kỳ bình nhật, tự vị anh hùng hào kiệt, độc tại vu chúng nhân chi biểu giả, an tại tại! Tiên sinh khởi, thủ hiến đại sách. Bất ngôn công thành, nhi thiện ngôn công tâm. Tốt sử kỳ thập ngũ đạo chi nhân thổ, khiết nhi quy chi ngã. Tiên sinh chi công chiêu chiêu hỹ. Phù, công chi bất khả yếm, tắc tri Tiên sinh di tập bất dung phiến chỉ, chích tự, phó chi trầm yên, đoạn cực gian dã. Quan kỳ lập triều tấu nghị ư thiết nhi bất vu, thành nhi hạo đãi bất khả yếm, hành sự chi cáo mệnh, lập triều chi chí luận, ần nhiên nhân nghĩa đạo đức chi chỉ, vuư túc dĩ thù thế nhi truyền hậu. Nhiên tắc văn chương, sự nghiệp khởi khả nhị kỳ quan tai. Ô hô, như Tiên sinh giả, kỳ ngã Hoàng Việt chi danh

thế dã dư. Tiểu tử chiếp bất tự sù. Phục hệ dĩ ngôn, cái dĩ thành Dương Doãn thu thập chi chi. Nhi thâm tín hạo nhiên chi khi, chung bất khả đắc nhi dẫn diệt dã. Nhược phù, Tiên sinh hàng trang, sử ký ngoại, lịch triều phong cáo sắc, chư gia phả chí bình luận cụ tồn quyền đoan, tục bị tham khảo. Bĩ sở vị xá báo giả, tích Tiên sinh văn niên chi bất hạnh, nhi sáng vi thử thuyết đặc tước chi, vô sử tư thế tục chi hoặc.

Hậu học NGUYỄN NĂNG TĨNH

Minh Mệnh Thập tứ niên, Quý tỵ, xuân

Thư vu Mai Hoa Đường



BÀI TỰA TẬP THI VĂN **của** **TẾ VĂN, NGUYỄN HẦU ƯC TRAI TIÊN SINH.**

Văn có đủ sửa trị đời thì mới truyền cho đời được. Cứ như thế, thì trong một nước văn hiến, như nước Việt ta, đã có Ưc-Trai Tiên sinh. Xét coi cở nhân, thì ở nước Tàu, đời Hán có Đồng Tướng Quảng Châu, đời Đường có Hàn Công, Xương Lê, đời Tống có Âu Dương Công, Vĩnh Thúc. Ở nước Việt ta, có Chu Công, Văn Trinh. (1) Trương Công, Thăng Phủ. (2) Vài bậc quân tử đó, hyên công không có tính cách hách hách lừng lẫy, mà đều là học giả, đem nhân nghĩa để trừ bỏ các mối ngờ, để giúp đường chính, để giữ nước, vì thế có âm công tới muôn đời, vì thế văn chương không mất được. Vậy cho nên, nếu như đem dùng nhân nghĩa, dẹp loạn cho đời trở lại chính, nên công trong một thời, ảnh hưởng cho đời sau, như thế chính là văn sửa, trị đời rất mạnh mẽ.

Tiên sinh có công khai sáng. Xét khoảng đời Tống, đời Minh nước Tàu, cứ muốn thôn tính, cướp lấy dân để sai, cướp lấy của để tiêu, thay đổi non sông, bờ cõi. Thần giận, dân oán. Uất hận không phát tiết được trong mười năm. Bọn này thường vẫn tự khoe là anh hùng, hào kiệt, đứng đầu dân chúng, nay chả thấy tăm hơi. Tiên sinh đầu tiên hiển kế sách lớn,

CHÚ THÍCH. (1) Chu-An danh pho đời Trần, hiệu Tiều Ân, mất năm 1370 được vua ban tên thụy là Văn-Trinh

(2) Trương Hán Siêu, tự Thăng Phủ, làm quan đời Trần mất năm 1354.

không kể đến việc đánh chiếm thành trì, mà bàn thiết tha việc thu lòng dân. Cuối cùng, khiến cho mười lăm đạo dân quân, đất nước đứng dậy, quay đầu về ta, công Tiên sinh rõ rệt, sáng lạn. Xét huân công mà đã không che đậy được, thì biết, di tập của Tiên sinh, một tờ giấy, một chữ viết, không thể mai một trong sự lãng quên được. Coi như các lời tâu bản giữa triều, thiết thực mà không vu khoát, thành mà rõ, sao có thể bỏ được. Các cáo mệnh, khi xuất quân, các nghị luận ở triều đình, đều bao hàm nhân nghĩa đạo đức. Thế là đủ giúp đời và truyền về sau. Thế thì văn chương, với sự nghiệp đâu có tách đôi ra để nhận xét riêng biệt. Cho hay, như Tiên sinh, ở nước Hoàng Việt ta, thật là hạng Danh Thế.

Tiêu tử không tự lượng, lại bàn tới, chỉ là để hoàn thành cái chí của Dương Doãn đã thu thập tài liệu, mà cũng rất tin ở cái khí hào nhiên, không khi nào tản mất được. Xét như hành trang của Tiên sinh, ngoài sử ký đã có cáo sắc, phong lộng của các triều đại, cùng lời bình luận trong gia phả nhiều nhà, để cho đầy đủ, nhất là về việc khảo cứu. Còn như chuyện rắn bảo thù là không may đã được đặt ra khi Tiên sinh cao tuổi. Riêng chuyện đó bỏ đi không đề hoặc chúng được.

Hậu học NGUYỄN NĂNG TĨNH

Minh Mệnh năm thứ 14. Quý tỵ xuân.

Viết tại Mai Hoa Đường



序

先有山士兵既量并之
 鄉，祀遇霜者揣語世
 吾傳郊，風散自勅侯
 叙命北其其不誌以
 矣家詞南惜恐，傳，
 年諸中歷，惟散譜談
 有於軍遊之，易家名
 之見範常有矣又記一也
 聚散遺恭或幾者史中否
 而堂。間無聚擇旦乎
 之文玉作問者而兼月取
 之志等麓聚，集為有
 好公地記遺，聚成，或
 也齊，義以後復以端，
 編抑集大輒之可案簡好
 是生詩陵夫火不，之同

秋 仲 辰 戊 年 壹 拾 貳 德 嗣
 拜 恭 伯 楊 亭 尺 學 後

Tự

PHIÊN ÂM

Thị biên dã, hiếu chi nhi tự chi hữu niên hỹ. Ngô hương, Tiên sinh, ỨC TRAI CÔNG chi văn, tân kiến ư chư gia tự truyện. Hữu.Thi-tập, Địa-chí, Ngọc-đường di phạm, Quân trung từ mệnh, Giao-Tự, Sơn-Lăng đại nghĩa Ký, đẳng tác.

Cung, thường du lịch nam bắc, ngộ sĩ phu, triếp dĩ di lục vấn. Giác hoặc hữu chi. Tích kỳ phong sương, bình hỏa chi hậu, tu giả vô kỷ hỹ. Duy khùng kỳ tán giả ký bất khả phục tu, nhi tự giả hựu di tán. Bất tự suy lượng, vưng dĩ thành tập. Kiềm thái : Sử-ký, Gia-phả, Truyện-chí, Sắc, Cáo, tịnh chi giản đoan, vi nguyệt đán trung nhất danh đàm. Dĩ sĩ thế chi đồng hiếu. Hoặc hữu thủ hồ phủ dã.

Tự Đức Nhị thập nhất niên, mậu thìn, Thu trọng.

Hậu học. Cấn Đình, Dương bá Cung, bài.

DỊCH NGHĨA.

Quyển này, vì thích văn, thu thập lại, kể hàng năm. Văn của Tiên sinh ỨC TRAI CÔNG, người làng ta, thấy chép ở gia phả nhiều nhà. Như Thi tập, Địa chí, Ngọc đường di phạm, Quân trung từ mệnh, Giao Tự, Sơn-Lăng đại nghĩa Ký.

Cung tôi, thường du lịch trong nam ngoài bắc, hề gặp sĩ phu là tìm hỏi, kê cứu, gián hoặc cũng có. Tiếc rằng, sau chiến tranh loạn lạc, không gom góp được mấy. Rồi lại sợ : tán thì đã không thể tụ lại được, mà tụ thì lại dễ tán. Tôi không tự lượng, có hợp lại thành tập, phụ lục thì lấy trong sử ký, trong nhiều gia phả, trong cáo sắc, để cho rõ việc. Cũng là muốn thêm vào một chuyện trong mục luận đàm. Đợi có người cùng sở thích và bình luận.

Tự Đức, năm thứ Hai mươi mốt. Mậu thìn, tháng tám.

Hậu học CẤN ĐÌNH, DƯƠNG BÁ CUNG BÀI



抑齋詩集 卷之一

詩類 (附歌一則, 賦一則)

(按藝文誌云 : 先生詩集三卷, 洪德問陳了儉編次。今考精選越音全越詩集, 見存一百十篇類為一卷)

PHIÊN ÂM.

ỨC TRAI THI TẬP

Quyển chi nhất.

Thi loại. (Phụ : Ca nhất tắc, Phú nhất tắc).

(Ắn Nghệ Văn Chí vãn : Tiên sinh Thi tập tam quyển, Hồng Đức gian, Trần Khắc Kiệm biên thứ. Kim khảo Tinh Tuyển Việt Âm Toàn Việt Thi Tập, kiến tồn nhất bách thập thiên, loại vì nhất quyển.

DỊCH NGHĨA.

ỨC TRAI THI TẬP.

Quyển một.

Thi loại. (Một bài Ca. Mọi bài Phú).

(Xét trong quyển Nghệ văn Chí, có đoạn : Ba quyển Tập Thơ của Tiên sinh, trong khoảng niên hiệu Hồng Đức, Trần Khắc Kiệm có biên chép thứ tự. Nay coi trong quyển Tinh Tuyển Việt Âm Toàn Việt Thi Tập, thấy còn 110 bài, xếp làm một quyển).



1.— 遊 山 寺 (五 言 律)

短	棹	繫	斜	陽
匆	匆	謁	上	方
雲	歸	禪	榻	冷
花	落	澗	流	香
日	暮	猿	聲	急
山	空	竹	影	長
筍	中	真	有	意
欲	語	忽	還	忘

Phiên âm

DU SƠN TỰ (Ngũ ngôn luật)

Đoàn trạo hệ tà dương.
 Thông thông yết thượng phương.
 Vân quy thiền tháp lãnh.
 Hoa lạc giản lưu hương.
 Nhật mộ viên thanh cấp.
 Sơn không trúc ảnh trường.
 Cá trung chân hữu ý,
 Dục ngữ hốt hoàn vương.

Dịch nghĩa

ĐI THĂM CHÙA TRÊN NÚI (Ngũ ngôn luật)

Thuyền nhỏ ánh xiên quai.
 Chùa non chóng tới nơi.
 Mây về hơi chiếu lạnh.
 Suối ngát hương hoa rơi.
 Vượn tối tiếng kêu gấp.
 Trúc cao bóng ngã dài.
 Cảnh trông như có ý,
 Muốn nói, bỗng quên nhời.



2. — 行 江

西	津	初	鷺	掉
風	景	便	江	湖
雨	過	山	容	瘦
天	長	鴈	影	孤
蒼	浪	何	處	是
漁	釣	好	爲	徒
回	首	東	華	地
塵	埃	覺	已	無

Phiên âm

GIANG HÀNH

Tây tân sơn nghĩ trạo
 Phong cảnh tiền giang hồ,
 Vũ quá sơn dung sấu
 Thiên trường nhận ảnh cô.
 Thương Lương hà xư thị
 Ngư điệu hảo vi đồ
 Hồi thủ Đông Hoa địa
 Trần ai giác dĩ vô.

Dịch nghĩa

THUYỀN ĐI TRONG SÔNG

Bên tây mới chèo tới,
 Cảnh dực chí tang bồng,
 Mưa giội trơ sườn núi,
 Giời dài rõ cánh hồng
 Thương Lương (1) chưa biết tới,
 Ngư điệu tạm chơi cùng,
 Ngoảnh lại Đông Hoa cũ,
 Bụi trần thoáng thấy không



3.— 聽 雨

寂	寞	幽	齋	裏
終	宵	聽	雨	聲
蕭	騷	驚	客	枕
點	滴	數	殘	更
隔	竹	敲	窗	密
和	鐘	入	夢	清
吟	餘	渾	不	寐
斷	續	到	天	明

Phiên âm

THÍNH VŨ

Tịch mệnh u trai lý
 Chung tiêu thính vũ thanh
 Tiêu tao kinh khách chầm,
 Diêm trích sở tàn canh.
 Cách trúc xao song mật,
 Hòa chung nhập mộng thanh.
 Ngâm dư hồn bất寐,
 Đoạn tục, đáo thiên minh.

Dịch nghĩa.

NGHE MƯA ĐÊM

Hiu quạnh thư trai vắng,
 Suốt đêm lắng giọt tranh.
 Tiêu điều khách tựa gối,
 Thánh thốt diêm tàn canh.
 Trúc mọc, song như kín,
 Chuông hồi, mộng chẳng thành.
 Ngâm rồi, mắt cứ tỉnh,
 Thức ngủ tới bình minh



4.— 贈 友 人

賈 病 予 憐 汝
疎 狂 汝 似 余
同 爲 千 里 客
俱 讀 數 行 書
護 落 知 何 用
栖 遲 諒 有 餘
他 年 藥 釣
短 笠 荷 鋤

(釣 一 本 作 約 莊 子 護 落 無 所 容)

Phiên âm

TẶNG HỮU NHÂN

Phụ bệnh dư lân nhữ,
Sơ cuồng nhữ tự dư.
Đồng vi thiên lý khách,
Cầu độc sở hàng thư.
Hộ lạc tri hà dụng,
Thê tri, lượng hữu dư.
Tha niên Nhị Khê điều,
Đoản lạc hà xuân sừ.

(Điều, nhất bản tác ước. Trang Tử, Hộ lạc vô sở dụng)

Dịch nghĩa

TẶNG BẠN

Đương bệnh, nghi thương bác,
Lần thần, tính giống nhau.
Đã làm người đất khách,
Cùng đọc thư mấy câu.
Giúp, bỏ, là như thế,
Ở, đi, đoán đã lâu.
Ngày kia, câu bến Nhị, (1)
Cây cước, lại cùng nhau.

(Chữ điều, có bản chép là ước. Trang Tử có nói: Dù hộ, dù lạc, chẳng ai dụng)

CHÚ THÍCH : (1) Nhị là Nhị-Khê

5.— 浴 翠 山

(山 在 安 慶 正 大 社 又 名 水 山 張 漢 超 改
稱 浴 翠 晚 年 移 居 于 此 嘗 有 詩 刻 于 石)

海 口 有 仙 山
年 前 屢 往 還
蓮 花 浮 水 上
仙 境 墜 人 間
塔 境 簪 青 玉
波 光 影 翠 鬟
有 懷 張 少 保
碑 刻 蘇 花 斑

Phiên âm

DỤC THỦY SƠN

(Sơn tại An Khánh. Chính Đại xã. Hựu danh Thủy sơn.
Trương Hán Siêu cải xưng Dục Thủy. Văn niên di cư vu thử.
Thường hữu thi khắc vu thạch).

*Hải khẩu hữu tiên sơn
Niên tiền lữ vãng hoàn
Liên hoa phù thủy thượng
Tiên cảnh trụ nhân gian.
Tháp ảnh trâm thanh ngọc
Ba quang kính thủy hoàn.
Hữu hoài Trương Thiệu Bảo,
Bi khắc tiền hoa ban.*

Dịch nghĩa

NÚI DỤC THỦY

Núi ở Phú An Khánh, xã Chính Đại. Lại có tên là Thủy Sơn.
Trương Hán Siêu đổi làm Dục Thủy. Về già di cư tới đó. Thường
có thơ khắc vào đá).

Cửa bề núi trông ra,
Đường đi năm ngoải qua.
Liên hoa trên mặt nước,
Tiên cảnh chốn người ta.
Trâm ngọc, tháp lồng lộng,
Tóc xanh, sóng thướt tha.
Nhớ xưa Trương Thiếu Bảo, (1)
Bia chữ, nét như hoa.



6. 題伯牙鼓琴圖 (七言絕)

鐘期不作鑄金難。
 獨抱瑤琴對月彈。
 靜夜碧宵涼似水
 一聲鶴唳九寒

(金唐詩集唐僧詩：安能得黃金鍾作
 鍾子期)

Phiên Âm.

ĐỀ BÁ NHA CỔ CẦM ĐỒ (Thất ngôn tuyệt)

*Chung Kỳ bất tác, chủ kim nan.
 Độc bảo dao cầm, đối nguyệt đàn.
 Tĩnh dạ bạch tiêu lương tự thủy,
 Nhất thanh hạc lệ, cửu cao hàn.*

(Toàn Đường Thi tập, Đường Tăng thi, An năng đắc hoàng kim, Chủ tác Chung Tử Kỳ).

Dịch Nghĩa.

ĐỀ BỨC TRANH, BÁ NHA GÂY ĐÀN

*Đúc tượng Chung Kỳ, khó có vàng.
 Dưới giăng lặn dạo bực cung thương.
 Đêm thanh vắng vẻ gờ mây nước,
 Dưới chín tầng cao, tiếng hạc vang.*

(Trong tập Kim Đường Thi, tập thơ Đường Tăng: Làm sao có được vàng, Đúc tượng Chung Tử Kỳ).



7.— 夢 山 中

清 虛 洞 裡 竹 千 竿
 飛 瀑 霏 霏 落 鏡 寒
 昨 夜 月 明 天 似 水
 夢 騎 黃 鶴 上 仙 壇

Phiên âm

MỘNG SƠN TRUNG

*Thanh hư động lý trúc thiên can,
 Phi bộc phi phi lạc kính hàn.
 Tạc dạ nguyệt minh thiên tự thủy,
 Mộng kỳ hoàng hạc thượng tiên đàn.*

Dịch nghĩa

MỘNG TRONG NÚI

*Thanh Hư trong động trúc hàng ngàn.
 Nước thác mờ gương khí lạnh hơn.
 Đêm trước giăng trong, giờ lẫn nước.
 Mơ màng cưỡi hạc tới tiên sơn.*



8.— 題 雲 窩

半 簾 花 影 滿 床 書
庭 外 蒼 蒼 水 竹 居
盡 日 雲 鬟 無 箇 事
黑 甜 一 枕 半 窗 虛

Phiên âm

ĐỀ VÂN OA

*Bán liêm hoa ảnh mãn sàng thư.
Đình ngoại tiêu tiêu thủy trúc cư.
Tận nhật vân oa vô cá sự,
Hắc điềm nhất chẩm bán song hư.*

Dịch nghĩa

ĐỀ NHÀ VÂN OA

*Đây giường kinh, truyện, nửa rèm hoa.
Khóm trúc ngoài sân đáng thướt tha.
Sớm tối Vân Oa không có việc,
Quạnh hiu giấc điệp, ngỏ song chờ.*



9.— 偶 成

世 上 黃 梁 一 夢 餘
覺 來 萬 事 總 成 虛
如 今 只 愛 山 中 住
結 屋 花 邊 讀 舊 書

Phiên âm

NGẪU THÀNH.

*Thế thượng hoàng lương nhất mộng dư.
Giác lai vạn sự tổng thành hư.
Như kim chỉ ái sơn trung trú,
Kết ốc hoa biên, đọc cựu thư.*

Dịch nghĩa

NGẪU THÀNH.

*Cõi tục hoàng-lương giấc mộng thừa.
Tỉnh ra muôn việc vốn Không, Hư.
Ngày nay chỉ thích non xanh vắng,
Mái cỏ bên hoa đọc sách xưa.*



10.— 寨頭春渡
 渡頭春草綠如烟
 春雨添來月拍天
 野徑荒涼行客少
 孤舟鎮日攔沙眠

Phiên âm

TRẠI ĐẦU XUÂN ĐỘ

*Độ Đầu xuân thảo tục như yên,
 Xuân vũ thêm lai nguyệt phách thiên,
 Dĩ kính hoang lương hành khách thiểu,
 Cô chu trấn nhật các sa miên*

Dịch nghĩa

QUA ĐÒ BẾN ĐẦU

MÙA XUÂN, THUYỀN QUA BẾN ĐẦU

*Bến Đầu cỏ biếc khói xuân lồng,
 Mưa bụi giăng treo, bóng trập trùng,
 Hoang dậm đồng quê đường vắng khách,
 Hàng ngày gác mái, ngủ bên sông,*



11. — 暮春即事.

爾雅苦棟三月開花芳香滿庭)
 閑中盡日閑書齋。
 門外全無俗客來
 杜宇聲中春向老
 一庭疎雨棟花開

Phiên Âm.

MỘ XUÂN TỨC SỰ.

(Nhĩ Nhã, Khô luyện tam nguyệt khai hoa, phương hương
 mãn đình),

*Nhàn trung tận nhật bế thư trai.
 Môn ngoai toàn vô tục khách lai.
 Đổ vũ thanh trung xuân hương lão,
 Nhất đình sơ vũ luyện hoa khai.*

Dịch Nghĩa.

CUỐI XUÂN TỨC SỰ.

(Sách Nhĩ Nhã, Khô luyện, tháng ba hoa nở, hương thơm
 đầy sân).

*Hết ngày nhàn hạ khép thư-trai.
 Khách khứa ra vào chẳng thấy ai.
 Nghe tiếng quên kêu xuân sắp cuối,
 Được mưa, hoa luyện nở sân ngoài.*



12.— 村 舍 秋 砧
 滿 江 何 處 驚 東 丁
 夜 月 偏 驚 久 客 情
 一 種 蒼 間 征 婦 怨
 總 將 離 恨 入 秋 聲

Phiên âm

THÔN XÁ THU CHÂM

*Mãn giang hà xứ hưởng đông đình
 Dạ nguyệt thiên kinh cửu khách tình.
 Nhất chủng Tiêu-Quan chinh-phụ oán.
 Tổng tương ly hận nhập thu thanh.*

Dịch nghĩa

NƠI XÓM TRỢ, NGHE TIẾNG NỆN VẢI.

*Dọc sông đập vải, tiếng đêm thanh,
 Đêm sáng tha hương, thắc mắc tình.
 Nghĩ cảnh Tiêu-Quan chinh-phụ oán
 Bao nhiêu sầu hận tới thu sinh.*



13.— 晚 立

長	天	漠	漠	水	悠	悠
黃	路	山	河	屬	暮	秋
羨	殺	花	邊	雙	白	鳥
人	間	果	不	到	滄	洲

Phiên âm

VĂN LẬP.

Trường Thiên mạc mạc thủy du du.

Hoàng Lộ sơn hà thuộc mộ thu.

. Tiễn sát hoa biên song bạch điều,

Nhân gian lữ bất đáo Thương Châu.

Dịch nghĩa

ĐỪNG NGẮM CẢNH BUỔI CHIỀU.

Giời cao thăm thăm nước về đâu.

Hoàng Lộ (1) non sông tiết cuối thu.

Trông thấy bên sông đôi bạch điều,

Mấy ai đã được tới Thương Châu. (2)



CHÚ THÍCH: (1) một thứ cỏ thơm,

(2) Thường chỉ nơi ở của kẻ ăn dật

14.— 采石懷古

采石曾聞李謫仙
 騎鯨飛去已多年
 此江若變為春酒
 只恐波心尚醉眠

Phiên âm.

THÁI THẠCH HOÀI CỐ

*Thái Thạch từng văn Lý Trích Tiên,
 Kỵ kình phi khứ dĩ đa niên.
 Thử giang nhược biến vi xuân tửu,
 Chỉ khủng ba tâm thượng túy miên.*

Dịch nghĩa.

THÁI THẠCH HOÀI CỐ

*Thái Thạch (1) hằng nghe chuyện Trích Tiên.
 Cưỡi kình bao thừa thắng bay lên.
 Giòng xuân như biến thành sông rượu,
 Ngại thấy ông say vẫn cứ nguyên.*



CHÚ THÍCH : (1) Thái Thạch là quãng sông xưa Trích Tiên nhảy xuống ôm giăng.

15.— 藍 關 懷 古。

行 盡 千 山 與 萬 山
朔 風 吹 起 滿 藍 關
君 王 曾 此 思 患 諫
瘴 母 遙 觀 匹 馬 還

Phiên âm

LAM QUAN HOÀI CỐ

*Hành tân thiên sơn dữ vạn sơn.
Sóc phong xuy khởi mãn Lam Quan (1)
Quân vương tăng thử tư trung gián,
Chương mẫu dao quan sắt mã hoàn.*

Dịch nghĩa

LAM QUAN HOÀI CỐ

*Nghìn non vượt khỏi, lại muôn trùng
Khắp ải Lam Quan (1), gió bắc lồng
Can gián lời ngay, vua xét đến,
Xa nơi lam chướng, ngựa về đông.*



(1) CHÚ THÍCH : Lam Quan, một cửa ải quan trọng ở tây bắc nước Tàu.

16.— 韶 州 即 事

春庭花落雨
 陰晴三月三
 水上行人門
 外柳數聲啼
 鳥似江南

Phiên âm

THIỆU CHÂU TỨC SỰ

*Xuân đình hoa lạc vũ tam tam.
 Thiên ý Thanh Minh tam nguyệt tam.
 Thủy thượng hành nhân môn ngoại liễu.
 Sồ thanh đề điều tự Giang Nam.*

Dịch nghĩa

THIỆU CHÂU (1) TỨC SỰ

*Ngoài sân hoa rụng hạt mưa rơi.
 Gập tiết Thanh Minh biết ý trời.
 Bến nước đường đi, từng giấy liễu.
 Giang Nam chim hót tường cùng nợi.*



CHÚ THÍCH: (1) Thiệu Châu, ở phía nam nước Tàu, nay ở vào tỉnh Quảng Đông.

17.— 題南華禪房

(南 華 在 華 州)
 半 生 丘 壑 便 幽 棲
 禪 榻 分 明 聽 鳥 啼
 萬 里 南 來 山 水 遠
 一 生 能 幾 過 潛 溪

Phiên âm..

ĐỀ NAM HOA THIỀN PHÒNG

(Nam Hoa tại Thiền Châu).

Bán sinh khuru hác tiện u thê.

Thiền tháp phân minh thính điều đề.

Vạn lý nam lai sơn thủy viễn,

Nhất sinh năng kỷ quá Tào Khê.

Dịch nghĩa.-

VỊNH ĐỀ BUỒNG CHÙA NAM HOA

(Chùa Nam Hoa ở Thiền Châu).

Nửa đời ẩn dật sẵn hang sâu.

Vang động gian chùa tiếng nhận kêu.

Muôn dặm từ nam non nước thăm

Một đời mấy bận tới khe Tào



18.— 靖 安 晚 立.

淡 烟 疎 雨 晚 模 湖
 水 色 天 光 半 有 無
 萬 口 乾 坤 清 景 致
 海 山 爲 我 出 新 圖

Phiên âm

TĨNH AN VẪN LẬP

*Đạm yên sơ vũ vãn mô hồ.
 Thủy sắc thiên quang bán hữu vô.
 Vạn khẩu càn khôn thanh cảnh chí,
 Hải sơn vị ngã xuất tân đồ.*

Dịch nghĩa

ĐỪNG NGẮM CẢNH BUỔI CHIỀU Ở TĨNH AN (G)

*Mưa bay mây nhạt, ánh lô nhô,
 Giời nước chiều hôm lẫn mịt mù.
 Muôn thừa đất giời phong cảnh sẵn,
 Vì ta non nước đòi thay trò.*



19. 題山鳥呼人圖

深	山	寂	寂	鳥	呼	人
畫	裏	看	來	亦	通	真
閒	掛	午	窗	朝	退	日
夢	回	疑	是	故	園	春

Phiên âm

ĐỀ SƠN ĐIỀU HỒ NHÂN ĐỒ

*Thâm sơn tịch tịch điều hồ nhân,**Họa lý khan lai diệc bức chân.**Nhân quải ngộ song triều thoái nhật,**Mộng hồi nghi thị cổ viên xuân.*

Dịch nghĩa

ĐỀ VÀO BỨC TRANH «CHIM NÚI GỌI NGƯỜI»

*Non xanh êm ái «điều hồ nhân».**Bức họa trông ra đã hóa chân.**Cửa sổ treo bên khi tựa nghỉ,**Tưởng như nhà cũ cảnh vườn xuân.*

20. 題東山寺。

(寺在東朝永建社有含龍寺安南志溪
木山亦在伊社有靈鹿寺玉清館下有
霹靂池四時不竭)。

君親一念久嬰懷
澗愧林慚夙願乖
三十餘年塵境夢
數聲啼鳥喚初回

Phiên âm

ĐỀ ĐÔNG SƠN TỰ

(Tự tại Đông Triều, Vĩnh Lũ xã, hữu Hàm Long tự. An Nam Chí, Khê Thủy Sơn diệc tại y xã. Hữu Linh Lộc tự. Ngọc Thanh quán. Hạ Hữu Tích Lịch trì, tứ thời bất kiệt).

Quán thân nhất niệm cứu anh hoai.

Giản quý, lâm tâm, túc nguyện quai.

Tam thập dư niên, trần cảnh mộng,

Sồ thanh đề điều hoán sơ hồi.

Dịch nghĩa

ĐỀ CHÙA ĐÔNG SƠN

(Chùa ở Đông Triều, xã Vĩnh Lũ, còn có chùa Hàm Long Theo sách An Nam Chí, Khê, suối, núi đều ở xã đó. Có chùa Linh Lộc, có quán Ngọc Thanh, phía dưới có ao Tích Lịch, bốn mùa không cạn).

Quán, thân lo nghĩ những bao giờ.

Suối thẹn, rừng e, chẳng đợi chờ.

Ba chục năm giờ đều mộng ảo,

Chim kêu vài tiếng vẫn như xưa.



21. 寄友 (七言律)

亂	後	親	朋	落	葉	空
天	邊	書	信	斷	秋	鴻
故	園	歸	夢	三	更	雨
旅	社	吟	懷	四	壁	螢
杜	老	何	曾	忘	渭	北
管	寧	猶	自	客	遠	東
越	中	故	舊	如	相	問
爲	道	生	涯	似	轉	蓬

Phiên âm

KÝ HỮU

Loạn hậu thân bằng, lạc diệp không.
 Thiên biên thư tín đoạn thu hồng.
 Cố viên quy mộng tam canh vũ,
 Lữ xá ngâm hoài, tứ bích cùng.
 Đỗ Lão hà tăng vong Vị Bắc,
 Quản Ninh do tự khách Liêu Đông.
 Việt trung cố cựu như tương vấn,
 Vị đạo sinh nhai tự chuyển bồng.

Dịch nghĩa

GỬI BẠN

Ly loạn cây rừng lá sạch không,
 Thân bằng gốc bèo bật tin hồng,
 Vườn quê mộng tới, mưa thêm nhớ,
 Quán trọ đêm nghe dễ gọi mong.
 Đỗ Lão (1) không đành quên Vị Bắc,
 Quản Ninh (2) vẫn nhận khách Liêu Đông.
 Việt trung quen thuộc như thăm hỏi,
 Xin đáp: sinh nhai tựa cỏ bồng.

Chú thích: (1) Người Thời Đường

(2) Người Thời Hán, Tuy tời tránh loạn tại đất Liêu-Đông, nhưng vẫn nhớ quê

22. 途中寄友

上國觀光萬里途
天涯屈指歲云徂
夢中水遠山還遠
別後書無雁亦無
客夜不眠千感集
清時誰料寸中孤
南州舊識如相問
報道今吾非故吾 (非一作亦)

Phiên âm

ĐỖ TRUNG KÝ HỮU

Thượng quốc quan quang vạn lý đồ.
Thiên nhai khuất chỉ tuế vân tồ.
Mộng trung thủy viễn sơn hoàn viễn,
Biệt hậu thư vô nhận diệp vô.
Khách dạ bất miên, thiên cảm tập,
Thanh thời, thù liễu thốn trung cô.
Nam Châu cựu thức như tương vấn,
Báo đạo kim ngô phi cổ ngô. (Phi, nhất tác diệp).

Dịch nghĩa

GIỮA ĐƯỜNG CÓ THƯ GỬI BẠN

Thượng quốc qua thăm cách vạn trùng,
Chân giờ tính đốt đã năm dòng.
Mơ màng cách núi, sông cùng cách,
Vắng vẻ thư không, nhận cũng không.
Đất khách, không yên luôn nghĩ ngại,
Thời bình đâu biết phải long đông.
Nam Châu quen thuộc như thăm hỏi,
Sau trước không còn một tấm lòng.

(Có bản chép : Sau trước như nhau vẫn một lòng).

23. 途中寄洮江何刺史程會憲
 洮江一別意悠悠
 杯酒論文憶舊遊
 東岸梅花晴映纜
 平灘月色遠隨舟
 程公世上無雙士
 何老朝第一清流
 鈴閣想應清話處
 天涯肯念故人愁

Phiên âm

ĐỒ TRUNG KỲ THAO GIANG HÀ THỨ SỬ
TRÌNH THIÊM HIẾN

*Thao Giang nhất biệt ý du du
 Bồi tuyền luận văn ức cựu du.
 Đông Ngạn mai hoa tình ánh lăm.
 Bình Than nguyệt sắc viễn tùy chu.
 Trình Công thể thượng vô song sĩ.
 Hà Lão triều trung đệ nhất lưu.
 Linh Các tướng ứng thanh thoại xứ.
 Thiên nhai khảng niệm cố nhân phù.*

Dịch nghĩa

ĐỌC ĐƯỜNG THƯ GỬI THAO GIANG HÀ THỨ SỬ
VÀ TRÌNH THIÊM HIẾN

*Thao Giang ly biệt nhớ liên miên.
 Cùng luận thơ văn nhớ chén tiên.
 Đông Ngạn hoa mai màu ánh mái.
 Bình Than giếng bạc lướt soi thuyền.
 Trình Công học-giới không ai sánh.
 Hà Lão triều đình đứng hạng trên.
 Linh các là nơi thanh bạch nhất.
 Cố nhân góc bể nhẽ đâu quên.*

24.- 雲 屯

(雲 屯 在 廣 安 。 安 南 志 云 : 雲 屯
 即 斷 山 在 雲 屯 縣 , 海 中 兩 山 對 峙 一
 水 中 李 通 時 瓜 運 羅 水 諸 泊 來 于 此 兩
 岸 販 買) 。

路 入 雲 屯 山 復 山
 天 快 地 設 付 奇 觀
 一 盤 藍 碧 澄 明 鏡
 萬 斛 鴉 青 髻 翠 鬟
 宇 宙 傾 清 塵 海 岳
 風 波 不 動 鉄 心 肝
 望 中 岸 草 萋 萋 綠
 道 是 落 人 駐 舶 灣

(髻 青 朵 兒 鬟 不 剪 也 , 鴉 當 作 螺 , 洞
 庭 君 山 望 如 髻 然 , 唐 詩 : 遙 望 洞 庭
 山 色 好 , 白 銀 盤 裡 一 青 螺 . 今 詩 串 用
 之 耳)

Phiên âm.-

VÂN ĐỒN.

(Vân Đồn, tại Quảng An, An Nam Chí vân : Vân Đồn tức Đoạn Sơn, tại Vân Đồn Huyện. Hải trung lưỡng sơn đối trĩ, nhất thủy trung thông. Lập Mộc sách trí Thủy môn. Dân gia liệt cư-lưỡng ngân. Lý thời, Qua Oa. Tiềm La chư tù, bạc lai vu thử, cồ trú. bán mãi). Lộ nhập Vân Đồn sơn phục sơn, Thiên khôi địa Thiết phó kỳ quan. Nhất bản lam bích trùng minh kính. Vạn học nha thanh đoá thủy hoàn. Vũ trụ đồn thanh trần hải nhạc. Phong ba bất động thiết tâm can. Vọng trung ngân thảo thê thê lục. Dao thị phiên nhân trú bạc loan,

Đóa âm đóa, nhì phát bắt tiền dã. Nha đương tác loa. Động Đỉnh Trung, Quân Sơn, vọng như kế nhiên, Đường thi : Dao vọng Động Đình sơn sắc hảo, Bạch ngân bàn lý nhất thanh loa, Kim Thi quán dụng chi nhĩ.

Dịch nghĩa.-
VÂN ĐỒN.

(Vân Đồn ở Quảng Yên, Theo sách An Nam Chí, Vân Đồn tức là Đoàn Sơn, ở huyện Vân Đồn. Có hai ngọn núi mọc sừng sững đối nhau, một giòng nước thông qua. Dân đóng cọc gỗ ở cửa sông, hai bên bờ, dựng nhà ở. Thời Lý, bọn người Chà Và, người Tiêm La, theo tù trưởng tới ở để đánh cá, buôn bán).

Đường tới Vân Đồn núi chập chùng.

Giời sinh, đất xếp, cảnh hào hùng.

Gương Phô, đã biếc mâm bằng phẳng

Rủ tóc non xanh dấu chắt chùng.

Phong cảnh đất gời bền giữ sắc.

Núi non sóng gió, chẳng sờn lòng,

Trên bờ cỏ mọc, màu xanh thắm,

Nghe nói nam man trước ở cùng.

(Chữ Đóa đọc là đóa, là tóc trẻ con chưa cắt. — Chữ Nha đáng nhẽ viết là Loa. Trước có câu thơ : Ở hồ Động Đình, có núi Quân Sơn, trông như mớ tóc. Trong Đường Thi thì có câu : Xa trông Động Đình màu núi đẹp, như ốc xanh giữa mâm bạc. Nay trong thơ dùng cả).



25 白藤海口

(在水崇縣爲閩河名勝第一華封安興
橫蒲一縣分處江左波濤藏天重山峙
立海門之東爲廣東欽州興去數百此里
分茅其將吸都) 是椿

朔風吹海氣凌凌
輕起吟帆過白藤
鯨斷鯨鰓割山曲
戈沉戰折岸曲層
閩河百二由天設
豪傑功名此地曾
往事回頭嗟已矣
臨流撫景意難勝

Phiên âm

BẠCH ĐẰNG HẢI KHẨU

(Tại Thủy Đường huyện, vì quan hà danh thắng đệ nhất.
Hoa Phong An Hưng, Hoàn Bồ, nhất huyện phân xứ. Giang tả
ba đào tế thiên trùng sơn trĩ lập. Hải môn chi đông vì Quảng
Đông, Khâm Châu, Khứ sở bách lý, thị phân Mao Lĩnh. Trần thời
Nguyên binh lai xâm, Hưng Đạo ư thử thực chàng, cầm kỳ tướng
Toa Đô).

Sốc phong xuy hải khí lãng lãng.
Kình khởi ngâm phàm quá Bạch Đằng.
Ngạc đoạn, kình khô, sơn khúc khúc,
Qua trầm, kích triết, ngạn tầng tầng.
Quan hà bách nhị, do thiên thiết,
Hào kiệt công danh thử địa tăng.
Vãng sự hồi đầu, ta dĩ hỹ,
Lâm lưu phủ cảnh ý nan thắng.

Dịch nghĩa

BẠCH ĐĂNG HẢI KHẦU

(Ở huyện Thủy Đường, thắng cảnh bậc nhất. Giáp ba huyện: Hoa Phong, An Hưng, Hoàng Bồ. Về phía hạ lưu, sóng nổi cao tới mây, núi dựng thẳng tới trời. Phía đông cửa bể, là Quảng Đông, Khâm Châu. Cách vài trăm dặm, là ngành núi Mao. Thời Trần, quân Nguyên tới xâm, Hưng Đạo cho cắm cọc ở đó, bắt được tướng là Toa Đô.

*Bạch Đăng thẳng tới cánh buồm giông,
Gió nhẹ thânh thang, mái lưới giồng.
Dãy núi trước sau kinh ngạc vắng,
Đốc bờ trên dưới cọc chông không.
Quan hà bách nhị do giới đặt,
Hào kiệt công danh, được đất, dùng.
Tướng nhớ chuyện xưa, thêm nghĩ ngợi,
Theo giồng ngắm cánh, ý vô cùng.*



26. 過海

(龍尾山在萬寧縣首據峻岸尾截海邊
位來舟楫阻風浪者多)

撥	盡	聞	愁	獨	倚	蓬
水	光	渺	渺	思	何	窮
松	林	地	斤	疆	南	北
龍	尾	山	橫	限	要	衝
義	氣	掃	空	千	陣	霧
壯	懷	呼	起	半	帆	風
扁	舟	美	我	朝	天	客
直	駕	鯨	鯢	跨	海	東

Phiên âm.

QUÁ HẢI

(Long Vĩ sơn tại Vạn Ninh huyện, thủ cứ tuần ngàn, vĩ tiết hải biên, vãng lai chu tiếp trở phong lãng giả đa).

*Bát tận nhân sâu, độc ý bông.
Thủy quang diều diều tư hà cùng.
Tùng Lâm địa xích cương nam bắc,
Long Vĩ sơn hoành hạn yếu xung.
Nghĩa khí tảo không thiên chương vụ.
Tráng hoai hô khởi bán phạm phong.
Biển chu tiến ngã triều thiên khách
Trực giá kinh nghệ khóa hải đồng.*

Dịch nghĩa.

VƯỢT BÈ.

(Núi Long Vĩ ở huyện Vạn Ninh, đầu tựa bờ cao, đuôi thẳng ngang bè. Thuyền bị sóng gió ngăn trở qua lại rất nhiều).

*Quét hết sầu lo, dựa cỏ bông.
Tâm như nước sáng, nghĩ mênh mông.
Tùng Lâm đứng giữa chia nam bắc,
Long Vĩ nằm ngang, đặt yếu xung.
Gió Nghĩa lướt qua, mây vẩn, sạch,
Lời hùng nghe thoảng cánh buồm tung.
Đêm sang thượng quốc thuyền lan nhẹ.
Muốn cười kình nghệ, vượt Hải đông.*



27. 閩 海

椿	木	重	重	海	浪	前
沈	江	鉄	鎖	亦	徒	然
覆	舟	始	信	民	猶	水
恃	險	難	遇	命	在	天
禍	福	有	媒	非	一	日
英	雄	遺	恨	幾	千	年
乾	坤	今	古	無	窮	意
浪	在	滄	浪	遠	樹	烟

Phiên âm
QUAN HẢI

Thùng mộc trùng trùng hải lãng tiền.
 Trầm giang thiết tỏa diệc đồ nhiên.
 Phúc chu thủy tín dân do thủy,
 Thị hiềm nan bằng mệnh tại thiên.
 Họa phúc hữu môi phi nhất nhật.
 Anh hùng di hận kỷ thiên niên.
 Càn khôn kim cổ vô cùng ý,
 Khước tại Thương Lương viễn thụ yên.

Dịch nghĩa
QUAN HẢI

Sân sát chông còi trước bờ khơi.
 Trong sông khóa sắt đặt cùng nơi.
 Chìm thuyền mới biết dân như nước.
 Cây hiềm hay đâu mệnh tại giờ.
 Họa phúc gây nên nào một buổi.
 Anh hùng đề hận kẻ nghìn đời.
 Xưa nay giờ đất vô cùng ý.
 Nước bạc cây xanh cảnh tốt tươi

28. 韶州文憲廟
 反狀當年拜兒
 至明先見若著龜
 濟時儒術生平有
 諫主忠言死後知
 萬古不磨金錄
 千年猶享曲江祠
 高風追想潭如昨
 手拂青苔認石碑

Phiên âm

THIỆU CHÂU VĂN-HIẾN MIẾU

*Phản trạng đương niên biện Kiết nhi.
 Chi minh tiên kiến nhược thi quy.
 Tế thời nho thuật sinh bình hữu.
 Giản chủ trung ngôn, tử hậu tri.
 Vạn cổ bất ma kim giám lục.
 Thiên niên do hưởng Khúc Giang Tù.
 Cao phong truy tượng hồn như tác.
 Thủ phất thanh đài nhận thạch bi.*

Dịch nghĩa

MIẾU VĂN-HIẾN TẠI THIỆU CHÂU. (1)

*Giống Kiệt, Trung ngay đoán tự xưa.
 Tiên tri, trí óc tự huyền cơ.
 Giúp đời, nho giả còn nên việc,
 Đến chết trung thần mới khỏi ngờ.
 Muôn thừa vẫn nguyên lời sử chép,
 Nghìn năm không lạnh khói hương thờ.
 Cao phong tượng tượng như trông thấy,
 Tay gạt râu bia, chữ chữa mờ.*

Chú thích

(1) Miếu thờ vị Tề Tướng đời Đường Huyền Tôn, Trương Cửu sinh

29.- 遊 南 花 寺

神 錫 飛 來 幾 百 春
 寶 林 香 火 契 前 因
 降 龍 伏 虎 機 何 妙
 無 樹 非 臺 語 若 新
 殿 側 起 樓 藏 佛 鉢
 龕 中 遺 跡 悅 真 身
 門 前 一 派 漕 溪 水
 洗 盡 人 間 劫 劫 塵

Phiên âm.-

DU NAM HOA TỰ.

*Thần tích phi lai kỷ bách xuân.
 Bảo lâm hương hỏa khế tiền nhân.
 Hàng long phục hổ cơ hà diệu,
 Vô thụ phi đài, ngữ nhược tân.
 Điện trúc khởi lâu tàng Phật bát,
 Khám trung di tích thuế chân thân.
 Môn tiền nhất phái Tào Khê thủy,
 Tẩy tận nhân gian kiếp kiếp trần.*

Dịch nghĩa..

VĂN CẢNH CHÙA NAM HOA.

*Phép Phật rừng thiêng vốn có nhân.
 Mấy trăm năm trước đã dừng chân.
 Sai rồng bảo hổ, cơ mầu nhiệm,
 Không thụ, không đài, chính phép thần.
 Bên điện dựng nơi truyền pháp-bảo,
 Trong đền còn vết thoát chân thân.
 Tào Khê trước cửa giòng trong suốt,
 Gột rửa nhân gian sạch bụi trần.*



30. 涪州

涪州城下鼓聲
 容路還淹數月
 溪洞有氓山八
 戍樓吹角月三
 岸簟瑟瑟應風
 江水悠悠旅夢
 老我世途難險
 中宵不寐獨傷

Phiên âm

TẦM CHÂU.

*Tầm Châu thành hạ cô bề thanh.
 Khách lộ hoàn yêm sở nguyệt trình.
 Khê động hữu manh, sơn bát vạn,
 Thù lâu xuy giốc nguyệt tam canh.
 Ngạn hoàng sắt sắt bi phong khởi,
 Giang thủy du du lý mộng thanh.
 Lão ngã thế đồ nan hiêm thực.
 Trung tiêu bất mị độc thương tình.*

Dịch nghĩa

TẦM CHÂU

*Tầm Châu trống trận phía bên thành.
 Vài tháng đường đi khách tạm đình
 Dãy núi di dân, vài vạn ngọn,
 Quân đồn ống lệnh đã ba canh.
 Tre xanh trước bến hiu hiu gió,
 Khách ngụ trên sông thắc mắc tình.
 Tuổi tác đường đời gian hiêm trải,
 Đêm khuya chẳng ngủ nghĩ thương mình.*



31. 梧州

路	入	青	梧	景	更	嘉
岸	邊	揚	柳	簇	人	家
九	疑	積	翠	峯	如	玉
二	廣	分	流	水	若	又
琳	館	空	閒	飛	白	鶴
仙	人	不	見	袖	青	蛇
火	山	冰	井	真	奇	事
舊	俗	相	傳	恐	亦	差

Phiên âm

NGÔ CHÂU

Lộ nhập Thanh Ngô cảnh cánh gia.
 Ngạn biên dương liễu thốc nhân gia.
 Cửu Nghi tích thúy phong như ngọc.
 Nhị Quảng phân lưu thủy nhược thoa.
 Lâm Quán không văn phi bạch hạc.
 Tiên nhân bất kiến tụ thanh xà.
 Hỏa sơn, băng tỉnh chân kỳ sự.
 Cựu tục tương truyền khủng diệc sai.

Dịch nghĩa

NGÔ CHÂU

Đường tới Thanh Ngô cảnh thướt tha.
 Trên bờ cửa ngõ liễu la đà.
 Cửu Nghi rừng phủ màu như ngọc.
 Nhị Quảng sông chia vẻ tựa thoa.
 Quán ngọc đâu còn hình bạch hạc.
 Người tiên hết thấy túi thanh xà.
 Giếng băng núi lửa vô cùng lạ.
 Truyền lại hay là chuyện đặt ra.



32

過 嶺

前 崗 日 落 馬 馳 隨
 行 盡 梅 間 不 見 梅
 夾 道 千 松 撐 漢 立
 綠 雲 一 路 摩 山 開
 長 安 日 近 聊 舒 目
 故 國 天 遠 重 感 懷
 唐 相 一 從 通 此 道
 不 知 今 幾 百 年 來

Phiên âm

QUÁ LĨNH

Tiền cương nhật lạc, mã khôi đời.
 Hành tận Mai Quan, bất kiến mai.
 Giáp đạo thiên tùng xanh Hán lập,
 Duyên vân nhất lộ, phách sơn khai,
 Trường An nhật cận liễu thư mục,
 Cố quốc thiên dao trọng cảm hoài.
 Đường Tướng nhất tòng thông thử đạo,
 Bất tri kim kỷ bách niên lai.

Dịch nghĩa

ĐI QUA NÚI LĨNH.

Trước đời ngựa mỏi, bóng xiên quai.
 Đi hết Mai Quan chẳng thấy mai.
 Sông giáp đường đi, tùng rậm rạp,
 Mây bay đưa tới núi chơi vơi.
 Gần giới kinh nguyệt mong chiêm ngưỡng,
 Xa bóng quê hương, dễ cảm hoài.
 Đường Tướng xưa kia theo lối đó,
 Đến nay tính đã mấy mươi đời.



33.- 題 盧 氏 家 譜.

積	慶	原	來	自	有	基
畜	宏	發	鉅	可	先	知
詩	書	流	澤	芳	通	遠
志	孝	傳	家	訓	永	胎
木	木	必	從	原	本	始
黃	金	何	用	子	孫	遵
焚	香	一	讀	公	家	譜
肅	肅	今	人	起	敬	思

Phiên âm

ĐỀ LƯU THỊ GIA PHẢ.

Tích khánh nguyên lai tự hữu cơ.
 Súc hoành phát cự khả tiên tri.
 Thị Thư tuần trạch, phương du viễn,
 Trung hiếu truyền gia huấn vĩnh thai.
 Thủy mộc tất tông nguyên bản thủy
 Hoàng kim hà dụng tử tôn di.
 Phần hương nhất độc Công gia phả,
 Túc túc linh nhân khởi kính tư.

Dịch nghĩa

ĐỀ GIA PHẢ HỌ LƯU.

Cối phúc từ đâu được chép ghi
 Phúc nhiều nhiều hưởng lẽ không nghi.
 Theo nhau, lớp lớp, nền trung hiếu
 Truyền đời đời nếp lẽ nghi.
 Thủy mộc rễ nguồn, đều phải có,
 Hoàng kim con cháu hưởng hơn gì.
 Thắp hương gia phả lần coi hết,
 Khởi kính ai mà chẳng nề vì.



34

江 西

自 古 鴻 都 稱 勝 地
 今 朝 客 裡 曾 相 遇
 烟 收 南 浦 晴 光 好
 日 落 西 山 暮 景 佳
 告 訐 成 風 憐 俗 薄
 詞 章 有 學 中 科 多
 旌 揚 錢 柱 今 猶 在
 碑 刻 千 年 蘇 已 花

Phiên âm

GIANG TÂY.

Tự cổ Hồng Đô xưng thắng địa,
 Kim triều khách lý tạm tương qua.
 Yên thu nam phổ tình quang hảo,
 Nhật lạc tây sơn, mộ cảnh giai,
 Cáo kiết thành phong lân tục bạc,
 Từ chương hữu học trúng khoa đa.
 Tỉnh dương thiết trụ, kim do tại,
 Bi khắc thiên niên, tiền dĩ hoa.

Dịch nghĩa

GIANG TÂY.

Tự trước Hồng Đô là thắng cảnh,
 Chiều nay khách quán, tạm dừng chân.
 Mây về nam phổ giời trong suốt,
 Nắng xế tây sơn, cảnh đẹp dần.
 Đáng tiếc di phong nhiều bạc tục,
 Cũng may khoa bảng lắm văn nhân.
 Tuổi tên tỉnh biều nay còn lại,
 Bia đá nghìn năm cỏ mọc tràn.



35. 平 南 夜 泊

片帆高飏晚風輕
 暮宿平南古縣城
 燈影照人愁月影
 樹聲敲柁送灘聲
 湖山有約連初志
 歲月如流漫此生
 夜半戍樓吹畫角
 客中樓櫓不勝情
 (飏音剡切風吹浪動也)

Phiên âm

BÌNH NAM ĐẠ BẠC

Phiến phàm cao diệm văn phong khinh,
 Mộ túc Bình Nam cổ huyện thành.
 Đăng ảnh chiếu nhân hòa nguyệt ảnh,
 Thụ thanh sao mộng tổng than thanh.
 Hồ sơn hữu ước vi sơ chí,
 Tuế nguyệt như lưu mạn thử sinh.
 Dạ bán thú lâu xuy họa giốc.
 Khách trung thê thẳng bất thẳng tình.

Dịch nghĩa

ĐÊM CHÈO THUYỀN TỚI BÌNH NAM.

Buồm rung gió thoáng mái chèo đưa,
 Tới nghỉ Bình Nam, huyện trấn xưa.
 Ánh đuốc, Ánh giăng chung tỏa sáng,
 Tiếng cây, tiếng nước, lẫn trong mơ.
 Non sông cố hẹn đâu quên nhấc,
 Ngáy thán xuôi giong chẳng đợi chờ.
 Đồn thú đêm khuya nghe tiếng ốc,
 Xa nhà lòng khách rối vò tơ.



36.— 贈 孔 顏 孟 三 氏 子 孫 教 授 太 平

人 生 十 處 九 常 乖
 歲 世 誰 知 有 素 才
 坡 老 普 曾 儋 耳 去
 長 庚 亦 向 夜 郎 來
 文 章 自 古 多 爲 累
 詩 酒 從 今 且 故 懷
 會 待 金 鷄 開 散 日
 五 雲 深 處 親 蓬 萊
 (金 鷄 樹 出 救 文)

Phiên âm

TẶNG KHÔNG, NHAN, MẠNH, TAM THỊ, TỬ TÔN, GIÁO THỤ THÁI BÌNH

*Nhân sinh thập lục, cửu thường quai.
 Thịnh thế, thùy tri hữu khi tài.
 Pha lão, tích tăng Đam Nhĩ khứ,
 Trường Canh diệc hướng Dạ Lang lai.
 Văn chương tự cổ đa vi lụy,
 Thi tửu tông kim thả cố hoài.
 Hội đãi Kim Kê khai xá nhật,
 Ngũ vân thâm xứ đồ bằng lai.*

Dịch nghĩa

TẶNG CON CHÁU BA HỌ KHÔNG, NHAN, MẠNH, GIÁO THỤ
TẠI THÁI BÌNH

*Người đời mười nghĩ, chín thường sai
 Đời thịnh sao còn nỡ bỏ tài.
 Đam Nhĩ, Đông Pha không khỏi họa,
 Dạ Lang, Thái Bạch thoát dẫu tai.
 Văn chương tự cổ, thường tai họa,
 Thơ rượu ngày nay mới miệt mài.
 Gặp hội Kim Kê, ngày đại xá,
 Non sâu năm về thấy bằng lai.*



37.- 和 鄉 先 生 韻 東 諸 同 志

愁	來	咄	咄	漫	書	空
天	地	無	窮	嘆	轉	蓬
世	事	灰	心	頭	向	白
哀	顏	借	酒	索	生	紅
覽	輝	擬	學	鳴	陽	鳳
遠	客	終	爲	迴	弋	鴻
淪	落	天	涯	俱	是	客
年	來	出	處	畧	相	同

Phiên âm

HÒA HƯƠNG TIÊN SINH VẬN, ĐÔNG CHƯ ĐỒNG CHÍ

Sầu lai đốt đốt mạn thư không.
 Thiên địa vô cùng thân chuyển bồng.
 Thế sự khởi tâm đầu hướng bạch,
 Ai nhân tá tửu vưng sinh hồng.
 Lầm huy nghĩ học minh dương phụng,
 Viễn hại chung vô tị đặc hồng.
 Luân lạc thiên nhai câu thị khách,
 Niên lai xuất xứ lược tương đồng.

Dịch nghĩa

HÒA THƠ HƯƠNG TIÊN SINH

Khi buồn chán ngán, bức thư không.
 Ngang dọc thương thân tựa cỏ bồng.
 Lòng nghĩ việc đời sinh tóc bạc,
 Mặt nhẩn, chút rượu mượn màu hồng.
 Gần hay cũng được như chim phụng,
 Xa nạn may ra thoát lưới hồng.
 Lưu lạc chân giời đông tạm trú,
 Rồi đây về ở, vẫn xin đồng.



38.— 寄 弟 易 齊 陳 公
 兵 餘 親 戚 半 離 零
 萬 死 殘 軀 偶 一 生
 往 事 空 槐 國 夢
 別 情 誰 寫 渭 陽 情
 不 來 自 擬 同 王 式
 迴 亂 終 當 學 管 寧
 欲 問 相 思 愁 別 處
 孤 齊 風 雨 夜 三 更

Phiên âm

KÝ CỬU DỊCH TRAI TRẦN CÔNG

*Binh dư thân thích bán lý linh.
 Vạn tử tàn khu, ngẫu nhất sinh.
 Vãng sự không thành, Hòe Quốc mộng.
 Biệt lân thùi tả Vị Dương tình.
 Bất lai tự nghĩ đồng Vương Thức.
 Tị loạn chung đương học Quản Ninh.
 Dục vấn tương tư sầu biệt xứ,
 Cô trai phong vũ dạ tam canh.*

Dịch nghĩa

THƯ GỬI CẬU

*Người thân thời loạn nửa điêu linh.
 Thoát tử là may vẫn cứ sinh.
 Hòe Quốc (1) giấc mê, đành mọi việc.
 Vị Dương (2) khi biệt, xiết bao tình.
 Không về vốn muốn thành Vương Thức, (3)
 Tránh loạn đành xin học Quản Ninh. (3)
 Như hỏi nơi nào sầu tạm gửi.
 Thư trai mưa gió suốt ba canh.*

Chú thích : (1) Giấc mộng nam-kha.

(2) Sông Vị Dương: nơi đưa cậu là Tấn-Trùng-Nhĩ chạy loạn.

(3) Tên hiền triết xưa.

39.— 清 明

一	從	淪	落	他	鄉	去
屈	指	清	明	幾	度	過
千	里	墳	變	遠	拜	掃
十	年	親	叢	盡	消	磨
乍	晴	天	氣	橫	殘	雨
過	半	春	花	廟	句	花
聊	把	一	杯	還	自	強
莫	教	日	日	苦	思	家

Phiên âm

THANH MINH

Nhất tông luân lạc tha hương khứ,
 Khuất chỉ Thanh Minh kỷ độ qua.
 Thiên lý phần hoàng vi bãi tảo,
 Thập niên thân cữu tận tiêu ma.
 Sạ tình thiên khí mộ lãng vũ,
 Quá bán xuân quang tứ cú hoa.
 Liêu bả nhất bôi hoàn tự cường,
 Mạc giao nhật nhật khổ tư gia.

Dịch nghĩa

LÊ THANH MINH

Một khi lưu lạc ra ngoài nước,
 Lần chuyến Thanh Minh tính mấy vòng.
 Nghìn dặm tở tiên thôi cúng lễ,
 Mười năm thân thuộc bất tín hồng.
 Giữa khoảng giờ sáng mưa vài hạt,
 Gần cuối ngày xuân cỏ chớm bông.
 Nâng chén, cố say, cho vững chí,
 Tin nhà cố gắng, khỏi trông mong.



40.- 戲題

閑	來	無	事	不	清	哦
塵	外	風	流	自	一	家
珪	壁	千	重	閑	疊	嶽
政	璫	萬	頃	漾	晴	波
管	弦	嘈	雜	林	邊	鳥
羅	綺	芳	芬	塢	裡	花
眼	底	一	時	詩	料	富
吟	翁	誰	與	世	人	多

Phiên âm

HÝ ĐỀ

Nhân lai vô sự, bất thanh nga.
 Trần ngoại phong lưu tự nhất gia.
 Quế bích thiên trùng, khai điệp tiết,
 Pha lê vạn khoảnh dạng tình ba.
 Quản huyền tào tạp lâm biên điều,
 La ý phương phán, ô lý hoa.
 Nhân đề nhất thời thi liệu phú,
 Ngâm ông thù dũ thể nhân đa.

Dịch nghĩa

ĐỀ CHƠI, VUI.

Khi nhân lên tiếng cũng ngâm nga.
 Thoát tục phong lưu, cũng có ta.
 Vách quế nghìn trùng, đường ải bắc,
 Pha lê muôn khoảnh, ánh sông xa.
 Thôn quê hoa nở, bao hình sắc,
 Biên ải chim kêu đủ điệu ca.
 Dưới mắt thi-ông, thi sẵn hứng,
 Người nhiều sướng họa những ai là.



41.— 亂 後 感 作

神	州	一	自	起	干	戈
萬	姓	嗷	數	可	奈	何
子	美	孤	忠	唐	日	月
伯	仁	雙	淚	晉	山	河
年	來	變	故	侵	人	老
秋	越	他	鄉	感	客	多
卅	載	虛	名	安	用	處
回	頭	萬	事	付	南	柯

Phiên âm

LOẠN HẬU CẢM TÁC.

Thần Châu, nhất tự khởi can qua.
 Vạn tính ngao ngao khả nại hà.
 Tử Mỹ có trung, Đường nhật nguyệt,
 Bá nhân song lệ Tấn sơn hà.
 Niên lai biến cố xâm nhân lão,
 Thu việt tha hương cảm khách đa.
 Táp tải hư danh an dụng xứ,
 Hồi đầu vạn sự phó Nam Kha.

Dịch nghĩa

CẢM TÁC SAU THỜI LOẠN

Thần Châu từ lúc dấy can qua.
 Muôn họ điêu linh loạn chữa qua.
 Tử Mỹ (1) lòng son ngang nhật nguyệt,
 Bá Nhân (2) nước mắt nhuộm sơn hà,
 Mỗi năm thêm việc sinh đầu bạc,
 Đất khách dừng chân nghĩ việc xa.
 Ba chục năm giờ công chữa trọn,
 Ngoảnh đầu muôn việc gác Nam Kha.



Chú thích. (1) (2) Tử Mỹ đời Đường. Bá Nhân đời Tấn là hạng người yêu nước.

42. — 亂 後 到 崑 山 感 作

(山在支硎社。陳元旦退休處，山有清虛洞下有苕王橋。陳法螺庵居。玄光亦卓錫于此)

一	別	家	山	恰	十	年
歸	來	松	菊	半	條	然
林	泉	有	約	那	堪	負
塵	土	底	頭	只	自	憐
鄉	里	纔	過	如	夢	到
千	戈	未	息	幸	身	全
何	時	結	屋	雲	峯	下
汲	澗	烹	茶	枕	石	眠

Phiên âm

LOẠN HẬU ĐÁO CÔN SƠN CẢM TÁC

(Sơn tại Chi Hãn xã, Trần Nguyên Đán thoái hưu xứ. Sơn hữu Thanh Hư động. Hạ hữu Thấu Ngọc Kiều. Trần Pháp Loa am cư. Huyền Quang diệc trú tích vu thử).

Nhất biệt gia sơn khắp thập niên.
 Quy lai từng cú bán tiên nhiên.
 Lâm tuyền hữu ước na kham phụ,
 Trần thổ đề đầu chỉ tự liên.
 Hương lý tài qua như mộng đảo,
 Can qua vị tức hạnh thân toàn.
 Hà thời kết ốc vân phong hạ,
 Cấp giản phanh trà, chầm thạch miên.

Dịch nghĩa

SAU THỜI LOẠN, TỚI CÔN SƠN CẢM TÁC

(Núi ở xã Chi Hãn, nơi Trần Nguyên Đán ở khi về hưu. Núi có động Thanh Hư. Phía dưới có cầu Thấu Ngọc. Đời Trần, sư Pháp Loa dựng am ở đó. Sư Huyền Quang cũng có tới).

*Xa núi mười năm cảnh quạnh hiu,
Cúc tùng phần lớn vẫn xanh đều.
Suối rừng trở lại, lời không phụ,
Bụi cát sông pha, mệnh hết trêu.
Tưởng trước như mơ, thân thuộc vắng,
May nay còn sống loạn ly nhiều.
Rời đây lợp mái trong mây núi,
Nước suối pha chè, tựa đá thiêu.*



43.— 歸 崑 山 舟 中 作

十	年	飄	轉	嘆	蓬	萍
歸	思	搖	搖	日	似	旌
幾	托	夢	魂	尋	故	里
空	將	血	淚	洗	先	髮
兵	餘	斤	斧	嗟	難	禁
客	裡	江	山	只	此	情
艸	艸	寸	懷	無	奈	處
船	窗	推	枕	到	天	明

Phiên âm

QUY CÔN SƠN CHU TRUNG TÁC

Thập niên phiêu chuền, thán bồng bình.
 Quy tứ dao dao nhật tỵ tình.
 Kỷ thác mộng hồn tâm cố lý,
 Không tương huyết lệ tầy tiên huỳnh
 Binh dư cân phủ, ta nan cấm.
 Khách lý giang sơn, chỉ thử tình.
 Uất uất thốn hoài vô nại xứ,
 Thuyền song thối chằm đảo thiên minh.

Dịch nghĩa

ĐI THUYỀN VỀ TỚI CÔN SƠN

Mười năm thân thể cứ lang thang.
 Thay ngọn cờ tình chính bóng dương
 Lúc ngủ thường mê về cố lý,
 Bao phen nhớ tới lẽ từ đường.
 Nơi quê phép nước không ngăn cấm,
 Đất khách tình nhà cứ xót thương.
 Trần trọc không yên nằm lại đây,
 Nhìn giờ mong sáng suốt đêm trường



44.— 寄友

平	生	世	路	嘆	老	遭
萬	事	惟	應	付	老	天
寸	舌	但	存	空	自	信
一	寒	如	故	亦	堪	憐
光	陰	倏	忽	時	難	再
容	舍	淒	涼	夜	似	年
十	載	讀	書	貧	到	骨
盤	無	首	翁	坐	無	訖

Phiên âm

KÝ HỮU

Bình sinh thế lộ thân truân chiền
 Vạn sự duy ưng phó lão thiên:
 Thốn thiết dân tồn không tự tín
 Nhất hàn như cổ diệc kham liên.
 Quang âm thúc hết thời nan tái,
 Khách xá thê lương dạ tự niên.
 Thập tải độc thư bần đảo cốt,
 Bàn vô mộc túc, tọa vô chiền.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI BẠN.

Đường đời từng trải, vốn gian nan.
 Muôn việc mặc giờ, chẳng nhọc nhằn
 Tắc lười tuy còn mà ngại nói,
 Mùa đông như trước nghĩ thương thân.
 Quang âm bóng thoáng thời nhanh chóng
 Khách xá năm qua việc khó khăn
 Đọc sách mười năm, nghèo túng khó,
 Đói không rau xuống, rét không chăn.



45.— 舟 中 偶 成
 雨 後 春 潮 漲 海 門
 天 風 吹 起 浪 花 噴
 半 林 殘 照 篩 烟 樹
 隔 水 孤 鐘 搗 月 村
 風 景 可 人 詩 入 畫
 湖 山 滿 目 酒 盈 樽
 舊 遊 歷 歷 余 曾 記
 佳 事 重 尋 只 夢 魂

Phiên âm

CHU TRUNG NGẪU THÀNH.

*Vũ hậu xuân trào, trường hải môn
 Thiên phong xuy khởi, lãng hoa bồn.
 Bán lâm tàn chiếu si yên thụ,
 Cách thủy cô chung đảo nguyệt thôn.
 Phong cảnh khả nhân thi nhập họa,
 Hồ sơn mãn mục tửu doanh tôn.
 Cựu du lịch lịch dư tăng ký,
 Vãng sự trùng tầm chỉ mộng hồn,*

Dịch nghĩa

NGỒI TRONG THUYỀN

*Mưa tạnh trào lên, sóng bề đầy.
 Như hoa trên nước phất phơ bay.
 Bên rừng nắng xế, cành cây ngả,
 Trên bến chuông rền, bóng nguyệt lay.
 Phong cảnh giục người thi với họa,
 Núi hồ trước mặt rượu thêm cay.
 Cuộc chơi khi trước nay mà nhớ,
 Việc cũ coi như nửa tỉnh say.*



46.— 海 角 天 涯 肆 意 遊

乾	坤	到	處	放	吟	毫
漁	歌	三	唱	烟	湖	濶
牧	笛	一	聲	天	月	高
清	夜	澗	虛	觀	宇	宙
秋	風	乘	興	駕	鯨	鯨
悠	悠	萬	事	忘	情	後
妙	理	真	堪	付	濁	醪

Phiên âm

Hải giác thiên nhai tứ ý ngao.
 Càn khôn đảo xứ phóng ngâm hào.
 Ngư ca tam xướng yên hồ khoáng,
 Mục địch nhất thanh, thiên nguyệt cao.
 Thanh dạ bằng hư quan vũ trụ.
 Thu phong thừa hứng giá kinh ngao.
 Du nhiên vạn sự vong tình hậu,
 Diệu lý, chân kham phó trọc lao.

Dịch nghĩa

Góc bề chân gởi chẳng ngại nào.
 Đất gởi đâu đó cứ ngêu ngao.
 Ca chài tiếng động, giòng thu gợn.
 Còi mục vang hơi bóng nguyệt cao.
 Đêm sáng bao la nhìn vũ trụ,
 Gió thu cao hứng cưỡi kinh ngao.
 Xôi giòng muôn việc khi quên hết.
 Trong sạch hay hèn cũng chẳng sao.



47.— 佩劍携書簪氣祖

海	山	萬	里	片	帆	孤
途	中	日	月	三	冬	過
客	裡	親	朋	一	字	無
異	境	每	驚	新	歲	月
扁	舟	重	憶	舊	江	湖
四	方	壯	志	平	生	有
此	去	寧	辭	我	僕	痛

Phiên âm

Bội kiếm huề thư, diêm khí tổ
 Hải sơn vạn lý phiến phẩm cô.
 Đồ trung nhật nguyệt, tam đông quá,
 Khách lý thân bằng nhất tự vô.
 Di cảnh mỗi kinh tân tuế nguyệt
 Biền chu trùng ước cựu giang hồ.
 Tứ phương tráng trí bình sinh hữu.
 Thử khứ ninh từ ngã bộc bô.

Dịch nghĩa

Túi sách thanh gươm, bước ruổi rong,
 Mái chèo muôn dặm cảnh non sông.
 Lang thang ngày tháng ba thu trọn,
 Thăm hỏi thân sơ, một chữ không.
 Năm mới hơn gì nơi lữ thứ,
 Cảnh quen thêm một hẹn tang bồng.
 Bốn phương ngang dọc đành như thế,
 Đã bước chân đi chẳng ngại ngừng.



48.— 龍劍

蓋	山	自	古	卧	神	龍
世	事	懸	知	在	掌	中
大	任	有	歸	天	啟	聖
昌	期	一	遇	虎	生	風
國	譽	洗	盡	千	年	耻
金	匱	終	歲	萬	世	功
整	頓	乾	坤	從	此	了
世	間	那	更	數	英	雄

Phiên âm

ĐỀ KIẾM.

Lam Sơn tự cổ ngọa thần long.
 Thế sự huyền tri tại chưởng trung.
 Đại nhiệm hữu quy thiên khải thánh,
 Xương kỳ nhất ngộ hồ sinh phong.
 Quốc thù tầy hận thiên niên sử,
 Kim quỹ chung tàng vạn thế công.
 Chinh đồn càn khôn tòng thử liễu,
 Thế gian na cánh sở anh hùng.

Dịch nghĩa

ĐỀ VÀO GƯƠM.

Lam Sơn từ trước đất thần long.
 Việc đã vào tay việc tắt xong.
 Thánh nhận, gởi trao duyên cá nước,
 Hồ gầm, gió cuốn, hội mây rồng.
 Công cao muôn thừa ghi còn mãi,
 Thù nước nghìn năm rửa sạch không.
 Chinh đồn quốc gia từ đó hẳn,
 Thế gian đã được mấy anh hùng.



49.— 賀 歸 藍 山

權	謀	本	是	用	除	奸
仁	義	維	持	國	勢	安
臺	閣	有	人	儒	席	煖
遠	陸	無	事	柳	營	閑
遠	方	玉	帛	圖	主	會
中	國	咸	儀	觀	漢	官
朔	浸	已	清	鯨	浪	息
南	州	萬	古	舊	江	山

Phiên âm

HẠ QUY LAM SƠN.

Quyền mưu bản thị dụng trừ gian.
 Nhân nghĩa duy trì quốc thể an.
 Đài các hữu nhân, nho tịch noãn,
 Biên thùý vô sự liễu doanh nhân.
 Viễn phương ngọc bạch đồ vương hội,
 Trung quốc uy nghi đồ Hán quan.
 Sọc tầm dĩ thanh, kinh lãng tức,
 Nam Châu vạn cổ cừu giang sơn.

Dịch nghĩa

MỪNG VỀ LAM SƠN.

Quyền nghi vốn dụng đề trừ gian.
 Nhân nghĩa y nguyên, thể nước an.
 Đài viện có người, hiền giả đủ,
 Biên thùý không việc, ải quan nhân.
 Phương xa triều kiến, theo nghi lễ,
 Trong nước uy nghi vẻ đại thần.
 Kinh ngạc mắt tầm yên sóng bắc,
 Nước Nam muôn thừa cả giang sơn.



50.— 憶 昔 藍 山 玩 武 經
 當 時 志 已 在 蒼 生
 義 旗 一 向 中 原 指
 廟 算 先 知 大 事 成
 日 轟 月 城 歸 德 化
 弁 裳 椎 響 威 聲 遠
 一 戎 大 響 何 神 速
 甲 洗 弓 囊 樂 太 平

Phiên âm

Ức tích Lam Sơn ngoạn Vũ Kinh
 Đương thời, chí dĩ tại thương sinh.
 Nghĩa kỳ nhất hướng trung nguyên chỉ,
 Miếu toán tiên tri đại sự thành.
 Nhật xuyên, nguyệt thành, quy đức hóa,
 Hủy thường, chùy kế, thức uy thanh
 Nhất nhung đại định, hà thần tốc,
 Giáp tỳ, cung cao lạc thái bình

Dịch nghĩa

Khi ở Lam Sơn đọc Vũ Kinh,
 Đương thời đã nghĩ tới dân sinh.
 Trung nguyên cờ nghĩa vừa quay ngọn.
 Phạt bắc cơ đồ tất dựng thành.
 Châu quận xa xôi thành đức hóa,
 Áo khăn lam lũ tới uy danh
 Áo nhung định loạn sao nhanh chóng,
 Rửa giáp treo cung hưởng thái bình.



51.— 上 元 扈 駕 舟 中 作

沿 江 千 里 燭 光 紅
 彩 鷁 乘 風 跨 浪 蓬
 十 丈 樓 臺 消 晏 氣
 三 更 鼓 角 壯 軍 容
 滄 波 月 浸 玉 千 頃
 仙 杖 雲 趨 天 九 重
 五 夜 蓬 窗 清 夢 覺
 猶 疑 長 樂 隔 花 鍾

Phiên âm

THƯỢNG NGUYÊN HỒ GIÁ CHU TRUNG TÁC

*Duyên giang thiên lý chúc quang hồng
 Thái ích thừa phong khóa lãng bông
 Thập trượng lâu đài tiêu thận khí,
 Tam canh cổ giác tráng quân dung.
 Thương ba nguyệt tằm, ngọc thiên khoảnh,
 Tiên trượng vân xu, thiên cử trùng.
 Ngũ dạ bông song thanh mộng giác,
 Do nghi Trường Lạc Cách hoa chung*

Dịch nghĩa

TIẾT THUỘC NGUYÊN Đİ THUYỀN HỒ GIÁ.

*Dọc bờ, nghìn dặm, ánh đèn chong.
 Thuận gió, thuyền xuôi, nhẹ tựa bông.
 Trên nước bóng tà tan tựa khói,
 Trống canh quân đội khích thêm hùng.
 Lăn theo giăng bạc soi nghìn khoảnh,
 Bay trước mây cao vút chín trùng.
 Năm tối, cửa bông mơ lẫn tỉnh,
 Còn ngờ Trường Lạc phía Hoa Chung.*



52.— 賀捷 (辛亥太祖征復禮州)

嘉	爾	嬰	首	敢	寇	邊
積	凶	稔	惡	已	多	年
九	重	霄	念	怜	遐	俗
萬	里	學	與	冒	瘴	烟
山	戍	已	聞	收	魏	博
宸	奎	又	見	刻	燕	然
從	今	四	海	車	書	一
威	德	禮	功	萬	古	前

Phiên âm

HẠ TIẾP.

(Tân Hợi, Thái Tồ chinh phục Lễ Châu).

Xuân nhĩ, man tù cảm khẩu biên
 Tích hung nãm ác, dĩ đa niên.
 Cửu tòng duệ niệm linh hà tục,
 Vạn lý loan dư mạo chương yên.
 Sơn thư dĩ văn thu nguyệt bác,
 Thần khuê hựu kiến khắc Yên Nhiên.
 Tòng kim tứ hải xa thư nhất,
 Thịnh đức phong công vạn cổ tiền.

Dịch nghĩa

MỪNG THẮNG TRẬN.

(Năm Tân Hợi, Thái Tồ chinh phục Lễ Châu),

Ngụ đại Man Tù quấy cõi biên.
 Rở trò hung ác cứ liên miên.
 Chín trùng lượng thánh thương chưa trị,
 Muôn dặm xe loan phải dẹp yên.
 Quân thú mở đường thu đất nước,
 Khuê văn đề lại đá Yên Nhiên.
 Từ nay bốn bề thu về một,
 Đức thịnh, công cao, vạn cổ truyền.



53.— 奸 臣 賊 子 罪 難 容
 到底終投憲網中
 窮壤豈堪延喘息
 大庭應已奏膚公
 角聲萬里溪山月
 旗腳千岩草木風
 四海永清從此始
 扶桑早辨掛天弓

Phiên âm :

Gian thần tặc tử tội nan dung.
 Đáo đế chung đầu, hiển võng trung.
 Cùng nhượng khởi kham diên suyễn tức,
 Đại đình ưng dĩ tâu phu công.
 Giốc thanh, vạn lý kê, sơn, nguyệt,
 Kỳ cước thiên nham thảo mộc phong.
 Tứ hải vĩnh thanh tòng thử thủy,
 Phù tang bảo biện quả thiên cung.

Dịch nghĩa

Gian thần, tặc tử tội không dung.
 Pháp luật rồi ra phải mắc vòng.
 Há dễ dân xa lâu chịu khổ,
 Tâu về kinh khuyết đã thành công.
 Giăng thanh muôn dặm còi quân rúc,
 Gió giập nghìn non phớt ngọn hồng.
 Bốn bề sóng yên từ đó hẳn,
 Biên cương sớm được xếp đao cung.



54.— 聖朝柔遠潤昏愚

奈爾無知自殞軀
累世仇深障境怨
欺天罪大鬼神誅
莫將前世扳今代
不作忠臣致逆囚
為報後來藩鎮者
征輪覆轍在前途

Phiên âm

Thánh triều nhu viễn, mẫn hôn ngu,
 Nại nhĩ vô tri, tự vãn khu.
 Lũy thế cừu thâm, lân cảnh oán
 Khi thiên tội đại quý thần tru.
 Mạc tương tiền thế bản kim đại,
 Bất tác trung thần hiệu nghịch tù
 Vì báo hậu lai phiên trấn giả,
 Chính luận phúc triệt tại tiền đồ.

Dịch nghĩa

Thánh triều biên bị rắc ơn sâu.
 Nơi chết dân ngu tự nộp đầu
 Mấy kiếp lân bang đều oán sẵn,
 Đối giờ thần thánh có dung đầu.
 Đừng đem đời trước nâng đời mới,
 Chớ xếp người trung lẫn ngục lao.
 Phiên trấn từ nay cần biết rõ,
 Vết xe ló trước khỏi đi vào.



55.— 狀 天 罔 上 謂 天 高

天	網	恢	恢	更	難	逃
戶	外	重	山	空	設	險
林	間	接	島	不	歸	巢
蚩	溪	路	遠	紆	驚	駭
玉	帳	深	謀	出	虎	韜
四	海	只	今	俱	帖	靜
預	知	後	還	本	先	勞

Phiên âm

Khi thiên võng thượng vị thiên cao.
 Thiên võng khôi khôi cánh mạc đào.
 Hộ ngoại trùng sơn không thiết hiềm
 Lâm gian thể điều bất quy sào.
 Man khê lộ viễn vu loan ngự,
 Ngọc trưởng thâm mưu xuất hổ thao.
 Từ hải chỉ kim câu thiệp tĩnh,
 Dự tri hậu đặt bản tiên lao.

Dịch nghĩa

Đối giới lừa chúa tướng giới cao.
 Lưới rộng không cùng tránh được sao.
 Rãy núi chạy xa thành hiềm trở,
 Đàn chim đành bỏ tổ rừng sâu.
 Xe loan đi tới miền man rợ,
 Trưởng ngọc truyền ra kế lược thao.
 Bốn bề ngày nay đều trấn tĩnh,
 Sau vui là tại trước nhiều lao.



56.— 周 公 輔 成 王 圖。

懿	親	輔	政	想	周	公。
處	變	誰	將	伊	尹	同
玉	几	遺	言	常	在	念
金	勝	故	事	敢	言	功
安	危	自	任	扶	王	室
左	右	無	非	保	聖	躬
子	孟	豈	能	瞻	仿	佛
擁	昭	僅	可	把	餘	風

Phiên âm

CHU CÔNG PHỤ THÀNH VƯƠNG ĐỒ.

Ý thân phụ chính tướng Chu Công
 Xử biến thù tương Y Doãn đồng.
 Vương kỷ di ngôn thường tại niệm,
 Kim Đằng cố sự cảm ngôn công.
 An nguy tự nhiệm phù vương thất,
 Tả hữu vô phi bảo thánh cung.
 Tử Mạnh khởi năng chiêm phảng phất,
 Ứng chiêu cận khả bả dư phong.

Dịch nghĩa

ĐỀ VÀO BỨC HỌA CHU CÔNG GIÚP THÀNH VƯƠNG.

Gần vua giúp chính giống Chu Công,
 Y Doãn ngang tài biển hóa thông.
 Cháp ngọc truyền lời thường đề dạ,
 Sách vàng ghi việc chẳng khoe công.
 An nguy tự nhận tồn vương thất,
 Tả hữu không ngoài giúp thánh cung.
 Tử Mạnh (1) chính là thành thực hẳn,
 Giúp vua kim cổ vẫn tương đồng.



(1) Tử Mạnh : Hoắc Quang.

57. — 乞 人 畫 崑 山 圖

半	生	邱	壑	廢	登	臨
亂	後	家	鄉	費	夢	尋
石	畔	松	風	孤	勝	賞
澗	邊	梅	影	負	清	吟
烟	霞	冷	落	腸	堪	斷
猿	鶴	蕭	條	意	匪	禁
憑	仗	人	間	高	畫	手
筆	端	寫	出	一	般	心

Phiên âm

KHẮT NHÂN HỌA CÔN SƠN ĐỒ.

Bán sinh khuru hác phể đấng lâm
 Loạn hậu gia hương phi mộng tìm.
 Thạch bạn tùng phong cô thẳng thưởng,
 Giản biên mai ảnh phụ thanh ngâm.
 Yên hà linh lạc trường kham đoan,
 Viên hạc tiêu điều ý phỉ cảm.
 Bằng trượng nhân gian cao họa thủ,
 Bút đoan tả xuất nhất ban tâm.

Dịch nghĩa

NHỜ NGƯỜI VẼ BỨC HỌA CÔN SƠN

Nửa đời lặn lội bỏ non xanh.
 Hết loạn về quê mộng chữa thành.
 Vách đá tung cao ai thưởng thức,
 Bên khe mai trắng gió rung rinh.
 Non sông lưu lạc tâm đòi đoan,
 Vượn hạc buồn thiu chí chẳng đành.
 Nhờ cây bút thần tay họa sĩ,
 Tơ lòng tả đúng nét đàn thanh.



58.— 題 程 處 士 雲 窩 圖。
 佳 客 相 逢 日 抱 琴
 故 山 歸 去 興 何 深
 香 浮 瓦 鼎 風 生 樹
 月 滿 苔 磯 竹 滿 林
 洗 盡 塵 襟 花 外 茗
 喚 回 午 夢 枕 邊 禽
 日 長 隱 几 忘 言 處
 人 與 白 雲 誰 有 心

Phiên âm

ĐỀ TRÌNH XỬ SĨ VÂN OA ĐỒ,

Giai khách tương phùng, nhật bảo cầm.
 Cổ sơn quy khứ hứng hà thâm
 Hương phù ngõa đỉnh phong sinh thụ
 Nguyệt chiếu đài cơ, trúc mãn lâm.
 Tỳ tạn trần khâm hoa ngoại minh,
 Hoán hồi ngộ mộng chầm biên cầm
 Nhật trường ần kỷ kỷ ngôn xứ,
 Nhân dữ bạch vân thù hữu tâm.

Dịch nghĩa

ĐỀ VÀO BỨC HỌA VÂN ĐA TRÌNH XỬ SĨ

Người cảnh cùng vui lựa khúc đàn.
 Non nhà về ở thú an nhàn
 Gió đưa chè ngát cây rung động,
 Rêu đá giăng soi trúc khắp ngàn
 Ngày gột tâm trần chè giọng mát,
 Trưa nằm tỉnh giấc tiếng chim ran
 Ngày dài tựa án im hơi tiếng,
 Mây trắng nhìn ta chứa chắc hơn



59.— 觀 閩 水 陣

北	海	當	平	已	我	鯨
燕	安	猶	慮	語	戎	兵
旌	旗	旂	旒	連	雲	影
擊	鼓	喧	聞	動	地	聲
萬	甲	耀	霜	龍	虎	肅
千	艘	布	陣	鷹	鵝	行
聖	心	欲	與	民	休	息
文	治	終	須	致	太	平

Phiên âm

QUAN DUYỆT THỦY TRẬN.

Bắc hải đương niên dĩ lục kinh.
 Yến an do lự cáo nhung binh.
 Tinh kỳ ỷ nĩ liên vân ảnh,
 Bề cổ huyên điền động địa thanh.
 Vạn giáp diêu sương tì hồ túc,
 Thiên sưu bố trận, nhạn nga hàng
 Thánh tâm dục dĩ dẫn hưu tức,
 Văn trị chung tu chí thái bình.

Dịch nghĩa

COI DUYỆT THỦY TRẬN.

Bề bắc năm nay giết ngạc kinh,
 Lại lo dẹp đến bọn man binh.
 Cờ tinh phấp phới mây lồng bóng,
 Trống trận ngoài biên giặc khiếp kinh.
 Muôn giáp dầm sương quân thẳng tiến,
 Nghìn thuyền bày trận nhạn xây thành.
 Lòng vua chỉ muôn dân yên nghỉ,
 Xếp võ, theo văn, nước trị bình.



60.— 冷 煖 席
 裁 竹 編 鋪 未 足 奇
 要 渠 冷 煖 適 時 宜
 柔 毛 穩 藉 香 侵 骨
 較 革 寒 鋪 水 侵 臍
 竹 院 日 長 宜 暑 退
 紅 樓 夜 永 覺 春 私
 高 堂 不 失 溫 涼 候
 却 恨 晨 昏 定 省 時

Phiên âm.

LÃNH NOÃN TỊCH.

*Tiệt trúc biên bờ vị túc kỳ.
 Yêu cừ lãnh noãn thích thời nghi.
 Nhu mao ôn tạ hương xâm cốt,
 Nguyên cách hàn phổ thủy tầm cơ.
 Trúc viện nhật trường nghi thử thoái,
 Hồng lâu dạ vĩnh, giác xuân ty.
 Cao đường bất thất ôn lương hậu,
 Khước hận thần hôn định tỉnh thì.*

Dịch nghĩa.

CHIẾU KHI ẤM KHI MÁT.

*Chiếu trúc làm ra đã khó khăn,
 Lại thêm nóng mát chiếu thành chẵn,
 Tơ mềm lụa nhũn còn e rét.
 Dạ mát, chiêm êm khỏi thấy cần.
 Viện trúc ngày dài, êm lửa hạ,
 Lầu hồng đêm lạnh, được hơi xuân.
 Cao đường ấm lạnh đành không thiếu,
 Chỉ thiếu chăm nom sớm tối gần.*



61.—

題	徐	仲	甫	耕	隱	堂
去	怕	警	花	踏	軟	塵
一	犁	岩	畔	可	歲	身
商	家	令	佐	稱	革	野
漢	世	高	風	仰	富	春
松	菊	猶	存	歸	未	晚
利	名	不	美	隱	方	真
嗟	余	久	被	儒	冠	誤
本	是	耕	閭	釣	寂	人

Phiên âm.

ĐỀ TỪ TRỌNG PHỦ CANH ẦN ĐUỜNG.

Khử phạ phồn hoa đập nhuyển trần.
 Nhất lệ nham bạn, khả tàng thân.
 Thương gia Lịnh Tá xưng Sần dã,
 Hán thể cao phong ngưỡng Phú-Xuân.
 Tùng cục do tồn quy vị vãn,
 Lợi danh bất tiền ần phươg chán.
 Ta dư cửu bị nho quan ngộ,
 Bản thị canh nhàn điệu tịch nhân.

Dịch nghĩa.

ĐỀ NHÀ CANH ẦN TỪ TRỌNG PHỦ.

Bỏ chốn phồn hoa, lánh tục trần.
 Cày sâu mảnh ruộng được yên thân.
 Nhà Thương Phụ Chính do Sần Dã, (1)
 Đời Hán cao phong nhớ Phú-Xuân, (2)
 Tùng cục vẫn còn, về chữa muộn.
 Lợi danh không hám ần là hơn.
 Thương ta nhầm mắc cân đai mãi,
 Canh điệu là nghề, hợp bản thân.



- CHÚ THÍCH.— (1) Y Doãn trước khi làm tể tướng triều Thương nước Tàu, cày ruộng ở đất Sần.
 (2) Vị đại hiền Nghiêm-Quang triều Hán nước Tàu, cày ruộng ở đất Phú-Xuân.

62.— 題 石 竹 窩。
 傍 石 移 栽 竹 幾 竿
 玲 瓏 色 英 碧 琅 玕
 烟 梢 露 滴 衣 裳 冷
 地 骨 雲 生 枕 簟 寒
 幽 致 已 應 塵 外 趣
 清 標 還 愛 雪 中 看
 窗 前 月 白 供 佳 賞
 退 食 聊 將 寫 暫 歡

Phiên âm.

ĐỀ THẠCH TRÚC OA

Bàng thạch di tài trúc kỷ can.
 Linh lung sắc ánh bích lang can.
 Yên sao lộ trích y thường lãnh,
 Địa cốt vân sinh chầm đạm hàn.
 U chi dĩ ưng trần ngoại tượng,
 Thanh tiêu hoàn ái tuyết trung khan,
 Song tiền nguyệt bạch cung giai thưởng.
 Thoái thực liêu tương ngụ tạm hoan.

Dịch nghĩa.

ĐỀ NHÀ THANH TRÚC.

Vách đá lơ thơ, trúc mọc gần.
 Long lanh ánh sáng ngọc lang can.
 Hơi sương ngọn lá đầm khăn áo,
 Mây nổi sườn non lạnh chiếu chần.
 Phong cảnh rục người xa cõi tục,
 Thanh u gợi thú tới non Hàn.
 Trước song giảng sáng giờ mây đẹp,
 Nhấp chén quay vào giấc tạm an.

63.— 題 何 校 尉 白 雲 思 親
庭 圓 一 別 歲 花 深
愛 慕 人 皆 共 此 心
客 裡 看 雲 情 易 切
公 餘 披 卷 意 難 禁
家 山 孰 不 懷 桑 梓
忠 孝 何 曾 有 古 今
持 此 贈 金 還 自 感
詩 成 我 亦 淚 沾 襟

Phiên âm :

ĐỀ HÀ HIỆU ÚY, BẠCH VÂN TỰ THÂN.

*Đình vi nhất biệt, tuế hoa thâm.
Ái mộ nhân giai cộng thử tâm,
Khách lý khan vân tình dị thiết,
Công dư phi quyền ý nan cảm.
Gia sơn thực bất hoài tang tử,
Trung hiếu hà tăng hữu cổ kim.
Trì thử tặng quán hoàn tự cảm,
Thi thành ngữ diệc lệ triêm khâm.*

Dịch nghĩa :

ĐỀ HÀ HIỆU ÚY, NHÌN MÂY TRẮNG NHỚ CHA MẸ

*Xuân du đất khách đã lần thay.
Nhà cũ ai không muốn tới ngay,
Quán trọ trông mây tình đã thiết,
Nhà tư đọc sách trí như ngây.
Giang hồ đều nhớ tang cùng tử,
Trung hiếu riêng đâu trước khác nay.
Tặng bác vài câu nhân tự cảm.
Thơ xong tôi cũng lệ vơi đầy.*



64.— 秋夜客感

(莊子.— 楚王與凡君坐. 楚左右曰: 凡亡者三, 凡君曰: 凡之亡者不足以表吾存, 楚之存不足以存存. 由此觀之則凡未始亡而楚未始存也)

旅	舍	蕭	蕭	席	作	門
微	吟	袖	手	過	黃	昏
秋	風	落	葉	霸	情	思
夜	雨	清	燈	客	夢	魂
亂	後	逢	人	非	夙	昔
愁	中	送	目	寫	乾	坤
到	頭	萬	事	皆	虛	幻
休	論	凡	亡	與	楚	存

Phiên âm

THU ĐẠ KHÁCH CẢM.

(Trang-Tử.— Sở-Vương dữ Phàm - Quân tọa. Sở tả hữu viết : Phàm vong giả tam. Phàm Quân viết : Phàm chi vong giả bất túc dĩ biểu ngô tồn. Sở chi tồn bất túc dĩ tồn tồn. Do thử quan chi tắc Phàm vị thủy vong nhi Sở vị thủy tồn dã).

Lữ xá tiêu tiêu tịch tác môn.
 Vi ngâm tự thủ quá hoàng hôn.
 Thu phong lạc điệp kỳ tình tứ.
 Dạ vũ thanh đăng, khách mộng hồn.
 Loạn hậu phùng nhân phi túc tích,
 Sầu trung tổng mục ngụ càn khôn.
 Đáo đầu vạn sự giai hư ảo,
 Hưu luận Phàm vong dữ Sở tồn.

Dịch nghĩa :

ĐÊM THU NƠI ĐẤT KHÁCH.

(Trang-Tử có chép : Sở vương cùng ngồi với Phàm quân.

Các quan Sở nói : Phàm mà mất nước là có ba cớ. Phàm quân nói : Phàm mất không đủ để khoe là ta còn, Sở mà còn không đủ để khoe là còn. Coi đó thì biết Phàm không phải bắt đầu mất, mà Sở không phải mới bắt đầu còn).

*Quán khách tiêu điều xiết nỗi buồn.
Sớm ngày yên ợt tới hoàng hôn.
Gió thu lá rụng khêu tâm tứ,
Mưa tối đèn xanh chiếu mộng hồn.
Sau loạn, gặp người quen cũng lạ,
Cơn buồn, đưa mắt, đại hay khôn.
Tự chung, muôn việc đều hư ảo,
Chớ luận Phàm vong, với Sở tồn.*



65.—

西	風	撼	聲	響	提	錚
搖	落	樹	悲	久	客	情
黃	葉	滿	庭	秋	過	半
青	燈	和	雨	夜	三	更
病	多	骨	瘦	眠	應	少
官	冷	身	閑	夢	亦	清
一	念	息	來	千	念	息
鷄	虫	自	此	了	相	爭

(杜 詩 : 得 失 無 了 時)

Phiên-âm.-

Tây phong hám thụ, hưởng đề tranh.
 Dao lạc thanh bì cửu khách tình.
 Hoàng diệp mãn đình, thu quá bán,
 Thanh đăng hòa vũ dạ tam canh.
 Bệnh đa cốt sấu, miên ưng thiều,
 Quan lãnh thân nhàn, mộng diệp thanh.
 Nhất niệm tức lai, thiên niệm tức.
 Kê trùng tự thử liễu tương tranh.

Dịch-nghĩa.-

Cảnh cây vang động gió thu qua,
 Sào sạc gây buồn khách ở xa,
 Lá úa đầy sân thu quá nửa,
 Đèn soi mưa lạnh, tối canh ba.
 Người gầy, bệnh lắm, nằm thơ thẩn,
 Chúc rồi, quan nhàn, mộng vẫn vơ.
 Một nghĩ đã thôi, nghìn nghĩ hết,
 Chỉ nghe tiếng dế, tiếng canh gà.



66.— 秋夜與黃江阮若水同賦

紅葉堆庭竹擁門
滿階明月過黃昏
九霄清露三更濕
四壁寒蟬徹夜喧
仙籟語秋鶯草木
玉繩低漢轉乾坤
高齋獨坐渾無寐
奴把新詩向志論

Phiên âm

THU ĐẠ, DỮ HOÀNG GIANG,
NGUYỄN NHƯỢC THỦY ĐỒNG PHÚ.

Hồng diệp đòì ðình, trúç ùng môn.
Mãn giai minh nguyệt quá hoàng hôn.
Cửu tiêu thanh lộ tam canh thấp,
Tứ bích hàn tương triệç đạ huyền.
Tiên lại ngử thu kinh thảo mộc,
Ngọc thăng, ðề hàn, chuyển càn khôn.
Cao trai ðộc tọa hồn vô mị,
Hảo bả tân thi hương chỉ luận.

Dịch nghĩa

ĐÊM THU CÙNG HOÀNG GIANG,
NGUYỄN NHƯỢC THỦY, LÀM THƠ.

Lá ðỏ ðầy sân, cồng, trúç treo.
Khắp ðều giăng sáng, tự ban chiều.
Chín tầng lá chạ ðầm sương nặng,
Bốn vách âm u vắng ðể kêu.
Sáo bắc hơi thu cây trúç lá,
Giòng Ngân ánh bạc, tiết thay chiều.
Hiên cao tựa bóng ngòì không ngủ,
Thơ mới lần coi, nghĩ ngợi nhiều.



67.— 望 瀛

望	瀛	投	暮	紫	吟	船
詩	景	撥	人	晚	興	牽
浴	翠	雨	晴	乍	似	玉
大	安	潮	漲	水	如	天
依	依	遠	樹	青	烟	裏
渺	渺	平	沙	白	鳥	前
三	十	年	前	湖	海	趣
茲	遊	奇	經	勝	蘇	仙

Phiên âm

VỌNG DOANH.

Vọng Doanh đầu mộ hệ ngâm thuyền.
 Thi cảnh liêu nhân vãn hứng khiên.
 Dục Thúy vũ tình phong tự ngọc,
 Đại An trào trường, thủy như thiên.
 Y y viễn thụ thanh yên lộ,
 Diều diều bình sa, bạch diều tiền.
 Tam thập niên tiên, hồ hải thú,
 Tư du kỳ tuyết, thắng Tô tiên.

Dịch nghĩa

VỌNG DOANH

Vọng Doanh gác mái bóng non tây,
 Ngắm cảnh nên thơ, hứng dễ gây,
 Dục Thúy hết mưa, non tựa ngọc,
 Đại An tràn sóng, nước như mây.
 Rừng cây thăm thẳm, làn xanh phủ,
 Bãi cát mênh mông, hạc trắng bay.
 Ba chục năm xưa hồ với hải,
 Lão Tô (1) chưa được cảnh ngày nay.

CHÚ THÍCH : (1) Bực đại nho, triều Tống, nước Tàu.



過 神 符 海 口

(在 峨 山 江 流 自 正 大 迴 而 下 雨 邊 水 連
山 拼 立 蛇 蛟 赴 海 景 致 幽 澗 爲 山 大 觀)

神 符 海 口 夜 中 過
奈 此 風 清 月 白 何
夾 岸 千 峯 排 玉 笋
中 流 一 水 走 青 蛇
江 山 如 昨 英 雄 逝
天 地 無 情 事 變 多
胡 越 一 家 今 幸 親
四 溟 從 此 息 鯨 波

Phiên âm

QUÁ THẦN PHÙ HẢI KHẦU

(Tại Nga Sơn. Giang lưu tự Chính Đại, tuần nhị hạ. Lưỡng biên liên sơn phan lập, uyển diên phó hải. Cảnh chí đoạn khoát vi sơn thủy đại quan).

*Thần Phù hải khẩu dạ trung qua.
Nại thử phong thanh nguyệt bạch hà.
Giáp ngạn thiên phong bài ngọc duãn,
Trung lưu nhất thủy tầu thanh xà.
Giang sơn như tác, anh hùng thế,
Thiên địa vô tình, sự biến đa.
Hồ Việt nhất gia kim hạnh đồ,
Tứ minh tông thử tức kinh ba.*

Dịch nghĩa
QUA CỬA BÈ THẦN PHÙ

(Cửa bè ở huyện Nga Sơn. Từ xã Chính Đại xuôi giòng. Hai bên núi mọc hình thế uy nghiêm đi tới bè. Rộng rãi bao la, phong cảnh thật đẹp).

*Thần Phù qua bên ánh giăng lồng,
Gió mát canh khuya cánh vĩ hùng.
Nghìn ngọn theo bờ, hình lá trúc,
Một chiều giữa bè uốn thân rồng.
Nước non như cũ người đâu vắng,
Giời đất vô tình việc rồi bồng.
Hồ Việt một nhà may được thấy,
Từ nay kinh ngạc sạch giòng sông.*



69. — 神 符 海 口

故	國	歸	心	落	雁	達
秋	風	一	葉	海	門	船
鯨	噴	浪	吼	雷	南	北
梁	擁	山	連	玉	後	前
天	地	多	情	俠	巨	浸
歟	名	此	會	想	當	年
日	斜	倚	掉	滄	茫	立
冉	冉	寒	江	起	暮	烟

Phiên âm

THẦN PHÙ HẢI KHẨU

Cổ quốc quy tâm lạc nhận biên,
 Thu phong nhất điệp hải môn thuyền.
 Kinh bốn lãng hồng, lời nam bắc,
 Súc ứng sơn biên, ngọc hậu tiền.
 Thiên địa đa tình khởi cự tâm,
 Huân danh thử hội tưởng đương niên.
 Nhật tà ỷ trạo, thương mang lập,
 Nhiệm nhiệm hàn giang khởi mộ yên.

Dịch nghĩa

CỬA BÈ THẦN PHÙ

Nhớ nước lòng quê, nhận góc gời,
 Lá thu chiếc bách, dạt chơi vơi.
 Kinh gào trên sóng vang sau trước,
 Dáo dộng sườn non khắp mọi nơi,
 Gời đất có duyên cùng giúp sức,
 Tuổi tên gập hội, đoán dâu thời,
 Bóng chiều tựa mái nhìn man mác,
 Trên nước chiều hôm ánh khói rơi.



70.—

淋	江	夜	泊			
港口	聽潮	曾繫	舟			
船窗	隔岸	響更	雨			
海曲	客夜	三十	濤			
膜外	秋風	十丈	幻			
夢中	虛名	是堪	拋			
一生	浮習	事渾	作			
不爲	氣愁	損舊	蒙			

Phiên âm :

LÂM-CẢNG DẠ BẠC

Cảng khẩu thỉnh triều, tạm hệ đao,
 Am am cách ngạn hưởng bồ lao.
 Thuyền song khách dạ, tam canh vũ,
 Hải khúc thu phong thập trượng đào
 Mạc ngoại hư danh, thân thị ảo.
 Mộng trung phù tặc sự kham phao.
 Nhất sinh tập khí, hồn như tạc,
 Bất vị kỳ sâu, tồn cự hào.

Dịch nghĩa :

ĐÊM ĐI THUYỀN QUA LÂM-CẢNG.

Cửa bè trào lên; tạm gác chèo.
 Xa nghe trên bến tiếng bồ lao (1).
 Cửa bỗng đêm tối, mưa liên tiếp,
 Góc bè hơi thu, sóng nổi cao.
 Xa thực, hư danh thôi vứt bỏ,
 Như mơ, tục lụy chẳng xô vào.
 Việc đời từng trải, sau như trước,
 Không đề sâu-thu giảm khí hào.

CHÚ THÍCH : Bồ lao là giống thú ở bờ bờ, rất sợ cá kinh, thấy bóng cá kinh là rống lên. Cho nên chuông chùa chạm hình bồ lao, chày nện chuông chạm hình cá kinh.



71.— 海口夜泊有感

潮	海	年	來	興	未	閑
乾	坤	到	處	覺	心	寬
眼	邊	春	色	薰	人	醉
枕	上	潮	聲	入	夢	寒
歲	月	無	情	雙	鬢	白
君	親	在	念	寸	心	丹
一	生	事	業	殊	堪	笑
贏得	浮	名	落	世	間	

Phiên âm

HẢI KHẨU DẠ BẠC HỮU CẢM

Hồ hải niên lai hứng vị lan.
 Càn khôn đáo xứ giác tâm khoan.
 Nhân biên xuân sắc huân nhân túy,
 Châm thương triều thanh nhập mộng hàn.
 Tuế nguyệt vô tình song mấn bạch,
 Quân thân tại niệm thốn tâm đan.
 Nhất sinh sự nghiệp, thù kham tiếu,
 Doanh đắc phù danh lạc thế gian.

Dịch nghĩa

ĐÊM THUYỀN TỚI CỬA BÈ CẢM HỨNG

Hồ hải ngày nay vẫn chứa nhân.
 Nơi nơi đi lại đã hơi yên.
 Bên mình xuân tới hương thơm nức,
 Trước gối trào lên tiếng động quen.
 Tóc bạc thờ ơ tình tuế nguyệt,
 Lòng son thắc mắc nghĩa quân thân.
 Một đời sự nghiệp nên cười thực,
 Cũng được phù danh với thế gian.



72. 一 別 江 湖 數 十 年
 海 門 今 夕 繫 吟 般
 波 心 浩 渺 滄 洲 月
 樹 影 參 差 浦 寂 烟
 往 事 難 尋 時 易 過
 國 恩 未 報 老 堪 憐
 平 生 獨 抱 先 憂 念
 坐 擁 寒 衾 夜 不 眠

Phiên âm

*Nhất biệt giang hồ số thập niên.
 Hải môn kim tịch hệ ngâm thuyền.
 Ba tâm hao điều, Thương châu nguyệt,
 Thụ ảnh sâm si phổ tự yên.
 Vãng sự nan tìm, thời dị quá,
 Quốc ân vị báo, lão kham liên.
 Bình sinh độc bão tiên ưu niệm,
 Tọa ủng hàn khâm dạ bất miên.*

Dịch nghĩa

*Rời chốn giang hồ mấy chục năm.
 Chiều nay cửa bè lại qua thăm.
 Sóng tràn trên bãi, theo giăng sáng,
 Khói phủ rừng sâu lẫn bóng đêm.
 Việc trước tìm đâu, thời biến chuyển,
 Ớn vua chưa báo, dạ âm thầm.
 Bình sinh «lo trước» là tâm nguyện.
 Ngồi tựa bên chăn, chữa nghĩ nằm.*



73.—

龍 袋 岩
 (袋 一 作 袋 清 華 山 名 清 江 橫 前.
 紅 岩 遠 後 詳 安 南 志).
 去 年 虎 穴 我 曾 窺
 龍 袋 今 觀 不 窟 奇
 鰲 負 出 山 山 有 洞
 鯨 遊 塞 海 海 爲 池
 壺 中 日 月 天 難 老
 丙 上 英 雄 此 一 時
 黎 范 風 流 嗟 漸 遠
 青 苔 半 蝕 壁 間 詩

Phiên âm :

LONG ĐẠI NHAM.

(Đại 袋 nhất tác 岱 Thanh Hoa sơn danh. Thanh giang
 hoành tiền. Hồng nham nhiều hậu. Tường An Nam chí).

*Khứ niên hồ huyết ngã tàng khuy
 Long Đại kim quan bất quật kỳ.
 Ngao phụ xuất sơn, sơn hữu động,
 Kinh du tắc hải, hải vi tri.
 Hồ trung nhật nguyệt, thiên nan lão,
 Thế thượng anh hùng thử nhất thời,
 Lê, Phạm phong lưu, ta tiếm viễn,
 Thanh đài bán thực bích gian thi.*

Dịch nghĩa.

NÚI LONG ĐẠI

(Chữ Đại 岱 có bản viết ra chữ 袋. Tên núi ở Thanh Hoa
 Có Thanh Giang trước mặt. Có Hồng Nham uốn quanh phía
 sau. Coi trong tập An Nam Chí)

Năm xưa Hồ huyết đã đi về,
Long Đại năm nay chẳng kém gì.
Ngao biển núi to, còn động đá,
Bề thành ao nhỏ, vị kinh nghề.
Trong hồ nhật nguyệt lâu không khuyết,
Cái kiếp anh hùng, chỉ một thì.
Lê, Phạm, phong lưu, ai nhắc tới,
Rêu xanh ăn xém chữ bia đề.



74.— 次 韻 陳 尚 書 題 阮 布 政 草 堂
 一 心 報 國 尚 桓 桓
 小 橋 節 亭 且 自 寬
 微 省 退 歸 花 影 轉
 金 門 夢 覺 漏 聲 殘
 琴 書 雅 趣 真 堪 尚
 松 菊 歡 盟 亦 未 寒
 後 樂 想 知 終 有 意
 好 將 事 業 百 年 看

Phiên âm

THỨ VẠN TRẦN THƯỢNG THƯ ĐỀ NGUYỄN BỐ CHÍNH
 THẢO ĐƯỜNG.

*Nhất tâm báo quốc thượng hoàn hoàn.
 Tiều cầu mao đình, thả tự khoan.
 Huy tỉnh thoái quy, hoa ảnh chuyển,
 Kim môn mộng giác, lậu thanh tàn.
 Cầm thư nhã thú, chân kham thượng,
 Tùng cúc hoan minh, diệc vị hàn.
 Hậu lạc tương tri chung hữu ý.
 Hảo tương sự nghiệp bách niên khan.*

Dịch nghĩa

TIẾP BÀI THƠ TRẦN THƯỢNG THƯ VINH THẢO ĐƯỜNG
 NGUYỄN-BỐ-CHÍNH.

*Một lòng vì nước rõ uy phong,
 Nhà nhỏ yên vui lúc việc xong.
 Xa mã lui về cùng bóng xế,
 Kim môn tỉnh mộng với vừng hồng.
 Thơ đàn sẵn thú, đều ham chuộng,
 Tùng cúc còn tươi, chưa hết đông.
 «Hậu lạc» biết rằng như có ý,
 Trăm năm sự nghiệp đề soi chung.*

75.— 端 午 日 佳 辰
 天 中 共 喜 值 物 新
 酒 泛 葛 蒲 節 永 叔
 進 帖 當 年 思 永 均
 沈 湘 底 事 嘆 靈 臂
 開 邪 不 用 絲 纏 人
 隨 俗 聊 為 艾 結 海
 願 把 蘭 湯 分 四 民
 芝 今 雪 澡 舊 污 民

Phiên âm.

ĐOAN NGỌ NHẬT

Thiên trung cộng hỷ trị giai thần.
 Tửu phiếm xương bồ tiết vật tân.
 Tiến thiếp đương niên tư Vĩnh Thúc,
 Chăm Tương đề sự thần Linh Quán,
 Tịch tà bất dụng ty triển tỷ,
 Tỳ tục liêu vi ngải kết nhân,
 Nguyên bả lan thang phân tứ hải,
 Chỉ linh tuyết tẩy cừ ô dân.

Dịch nghĩa.

NGÀY ĐOAN NGỌ

Nhớ ngày đoan ngo có nguyên nhân.
 Ngâm cỏ xương bồ chén rượu thần,
 Thơ chép tường xưa như Vĩnh Thúc (1),
 Giòng Tương nghĩ lại nhớ Linh Quân (2).
 Buộc dây bồ dụng trừ ma quỷ,
 Kết ngải không theo giống tục nhân.
 Chỉ muốn nước lan, tràn bốn bề,
 Đề cho hết bần lũ ngu dân.

CHÚ THÍCH: (1) Hiệu của An Dương Tu, thi-nhân triều Tống nước Tàu.

(2) Hiệu của Khuất Nguyên, đại hiền thời Chiến quốc nước Tàu.

76. 秋 日 偶 成

蒼	蒼	墜	葉	響	庭	鳴
病	骨	纔	蘇	氣	轉	豪
天	地	斯	文	從	古	重
湖	山	清	興	八	秋	高
鏡	中	白	髮	偕	人	老
身	外	浮	名	護	再	勞
緬	想	故	園	三	經	菊
夢	魂	夜	夜	上	歸	初

Phiên âm

THU NHẬT NGÂU THÀNH

Tiểu tiêu trụ diệp hưởng đình cao.
 Bệnh cốt tủy tở, khí chuyển hao.
 Thiên địa tư văn tòng cổ trọng,
 Hồ sơn thanh hứng nhập thu cao.
 Kinh trung bạch phát giai nhân lão,
 Thân ngoại phù danh, mạn nhĩ lao.
 Miễn tưởng cố viên, tam kinh cú,
 Mộng hồn dạ dạ thượng quy đao.

Dịch nghĩa

NGÀY THU

Lá vàng lách tách rụng ngoài sân.
 Bệnh khởi, hào hùng, khí mạnh dần.
 Giời đất thi thư từ trước quý
 Non sông hứng thú tới thu hơn.
 Mảnh gương tóc bạc, người căn cổ.
 Việc thế, danh hư, chỉ nhọc nhằn.
 Xa thăm vườn xưa ba dãy cúc,
 Con thuyền tối tối, mộng như gần.



77.— 漫興

世	路	蹤	蛇	雪	上	巖
一	生	落	魄	更	堪	偶
兒	孫	種	福	留	心	地
魚	鳥	忘	情	樂	性	天
掃	雪	責	茶	軒	竹	下
焚	香	對	案	鳴	梅	邊
故	山	昨	夜	鐺	清	夢
月	滿	平	灘	酒	滿	般

Phiên âm

MẠN HÙNG

Thử lộ sa đà tuyết thượng điền.
 Nhất sinh lạc phách, cánh kham liên.
 Nhi tôn chủng phúc lưu tâm địa,
 Ngư điều vong tình, lạc tình thiên.
 Tảo tuyết chữ trà, hiên trúc hạ,
 Phần hương đối án ở mai biên.
 Cổ sơn tác dạ triền thanh mộng,
 Nguyệt mãn bình than, tửu mãn thuyền.

Dịch nghĩa

MẠN HÙNG

Khúc khuỷu đường đời, tuyết phủ trên.
 Một đời lưu lạc nghĩ thêm phiền.
 Cháu con gây phúc cần nơi ở,
 Chìm cá vô tình mới tự nhiên.
 Quét tuyết nấu chè, hiên trúc ngả,
 Đốt trầm tựa án vách mai liền.
 Non xưa đêm trước nhìn trong mộng,
 Giăng ngập Bình Than, rượu ngập thuyền.



78.—

九	萬	搏	風	起	昔	曾
當	年	錯	比	北	溟	鵬
虛	名	自	誤	成	箕	斗
後	學	誰	將	作	準	繩
一	片	丹	心	真	來	火
十	年	清	職	玉	壺	冰
優	遊	且	復	言	余	好
俯	仰	隨	人	謝	不	能

Phiên âm

Cửu vạn đoàn phong ký tích tàng,
 Dương niên thác tử Bắc minh bằng.
 Hư danh tự ngộ thành cơ đầu,
 Hậu học thù tương tác chuẩn thăng.
 Nhất phiến đan tâm chân hống hỏa,
 Thập niên thanh chức ngọc hồ băng.
 Ưu du thả phục ngôn dư hảo,
 Phủ ngưỡng tùy nhân, tạ bất năng.

Dịch nghĩa

Nhờ gió bay lên chín vạn tầng.
 Dám đem thân thế ví chim bằng.
 Hư danh tự nhận ngôi sao sáng,
 Hậu học coi như mực thước giảng.
 Một mảnh lòng son vàng giữa sắc,
 Mười năm chức tạm ngọc hồ băng.
 Bận bề vẫn nói, ta tài giỏi,
 Lượng cả bao dung tại thế chẳng.

79.—

烏 免 匆 匆 祝 不 留
 回 頭 萬 事 總 宜 休
 空 花 幻 眼 眠 蕉 鹿
 俗 境 驚 心 喘 月 牛
 矮 屋 栖 身 堪 度 老
 蒼 生 在 念 獨 先 憂
 彭 殤 感 穀 都 休 論
 古 往 今 來 貉 一 邱
 (南 地 多 暑 , 吳 牛
 畏 熱 見 月 誤 為 日 而 喘)

Phiên âm

Ô thổ thông thông văn bất lưu.
 Hồi đầu vạn sự tổng nghi hưu.
 Không hoa ảo nhãn, miên tiêu lộc,
 Tục cảnh kinh tâm, suyễn nguyệt ngư.
 Ải ốc thể thân, kham độ lão,
 Thương sinh tại niệm, độc tiên ưu,
 Bành thương cảm cốc, đồ hưu luận,
 Cồ vãng kim lai, lạc nhất khu.

(Nam địa đa thử, hạo ngư uy nhiệt, kiến nguyệt ngộ vi nhật, nhi suyễn)

Dịch nghĩa

Thời gian chóng hết thoáng ngày trôi.
 Mọi việc trông về muốn nghỉ thôi.
 Hươu dẫu quên nơi gờ mộng ảo, (1)
 Trâu nhìn giăng sáng tưởng ngày rồi.
 Vui thân nô lệ, tâm dù muốn,
 Cứu nước gian lao nợ phải xuôi.
 Già yếu số giờ thôi chớ nghĩ,
 Xưa nay một năm ánh trăng soi.

CHÚ THÍCH: (1) chuyện xưa, có người bắt được CON HƯU, dẫu một chỗ, lấy lá che đây. Rồi quên mất nơi dẫu, ngỡ là giấc mộng.



80.—

朴	散	淳	滴	聖	道	真
吾	儒	事	業	杳	無	聞
逢	辰	不	作	商	岩	雨
退	老	思	耕	谷	口	雲
每	嘆	百	年	同	過	客
何	曾	一	飯	忍	忘	君
人	生	識	字	多	憂	患
坡	老	曾	云	我	亦	云

(東坡云杜子寒饑雲流落未嘗一飯忘君)。

Phiên âm :

Phác tán thuần lý thánh đạo chân.
 Ngô nho sự nghiệp điều vô vấn,
 Phùng thời bất tác Thương nham vũ,
 Thoái lão tư canh Cốc khẩu vân.
 Mỗi thân bách niên đồng quá khách,
 Hà tằng nhất phạn nhĩn vong quân.
 Nhân sinh thức tự đa ưu hoạn,
 Pha Lão tằng vân, ngã diệc vân.

(Đồng Pha vân, Đỗ Tử Mỹ cơ hàn lưu lạc vị thường nhất phạn vong quân.

Dịch nghĩa.

Đạo thánh uyên nguyên chẳng được thua.
 Từ lâu sao vắng tiếng nhà nho.
 Núi rừng, không ăn khi đương vận,
 Vườn ruộng tìm về lúc cuối mùa.
 Vẫn bảo trăm năm coi tựa khách,
 Sao còn một bữa chẳng quên vua.
 Đông Pha đã nghĩ, ta cùng nghĩ,
 Biết chữ là thường cứ phải lo.

(Đồng Pha nói : Đỗ Tử Mỹ khi đói rét lưu lạc chưa thường một bữa quên vua).



81.—

小	院	陰	陰	石	徑	針
條	然	官	況	似	僧	家
官	情	易	怯	傷	弓	鳥
暮	影	難	留	赴	壑	蛇
夢	覺	故	圓	三	徑	菊
心	清	活	水	一	甌	茶
回	頭	六	十	年	前	事
雙	鬢	星	星	兩	眼	花

Phiên âm

Tiểu viện âm âm thạch kính tà
 Tiêu nhiên hoạn hướng tự tăng gia.
 Hoạn tình dị khiếp thương cung điều,
 Mộ ảnh nan lưu phó hác xà.
 Mộng giác cổ viên tam kính cúc,
 Tâm thanh hoạt thủy nhất âu trà.
 Hồi đầu lục thập niên tiền sự,
 Song mấn tinh tinh lưỡng nhân hoa.

Dịch nghĩa

Nhà nhỏ đường quai, bóng xế tà.
 Xét coi hoạn hướng lạnh như tờ.
 Phải cung, chim thấy cảnh cong sợ,
 Gắn tối, muông về hốc đá chờ.
 Tưởng nhớ vườn sau ba giấy cúc
 Mơ màng hiên cũ một bình trà.
 Sáu mươi năm trước chưa quên việc,
 Nay tóc hoa râu, mắt đã mờ.

82.— 夏 日 漫 成

傳	家	舊	業	只	青	龍
離	亂	如	今	命	苟	全
浮	世	百	年	真	似	夢
人	生	萬	事	總	關	天
一	壺	白	酒	消	塵	慮
半	榻	清	風	足	午	眠
惟	有	故	山	心	未	斷
何	時	結	屋	向	梅	邊

Phiên âm

HẠ NHẬT MẠN THÀNH

Truyền gia cựu nghiệp chỉ thanh chiền.
 Ly loạn như kim mệnh cầu toàn,
 Phù thế bách niên chân tự mộng,
 Nhân sinh vạn sự tổng quan thiên.
 Nhất hồ bạch tửu tiêu trần lự,
 Bán tháp thanh phong, túc ngộ miên.
 Duy hữu cố sơn tâm vị đoạn,
 Hà thời kết ốc hướng mai biên.

Dịch nghĩa

Nghiệp xưa truyền lại mảnh thanh chiền.
 Đời loạn riêng thân được vẹn tuyền.
 Trần thế trăm năm là mộng cả
 Nhân sinh muôn việc tự giờ nên.
 Một bình choáng váng thôi lo nghĩ,
 Nửa chiếu thanh thanh được giấc yên
 Chỉ có non xanh chưa rút được,
 Khóm mai mong lúc lợp nhà bên.



83.—

漫成。

青	年	芳	譽	鴻	儒	林
老	去	名	名	付	夢	尋
杜	客	從	歸	歸	漢	寔
抱	琴	自	操	南	音	念
仲	尼	月	無	君	忠	心
孟	子	孤	慮	志	舊	業
但	喜	弓	存	舊	業	金
傳	家	何	用	滿	藏	

Phiên âm.

MẠN THÀNH.

Thanh niên phương dự ái nhỏ lâm.
 Lão khứ hư danh phó mộng tâm.
 Trọng sách hà tông quy Hán thất,
 Bão cầm không tự tháo Nam âm.
 Trọng Ni tam nguyệt vô quân niệm,
 Mạnh Tử có thân lý hoạn tâm.
 Dẫn hỷ cung cơ, tồn cựu nghiệp,
 Truyền gia hà dụng mãn doanh kim.

Dịch nghĩa.

CẨM HÙNG

Thanh niên được tiếng gốc rừng nho.
 Luống tuổi hư danh mới thẹn thò.
 Theo chính, gươm mài, tìm rõ lối,
 Về Nam đàn gảy đã nên trò.
 Trọng Ni ba tháng xa vua nhớ,
 Mạnh Tử riêng mình việc nước lo.
 Mừng được cơ cầu, nghề sẵn đấy,
 Còn hơn vàng bạc chất đầy kho.

84.—

服	中	浮	世	總	浮	雲
左	角	驚	看	日	晉	泰
天	或	喪	斯	知	有	命
邦	如	有	道	亦	羞	貧
陳	平	自	信	能	爲	志
杜	甫	誰	怜	已	誤	身
世	事	不	知	何	日	了
扁	舟	歸	釣	五	湖	春

Phiên âm

Nhân trung phù thế, tổng phù vân.
 Tả' giốc kinh khan nhật Tấn Tần.
 Thiên hoặc táng tư, tri hữu mệnh,
 Bang như hữu đạo diệc tu bần.
 Trần Bình tự tín năng vi tề,
 Đỗ Phủ thù linh dĩ ngộ thân.
 Thế sự bất tri hà nhật liễu,
 Biên chu quy điểu ngũ hồ xuân.

Dịch nghĩa

Cõi trần mắt thấy thực phù vân.
 Kinh hoảng đều như chuyện Tấn Tần.
 Giời hoặc không cho, đành chịu mệnh,
 Nước như còn được mới lo bần.
 Trần Bình tự tín, nên công cán,
 Đỗ Phủ hay nghi bị khó khăn.
 Thế sự bao giờ xong giải quyết,
 Thuyền câu mới thả hưởng ngày xuân.



85.—

博	山	香	爐	午	窗	虛
懶	性	從	來	愛	索	居
家	有	琴	書	兒	輩	樂
門	無	車	馬	故	人	疎
齋	鹽	隨	分	安	衡	泌
湖	海	樓	身	憶	釣	魚
與	世	漸	疎	頭	向	白
東	山	日	日	賦	歸	與

Phiên âm

Bắc Sơn hương tản, ngộ song bư,
 Lại tỉnh tông lai, ái sách cư.
 Gia hữu cầm thư, nhi bối lạc,
 Môn vô xa mã cổ nhân sơ,
 Tê diêm, tùy phận, an hành bí,
 Hồ, hải, thê thân ức điệu ngư.
 Dữ thế tiệm sơ, đầu hương bạch,
 Đông sơn, nhật nhật phú quy dư.

Dịch nghĩa

Bên sông núi Bắc, ngọn hương mờ,
 Lười nhác nằm dài, tỉnh vốn ưa.
 Nhà có sách đàn, con trẻ thích,
 Cửa không xe ngựa, khách quen, thưa.
 Rừng khe, nón lá, đời êm ái,
 Sông bè thuyền câu, tỉnh nhơn nhơ.
 Thế tục tạm xa, râu tóc bạc,
 Đông Sơn về sớm liệu bao giờ.



86.— 偶 成

喜	得	身	閒	官	又	冷
閒	門	盡	日	少	相	過
滿	堂	雲	氣	朝	焚	柏
遠	枕	松	聲	夜	淪	茶
修	已	但	知	爲	善	樂
致	身	未	必	讀	書	多
平	生	迂	濶	真	吾	病
無	術	能	醫	老	更	加

Phiên âm

NGÂU THÀNH.

*Hỷ đắc thân nhàn, quan hựu lãnh,
 Bể môn tận nhật thiếu tương qua.
 Mãn đường vân khí triều phần bách,
 Nhiều chầm từng thanh dạ hấp trà.
 Tu kỷ dẫn tri vi thiện lạc,
 Tri thân vị tất độc thư đa.
 Bình sinh vu khoát, chân ngộ bệnh,
 Vô thuật năng y lão cánh gia.*

Dịch nghĩa

NGÂU THÀNH.

*Mừng được thanh nhàn, chức việc nhàn.
 Cửa gài thăm hỏi ít ai cần.
 Rượu thêm hương bách, ngày mây phủ,
 Chè ngát bên từng, tối gió dần.
 Vui nhất là khi mình tự sửa,
 Học nhiều chưa đủ được bền gan.
 Viễn vông chính bệnh từ xưa mắc,
 Thuốc đã không hay, bệnh lại hơn.*



87.—

酬	友	人	見	寄	
橋	嬌	龍	驤	萬	斛
安	行	每	懼	覆	中
事	堪	涕	淚	非	言
運	落	風	波	豈	智
身	外	浮	名	烟	閣
夢	中	花	鳥	故	山
慙	慙	堪	謝	鄉	中
聊	把	新	詩	寫	我

Phiên âm

THÙ HỮU NHÂN KIẾN KÝ.

Kiêu kiêu long tương vạn học chu.
 An hành mỗi cụ phúc trung lưu.
 Sự kham thể lệ phi ngôn thuyết,
 Vạn lạc phong ba khởi trí mưu.
 Tân ngoại phù danh yên các huỳnh,
 Mộng trung hoa điều cố sơn u.
 Ân cần kham tạ hương trung hữu,
 Liều bả tân thi tả ngã sầu.

Dịch nghĩa

ĐÁP THƠ BẠN GỬI HÀNG.

Bề lạng thuyền to sức nhẹ mau,
 Vắn e chìm đắm vẫn lo âu.
 Việc thua không phải như lời đoán,
 Vắn hồng đâu vì kém nghĩ sâu.
 Bỏ hết hư danh thân chữa tới,
 Về bên khe suối, hẹn còn lâu.
 Cùng làng bạn cũ, ơn xin tạ,
 Tiện gửi thư qua kẻ nổi sầu.



88 —

和	友	人	烟	霞	寫	興
蓬	萊	弱	水	香	無	涯
俗	境	低	回	髮	半	花
雲	外	故	磐	空	蔥	帳
月	中	清	夢	遠	山	家
心	如	野	鶴	飛	天	際
跡	似	征	鴻	踏	雪	沙
岩	穴	栖	身	何	日	是
天	門	回	首	五	雲	餘

Phiên âm

HÓA HỮU NHÂN YÊN HÀ NGỰ HÙNG.

Bồng Lai, Nhược Thủy, điều vô nha,
 Tục cảnh đề hồi, phát bán hoa.
 Ván ngoại cố cư, không huệ trướng,
 Nguyệt trung thanh mộng, nhiều sơn gia.
 Tâm như dã hạc, phi thiên tử,
 Tích tự chinh hồng, đập tuyết sa.
 Nham huyết thể thân, hà nhật thị.
 Thiên môn hồi thủ ngũ vân xa.

Dịch nghĩa

HÓA THƠ BẠN NHÌN MÂY NƯỚC CẢM HÙNG.

Bồng Lai, Nhược Thủy, biết đâu là.
 Lăn lộn đường đời, tóc diềm hoa.
 Nền cũ ngoài mây, trơ khóm huệ.
 Giăng thanh trong mộng chiếu non nhà.
 Tâm như tâm hạc, làn mây khói,
 Chân giống chân hồng, đám tuyết sa.
 Bên đá gửi thân, mong chóng được,
 Năm mây nhìn nhận của riêng ta.



89.—

仙	書	數	春	舊	生	涯
錢	食	松	根	晴	日	華
竹	有	千	竿	棚	俗	客
塵	無	半	點	到	山	家
瑤	階	鶴	波	窗	斜	月
釣	渚	寒	魚	棹	攔	沙
徒	覺	壺	中	風	月	好
年	年	不	用	一	錢	餘

Phiên âm

Tiên thư sồ quyền cự sinh nha,
 Cơ thực tùng căn, tước nhật hoa.
 Trúc hữu thiên can, lan tục khách,
 Trần vô bán điểm đảo sơn gia.
 Dao giai, hạt lệ, song tà nguyệt,
 Điếu chữ, ngư hàn, trạc các sa.
 Đồ giác hồ trung phong nguyệt hảo,
 Niên niên bất dụng nhất tiền xa.

Dịch nghĩa

Tiên thư vài quyền vốn riêng ta.
 Đồi sẵn rễ tùng, sẵn cánh hoa.
 Trúc có ngàn cây, ngăn tục khách,
 Trần không mây bụi, tới non nhà.
 Bến câu cá lặn, con thuyền buộc,
 Tiếng hạc thêm châu, bóng nguyệt tà.
 Chỉ thấy trong bầu, mây gió sẵn,
 Hằng năm mua bán, chẳng từng qua.



90.—

節	水	三	間	野	水	涯
少	年	刺	落	舊	紛	華
得	安	分	處	仍	隨	分
未	出	家	時	且	駐	家
檻	裏	雲	山	無	寵	辱
域	中	軒	冕	總	塵	沙
葛	翁	一	去	今	千	載
丹	竈	寒	烟	歲	月	餘

Phiên âm

Ngang Thủy tam gian, dã thủy nha.
 Thiếu niên bác lạc, cự phân hoa.
 Đắc an phận xứ, nhưng tùy phận.
 Vị xuất gia thời thả trú gia.
 Hạm lý vân sơn, vô sủng nhục,
 Thành trung hiển miện, tổng trần sa.
 Cát Ông nhất khứ, kim thiên tải,
 Đan táo, hàn yên, tuế nguyệt xa.

Dịch nghĩa

Ngang Thủy bên sông cất nếp nhà.
 Nhớ xưa vốn thích cảnh phồn hoa.
 Được nơi yên phận, còn tùy phận,
 Chưa tới xuất gia hãy ở gia.
 Cửa ngõ non mây, xa quý tiện,
 Trong kinh mũ áo chính nam khoa.
 Cát Ông đi khỏi, nghìn năm chân,
 Lò thuốc do tàn, ngày tháng qua.



91. —

次	韻	黃	門	侍	郎	阮
菊	坡	賀	新	居	成	荆
弓	餘	鮮	地	平	榛	銘
喜	得	新	詩	地	座	酒
翁	秋	屢	頗	謀	婦	經
囊	書	惟	有	草	玄	客
蓬	門	倒	履	迎	佳	樞
花	塢	移	床	近	曲	甚
笑	我	老	來	狂	更	醒
旁	人	休	快	次	公	

Phiên âm

THÚ VÂN HOÀNG MÔN THỊ LANG, NGUYỄN CÚC PHA, HẠ TÂN
CƯ THÀNH

Cung dư tịch địa bán trấn kinh,
Kỷ đắc tân thi địa tọa minh.
Ổng thuật lữ khuynh, mưu phụ tửu,
Nàng thư duy hữu Thảo Huyền kinh.
Bồng môn đảo lý, nghênh giai khách,
Hoa ồ di sáng, cận khúc linh.
Tiểu ngã lão lai, cuồng cánh thậm,
Bàng nhân hưu khoái thứ công tình.

Dịch nghĩa

HỌA THƠ MỪNG DỰNG NHÀ MỚI CỦA HOÀNG MÔN THỊ LANG
NGUYỄN CÚC PHA

Đất xa, sau loạn, cỏ gai sinh,
Mừng được thư hiền viết đoạn minh.
Bầu dốc may còn thù tạc chén,
Sách coi chỉ có thảo huyền kinh.
Cửa tre bước với mời tân khách,
Chiều đọc bên hiên đủ tiếp nghênh.
Tuổi tác bị cười lời đã lẫn,
Mừng rằng còn họa, trí còn rành.



92.— 次 菊 坡 贈 詩
 太 平 天 子 正 崇 文
 喜 見 黃 金 礫 瓦 分
 美 玉 不 勞 求 善 價
 猗 蘭 終 自 吐 清 芬
 羨 君 已 作 儀 庭 鳳
 愧 我 應 同 出 軸 雲
 兩 眼 昏 花 頭 更 白
 涓 埃 何 以 荅 君 恩

Phiên âm

THƯ CÚC PHA TẶNG THI

Thái bình Thiên Tử chính sùng văn.
 Hỷ kiến hoàng kim lịch ngổa phân,
 Mỹ ngọc bất lao cầu thiện giá,
 Ý lan chung thị thổ thanh phân.
 Tiễn quân dĩ tác Nghi Đình Phụng,
 Quý ngã ưng đồng xuất Trục vân.
 Lưỡng nhãn hôn hoa, đầu cánh bạch,
 Quyên ai hà dĩ đáp quần ân.

Dịch nghĩa :

HOA THƠ CÚC PHA TẶNG

Thái bình Thiên Tử chính ưa văn,
 Vàng ngói may thay được rõ dần.
 Ngọc tốt khỏi cần mong có giá,
 Hương thơm rồi thấy chính là lan.
 Xin mừng ông có Nghi Đình Phụng,
 Đáng thẹn tôi cùng Xuất Trục vân.
 Đôi mắt lóa mờ, đầu lại bạc,
 Có gì dám nghĩ đáp thâm ân.



93.— 送僧道謙歸山

記曾講學十餘年
 今又相逢一夜眠
 且喜夢中拋俗事
 更尋石上話前緣
 明朝靈浦還飛錫
 何日崑山共聽泉
 老去狂言休怪我
 臨岐我亦上乘禪

Phiên âm

TỔNG TẶNG ĐẠO KHIÊM QUY SƠN

Ký tặng giảng học thập dư niên.
 Kim hựu tương phùng nhất dạ miên.
 Thả hỷ mộng trung phao tục sự,
 Tiên tâm thạch thượng thoại tiền duyên.
 Minh triều Linh Phố hoàn phi tích,
 Hà nhật Côn Sơn cộng thính tuyên.
 Lão khứ cuồng ngôn hưu quái ngã,
 Lâm kỳ ngã diệc thượng thừa thiền.

Dịch nghĩa :

THƠ TẶNG TẶNG ĐẠO KHIÊM VỀ Ở NÚI

Đã từng thấy giảng trước mười năm.
 Trò truyện đêm nay lại gặp cầm.
 Trong mộng vẫn mừng đời tục lụy,
 Trên khe được nổi chuyện Thiền Lâm.
 Chiều nay Linh Phố dời y bát,
 Bao thừa Côn Sơn được kiếm tìm,
 Chớ lạ tuổi già sinh nói lẫn,
 Về non tôi sẽ có thiền tâm.



94.— 即興

覽	翠	亭	東	竹	滿	林
柴	門	畫	掃	淨	陰	陰
雨	餘	山	色	青	詩	眼
潦	退	江	光	淨	俗	心
戶	外	鳥	啼	知	客	至
庭	邊	木	落	識	秋	深
午	窗	睡	醒	潭	無	寐
隱	几	焚	香	理	玉	琴

Phiên âm

TÚC HÙNG.

Lâm thúy đình đông trúc măn lăm,
 Sài môn trú tảo tĩnh âm âm.
 Vũ dư sơn sắc thanh thi nhĩn,
 Lão thoái giang quang, tĩnh tục tâm.
 Hộ ngoại điều đề tri khách chí,
 Đình biên mộc lạc thức thu thám.
 Ngộ song thụy tĩnh hữn vô mị,
 Ẩn kỷ phần hương, lý ngọc cầm.

Dịch nghĩa :

TÙY HÙNG.

Lâm thúy tường đông trúc khắp rừng.
 Cửa sài sớm quét sạch lãng lãng.
 Sườn non mưa tạnh, màu thêm biếc,
 Lặng sóng, lòng sông sáng tựa gương.
 Ngoài ngõ chim kêu, tin khách tới,
 Bên song lá rụng báo thu sang.
 Ngộ song mơ tỉnh, không thành giấc,
 Tựa án ôm đàn, khói tỏa hương.



95.— 晚興

窮	巷	幽	居	苦	寂	寥
鳥	巾	竹	杖	晚	道	遙
村	荒	日	落	霞	櫻	樹
野	徑	人	稀	水	沒	橋
今	古	無	窮	江	漠	漠
英雄	有	恨	葉	蒼	蒼	
歸	來	獨	凭	欄	杆	坐
一	片	冰	蟾	掛	碧	霄

Phiên âm

VĂN HÙNG.

Cùng hạng u cư khổ tịch liêu.
 Ô căn, trúc trượng, văn tiêu dao.
 Thôn hoang nhật lạc, hà anh thụ,
 Dã kinh nhân hý thủy một kiêu.
 Kim cổ vô cùng giang mạc mạc,
 Anh hùng hữu hận, điệp tiêu tiêu.
 Quy lai độc băng lan can tọa,
 Nhất phiến băng thiềm quả bích tiêu.

Dịch nghĩa.

VĂN HÙNG.

Ngõ hẻm nhân cư, cảnh quạnh hiu.
 Khăn đen gậy trúc thú tiêu dao.
 Bóng xiên trong xóm, cây cao ngả,
 Cầu trước đường quai, khách vắng teo.
 Kim cổ vô cùng, giòng nước chảy,
 Anh hùng thường hận, lá vàng gieo.
 Lan can ngồi tựa, khi về nghỉ,
 Một mảnh trăng non, vách biếc treo.



96.— 秋 月 偶 成

幽	齊	睡	起	獨	沉	吟
案	上	香	消	淨	客	心
靜	裏	乾	坤	鶯	萬	變
閒	中	日	月	值	千	金
儒	風	冷	淡	時	情	薄
聖	城	優	遊	道	味	深
讀	罷	羣	書	無	蘭	事
老	悔	窗	畔	理	瑤	琴

Phiên âm :

THU NGUYỆT NGÂU THÀNH.

U trai thụy khởi, độc trầm ngâm.
 Ân thượng, hương tiêu, tĩnh khách tâm.
 Tĩnh lý càn khôn, kinh vạn biến,
 Nhân trung nhật nguyệt trị thiên kim.
 Nho phong lãnh đạm, thời tình bạc,
 Thánh vực ưu du đạo vị thâm
 Độc bãi quần thư vô cá sự,
 Lão mai song bạn lý dao cầm.

Dịch nghĩa :

TRĂNG THU

Thư trai thức dậy, nghĩ tần ngần.
 Đưa đón chào mời tránh thói trần.
 Trời đất yên vui, lo vạn biến,
 Tháng ngày nhân rỗi giá nghìn cân.
 Nhà nho thoang thoang, tình như nhạt,
 Cõi thánh sâu xa, đạo tới lần.
 Sách cũ đọc xong, không có việc,
 Dưới mai lẫn gảy khúc cao sơn.

97.— 和新齋韻

風	流	鄰	守	文	章	伯
喬	木	能	伶	我	故	家
信	美	江	山	詩	易	就
無	情	歲	月	眼	將	花
千	戈	十	載	親	朋	少
宇	宙	千	年	變	故	多
客	舍	香	塵	春	畫	永
勝	騰	清	夢	波	烟	繞

Phiên âm

HỌA TÂN TRAI VẬN

Phong lưu quận thú văn chương bá,
 Kiều mộc năng linh ngã cổ gia
 Tin mỹ giang sơn thi đệ tử,
 Vô tình tuế nguyệt nhãn tương hoa.
 Can qua thập tải thân bằng thiêu,
 Vũ trụ thiên niên biến cố đa.
 Khách xá hương trần xuân trú vĩnh,
 Đẳng đẳng thanh mộng nhiều yên ba.

Dịch nghĩa :

HỌA THƠ MỪNG NHÀ MỚI

Phong lưu được tiếng văn siêu loại
 Kiều mộc may nhờ nếp thế gia.
 Tô diêm giang sơn thơ đệ tử,
 Vô tình ngày tháng mất sinh mờ.
 Mười năm chinh phạt, thừa thân thuộc.
 Muôn thừa trần gian cứ gió mưa.
 Quán trọ ngày xuân, hương bát ngát,
 Chợ chớn như dục khách yên ba.



98.— 卽 事

小	小	軒	窗	矮	矮	廬
官	居	領	覺	類	幽	居
滄	波	江	上	閑	垂	釣
綠	樹	陰	中	靜	看	書
雨	過	晴	嵐	窺	戶	牖
風	來	雪	浪	舞	庭	除
午	窗	滿	漉	無	塵	累
一	片	閑	心	蹤	太	虛

Phiên âm

TỨC SỰ

Tiểu tiểu hiên song nuy nuy lư.
 Quan cư đồn giác, loại u cư.
 Thương ba giang thượng, nhàn thùy điếu.
 Lục thụ, âm trung, tĩnh khán thư.
 Vũ quá tình lam khuy hộ dũ,
 Phong lai tuyết lãng vũ đình trừ.
 Ngộ song tiêu sái vô trần lự
 Nhất phiến nhàn tâm nhiếp thái hư.

Dịch nghĩa

TỨC SỰ

Một gian nhà nhỏ, một thư hiên,
 Công vụ gọi là một chức quan.
 Bến nước buông câu, thuyền thuận gió,
 Bóng cây đọc sách, cảnh an nhàn
 Hết mưa ngoài cửa, non quang đãng,
 Thoảng gió trên thềm, tuyết ngập lan.
 Sớm tối thiu thiu, quên mọi việc,
 Thư tâm như đã tới non Hàn.



99. 題安子山花烟寺

(安南志：山在東潮，又名象頭山。相傳安期生修鍊之處。故名。宋海岳名圖第四福地)在交州。安子山封域志，上有紫霄峯，卧雲庵，龍洞諸勝。花烟寺在絕頂，景致空洞，陳仁宗居奉此佛為竹林第一祖。

安山山上最高峯
纔五更初日正紅
宇宙眼窮滄海外
笑談人在碧雲中
擁門玉樹森千畝
掛石珠旒落半空
仁廟當年遺迹在
白雲光裡覩重瞳

Phiên âm :

ĐỀ AN TỬ SƠN, HOA YÊN TỰ.

(An Nam chí : Sơn tại Đông Triều. Hựu danh Tượng Đầu sơn. Tương truyền An Kỳ Sinh tu luyện chi xứ. Cổ danh. Tống, Hải Nhạc Danh Đồi, đệ tứ phúc địa, tại Giao Chỉ, An Tử sơn, Phong Vực chí : Thượng hữu Tử Tiêu Phong, Ngọa Vân Am, Long Động, chư thắng. Yên Hoa Tự tại tuyệt đỉnh cảnh chi không động. Nhân Nhân Tôn cư thủ phụng Phật, vị Trúc Lâm đệ nhất tổ).

An Sơn, sơn thượng tối cao phong.
Tài ngũ canh sơ, nhật chính hồng.
Vũ trụ nhãn cùng thương hải ngoại.
Tiểu đàm nhân tại bích vân trung,
Ứng môn, ngọc sóc, sâm thiên mẫu,
Quả thạch, châu lưu, lạc bán không.
Nhân-Miếu đương niên, di tích tại
Bạch hào quang lý đồ trùng đồng.

Dịch nghĩa :

ĐỀ CHÙA YÊN HOA, NÚI AN TỬ.

(Theo sách An Nam chí, núi ở Đông Triều, có tên là Tượng Đầu sơn. Tương truyền An Kỳ Sinh trước ở đó, cho nên thành tên. Theo sách Tổng Hải Nhục danh đồ, thì nơi phúc địa thứ tư là ở An Tử Sơn, Giao chỉ. Xét về địa giới, trên có ngọn núi Tử Tiêu, có am Ngọa Vân, có Long Động, toàn là thắng cảnh. Chùa Yên Hoa ở trên đỉnh, tận nơi hư không. Vua Trần Nhân Tông ở đó thờ Phật, chính là Trúc Lâm đệ Nhất Tổ).

*An Sơn cao nhất, dãy nghìn trùng.
 Buổi sớm đi lên lúc rạng đông.
 Vũ trụ mắt nhìn xa khỏi biển,
 Thân mình, mây thấy ở ngay trong.
 Cửa ngoài, đảo ngọc nghìn mẫu,
 Vách đá, cờ châu rủ giữa không.
 Nhân-Miếu (1) đương thời di tích đó,
 Hào quang chiếu tỏa, rạng non sông.*

CHỮ THÍCH

(1) Trần Nhân Tông



100.— 題 花 腹 岩

(洞 在 東 潮 安 慶 社, 大 江 之 中 羣 山
 排 立, 洞 在 山 脚, 俯 臨 水 次, 外 有 平 沙
 鈞 半 高 樹 木 蒼 翠 中, 奉 水 神 最 靈, 又
 有 深 谷, 燃 燭 而 行, 無 窮 處, 安 南 志
 云 : 岩 寬 八 九 丈 土 皆 赤 色).

平 明 擱 梓 上 岩 頭
 秀 興 聊 爲 玉 局 遊
 九 轉 丹 成 孤 鶴 去
 三 神 股 斷 一 蜚 浮
 石 欄 影 附 滄 江 月
 仙 洞 烟 含 碧 樹 秋
 是 處 真 堪 容 我 隱
 山 中 還 有 舊 遊 公

Phiên âm

ĐỀ BẢO PHÚC NHAM

(Động tại Động Triều, An Khánh xã. Đại giang chi trung, quần sơn bài lập. Động tại sơn cước, phủ lâm thủy thứ, ngoại hữu bình sa điều bán cao, thụ mộc thương thủy. Trung phụng thủy thần tối linh. Hựu hữu thâm cốc, nhiên chúc nhi hành, vô cùng tận xứ. An Nam chí vân : Nham khoan bát cửu trượng, thờ giai xích sắc).

Bình minh các trạo, thượng nham đầu.
 Thừa hứng liêu vi ngọc cục du.
 Cửu chuyển đan thành, cô hạc khứ,
 Tam thần cổ đoạn, nhất ngao phu.
 Thạch lan ảnh phụ, thương giang nguyệt,
 Tiên động yên hàm, bích thụ thu.

*Thị xứ chân kham dung ngã ần,
Sơn trung hoàn hữu cữu du phù.*

(Thư Hiệp Thạch, Phạm Công vận).

Dịch-ngĩa

ĐỀ ĐỘNG BẢO PHÚC

(Động ở về Đông Triều, xã An Khánh. Ở giữa lòng sông, núi giàn bầy lởm chởm. Động ở chân núi, ăn ra đến giòng nước. Phía ngoài, có nổi bãi bình sa, hơi cao, cây cối mọc xanh um, nơi thờ thủy thần rất linh thiêng. Lại có hang sâu, thấp được lần đi, không biết đâu là cùng. Sách An-Nam chỉ chép : Động rộng tám, chín trượng, đất đều một màu đỏ).

Sớm ngày cao hứng buộc con thuyền.

Ngọc cục như xưa lắm khách quen.

Chấp được cột trời, ngao nổi hiện,

Nấu xong lò thuốc, hạc bay liền.

Trắng soi bóng đá, phô giòng biếc,

Mây lẫn cây xanh, cảnh cõi tiên.

Xứ đó rất hay, coi ở được,

Động xưa chắc đã có ai lên.

(Họa theo thơ Hiệp Thạch, Phạm Công).



101.— 題 玉 清 觀

紫	府	樓	臺	倚	碧	岑
十	年	今	夕	一	登	臨
松	花	落	地	金	壇	靜
碧	響	穿	雲	道	院	深
金	鼎	丹	成	人	已	去
黃	深	夢	覺	事	難	尋
猿	愁	鶴	怨	無	窮	意
寒	日	蒼	蒼	竹	隔	林

Phiên âm :

ĐỀ NGỌC THANH QUAN

Tử phủ lâu đài ý bích sầm.
 Thập niên kim tịch, nhất đẳng lâm.
 Tùng hoa lạc địa, kim đàn tĩnh,
 Bích hưởng xuyên vân, đạo viện thâm.
 Kim đỉnh đan thành, nhân dĩ khứ,
 Hoàng lương mộng giác, sự nan tìm.
 Viên sâu, hạc oán, vô cùng ý,
 Hàn nhật tiêu tiêu, trúc cách lâm.

Dịch nghĩa

ĐỀ ĐỀN NGỌC THANH QUAN.

Đền phủ cung đài tựa núi cao.
 Mười năm nay mới bước lên lầu.
 Hoa tùng khắp đất, bàn thờ lạnh,
 Vách đá lồng mây, viện đạo sâu.
 Lo thuốc luyện xong, người đã vắng,
 Nỗi kẻ giấc tỉnh, việc còn đâu.
 Vườn sâu, hạc oán, liên miên nghĩ,
 Rừng trúc hiu hiu gió gợi sầu.



102. — 夏 日 漫 成

雨	過	庭	柯	長	綠	陰
蟬	聲	宮	微	奏	虞	琴
窗	前	黃	卷	工	媒	妝
戶	外	青	山	故	索	吟
畫	靜	乾	坤	寬	道	思
人	閒	名	利	醒	初	心
回	頭	三	十	年	前	事
夢	裡	悠	悠	更	莫	尋

Phiên âm :

HẠ NHẬT MẠN THÀNH

Vũ quá đình kha chương lục âm.
 Thiên thanh cung chủ tấu ngư cầm.
 Song tiền hoàng quyền, công môi thụ,
 Hộ ngoại thanh sơn cổ sách ngâm.
 Trú lĩnh, càn khôn khoan đạo tề.
 Nhân nhân, danh lợi tỉnh sơ tâm.
 Hồi đầu tam thập niên tiền sự.
 Mộng lý du du cánh mạc tìm.

Dịch nghĩa

NGÀY MÙA HẠ

Mưa xuống cây sân, bóng thấm màu.
 Lắng nghe êm dịu tiếng ve kêu.
 Trước hiên đọc sách thiu thiu ngủ,
 Ngoài cửa nhìn non thắc mắc sầu.
 Ngày tĩnh đạo trời suy kỹ lại,
 Người nhân danh lợi tỉnh từ lâu.
 Ngoảnh đầu ba chục năm công việc,
 Mơ mộng băng khuông chẳng thấy đâu.



103.-- 冤嘆

(周勃繫獄,不能置詞,獄吏書牘背示之)

浮	俗	升	沉	五	十	年
故	山	泉	石	負	情	緣
虛	名	寔	禍	殊	堪	笑
衆	謗	孤	忠	絕	可	憐
數	有	難	逃	知	是	命
文	如	未	喪	也	聞	天
獄	中	牘	背	空	遭	辱
金	閤	何	由	達	寸	箋

Phiên âm

OAN THÂN

(Chu Bội hệ ngục, bất năng chi từ. Ngục lại thư độc bối thị chi).

Phù tục thăng trầm ngũ thập niên.
 Cố sơn tuyền thạch phụ tình duyên.
 Hư danh, thực họa, thù kham tiểu,
 Chúng báng cô trung tuyết khả liên,
 Số hữu nạn đào, tri thị mệnh,
 Văn như vị táng, dã quan thiên.
 Ngục trung độc bối, không tao nhục,
 Kim nguyệt hà do đạt thốn tiên.

Dịch nghĩa

THÂN VIỆC OAN

Chu Bội bị tù. Muốn khiếu oan, không có lối nào đưa thư được. Tên ngục lại treo vào lưng bảng tội trạng).

Thẳng giáng nửa đời, thói tục quen.
 Non nhà, khe suối, mộng đành quên.
 Danh hư, họa thực, cười là phải,
 Lời trách tâm trung, nghĩ ngại phiền.
 Số đã không qua, đành mệnh vậy,
 Đạo như chưa mất, có trời trên.
 Lưng đeo bản án, trong lao, nhục,
 Mảnh giấy thân oan khó đặt lên.

CHÚ THÍCH : Chu Bột là một viên đại tướng triều Hán nước Tàu.



104.— 阮子晉題詩體
 心鏡相違抑齋壁
 別開城市一偶然
 優遊禮讓林泉宅
 出入謀慈天性天
 吏散庭基前色烟
 客來竹外有茶坐
 公餘退食焚香年
 畫軸張琴樂歲

Phiên âm

Phụ tặng, đáp, chư thể

NGUYỄN TỬ TẤN ĐỀ ỨC TRAI BÍCH.

*Tám kính tương phùng, khởi ngẫu nhiên.**Biệt khai thành thị nhất lâm tuyền.**Ưu du lễ nhượng, an nhân trạch,**Xuất nhập khiêm cung, lạc tính thiên**Lại tán đình tiền, duy thảo sắc,**Khách lai trúc ngoại hữu trà yên.**Công dư thoái thực phần hương tọa,**Họa trúc trưng cầm lạc tuế niên.*

Dịch nghĩa

Phụ thêm thơ tặng, đáp, các thể

ĐỀ VÁCH NHÀ ỨC TRAI NGUYỄN TỬ TẤN

*Gặp gỡ cùng nhau, há ngẫu nhiên.**Riêng nơi thành thị một lâm tuyền.**Việc quan lễ nhượng, thành vô sự,**Đối khách khiêm cung tính vốn hiền.**Lại thuộc trước thềm nhìn vắng bóng,**Bạn thường bên trúc. vị trà quen.**Việc quan về nghỉ, trầm hương ngát,**Vận trúc so dây, mấy điệu đàn.*

105.— 阮 夢 荀 賀 承 音 抑 齊 新 居
 善 治 應 知 繼 子 荆
 何 須 陋 屋 撰 新 銘
 一 條 水 冷 知 三 館
 四 壁 家 貧 富 六 經
 梅 影 月 描 來 絳 帳
 荷 香 風 送 疎 櫺
 拂 壺 擬 欲 同 清 賞
 皆 醒 隨 人 勿 獨 醒

Phiên âm

NGUYỄN MỘNG TUÂN HẠ THỪA CHỈỨC TRAI TÂN CƯ.

Thiện trị ung tri kế tử kinh.
 Hà tu lậu ốc soạn tân minh.
 Nhất điều thủy lãnh tri tam quán,
 Tứ bách gia bản phú lục kinh.
 Mai ảnh nguyệt miên, lai giáng trướng,
 Hà hương phong đệ, tổng sơ linh.
 Huê hồ nghĩ dục đồng thanh thưởng,
 Giai tùy tùy nhân, vật độc tình.

Dịch nghĩa

NGUYỄN MỘNG TUÂN MỪNG NHÀ MỚI
 THỪA CHỈỨC TRAI

Thượng chí mong tìm nổi chí mình.
 Cần gì nhà nhỏ đặt bài minh.
 Chúc quan khoe lạnh, mà tam quán
 Bốn vách tuy nghèo đủ lục kinh.
 Mai dưới ánh trăng, in trướng giáng,
 Sen theo ngọn gió thoảng bên màn.
 Nghiêng bầu cùng bạn đồng thanh nhấp,
 Chủ khách đều say, chẳng tỉnh riêng.



106.— 潘 孚 先 賀 諫 議 大 夫 阮 抑 奇
 真 元 會 合 幸 達 辰
 佐 治 名 儒 喜 有 人
 幼 學 壯 行 此 道
 生 知 先 覺 斯 民
 暨 梅 鼎 罪 調 美
 禮 樂 規 模 作 新
 四 海 方 今 歸 一
 誰 能 躍 冶 出 洪 鈞

Phiên âm

PHAN PHU TIÊN HẠ GIẢN NGHỊ ĐẠI PHU NGUYỄN ỨC TRAI

Chân nguyên hội hợp bành phùng thần.
 Tá trị danh nho hỷ hữu nhân.
 Ấu học tráng hành, hành thử đạo.
 Sinh tri tiên giác, giác tư dân.
 Diêm mai đỉnh nại, điều hòa mỹ,
 Lễ nhạc, quy mô, chế tác tân.
 Từ hải phương kim quy nhất thống,
 Thùy năng được dĩ xuất hồng quân.

Dịch nghĩa

PHAN PHU TIÊN MỪNG MỪNG GIẢN NGHỊ ĐẠI PHU
 NGUYỄN ỨC TRAI

May sao vận hội đủ quân thần.
 Mừng thấy chân nho giúp thánh quân.
 Ấu học, tráng hành, hành đúng đạo.
 Sinh tri tiên giác, giác cho dân.
 Muối tương gia vị, cho đều cả,
 Lễ nhạc quy mô được đúng dần.
 Bốn bề ngày nay về một mối,
 Ai mà thoát khỏi vị cầm cân.



107.— 阮 夢 荀 贈 諫 議 大 夫 阮 公

黃	閣	青	風	玉	署	仙
經	邦	華	國	古	無	前
一	時	詞	翰	推	文	伯
兩	道	軍	民	握	政	權
白	髮	只	閒	天	下	虛
清	忠	留	與	子	孫	傳
儒	林	幾	許	膽	山	斗
好	爲	朝	庭	力	進	賢

Phiên âm

NGUYỄN MỘNG TUÂN TẶNG GIÁN NGHỊ
ĐẠI PHU NGUYỄN CÔNG

Hoàng các thanh phong ngọc thực tiên.
Kinh bang hoa quốc, cớ vô tiền
Nhất thời từ hãn, thời văn bá,
Lưỡng đạo quân dân ác chính quyền.
Bạch phát chỉ nhân thiên hạ lự,
Thanh trung lưu dữ tử tôn truyền.
Nho lâm kỷ hứa chiêm sơn đầu,
Hảo vị triều đình lực tiến hiền.

Dịch nghĩa

NGUYỄN MỘNG TUÂN TẶNG GIÁN NGHỊ
ĐẠI PHU NGUYỄN CÔNG

Gó mát lâu cao chính vị tiên.
Tài cao trị nước kẻ đầu tiên.
Một thời hàn mặc thành văn bá,
Hai đạo quân dân giữ chính quyền.
Tóc bạc những lo thiên hạ kẻ,
Lòng trung để lại tử tôn truyền.
Rừng nho đã mấy ai tỉnh đầu,
Chỉ vị triều đình cố tiến hiền.



108. — 題黃御史梅雪軒 (七言長篇)

身冠峨峨面似鉄。不獨愛梅兼愛雪。
 愛梅愛雪愛綠何。愛綠雪白梅清潔。
 天然梅雪自兩奇。更添臺栢真三絕。
 羅浮仙子冰爲魂。項刻能令瓊作屑。
 夜深琪樹碎玲瓏。月戶風窗寒凜烈。
 若非風遞暗香來。紛紛一色何由別。
 巡檐重念怕玉樓。銀海搖錦衣光更清。
 九風不斡地及蘭。萬身秋。萬身秋。
 交南十月煖如春。夢中只有花堪折。
 將心托物古有之。高躅深期蹈前哲。
 東坡謂竹不可無。灝溪愛蓮亦有說。
 乾坤萬古一清致。霸橋詩思西湖月。

Phiên âm :

ĐỀ HOÀNG NGŨ SỬ MAI TUYẾT HIỀN

(Thất ngôn trường thiên)

Trữ quán nga nga diện tự thiết,
 Bất độc ái mai, kiêm ái tuyết.
 Ái mai ái tuyết, ái duyên hà,
 Ái duyên tuyết bạch, mai thanh khiết.
 Thiên nhiên mai tuyết tự lưỡng kỳ,
 Cánh thiềm đài bách, chân tam tuyết.
 La Phù tiên tử băng vi hồn,
 Khoảnh khắc năng linh quỳnh tác tiết.
 Dạ thâm kỳ thụ toái linh lung,
 Nguyệt hộ phong song hàn lâm liệt.
 Nhược phi phong đệ ám hương lai,
 Phán phán nhất sắc hà do biệt.
 Tuân chiêm bất phạ ngọc lâu hàn.
 Ngán hải dao quang cánh thanh triệt.

Cửu trùng chân niệm cấp hà manh,
 Vạn lý cầm y đao trú tiết.
 Sương phong quyền địa giản hoành thu,
 Thân tại viêm hoang, tâm nguy nguyệt.
 Giao nam thập nguyệt, noãn như xuân,
 Mộng trung chỉ hữu hoa kham triết.
 Tương tâm thác vật cớ hữu chi,
 Cao trực thâm kỳ đạo tiền triết.
 Đông Pha vị trúc bất khả vô,
 Liêm Khê ái liên diệc hữu thuyết,
 Càn khôn vạn cớ nhất thanh chi,
 Bá Kiêu thi tứ Tây Hồ nguyệt.

Dịch nghĩa :

ĐỀ HIÊN MAI TUYẾT CỦA HOÀNG NGỰ SỬ.

(Thất ngôn trường thiên)

Mũ trĩ uy nghi mặt tựa sứt.
 Không chỉ yêu mai, yêu cả tuyết.
 Yêu mai, yêu tuyết, cớ duyên gì,
 Cớ duyên tuyết trắng, mai thanh khiết.
 Thiên nhiên mai tuyết nghĩ đã kỳ,
 Lại thêm cây bách thành tam tuyết.
 La Phù Tử, (1) tâm thần như băng,
 Thoáng biến ngọc quỳnh thành hột cát.
 Đêm khuya lạnh lạnh tiếng ngọc rơi,
 Gió cửa trắng hiên gây gãy rét.
 Ví không có gió đưa hương theo,
 Đều đều một sắc không phân biệt.
 Lầu ngọc lạnh, Đông Pha (2) có ngại đâu,

CHÚ THÍCH.— (1) La Phù là tên một quả núi miền nam nước Tàu.
 Người đời Đông Tấn là Cát Hồng tu tiên ở đó.

(2) Tên hiệu thi nhân đời Tống nước Tàu là Tô Thức.

Bề bạc sống, lảng trong là hết.
 Cứu trùng thương xót đến dân xa,
 Những điều sai lầm là được bớt.
 Gió sương thổi mạnh, chuyền hơi may,
 Thân ở phương nam, lòng cửa khuyết.
 Phương nam, thắng hội, ấm như xuân,
 Trong mộng chỉ hoa là còn thiết.
 Tâm tình sánh vật xưa có người,
 Lăn trăn ở lại theo tiên triết.
 Đông Pha nghĩ trúc không thề không,
 Liêm Khê (3) yêu sen thêm một thuyết.
 Từ xưa trời đất khi thu tới,
 Nhớ Tây Hồ Bá Kiều vịnh nguyệt.

CHÚ THÍCH.—(3) Tên hiệu danh nhân đời Tống nước Tàu là Chu Đôn Di.



109.— 崑山歌

(史記註云：陳元旦所居清虛洞。

公爲歌序。其意皆爲贊美之詞也)

崑山有泉其聲冷冷然，吾以爲琴弦。
 崑山有石雨洗苔鋪碧，吾以爲軍席。
 岩中有松萬里翠重重，吾于是乎偃息其中。
 林中有竹千畝印寒綠，吾于是乎吟嘯其側。
 問君何不歸去來，半生塵土長膠漆。
 萬鍾九鼎何必然，飲水飯蔬隨分足。
 君不見董卓黃金盈一塢，元載胡椒六百斛，
 又不見伯夷與叔齊，首陽餓死不食粟賢。
 愚兩者不相伴，亦各自求其所欲賢。
 人生百歲內，畢竟同草木。
 歡悲憂樂迭往來，一榮一謝還相續。
 丘山華屋亦偶然，死後誰榮更誰辱。
 人間若有巢由徒，勸渠聽我山中曲。

Phiên-âm.-

CÔN SƠN CA.

(Sử ký chú văn. Trần Nguyên Đán sở cư Thanh Hư động.

Công vi ca tự. Kỳ ý giai vi tán mỹ chí từ dã).

Côn-Sơn hữu tuyên, kỳ thanh lãnh lãnh nhiên, ngô dĩ vi cầm huyền,

Côn-Sơn hữu thạch, vũ tẩy đài phô bích, ngô dĩ vi đạm tịch.

Nham trung hữu tùng, vạn lý thúy đồng đồng, ngô ư thị hồ yên tức kỳ trung.

Lâm trung hữu trúc, thiên chi ấn hàn lục, ngô ư thị hồ ngâm khiêu kỳ trắc.

Vấn quán hà bất quy khứ lai, bán sinh trần thổ trường giao
cốc.

Vạn chung cửu đỉnh hà tất nhiên, âm thủy phạn sơ tùy phạn
túc.

Quán bất kiến, Đồng Trác, hoàng kim doanh nhất Ô, Nguyên
Tải hồ tiêu lục bách học,

Hựu bất kiến, Bá Di dữ Thúc Tề, Thủ Dương nga tử bất thực
túc.

Hiền ngu lưỡng giả bất tương mâu, diệc các tự cầu kỳ sở
dục.

Nhân sinh bách tuế nội, tất cánh đồng thảo mộc.

Hoan bi ưu lạc diệt vãng lai, nhất vinh nhất tạ hoàn tương
túc.

Nhân gian nhược hữu Sào Do đồ, khuyến cừ thính ngã sơn
trung khúc.

Khâu sơn , hoa ốc diệc ngẫu nhiên, Tử hậu thù vinh cánh thù
nhục ?

Dịch nghĩa :

CÔN SƠN CA

(Sử ký chép : Trần Nguyên Đán ở động Thanh Hư.

Công làm bài ca tựa, ý cùng lời đều là tán dương).

Côn Sơn có tuyết, tiếng đều róc rách êm, ta coi như tiếng
huyền.

Côn Sơn có thạch, mưa xuống rêu phủ biếc, ta coi như
trúc tịch.

Đá xanh có từng, muôn dặm bóng ánh lồng, ta thấy, vừa
hay được nghỉ bên trong.

Rừng sâu có trúc, nghìn cây phở mẫu lục, ta thấy vừa hay,
ngâm hát bên gốc,

Hỏi ông sao chẳng về hẩn đi, nửa đời cát bụi còn lăn lóc.

Muôn chung nghìn tứ có làm chi, nước suối cơm rau mà
tri túc.

Ông chẳng thấy, ngàn vàng chất Nam Ô, Nguyên Tãi hồ
tiêu sáu trăm học.

Lại chẳng thấy Bá Di với Thúc Tề, Thủ Dương chết đói
chẳng nhận thóc.

Hiền ngu hai hạng chẳng như nhau, mỗi hạng mỗi tìm
riêng sở dục.

Người đời khoảng trăm năm, tất hẩn như thảo mộc.

Vui buồn lo thích cứ đổi thay, một lên một xuống tùy theo
lúc.

Núi gò nhà cửa vốn ngẫu nhiên, sau chết, ai vinh mà ai
nhục.

Người đời nếu có hạng Sào Do, khuyên cứ nghe hát Côn
Sơn khúc.



110.— 至靈山賦（出羣賢賦集）

(御題批云：法度嚴整，撥捺親切，直以事實，寫爲譜詠之詞甚樸密)。

創業皇心
龍之困
起功聖處
分成武衛
飛閣
藍瑟當
京西四
天土方
戈之之
指山經
兮川營
朔有國
塞靈步
清擊方
創我色

既於天而取必，乃勵志以竟成。此今日化胡越為一家，而茲山得以千古垂名也。當其義兵初起，賊勢方張，一國英雄蒙秋樹隕霜。

孰光亨，不
平理益，豈
孰以而，今
今采困，同
漢鑪處，圖
興惟雖，於
圖山，汲山
壘茲，散汲
孰于卒，志
種跡，士祥
孰通，有祥
兮方離，之
吳皇流，興
吞我子，將
志良，真知
心似

由其知彼知己，能弱能彊。待時伺弊，
收鋒歛芒。枕薪而卧，懸膽而嘗，思富
前耻以復故彊，想此山於斯時，豈不
似會稽之棲越王者耶。

既乃：收其散卒，撫養益勦。內修戰具，
外托和親，捐金募士，殺象饗軍。
懷親上以死長。思欲致力以酬功。
於是：練兵選將，剴勝出奇。

生辱死榮知我軍之可用饟糧器械皆因敵以為資，
萬全以取 一簇不遺

琴彭藉賴以獻地，方政嗟喝以恫疑。
乃陰而立功，又多方以誤之。

夜則舉火，晝則張旗。
杜家之侵地爭便，可留之渡江沉師。

雷 驅 電 掣 竹 破 灰 飛
朱 傑 檻 車 黃 城 暴 屍

又安之地已爲我有，西都之捷疾於懸馳。

夾我市陳萬當泰以柳兩梓當雖踐至念修全
 嗟堯成蓋歷帝然乃天乾觀撫顧亘
 道傑之橋洽里此何油昇路救尾此然特若國兩國
 壺咸軍之李亮之時：狂救死兵乞憐
 漿憤聲崩之山豈虜焚而旋踵而似勾踐宏志
 以日以堤深河不似之規模之般之久和好
 切以潰坑克漢心禍流敗各處堪哀
 齒益蟻墜復高孩不幸災沐賊城不血刃而
 來者如歸
 父老感泣而獻
 賊洞之奔命日以益
 王通馬與之肆圖者耶復
 下四市之國之援兵復
 飛，舉國之
 吳王似吾皇以擬議其萬一
 正己，豈足好生
 大德十萬世寧
 放息圖又並世側王殷事斯創巍
 計，惟德而百起太本，不此山歌非念何厥同
 武王來，舟之深莫由此歎王際兮貞兮
 三今毫之慮實與而興運峨基勃古
 帝位自興思業長首地兮峨攸以萬
 侯載乃則興之德稽兮昧之德與
 唐之難多之我威首聖草山業咸古
 乎與湯多變王則功拜啟坤茲王紀十
 是將與：古
 嗟堯成蓋歷帝然乃天乾觀撫顧亘

Phiên âm :

CHÍ LINH SƠN PHÚ (xuất Quần Hiền phú tập).

(Ngụ đề. Phế văn : Pháp độ nghiêm chỉnh, chứng cứ thân thiết, trực dĩ sự thực tả vi tán vịnh chí từ, thậm thận mật).

Thần long khởi hề phi Lam kinh. Thiên qua chí hề, sóc tái thanh. Sáng nghiệp chí công thành bí bí. Tây thổ chí sơn xuyên hữu linh. Ê ngã Hoàng chí thánh vũ. Đương tứ phương chí kinh doanh. Quốc bộ phương truân. Tâm khốn lự hành. Ký ư thiên nhi thủ tất. Nãi lệ chí dĩ cảnh thành. Thử kim nhật sở dĩ hóa Hồ Việt vi nhất gia. Nhi tư sơn đắc dĩ thiên cồ thủy danh dã. Đương kỳ nghĩa binh sơ khởi. Tặc thế phương trương. Nhất quốc anh hào. Thu thụ văn sương. Chí thôn Ngô hề, thực chủng, thực duyên. Đồ hưng Hán hề, thực binh, thực lương. Ngã Hoàng phương dọn tích vu tư sơn. Duy sạn biện dĩ mai quang. Thê tử lưu ly. Sĩ tốt tán vương. Tuy xử khốn nhi ích hanh. Tri tương hưng chí hữu tường. Cung giới tru dĩ vi y. Thực thái căn nhi vi lương. Chí cấp cấp ư đồ hồi. Tâm uất uất nhi bất vương. Trống thử sơn ư thử thời hề. Khởi bất tự Hán Hoàng chí tại Mang Dương giả da. Do kỳ tri bỉ, tri kỷ. Năng nhược nặng cường. Đãi thời tứ tề. Thu phong liễm mang. Châm tân nhi ngoạ. Huyền phủ nhi thường. Tư tuyết tiền sĩ. Dĩ phục cổ cương. Trống thử sơn ư tư thời hề. Khởi bất tự Cối Kê chí thê Việt Vương giả da. Kỳ nãi : Thu kỳ tán tốt. Phủ dưỡng ích cần. Nội tu chiến cụ. Ngoại thác hòa thân. Quyên kim mộ sĩ. Sát tượng hưởng quân. Nhân hoài thân thượng dĩ tử trưởng. Tư dục hiệu lực dĩ thù công.

Ư thị : Luyện binh tuyển tướng. Chế thắng xuất kỳ. Sinh nhục tử vinh, tri ngã quân chí khả dụng. Hưởng lương khí giới,

giai nhân địch dĩ vi tư. Vạn toàn dĩ thủ. Nhất thốc bất di. Cầm Bành khê táng dĩ hiến địa. Phương Chính hư hát dĩ đồng ngai. Nãi cử hiềm nhi lập công. Hựu đa phương dĩ ngộ chi. Dạ tặc cử hỏa. Trú tặc trương kỳ. Đỗ Gia chi xâm địa tranh tiền, Khả Lưu chi độ giang trăm sử. Lôi khu, điện xiết. Trúc phá hối phi. Chu Kiệt hạm xa. Hoàng-Thành học thi. Nghệ An chi địa dĩ vi ngã hữu. Tây Đô chi tiếp tạt ư tiêu tri. Giáp đạo hồ tương. Lai giả như quy. Hào kiệt hàm phần dĩ thiết xỉ. Phụ lão cảm khắp nhi hư hy. Ngã chi quân thanh nhật dĩ ích chấn. Tặc chi bốn mệnh nhật dĩ ích bì. Thị Kiều chi băng đề hội nghị. Tuy Động chi kính phong tối ỳ. Trần-Hiệp, Lý-Lượng chi thâm khanh trụ hồ. Vương-Thông, Mã-Kỳ chi phí đỉnh ngư nhi. Vạn lý chi sơn hà khắc phục, Đông-Đô chi thị tứ bất di. Đương thử chi thời, khởi bất tự Hán Cao Cai-Hạ tứ diện chi vi giả da. Nại hà : cuồng lỗ chi tham tâm bất chấp. Cử quốc chi viện binh phục lai. Dĩ du cứu hỏa. Lạc họa hạnh hồi. Liễu Thăng tổng tử nhi Chi-Lãng lưu nuyết. Mộc - Thanh tiêu dộn nhi Lãn Kinh tích hải. Lương lộ cứu binh bất toàn chủng nhi câu bại. Các xứ tặc thành bất huyết nhận nhi tự khai. Trạo vĩ khất liên. Thành thiết kham ai. Đương thử chi thời, khởi bất tự Câu Tiễn khốn Ngô Vương chi ư Cồ-Tô đài giả da. Tuy nhiên, Hán Cao chi huy mô hoàng viễn, chính tự ngô Hoàng kim nhật chi thịnh. Câu Tiễn đặc thủ kỳ phục thù chi chí nhi dĩ. Khởi túc dĩ nghĩ nghĩ kỳ vạn nhất tai.

Chi nhược thần vũ bất sát, Đại đức hiếu sinh. Niệm quốc gia trường cửu chi kế : Phóng thập vạn khất bàng chi binh. Tu lương quốc chi hòa hiếu. Tức vạn thế chi chiến tranh. Toàn quốc vi thượng. Duy đồ tập ninh.

Thị tắc, ngã Hoàng chi thịnh đức. Hựu khởi Cao Tổ đồng nhật chi câu ngữ. Tương dữ nhị Đế, tam Vương nhị tịnh xưng giả dã.

Ta hồ. Cồ Vãng, kim lai. Bách thế khả suy. Nghiêu hưng Đường sĩ. Thuấn khởi trắc vi. Thành Thang chi tải tự Bạc. Thái Vương chi thiên vu Kỳ. Cái đa nạn nãi hưng bang chi bản. Nhi ân ưu thực khải thánh chi cơ. Lịch biến đa, tắc tư lự thâm. Kế sự viễn, tắc thành công kỳ. Đế Vương chi hưng. Mạc bất do ty. Nhiên tắc, ngã Hoàng chi nghiệp thực do thử sơn nhi sáng thủy. Nhi ngã Hoàng chi long công thịnh đức, trường dữ thử sơn nhi nguy nguy giả hồ. Nãi bài thủ, khê thủ, nhi hiến ca viết :

Thiên khai thánh hê, địa hưng vương.

Càn khôn thảo muội hê, vân tế phi thường.

Đồ tư sơn chi nga nga hê, niệm tích nhật chi gian khô,

Phủ vương nghiệp chi du cơ hê, hà nhật năng vương.

Nguyên kỷ thịnh đức dĩ lạc trình lệ hê, vĩnh thùy bất hủ.

Tuyên thiên cổ dữ vạn cổ hê, đồng thiên địa nhi trường cửu.

Dịch-nghĩa :

BÀI PHÚ NÚI CHỈ LINH (Trích trong tập Quần hiền phú).

(Ngự phê : Pháp độ nghiêm chỉnh. Chứng cứ thiết thực.

Cứ lấy sự thực tả. Lời tán dương rất thân mật).

Rồng thiêng cất cánh trên Lam kinh. Giáo trời đẹp loạn tới

Bắc thành. Sáng nghiệp thành công đã tỏ rõ. Non sông phía tây thật là linh. Giúp vua ta về thánh vũ. Khắp bốn phương đều kinh doanh. Vận nguy nước khốn. Trí sáng việc rành. Vì tự nhận lấy mệnh trời. Đã hữu chí là cánh thành. Cho nên ngày nay Hồ Việt hợp một nhà. Là do nghìn thu non Lam tạo nên danh.

Đương khi cờ nghĩa mới phất. Là lúc thế giặc đương hăng. Mọi anh hào trong nước. Như lá cây bị sương. Chỉ muốn thôn Ngô, nhờ ai gây giúp. Việc mong hưng Hán, hiếm người đảm đương. Ở non Lam, vua ta đương tránh. Dấu tên hiệu mấy kẻ được tường. Vợ con lưu lạc. Sĩ tốt hoang mang. Tuy gặp cảnh nguy mà càng gắng. Biết chắc kết quả sẽ huy hoàng. Lấy giáp trụ làm áo mặc cũ. Lấy rễ rau làm thức ăn thường. Lúc đó, vua ta ở non, Lam. Có khác gì Hán Hoàng ở Mang Dương. Vì biết tri kỷ, tri bỉ, Cho nên năng nhượng, năng cường. Chờ thời xem chỗ giặc thiếu sót. Mài gươm, đợi dụng ta sở trường. Lấy mật làm cơm. Lấy gai làm giường. Báo được thù nhục. Lấy lại cương cường. Há chẳng như Cối Kê, chuyện Việt Vương chăng!

Vậy nên họp quân tản nát : Đón người ân cần. Trong sửa binh giáp. Ngoài giả hòa thân. Quyên tiền mộ tốt. Giết voi nuôi quân. Nhân dân muốn lấy chết báo đức. Tướng sĩ mong lập công đền ân.

Vậy mới : Luyện binh tuyển tướng. Quyết trận mưu kỳ. Sống nhục, chết vinh, biết rõ quân ta dùng được. Tích lương trữ kiếm, lệnh truyền đánh giặc là nghe. Giữ gìn cẩn thận. Mãnh sắt không chê. Cầm Bành cúi lạy nộp đất. Phương Chính kêu khóc xin về. Mới giữ hiềm mà công thành. Lại nhiều mưu để giặc nghi. Đêm thì đốt lửa. Ngày thì treo cờ. Ấp Đỗ-Gia quân lui vội vã. Bến Khả-Lưu giặc chết còn chi. Sấm vang

nhaoáng chớp. Rác đốt trể tre. Hoàng Thành phơi xác. Chu Kiệt theo xe. Nghệ An giặc thua để ta chiếm lại. Tây Đô ta thắng như gió quay về. Hào kiệt nghiêng rãng hậm hực. Phụ lão mừng tũ hã hê. Quân ta từ đó được phần chấn. Quân giặc thoi dành hết rở nghề. Tại Kiều tan thua như kiến cỏ. Tuy động cố thủ rõ hùng uy. Hồ vào cạm là Trần. Hiệp Lý Lượng Ca trong nôi là Vương - Thông, Mã Kỳ. Muôn dặm non sông tồn tại. Đông Đô nhà cửa bất di. Đương thời so sánh với Cao Tô vậy Cai Hạ, chẳng khác phân ly.

Cớ sao giặc còn tham không chán. Trong nước quân cứu viện tới nơi. Lửa cháy thêm dầu. Vui họa, Mừng tai. Liễu Thăng tìm chết mà Chi Lăng huyết chảy. Mộc Thạnh trốn về mà Lãnh Kinh xương phơi. Hai lộ cứu binh cùng bại mà không toàn vẹn. Các xứ thanh giặc không đánh mà phải chạy dài. Ve vầy cầu phúc. Tha thiết khát ai. Đương khi đó giống như Câu Tiễn, hãm Ngô Vương trên Cỏ Tô đài.

Tuy nhiên quy mô vua Hán Cao sáu rộng, chính giống vua ta ngày nay đức thịnh, Câu Tiễn chỉ được xong phục thù, là chí, là hướng, há đủ sánh vua ta lấy một hai.

Nay xét : Thần vũ không giết. Đại đức hiếu sinh, Nghĩ quốc gia lâu dài kế sách, Tha bọn đầu hàng mười vạn binh. Nối tình hòa hiếu hai nước. Để lâu dài yên được chiến tranh. Lấy toàn quốc trên hết. Để mưu đồ an ninh. Thì đó, vua ta có thịnh đức, sánh với hai Đế, ba Vương cùng uy linh. Việc đời từ xưa đến nay, đến trăm đời cứ rộng suy. Vua Nghiêu hưng nghiệp ở đất Đường. Vua Thuấn khởi thủy ở Trắc-Vi. Thành Thang tại đất Bạc. Thái Vương tới ấp Kỳ. Khó khăn là hưng bang hãn. Lo nghĩ là khai thánh cơ. Trải biến nhiều thì lo

nghĩ sâu. Mưu việc xa thì thành công kỳ. Để vương hưng khởi được. Đều cùng một lối đi.

Thế thì : Vua ta dấy nghiệp là từ núi Lam. Mà công cao đức lớn cùng với núi Lam, bất dịch, bất di.

Xin rập đầu lạy và chúc rằng :

Trời mở đường cho thánh. Đất giúp việc cho vương.

Trời đất mù mịt. Quân đội phi thường.

Trông non Lam nguy nga, biết khi xưa trải bao gian khổ.

Nhìn non Lam rực rỡ, có bao giờ quên được nghiệp vương.

Xin chép đức sáng cho khắc bia, đề đời đời nhớ. nghìn năm, muôn năm, cùng đất trời được cửu trường.



QUYỀN II

PHỤ LỤC NGUYỄN PHI KHANH THI VĂN

卷 之 二

附	錄	阮	飛	卿	詩	文	
阮	飛	卿	名	應	龍	號	纂
先	生	有	文	名	·	陳	元
嘗	稱	為	二	川	檢	正	使
其	女	學	專	嫁	之	年	十
試	中	隆	慶	二	年	進	士
第	(登	科	錄	作	英	宗
辰	興	隆	十	二	年)	時
宗	以	寒	族	配	皇	宗	廢
用	漢	倉	紹	成	元	年	始
翰	林	學	士	及	明	人	犯
南	獲	季	楚	漢	倉	乃	降
明	有	纂	漢	集	行	于	世

Phiên âm

Quyển chi nhị PHỤ LỤC NGUYỄN PHI KHANH THI VĂN.

Nguyễn Phi Khanh, danh Ứng Long- hiệu Trúc Khê. Tiên sinh hữu văn danh. Trần Nguyên Đán thường xưng vi nhị Xuyên Kiểm Chính Sứ, Thu kỳ nữ, học, tâm giá chi. Niên thập cửu, 111 Long Khánh nhị niên tiến sĩ cập đệ (Đăng Khoa lục tác Anh Tôn Giáp Thìn Hưng Long thập nhị niên). Thời Duệ Tôn dĩ hàn tộc phối hoàng tôn, phế bất dụng. Hán Thương, thiệu Thành, nguyên niên, thủy trạc Hãn Lâm Học Sĩ. Cấp Minh nhân phạm Nhật Nam hoạch Quý Ly Hán Thương. Nãi hàng vu Minh. Hữu Nhị Khê tập hành vu thế.

Dịch nghĩa :

Quyển 2 PHỤ LỤC VĂN THƠ CỦA NGUYỄN PHI KHANH.

Nguyễn Phi Khanh, tên là Ứng Long, hiệu là Trúc Khê.

Tiên sinh về văn có tiếng giỏi. Trần Nguyên Đán thường khen là Nhị Xuyên Kiềm Chiến Sĩ, gả con gái cho. Năm 19 tuổi, đỗ tiến sĩ, khoa Long Khánh, năm thứ Hai (Quyển Đăng Khoa Lục chép là đỗ khoa giáp thìn, niên hiệu Hưng Long, Anh Tôn năm thứ 12). Thời đó, vua Duệ Tôn cho là con nhà thường dân lấy một vị Công Chúa cho nên không dùng. Thời Hán Thương niên hiệu Thiệu Thành năm đầu mới được chức Hàn Lâm Học Sĩ. Đến khi quân Minh xâm lăng, bắt Quý Ly, Hán Thương, thì tiên sinh hàng Minh. Có tập Nhị Khê truyền lại.



1.— 化城晨鐘

遠 遠 從 僧 寺
鯨 鯨 落 客 蓬
潮 生 天 地 晚
月 白 又 江 空

Phiên âm

HÓA THÀNH THẦN CHUNG

*Viễn viễn tòng tăng tự,
Đông đông lạc khách bông.
Trào sinh thiên địa hỉu,
Nguyệt bạch hựu giang không.*

Dịch nghĩa :

NGHE CHUÔNG SỚM Ở HÓA THÀNH.

*Văng văng từ chùa cổ,
Long cong tới cửa bông.
Trào lên, trời đã sớm,
Sông vắng, lại giăng lồng.*



2.— 黄 江 夜 雨

暮 浦 三 秋 雨
 药 蓬 半 夜 声
 孤 灯 明 又 滅
 湖 海 十 年 情

Phiên-âm

HOÀNG GIANG ĐẠ VŨ.

*Liệu phổ tam thu vũ,
 Quán bông bán dạ thanh.
 Có đăng minh hựu diệt.
 Hồ hải thập niên tình.*

Dịch - nghĩa

BẾN HOÀNG GIANG, ĐÊM MƯA.

*Phổ Liễu mưa ba tháng,
 Tiếng tre gió giữa đêm.
 Đèn thu, kêu lại tắt,
 Hồ hải đã mười năm.*



3.— 村 居

松 筠 三 徑 在
歲 晚 薄 言 歸
把 酒 看 秋 色
携 筇 步 夕 暉
雲 空 月 明 出
天 濶 塞 鴻 飛
忽 聽 昏 鐘 報
呼 童 掩 竹 扉

Phiên âm

THÔN CƯ.

*Tùng quân tam kính tại.
Tuế vãn bạc ngôn quy.
Bả tửu khan thu sắc.
Huề cùng, bộ tịch huy.
Vân không sơn nguyệt xuất.
Thiên khoát tái hồng phi,
Hốt thính hôn chung bá.
Hô đồng yêm trúc phi.*

Dịch nghĩa :

Ở TRONG XÓM.

*Tùng quân ba dãy đó,
Năm cuối nhắc gì quê,
Thu sáng nâng bầu ngắm.
Trời chiều chống gậy đi.
Mây cao, trăng mới hé,
Trời rộng, nhận bay về.
Bỗng nghe chuông chiều gióng,
Gọi trẻ cài phen tre.*



4.— 秋 日 留 別 洪 州 檢 正

歸	夢	蕪	溪	北
故	人	槐	府	邊
清	霜	和	別	袂
紅	日	上	吟	鞭
愁	緒	浥	杯	斷
新	詩	刮	淚	傳
相	期	三	五	夜
共	醉	桂	花	天

Phiên âm

THU NHẬT LƯU BIỆT HỒNG CHÂU KIỂM CHÍNH

Quy mộng Nhị Khê bắc.
 Cổ nhân hòe phủ biên.
 Thanh sương hòa biệt duệ.
 Hồng nhật thượng ngâm tiên.
 Sầu tư bằng búi đoạn.
 Tân thi quát lệ truyền.
 Tương kỳ tam ngũ dạ.
 Cộng túy quế hoa thiên.

Dịch nghĩa:

NGÀY THU, LƯU BIỆT KIỂM CHÍNH HỒNG CHÂU

Mộng tới Nhị Khê bắc.
 Phủ Hoè còn cổ nhân.
 Sương sa cùng rút áo.
 Nắng sớm dành lên yên.
 Ngâm thơ nước mắt tràn.
 Xin hẹn thời biển thuyền,
 Bên quế rượu liên miên.



5.— 陪 冰 壺 相 公 遊 春 江

三	春	媚	烟	景
一	弄	紫	澹	浪
習	氣	俱	湖	海
憂	心	只	廟	堂
清	詩	魚	鳥	共
佳	句	芷	蘭	香
興	盡	中	流	返
山	間	日	已	黃

Phiên âm :

BỒI BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG DU XUÂN GIANG.

*Tam xuân mị yêu cảnh.
Nhất trạo kích thương lương,
Tập khi câu hồ hải.
Uu tâm chỉ miếu đường.
Thanh thi ngu điều trọng.
Giai cú chỉ lan hương.
Hùng tạn trung lưu phẫn,
Sơn gian nhất dĩ hoàng.*

Dịch nghĩa :

THEO BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG ĐI TRÊN SÔNG MÙA XUÂN.

*Tháng ba, trời mây khói.
Chèo quế lướt trường giang.
Chí khí theo hồ hải.
Tâm can ở miếu đường.
Ý thơ gồm cảnh vật.
Lời chữ ngát trầm hương.
Đủ hứng quay chèo lại.
Sườn non ánh xé vàng.*

6.— 題 仙 遊 寺

天 德 山 河 古 帝 都
 名 藍 形 勝 小 方 壺
 人 間 何 處 非 塵 迹
 虛 訪 神 仙 事 已 無

Phiên-âm :

ĐỀ TIÊN DU TỰ

*Thiên Đức san hà cổ đế đô.**Danh lam hình thắng tiểu phương hồ.**Nhân gian hà xứ phi trần tích.**Hư phóng thần tiên sự dĩ vô.*

Dịch nghĩa :

ĐỀ CHÙA TIÊN DU

*Thiên Đức đô xưa rặng núi sông.**Tiếng truyền hình thế tựa non bằng.**Đến nay đâu chẳng trần do bụi.**Hỏi lại thần tiên truyện có không.*

7.— 中 秋 玩 月 有 懷

晉 庾 亮 中 秋 乘 月 遊 南 樓 謂 僚 佐 曰 老
子 於 此 興 復 不 淺

忽 忽 客 裡 又 中 秋
月 白 風 清 獨 白 愁
遙 想 故 人 襟 韻 在
騷 魂 幾 度 繞 南 樓

Phiên âm :

TRUNG THU NGOẠN NGUYỆT HỮU HOÀI.

Thông thông (1) khách lý hựu trung thu.

Nguyệt bạch phong thanh độc tự sầu.

Dao tưởng cố nhân khâm vận tại.

Tao hồn kỷ độ nhiều Nam Lâu.

Dịch nghĩa :

(2) COI TRĂNG ĐÊM TRUNG THU.

Thời gian thoáng đã lại trung thu.

Gió mát trăng trong vẫn cứ sầu.

Xa nhớ cố nhân thơ vẫn giữ,

Hồn thơ lần quần tại Nam Lâu.

(1) Tấn Dữu Lượng trung thu thừa nguyệt du Nam Lâu, vị liên thuộc viết: Lão Tử ư thử, hững phục bất thiên.

2) Dữu Lượng đời Tấn, đêm trung thu lên Nam Lâu có bảo các liên thuộc: Xưa, Lão Tử tới đây chắc cảm hứng không ít.



8.— 秋 夜

新 愁 舊 恨 撥 難 平
 南 北 情 懷 夢 亦 驚
 月 色 無 人 更 無 緒
 秋 來 夜 夜 總 關 情

Phiên âm :

THU DẠ.

*Tân sầu cựu hận, bất nan bình.
 Nam bắc tình hoài mộng diệc kinh.
 Nguyệt sắc vô nhân cánh vô lại.
 Thu lai dạ dạ tổng quan bình.*

Dịch nghĩa :

ĐÊM THU.

*Buồn này buồn trước, rút không đành.
 Mộng mị đâu đâu cũng giật mình.
 Trăng sáng không người, không tiếng động.
 Thu về tối tối gần ngơ tình.*



9. — 舟 中 偶 成

蒼 蒼 旅 鬢 傷 春 暮
 耿耿 孤 懷 怯 瘴 氣
 俗 累 不 關 清 興 足
 看 山 看 水 又 看 雲

Phiên âm :

CHU TRUNG NGẪU THÀNH.

*Tiêu tiêu lữ mấn thương xuân mộ.
 Cảnh cảnh cô hòi khiếp chương phân.
 Tục lụy bất quan thanh hứng túc.
 Khan sơn, khan thủy hựu khan vân.*

Dịch nghĩa :

TRONG THUYỀN

*Nhà xa xuân cuối người thơ thần.
 Đất khách tâm sầu, bệnh ngặt ngày.
 Chán việc đời đành theo sở hứng.
 Trông trời, trông nước; lại trông mây.*



10.— 江 村 春 景

繞 村 春 柳 綠 成 堆
 一 帶 溪 流 抱 迥 迴
 岸 蒨 雨 晴 烟 色 薄
 杜 鵑 聲 急 棟 花 開

Phiên âm:

GIANG THÔN XUÂN CẢNH.

*Nhiều thôn xuân liễu lục thành đôi.
 Nhất dải khe lưu bão kinh hồi.
 Ngạn lệ vũ tình, yên sắc bạc.
 Đỗ quyên thanh cấp luyện hoa khai.*

Dịch nghĩa

CẢNH MÙA XUÂN Ở XÓM BÊN SÔNG.

*Khắp thôn rừng liễu rợp xanh lành.
 Đường lối quanh co bọc suối khe.
 Trời sáng, cỏ tươi, mây khói nhạt.
 Luyện hoa chớm nở quốc kêu hè.*



11.— 洗江郡舍

春風送暖逗晴軒
堆綠攖紅甲乙繁
山鳥數聲啼觸處
夢回只是藥村園

Phiên âm

THAO GIANG QUẬN XÁ.

Xuân phong tống noãn, đậu tình hiên.

Đôi lục nùng hồng, giáp ất phiên.

Sơn điều sở thanh đề xúc xứ.

Mộng hồi chỉ thị Nhị thôn viên.

Dịch nghĩa :

Ở NHÀ TRỢ QUẬN THAO GIANG.

Gió xuân ấm áp đứng bên hiên.

Hoa lá xanh hồng, sắc diễm chen.

Vài tiếng chim kêu từ núi lại.

Mơ màng về tới Nhị thôn viên.



12.— 東 岸 春 夢

瀟 水 東 邊 瀟 岸 村
 靡 靡 紅 雨 暗 前 門
 耳 邊 新 送 春 歸 去
 萬 綠 叢 中 杜 宇 魂

Phiên âm

ĐÔNG NGẠN XUÂN MỘNG.

*Lô thủy đông biên Lô ngạn thôn.
 Phiên phiên hồng vũ ám tiền môn.
 Nhĩ biên tân tống xuân quy khứ.
 Vạn lục tùng trung đồ vũ hồn.*

Dịch nghĩa :

MỘNG NGÀY XUÂN TẠI ĐÔNG NGẠN.

*Phía đông Lô thủy có Lô thôn.
 Trước cửa mưa bay diêm nét xuân.
 Vắng vắng bên tai ngờ mộng寐.
 Quyên kêu rừng biếc, dạ bồn chồn.*



13. 一 天 長 舟 中 二 首

聲 慶 東 南 綠 浦 西
 小 舟 傍 柳 過 前 溪
 春 風 不 解 暗 愁 思
 却 放 鶻 聲 滿 岸 啼

Phiên âm:

THIÊN TRƯỜNG CHU TRUNG NHỊ THỦ.

*Triệu khánh đông nam lục phổ tây.
 Tiều chu bàng liễu quá tiền khe.
 Xuân phong bất giải cảm sầu tư.
 Khước phóng quỳên thanh mãn ngạn đề.*

Dịch nghĩa:

TÔI THIÊN TRƯỜNG, NGỒI TRONG THUYỀN (2 bài).

*Triệu khánh bờ tây thả chiếc thuyền.
 Tiền khe, lướt khỏi, liễu hai bên.
 Gió xuân không thôi sầu đi giúp.
 Khắc khoải trên bờ tiếng dồ quỳên.*

14.— 天 長 舟 中 第 二 首

一 蓬 烟 雨 泛 晴 春
 紫 閣 鶯 花 夢 裡 身
 湖 海 四 年 多 病 疾
 扁 舟 愁 殺 未 歸 人

Phiên âm

THIÊN TRƯỜNG CHU TRUNG, Đề nhị thủ.

Nhất bông yêu vũ, phẩm tình xuân.

Tử các oanh hoa mộng lý nhân.

Hồ hải tứ niên đa bệnh tật.

Biên chu sầu sát vị quy nhân.

Dịch nghĩa

TỚI THIÊN TRƯỜNG, NGỒI TRONG THUYỀN (bài thứ 2).

Cỏ bông phấp phới khói mưa tan.

Oanh hót trong hoa tình mộng xuân.

Hồ hải bốn năm bao bệnh hoạn.

Chiếc thuyền xuôi ngược, khách tần ngần.



15.— 大 聖 佑 國 寺 早 起

像 家 宮 闕 近 蓬 萊
耳 畔 鈞 天 夢 易 回
睡 起 春 朝 無 了 事
東 風 亭 院 看 花 開

Phiên âm :

ĐẠI THÁNH, HỰU QUỐC TỰ, TÀO KHỞI.

*Tiên gia cung khuyết cận bằng lai.
Nhĩ bạn quân thiên, mộng dị hồi.
Thụy khởi, xuân triều, vô liễu sự.
Đông phong đình viện, khán hoa khai.*

Dịch nghĩa

SỚM NGỦ DẬY, TẠI CHÙA ĐẠI THÁNH, HỰU QUỐC.

*Ở nơi đèn điện, giáp bằng lai.
Cũng tựa lâu mau mộng ngắn dài,
Thức dậy, ngày xuân không bận rộn.
Gió xuân hoa nở, trước hiên, coi.*



16.— 山 中

雨 餘 烟 樹 籠 籠 翠
 日 暮 寒 雲 冉冉 生
 睡 醒 不 知 春 早 晚
 深 山 啼 到 杜 鵑 聲

Phiên âm

SƠN TRUNG.

Vũ dư yên thụ lung lung thúy.
 Nhật mộ hàn vân nhĩm nhĩm sinh.
 Thuy tỉnh bất tri xuân tảo vãn.
 Thâm sơn đề đào đồ quyên thanh.

Dịch nghĩa

TRONG NÚI.

Lung linh mưa tạnh màu cây thắm,
 Lành lạnh mây chiều vẽ gió xuân.
 Mộng tỉnh ngờ đâu xuân sớm hết.
 Từ non đưa tới tiếng chim quyên.



17.— 秋 日 遣 興

寒	裡	淒	涼	又	寒	鴻
如	霜	吟	簪	欲	成	蓬
閉	門	萬	里	連	朝	雨
過	眼	三	秋	落	葉	風
世	態	任	他	飢	扇	專
閒	愁	勸	我	酒	杯	空
西	風	一	枕	清	眠	是
更	詠	新	詩	保	小	童

Phien âm

THU NHẬT KHIÊN HÙNG.

Khách lý thể lương hựu tái hồng.
 Như sương ngấm mẩn dục thành bông.
 Bé môn vạn lý liên triều vũ.
 Quá nhân tam thu lạc điệp phong.
 Thể thái uhiệm tha hoàn phiến chuyển.
 Nhân sâu khuyến ngã tửu bôi không.
 Tây phong nhất chầm thanh miên thị.
 Cánh vịnh tân thi khóa tiêu đồng.

Dịch nghĩa

NGÀY THU, KHIÊN HÙNG.

Đất khách băng khoản thoáng tiếng hồng
 Nhuộm sương mái tóc rối như bông.
 Cửa cài muôn dặm mưa ra rả.
 Dạn mặt ba thu gió lạnh lòng.
 Đương loạn, coi người luôn dớ tráo.
 Đờ buồn nghĩ chén, thấy bầu không.
 Gió tây tựa ghế ngày thơ thần.
 Dở cuốn tân thi dậy tiêu đồng.



18.—城西大隱窟口占(白詩大隱隱城市)

官	途	四	十	五	年	身
城	市	贏	為	大	隱	民
竹	石	安	排	詩	好	景
鳥	花	園	占	酒	佳	賓
衡	門	自	有	安	心	樂
聖	世	何	憂	抱	道	貧
誰	道	趨	時	吾	計	拙
一	閒	風	味	儘	吾	仁

Phiên âm :

THÀNH TÂY ĐẠI ÂN LƯ KHẦU CHIẾM

(Bạch thi : ĐẠI ÂN ÂN THÀNH THỊ).

Hoạn đồ tứ thập ngũ niên thân.
 Thành thị huy vi đại ân dân.
 Trúc thành an bãi, thi hảo cảnh.
 Điều hoa đoan chiêm tửu giai tân.
 Hành môn tự hữu an tâm lạc.
 Thánh thể hà ưu bảo đạo bần.
 Thùy đạo xu thời, ngô kể chuyết.
 Nhất nhân phong vị tận ngộ nhân.

Dịch nghĩa :

VỊ ĐẠI ÂN TẠI THÀNH TÂY.

(Đường thi : Đại ân là hạng ân ở ngay nơi thành thị).

Đã bốn năm năm vương nghiệp quan.
 Thị thành đại ân, cốt thân an.
 Trúc cao đá phẳng, câu thơ thánh.
 Hoa thắm, chim xanh, chén rượu thần.
 Sau trước cửa sài, thường hưởng lạc.
 Xưa nay đời thịnh cứ vui bần.
 Ai khuyên xu thế, ta đành vụng.
 Gió mát trắng trong, chính đạo nhân.



19.— 秋 城 晚 望

木	落	都	城	九	月	天
莊	陽	軍	地	載	雲	烟
離	鴻	遠	遠	迎	風	陣
陳	鴻	媚	媚	隔	樹	懸
吟	興	四	時	秋	易	感
人	生	萬	事	老	堪	憐
兵	戈	況	復	彫	殘	後
遠	望	晴	吳	一	慨	然

Phiên âm :

THU THÀNH VẮN VỌNG.

Mộc lạc đô thành cửu nguyệt thiên.
 Tà dương tráo địa tiết vân yên.
 Ly hồng viễn viễn nghênh phong trận.
 Khích nguyệt quyên quyên cách thụ huyền.
 Ngâm hứng tứ thời, thu dị cảm,
 Nhân sinh vạn sự lão kham liên.
 Binh qua hưởng phục điều tàn hậu.
 Dao vọng tình mãn nhất khái nhiên.

Dịch nghĩa :

Ở TRONG THÀNH, CHIỀU MÙA THU.

Tháng chín, kinh thành lá úa vàng.
 Khói mây tan bóng trước tà dương.
 Xa xa cánh nhạn theo làn gió.
 Sừng sừng hàng cây lộng bóng gương.
 Ngâm hứng bốn mùa thu dễ cảm.
 Nhân sinh muôn việc tuổi càng thương.
 Sau cơn binh hỏa đều tan tác.
 Ngắm cảnh trời quang, trí vẫn vương.



20.— 中 秋 有 感

金	波	自	海	浸	空	流
河	漢	微	雲	淡	淡	收
雨	後	池	臺	多	貯	月
客	中	情	緒	不	勝	秋
願	憑	天	上	清	光	夜
遍	照	人	間	疾	苦	愁
長	使	國	家	多	服	日
五	湖	歸	夢	到	扁	舟

Phiên âm

TRUNG THU HỮU CẢM

Kim ba tự hải tâm không lưu.
 Hà Hán vi vân đạm đạm thu.
 Vũ hậu tri đài đa trử nguyệt.
 Khách trung tình tự bất thặng thu.
 Nguyên bồng thiên thượng thanh quang dạ.
 Biển chiếu nhân gian tất khổ sầu.
 Trường sử quốc gia đa hạ nhật.
 Ngũ hồ quy mộng đảo biên châu.

Dịch nghĩa

TIẾT TRUNG THU

Sóng vàng như bề nổi trên cao.
 Hà Hán mây bay, lớp lớp trào.
 Mây tạnh ao hồ trăng sáng tỏ.
 Nhà xa tình tự, khách buồn thiu.
 Bay lên thiên giới theo làn sóng.
 Chiếu xuống nhân gian gở mối sầu.
 Giúp được nước nhà vui vẻ mãi.
 Những ai hồ hải, được quay chèo



21.— 酬 道 溪 大 學 春 寒 韻
 渺 渺 春 城 雪 漫
 東 風 牢 鐵 未 全 乾
 官 情 細 惹 楊 烟 薄
 客 緒 偏 隨 杏 雨 殘
 流 水 高 山 桀 不 韻
 紅 旗 赤 幟 夢 將 閑
 陣 渠 萬 性 皆 吾 興
 比 誰 遮 面 寒

(白 樂 天 詩 : 紅 旗 破 賊 非 吾 事)

Phiên âm

THÙ ĐẠO KHÊ ĐẠI-HỌC, XUÂN HÀN VẬN

*Điều điều xuân thành tuyết chính man.
 Đông phong lao toán, vị toàn can.
 Hoạn tình tế nhạ, dương yên bạc.
 Khách tự thiên tùy, hạnh vũ tàn.
 Lưu thủy cao sơn, cầm bất vận.
 Hồng kỳ xích xỉ mộng tương lan.
 Lân cừ vận tinh giai ngộ dĩ.
 Tị ốc thủy giả diện diện hàn.*

(Bạch Lạc thiên thi : Hồng kỳ phá tặc phi ngô sự...).

Dịch nghĩa

THƠ ĐÁP ĐẠO KHÊ ĐẠI HỌC (theo vận xuân hàn).

*Trong khắp thành xuân, tuyết ngập tràn.
 Gió đông thổi mạnh vẫn chưa tan.
 Nghĩ tình viễn hoạn, cảnh dương biếc
 Buồn nỗi tha hương cánh hạnh tàn
 Lưu thủy cao sơn, thôi nhắc nhở.
 Hồng kỳ, xích xỉ, nghĩ liên miên.
 Dân gian quanh quần đều cùng biết.
 Liền Vạch vì đâu vẫn chưa quen.*

(Thơ Bạch Lạc Thiên có câu : Hồng kỳ ra trận không phải việc của ta).

22.— 除 夕 用 杜 甫 韻

客	中	送	臘	虎	亭	家
殘	雪	猶	飄	六	出	花
天	地	冬	春	庭	外	草
光	陰	昏	曉	樹	間	鴉
燈	因	守	歲	常	常	婦
酒	為	消	愁	故	故	除
萬	事	細	思	看	鬢	髮
平	明	梳	洗	向	東	華

(東 華 百 官 出 入 之 門)

Phiên âm

TRỪ TỊCH. (DỤNG ĐỔ PHỦ VẠN).

Khách trung tổng lập Hồ đình gia.
 Tàn tuyết do phiêu lục xuất hoa.
 Thiên địa đông, xuân đình ngoại, thảo.
 Quang âm hôn hieu thụ gian nha.
 Đẳng nhân thủ tuế thường thường tục.
 Tỉu vị thiêu sầu cổ cổ xa.
 Vạn sự tế tư, khan mẫn phát.
 Bình minh sơ tẩy hương Đông Hoa.
 (Đông Hoa, bách quan xuất nhập chi môn).

Dịch nghĩa :

ĐÊM TRỪ TỊCH (lấy theo vần thơ ĐỔ PHỦ).

Tha hương lễ chạp Hồ Đình gia.
 Tàn tuyết còn nguyên lục xuất hoa.
 Có mọc đông xuân, thời tiết đổi.
 Quạ kêu chiều sớm tháng ngày qua.
 Ngọn đèn trừ tịch đừng cho cạn.
 Chén rượu tiêu sầu vẫn rỏ ra
 Muôn việc lo âu nhìn mái tóc.
 Cửa đông sớm sửa sớm mai qua.
 (Cửa đông, Đông Hoa, là nơi bách quan ra vào).



23.— 九 日 村 居 獨 酌

村	醪	酌	罷	自	談	詩
欲	把	胸	懷	更	向	誰
荒	裡	人	行	秋	色	少
故	園	兩	勒	菊	花	遲
龍	山	後	會	知	何	日
彭	澤	歸	心	最	此	時
萬	事	悠	悠	橋	一	醉
了	知	身	到	鳳	凰	池

Phiên âm :

CỬU NHẬT THÔN CƯ ĐỘC CHƯỚC.

Thôn dao, chước bãi, tự đàm thi,
 Dục bả hưng hoài, cánh hương thùi
 Hoang kinh nhân hành, thu sắc thiêu.
 Cổ viên, pũ lặc cúc hoa tri.
 Long sơn hậu hội tri hà nhật.
 Bành Trạch quy tâm tối thử thì.
 Vạn sự du du bàn nhất túy.
 Liễu tri thân đáo phụng hoàng tri.

Dịch nghĩa :

NGÀY MỪNG CHÍN, NGỰ TRONG XÓM,
 UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

Rượu xong, tiệc bãi, đến ngâm thơ.
 Thồ lộ cùng ai, dạ thần thờ.
 Đường hẽm thu sang, người vắng bóng.
 Vườn xưa, mưa bụi, cúc còn tơ.
 Long Sơn trở lại, hằng mong mỏi.
 Bành Trạch, ngày về, lưỡng đợi chờ.
 Muôn việc, rượu vào là hết nhớ.
 Phụng Hoàng bơi lội chỉ hay mơ.



24. — 秋 日 晚 起 有 感

殘	夢	鰥	鰥	醒	曉	鐘
日	含	秋	影	射	窗	攬
客	懷	擁	枕	臥	眠	後
心	事	焚	香	死	坐	中
庭	外	掃	愁	看	落	葉
天	邊	隔	淚	數	征	鴻
鳴	呼	世	道	何	如	我
三	撫	遭	編	賦	大	東

Phiên âm :

THỤ NHẬT HIỀU KHỎI HỮU CẢM.

Tàn-mộng đông-đông tỉnh hiều chung.

Nhật hàm thu ảnh xạ song lung.

Khách hoài ủng chầm y miên hậu.

Tâm sự phần hương ngọt tọa trung.

Đình ngoại tảo sâu khan lạc điệp.

Thiên biên cách lệ sở chinh hồng.

Ô hộ thể đao hà như ngã.

Tam phủ di biên phủ Đại Đông.

Dịch nghĩa :

SỚM NGÀY MÙA THU THỨC DẬY.

Sớm lắng chuông hồi, tỉnh giấc nồng.

Bóng thu ánh sớm chiếu qua song.

Ngâm nga quán trọ, buồn ôm gối.

Thắc mắc xa quê, ngại tắc lòng.

Lá úa thêm sâu coi trước cửa.

Tiếng hồng đảm lệ lắng trên không.

Thương thay đời thế, ta như thế.

Ca tụng bao lần phú Đại Đồng.

(1) Thơ trong Kinh Thi, ý nói đương loạn.



25.— 三 月 初 一 日 晚 起

己	無	盡	燭	醉	裙	紅
更	倚	青	燈	照	簪	蓮
破	屋	吟	殘	紅	杏	雨
清	都	夢	醒	紫	薇	風
一	身	九	寂	七	情	夜
萬	事	千	憂	百	慮	中
慌	底	不	知	寒	食	過
啟	窗	花	又	折	梧	桐

Phiên âm :

TAM NGUYỆT SƠ NHẤT NHẬT HIỀU KHỎI.

*Dĩ vô họa chúc tùy quần hồng.
Cánh ỷ thanh đăng chiếu mấn bông.
Phá ốc ngâm tàn hồng hạnh vũ.
Thanh Đốc mộng tỉnh Tử vi phong.
Nhất thân cứu khiếu, thất tình nội.
Vạn sự thiên ưu, bách lực trung.
Mang đề bất tri hàn thực quá.
Khải song, hoa hựu chiết ngô đồng.*

Dịch nghĩa :

SỚM MỪNG MỘT THÁNG BA.

*Không hay chúc-họa với quần hồng.
Nương ánh đèn xanh tóc rối bông.
Mây hé hửng ngâm Hồng Hạnh khúc. (1)
Điện cao tỉnh mộng Tử Vi phong. (2)
Một thân, năm tạng, bảy tình trí.
Muôn việc, nghìn lo, trăm bận lòng.
Hoảng hốt đến quên hàn thực tiết.
Song mai lại mở, bẻ ngô đồng.*

(1) Tống Kỳ đời Tống nước tàu có bài thơ Hồng hạnh.

(2) Tử Vi là cung điện của Thượng Đế.



26.— 春 寒

凝	雲	漠	漠	霧	沈	沈
釀	作	餘	寒	十	日	陰
帶	雨	有	痕	粘	樹	絮
傷	春	無	語	隔	花	禽
書	齊	寂	寂	惟	高	枕
世	事	悠	悠	正	抱	衾
安	得	此	身	同	索	籬
和	風	嗟	遍	九	州	心

Phiên âm :

XUÂN HÀN.

Sĩ vận mạt mạt vụ chầm chầm.
 Nhường tác dư hàn thập nhật âm.
 Đái vũ hữu ngân niêm thụ như.
 Thương xuân vô ngữ cách hoa cầm.
 Thư trai tịch tịch duy cao chầm.
 Thể sự du du chính bão khám.
 An đắc thử thân đồng thác thược.
 Như phong khứ viễn cửu châu tâm.

Dịch nghĩa :

MÙA XUÂN LẠNH.

Trắng toát làn mây hạt móc xuân.
 Nghiêng bình mười bữa rét khôn ngăn.
 Mưa dầm tơ liễu, màu chưa đổi.
 Chim hót bên hoa, tiếng hết ran.
 Vắng vẻ thư trai đành tựa gối.
 Dằng dai thể sự, chỉ chầm chần.
 Thân này đời được thành lò bể.
 Chín cõi khuyên người đời trí dần.



27.— 暮秋 (席上用嚴滄浪韻)

歲	晚	天	寒	客	易	悲
騷	人	何	必	怨	江	離
西	風	籬	落	菊	殘	後
夜	雨	湖	山	雁	斷	時
老	景	遙	人	侵	疊	疊
秋	光	戀	我	去	遲	遲
薇	垣	清	夢	頭	將	白
正	恐	尊	鱸	每	負	期

(楚 詞 扈 江 離 與 辟 芷 兮)

Phiên âm :

MỘ THU.

(Tịch thượng, dụng Nghiêm Thương lương vận).

Tuế văn thiên hàn khách dị bi.

Tao nhân hà tất oan Giang Ly.

Tây phong ly lạc, cúc tàn hậu.

Dạ vũ hồ sơn nhận đoạn thì.

Lão cảnh bức nhân xâm vĩ vĩ.

Thu quang luyện ngã khứ tri tri.

Vi viên thanh mộng đầu tương bạch.

Chính khủng thuần lư mỗi phụ kỳ.

(Sở Từ : Hồ giang ly dữ bích chỉ hề).

Dịch nghĩa :

CHIỀU MÙA THU.

(Khi xướng họa, dùng vần Nghiêm Thương lương).

Năm cuối càng buồn nỗi biệt ly.
 Tao nhân hà tất oán giang-ly. (1)
 Cúc tàn bên dậu, hơi may thoáng.
 Mưa tối qua non tiếng nhận nghe.
 Dục khách vội vàng hơi lạnh tới
 Nhớ ta chầm chậm ánh thu đi.
 Hoa vườn mơ mộng, đầu e bạc.
 Chính sợ thuần lưu lại quá kỳ.

(Trong bài Sở từ có câu : Theo giang ly cùng bích chỉ).

(1) Một thứ cỏ thơm.

(2) Rau rút, cá mè.



28.— 九 月 冰 壺 公 席 上

蓬 鬢 蕭 蕭 黑 帽 沙
隨 風 晚 入 相 王 家
人 生 百 歲 重 陽 幾
秋 色 三 分 九 日 多
就 解 愁 中 應 有 酒
得 行 樂 處 可 無 花
忙 然 一 醉 酬 佳 節
長 笑 西 窗 發 浩 歌

Phiên âm

CỬU NGUYỆT BĂNG HỒ CÔNG TỊCH THƯỢNG.

Bồng mẫn tiêu tiêu hắc tiểu sa.
Tùy phong vãn nhập Tướng Vương gia.
Nhân sinh bách tuế trùng dương kỷ.
Thu sắc tam phân cửu nhật đa.
Tự giải sầu trung ưng hữu tửu.
Đắc hành lạc xứ khả vô hoa.
Mang nhiên nhất tùy thù giai tiết.
Trường tiểu tây song phát hạo ca.

Dịch nghĩa

TIẾT TRÙNG CỬU, Ở TRONG PHỦ BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG

Tóc rối khăn đen mới bước ra,
Chiều hôm theo gió tới Vương gia.
Trùng dương một kiếp không nhiều mấy.
Cửu nhật riêng thu đã được ba.
Muốn giải sầu nay đành có rượu.
Cần thêm vui mới, há không hoa.
Say sưa cạn chén mừng ngày tết.
Cư đời nói bên hiên, cất giọng ca.



29.— 秋夜早起寄洪江檢正

寂寞書齋意不聊
 移床秋戶聽芭蕉
 月殘錦巷鐘聲晚
 風撼銅村馬足驕
 騷骨欲清詩更拙
 病根未去病還澆
 呼童淨掃柴門葉
 留待君來話隔朝

Phiên âm

THU ĐẠ TẢO KHỞI KÝ HỒNG GIANG KIỂM CHÍNH.

Tịch mịch thư trai ý bất liệu
 Di sàng thu hộ thính ba tiêu.
 Nguyệt tàn, cầm hạc, chung thanh hiều.
 Phong hám Đồng thôn, mã túc kiêu.
 Tao cốt dục thanh, thi cánh hoán.
 Bệnh căn vị khứ, dục hoàn kiêu.
 Hồ đồng tĩnh tảo sãi môn diệp.
 Lưu đãi quân lai thoại cách triều.

Dịch nghĩa

MÙA THU ĐẠY SỚM GỬI THƯ CHO KIỂM CHÍNH
 HỒNG GIANG.

Nghĩ ngợi thư trai cảnh vắng teo.
 Cửa thu nằm nghỉ, lắng ba tiêu.

Trăng tàn, ngõ Cầm, hồi chuông sáng.
 Gió dậy thôn Đồng, vó ngựa theo.
 Cốt cách muôn thanh, thơ lại đổi.
 Bệnh xưa chưa khỏi, thuốc dùng nhiều,
 Gọi đồng quét lá cho quang ngõ.
 Khách tới vui bàn chuyện cừu triều.



30.— 病 中 懷 洪 江 檢 正 (秋 夜 韻)

沈	水	烟	消	客	夢	清
寒	燈	無	語	傍	人	明
銀	光	耿耿	流	當	戶	
黃	葉	蒼	蒼	落	滿	城
墨	畫	池	臺	秋	蒼	色
水	銀	世	界	月	多	情
豈	因	一	病	傷	夢	氣
睡	起	狂	歌	四	壁	驚

Phiên âm

BỆNH TRUNG HOÀI HỒNG GIANG KIỂM CHÍNH.

(Thu dạ vận).

Trầm thủy, yên tiêu, khách mộng thanh.
 Hàn đăng vô ngữ bàng nhân minh.
 Ngân giang cảnh cảnh lưu đương hộ.
 Hoàng điệp tiêu tiêu lạc mãn thành.
 Yêm họa trì đài, thu trừ sắc.
 Thủy ngân thế giới nguyệt đa tình.
 Khởi nhân nhất bệnh thương hào khí.
 Thụy khởi cuồng ca tứ bích kinh.

Dịch nghĩa

ĐƯƠNG BỆNH, NHỚ KIỂM CHÍNH HỒNG GIANG

(Lấy vần thu dạ).

Nước lắng, mây tan, mộng vẫn vương,
 Đèn xanh lặng chiếu khách tha phương.

Sông ngân cuộn cuộn qua ngoài cửa.
Lá úa tiêu điều rụng khắp đường.
Đài tạ, trời xanh, thu đủ sắc.
Đó đây, sóng bạc, nguyệt mờ màng.
Há vì bệnh hoạn, quên hào khí.
Đứng dậy cuồng ca bốn vách vang.



31.— 元 旦 上 冰 壺 相 公

槐庭元旦拜生辰
 客子光陰幾度新
 東閣重遊春世界
 祝頌豈私門下士
 拳拳只為愛斯民

Phiên âm

NGUYỄN ĐÁN THUỶ BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG.

Hòe đình nguyên nhật bái sinh thần,
 Khách tử quang âm kỷ độ tân.
 Đông các trùng du xuân thế giới,
 Nam chi thiên lộ tuyết tinh thần.
 Thiên di nhất lão phù xương vận.
 Để quyền tam triều ý cữ thần.
 Chúc tụng khởi tư môn hạ sĩ.
 Quyền quyền chỉ vị ái tư dân.

Dịch nghĩa

NGUYỄN ĐÁN CHÚC TẾT BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG.

Sân hòe ngày tết chúc mừng xuân.
 Lui tới quang âm tính mấy lần.
 Đông Các lại thêm xuân thế giới.
 Nam chi móc đượm, tuyết tinh thần
 Trời rành một lão phù vương thất.
 Vua kính ba triều bực cữ thần.
 Chúc tụng riêng đâu người phủ đệ.
 Là vì nghĩ tới cả toàn dân.



32.— 秋 病 中

蕭蕭風動轉淒清
 天地初秋客子情
 隆慶二年新進士
 翹才三館舊書生
 少年敢負韓中獻
 多病還怜馬長卿
 萬事皆人霄漸永
 貯愁歌卧數殘更

Phiên âm

THU BỆNH TRUNG

*Tiểu tiêu phong động chuyển thê thanh
 Thiên địa sơ thu, khách tử tình,
 Long Khánh nhị niên tân tiến sĩ.
 Kiều Tài tam quán cựu thư sinh.
 Thiểu niên cảm phụ Hàn Trung Hiến.
 Đa bệnh hoàn linh Mã Trường Khanh.
 Vạn sự giải nhân tiêu tiệp vịnh.
 Trữ sầu ca ngọa sở tàn canh.*

Dịch nghĩa

MÙA THU, ĐƯƠNG CÓ BỆNH

*Hiu hiu gió thổi mới sầu sinh.
 Trời đất vào thu, động khách tình.
 Long Khánh nhị niên thành tiến sĩ.
 Kiều Tài Tam Quán vốn thư sinh.*

Thiếu niên dám phụ Hàn Trung Hiến (1)
Đa bệnh càng thương Mã Trường Khanh. (2)
Muốn việc dây đưa, người tự tạo.
Ôm sào ngồi đứng suốt tàn canh.

CHÚ THÍCH : (1) Hàn Kỳ triều Tống nước Tàu, thi đỗ sớm,
(2) Tư Mã Tương Như, nhân vật triều Hán nước Tàu.



33.— 陪 冰 壺 相 公 遊 春 江

鮮 雲 晴 日 雪 花 天
 烟 景 三 春 勝 柳 川
 紅 翠 白 蘋 吟 況 味
 蘿 裙 滂 雨 醉 因 緣
 且 談 湖 海 江 南 士
 休 訪 風 流 采 石 僊
 猶 浦 斜 陽 歌 緩 掉
 幾 人 同 載 孝 廉 船

Phiên âm

BỒI BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG DU XUÂN GIANG

Tiền vân, tinh nhật tuyết hoa thiên.
 Yên cảnh tam xuân thắng Liễu Xuyên
 Hồng Lục, Bạch Tàn ngâm hưởng vị.
 La quần bạng tú tú nhân duyên.
 Thả đàm hồ hải Giang Nam sĩ.
 Hưu phóng phong lưu Thái Thạch tiên.
 Hàm phổ tả dương ca hoãn trạo.
 Kỷ nhân đồng tải hiếu liêm thuyền.

Dịch nghĩa

THEO BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG CHƠI THUYỀN MÙA XUÂN

Mây thưa trời tạnh, tuyết như hoa.
 Phong cảnh Liễu Xuyên cũng kém thua.
 Bèo trắng, nga hồng, thơ hứng thú.
 Quần kia áo nọ rợp la cà.
 Giang Nam danh sĩ nên bàn tại.

*Thái Thạch (1) tiên ông chữa nói qua.
Bến nước, trời chiều, chèo tạm chậm.
Hiếu Liêm (2) thuyền chờ chuyện chưa xa*

(CHÚ THÍCH : (1) Lý Bạch đi chơi tới Thái Thạch. — (2) Trương Bằng được cử Hiếu Liêm. Trương Lưu Thị đi đường gặp, nhận là người có ai, chờ cùng thuyền về, dùng làm quan).



34. — 重遊春江有感

去平三月珂珂濱
 麗服相隨五六人
 岸草無情春自綠
 江流在眼客還新
 清吟雨後遶紅葉
 緩棹前風過白蘋
 長恐寸心違魏闕
 五湖偏載讀書身。

Phiên âm

TRÙNG DU XUÂN GIANG HỮU CẢM.

Khứ niên tam nguyệt Nhị Hà tân.
 Lệ phục tương tùy, ngũ lục nhân.
 Ngạn thảo vô tình, Xuân tự lục.
 Giang lưu tại nhãn, khách hoàn tân.
 Thanh ngâm vũ hậu yểu hồng diệp.
 Hoãn trạo phong tiền quá bạch tần.
 Trường khứng thốn tâm dao ngụy khuyết.
 Ngũ hồ thiên tải độc thư thân.

Dịch nghĩa :

LẦN THỨ HAI ĐI CHƠI TRÊN SÔNG.

Năm ngoái ngày xuân, bến Nhị Hà.
 Tùy tùng năm sáu, về xa hoa

*Bên bờ cỏ mọc, xuân phô thắm.
Trước mắt giòng xuôi khách lạ xa.
Hồng diệp tạnh mưa, ngâm ngợi khúc.
Bạch tần trước gió, gác chèo, ca.
Tơ lòng thắt mắc nơi cung khuyết.
Trong giới giang hồ, vốn học gia.*



35.— 村居感事寄呈冰壺相公

稻畦千里赤如燒
田野休嗟意不聊
后土山河方潞潞
皇天雨露正迢迢
支胥梁晋洋多竭
民命膏脂半已消
好把新詩營黍稷
又今卧病未能朝

Phiên âm

THÔN CƯ CẢM SỰ, KÝ TRÌNH BẰNG HỒ TUỐNG CÔNG

*Đạo huê thiên lý xích như thiêu,
Điền dã hưu ta ý bất liêu.
Hậu thổ sơn hà, phương địch địch,
Hoàng thiên vũ lộ chính thiêu thiêu.
Lại tư võng cổ hồn đa kiệt,
Dân mệnh cao chi bán dĩ tiêu,
Hiếu bả tân thi đương tấu độc,
Chỉ kim ngộ bệnh vị năng triều.*

Dịch nghĩa :

NGU TRONG XÓM, CẢM THẤY CÔNG VIỆC,
TRÌNH LÊN BẰNG HỒ TUỐNG CÔNG.

*Ruộng nương ngàn dặm đất như thiêu.
Thóc lúa mùa này chả dám cầu.*

*Hậu thò thò non song, thời mãi thế.
Hoàng thiên mưa móc đợi còn lâu.
Công cùm lý dịch tha hồ dụng.
Huyết mạch nhân dân đã cạn tiêu.
Bản sớ muốn dâng tâu việc thực.
Liệt giường đang bệnh vắng phiên châu*



36.— 古 山 范 公 (范 仁 卿 監 修 國
 史) 示 以 小 國 詩 且 道 諸 公
 畫 己 康 和 余 因 慕 其 塵 中 而
 有 閑 適 之 趣 因 次 其 韻 .

丈持義生把啣他此
 室抄培長卷盃時樂
 乾種自何樹花倘應
 坤樹有知間下有須
 膝課東造眠醉過我
 可兒君化午春從與
 容童巧功日風便公

Phiên âm

Cồ Sơn Phạm Công (Phạm Nhân Khanh, Giám Tu quốc sử),
 hị dĩ Tiểu Phổ thi, thả đạo chư công dĩ canh họa. Dư nhân
 mộ kỳ trần trung nhi hữu nhân thích chi thứ nhân thứ kỳ vận.

Trượng thất càn khôn tất khả dung.

Tri sao chủng thụ khóa nhi đồng.

Tài bồi tự hữu đồng quán sảo.

Sinh trưởng hà tri tạo hóa công.

Bả quyền thụ gian miên ngộ nhật.

Hàm bồi hoa hạ túy xuân phong.

Tha thời thắng hữu qua tòng tiệp.

Thử lạc ưng tu ngã dĩ Công.

Dịch nghĩa

Cồ Sơn, Phạm Công (Phạm Nhân Khanh, Giám Tu Quốc sử) đưa cho tôi bài thơ Tiểu Phổ, cùng cho biết là các ông đã họa cả. Nhân thấy ở đời mà còn nói đến thư nhân thích, nên tôi theo vần họa lại.

Thấp cao một mái cột dung thân.
Chăm trẻ, chăm cây, đủ được yên.
Sinh trưởng là do tay tạo hóa.
Tài bồi chính tại sức đông quân.
Bóng cây đọc sách, hồn mơ bướm.
Hớp rượu nhìn hoa thưởng gió xuân.
Có dịp đi qua thăm hỏi được.
Biết vui chắc chỉ chủ cùng tân.



37.— 天 長 試 後 有 感

萬	里	來	觀	上	國	賓
科	場	誤	作	殺	中	人
東	風	御	苑	花	容	動
細	雨	乾	坤	柳	色	新
雙	鯉	濶	傳	江	上	信
扇	舟	悶	繫	客	中	身
今	朝	最	是	愁	腸	處
一	別	庭	圓	勝	半	春

(唐 太 宗 觀 新 進 士 綴 行 而 出 書 曰
 : 天 下 英 雄 入 吾 彀 中 矣)

Phiên âm

THIÊN TRƯỜNG THÍ HẬU HỮU CẢM.

*Vạn lý lai quan thượng quốc tân.
 Khoa trường ngộ tác cấu trung nhân.
 Đông phong ngự uyển hoa dung động.
 Tế vũ càn khôn liễu sắc tân.
 Song lý khoát truyền giang thượng tín.
 Phiến chu muộn hệ khách trung thân.
 Kim triều tối thị sầu tr ường xư.
 Nhất biệt đình viên thắng bán xuân.*

(Đường Thái Tông quan tân tiến sĩ tuyết hàng, nhi suất thư viết : Thiên hạ anh hùng nhập ngô cấu trung hỹ).

Dịch nghĩa

SAU KHI THI Ở THIÊN TRƯỜNG

Đi coi Minh sứ đậm muôn ngàn.
 Lại gặp khoa thi mũ áo ban
 Vườn ngự gió xuân hoa hớn hờ.
 Khoang trời mưa bụi liễu xanh rờn.
 Sông dài tin báo truyền nhanh chóng.
 Thuyền buộc, đường về hết hỏi han.
 Khắc khoải chiều nay ngồi lại đứng.
 Ruộng vườn xa cách sắp qua xuân.

(Vua Đường Thái Tôn coi các tiến sĩ mới đỗ đứng xếp hàng,
 nói : Bọn anh hùng trong thiên hạ đã vào túi của ta rồi),

oOo

38.— 泊 李 家 陵

扁舟	天荒	德邱	紫已	斜昔	暉時
亡肅	遺古	靈色	藏枕	樹江	燁祠
青桐	棺無	復存	成宿	龍鶴	氣枝
華疑	表佇	一平	成自	鵲一	聚
黃昏	小立	自哦			詩

Phiên âm

BẠC LÝ GIA LĂNG.

Biển chu Thiên Đức hệ tà huy.
 Vong Lý hoang khuru dĩ tức thì.
 Túc túc di linh, tàng thụ dịch.
 Thanh thanh cỏ sắc chằm giang từ.
 Đồng quan vô phục thành long khí.
 Hoa biểu duy tồn túc hạc chi.
 Nghi trử nhất niên thành nhất khái.
 Hoàng hôn tiều lập tự nga thi.

Dịch nghĩa

ĐI THUYỀN QUA KHU LĂNG NHÀ LÝ

Thiên Đức chiều hôm gác mái chèo
 Miếu lăng triều Lý đã tiêu điều.
 Uy nghi cỏ thụ còn hình dáng.
 Vắn vẻ Giang Từ vắn sắc màu.
 Hết thấy quách đồng, rồng nhả khói.
 Còn nơi hoa biểu hạc về châu.
 Thêm năm, phong cảnh thêm tàn tạ.
 Lặng ngắm hoàng hôn đọc mấy câu.

39.— 客路

生	世	那	堪	賤	丈	夫
離	(1)	忽	帶	淚	痕	枯
日	沈	健	嶺	冥	投	館
雪	霽	長	州	曙	成	途
天	地	未	容	斯	道	捨
江	山	肯	外	此	身	孤
明	時	倘	却	分	毫	補
萬	里	寧	辭	我	僕	痛

Phiên âm

KHÁCH LỘ.

Sinh thể na kham tiên trượng phu.
 Ly (1) hốt đại lệ ngân khô.
 Nhật chầm Kiện Lĩnh mình đầu quán.
 Tuyết tẻ Trường Châu thụ giới đồ.
 Thiên địa vị dung tư đạo xả,
 Giang sơn khảng ngoại thử thân cô.
 Minh thì thắng hiệu phán hào bô.
 Vạn lý ninh từ ngã bộc bô.

Dịch nghĩa

TRÊN ĐƯỜNG ĐI, NƠI ĐẤT KHÁCH.

Ở đời đâu chịu tiếng chê hèn.
 Lưu lạc từng qua ngấn mắt hoen.
 Kiện Lĩnh mây về, chiều nghỉ lại.
 Trường Châu tuyết ánh sớm đi liền.
 Đất trời đạo cả còn chưa bỏ.
 Non nước thân này chắc chẳng quên.
 Có dịp nay mai ra giúp sức.
 Xông pha muôn dặm cố theo lên.

CHỮ THÍCH: (1) Chỗ này bản in thiếu một chữ.

40.— 迴 寇 山 中 有 感

山	房	盡	日	醉	昏	昏
世	路	艱	危	懶	出	門
六	哀	慈	親	千	里	隔
兩	年	寇	亂	一	身	存
風	塵	天	地	空	接	髮
烟	瘴	村	壘	只	斷	魂
謾	有	寸	懷	勞	耿	耿
夜	依	牛	斗	望	中	原

Phiên âm

TỊ KHẨU SƠN TRUNG HỮU CẨM

Sơn phòng tận nhật túy hôn hôn,
 Thế lộ gian nguy lại xuất môn.
 Lục dật từ thân thiên lý cách.
 Lững niên khẩu loạn nhất thân tồn.
 Phong trần thiên địa không tao phát.
 Yên chương thôn loạn chỉ đoạn hồn.
 Man hữu thốn hoài lao cảnh cảnh.
 Dạ y ngư đầu vọng trung nguyên.

Dịch nghĩa

TRÁNH GIẶC Ở TRONG NÚI

Sơn phòng sớm tối rượu liên miên.
 Nguy hiểm đường đời ngại bước lên.

Sáu chục từ thân, ngàn dặm thăm.
Hai năm giặc loạn một thân yên.
Phong trần rối trí, tình non nước.
Lam chương mê hồn chốn ải biên.
Thắng thốt tắc lòng buồn chẳng ngớt.
Đêm nhìn ngưi đầu, nhớ trung nguyên.

ooo

41.— 客 舍

淺	把	鵲	兒	獨	自	斟
羈	麼	動	了	鵲	猿	心
花	邊	茅	屋	春	長	好
柳	外	柴	門	客	易	尋
半	榻	魚	風	和	午	夢
一	簾	梅	雨	助	清	吟
是	非	不	到	閑	窗	几
聽	起	焚	香	撫	素	琴

Phiên âm

KHÁCH XÁ

Thiên bả nga nhi độc tự châm.
 Ky mi động liễu hạc viên tâm.
 Hoa biên mao ốc, xuân trường hảo.
 Liễu ngoại sài môn khách dị tầm.
 Bán tháp tiêu phong hòa ngọc mộng.
 Nhất liêm mai vũ trợ thanh ngâm.
 Thị phi bất đáo nhàn song kỷ.
 Thụy khởi phần hương phủ tổ cầm.

Dịch nghĩa :

Ở NƠI TRỌ

Lũn thúi say sưa cứ rượu tràn.
 Thân như hạc vượn được tâm nhàn.
 Trong hoa mái cỏ xuân càng đẹp.
 Ngoài liễu rào phen, khách dễ lần.
 Bên án gió lay, ru mộng bướm.
 Trước rèm mai rụng, gợi câu thần.
 Việc đời chẳng tới bên hiên sách.
 Tình dậy, thêm hương, vãn trực đàn.

42.— 村居

數	樣	書	室	掩	蓬	萬
池	草	園	林	夢	欲	駢
覆	屋	霜	勻	千	瓦	重
侵	門	月	上	半	籬	高
病	中	活	計	存	靈	藥
身	外	浮	名	付	濁	膠
萬	事	無	營	心	自	可
春	風	滿	砌	太	陶	陶

Phiên âm

THÔN CƯ

Sồ chuyên thư thất yểm bằng cao.
 Trì thảo viên lâm mộng dục tao.
 Phúc ốc sương quán thiên ngõa trọng.
 Xâm môn nguyệt thượng bán lý cao.
 Bệnh trung hoạt kế tồn linh dược.
 Thân ngoại phù danh phó trọc giao.
 Vạn sự vô doanh, tâm tự khả.
 Xuân phong mãn thế thái đào đào.

Dịch nghĩa

Ở TRỌ TRONG XÓM

Thư hiên cột chống, có bằng hao.
 Ao cỏ vườn cây mộng vẫn theo.
 Xưởng mái, sương gieo, hơng ngói nặng.
 Qua hiên trăng chiếu, nửa tre cao.
 Muốn qua bệnh tật, cần thang thuốc.
 Coi rẻ công danh, tựa bọt bèo.
 Muôn việc bỏ qua tâm khỏi động.
 Gió xuân đưa tới, dạ vui sao.

43. 親 園 慕

閑	窗	敵	手	偶	相	逢
此	樂	堪	殊	閑	橋	中
初	訝	曉	星	光	錯	落
忽	聞	晴	電	碎	玲	瓏
銀	橫	暗	合	周	天	數
勝	負	交	爭	畧	地	功
萬	事	如	基	須	說	著
古	今	局	面	苦	難	同

Phiên âm

QUAN VI KỲ

Nhàn song địch thủ ngẫu tương phùng.
 Thử lạc kham thù đấu quất trung,
 Sơ nhạ hiều tinh quang thác lạc.
 Hốt vắn tình bạc toát linh lung.
 Tung hoành ám hợp chu thiện số.
 Thắng phụ giao tranh lược địa công,
 Vạn sự như kỳ tu thuyết trứ.
 Cổ kim cục diện khổ nan đồng.

Dịch nghĩa

XEM ĐÁNH CỜ

Nhàn vui, địch thủ bỗng kỳ phùng.
 Tính cách đừng cho đấu viên vông.
 Trước ví sao mai, nhìn lẻ tẻ.
 Sau nghe mưa đá, phá lung tung.
 Dục ngang hợp với từng con số,
 Thua được tranh nhau, tính mọi công.
 Muôn việc như cờ nên biết rõ.
 Từ xưa khó dễ, vốn không cùng.

44.— 自 天 長 漂 過 海 口 遇 風

怒	蛟	嗟	霧	旌	船	窗
四	月	奈	波	駛	似	瀧
岸	樹	東	西	旗	拂	掠
灘	聲	上	下	玉	春	撞
烟	波	萬	里	丹	心	寸
風	雨	孤	蓬	綠	鬢	雙
不	是	一	官	天	上	去
那	堪	此	日	卧	滄	江

Phiên âm

TỪ THIÊN TRƯỜNG PHIÊU QUÁ HẢI KHẨU NGỘ PHONG.

Nộ giao khu vụ bá thuyền song.
 Tứ nguyệt bốn ba khoái tự lung.
 Ngạn thụ đồng tán kỳ phát lược.
 Than thanh thượng hạ ngọc thung chàng.
 Yên ba vạn lý đan tâm thốn.
 Phong vũ cô bình lục mấn song.
 Bất thị nhất quan thiên thượng khứ.
 Nà kham thử nhật ngọa thương giang.

Dịch nghĩa

TỪ THIÊN TRƯỜNG ĐI THUYỀN RA BÈ GẶP GIÓ.

Mây khói giao long lấp cửa bình.
 Tháng tư trời gió nước trần tung.
 Gió cờ như cuốn hàng cây bến.
 Chầy ngọc nghe vang bãi cát sông.
 Hồ bè lòng son, từng vạn dặm.
 Gió mưa tóc rối, một thân bình.
 Trên trời ví thiếu người coi việc.
 Ngày đó thân này đã dưới giòng.

45.— 遊 崑 山

一 回 雨 天 百 半 興 昏	筇 首 後 晴 平 日 去 鐘	山 塵 泉 嵐 浮 偷 欲 催	上 埃 聲 氣 世 閒 來 月	柱 路 流 靜 人 我 僧 掛	雲 隔 荻 浦 皆 亦 院 峯	烟 千 菰 渭 夢 仙 宿 前
--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------

Phiên âm

DU CÔN SƠN

Nhất cùng sơn thượng trụ vân yên.
 Hồi thủ trần ai, lộ cách thiên.
 Vũ hậu tuyền thanh lưu tốc tốc.
 Thiên tình lam khí tĩnh quyên quyên.
 Bách niên phù thể nhân giai mộng.
 Bán nhật du nhân, ngã diệc tiên.
 Hứng khứ, dục lai tăng viện túc.
 Hồn chung thớ nguyệt quải phong tiền.

Dịch nghĩa

ĐI CHƠI CÔN SƠN.

Lên non một gậy, chống khoang mây.
 Ngảnh lại xa xa bụi tục đầy.
 Mưa tạnh nước khe ranh rách chảy.
 Trời quang khí núi nhẹ nhàng bay.
 Trăm năm cõi thế toàn trong mộng.
 Nửa buổi thành tiên mới biết may.
 Cao hứng muốn vào tăng-viện nghỉ.
 Chuông chiều thúc nguyệt, mắc ngàn cây.

46.— 題 玄 天 寺

仙 家 一 簇 聳 雲 岑
 路 入 烟 蘿 窅 深
 樹 影 長 年 圓 古 澗
 花 枝 亭 午 轉 幽 禽
 官 閒 我 得 修 身 訣
 老 去 天 知 學 道 心
 若 見 赤 松 憑 寄 語
 佳 遊 何 日 果 幽 尋

Phiên âm

ĐỀ HUYỀN THIÊN TỰ

*Tiên gia nhất thốc tủng vân sâm.
 Lộ nhập yên la liêu thiêu thám.
 Thụ ảnh trường niên vi cổ giản
 Hoa chi đìnhh ngọ chuyển u cầm.
 Quan nhàn ngã đắc tu thân quyết.
 Lão khứ thiên tri học đạo tâm.
 Nhược kiến Xích Tùng bằng ký ngữ.
 Giai du hà nhật quả u tìm.*

Dịch nghĩa

ĐỀ CHÙA HUYỀN THIÊN

*Nhà tiên một xóm ngất cheo leo.
 Thằng vút mây xa có lối vào.*

*Cây cối năm nhiều khe róc rách.
Nhành hoa trưa tối, hạc lao xao.
Tu thân ta được quan nhàn rảnh.
Học đạo trời cho tuổi tác cao.
Nếu gặp Xích Tùng (1) xin nhớ hỏi,
Non tiên cho tới, định khi nào.*

CHÚ THÍCH : (1) Một vị tiên.

走以多事未即陪崑山遊感念之深
 因而成八句律之趣一首以瀉胸懷堂之素
 播歌詠之聲因錄呈清虛洞主。

Phiên âm :

Tàu dĩ đa sự, vị tức bởi Côn Sơn du. Cảm niệm chi thâm, Nhân thành bát cú luật nhị thủ. Nhất dĩ tụng miếu đường chi hạ, nhi hữu nhân thích chi thú. Nhất dĩ tả hung hoài chi tổ, nhi bá ca vịnh chi thanh. Nhân lục trình Thanh Hư Động Chủ.

Dịch nghĩa :

Tôi vì nhiều việc, không theo hầu đi Côn Sơn được. Nhân có hai bài thơ. Một bài mừng nơi miếu đường còn được nhân rồi, hưởng thú. Một bài để tỏ tâm sự bật ra lời ngâm. Xin chép trình lên Thanh Hư Động Chủ.

47. — 朔吹凌凌戒敝裘
 廟堂心已事迹林丘
 虞庭己作來儀鳳
 傳野聊還濟巨舟
 雲衲細參黃萼話
 霞心高挹赤松遊
 憑將繡句鵲山骨
 紹慶元功鎮諒州

Phiên âm :

Sóc xúy lǎng lǎng giới tề cầu.
 Miếu đường tâm sự tích lâm khưu.
 Ngu đình dĩ tác lai nghi phụng.
 Truyền dã liêu hoàn tế cự chu.
 Vân nạp tế tham Hoàng Nghiệt thoại.
 Hà tâm cao bả Xích Tùng du.
 Bằng tương tú cú tuyên sơn cốt.
 Thiệu Khánh nguyên công trấn Lượng Châu.

Dịch nghĩa :

Lành lạnh hơi may, khoác áo dày.
 Miếu đường tâm sự núi rừng hay.
 Trong triều (lai phụng) (1), lời ghi rõ.
 Ngoài cõi (trầm chu) (2), việc tiếp ngay.
 Hoàng Nghiệt (3) cao sâu, lời chắc chắn.
 Xích Tùng (4) thanh khiết, trí khôn tày.
 Ví đem thơ phú ghi lên núi.
 Trấn Lạng công đầu, Thiệu Khánh gây.

-
- CHÚ THÍCH :** (1) Lai Phụng, là khi trong nước chính trị hay thi có điềm lành là chim phụng tới.
 (2) Trầm chu là làm chìm thuyền, là ý nói đánh giặc mà quyết chiến. Qua sông thì chìm thuyền, không thắng thì không về.
 (3) Hoàng Nghiệt là tên một người sư ngày xưa.
 (4) Xích Tùng là tên một người tiên ngày xưa.

48.— 第二首

山	中	是	處	擬	菟	裘
歲	晚	言	旋	卜	一	丘
苔	蘚	半	荒	靈	運	屐
雲	蓬	空	紫	子	猷	舟
忙	中	日	月	匆	匆	過
夢	裡	林	泉	歷	歷	遊
想	得	清	虛	題	咏	扁
不	妨	佳	句	到	皇	州

Phiên âm

ĐỀ NHỊ THỦ

Sơn trung thị xứ, nghĩ sưu cầu.
 Tuổi vẫn ngôn toàn bốc nhất khu.
 Đài tiền bán hoang Linh Vận tử.
 Tuyết bằng không hệ Tử-Du châu.
 Mang trung nhật nguyệt thông thông quá.
 Mộng lý lâm tuyền lịch lịch du.
 Tưởng đắc thanh hư đề vịnh biển.
 Bất phương giai cú đảo hoàng châu.

Dịch nghĩa :

BÀI THỨ HAI

Non cao ăn dật ít vào ra.
 Về ở yên thân hưởng tuổi già.

*Linh Vận (1) vết chân, rêu lẫn cỏ.
 Tử Du (2) thuyền buộc, tuyết trong hoa.
 Trên non ngày tháng từng trôi chóng.
 Trong mộng rừng khe vẫn bước qua.
 Tiên cảnh lỡ khi thơ ngẫu vịnh.
 Ở Kinh có biết chỉ là thơ.*

CHÚ THÍCH : (1) Tạ Linh Vận, thi nhân nước Tàu, tính ưa ngao du sơn thủy.

(2) Vương Duy Chi, (con Vương Hy Chi) đời Tấn nước Tàu, thường khi đêm tuyết, cao hứng chèo thuyền đi chơi.

49. — 次 洪 州 檢 正 韻

萬 姓 嗷 嗷 待 哺 裹
 誰 家 金 玉 亞 高 邱
 人 情 岩 陰 君 方 輟
 世 路 風 濤 我 亦 舟
 帝 里 客 懷 逢 暮 雨
 書 房 舊 話 念 英 遊
 西 風 刮 夢 傳 邊 信
 腸 斷 南 孺 四 五 州

Phiên âm

THƯ HỒNG CHÂU KIỂM CHÍNH VẬN

Vận tỉnh ngao ngao đãi bộ cầu. (1)
 Thù gia kim ngọc á cao khâu.
 Nhân tình nham hiểm quân phương cốt.
 Thế lộ phong đào ngã diệc chu.
 Đế lý khách hoài phùng mộ vũ.
 Thư phòng cựu thoại niệm anh du.
 Tây phong quát mộng truyền biên tín.
 Trường đoạn Nam Nguyên, tứ ngũ châu.

Dịch nghĩa

HỌA THƠ KIỂM CHÍNH HỒNG CHÂU.

CHÚ THÍCH : Bộ cầu : .Bộ là ăn. Cầu là mặc. Đãi bộ cầu nghĩa là đợi được cho ăn, cho mặc.

Cơ áo muôn dân đợi đã lâu.
Nhà ai quý hiền dựa đời cao.
Ông cho xe vượt đường đời khó.
Tôi cũng thuyền qua sóng bề sâu.
Đất khách mưa chiều thêm tưởng vọng.
Phòng thư chuyện cũ vượt ba đào.
Gió tây tan mộng, tin biên ải.
Cắt đứt miền nam mất mấy châu

oOo

50.—漫 曾 一 第 詭 鄉 隣

誰 道 清 風 不 療 貧
 霜 後 菊 香 還 酒 客
 雪 中 梅 意 可 詩 人
 吟 邊 客 舍 雙 蓬 鬢
 夢 裡 天 門 八 翼 身
 城 月 浦 雲 相 望 處
 故 人 來 地 欲 青 春

陶 侃 夢 生 八 翼 上 天 見 天 門 九 重 。

Phiên âm

Man tăng nhất đệ sá hương lân.
 Thù đạo thanh phong bất liệu bần.
 Sương hậu cúc hương hoàn tửu khách.
 Tuyết trung mai ý khả thi nhân.
 Ngâm biên khách xá song bằng mấn.
 Mộng lý thiên môn bát dực thân.
 Thành nguyệt, phổ vân, tương vọng xứ.
 Cố nhân lai địa dục thanh xuân.

(Đào Khản, mộng sinh bát dực, thượng thiên, kiến thiên môn, cửu trùng).

Dịch nghĩa

Nhà mới người quen nghĩ ngàn ngơ.
 Thanh phong mà đề cứ nghèo xơ.

*Đầm sương, hương cúc thêm mùi rượu.
 Trong tuyết màu mai gọi giọng thơ.
 Quán khách cỏ bằng hình mái tóc.
 Cửa trời lông cánh mọc trong mơ.
 Trăng thành, mây phố, cùng trông ngóng,
 Người cũ sang xuân hãy đợi chờ.*

oOo

51.— 洪州復前韻寄答之

槐	府	西	邊	晚	卜	隣
脩	然	一	室	樂	清	貧
床	頭	金	劍	酬	知	己
枕	畔	黃	梁	夢	故	人
湖	海	當	年	天	下	士
風	流	此	日	省	郎	身
客	程	歲	暮	寒	砧	骨
最	愛	冰	壺	別	樣	春

Phiên âm

HỒNG CHÂU. PHỤC TIỀN VẬN, KÝ, ĐÁP CHI.

Hoè phủ tây biên, vãn bốc lân.
 Tiêu nhiên, nhất thất lạc thanh bần.
 Sàng đầu kim kiếm, thù tri kỷ.
 Châm bạn, hoàng lương mộng cổ nhân,
 Hồ hải, đương niên, thiên hạ sĩ.
 Phong lưu thử nhật, tỉnh, lang, thân.
 Khách trình tuế mộ, hàn biêm cốt.
 Tối ái băng hồ biệt dạng xuân.

Dịch nghĩa

HỒNG CHÂU HỌA THEO VẦN. ĐÁP LẠI

Phía tây hoè phủ, đặt căn cơ.
 Thoáng dựng ngôi nhà, thế cũng vừa.
 Tráng sĩ, đầu giường, còn có kiếm.
 Cổ nhân hợp mặt chỉ trong mơ.
 Giang hồ khi trước thường thơ thẩn.
 Viện các ngày nay, bọn giã từ.
 Chiều rét, đường xa, da tựa cát.
 Riêng mừng băng ngọc vẫn như xưa.

52.— 用 鄭 生 留 別 以 別 之

春	風	倒	我	醒	醒	孤
明	月	隨	君	柱	掉	遠
親	舍	好	循	溫	清	候
世	途	甘	却	利	名	鐘
雲	山	作	夢	尋	鄉	里
湖	海	茲	遊	隔	市	朝
後	夜	相	思	無	覓	處
南	雲	翔	鴈	正	飄	飄

Phiên âm

DỤNG TRỊNH SINH LƯU BIỆT DĨ BIỆT CHI.

*Xuân phong đảo ngã lục linh biều.
 Minh nguyệt tùy quân trụ trạo dao.
 Thân xá hảo tuần ôn tĩnh hậu.
 Thử đồ cam tá lợi danh tiều.
 Vân sơn, tạc mộng tầm hương lý.
 Hồ hải tư du cách thị triều.
 Hậu dạ tương tư, vô mịch xứ.
 Nam vân tường nhận chính phiêu phiêu.*

Dịch nghĩa

DÙNG VĂN THƠ TRỊNH SINH LƯU BIỆT ĐỂ BIỆT TRỊNH

*Nghênh bầu say khướt vị xuân phong.
 Chèo quế, trắng theo, ánh chiếu giồng.
 Nhà cũ hàn ôn, thường đợi lúc.
 Đường đời danh lợi ước xa vòng.
 Núi mây mộng thấy về thôn xóm.
 Hồ bèo, thân ngoài cảnh miếu cung.
 Mong nhớ, rồi đây, tin tức vắng
 Mây nam bóng nhận, chính hành tung.*

53.— 江 行 次 洪 溪 橋 正 韻

長 江 滾 滾 片 帆 東
 海 濶 天 高 望 莫 窮
 夾 岸 船 窗 青 草 雨
 前 沙 棹 影 白 蘋 風
 百 年 豪 傑 戰 爭 地
 萬 古 山 河 帶 礪 功
 憑 仗 新 詩 作 圖 誌
 行 觀 四 海 軌 文 同

Phiên âm

GIANG HÀNH. THỨ HỒNG KHÊ KIỀU CHÍNH, VẬN.

*Trường giang cồn cồn phiến phàm đông.
 Hải khoáng thiên cao, vọng mạc cùng.
 Giáp ngạn, thuyền song, thanh thảo vũ.
 Tiền sa, trạo ảnh, bạch tần phong.
 Bách niên hào kiệt chiến tranh địa,
 Vạn cổ san hà đới lệ công.
 Bằng trượng tân thi tác đồ chí.
 Hành quan tứ hải quỹ văn đồng.*

Dịch nghĩa

ĐI THUYỀN TRÊN SÔNG. HỌA THEO VẦN THƠ
 HỒNG KHÊ KIỀU CHÍNH.

*Cuồn cuộn sông dài, lái chuyền đông.
 Trời cao bề rộng, ngắm không cùng.*

*Mưa dầm cỏ ướt xanh bờ nước.
Gió đầy bèo trôi, trắng cát sông.
Hào kiệt hàng năm là chiến địa.
Sơn hà muôn thuở lập kỳ công.
Cứ coi công việc ghi thanh sử.
Đâu đó như nhau, quý tắc chung.*

oOo

54.—	昌	符	元	年	余	自	慈	漢	寓	于	城	南
客	舍	今	念	昔	因	成	八	句	奉	蘭	司	刑
大	夫	舍	兼	蘭	訪	同	志					
		客	遂	風	雪	歲	更	深				
		長	向	丹	霄	掛	寸	心				
		亂	後	交	遊	非	復	昔				
		域	中	旅	泊	到	如	今				
		新	愁	滾	滾	憑	詩	送				
		往	事	悠	悠	付	夢	尋				
		早	晚	回	朝	好	將	問				
		鬼	章	何	日	賀	生	棒				

Phiên âm

Xương Phù nguyên niên, du tự Nhị Khê, ngụ vu Thành-nam khách xá, cảm kim, niệm tích, nhân thành bát củ, phụng giản Tư Hình đại phu Đỗ Xá, kiêm giản chư đồng chí.

*Khách đồ phong tuyết tuế canh thám.
 Trường hương đàn tiêu quả thốn tám
 Loạn hậu giao du phi phục tích.
 Thành trung lữ bạc đảo như kim.
 Tân sâu cồn cồn bằng thi tống.
 Vãng sự du du phó mộng tâm.
 Tảo văn hồi triều hảo tương vấn.
 Quý chương hà nhật hạ sinh cầm.*

Dịch nghĩa

Niên hiệu Xương Phù năm đầu, tôi từ Nhị Khê tới ngụ tại quán xá phía nam thành. Cảm việc cũ, nghĩ việc mới có được tám câu, xin trình Tư Hình Đại Phu Đỗ Xá, cùng các bạn đồng chí.

*Tha hương, gió tuyết cuối mùa đông.
 Mây đỏ nhìn lên gửi tắc lòng.
 Sau loạn, giao du tình đời khác.
 Trong thành cư trú tạm cho xong.
 Sầu nay đuổi hết bằng thơ phú.
 Việc trước coi như thoáng cánh hồng.
 Sớm muộn về triều rồi gặp gỡ.
 Tiệc mừng bất giác tháng ngày trông.*

55.— 城中有感寄呈同志

朝 中 朱 紫 動 紛 紛
 幻 眼 誰 能 各 自 分
 頭 上 老 天 依 日 月
 人 間 夢 境 付 烟 雲
 習 池 何 處 招 山 簡
 杜 曲 無 錢 覓 廣 文
 謀 議 廟 堂 吾 豈 敢
 擬 將 泉 石 夢 諸 君

Phiên âm

THÀNH TRUNG HỮU CẢM, KÝ TRÌNH ĐỒNG CHÍ.

Triều trung, chu tử, động phân phân.
 Ảo nhãn thùi năng các tự phân.
 Đầu thượng, lão thiên y nhật nguyệt.
 Nhân gian mộng cảnh phó yên vân.
 Tập trì hà xứ chiêu Sơn Giản.
 Đỗ khúc vô tiền觅 Quảng Văn.
 Mưu nghị miếu đường, ngô khởi cảm.
 Nghĩ tương tuyền thạch mộng chư quân.

Dịch nghĩa

Ở TRONG THÀNH, CẢM HƯNG, BIÊN TRÌNH ĐỒNG CHÍ

Trong triều, đỏ tía, sắc lung tung.
 Hoa mắt nào ai biết nhận trông.
 Nhật nguyệt, trời già nhờ ánh sáng.

*Thực hư, người thế tựa mây lồng.
Tìm đâu Sơn Giản (1), quân dù tập.
Nào thấy Quảng Văn (2), viện vẫn không.
Công việc triều đình đâu dám nói.
Chỉ đem rừng núi chúc mong ông.*

CHÚ THÍCH : (1) Tên một tướng triều Tấn nước Tàu.
(2) Quảng Văn Quán là một viện học, triều Đường nước Tàu lập ra.

56.—

奉	磨	冰	壺	寄	贈	村	中	高	韻
域	中	幾	度	閒	吏	涼			
漫	送	悠	悠	歲	月	長			
散	質	豈	堪	裨	世	用			
嬌	心	羞	把	妬	時	粧			
寒	松	晚	菊	淵	明	徑			
獨	樹	孤	村	子	美	堂			
賢	相	倘	憐	門	下	士			
茅	家	華	作	白	頭	郎			

Phiên âm

PHỤNG CANH BĂNG HỒ, KÝ TẶNG THÔN TRUNG
CAO VẬN.

*Thành trung kỷ độ đầu viêm lương.
Mạn tổng du du tuế nguyệt trường.
Tán chất khởi kham tỳ thể dụng.
Kiều tâm tu bã đổ thời trang.
Hàn tùng, văn cúc, Uyên Minh kính.
Độc thụ, cô thôn Tử mỹ đường.
Hiền tướng thăng liên môn hạ sĩ.
Khảng dung biện tác Bạch đầu lang.*

Dịch nghĩa

PHỤNG TIẾP THEO BĂNG HỒ THƠ TẶNG VỊ TRONG XÓM

*Trong thành nóng lạnh đã coi thường.
Năm lại năm qua nghĩ chán chường.*

*Tài thức dấm dâu bàn quốc sự.
Tâm tư còn ngại tập thời trang.
Bóng cây Tử Mỹ (1) lòng tha thiết..
Hàng cúc Uyên Minh (2) nghĩ vẫn vương.
Tề Tướng ví thương cho giúp việc.
Xin dâng bài luận Bạch Đầu Lang. (3)*

CHÚ THÍCH :

- (1) Đỗ Phủ Thi nhân triều Đường nước Tàu.
- (2) Đào Uyên Minh. thi nhân triều Tấn nước Tàu.
- (3) Trác Văn Quân, người thời Hán nước Tàu có bài Bạch Đầu ngâm

57.— 偶 作

自	警	平	生	履	素	絲
文	章	無	分	敢	論	詩
展	禽	安	位	飛	三	趾
章	子	誰	云	情	四	肢
老	即	田	園	真	事	業
心	無	暮	夜	役	妻	兒
乾	坤	形	著	皆	吾	通
飛	躍	高	深	可	遂	宜

Phiên âm

NG ẪU TÁC.

Tự sát bình sinh lý tổ ty,
 Văn chương vô phận, cảm luận thi.
 Triền Cầm an vãng, phi tam truất,
 Chương Tử thù vãn nọa tứ chi.
 Lão tức điền viên chân sự nghiệp.
 Tâm vô mộ dạ dịch thể nhi.
 Càn khôn hình trứ, giai ngộ thích.
 Phi được cao thâm khả toại nghi.

Dịch nghĩa

NG ẪU HÙNG

Thanh bạch bình sinh vốn tự an.
 Ra gì chữ nghĩa với thi văn.

Triền Cầm (1) đâu dễ yên ngôi vị.
 Chương Tử (2) không đành được nghỉ chân.
 Già ở ruộng vườn là cốt yếu.
 Lòng hăng sớm tối nghĩ thân nhân.
 Đất trời cảnh sắc ta ưa thích.
 Vỗ cánh cao bay mới thực cần.

CHÚ THÍCH :

- (1) Người nước Lỗ thời Xuân Thu.
 (2) Chưa rõ

oOo

58.— 家園樂

故園亂後有先虛
 六歲兒童頗愛書
 啼鳥落花深巷永
 涼風殘夢午窗虛
 心從閑處千憂失
 學到克時四體舒
 逐物勞人休誤我
 安人志已遂幽居
 晉潘岳字安仁有閑居賦。

Phiên âm

GIA VIÊN LẠC

Cố viên loạn hậu hữu tiên hư.
 Lục tuế nhi đồng pha ái thư.
 Đề điều lạc hoa thâm hạng vĩnh.
 Lương phong tàn mộng ngọ song hư.
 Tâm tòng nhàn xứ thiên ưu thất.
 Học đáo khắc thời tứ thể thư.
 Trục vật lao nhân, hưu ngộ ngã.
 An nhân chí dĩ toại u cư.

T ấn, Phan Nhạc, tự An Nhân hữu Nhàn Cư phú.

Dịch nghĩa

CẢNH VUI Ở VƯỜN NHÀ

Loạn xong, vườn cũ lợp nhà tranh.
 Con trẻ còn thơ, dạy học hành.

*Chim hót, hoa cười, vang cuối xóm.
Mộng yên, gió mát, tựa bên màn.
Lòng ham nơi tĩnh, thôi lo nghĩ.
Học tới đường ngay, hết cạnh tranh.
Hao sức đua đòi, đừng có mắc.
Yên thân, chí đã ngại công danh.*

Đời Tấn, Phan Nhạc, tự là An Nhân, có làm bài phú
Nhân Cư.



59.— 村家趣

抱	籬	竹	樹	萬	條	槍
草	屋	弓	餘	古	寺	傍
過	雨	池	塘	蛙	樂	聒
落	花	庭	院	燕	泥	香
聞	情	湛	湛	春	醪	足
世	故	茫	茫	千	驢	長
醒	後	出	門	携	僕	去
逢	人	戶	向	說	農	桑

Phiên âm

THÔN GIA THÚ.

Bão ly trúc thụ, vạn điều thương.
 Thảo ốc cung dư, cổ tự bàng.
 Quá vũ trì đường, oa lạc quát.
 Lạc hoa đình viện, yển nễ hương.
 Nhân tình trạm trạm xuân lao túc.
 Thể cổ mang mang ngọc thụ trường.
 Tỉnh hậu xuất môn huê bặc khứ.
 Phùng nhân chỉ hướng thuyết nông tang.

Dịch nghĩa

THÚ Ở NHÀ QUÊ

Xanh um rào trúc, vạn cây chen.
 Mấy thước nhà tranh, miếu cổ bên.
 Mưa xuống, ễnh ương mừng náo động.
 Hoa rơi, tổ yến lột thêm bền.
 Xuân nhân chuyển choáng, men vừa đủ.
 Sự thế, thôi bàn, ngủ đề yên.
 Cùng trẻ, lang thang khi tỉnh giấc.
 Gặp ai chuyện ruộng, chuyện đầu tiên.



60.— 山村感興

虛名冊載絆塵霜
 一返江山沒是非
 殘雪墊巾奇野土
 春風晴髮大灘磯
 夢中往事揀魚鹿
 世事浮雲任狗衣
 誰道江村生計薄
 桑麻繞屋綠初肥

杜 精 浮 雲 如 白 衣 斯 須 忽 變 成 蒼 狗

Phiên âm

SƠN THÔN CẢM HƯNG

*Hư danh tạp tải bạn trần ky.
 Nhất phản giang sơn, một thị phị.
 Tàn tuyết đệm cân, kỳ dã thổ.
 Xuân phong hy phát đại than ky.
 Mộng trung vãng sự nhương tiêu lộc.
 Thế sự phù vân, nhiệm cầu y.
 Thùy đạo giang thôn sinh kế bạc.
 Tang ma nhiều ốc lục sơ phì.*

(Đổ thi : phù vân như bạch y, tư tu hốt biến thành thượng cầu).

Dịch nghĩa

Ở XÓM TRONG NÚI

*Hư danh giam buộc đã ba tuần.
 Trở lại non sông, giả lẫn chân.*

*Đất ruộng bạc phơ, khăn đẫm tuyết.
Cát sông lờm chởm, tóc chào xuân.
Thực hư, việc trước, hươu trong mộng. (1)
Đen trắng, mây bay, bóng cội trần.
Ai bảo đồng quê, sinh kế hẹp.
Vùng, dâu, quanh ngõ, bóng xanh ran.*

(Thơ Đỗ Phủ : Mây nổi trông như áo trắng, thoáng chốc
biến thành chó xanh).

Chú Thích : (1) Chuyện xưa, có người vô tình bắt được con hươu,
dấu một chỗ. Khi tìm đến, thì quên mất chỗ, cho là
một giấc mộng.



61.— 遊 佛 跡 山 所 江 偶 中

半	生	塵	土	負	登	臨
光	影	蹤	陀	便	到	今
浮	世	百	年	真	一	瞬
古	人	片	樂	值	千	金
前	川	日	午	傍	花	興
沂	水	春	風	與	物	心
仰	止	高	山	懷	叢	哲
澗	河	路	可	恣	幽	尋

Phiên âm

DU PHẬT TÍCH SƠN, SỞ GIANG NGẪU TÁC.

Bán sinh trần thồ phụ đứng lâm.
 Quang cảnh sa đà tiền đảo kim.
 Phù thế bách niên chân nhất thuấn.
 Cồ nhân phiến lạc lị thiên kim.
 Tiền xuyên nhật ngọc, bàng hoa hứng.
 Nghi thủy xuân phong dữ vật tâm.
 Ngưỡng chỉ cao sơn, hoài năng triết.
 Giản hà lộ khả tứ u tìm.

Dịch nghĩa..

ĐI TỚI NÚI PHẬT TÍCH, TRÊN THUYỀN THI HƯNG

Nửa đời chưa tới yết non thần.
 Cho đến ngày nay cứ ngại ngần.
 Phù thế trăm năm, như một thoáng.
 Cồ nhân một phút đáng ngàn cân.
 Tiền xuyên, ngày sáng bên hoa nở.
 Nghi Thủy đầu năm đối cảnh xuân.
 Cồ-triết cao xa, mong ngó tới.
 Con đường sông Giản, bước theo lần.



62.— 奉 詔 長 安 道 中 作

武 林 一 帶 碧 迢 迢
 王 事 寧 辭 跋 跣 遙
 山 館 宿 晴 烟 樹 合
 郡 庭 薄 暖 雪 花 消
 武 夫 威 泣 觀 唐 詔
 父 老 扶 黎 听 漢 朝
 自 微 勞 何 報 補
 願 揚 聖 化 憺 天 驕

(匈奴傳：胡若天之驕子)

Phiên âm

PHỤNG CHIẾU TRƯỜNG AN ĐẠO TRUNG TÁC.

Vũ Lâm nhất đài bích điều điều.
 Vương sự ninh từ bạt thiệp dao.
 Sơn quán túc tình yên thụ hợp.
 Quận đình bạc noãn tuyết hoa tiêu.
 Vũ phu cảm khắp quan Đường chiếu.
 Phụ lão phù Lê thánh Hán triều.
 Tự cái vi lao hà báo bổ.
 Nguyên dương thánh hóa đạm thiên kiêu.

(Hung nô truyện : Hồ nước thiên chi kiêu tử).

Dịch nghĩa

PHỤNG CHIẾU TỚI TRƯỜNG AN.

Vũ Lâm một dãy đá cheo leo
 Vương sự khôn từ ngại lối trèo.

*Quán khách tạnh mưa, mây cỏ biếc.
Trường đình thoáng ấm, tuyết hoa tiêu.
Vũ phu cảm động nghe đường chiếu.
Phụ lão cùng dân giúp Hán triều.
Tự xét chút công chưa đủ báo.
Xin truyền thánh đức chuyền thiên kiều.*

(Sử nói về Hung Nô : Giống Hồ coi như là hạng con ngang
ngạnh).



63.— 謝 冰 壺 相 公 賜 馬

早 歲 才 名 乏 不 羈
 驍 黃 偶 幸 駁 國 披
 長 途 每 恨 加 鞭 策
 空 谷 何 心 受 繁 維
 伯 樂 處 邊 類 賞 識
 王 良 苑 內 竟 驅 馳
 東 風 快 踏 朝 天 路
 希 驥 深 懷 答 所 知

Phiên âm

TẠ BĂNG HỒ TUỞNG CÔNG TỬ MÃ.

Tảo tuế tài danh biếm bất ky.
 Ly hoàng ngẫu hạnh tuấn đồ phi.
 Trường đồ mỗi hận gia tiên sách.
 Không cốc hà tâm thụ trập duy.
 Bá Nhạc cứu biên tần thưởng thức.
 Vương Lương phạm nội cánh khu tri.
 Đông phong khoái đạp triều thiên lộ.
 Hy ký thâm hoài đáp sở tri.

Dịch nghĩa

THƠ CẢM TẠ BĂNG HỒ TUỞNG CÔNG CHO NGỰA

Tài kém đâu mà được hiển dương.
 Vì may nào biết lựa đen vàng.

*Ra roi vẫn phải trên đường thẳng.
Nhận ngựa nhờ đâu chốn hốc hang.
Coi tướng biết tài nhờ Bá Nhạc (1).
Cầm cương phép cưỡi có Vương Lương (2).
Gió xuân thổi giúp làn mây nhẹ.
Tri ngộ mong sao báo tấc gang.*

Chú thích : (1) Người xưa có tài coi ngựa tốt xấu.

(2) Người xưa có tài cầm cương ngựa.



64. - 和 朱 翰林 未央 早 朝

高。閣 窺 聞 夜 漏 乾
 九天宮 闕 峭 輕 寒
 雲 開 瑞 日 乾 坤 曉
 春 布 皇 仁 雨 露 寬
 董 賈 彬 彬 揚 陛 殿
 變 龍 楚 楚 集 朝 端
 華 袍 香 綬 羣 公 後
 願 整 涓 埃 効 一 官。

Phiên âm

HỌA CHU HÀN LÂM: VỊ ƯƠNG TẢO TRIỀU

Cao các tài văn dạ lâu can.
 Cửu thiên cung khuyết tiểu khinh hàn.
 Vân khai thụy nhật càn khôn hiền.
 Xuân bố hoàng nhân vũ lộ khoan.
 Đồng, Giả, bân bân dương bệ điện.
 Quì, Long, sở sở tập triều đoàn.
 Hoa bảo thiêm tuyết quần công hậu.
 Nguyên chỉnh quyên ai hiệu nhất quan.

Dịch nghĩa

HỌA THƠ CHU HÀN LÂM: COI CHẦU SỚM

Đêm hết lâu cao cạn giọt đồng.
 Hơi may lành lạnh chốn sân rồng.

Ánh hồng buổi sớm tan mây khói.
Hạt móc đầu xuân điểm núi sông.
Bệ điện uy nghi từ Đồng, Giã. (1)
Kỷ cương sáng sửa có Quì, Long. (2)
Cân đai lạng dự châu cung khuyết.
Cung cố theo sau góp chút công.

Chú Thích : (1) Hai danh thần triều Hán nước Tàu.

(2) Hai danh thần đời Ngũ Thuấn nước Tàu.



65.— 送 中 使 武 適 之

五 色 雲 邊 出 使 星
 凜 然 中 義 照 人 明
 春 臨 梅 驛 霜 蹄 急
 雪 霽 淮 潮 玉 節 清
 天 地 北 南 雙 眼 濶
 山 河 夷 險 寸 心 平
 慙 慙 今 日 送 君 別
 杯 酒 難 勝 萬 里 情。

Phiên âm

TỔNG TRUNG SỨ, VŨ THÍCH CHI.

Ngũ sắc vân biên xuất sứ tinh.
 Lẫm nhiên trung nghĩa chiếu nhân minh.
 Xuân lâm mai dịch sương đề cấp.
 Tuyết tễ Hoài triều ngọc tiết thanh.
 Thiên địa bắc nam, song nhãn khoáng.
 Sơn hà di hiểm thốn tâm bình.
 Ân cần kim nhật, tổng quân biệt.
 Bôi tửu nan thắng vạn lý tình.

Dịch nghĩa

TIỀN TRUNG SỨ HỌ VŨ.

Trong khoảng năm mây lộ sứ tinh (1).

Chú thích : (1) Khi sứ nhà vua đi tới phương nào, coi thiên văn biết.

Uy nghi trung nghĩa rõ quang minh.
Sương xuân ngựa trạm bon chân gấp-
Tuyết tấn sông Hoài về ngọc thanh.
Trời đất bắc nam, nhìn thấy rộng.
Non sông quan ải, trí thêm bình.
Sớm nay trần trọng đưa chân sứ.
Nâng chén khôn ngăn thắc mắc tình.



66.— 送行人杜從周

芹水春風桂殿秋
 科場歷歷憶同遊
 君今有作行人去
 我獨胡爲省屬留
 嶺驛雲開豪跨馬
 湖潮雲淨穩登舟
 丈夫此別何須淚
 一笑相看撫蒯綬

Phiên âm

TỔNG HÀNH NHÂN, ĐỖ TÔNG CHU.

Cầm Thủy xuân phong quế điện thu.
 Khoa trường lịch lịch ức đồng du.
 Quân kim hữu tác hành nhân khứ.
 Ngã độc hồ vi tỉnh thuộc lưu.
 Lĩnh dịch vân khai hào khóa mã.
 Hồ triều tuyết tĩnh ổn đăng chu.
 Trượng phu thử biệt hà tu lệ.
 Nhất tiếu tương khan, phủ Khoái Hầu.

Dịch nghĩa

TIỀN SỬ, ĐỖ TÔNG CHU

Cầm thủy ngày xuân, điện Quế thu.
 Trường thi gặp gỡ, vốn cùng nhau.
 Bác nay nhận giữ Hành nhân chức-

*Tôi vẫn còn ngồi tỉnh thuộc lưu.
Trạm Linh vén mây bon ngựa thẳng.
Sóng Hồ tan tuyết lướt chèo mau-
Trượng phu rút áo xin ngừng lệ.
Cười nói nhìn nhau vỗ Khoái Hầu (1)*

Chú Thích: (Khoái Hầu là dây buộc gươm. Nghèo phải lấy lạt làm dây buộc gươm).



67.— 賀 京 兆 尹 阮 公 為 雲 屯 經 畧 史

芝 綽 優 頌 自 九 天
 榮 遷 經 畧 使 司 權
 潮 門 半 是 嗽 鴻 澤
 屯 嶺 猶 殘 劫 石 烟
 籌 畫 小 施 經 國 手
 折 衝 終 賴 濟 時 賢
 歸 來 揆 路 庸 何 晚
 聖 主 方 今 急 在 邊

Phiên âm

HẠ KINH TRIỆU DOÃN NGUYỄN CÔNG VI VÂN ĐỒN
 KINH LƯỢC SỬ

*Chi phất ưu ban tự cứu thiên,
 Vinh thiên Kinh Lược Sử Tư quyền.
 Triều môn bán thị ngao hồng trạch.
 Đồn Lĩnh do tàn kiếp thạch yên.
 Trù hoạch tiêu thi kinh quốc thủ.
 Triết sung chung lại tế thời hiền,
 Quy lai quỹ lộ dung hà vãn.
 Thánh chủ phương kim cấp tại biên.*

Dịch nghĩa

MỪNG KINH TRIỆU DOÃN NGUYỄN CÔNG ĐƯỢC GIỮ
 CHỨC KINH LƯỢC SỬ VÂN ĐỒN

Chức trọng ban ra vốn tự trên.
Vinh thắng Kinh Lược được trao quyền.
Trào Môn sóng dậy, ơn rồi khắp-
Đền Linh công cao, đá được nguyên.
Trị nước thi tài, nhờ đại trí.
Coi quân, nên việc, sẵn cao hiền,
Trở về chắc hẳn là mau sớm.
Chúa thượng dương lo ngại cõi biên.



68.— 送京師尹阮公爲行營招討使

釜	中	占	賊	久	遁	誅
四	海	神	人	怨	憤	俱
誰	卜	百	年	遠	此	虜
公	煩	寸	舌	討	狂	胡
金	戈	鐵	馬	鯨	鯢	沒
羽	檄	星	麾	象	兕	驅
指	日	皇	風	清	絕	域
大	功	出	任	屬	吾	儒

Phiên âm.

TỔNG KINH SƯ DOÃN NGUYỄN CÔNG VI HÀNH DOANH
CHIÊU THẢO SỬ.

*Phũ trung, Chiêm tặc cửu bô tru
Tì hải thần nhân oán phẫn câu.
Thùy bốc bách niên di thử lỗ.
Công phiên thốn thiết thảo cuồng hồ.
Kim qua, thiết mã kinh nghệ một.
Vũ hịch tinh huy tượng hủy khu.
Chỉ nhật hoàng phong thanh tuyết vực.
Đại công xuất nhiệm thuộc ngộ nho.*

Dịch nghĩa

TIỀN KINH SƯ DOÃN, NGUYỄN CÔNG ĐI NHẬN
CHỨC HÀNH DOANH CHIÊU THẢO SỬ.

*Giặc Chiêm đáng trị cứ lần khôn.
Bốn cõi, thần người, giận chẳng oan.
Ai biết trăm năm còn rợ phản.
Ông đành tắc lưỡi dẹp Hồ gian.
Giáo đồng, ngựa sắt, kinh ghê hết.
Truyền hịch, cờ tinh, hồ báo tan.
Man rợ rồi đây tuân thánh hóa.
Công cao, nhậm trọng bực văn nhân.*



69. — 宣 詔 罷 別 運 副 阮 炎

長 安 自 昔 帝 王 州
偶 賦 皇 華 作 勝 遊
俗 雜 獠 夷 風 大 古
地 宜 稻 稻 歲 常 秋
山 中 遇 我 忘 苛 虎
境 上 煩 君 畜 木 牛
王 事 有 程 軍 政 急
胸 懷 莫 向 酒 杯 休

Phiên âm

TUYÊN CHIẾU BÃI, BIỆT VẬN PHÓ, NGUYỄN VIÊM.

*Trường An tự tích đế vương châu.
Ngẫu phú Hoàng Hoa tác thắng du.
Tục tạp liêu di phong đại cổ.
Địa nghị hoạt đạo tuế thường thu.
Sơn trung quá ngã vô hà hồ.
Cảnh thượng phiên quân súc mộc ngư.
Vương sự hựu trình quân chính cấp.
Hung hoài mạc hướng tửu bôi hưu.*

Dịch nghĩa

TUYÊN CHIẾU BÃI CHÚC BIỆT VẬN PHÓ, NGUYỄN VIÊM.

*Đế Vương từ trước đất Trường An.
Nay nhận Hoàng Hoa đậm kẻ ngàn.*

*Tạp tục nam di còn mạo muội.
Thờ nghi thóc lúa được an nhân.
Núi rừng xin hãy thi nhân chính.
Biên giới sao cho khỏi phản gian.
Việc nước nghiêm minh quân sự cấp.
Chén vui chớ vội nghĩ yên thân.*



70.— 荷 宋 黎 杜 三 公 御 史

烏 臺 久 矣 喋 無 聞。
 聖 主 開 誠 妙 選 掄。
 慶 歷 昔 聞 除 四 棟。
 昌 符 今 喜 擢 三 人。
 已 將 風 采 儀 朝 著。
 好 把 精 忠 動 紫 宸。
 留 取 聲 名 光 萬 古。
 世 間 岐 路 總 烟 雲。

Phiên âm

HÀ TỔNG, LÊ, ĐỖ, TAM CÔNG NGỰ SỬ.

*Ô-Đài cửu hỹ cấm vô văn.
 Thánh chủ khai thành diệu tuyền luân.
 Khách Lịch tích văn trừ tứ đống.
 Xương Phù kim hỹ trạc tam nhân.
 Dĩ tương phong thái nghi triều trứ.
 Hảo bả tinh trung động Tử thần.
 Lưu thủ thanh danh quang vạn cổ.
 Thế gian kỳ lộ tổng yên vân.*

Dịch nghĩa

BA ÔNG NGỰ SỬ TỔNG, LÊ, ĐỖ.

*Lâu ngày không thấy tiếng Ô-Đài. (1)
Thánh chủ may sao mới chọn tài.
Long Khánh (2) xưa nghe trừ bốn vị.
Xương Phù (3) nay thấy lựa ba người.
Mới đem phong thái tôn nơi điện.
Lại được tinh trung cảm tới trời.
Ghi đề thanh danh muôn thừa sáng.
Đường cong uốn thẳng giúp cho đời.*

Chú Thích : (1) Ô Đài, tên viện Ngự Sử
(2) Niên hiệu Trần Duệ Tông
(3) Niên hiệu Trần Đế Hiến.



71.— 送 太 中 大 夫 黎 肅 齋 北 行

黎 家 人 物 越 邦 香。
公 也 藍 青 出 異 常。
一 郡 生 靈 惟 借 寇。
九 重 使 者 重 頒 張。
匣 中 秋 水 清 長 路。
馬 上 春 風 听 異 香。
早 向 南 臺 專 對 了。
旋 歸 夢 齋 佐 吾 皇。

(青 出 於 藍 而 青 於 藍 · 喻 弟 子 過 於 師)

Phiên âm

TỔNG THÁI TRUNG ĐẠI PHU, LÊ TÚC TRAI BẮC HÀNH.

*Lê gia nhân vật việt bang hương.
Công dã, lam thanh, xuất dị thường.
Nhất quận sinh linh duy tá khấu.
Cửu trùng sứ giả trọng phiên trương.
Hạp trung thu thủy thanh trường lộ.
Mã thượng xuân phong thính dị hương.
Tảo hướng nam đài chuyên đối liễu.
Toàn quy mộng tiết tá ngô hoàng.*

(Thanh xuất ư lam, nhi thanh ư lam. Dụ đệ tử quá ư sư)

Dịch nghĩa

TIỀN THÁI TRUNG ĐẠI PHU, LÊ TÚC TRAI ĐI SỬ TÀU

*Tiếng đồn Lê thị tới lân bang.
Đúng chữ lam thanh vốn khác thường.*

*Một quận toàn dân đều mến nhớ.
 Chín từng việc sứ dấm không đương.
 Vở gương sát khí ung dung bước.
 Trên ngựa xuân phong bát ngát hương.
 Chóng tới Nam Đài (1) chuyên ứng đối.
 Đề về phục mệnh giúp quân vương.*

(Màu xanh ở màu lam ra, nhưng xanh hơn lam. Ví như trò hơn thầy)

Chú Thích : Một tên viện Ngự Sử



72.— 賀 中 書 侍 郎

虞庭庶事務熙康。
 績典惟公合陟揚。
 人望夔龍參玉鉉。
 天教星鳳展彝章。
 曲江宿負經綸學。
 司馬寧辭四六長。
 聖主倘懷遺棄物。
 願施裁藻到農桑。

Phiên âm

HẠ TRUNG THƯ THỊ LANG.

*Ngu đình thứ sự vụ hy khang.
 Tích điển duy công hợp trắc dương.
 Nhân vọng Quỳ, Long, tham ngọc huyễn.
 Thiên giao tinh phụng triển di chương.
 Khúc Giang túc phụ kinh luân học.
 Tư Mã ninh từ từ lục trường.
 Thánh chủ thắng hoài di khí vật.
 Nguyên thi tài tảo đảo nông tang.*

Dịch nghĩa

MỪNG TRUNG THƯ THỊ LANG.

*Đường Ngu mọi việc chuông an khang.
 Điền pháp tông coi cổ hiền dương.*

Người nhớ Quỳ, Long (1) đều mộ đức.

Trời cho quy pháp đề noi gương.

Thiếu Lăng (1) kinh tế là tài thực.

Tư Mã, thi văn vốn sở trường.

Thánh chúa dùng người, không bỏ sót.

Chúc mau thi triển kế an bang.

Chú Thích : Quỳ, Long là tên hai người danh thần đời Ngụ Thuấn nước Tầu. — Tư Mã Tương Như là thi nhân đời Hán. Thiếu Lăng, tên hiệu Đỗ Phủ, thi sĩ đời Đường.



73.— 喜 學 士 陳 若 虛 自 父 安 至

挑 花 浪 暖 泛 青 春。
 湖 海 風 流 却 羨 陳。
 老 我 一 官 閑 草 詔。
 壯 君 萬 里 遠 辭 親。
 暮 雲 自 濶 相 思 地。
 夜 月 欣 逢 久 別 人。
 憂 國 正 須 吾 輩 事。
 憑 渠 爲 說 父 安 民

Phiên âm

HỖ HỌC SĨ TRẦN NHƯỘC HƯ, TỰ NGHỆ AN CHÍ.

*Đào hoa lãng noãn phẩm thanh xuân.
 Hồ hải phong lưu khước tiến trần,
 Lão ngã nhất quan nhàn thảo chiếu.
 Tráng quân vạn lý viễn từ thân.
 Mộ vân tự khoáng tương tư địa.
 Dạ nguyệt hân phùng cửu biệt nhân.
 Ưu quốc chính tu ngô bối sự.
 Bằng cử vi thuyết Nghệ An nhân.*

Dịch nghĩa

MỪNG HỌC SĨ TRẦN NHƯỘC HƯ, TỰ NGHỆ AN TỚI.

Mưa xuân tan giá, nước mênh mông.
Buồm khách giang hồ, thuận gió đông.
Tự biết ngồi nhàn, yên một chiếc.
Xin mừng rút áo, vượt muôn trùng.
Mây chiều theo rơi như âu yếm.
Trăng tối chào mừng vốn đợi mong.
Lo nước bạn ta là phận sự.
Cương cao dân Nghệ được soi chung.



74.— 與 漳 江 同 年 張 太 學.

憶	昔	逢	迎	珥	水	逢。
雨	床	燈	戶	膝	相	逢。
青	衫	各	走	紅	塵	裡。
綠	鬢	相	看	白	酒	前。
薇	月	片	風	令	異	調。
硯	旗	殿	衾	舊	同	年。
態	勤	別	後	須	鞭	策。
聖	主	方	令	正	急	賢。

Phiên âm

DŨ CHƯƠNG-GIANG, ĐỒNG NIÊN, TRƯƠNG THÁI-HỌC

Ưc tích phùng nghênh Nhị Thủy biên.

Vũ sàng đặng hộ tất tương liên.

Thanh sam các tàu hồng trần lý.

Lục mấn tương khan bạch tửu tiền.

Vì nguyệt, cần phong kim dị diệu.

Nghiên kỳ, điện cồn cự đồng niên.

Ấn cần biệt hậu tu tiên sách.

Thánh chủ phương kim chính cấp hiền.

Dịch nghĩa

THƠ GỎI BẠN ĐỒNG NIÊN, TRƯƠNG THÁI-HỌC

Nhớ gặp khi xưa bến Nhị Hà.

Đền chung một ngọn có hai ta.

Áo xanh chia rẽ, đường mưa gió.

Rượu trắng băng khuôn tóc diềm hoa.

Cần cúc, mai đào, nay khác diệu.

Áo khăn, cờ quạt, trước đồng khoa.

Ấn cần xin bác ra roi ngựa.

Thánh chúa mong hiền rất thiết tha.



75.— 上 承 旨 胡 宗 鑑

京 國 携 書 二 十 年。
 登 龍 每 恨 欠 前 緣。
 夢 遊 翰 苑 清 風 外。
 春 在 東 亭 白 酒 邊。
 萬 丈 光 芒 窺 太 白。
 一 團 和 氣 挹 伊 川。
 寸 懷 別 後 勞 傾 仰。
 耿耿 高 明 日 夜 懸。

Phiên âm

THƯỢNG THỪA CHỈ HỒ TÔN TRÁC.

*Kinh quốc huê thư nhị thập niên.
 Đẳng long mỗi hận khiếm tiền duyên.
 Mộng du Hàn Uyển thanh phong ngoại.
 Xuân tại Đông Đình bạch tửu biên.
 Vạn trượng quang mang khuy Thái Bạch.
 Nhất đoàn hòa khí ấp Y Xuyên.
 Thốn hoài biệt hậu lao khuynh ngưỡng.
 Cảnh cảnh cao minh, nhật dạ huyền.*

Dịch nghĩa

TRÌNH LÊN THỪA CHỈ HỒ TÔN TRÁC.

*Hai chục năm Kinh quốc ở yên.
 Tới dinh, thường hận trước vô duyên.*

*Mộng vào Hàn Uyển xa thường tục.
Xuân tới Đông Đình nhập chén tiên.
Muôn trượng sáng soi nhìn Thái Bạch.
Một vùng hòa khí nhớ Y Xuyên. (1)
Trong lòng hậm hực mong mau gặp.
Lồng lộng trên cao sớm tối nguyên.*

Chú Thích : (1) Người xưa bình phẩm cho văn chương Lý Bạch và Đỗ Phủ đời Đường nước Tàu là sáng soi muôn trượng. Cho Văn nhân đời Tống Trình Hạo là có phẩm cách ôn hòa nhã nhặn.



76. 甲子夏旱有勅諸路禱雨，未禱而雨。

吏 吏 九 土 正 焦 燭。
 一 雨 皇 天 普 澤 深。
 請 罪 國 將 行 威 禱。
 至 和 民 已 浹 歡 心。
 卧 龍 自 是 人 間 物。
 肖 象 能 為 歲 旱 霖。
 徒 市 暴 施 何 用 者。
 至 情 感 召 古 猶 今。

Phiên âm

GIÁP TÝ HẠ, HẠN, HỮU SẮC CHƯ LỘ ĐẢO VŨ, VỊ ĐẢO
NHI VŨ.

Viêm viêm cửu thổ chính tiêu tâm.
 Nhất vũ hoàng thiên phổ trạch thâm.
 Thỉnh tội, quốc tương hành thịnh đảo.
 Chi hòa dân dĩ tiếp hoan tâm.
 Ngọa long tự thị nhân gian vật.
 Tiểu tượng năng vi tuế hạn lâm.
 Tỷ thị bộc uông, hà dụng giả.
 Chí tình cảm triệu cổ do kim.

Dịch nghĩa

NĂM GIÁP TÝ, MÙA HẠ, TRỜI HẠN, KHÔNG MƯA. CÓ SẮC
CHO CÁC TỈNH ĐẢO VŨ. CHƯA ĐẢO THÌ TRỜI MƯA.

Khô khan chín cõi nóng như nung.
 Mưa xuống trời cho phúc lạ lùng.
 Tội, nước đương bàn tế lễ.
 Chí hòa dân đã được hài lòng.
 Ngọa long bớt hại, thành thường vật.
 Tiểu tượng (1) làm mưa, hết hạn hung.
 Phơi xác (2) các trò, đâu dễ được.
 Chân thành, kim cồ vẫn nên công.

Chú Thích : (1) Hình nhân

(2) Một trong các trò dân đặt ra để cầu mưa



77.— 送太學生阮漢英歸洪州

燈前昨夜話薊蕩。
 馬首今朝跨曉風。
 望眼但懸天闕北。
 歸心寧住水溪東。
 槐庭月白怜棲鵲。
 蘆岸秋高惜別鴻。
 稻雪橙香村醖熟。
 塵埃嗟我伴孤踪。

Phiên âm

TỔNG THÁI HỌC SINH, NGUYỄN HÁN ANH,

QUY HỒNG CHÂU.

Đứng tiền, tạc dạ, thoại thông thông.
 Mã thủ kim triều khóa hiểu phong.
 Vọng nhãn, đần huyền thiên nguyệt bắc.
 Quy tâm ninh trụ Thủy Khê đông.
 Hòe đình nguyệt bạch linh thê thước.
 Lô ngạn thu cao tích biệt hồng.
 Đạo tuyết, trừng hương, thôn nhưông thực.
 Trần ai ta ngã bạn cô tung.

Dịch nghĩa

TIỀN THÁI HỌC SINH NGUYỄN HÁN ANH

VỀ HỒNG CHÂU

Bên đèn đêm trước chuyện ung dung.
 Vó ngựa ngày nay đã ruồi rong.
 Mắt mới trông về cung khuyết bắc.
 Tâm đâu ở lại nước Khe Đông.
 Ngoài sân hè rậm, trăng soi thước.
 Trên bến lau thưa gió tiễn hồng.
 Rượu cất trong thôn, hương đã ngát.
 Bụi trần lẫn lộn, với ai cùng.



78 清虛洞記

樂大物之以宗功。邦切昏眊，始一乃退。李一鍾開。採如觀。皆，山
 其之萬虛公標之於一其金，之。爲之。者而瘁遊焉顏。還遊
 。虛。至相棟難力之及業志身乎規勿勢翳葉月者息洞洞陰之傳
 天至功清壺，內任造。王之保是，志形刈榛閑瘁慈虛之岩朝謝
 以清其至冰謀清獨歸乎。公哲如區而度幽。不如凡清穎于公携
 也至顯非我皇有際坤是白晉明能一，審斷醺。隆。曰碑勒也，
 動一不。慕，之乾如救侯是又地功宜。者鐸者香則勒。柴澤
 其。而迹乎著髮乃能之留。者之其厥集糖絳高國總親銘勒平
 ，何藏其是，之絲是者義復李天閭嘉相蟻土陘隴奇而帝碑示舟
 處者成顯如才定脉。天仁然可以荒帝是夫是登畢園。皇製，扁
 出天時不能之大國日以，不樂山二。萬於，工。一宗親舊。
 之。四而時降遭於之動息石而非崑。之。具之肯不審帝黥林
 者天，，岳項懸貌非迹盤，乞宅殉飲鐵材飭膳壯，皇故嘉
 達以已恩者鍾。倒貌。之家然也奏之以牛斧徒鍛道名成上以馬
 賢也而蒙大天社靜基也亂國浩機於休俯鼓境役築時之既太所四

伴，綺游。謂，已，以，房而永而難既。委必以名則事改去處。冲昌
 猶蟠可所虛盤來，會叔功之公）天趣難皆。之，自遂出常，。
 中錦涼凡而者之境之。成章溫而。之休，耶重夫也。然達難清耶記
 幅。，悠謀物之功焉。豈丐之待也。石還樂意輕鄙得純賢。霽紫過卿
 ，霞駭餐悠，萬此成繫。上病有始泉無與之家。若其也。於光邇所飛
 辭。為紅可。神乎如而。橫焉。十半若其以，動待國非。失齒之得之阮
 之烟翻秀聲。心遊設。然且毀若年休公。又嫌，以係。失其置坤安化漢
 去。油綠。之目而者。何諺至一退相。之處物，憂患，足乾。造藥
 歸，，燕營耳接物矣。蓋猶。償豈我之退與造退之。又為烏，會於月
 潛上葩可營興，造多之，耶未遂。今付不出於造身。得不此呼有遊臘
 陶之潤芳，。虛間亦示援者志莫。會功其嫌身終患所。鳴綸從子
 歌岩美，狀靜大中者指焉。休之心。然之成是顧一有既無快。經以甲
 ，于村拘之而。津宙人觀之。還穎之者名無。。臣國，快耶之，年
 朋登。可冷然冥宇夫發觀能而洛）功。嘆也。大子者。佞懷論。餘虛八
 之以針。瀏清淵與噫待若至不叔思必以之。之天夫君君。獻心之。豪碧符



Phiên âm :

THANH-HƯ ĐỘNG-KÝ.

Hiền đạt giả chi xuất xử, kỳ động dã dĩ thiên, kỳ lạc dã dĩ thiên. Thiên giả hà. Nhất chí thanh, chí hư chí đại nhi dĩ. Tứ thời thành tuế, nhi bất hiền kỳ công, vạn vật mộng ân nhi bất hiền kỳ tích. Phi chí thanh chí hư chí đại giả, trù năng như thị hồ.

Ngã Bǎng Hồ Tướng Công, dĩ thiên chung nhạc giảng chi tài, thi thái, hoàng mô, đồng lương tôn xã, khoảnh tạo Đại-Định chi biến, hữu thanh nội nạn chi công, tỉnh đảo huyền ư quốc mạch ty phát chi tế, độc nhiệm lực ư bang cơ nghịet ngọt chi nhật, thị nãi cần khôn để tạo chi nhất-thế dã. Phi động dĩ thiên giả, năng như thị hồ. Cập kỳ hôn loạn chi tích tức, nhân nghĩa chi hiệu bạch, vương nghiệp kim âu, quốc gia bàn thạch, nhiên hậu : Lưu-Hầu, Tấn Công chi chí, thủy hao nhiên, nhi bất khả đoạt. Thị minh triết bảo thân chi nhất cơ dã. Phi lạc dĩ thiên giả, hựu năng như thị hồ. Nãi ư tấu khất Côn-Sơn hoang nhân chi địa nhất khu, quy vi thoái hưu chi trạch. Nhị đế gia kỳ công, nhi chí vật chi đoạt. Phủ dĩ tuần chi. Viên tương quyết nghị. Thâm độ hình thế. Nhất cổ ngư ư ầm, vạn phu nghị tập. Trác ư ngải ế. Sảm sảm phủ hi. Ừ thị, thổ điệp giả thi. Trấn thái giả tịch. Dịch đồ tài cụ, đẳng nhưng giảng dịch. Bất duyệt nguyệt nhi trác trúc tầm sức chi công tất đôi. Cao giả lung như. Ty giả bao như. Hy dao thê thanh. Khuyển kỳ vi hương. Phàm khế tức du quan chi danh tráng bất nhất, nhi tổng tắc viết Thanh Hư động yên. Ký thành. Duệ Tôn Hoàng Đế thân lạc bi. Ngạch chi động nhan. Thái Thượng Hoàng Đế thân chế bi minh, lạc vu nham âm.

Giai sở dĩ tinh huân cự, thị khuyến tướng dã. Công triều chi thoái, sắt mã gia lâm, biên chu bình than, huê Tạ Chuyện, Du Sơn chi bằng, ca Đào Tiềm, Quy Khứ chi từ. Bức cân thăng dương, dĩ đẩu vu nham chi thượng. Tụ yên đảo hà. Cầm bàn ý thư. Thôn di giản ba. Lục phiên hồng hải. Lương khả y. Lưu khả cúc. Phương khả yết. Tú khả san. Phàm sở vị thanh lãnh chi trạng, doanh doanh chi thanh, du nhiên nhi hư, uyên nhiên nhi tĩnh, dữ nhĩ mục tâm thần, mưu giả, cái dĩ dữ minh chỉ thái hư, tiếp nhi du hồ vạn vật chi biểu, y vũ trụ trung gian tạo vật giả thiết như thử chi cảnh, dĩ đãi phù nhân giả diệp đa bỹ. Nhiên nhi thành công chi hội, nhược phát từng chỉ thị chi Tiêu Hà giả tả giới hệ yên, tiêu phòng chỉ thân chi Mã Viện. Do báng hỹ yên. Khởi thành công nhi bất năng thoái hư giả gia. Chỉ nhược thập thượng cái chương chi Vĩnh Thúc nhi tư Đĩnh chi chỉ vị thường Nhất niên bán bệnh chi Ôn Công nhi tư Lạc chi tâm mạc toại, Khởi thoái hư nhược hữu đãi nhi nan tất giả dư.

Kim ngã Tướng Công kỳ thủy dã

Thiên ký dĩ công danh chi hội phó chi. Kỳ chung dã, hựu dĩ tuyền thạch chi thú ủy chi. Vô thành công bất thoái chi hiêm, vô thoái hư nan tất chi thán. Thị kỳ xuất dữ xử, động dữ lạc, giai dĩ thiên dã. Cố hiêm ư tạo vật dĩ đãi chi ý gia.

•Danh phù đại thần, nhất thân tiến thoái, hệ quốc gia khinh trọng tắc quân tử cố hữu chung thân chi ư, phi nhược bỉ phu chi sự quân giả. Kỳ hoạn đắc hựu hoạn thất. Kỳ đắc dã, thụ du hiên ninh, vô sở bất vi. Kỳ thất dã, phát nhiên tuy khứ, tâm hoài ưởng ưởng. Thử ô túc tri xỉ ư hiên đạt xuất xử chi luận gia. Ô hô, can khôn chi quang tể, nan thường,

hào kiệt chí kinh luân hữu hội. An đắc tô tử thanh sung bích hư dĩ tòng du ư tạo hóa chi sở ngộ gia.

Xương phù, Bát niên, Giáp tý, Lạp nguyệt, Nhị khê, Nguyễn phi Khanh ký.

Dịch nghĩa

BÀI KÝ ĐỘNG THANH HƯ.

Xét lối xuất và xử của người hiền đạt, thì khi làm việc, theo trời, khi vui vẻ theo trời. Trời là gì. Là nơi chí thanh, nơi chí hư. Sinh bốn mùa để thành một năm, mà không khoe công phu, cho muôn vật được nhờ ơn, mà không khoe vết tích. Chả phải là trời chí thanh, chí hư, thì ai được như thế.

Tướng Công Bạng Hồ đem cái tài trời đất chung đúc, làm quy mô cho hoàng gia, làm cột trụ cho xã tắc. Khoảng niên hiệu Đại Định có biến (1369-1370), Công thanh trừng được nạn trong nước, thu xếp ổn thỏa công việc từng chi tiết tóc tơ. Chỉ có một mình gánh vác việc nước, trong khi quốc bộ gian nan. Chính là công việc tạo thành của trời đất. Thế chả phải là làm việc theo trời hay sao. Đến khi được bình yên, thì Công đem thi hành nhân nghĩa, nghiệp vua vững như âu vàng, xã tắc vững như bàn thạch. Xong rồi, như Lưu Hâu, Tấn Công, (1) có chí hiệu nhiên, không ai ngăn được, rõ ràng là biết mình triết bảo thân. Thế có phải là biết theo trời mà vui vẻ không. Cho nên có sở tâu, xin một khu đất hoang ở Côn Sơn, để làm nơi nhà ở, khi hưu trí. Hai vua đã khen công lao, lại không ngăn chỉ hướng, ưng thuận cho tùy nghi. Thế là Công được định đoạt, coi xét thế đất, nói ý lên là bao nhiêu người tới giúp, phật rầy cỏ hoang, san bằng gò đồng. Thế là nước đục thành trong, bụi rậm thành thưa. Phu

Chú Thích : (1) Hai người xưa ở nước tâu, biết khi làm việc, khi lui về.

dịch đem đồ làm tới tấp nập. Không đầy tháng, công việc được hoàn thành, thợ thuyền được nghỉ việc. Nơi cao thì cao vót, Nơi sâu thì sâu thẳm. Xa nhìn tới chân trời. Gần nhận hương hoa ngát. Phàm khách du quan tới thưởng thức, mỗi người mỗi lúc mỗi khác. Mà tựu trung vẫn là động Thanh Hư. Khi hoàn thành, đức Duệ Tôn thân cho dựng bia trước động. Đức Thái Thượng Hoàng thân soạn bài bia, cho khắc vào thân núi, đều là đề biếu dương công trạng, khuyến khích tướng thưởng.

Khi Cồng ở triều về, một ngựa đi vào rừng cây, một thuyền đi vào Bình Than, đem theo sách Du sơn chỉ bằng của họ Tạ, đem theo thơ Quy Khứ Lai Hề của họ Đào. Khăn rộng ung dung, tà áo phất phới, bước lên núi. Nơi ngồi nghỉ như gấm, như lụa. Hoa bụi, nước khe, màu xanh, màu hồng rộn mắt. Nước lã tăn gọn, tay múc được, hương hoa thơm ngát, mũi nhận được. Phàm những cảnh mắt nhìn thanh thú, tai nghe êm đềm, thoang thoảng như không hư, thăm thăm mà yên tĩnh, đúng như khí tự nhiên trời đất, đủ cho di dưỡng nhĩ mục, tâm thần, bộc lộ được vẻ đẹp của vạn vật, công phu của tạo hóa. Những phong cảnh chỉ chờ người tới như thế, thì vẫn có nhiều. Nhưng đã mấy ai được hưởng. Quyền cao như Tướng Quốc Tiêu Hà mà bị gông. Chi thân như đại tướng Mã Viện mà bị gièm. Thế là thành công mà không biết lui về. Lại như Vĩnh Thúc, mong về đất Dĩnh, Ôn Công mong về đất Lạc, mà không được. Cảnh vẫn đợi mà người khó tới. Ngày nay, Tướng Công ta bắt đầu. Trời đã đem vạn hội công danh trao cho, kết thúc, lại lấy núi khe dành cho. Không bị cái ngại chưa thành công chưa lui. Không bị cái tiếc : làm xong lui về là khó. Thế là xuất cùng xử, làm việc cùng yên nghỉ đều theo trời. Đâu có phải là không theo tạo vật đã chờ đợi.

Ở ngôi vị một đại thần, khi làm, khi nghỉ, đều quan hệ tới quốc gia. Vậy người quân tử suốt đời lo việc nước, chứ đâu có như loại bỉ phu thờ vua, khi được làm quan thì cố chiều chuộng, nịnh hót, không từ một phương tiện nào, lo mất lo được, khi mất quan thì rần rỗi ra đi, lòng hậm hực. Như thế, đâu có so sánh, cùng bình luận với việc xuất xử của hạng hiền đạt.

Than ôi, trời sáng sủa không thường, hào kiệt kinh luân có vãn. Đê đâu tới được khoáng dã biếc, mây xanh, đề được hòa hợp theo tạo hóa.

Niên hiệu Xương Phù năm thứ Tám (1385) Giáp tý, tháng chạp Nhị Khê, Nguyễn Phi Khanh, viết bài Ký.



79.— 附 贈 答

陳 元 旦 寄 贈 藥 川 檢 正 阮 應 龍

朔 風 細 雨 轉 淒 涼。
 客 舍 蒼 蒼 客 思 長。
 簾 下 幽 姿 存 晚 節。
 溪 邊 素 艷 試 新 粧。
 胡 兒 未 飲 花 門 塞。
 裴 老 思 歸 綠 野 堂。
 鉤 月 耕 雲 何 太 早。
 千 鍾 萬 宇 紫 微 郎。

Phiên âm

PHỤ TẶNG ĐÁP.

Trần Nguyên Đán ký tặng Nhị Xuyên Kiềm Chính
 Nguyen Ung Long.

*Sóc phong tế vũ chuyển thê lương.
 Khách xá tiêu tiêu khách tứ trường.
 Ly hạ u tư tồn vãn tiết.
 Khê biên tố diễm thí tân trang.
 Hồ Nhi vị khoản Hoa Môn tái.
 Bồi lão tư quy lục dã đường.
 Diệu nguyệt canh van hà thái tảo.
 Thiên chung vạn vũ Tử vi lang.*

Dịch nghĩa

PHỤ THÊM CÁC BÀI TẶNG ĐÁP.

Trần Nguyên Đán gửi tặng Kiềm Chính Nhị Xuyên,
 Nguyễn Ung Long.

*Hơi may mưa bụi cảnh thê lương.
Quán khách tiêu điều nghĩ vấn vương.
Tre cũ bên rào còn nhớ đốt
Hoa tươi trên suối mới phô trơng.
Hồ nhi (1) chưa gỡ biên thù ải.
Bùi tướng (2) mong về Lục dã đường.
Quốc nguyệt cày mây sao quá sớm.
Muôn chung nghìn tứ, vị tuần lương.*

Chú Thích : (1) Hung nô chưa quy phục

(2) Bùi-Dộ, tướng quốc triều Đường nước Tàu, lui về ở Lục
Dã Đường vui tuổi già.

oOo

80.— 胡宗麓遊東亭和藝漢韻

才識如君尚少年。
文章嗟我老無緣。
已將得喪遺形外。
不復功名到枕邊。
變豹只堪聞隱客。
羨魚何必苦臨川。
幸能日日頻來訪。
休怪東亭似磬懸。

Phiên âm

HỒ TÔN TRÁC DU ĐÔNG ĐÌNH HỌA NHỊ KHÊ VẬN.

Tài thức như quân thượng thiếu niên
Văn chương ta ngã lão vô duyên.
Dĩ tương đắc táng di hình ngoạ.
Bất phục công danh đảo chằm biên.
Biển báo chỉ kham nhân ẩn khách.
Tiển ngư hà tất khổ lâm xuyên.
Hạnh năng nhật nhật tần lai phóng.
Hưu quái Đông đình tự khánh huyền.

Dịch nghĩa

HỒ TÔN TRÁC KHI TỚI CHƠI ĐÔNG ĐÌNH HỌA THƠ
NHỊ KHÊ.

Tài thức như ông lại thiếu niên.
Tôi đành già cả chính vô duyên.

*Đã đành được mất thôi không nghĩ.
Mà lại công danh cũng chẳng phiền.
Tiếp khách qua loa vừa lễ nghĩa.
Việc công khởi nhọc khách lâm tuyền.
May thay sớm sớm còn lui tới.
Chớ lạ Đông đình giống cửa thiền.*

Hết quyển thứ Hai bộ Ưc-Trai Di Tập.

o O o

QUYỀN III

ỨC TRAI DI TẬP: VĂN LOẠI

類文之三卷之集遺齊抑

文表罪謝情呈 1.一

大事。土，，疆，文陳及孫，設越於。於罪一陣京再懼衛，人，罪率帝貢封宗求未子，老狂國出之。在回前恐自駭國萬謝，皇朝守太詔官陳縣寬人還卒度國併送軍人爲驚於陳情土高入世。兵稱郡奔國臣倉載本城起於國以象出臣陳王祖先是李俊總奏置，意通其能還各本緣是。過雖孫爲非太，自篡之時，遂亂豈世雖不回其具。於隨，，嫡姦其當某，氏平，言，國，先。臣。擬罪，閫軍此世謹，。陳爵胡克祀所絕因己之之亦年附臣謝從備官如三，下臣祖王因，宗人盡先而，從而元歸，情聽守來至主等之王臣以頃罪奉土滅萬息臣彊，德皆等呈不率新事陳某天非，錫。討以聽誅臣殘思而逼宣悉人貢並相期，先黎普莫初寵缺師，逮氏。延追己所於，軍進，遂豈潰國臣惟，之東周興孫，胡治苟。得之乃人官人書，，奔南目竊潰飛蒙貢帝子求被分以習不人。之陷差致戮計相安頭臣之龍特朝皇氏逼俱官欲夷臣國也國失及三誅之自

其無不終遣王，內至進雖其，有此者
 然亮師，本侯，月，。乎成人。籲
 。秋王苦情山本一輕重物行之以母哀
 也，爲之呈成情十力深萬每扑是父伸
 罪養以靈具官師年脚罪於意答。呼以
 之牧，生及兵班本群貢之之有內，
 等皆議國書總乞於備知地生雖其地詞
 臣一計小情赴請擬道自天生子乎天陳
 亦，人，呈次，准橋臣惟而衆存呼慙
 而匹國舉備節訴蒙整。思，於實不瀝
 ，馬與再將前目呈，修還竊怒之恩賞不
 已軍等必將頭門達臣回。之母之未能望
 得官臣兵息大軍奏。赴難寔父育則不伏休文宗寬輸，之于忠身物同少呈
 不獲。休某等行師應兩雷。鞠疾之。上宗祖，幸靈恩輸代方一黎開
 之所犯班無黎通轉班日退有間而病臣也皇太臣罪荒之生聖順將貢，目目

念之南家國 劫謹所馬頭數
 ，山服一一，，人差各。
 詔丘嗣身獨 骨鉄文軍，將旨
 之臣得一非 刻罔表官本令勅
 孫赦臣臣。雷心貢罪信一。候
 子，使獨幸豫銘藏謝印册京伏
 氏誠，非之亦惟，捧京文赴，
 陳之誅是靈宗臣臣賁回細捧聞
 求貢之，生祖。稱人送備賁奏
 訪朝錢闕國臣矣表銀起，，具
 帝八莽天一而下來人并到等謹
 皇先臣貢實幸地。金，進穎，

Ức Trai di tập - Quyển Chi Tam - Văn loại

Phiên âm

1.— TRÌNH TÌNH TẠ TỘI BIỂU VĂN.

An Nam quốc tiên Trần chủ tam thế đích tôn, thần, Trần Cáo, Đại Đầu Mục, thần Lê Mỗ đẳng, cần tấu vi trần tình tạ tội sự :

Thần, thiết duy, phả thiên chi hạ, mặc phi vương thổ, suất thổ chi tân, mặc phi vương thần. Đương Thái Thổ Cao Hoàng Đế, long phi chi sơ, thần tổ, Trần Mỗ, tiên nhập triều cống, đặc mông bao sủng, tích dĩ vương tước. Tự thị, thế thủ phong cương, triều cống vãng khuyết. Khoảnh nhân Hồ thị thoán đoạt, Thái Tôn Văn Hoàng Đế hưng sư thảo tội, Khắc bình chi hậu, chiếu cầu Trần thị tử tôn dĩ phụng tôn tự. Thời, Tổng Bình quan vị cập biến cầu, cứ thỉnh thổ nhân sở ngôn, tấu xưng Trần thị tử tôn, cầu bị Hồ thị tru diệt tận tuyệt. Tự trí quận huyện, thiết quan phân trị Trần Cáo, tiên nhân quốc loạn, bốn thoán Lão Qua, dục dĩ cầu diên tàn tức nhi dĩ. Khởi ý quốc nhân nử ư di-tập, truy tư thần chi tiên thế, bức thần hoàn quốc. Thần bất đắc dĩ nhi cưỡng tòng chi. Tuy kỳ thắng thốt, xuất ư quốc nhân chi sở bức, nhi diệc thần bất năng tài đặc chi tội dã. Nãi ư Tuyên Đức nguyên niên, hồi hoàn bản quốc Nhất quốc chi nhân, tất giai quy phụ. Kỳ các thành tịnh tại trận thất hãm quan quân nhân đẳng, thần nghĩ cụ bản khởi tổng hồi Kinh. Cập sai nhân tiến cống trình tình tạ tội. Duyên ư quân tiền tái tam chi thư. Tịnh bất thỉnh tòng. Ừ thị, quốc nhân khùng cụ tru lục, tuy tương suất thủ bị quan ải, dĩ vi tự vệ chi kế. Khởi kỳ tân lai quan quân, ngộ tượng kinh hãi. tự

tương bốn hội. Sự chi như thử. tuy xuất ư quốc nhân chi bất đắc dĩ, nhi diệc thần đẳng chi tội dã. Nhiên kỳ sở hoạch quan quân mã sắt, nhất giai thu dưỡng, thu hào vô phạm. Thần đẳng dĩ quốc nhân kế nghị, dĩ vi vương sự bất ban, binh tất tái cử, tiêu quốc sinh linh chi khổ, chung vô hư tức. Tương tiền bị trình tình thử, cập cụ trình tình bản, khiến Lê Mỗ Đại Đầu Mục tiết thứ phó Tổng Binh quan Thành Sơn Hưu, Vương Thông đẳng, quân môn, trình tố, thỉnh khát ban sự, chuyển hành tấu đạt. Mong chuẩn tấu thỉnh, ngĩ ư bản niên, thập nhất nguyệt nội, ban sự, Thần tu chỉnh kiêu đạo, bị biện cước lực lương, chí nhật ứng phó hồi hoàn.

Thần tự tri, phụ tội thâm trọng, tiến thoái lưỡng nan. Thiết tư, duy thiên địa chi ư vạn vật, tuy hữu lỗi đình chi nộ, nhi sinh sinh chi ý, mỗi hành hồ kỳ gian, phụ mẫu chi ư chúng tử, tuy hữu xuy phước chi uy, nhi cục dục chi ân, thực tồn hồ kỳ nội. Thị dĩ nhân hữu bệnh tật, tắc vị thường bất hó thiên địa, hó phụ mẫu. Thử thần chi bất năng bất lịch khăn trần từ, dĩ thần ai dụ giả dã.

Phục vọng, Hoàng Thượng, y Thái Tôn Văn Hoàng Đế phỏng cầu Trần thị tử tôn chi chiếu. Niệm thần tổ tôn tiên thập triều cống chi thành, xá thần khuru sơn chi tội, khoan thần phủ viết chi tru, sử thần đắc tự phục nam hoang, du cống thiên khuyết, thị phi độc thần nhất thân, nhất gia chi hạnh, thực nhất quốc sinh linh chi hạnh, phi độc nhất quốc sinh linh chi hạnh, nhi thần tổ tôn diệc dự triêm Thánh Ân vu địa hạ hỹ. Thần tuy minh tâm khắc cốt, hiệu thuận du trung, phụng biểu xưng thần, tuế cống vãng khuyết.

Cần tương đại thần kim nhân, ngân nhân lãi phủng tạ tội biểu văn. Sở cống phương vật, tịnh khởi tống hồi Kinh ấn tin, quan, quân, nhân, mã, nhất đồng tiến đáo. Bị tế văn sách nhất bản. Sai Đầu Mục Lê Thiếu Dĩnh đẳng lãi phủng phó Kinh. Kim tương các các sổ mục khai trình. Cần cụ biểu văn. Phục hậu sắc chỉ.

Ức Trai di tập - Quyển thứ Ba - Loại Văn.

Dịch nghĩa

BIỂU TRÌNH BÀY SỰ TÌNH, TẠ TỘI

Nước An Nam, cháu ba đời họ Trần, thần là Trần Cảo, Đại Đầu Mục thần là Lê Mỗ, kính tâu về việc trần tình tạ tội.

Thần trộm biết rằng, trong thiên hạ, đất nào không phải là đất nhà vua, trong bốn cõi, cõi nào không phải làm tôi nhà vua.

Khi đức Thái Tổ Cao Hoàng Đế mới lên ngôi, tổ tiên thần là Trần Mỗ, trước tiên, vào triều cống, được ban khen cho tước vương. Từ đó, đời đời giữ gìn lãnh thổ. Bỗng có họ Hồ thoán đoạt, đức Thái Tông Văn Hoàng Đế hưng binh trị tội. Sau khi bình loạn, có chiếu tìm con cháu họ Trần để trông coi việc cúng tế. Khi đó, viên quan Tổng Binh, chưa kịp hỏi kỹ, đã vội nghe người địa phương nói, rồi tâu lên rằng con cháu họ Trần đã bị họ Hồ giết hết, rồi chia nước làm quận huyện, mỗi nơi có một viên quan cai trị.

Trần Cảo, trước kia, vì nước loạn, phải chạy sang nước Lão Qua. Y cũng mong ở yên hết đời. Không ngờ người trong nước cứ theo tục rợ, nghĩ đến các đời trước thần, bắt thần phải quay về. Thần bắt buộc phải theo ý dân. Tuy là thắng thoát chiều dân, nhưng cũng biết là có tội. Niên hiệu Tuyên Đức năm đầu, trở về bản quốc. Toàn dân giúp đỡ. Ở các thành, các nơi bị vây, bọn quân thần cho đưa cả về Kinh. Sai người cống tiến tạ tội, gửi thư tới quân đội hai ba lần, đều không được nghe theo. Thế là người trong nước sợ hãi bị giết tróc, mới phải phòng bị các nơi quan ải, nghĩ tới kẻ tự vệ. Nào ngờ đâu bọn quan quân

mới tới, trông thấy với, sinh ra hoảng sợ, tự mình làm cho quân mình tan vỡ. Việc đã đến thế, dù là việc làm bất đắc dĩ của người trong nước nhưng vẫn là tội thần. Vậy phạm ngựa chiến bắt được, quan quân bắt được, đều cho trông nuôi cả, tờ hào không phạm.

Thần cùng người trong nước có bàn rằng, quân nhà vua mà không có lệnh ban sư, tất nhiên lại tới, dân tiểu quốc lại khổ, không được nghỉ ngơi. Vì thế, thư đã trình khi trước, cùng bàn trình sự thực, sai Đại Đầu Mục Lê Mỗ lần lượt đệ tới viên quan Tổng Binh là Thành Sơn Hầu, Vương Thông, tại cửa quân môn, xin ban sư và tâu trình về Kinh. Cứ theo lời xin thì định cho vào nội tháng mười một năm nay.

Thần đã cho sửa sang đường đi, cầu cống, soạn sẵn lương thực đề ngày về sẽ cấp.

Thần tự biết là tội nặng, tiến lui đều khó. Thiết nghĩ rằng : Trời đất đối với vạn vật, dù cho có cơn giận sấm sét, mà ý vẫn cứ sinh dưỡng, cha mẹ đối với con cái, dù cho có uy nghiêm roi vọt, mà ơn vẫn cứ chăm nuôi. Người ta khi có bệnh, ai là không kêu trời đất, kêu cha mẹ. Vì thế, thần không thể không khẩn khoản trần tình đề được thương tới.

Ngựa mong, Hoàng Thượng theo lối Thái Tôn Văn Hoàng Đế, đã có chiếu cho tìm con cháu họ Trần, mà nghĩ cho thần, khi tổ tiên trước tiên, cống hiến thành tâm, rồi tha cho thần tội nặng như núi, đáng bị phủ việt, đề thần lại được nối dõi ở xứ nam hoang này châu về thiên khuyết. Không phải chỉ may riêng cho một thần, một nhà thần, mà thực ra là may cho cả sinh linh

một nước. Không những là may cho cả sinh linh một nước, mà ở dưới đất, tổ tiên thần cũng được hưởng Thánh ân. Rất đáng minh tâm, khắc cốt, hết sức trung thuận. Dâng biểu xưng thần, tới kỳ hạn cống hiến, không dám khuyết.

Kính xin thay người bằng người vàng, người bạc, dâng biểu tạ tội. Các đồ cống hiến, và các thứ ấn tín, quan quân người ngựa, nhất nhất tiến về, cùng với bản tâu, sai Đầu Mục Lê Thiều Dĩnh đưa tới Kinh.

Nay xin kê khai tường tận số mục các thứ, cùng biểu văn. Phục chờ sắc chỉ.

2.一 謝恩呈情表文。

。諭與之武舞。文，復氏於陳。故，領不蒙體坤。總各來冊百人，訖。事救成孫洪鼓先表，陳臣孫命病堪辭今子乾之於將新名二軍去情親，子專欣之罪政求。世朝萬無力。天沛除又已獲文千吏。呈伏小存仍歡書謝許適年三侍陳人臣命聖單赦。臣所花一官去爲，大見。不詔情吏中元頓以，國。朝，，威感，及細馬其裝某日無氏貢莫奉陳官國德主，日。臣侯惟心。有時，造路，己謹八罪陳朝，未抹苦於宣陳事十存於以思之罪尚之人，陸艘並某初，具封人於費人先。先國初見逼，自宗之亦師軍名，百，黎月趾等冊之臣等國已獲得曾月無見國伏祖山，班吏員還五物臣八交臣使國然頓緣。弗訪權正實此其等承正微等官千回，等目，故令遣一。少。舊之鏡情年孫以守臣上等之侯所三送船庫頭年大及。臣外黎奏之久方東今子，謹宥，臣虫山衛萬起路官大三，。聞。望目呈氏，地拘於氏者惟敬人。昆成縣一，水及南德等新以制出頭閣陳孫繼己幸陳衆，恩愛德雖官州軍本，婦安宣臣俱名舊喜差赴恩子老萬不其其受聖天之臣兵府官一匹男

官，凡留復州送之實文
軍者，拘護府起元國表
匪首敕人臣各數元為恩
藏有詔土。盡養以謝
有其蒙被外辱更惠留抹
，。今，進搜官子謹賁
禁赦。等欽散留天臣，
標無還人除四拘聖。等
今而回軍。人項負道。器
出殺送吏還遣前孤二國
中，起官發并有散書黎。
國上續遣皆人，不敕姪旨
於以陸所悉國下。賜臣敕
又人已廷，飾鄉還所差候
臣一亦朝者戒縣回意除伏

Phiên âm

2.— TA AN TRÌNH TÌNH BIỂU VĂN

An Nam, Đại Đầu Mục, thần, Lê Mỗ, cần tấu vi trình tình sự.

Tuyên Đức tam niên, bát nguyệt sơ bát nhật, phục đồ sắc dụ thần đẳng, đại xá Giao-Chỉ, tội vô đại tiểu, hàm dữ câu tẩn. Cấp linh thần đẳng, cụ Trần thị, kiến tôn tử tôn chi danh dĩ văn. Khiển sử sách phong triều cống, nhưng tuân Hồng Vũ cựu chế.

Thần nhất quốc chi nhân, mạc bất hoan hân cồ vũ, hỷ xuất vọng ngoại. Nhiên, thần ư vị phụng chiếu thư chi tiên, sai Đầu Mục, Lê Thiều Dĩnh đẳng, lân phủng Trần tình tạ tội biểu văn, phó khuyết trình tấu. Duyên quốc nhân khổ quan lại hà chính, phục tư Trần thị chi cựu, dĩ tiên ư quốc trung biến cầu Trần thị tử tôn, cứu nhi phát hoạch. Tuyên Đức nguyên niên, thần ư Lão Qua địa phương tài phỏng đắc tiên Trần chủ Dịch, tam thế tôn, Trần Cảo, dĩ tuân chúng tình, quyền tạm quốc sự dĩ đãi triều mệnh. Bất hạnh, ư kim niên, chính nguyệt, sơ thập nhật, Trần Cảo bệnh cố. Kỳ Trần thị tử tôn, thực vô kiến tồn. Quốc nhân vô kham lĩnh kỳ chúng giả, dĩ thử kiến bức ư thần. Thần lực từ, bất thụ. Duy cần thủ kỳ quốc, dĩ sĩ triều mệnh. Kim móng thánh ân xá hựu. Thần đẳng phục tự tư duy. Thánh thiên tử thể thiên ái nhân, thượng thừa tổ tôn chi tâm, đàm bái cần khôn chi đức. Thần đẳng khuru sơn chi tội, hàm xá trừ chi. Thần tuy còn trùng chi vi, diệc thượng tri cảm. Hựu ư Tổng Bình quan, Thành Sơn Hầu đẳng, ban sự chi thời thần dĩ tương các phủ, châu, huyện, vệ sở quan lại quân nhân, cấp sở hoạch tẩn lai quan quân, nhất vạn tam thiên

viên danh, tạo tế hoa văn danh sách nhất bản, khởi tổng hồi hoàn. Lục lộ, mã nhất thiên nhị bách sát. Thủy lộ, thuyền, ngũ bách suru. Kỳ quan lại quân nhân, nam phụ, cấp quan khố đẳng vật, tịnh dĩ trang khứ. Khứ cật. Thần hựu ư quốc trung xuất lĩnh, tiêu cấm : hữu tàng nặc quan quân nhất nhân dĩ thượng, sát nhị vô xá. Kỳ hữu thủ giả, diệc dĩ lục tục khởi tổng hồi hoàn. Kim mông chiếu sắc, phạm triều đình sở khiến quan lại, quân nhân đẳng, bị thổ nhân câu lưu giả, tất giai phát hoàn, trừ khâm tuần ngoại. Thần cần phục giới sức quốc nhân tứ tán suru tâm, các phủ, châu huyện, hương hữu tiên hạng câu lưu quan lại, tận sắc khởi tổng hồi hoàn. Bất cảm cô phụ thánh thiên tử huệ dưỡng nguyên nguyên chi ý.

Sở tứ sắc thư nhị đạo, thần cần lưu dĩ vi quốc bảo.

Trừ sai thần diệt Lê Quốc Khí đẳng lã phùng tạ ần biểu văn.

Phục hậu sắc chỉ.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ ẦN, TRÌNH VIỆC

An Nam Đại Đầu Mục thần Lê Mỗ cần tâu về sự tình.

Niên hiệu Tuyên Đức, năm thứ ba, tháng tám, ngày mùng tám thần được sắc dụ đại xá Giao Chỉ tha hết tội lớn nhỏ, và sai thần tìm con cháu họ Trần để tâu lên, và cho sứ triều cống, y như phép cũ thời Hồng Vũ. Khắp trong nước, người đều vui vẻ sung sướng, cho là rất may mắn, không ngờ. Tuy nhiên trước khi nhận được chiếu thư, thần đã sai Đầu Mục là Lê Thiều Dĩnh đem biểu trần tình đến dâng tại cửa khuyết, tâu rõ là dân thấy

là hà khắc, đã cố tìm dòng dõi họ Trần, đã lâu không được. Tới năm đầu Tuyên Đức, thần có tìm được ở đất Lão Qua, một người cháu ba đời của Trần chủ Dịch, tên là Trần Cảo. Cảo đã thề tình dân tạm coi việc nước, để đợi mệnh triều đình. Không may, năm nay, tháng giêng, mừng mười, đã bị bệnh mất, thành ra con cháu họ Trần thực không còn ai, mà trong nước thì không ai diu dắt dân chúng được. Thần bị áp bức không từ chối được, thần đành chỉ giữ nước chờ mệnh triều đình. Nay được thánh ân xá tội. Thần chẳng riêng nghĩ rằng, đúng thánh thiên tử thể lòng trời mà yêu người, trên theo lòng tổ tiên, lại thêm đức rộng đất trời, thần chẳng tội nặng như núi mà được xá bỏ. Thần tuy thân nhỏ sáu bộ, nhưng cũng biết cảm kích. Vừa hay lúc viên quan Tổng Binh là Thành Sơn Hầu, ban sư. Thần đã cho làm một bản danh sách quan lại các phủ châu huyện cùng quan quân mới tới sau, một vạn ba nghìn tên để cho đưa về. Đường bộ thì cấp cho một nghìn hai trăm ngựa, đường thủy thì cấp cho năm trăm thuyền, quan lại quân nhân, nam nữ đều có đủ quần áo. Xong việc, thần lại cho lệnh cấm dân không được oa trử lấy một tên quân nào bị bắt, trái lệnh là bị tử hình. Quân nào ra đầu thú cũng lại lần lượt được về. Nay theo chiếu sắc, phạm quan lại, quân nhân nào bị dân địa phương bắt giữ là điều được cho về. Chờ mệnh lệnh khác, thần hãy cho loan báo quốc dân, sai lòng kiếm từ phía, còn sót lại tên nào là cho về tất cả, không dám phụ ơn và ý thánh thiên tử thương dân. Hai đạo sắc thư, thần giữ làm quốc bảo. Nay sai cháu thần là Lê Quốc Khí phụng biểu tạ ơn,

Phụng chờ sắc chỉ.

3. 與王通書。

長能前言耳。崔等境誘鼓總我死。士之觀，舉所又士全從，不。募兵，勦交，一其日陣虜將義，意，吾，軍可，支荀希事之伯阮兵士軍，五伯所達仁禍思城然恩歸人弊能。幾之援定官進之我盡十定軍守以之人一，之整大之所量也日救保土，達，掃二保我吾人蹟大開易日能則功之能敗今者侯及程沿日時至，爲是大窮則東甚前荀。喜木所不以今達，以。月一，陷，。慙，區爲人。盟大一之其。爲安史月間二馬沒盡者意過能書區固大禮前好非土，也以救御四我年軍陷軍林吾吾，之以，威之辱唐。杯行論恃內李期到本鋒前全山非重境民今之正大復漢。願豈獲必皆月書，覲，前陣而散，以交陳。攻。事，而將，而不等正尚來月間其侯，走此，臨立貢而者國甲，履潰力事公平黃前荀境，遠鼓軍如爲一來忍環是小解國大將。之，本督兵於支潰安再敗至所，所無國爲全城歸夫捉量日之於都調遂至而兵軍其軍而師其吾一以以開軍

見，農時。復決其此耳。道，未廢至過之猶豫，吾絕若攻容以之猶戰過重。繼倘其不益滅。疲勢是興哉，，。武韃士攻何示。湯不將急奈回。豈之意可希。息。吾決無伏。而行恐，，至。此舉吾桑節書。

oOo

Phiên âm

DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ

Phù, đại hạ tượng diên, phi nhất mộc chi sở năng chi. Trường đề tương hội, khởi bồi thò chi sở năng lượng. Cầu bất năng lượng lực nhi cường hành, kỳ bất bại dã kỷ hy. Tiền nhật chi sự bất tất luận dã. Dĩ kim nhật chi sự thể ngôn chi. Công đẳng giai thị dĩ vi kim giả cứu viện chi bình nhĩ. Ừ bản niên, chính nguyệt nội, sắc An Viễn Hầu, Bảo Định Bá, Thôi Đô Đốc, Hoàng Thượng Thư, Lý Ngự Sử cấp thò quan Nguyên Huân đẳng, điều binh tiền lai, kỳ tứ nguyệt dĩ lý, tiến binh giao cảnh. Tuy ư cá nguyệt, tài đao ngã quan. Duyên biên chi sĩ, dụ chi Chi Lăng quan. Bản niên nhị nguyệt nhật, ngã quân nhất cổ nhi hội. Kỳ tiền phong, quân mã nhất thời tảo tận. Kỳ Tổng Binh An Viễn Hầu, trận tiền hãm một. Chi nhị thập ngũ nhật, ngã quân tái cổ, nhi toàn quân tận hãm. Bảo Định Bá trận tử. Kỳ bại quân tâu tán sơn lâm giả vi ngã quân sở lỗ. Sự chi như thử, diệc phi ngô ý. Thị ngô thủ biên tướng sĩ chi sở vi, dĩ trọng ngô quá. Đại nhân dĩ nhân nghĩa chi sự, nhất lâm giao cảnh, năng trừng cùng độc chi họa, quan kỳ sở tấu lập Trần thị chi thư, tắc đại nhân ân ý, ngô vô nhần phụ. Kim dĩ khu khu Đông Quan nhất thành, cử nhất quốc hoàn nhi công chi, cổ vi thậm dị. Nhiên ngô sở dĩ vi thị giả, chính cảm đại nhân tiền nhật chi ân, hựu dĩ toàn tiểu quốc sự đại chi lễ. Cầu năng chỉnh sức quân sĩ, khai thành, giải giáp, phục tầm tiền minh, tắc đại nhân khả toàn quân quy quốc, nhi Hán, Đường hiếu đại, hỷ công chi tề, tông thử nhi tức, Thang, Vũ hưng diệt, kẻ tuyệt chi đạo, phục kiến cử hành. Khởi bất vĩ tai. Thảng nhược, do dự vị quyết, ngô khủng ngô chi tướng sĩ, bị kỳ công chiến,

phế kỳ nông tang, quyết ý cấp công, thế bất dung át, chi thử thời tiết, vô khả nại hà. Thị ích dĩ trọng ngô quá nhĩ. Phục hy hồi thị.

Dịch nghĩa

THƯ CHO VƯƠNG THÔNG

Phàm một ngôi nhà sắp đổ, thì một cây gỗ không đủ chống lại được. Một khúc dê sắp vỡ, thì một sọt đất không thể ngăn lại được. Ví như không ước sức lực, cứ cố làm, thì ít khi khỏi bị thua. Việc bữa trước, không cần bàn tới nữa. Nay bàn việc hiện tại. Các ông trông cậy vào quân cứu viện. Thì năm nay có sắc lệnh cho: An Viễn Hầu, Bảo Định Bá, Thôi Đồ Đốc, Hoàng Thượng Thư, Lý Ngự Sử cùng quan địa phương là lữ Nguyễn Huân, điều động quân binh tới. Hẹn trong tháng tư tiến tới biên cương, rồi vào nước, Bọn quan quân nơi biên cương, mới dụ cho họ tới ải Chi Lăng. Năm nay ngày tháng hai, quân tôi vừa ra là họ tan vỡ, cả đội tiền phong bị quét sạch. Tổng Binh An Viễn Hầu bị chết. Đến ngày 25, quân tôi đánh trận thứ hai, thì toàn quân các ông bị thua. Bảo Định Bá tử trận. Bại quân chạy trốn vào rừng núi, bị quân tôi bắt được cả. Việc đến như thế, không phải ý muốn của chúng tôi. Chính là tướng sĩ ngoài biên chúng tôi làm ra, thành thử, lỗi chúng tôi thêm nặng.

Khi đại nhân đem quân nhân nghĩa tới cõi, trừng trị được họa loạn, có thư xin lập con cháu họ Trần, ơn đó chúng tôi không nở phụ. Nay cứ như khur khur một thành Đông Quan chúng tôi lấy toàn quân trong nước vây đánh, thì rất là dễ. Chúng tôi không làm, chính vì cảm ân đại nhân khi trước, và cũng theo lẽ nước nhỏ đối với nước lớn. Ví như đại nhân cho, thu xếp quân đội, giải giáp, mở cửa thành, theo mình ước-

trước, thì có thể đem được toàn quân về nước, mà rồi cái ý thích làm oai, cái mộng muốn lập công sẽ được tiêu tán. Đạo thánh : chấp chỗ dứt, hưng việc diệt của Thang, Vũ xưa lại được thi hành. Như thế có hay không. Nếu còn do dự chưa quyết, thì tôi e tướng sĩ tôi đã mỏi mệt về chinh chiến, bị bỏ việc nông tang, sinh ra ý quyết định chóng xong, không chờ đợi nữa, như thế thì không ngăn được, mà cũng không biết làm sao được. Như thế lỗi chúng tôi lại càng nặng hơn.

Thư tới, mong trả lời.

oOo

4.— 訪求陳氏子孫奏文

(時告陳嵩哀訃，明遣使來諭，令訪求陳氏子孫奏來，用頒繼絕之命)。

陳氏親族昔爲胡季瑩殺戮已盡，並無見存，宣德元年，纔於老樸地方訪得陳嵩，稱陳氏孫。宣德二年還至本國。一國之人悉皆歸附。今臣黎某及衆頭目等移書總官兵處，乞願班師，宣德二年已差黎少損賚本呈情謝罪。不期數日之頃陳嵩病故，其陳氏子孫實無見存。若果有見存，臣等雖未來勅，猶當叩關請命，豈已恩詔若此，而臣更懷別圖，必無此事也。又敕中諭所留官吏軍人等，悉皆遣還。臣以此惶恐，不敢自安。此先官軍征討之時，國人恐被誅戮遂相率首備，以爲自衛之計。嘗之鳥窮則啄，獸窮則搏，鋒鏑之下除已死傷，外其見存官人等已差少損繳進名冊，再悉心搜尋。今國中頭目耆老人等，並稱前項人等實無見存。

Phiên âm

PHÒNG CẦU TRẦN THỊ TỬ TÔN TẤU VẤN.

(Thời cáo Trần Cảo ai phó, Minh khiến sứ lai dụ. Linh phòng cầu Trần thị tử tôn, Tấu lai. Dụng ban kế tuyệt chi mệnh).

Trần thị thân tộc, tích vi Hồ Quý Ly sát lục dĩ tạn, tịnh vô kiến tồn. Tuyên Đức nguyên niên, tài ư Lão Qua địa phương, phòng đắc Trần Cảo, xưng Trần thị tôn. Tuyên Đức nhị niên, hoàn chi bản quốc. Nhất quốc chi nhân, tất giai quy phụ. Linh thần, Lê Mỗ, cập chúng Đầu Mục đảng di thư Tổng Bình quan xứ khát nguyện ban sư. Tuyên Đức nhị niên, dĩ sai Lê Thiệu Dĩnh lã bản trình tịnh tạ tội. Bất kỳ sồ nhật chi khoảnh, Trần Cảo bệnh cố. Kỳ Trần thị tử tôn thực vô kiến tồn. Nhược quả hữu kiến tồn, thần đảng tuy vị phụng sắc, do đương khấu quan thỉnh mệnh, khởi dĩ ân chiếu nhược thử, nhi thần cánh hoài biệt đồ. Tất vô thử sự dã.

Hựu sắc trung dụ, sở lưu quan lại, quân nhân đảng, tất giai khiến hoàn. Thần dĩ thử hoảng khủng, bất cảm tự an. Thử tiên quan quân chinh thảo chi thời, quốc nhân khủng bị tru lục, tuy tương suất thủ bị, dĩ vi tự vệ chi kế. Thĩ chi điều cùng tắc trắc, thủ cùng tắc bác. Phong đích chi hạ, trừ dĩ tử thương, ngoại kỳ kiến tồn quan nhân đảng, dĩ sai Thiệu Dĩnh, kiêu tiên danh sách. Tái tất tâm sưu tầm. Kim quốc trung, Đầu Mục, Kỳ lão nhân đảng, tịnh xưng tiền hạng nhân đảng, thực vô kiến tồn.

Dịch nghĩa

BIỂU-VẤN VỀ VIỆC TÌM CON CHÁU HỌ TRẦN.

(Khi cáo phó Trần Cảo tới, triều Minh cho sứ tới dụ, tìm con cháu họ Trần tâu về, làm như ý muốn ra ơn nối lại dòng họ đã đứt).

Họ hàng họ Trần xưa bị Hồ Quý Ly đã giết hết, không còn ai. Niên hiệu Tuyên Đức năm đầu, vừa hay có tìm được ở đất Lão Qua một người là Trần Cảo, xưng là con cháu họ Trần. Năm Tuyên Đức thứ hai, về nước, thấy người trong nước đều quy phụ, mới sai thần là Lê Mỗ cùng các Đầu Mục đưa thư tới nơi Tổng Binh xin cho ban sư. Năm Tuyên Đức thứ hai, đã. Sai Lê Thiệu Dĩnh nộp bản tường trình tạ tội. Không ngờ mới thoáng có vài ngày, Trần Cảo bị bệnh mất. Con cháu họ Trần thực không còn ai. Nếu quả thật còn được người nào, thì thần tuy chưa phụng sắc, cũng phải tới xin mệnh, chứ đâu có : đã được ân chiếu như thế, mà lại còn có tâm khác.

Trong sắc lại có dụ rằng: phạm quan lại, quân binh còn lưu trong nước đều cho về cả, Thần hoảng sợ, không dám nhác. Bọn đó là bọn quan quân chinh thảo, trước kia, dân chúng sợ bị giết, có tự họp tập để phòng giữ, để mưu tự vệ, có khác gì đến bước đường cùng, chim phải mồi, thú phải cấn. Ngoài những người đã chết về thương tích, còn sót lại người nào, thần đã cho Thiệu Dĩnh lập danh sách tiến nạp. Về sau lại hết sức cho tìm kiếm, thì trong nước các đầu mục, phụ lão, đều trình là thực không còn thấy ai.

5.— 諭 豪 傑 詔

(丁未黎太祖在瀘江菩提營，出史記)。

今諸城已破，惟東閩城未下，我以
此卧不，安席，食不，甘味，夙夜焦思。
且我之左，右才得，其人，雖爲將，
一則老病，不勝，而二相國，寡學淺見。
則任重，太尉都元帥猶折節，太保行謹，
未置十纒，一相久子，力塗，是匡炭，
官豪傑天下如欲，素志歸山林，推莫節救難，
使嘉成功，欲遂素志，歸山林，不復汝禁。

Phiên âm

DỤ HÀO KIỆT CHIẾU.

(Đinh mùi, Lê Thái Tổ tại Lô Giang, Bồ Đề doanh. Xuất Sử ký)

Kim chư thành dĩ phá, duy Đông Quan thành vị hạ. Ngã dĩ thử ngọa bất an tịch, thực bất cam vị, tức dạ tiêu tư. Thả ngã chi tả hữu vị đắc kỳ nhân. Tuy vi chủ tướng, nhất tắc lão bệnh bất tài, nhị tắc quả học thiên kiến, tam tắc nhiệm trọng nan thắng. Nhi Tướng quốc, Thái bảo, Thái phó vị trí. Thái Uý, Đô Nguyên Súy do khuyết. Hành khiển tịnh các, quan thập tài nhất nhị. Thị dĩ triết tiết thôi thành, khuyến chư hào kiệt tư tương lục lực khuông phù vạn dân mạc thao quang hối tịch, sử thiên hạ cửu hãm đồ thân. Hoặc hữu cao tiết như

tứ hạo, gia độn như Tử Phòng, diệc thả vị dân cứu nạn, sĩ kỳ thành công, dục tụy tô chí quy sơn lâm, bất phục nhữ cấm

Dịch nghĩa

CHIẾU DỤ CÁC NGƯỜI HÀO KIỆT.

(Năm đinh mùi, Lê Thái Tổ đóng quân tại Bồ Đề, trên sông Lô chép theo Sử Ký).

Nay các thành đã phá, duy còn Đông Quan chưa hạ xong. Vì thế mà ta ăn không ngon, ngồi không yên, ngày đêm lo buồn. Tả hữu chưa có người. Ta làm chủ tướng, mà một là già yếu vô tài, hai là ít học, ít biết, ba là trách nhiệm nặng khó đảm đương, và chưa đặt được các chức Tướng Quốc, Thái Bảo, Thái Phó, Thái Úy, Đại Nguyên súy còn khuyết. Các quan làm việc nước mười phần mới được có một hai. Cho nên khuất tất cầu hiền, khuyên cáo người hào kiệt, nên cùng hết sức giúp đỡ muôn dân, chớ có dấu tiếng, dấu tài, để cho thiên hạ lầm than lâu nữa. Hoặc giả có bậc cao tiết như tứ Hạo (1), chính ân như Tử Phòng (2), thì cũng nên vì dân ra cứu nạn, đợi lúc thành công toại chí thì về ở núi rừng, không ai ngăn cấm.

Chú thích : (1) Bốn người ăn dật đầu triều Hán nước Tàu.

(2) Mưu thần của Hán Cao Tổ nước Tàu.

6.— 求 賢 才 詔

出 史 己 酉 順 天 二 年

朕惟致理必在於賢舉。得賢必由於進舉。是以有天下者。必以是爲先務也。古者盛時，羣賢在朝，濟濟相謀，故下無遺才，上無廢事，而成雍熙之治，至如漢唐之臣，莫不推賢讓能，更相汲引，蕭何之薦曹參，魏無知之薦陳平，狄仁傑之薦張九齡，蕭嵩之薦韓休，雖其才品有高下，之不同，然莫不各得其人，以當重任也。今朕膺重責夙夜祇懼，若臨深淵，正以搜賢弼治之未得其人也，其令文武大臣公侯大夫自三品以上，各舉一人，或在朝或在野，不拘未仕已仕，苟有文武之才，堪臨民御衆者，朕將隨而授任焉。且薦賢受爵上賞，古道然也。若舉得中才，則升爵二等。若舉得才德俱優超絕倫等，必重賞，雖然，才之於世，固爲不少。而求才之道，亦非一方。其或蘊經綸之才，而屈居下僚，無人薦舉，與夫豪傑之士，伏於草莽，混於卒伍，若不自我達，朕何由識之。今後君子有欲從我遊者，各聽自薦。昔毛遂脫穎而從平原君，甯戚叩角而感悟桓公。何曾以條小節自拘，詔請薦拔。至于閭閻側陋，盡乃士，亦勿以嘆焉。求售爲耻。而朕有乏才之嘆焉。

Phiên âm

CẦU HIỀN TÀI CHIẾU.

(Suất Sử : Kỷ dậu. Thuận Thiên, nhị niên).

Trẫm duy chí-lý tất tại ư cử hiền. Đắc hiền tất do ư tiến cử. Thị dĩ hữu thiên hạ giả, tất dĩ thị vi tiên vụ dã. Cổ giả, thịnh thời, quần hiền tại triều, tề tề tương nhượng. Cổ hạ vô di tài, thượng vô phế sự, nhi thành ung hy chi trị. Chí như Hán, Đường chi thần, mạc bất thôi hiền nhượng năng, cánh tương cấp dân. Tiêu Hà chi tiến Tào Tham, Ngụy Vô Tri chi tiến Trần Bình, Địch Nhân Kiệt chi tiến Trương Cửu Linh, Tiêu Tung chi tiến Hàn Hưu. Tuy kỳ tài phẩm hữu cao hạ chi bất đồng, nhiên mạc bất các đặc kỳ nhân, dĩ đương kỳ nhiệm dã. Kim trẫm ưng trọng trách, tức dạ chi cụ, nhược lâm thâm uyên chính dĩ suu hiền bật trị, chi vị đặc kỳ nhân dã. Kỳ lĩnh văn vũ đại thần, công hầu, đại phu tự tam phẩm dĩ thượng, các cử nhất nhân, hoặc tại triều, hoặc tại dã, bất câu vị sĩ, dĩ sĩ. Cầu hữu văn vũ chi tài, kham lâm dân, ngự chúng giả, trẫm tương tùy nhi thụ nhiệm yên. Thả tiến hiền thụ thượng thưởng, cổ đạo nhiên dã. Nhược cử đặc trung tài, tắc thăng tước nhị đẳng. Nhược cử đặc tài đức câu ưu, siêu tuyệt luân đẳng, tất mông trọng thưởng. Tuy nhiên tài chi ư thế, cổ vi bất thiếu, nhi cầu tài chi đạo, diệc phi nhất phương. Kỳ hoặc uẩn kinh luân chi tài nhi khuất cư hạ liêu, vô nhân tiến cử, dữ phù hào kiệt chi sĩ, phục ư thảo莽, hỗn ư tốt ngũ, nhược bất tự đạt, trẫm hà do thức chi. Kim hậu quân tử hữu dục tòng ngã du giả, các thỉnh tự tiến. Tích, Mao Toại thoát đỉnh nhi tòng. Bình Nguyên Quân, Ninh Thích khấu giác nhi cảm ngộ Hoàn Công, hà tăng dĩ tiểu tiết tự cầu tai. Chiếu xuất chi nhất, phạm tại cụ liêu, các tận nãi chức, đôn thỉnh tiến bạt. Chí vụ lư diêm trắc lậu

chi sĩ, diệp vật dĩ huyền ngọc cầu thụ vi xỉ, nhi sử trăm hữu pháp tài chi thần yên.

Dịch nghĩa

CHIẾU CẦU HIỀN TÀI.

(Theo Sử : Ất dậu, niên hiệu Thuận Thiên năm thứ Hai).

Trăm nghĩ việc chọn người hiền là rất đúng lý. Chọn được người hiền là do sự tiến cử. Cho nên khi đã được nước rồi, việc đó là việc đầu tiên. Thời cổ ở nơi triều đình, người hiền vãi nhường chen vai nhau đầy dẫy. Vì thế, ở dưới, không có người bị sót, ở trên không có việc bị quên. Có thế, việc chính trị mới được hòa vui. Xét như các đời Hán, Đường, bọn bày tôi đều tôn nhường, tiến cử người hiền : Tiêu Hà tiến Tào Tham, Ngụy Vô Tri tiến Trần Bình, Địch Nhân Kiệt tiến Trương Cửu Linh, Tiêu Tung tiến Hàn Hưu. Tuy rằng tài có cao thấp không giống nhau, nhưng cũng được dùng đúng việc, đúng chỗ.

Nay trăm giữ trách nhiệm lớn, ngày đêm sợ hãi, y như đi trên vực sâu, chính là vì chưa được người hiền giúp việc trị nước. Nay lệnh cho văn vũ đại thần, công hầu đại phu, từ tam phẩm trở lên, đều phải tiến cử một người, hoặc tại triều, hoặc tại quận, không cứ đang làm quan, hay chưa làm quan. Xét cứ có tài văn hay vũ, đáng coi dân chúng là trăm giao cho việc. Mà người tiến cử thì được thưởng vào bậc thưởng thưởng, theo như phép xưa. Nếu cử được người có tài trung bình, thì được thưởng thăng hai trật. Nếu cử được người có tài đức đều trội hơn đời, thì được trọng thưởng. Xét ở đời, không hiếm người có tài, mà phép cầu tài cũng không hiếm. Hoặc có người đủ tài kinh luân, ở hàng quan lại thấp kém, không được ai cất nhắc,

hoặc có bọc hào kiệt, ở trong nơi thảo mãng lẫn với bọn sĩ tốt, vì thiếu người đề đạt, trầm làm sao mà biết rõ được. Vậy từ nay, bọc quân tử nào muốn cùng trầm coi việc, ai nấy cứ tự tiến. Xưa kia, Mao Toại thờ mũi nhọn mà theo giúp Bình Nguyên Quân, Ninh Thích gõ sừng trâu mà cảm ngộ được Hoàn Công. Thế thì sao nay lại cứ câu nệ ở tiểu tiết.

Từ ngày tờ chiếu này ban ra, phạm đang ở hàng quan lại, đều gắng sức làm phần việc mình, mà cố tiến cử đề đạt.

Còn như kẻ ở nơi thôn dã, đừng lấy việc tự tiến làm xấu hổ, mà trầm thành mang tiếng để xót nhân tài.

oOo

7.— 平 吳 大 語

在大封丁各傑趙開，有之偽虐說二重則龍珍得其牙。里決山
務我之趙而豪，子厥心，於。殆。場蛟阱不安吻州。南
舉惟川粵元而敗賊古人民生民惡息金觸陷皆以之宇空罄
之。山。宋，取於往使我蒼罔稔欲開則之木獲點解皆，
義暴，異唐同而擒諸致毒歟天，乎，珠鹿草不桀之袖汚
仁去邦亦漢不功既稽苛，以，欺蒙幾遺明玄虫俱潤私抒其
：先之俗與或貪都。煩因國，結坤子，揀設昆連以公之濯
曰必敵風，時冀唆海之，我抗兵乾有沙，揀設昆連以公之濯
若師文之國弱劉。藤政隙責禍連仁靡陶民。羅寡血以閭足
上之爲北我強故亡白胡伺以於。傷澤山提網鯨之，。不
皇伐實南造雖。趣於因明竟子狀義山斧海之。靈功困，
化吊，，肇，乏而墮頃狂，赤萬敗，而余禽生生之重波
行。國殊之方嘗大又，，奸陷千。歛障腰翠其浚木篠之
天民之既陳一未好馬微叛懷，蓋年厚嵐絙織送。土征海
代安越域李帝世爲烏明怨黨炤計十科冒而物以所極之東

共，賊，推。日。後助。故其，步之，之備，以。飛，陳李西復。
 所山逆年食細忘之走其，然心國縣任旗子不能暴反，政，盡里
 之藍誓餘忘，不張奔寡東。之念瑰厥爲父之卒彊破振方驅都萬
 人迹，數十憤今寡方，又欲左己，降卒，人。易竹大。長東腥
 神喜共垂發驗寤勢呈者，而虛由珍旬以揭士攻奇而之之魄勝，流
 。予可者。古志賊晨，帷，而，未兼我，餐或出仁麟以褫乘取。
 惡。豈首日即之正傑，謀，每汲望徒食欲于投強伏以，軍風偷鋒成
 其容，憐疾一。回，俊，常若凶之天濟。制設，掣，聞以選血
 書不世心非書圖時，謀，常若凶之天濟。制設，掣，聞以選血
 以所念痛蓋之。之葉人念，莊憤山蓋以集弱常殘電增，息，之
 足之，者，畧理起秋其之車，靈，志四以，凶驅益徒喘有橋
 不地野生薪韜之初才乏民之致溺，旅勵徒。東勝雷之之，我寧
 ，天荒俱卧談亡兵人既救賢之極也一益之心敵而之以毒草爲。
 竹，身與膽研興義以者以待人於猶無子隸一寡義藤氣山之既彊
 之情接難嘗每究當奈先特於得甚之衆故氓兵以大蒲土智安京舊

賊，，而，豈以於厥。未十選絕所昇十八刀添。象鼓決
 洛盡焚窮蹙，笑無丁年既兵我柳二十迎面滅。一。
 陳奸益志心慮見貽兵，本于奇為日。二自四珍臣。驚
 。之者彼而易之而蹟焚。調既十山。我而而之缺眉
 年賊焚，伐而已功。救進來又昇二之軀。繼旬牙山散
 千亮而怒謀心一之重油而而後柳。鞍喪頭，中爪石島
 奧李亂益我改執時狡以邱南，日野馬而創攻月命而而
 遺。理者，必。一之，溫雲鋒八之於陷而相十申磨鼓
 ，首通怒亡彼辜貪德將由自其十殺死陣窮戈以，刀昇
 野其王而待謂遠。宣儒兵遂摧。支身銘計倒期士，。
 滿冕。手，以人使之引分以食於賊梁慶即，之乾斷
 屍既身關東屈阜他遂昇昇亦除喜墜所定李彼圓赫河鍾
 之心厥救，自作於。柳柳嚴塞斷計我保書，包貌江，刺
 洞腹珍驥盡我復禍下命月沐兵以，馬日尚解以選而鯨
 萃之又馬力不意嫁天是九月伏路攻又五日而兵走飲而

督而滅，變我已站，血山既甲，乞好，魄給。全極社
 都縛，之爲先，芹之屍，解卒帝等驚，又驚以之。
 。面遂爲兵而於溝之兵，相殘上，與魂，心余計聞。
 葉福之雲南，唱敗冷舍，救率掉體，馬且等懷，謀見
 枯黃江風雲，壑所。丹路寇既亦官，猶驕股誠，惟未
 於書諒，其疑軍身，兩窮彼我內而馬，自有非所
 風尚山水。惘我脫咽。城。我內而馬，政益好。之
 剛。涼之光，自爲得，嗚咽。紅各擒殺政，渡參而修，息今
 ，振歎於灘無，衆僅之殷，成不方既，國而得古
 ，送塞平以花，晟而爲之敗，首武政艘通還生民亦
 堤而屍江慘，挈沐漬水爲俱賊神參百王己貪與抑
 崩行僵，昌月於其奔江草而。心船總千畏上遠，
 於膝。於日扼。藉，野踵降尾，心船總千畏上遠，
 蟻聚擒赤。所。躑流，旋出之之給，數既爲深
 潰崔就血色，軍破遂，杆赤不以憐生先散馬，彼軍其

坤于無相，維
 乾。古陰定播。
 明千以大誕知
 觀復雪有戎，聞
 改而以靈一清使
 之晦于之，永咸
 以既，宗戲海，
 川月基祖於四下
 山日之地，天
 ，，平天也功告
 安泰太由然之播
 莫復世蓋致競。
 之而萬耻，而無語
 以否開之佑成之
 稷既以窮默迄新

oOo

Phiên âm

BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO. MẬU THẦN.

Đại thiên hành hóa, Hoàng Đế nhược viết : Nhân nghĩa chi cử vụ tại an dân. Điều phạt chi sự, tất tiên khử bạo. Duy ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang. Sơn xuyên chi phong vực ký thù, nam bắc chi phong tục diệc dị. Việt Triệu Đinh Lý Trần chi triều tạo ngã quốc, dữ Hán Đường Tống Nguyên, nhi các đế nhất phương. Tuy cường nhược thời hoặc bất đồng, nhi hào kiệt thế vị thường pháp. Cổ Lưu Cung tham công nhi thủ bại, Triệu Tiết hiếu đại nhi thú vong. Toa Đô ký cầm ư Hàm Tử Quan. Ô Mã hựu ư Bạch Đằng Hải. Kê chư vãng cổ. Quyết hữu minh trung. Khoảnh, nhân Hồ chính chi phiên hà, chí sử nhân tâm chi oán hận. Cuồng Minh tứ khích, nhân dĩ độc ngã dân. Ngụy đảng hoài gian, cánh dĩ mai ngã quốc. Hán thương sinh ư ngược diễm. Hãm xích tử ư họa khanh. Khi thiên vồng dân, quý kế cái thiên vạn trạng. Liên binh kết hãn, nã ác đãi nhị thập niên. Bại nghĩa, thương nhân càn khôn cơ hồ dục tức. Trọng khoa hậu liễm, sơn trạch mi hữu kiệt di. Khai kim trường tắc mạo lam chương nhi phủ sơn đào sa. Thái minh châu tắc xúc giao long nhi căng yêu thốn hải. Nhiều dân, thiết huyền lộc chi hãm tịnh. Điền vật c'ừ: thúy cầm chi vồng la. Côn trùng thảo mộc giai bất đắc dĩ toại kỳ sinh. Quan quả điền liên, câu bất hoạch dĩ an kỳ sở. Tuấn sinh linh chi huyết dĩ nhuận kiệt hiệt chi văn nha. Cự thỏ mộc chi công dĩ sùng công tư chi giải vũ. Châu lý chi trình dao trọng khốn. Lư diễm chi trĩ trục giai không. Quyết đồng hải chi ba bất túc dĩ trạc kỳ ô. Khinh nam sơn chi trúc bất túc dĩ thư kỳ ác. Thần nhân chi sở cộng phần, Thiên địa chi sở bất dung. Dư, phần tích

Lam Sơn. Thế thân hoang dã. Niệm thế thù khởi khả cộng đãi. Thế nghịch tặc nan dữ câu sinh. Thống tâm tạt thủ giả, thù thập dư niên. Thường đảm ngọa tân giả cái phi nhất nhật. Phát phần vong thực, mỗi nghiên đàm thao lược chi thư. Tức cổ nghiệm kim, tế suy cứu hưng vong chi lý. Đồ hồi chi chí, ngu mị bất vong. Đương nghĩa binh sơ khởi chi thời, chinh tặc thế phương trượng chi nhất. Nại dĩ nhân tài thu diệp, tuần kiệt thần tinh. Bôn tẩu hậu tiên giả ký pháp ký nhân. Mưu mô duy ác giả, hựu quả kỳ trợ. Đặc dĩ cứu dân chi niệm, mỗi uất uất nhi dục đồng. Cố ư đãi hiền chi xa, thường cấp cấp nhi hư tả. Nhiên kỳ đặc nhân chi hiệu, mang nhược vọng dương. Do kỷ chi tâm, thậm ư chứng tịch. Phần hung đồ chi vị điền. Niệm quốc bộ chi do truân. Linh Sơn chi thực tận kiêm tuần. Khôi huyện chi chúng vô nhất lữ. Cái, thiên dục khốn ngã dĩ giảng quyết nhiệm. Cố dư ích lệ chi dĩ tế vu gian. Yết can vi kỳ, manh lệ chi đồ tứ tập. Đầu giao hưởng sĩ, phụ tử chi binh nhất tâm. Dĩ nhược chế cường, hoặc công nhân chi bất bị. Dĩ quả địch chúng, thường thiết phục dĩ xuất kỳ, tốt năng dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn. Dĩ chí nhân nhi địch cường bạo. Bồ Đẳng chi lối khu diện xế. Trà Lân chi trúc phá hồi phi. Sĩ khí dĩ chi ích tăng. Quân thanh dĩ chi đại chấn. Trần Trí, Sơn Thọ chi đồ văn phong nhi sĩ phách. Phương Chính, Lý An chi bối, suyền tức dĩ du sinh. Thừa thắng trường khu, Tây kinh ký vi ngã hữu. Tuyền phong tiến thủ, Đông Đô tận phục cự cương. Ninh Kiều chi huyết thành xuyền, lưu tinh vạn lý. Tuy Động chi thi mãn dã, di xứ thiên niên. Trần Hiệp, tặc chi phúc tâm, kỳ kiêu kỳ thủ. Lý Lượng tặc chi gian đồ, hựu điền quyết thân. Vương Thông lý loạn, nhi phần giả ích phần. Mã Ảnh cứu đầu

nhi nô giả ích nô. Bĩ chí cùng nhi lực tận, thúc thủ đãi vong.
 Ngã mưu phạt nhi tâm công, bất chiến tự khuất. Vị bĩ tất cải
 tâm nhi dịch lự, khởi ý phục tác nghiêm dĩ tốc cô. Chấp nhất kỷ
 chi kiến, dĩ giá họa ư tha nhân. Tham nhất thời chi công, nhi di
 tiểu ư thiên hạ. Tuy sử Tuyên Đức chi giáo đồng, độc binh vô
 yếm. Viên, mệnh Liễu Thăng chi nọa tướng, dĩ du cứu phần.
 Đinh mùi, cứu nguyệt. Liễu Thăng dẫn binh do Ôn Khưu nhi
 tiến. Bản niên, thập nguyệt, Mộc Thạnh diệt phân đồ tự Vân
 Nam nhi lai. Dư kỷ tuyển phục binh tắc hiểm dĩ tời kỳ phong.
 Hậu hựu điều kỳ binh tuyệt lộ dĩ đoạn kỳ thực. Thập bát nhật,
 Liễu Thăng ký vi ngã sở công, kế truy ư Chi Lăng chi dã. Nhị
 thập nhật, Liễu Thăng hựu vi ngã sở bại, thần tử ư Mã Yên chi
 sơn. Nhị thập ngũ nhật, Bảo Định Lương Minh trận hãm nhi
 táng khu. Nhị thập bát nhật, Thượng Thư Lý Khánh kế cùng
 nhi vẫn cảnh. Ngã tự nghinh nhĩ nhi giải. Bĩ tức đảo qua
 trương công. Kế nhĩ tứ diện thêm binh dĩ bao vi, kỳ dĩ thập
 nguyệt trung tuần nhi điền diệt. Viên tuyển ty hựu chi sĩ, thân
 mệnh thảo nha chi thần. Tượng ầm nhi giang hà can. Dao ma
 nhi thạch sơn khuyết. Nhất cổ nhi kinh khô ngạc đoạn. Tái cổ
 nhi điều tán quân kinh. Quyết hội nghị ư băng đê. Trấn cương
 phong ư khô diệp. Đô Đốc Thôi Tự, tất hành nhi tổng khoản.
 Thượng Thư Hoàng Phúc diện chuyên nhi tựu cầm. Cương thi
 tắc ư Lạng Sơn, Lạng Giang chi đồ. Tiễn huyết xích ư Sương
 giang, Bình than chi thủy. Phong vân vi chi biến sắc. Nhật
 nguyệt thâm dĩ vô quang. Kỳ, Vân Nam binh vi ngã binh sở ách
 ư Lê Hoa, tự đồng nghị hựu xướng nhi tiên dĩ phá phủ. Kỳ Mộc
 Thạnh chúng vi ngã quân sở bại ư Cần Trạm, tuy lặn tịch bốn
 hội nhi cân đặc thoát thân. Lãnh câu chi huyết chữ lưu,
 giang thủy vị chi ô yết. Đan Xá chi thi sơn xích, dã thảo vị chi
 ân hồng. Lưỡng lộ cứu binh ký bất toàn chủng nhi câu bại.

Các thành cùng khẩu, suất tương giải giáp dĩ xuất hàng. Tặc thủ thành cầm. Bĩ kỳ trạo tàn tốt khất lân chi vĩ, thần vũ bất sát, ngã diệt thê thượng đế hiếu sinh chi tâm. Tham Chính Phương Chính, Nội Quan Mã Kỳ đẳng, tiên cấp thuyền ngũ bách sru, kỳ độ hải, nhi thả, hồn kinh. phách tán. Tổng Bình Vương Thông, Tham Chính Mã Ánh đẳng, hựu cấp mã sỏ thiên sát, dĩ hoàn quốc nhi ích tự cổ lật, tâm kinh. Bĩ kỳ ủy tử tham sinh, nhi tu hiếu hữu thành, dư dĩ toàn quân vi thượng, nhi dữ dân đắc tức. Phi duy mưu kế chi cực kỳ thâm viển. Ức diệt cổ kim chi sở vị kiến văn. Xã tắc chi sở diện an. Sơn xuyên chi sở cải quan. Càn khôn kỳ dĩ nhi phục thái. Nhật nguyệt kỳ hởi nhi phục minh. Vu dĩ khai vạn thế thái bình chi cơ. Vu dĩ tuyết thiên cổ vô cùng chi xỉ. Cái do thiên địa tổ tôn chi linh, hữu dĩ âm tương, mặc hữu nhi chí nhiên dã.

Ô hy.— Nhất nhưng đại định, hất thành vô cạnh chi công. Tứ hải vĩnh thanh, đản bá duy tân chi cáo.

Bá cáo thiên hạ, Hàm sử văn tri.

Chú thích : Bài này đã dịch trong Việt Nam Sử Lược Trần Trọng Kim và đăng trong nhiều sách giáo khoa.

8.— 謝 詔 赦 交 趾 表 戊 申.

黎言。人上書保謝，嶺聖宗普荒罪懷，而待隔之誠。
 老謹詔民稱天賜，祖大臣之，一里
 者，親安表九歡明於，伶山功長，嶠守萬
 并恐復宜具於，聰迷夏，丘武延海謹馳
 某誠，今謹化裔哲紹華恩臣者祚身，遠
 黎惶日自，聖選嘗祇於之赦而保棲天，
 ，誠八臣例濡於：，寧露，德以臣敬聖
 臣，初諭舊，光惟絕輯兩問文是。以祝云
 目等月及武施寵恭繼用覃不敷。也國而云
 頭薦三，洪雨布，減，廣之。國效大宸，
 大阮年趾進行，民興民，置新中之奉紫情
 國，三文仍雲翔臣，息量，維安平，望下
 南靈德赦貢以鸞溫武兵之民與而太庭，
 安文宣大朝伏肅喜文麗坤之威人致闕地
 臣等

Phiên âm

TẠ CHIẾU XÁ GIAO-CHỈ BIỂU.

MẬU THÂN.

An Nam quốc, đại Đầu Mục thần, Lê Mỗ, tình kỳ lão
 nhân, Lê Văn Linh, Nguyễn Trãi đẳng, thành hoàng, thành
 khủng, cần thượng ngôn : Tuyên Đức tam niên, tam nguyệt,
 sơ bát nhật, phục đồ chiếu thư, đại xá Giao-Chỉ, cập dụ thần

ự kim nghi an dân, bảo cảnh, triều cống nhưng tuân Hồng Vũ cự lệ. Cần cụ biểu xưng tạ giả. Phục dĩ, văn hành, vũ thí, nhu thánh hóa ư cứu thiên, phụng chữ, loan tường, bố sủng quang ư hà duệ, hoan đẳng lĩnh hải, hỷ dật thần dân. Cung duy :

Duyệt triết thông minh, thánh thần, văn vũ. Hưng diệt, kế tuyệt, chi thiệu thuật, ư tổ tôn. Bãi binh tức dân, dụng tập ninh ư hoa hạ. Đại phổ càn khôn chi lượng, quảng đàm vũ lộ chi an. Linh thần hoang-phục chi dân, trí chi, bất vấn. Xá thần khư sơn chi tội hàm dữ duy tân. Phu văn đức nhi kỳ vũ công. Hoài viễn nhân nhi an trung quốc. Thị dĩ bảo tộ diên trường, nhi vĩnh chi thái bình chi hiệu dã. Thần thể thân hải hải kiệu, đãi mệnh khuyết đình. Phụng đại quốc dĩ kính thiên, cần thủ nhất ngưng chi địa. Vọng tử thần nhi chúc thánh, dao trì vạn lý chi thành.

Thần đẳng hạ tình, vân, vân,

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ CHIẾU ! XÁ TỘI GIAO CHỈ, MẬU THẦN

Đại Đầu Mục nước An Nam, thần, Lê Mỗ, cùng bọn kỳ lão là Lê Văn Linh, Nguyễn Trãi, sợ hãi, dâng biểu :

Tuyên Đức năm thứ Ba, tháng ba, ngày mùng tám, được thấy chiếu thư, đại xá Giao-Chỉ, và dụ thần, từ nay yên nhân dân, giữ bờ cõi, triều cống thì cứ theo lệ Hồng Vũ trước. Kính xin dâng biểu tạ ơn. Mây đưa, mưa tới, chín cõi nhuần thấm đức cao. Phụng múa, loan bay, đất xa ngửa trông ánh sáng. Chung vui núi bè, mừng rõ thần dân. Kính biết :

Đức vua, tuần triết thông minh, thánh thần văn vũ. Gây dựng nước tan, nối lại họ mất. Rõ ràng theo dõi tổ tôn. Bãi bỏ

việc chiến, cốt để dân yên, chăm gắng hòa vui, hoa, hạ. Mọi
cõi hưởng ơn mưa móc. Muôn dân thấy lượng đất trời. Thương
cho thần, việc tại xứ hoang, coi việc không chấp. Tha cho thần,
tội như gò núi, sửa tội nên công. Thi văn đức, đề lẫm vũ công.
Giúp ngoại bang, đề yên trung quốc. Vì thế, truyền đời đời,
thái bình vĩnh viễn. Thần nương thân nơi núi bề, đợi mệnh tự
triều đình. Thờ đại quốc để biết kính trời cao, giữ yên khoảnh
đất. Ngóng đầu tinh, đề theo thánh hóa, xa thăm muôn trùng.
Thần đẳng kính xin vãn, vãn ...

oOo

10. — 謝 冊 封 表

(辛 亥 順 天 四 年 ， 遣 正 使 黎

汝 覽

署

國

宣

右

一

臣

五

郎

，

一

謝

。 民

莫

無

有

路

照

。 廷

湯

恭

柔

，

一

特

親琦，權踴頌，郡念失際，坤明，苟於沐，帝積全，天恰聖具賞，文上臣保敬民祈另，。云伏徐臣忻渙象竊離之乾並嶺分荷幸，使日使命歡認生，流生及月裏己更又以體款賜。安。等聞，正封，惶一政，不思光嶠當求何日而，期，成，民曲效境祝物贊以，遣求，誠十通顆莫以錫嶺，卒騰。肝生豈仁，守武之，後保三方宗上，票，月，一人伏寵騰華倉噬新拔倫，寬。為瘞宥圖。而貢阮表，年何，某十敵章之，章歡中而，自每岳遠之，恭戈彫寬勉誠宸進，奉，四使，黎年張印國者印，隔地由以。海柔綱惟，懿止方垂。之紫有綯謹，天副，臣五郎，一謝。民莫無有路照。廷湯恭柔。一特愆國望所文外，順，事德侍道與稱地臣，身錯無難漸朝感。微訓臣，前小。臣阮。國宣右一臣表之溢裔竄鑄伶之自。惟露，明怜罪蓋殫職。臣恩，署：使書，奉編喜荒，天獨益以喘非雨，正之，之思惟之年陪謝，擢言天詔事謹龍，居時子，覆地殘。之中祖生重不，臣萬差京，南上差捧國。滿區僻之罪大恐躋於恩天，健皇好深敢大藩於，赴，安謹欽帝若躍春之臣所獲至常終延洪亮，剛遵之年臣事守壽本捧

Phiên âm

TẠ SÁCH PHONG BIỂU.

(Tân hội. Thuận Thiên tứ niên. Khiển Chính Sứ Lê Nhữ

Lãm, Phó Sứ Hà Phiếu cầu phong).

An Nam quyền thụ quốc sự, thần Lê Mỗ, thành hoảng, vân, vân, cần thượng ngôn : Tuyên Đức ngũ niên, thập nguyệt, thập nhất nhật, phục đồ Khâm-Sai, Thiên sử Hữu Thị Lang, Trương Sưởng, Thông Chính Sứ Từ Kỳ, lãi phủng chiếu thư nhất đạo, ấn chương nhất khóa, mệnh thần quyền thụ quốc sự. Thần dữ nhất quốc chi nhân, mạc bất hoan hân dũng được. Cần phụng biểu xưng tạ giả, Phục dĩ, ân chiếu hoán ban, xuân mãn Long-Biên chi địa ; ấn chương sủng tích, quang sinh Tượng Quận chi khu. Hỷ dật thần dân, hoan đẳng lĩnh kiệu. Thiết niệm thần tịch cư hoang duệ, mạn cách Trung Hoa. Đương lưu ly thất sở chi thời, thoán thân vô địa. nhi thắng thốt cầu sinh chi tế, hoạch tội vu thiên, chủ thác hữu do, phệ tề hà cập. Cần khôn chí đại, độc linh vô lộ dĩ tự tân, Nhật nguyệt tịnh minh, thường khùng phúc bồn chi nan chiếu. Mỗi phi can nhi ai dụ, chung tích địa dĩ tự tâm, Hải nhạc thấu sinh, dĩ phạn cầu điều ư tân suyền. Triều đình nhu viễn, khởi kỳ canh hạ ư hồng ân. Phi duy cảm Thang-cương chi khoan nhân, hựu hạnh mọc Nghiêu thiên chi vũ lộ. Cung duy :

Cương kiện trung chính, huy nhu, ý cung. Thủ thành dĩ văn, tuân hoàng tồ chi minh huấn. Chỉ qua vi vũ, thê thượng đế chi hiếu sinh. Linh thần nhất phương điều sái chi dân, xá thần tịch niên thâm trọng chi tội. Đặc thù khoan hựu. Khúc tứ bảo toàn. Thần cảm bất tư cái tiền khiên, miễn đồ hậu hiệu

Kính thiên sự đại, duy dân tiểu quốc chi thành. Bảo cảnh, an dân, khắp thủ phiên thần chi chức. Vọng Tử thần chi tam chúc Kỳ thánh thọ ư vạn niên.

Thần sở hữu tiến cống phương vật, lánh cụ bản, sai bồi thần, Nguyễn văn Huyền, Nguyễn Tôn Chi dâng, lễ phùng phò Kinh tạ an. Ngoại cần phụng biểu thượng dĩ văn.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ ƠN SẮC PHONG

(Năm Tân Hợi, niên hiệu Thuận Thiên, Năm thứ tư, sai Chính sứ là Lê Nhữ Lãm, Phó sứ là Hà Phiếu sang Tàu cầu phong).

Quyền coi việc nước An Nam là thần, Lê Mỗ, sợ hãi tâu lên: Niên hiệu Tuyên Đức thứ năm, tháng mười, ngày mười được đón Thiên sứ, Khâm sai, Hữu Thị Lang, Trương Sưông, Thông Chính sứ, Từ Kỳ, phụng mang một chiếu thư, một hộp ấn tín, tới mệnh cho thần quyền coi việc nước. Thần cùng người trong nước, vui mừng khôn xiết, kính dâng biểu tạ ơn. Kính nghĩ :

Ấn chiếu ban ra, đất Long Biên hơi xuân ấm. Ấn chương thưởng tới, nơi Tượng Quận sáng trưng. Thiết nghĩ thần, Ấn nơi hoang dã. Xa cách Trung Hoa. Đương khi mất đất lưu ly, không còn chỗ ở, là lúc vào vòng tai họa, mắc tội với trời. Lầm lỡ vì đâu. Hối lại sao kịp. Càn khôn cao cả, riêng ngại hết lối được sửa mình. Nhật nguyệt sáng trưng, vẫn lo sắp mình không hưởng sáng. Những mong vạch gan cùng than thở, rồi chỉ cúi mặt mà thẹn thùng. Gốc bẽ lại tới chân trời, sống trộm mong xong một kiếp. Trong triều lo cho ngoài cõi, ơn trên

đầu nghĩ có ngày. Không riêng ơn đạo Thang, khoan nhân. Mà còn gọi trời Nghiêu, mưa móc.

Kính tâu :

Đức vua, Trung chính cương nghị, cung thuận lễ nghi. Giữ nước lấy văn, truyền lại tiên vương di huấn. Xếp gươm là vũ, theo lòng thương để hiếu sinh. Thương cho thần là dân cùng khổ một phương. Xá cho thần lâu năm tích lũy nhiều tội, Đặc cách khoan thứ. Ra ơn bảo toàn. Đầu dám không : Nghĩ tới tội xưa. Mưu nên công mới. Kính trời thờ nước lớn, tiểu quốc phải thành tâm. Giữ cõi yên nhân dân, chư hầu đúng phận sự. Ngó đầu tinh, đọc câu tam chúc. Mong thánh thọ, cầu tuổi vạn niên.

Thần có tiến cống phẩm vật trong nước, kê thành một bản, sai bồi thần là lũ Lê Văn Huyền, Nguyễn Tôn Chí, mang tới Kính tạ ơn. Ngoài ra, kính phụng biểu, lượng trên soi xét.

oOo

11. 今百官母作慶賀禮義詔。出通史
 順天庚戌三年六月詔曰：崇宮室而抑
 高臺謝，必興驕侈之風，從己欲而抑
 人心，必致百年之怨，朕甚愧焉，凡思宏
 模壯觀之，規是皆軍人勞苦之力，安焉
 自處猶恐弗堪，而文武臣僚擬備登殿作
 宴賀禮儀，甚乖本意，其令百官母得作
 虛頌功德，及盛陳慶賀燕飲禮儀。

Phiên âm

LINH BÁCH QUAN VÔ TÁC KHÁNH HẠ LỄ NGHI CHIẾU.
 XUẤT THÔNG SỬ

Thuận Thiên, canh tuất, tam niên. lục nguyệt, chiếu viết:

Sùng cung thất, nhi cao đài tạ, tất hươg kiêu xỉ chi
 phong. Tông kỷ dục nhi ức nhân tâm, tất chí bách niên chi oân.
 Trầm thậm quý yên. Phàm tư hoảng mô tráng quan chi quy,
 thị giai quân nhân lao khổ chi lực. An yên tự xử do khủng phất
 kham. Nhi văn vũ thần liệu nghĩ bị đẳng điện, yển hạ lễ nghi,
 thậm quái thao ý. Kỳ linh bách quan vô đắc tác hư tụng công
 đức, cập thịnh trần khánh hạ yển ầm lễ nghi.

Dịch nghĩa

TỜ CHIẾU LINH CHO BÁCH QUAN KHÔNG ĐƯỢC
 ĐẶT LỄ MỪNG. THEO SỬ.

Năm canh tuất, niên hiệu Thuận Thiên, năm thứ ba,
 tháng sáu. Chiếu rằng : Đẹp cung thất, mà cao đài gác, tất gây

thói kiêu sa. Theo sở thích mà ức lòng người, tất bị oán suốt đời. Trầm rất ngại. Phàm các cách thức xây dựng cho tráng lệ, là do công lao khó nhọc của quân nhân. Ở được e cũng không yên tâm. Mà văn vũ bách quan cứ sửa soạn lễ nghi yến tiệc ăn mừng thì rất không phải.

Lệnh cho các quan không chúc tụng công đức, cũng không đặt lễ nghi yến tiệc, khánh hạ.

oOo

11.一

詔 亂其師。遠於恤無鷄之。枉。不諍臣之責以由既人傷所益昵者
 怠 與擇之不法不，閩林負冤對而諫奸戚譴紀亦氏曾於失務愛
 等 人監取，樂，山勝。不月乏於親心綱，胡而怨其惟，諂
 局 興者善厥以強是蕃養角懷而三庭害於天，患。智人怨，國小
 省 不治不：可富色闕檻以顧年二朝陷移，夷不也森人人屢害
 院 閩爲人云臣其酒博，，不三或。轉知陵之人以而人刑而，
 諸 道善善詩諸持，賭魚能曾一，私孫，不而氏他又，而後民之
 管 年 同以。之，耽，之器，或手之親計而之胡之，行施法妨顯
 總 三 治是曰資我氏是前金之下，之黨于大謗以云假國一一，念尊
 及 戌 與，傳之。陳好於花小天守堅朋親權怨教雖而人令法重不者
 臣 庚 亡。人世昔玩交畜小之內植至大心政，，奪之之役，卑
 大 貪 日不之善之在惟日盆珍堂害於將以。民。亂德而鈔民繁家族
 禁 官 詔罔從人后，，事，誇堂損屈相，計，懼索其智實逮賦肥宗

月 事而善夏矣困之餓，却於疏，士巧人不而服森，以以私
 七 同善不左此民益放島亡拘親行之之佞而之天以情生加己偏

直，其殘及殘芥園以苛義以以撫亦居下，務俱嘗而諄諭過，重或已
 忠自貪。加草之帛。政忠是遂知心中，君惟臣未覆皆十之法志輕，事
 。以賊也益如國錦。，。東不人良心於忠軍，既，論日不驕之起國
 刑做吳人，命我索貢天啓吳而得。之惡之，竊車等九前為功事可，
 而驕云他寬人据。供籍賊而，而也主敵國亡夜前卿，改屢持其不威
 怒猶雖之以視發食於辜滅，暴義我人則狗家與恐戒言曾往勞隨或已
 因而。假虐。之勞無以起以大於體內無敗夙深九萬不往勳猶，勢
 ，。茶而代威子民象，，蜂之以之能，曾國朕。故言，，有，怒軍
 賞寬毒，能為妻困厚生死方敗我托不政。使。者。千文言舊謀可其
 而舍羅逆不以之以金，聊初四知雖而上之東洲哉懷也止虛之夫過或見
 喜善而其，我民魚，求不願，徒。害。恤於。監于之不為懲。或，，
 因良命厥國殺我賊衣搜民咸靡盡也其者勤黨計不忘陷，視勸下事之人
 之，天天得專繫禁之於。一。恩厥職施朋之可而亦覆等逆逆狂酌之
 用口畏由之，俘。民盡慘齒旗滅以天任能則身，刻車反卿曾上所斟造
 寵鉗不亦吳暴，陵爭玉刑切義敗之由官不外益辱項後諄而不慢而而新

是其如亡至軍爲和朋任力，於義，官，
 乃謀，懲滅下管，敏其其之竭山位大琴，覆有條
 。過成，取，有勤盡絕家，泰祿臣，既我臣
 名非約自管凡，則。國要如享君，嚴車凡外
 功事禁乃總，法東弊以己安共。於求。中
 取犯己是臣官用與之。爲親朕世哉以道告
 國所今，大等平，慢德憂社與後美調正布
 ，而。後日局公忠怠之之使以於甚改遵。
 過，乎不令省宜其除犯民，。名不強以茲
 幸人之聽。院皆盡，故生室石聲豈易行于
 緣之赦不也諸，則風其以王磐傳是當易鑒
 爲事而猶過及職君之懲。持如共全則繼尚悉
 而成法而之，之事污私任扶國，保，改，知
 ，人曲。朕長民。貪之己忠國今終調當子咸
 咸因可此非隊治政革黨爲盡基當始不則君今

Phiên âm

CẨM ĐAI THẦN TỔNG QUẢN, CẬP CHU VIỆN, TỈNH, CỤC ĐẲNG
QUAN THAM ĐÃI. CANH TUẤT, TAM NIÊN, THẤT NGUYỆT.

Thất nguyệt chiếu viết : Dữ trị đồng, đạo võng bất hưng. Dữ loạn đồng, sự võng bất vương. Thị dĩ thiện vi trị giả, trạch kỳ thiện nhi tòng chi. Truyện viết : Thiện nhân, bất thiện nhân chi sư. Bất thiện nhân, thiện nhân chi tư. Thi vân : Quyết giám bất viễn. Tại Hạ Hậu chi thế.

Ngã chi khả dĩ thủ pháp ư thử hỹ. Tại tịch, Trần thị, thị kỳ phú cường, bất tuất dân khốn, duy ngoạn hảo, thị đam, tửu sắc thị lạc, vô ích ư sự, nhật giao ư tiền, đồ bác đấu kỳ, đấu kê phóng cấp, bồn xúc hoa kim chi ngư, hạm dưỡng sơn lâm chi điều, khoa trân tiêu tiêu chi khí năng, dĩ giốc thẳng phụ, vong khước đường đường chi thiên hạ, tăng bất cố hoài. Oan uổng câu ư tồn hại chi thú, hoặc nhất tam niên nhi bất đối. Thần sơ khuất ư Nội thụ chi thủ hoặc nhị tam nguyệt nhi bất hành. Tương tương thực bằng đẳng chi tư. Triều đình pháp gián tránh chi sĩ. Dĩ chí, thân tử, thân tôn, hãm hại ư gian thần chi xảo kế. Đại quyền, đại kế, chuyển di ư thân thích chi nịnh nhân. Dân tâm oán báng nhi bất tri, thiên tâm khiển trách nhi bất cụ. Chính giáo dĩ chi nhi lãng di, cương kỷ dĩ chi nhi vấn loạn. Tuy vân Hồ thị chi bất trung, diệc do thiên yếm kỳ đức, nhi dả chi tha nhân dã. Hồ thị kỳ dĩ gian trí nhi đoạt nhân quốc, hựu dĩ gian trí nhi hiếp nhân tính. Bảo sao chi lĩnh nhất hành, nhi nhân nhân oán ư thương sinh. Thiên dân chi pháp nhất thi, nhi nhân nhân oán kỳ thất sở. Gia dĩ, phú phiến, dịch trọng, pháp tuấn, hình nghiêm. Duy vụ ích kỷ dĩ phì gia. Bất niệm phương dân nhi hại quốc. Ái nạt thiên tư, tôn tộc, ty giả tôn hiền chi. Dụ tiêu siểm du giả, sủng

dụng chi. Nhân hỷ nhi thương, nhân nộ nhi bình. Trung trực
 kiểm khâu. Lương thiện hàm oan. Nhi do kiêu ngạo
 dĩ tự tôn. Bất úy thiên mệnh nhi li độc đồ. Tuy vãn Ngô
 tặc tham tàn, diệc do thiên yếm kỳ nghịch, nhi dã chi tha nhân
 dã. Cập Ngô chi đắc quốc, bất năng đại ngược dĩ khoan,
 ích gia tàn bạo, chuyên sát lục dĩ vi uy, thị nhân mệnh
 như thảo giới, phù hệ ngã dân chi thê tử, phát quật ngã quốc
 chi viên lăng. Cấm hàm ngư dĩ khốn dân chi thực. Sách cầm
 bạch dĩ tranh dân chi y, Kim ngọc tận ư sưu cầu. Tê tượng
 lao ư cung cống. Chính hà hình thẩm. Dân bất liêu sinh. Vô cô
 dụ thiên. Trung nghĩa thiết xỉ, hàm nguyên hiệu tử, dĩ diệt
 tặc thù. Thị dĩ nghĩa kỳ nhất huy, tứ phương phong khởi, nhi
 Ngô chúng tuy dĩ bại diệt. Cái đồ tri thủ chi dĩ bạo nhi bất tri
 phủ chi dĩ ân dã. Tuy ngã dĩ đại nghĩa nhi đắc nhân tâm, diệc do
 thiên yếm kỳ hại nhi thác chi ư ngã dã. Lương do, cư quan nhậm
 chức giả, thượng bất năng thể nhân chủ chi tâm, hạ bất năng thi cần
 tuất chi chính. Nội tắc tế ác ư quân, ngoại tắc bằng đẳng ư chúng.
 Tảng vô tuân quốc chi trung, duy vụ ích thân chi kế. Chi sử quốc
 bại, gia vong, quân thần câu nhục, khả bất giám tai. Trầm, tức
 hưng, dạ mị, vị thường khoảnh khắc nhi vong vu hoại giả. Thâm
 khủng tiền xa kỳ phúc, nhi hậu xa diệc đạo chi dã. Cố cửu
 giới khanh đẳng, giai truân truân phản phúc, bất chi thiên
 ngôn, vãn ngôn, cửu dụ, thập dụ. Nhi khanh đẳng thị vi hư
 vãn bất tăng cải tiền nhật chi quá, bất tăng tuân khuyến trừng
 chi ngôn. Vãng vãng lữ vi bất pháp. Mạn thượng nghịch hạ. Phù
 cự hữu huân lao, thị công kiêu tử, nhi sở phạm sự hoặc quá
 ngộ, do tùy kỳ sự chi khinh trọng, nhi châm chúc chi, hoặc
 khả thứ, hoặc bất khả thứ, hoặc tàn tiến chi nhân, kiến kỳ
 quân thế dĩ thịnh, quốc sự dĩ thành, nhi di duyên hạnh ngộ,

đồ thủ công đauh, nãi thị nhân nhân thành sự chi nhân nhi sở phạm sự phi quá ngộ, kỳ khả khúc pháp nhi xá chi hồ. Kim dĩ cấm ước, giới trường như thử, nhi do bất thính, bất tuân, thị nãi tự thủ diệt vong, phi trầm chi quá dã. Kim nhật đại thần tổng quản, hạ chỉ đội trưởng, cập chư viện, tỉnh, cục đẳng quan, phạm hữu quan quân, trị dân chi chức, giai nghị công bình dụng pháp, cần mẫn vi chính. Sự quân tắc tận kỳ trung. Dĩ chúng tắc tận kỳ hòa. Cách tham ô chi phong, trừ đãi mạn chi tệ. Tuyệt kỳ băng đảng chi tư, trừng kỳ cố phạm chi thái. Dĩ quốc gia chi nhiệm vi kỷ nhiệm. Dĩ sinh dân chi ưu vi kỷ ưu. Kiệt lực tận trung. Phù tri vương thất. Sử xã tắc an như Thái sơn, cơ đồ cố như bàn thạch. Dĩ dĩ trầm cộng hưởng lộc vị ư đương kim, cộng truyền thanh danh ư hậu thế. Quân thần đại nghĩa, thủy chung bảo toàn. Thị khởi bất thâm mỹ tai.

Ô hy. Cầm sắt bất điều, tắc đương dịch huyền cải diệu dĩ cầu chính thanh. Tiền xa ký phúc, tắc đương cải triệt dịch hành, dĩ tuân chíu đạo. Phạm ngã hữu quan quân tử, thượng giám vu tư. Bỏ cáo trung ngoại thần liêu, linh hàm tri tất.

Dịch nghĩa.

CHIẾU CẤM ĐẠI THẦN, TỔNG QUẢN, CÙNG CÁC QUAN Ở VIỆN, TỈNH, CỤC, KHÔNG ĐƯỢC THAM NHỮNG BIẾNG NHÁC

Canh tuất năm thứ ba, tháng bảy.

Tháng bảy, vua có chiếu :

Cùng với người chính làm việc, thì việc gì mà không thành,

cùng với người tà làm việc, thì việc gì mà không hỏng. Cho nên người hay mà trị nước, thì cứ chọn điều hay để làm. Sách Truyện có nói : Người hay là thầy người không hay. Người không hay là vật dùng của người hay. Kinh Thi có nói : Gương soi không xa ở đời nhà Hạ.

Quân thần ta nên lấy đó làm phép. Ta xét ngay như họ Trần, cây đã giài mạnh, không thương dân khổ chỉ đam mê về sở thích. Lấy tửu sắc làm vui, hàng ngày chỉ làm những công việc vô ích : đánh cờ, đánh bạc, chọi gà, chọi chim, nuôi cá vàng, nuôi chim lạ, bày các trò lật vật, ganh nhau được thua. Việc nước to tát bao la, không hề đoái hoài. Người oan uổng bị quận thú giam giữ, vài ba năm không hỏi tới. Các sở tấu bị nội giám lưu lại vài ba tháng không thi hành. Tể tướng gây riêng bè phái. Triều đình thiếu hẳn Giám quan. Thần đến là con, là cháu mà bị hại về mưu giáo quyết gian thần. Quyền lớn, chức cao mà rơi vào tay bọn tôi tớ thân nhân. Dân chê mà không biết, trời trách mà không lo. Chính giáo vì thế mất kỷ cương, vì thế sinh hỗn loạn. Tuy vì Hồ thị bất trung, nhưng cũng tại trời ghét thiếu đức, mà trao cho người khác. Họ Hồ đã lấy trí gian cướp nước, rồi lại lấy trí gian uy hiếp nhân tình. Lệnh bảo-sao (chế tiền bạc giấy) ban ra mà người người đều oán về khó mưu sinh. Phép di dân thi hành mà người người đều oán về mất cơ sở. Lại thêm thuế má nhiều, phu dịch nặng, phép nghiệt, hình nghiêm. Chỉ chăm lợi cho thân mình, giàu cho nhà mình, bất chấp hại dân, mất nước. Trong thân tộc, cư sử thiên vị. Hạng hèn kém thì coi tôn quý, hạng xiêm ninh thì được tin dùng. Khi vui thì thưởng, khi giận thì phạt. Người trung trực

khóa miệng, người lương thiện ngậm oan. Thế mà còn kiêu ngạo tự tôn, không sợ mệnh trời, cứ làm việc ác. Tuy bảo là giặc Ngô tham tàn, nhưng cũng là trời đã ghét kẻ nghịch, mới trao cho người khác. Đến khi Ngô lấy được nước, thì lại không biết lấy khoan thay ngược, càng thêm tàn bạo, chuyên giết người cho là oai, coi mạng người như cỏ rác. Bắt hiếp vợ con dân ta, khai quật lăng tẩm nước ta. Cấm làm cá, làm muối, để dân tới đói khổ. Lấy vóc, lấy vải để dân không áo mặc. Thu hết châu ngọc, bắt dân tìm sừng tê, ngà voi. Dân không thiết sống, chỉ còn kêu trời. Người trung nghĩa thì nghiêng răng, mong diệt được kẻ thù, có chết cũng cam tâm. Cho nên một khi cờ nghĩa phất lên, là bốn phương đứng dậy. Rồi mà giặc Ngô tuyệt diệt. Xét chúng chỉ biết dùng bạo cướp nước, không biết lấy ân thương dân. Tuy rằng ta lấy đại nghĩa được nhân tâm, nhưng cũng là do trời đã ghét giặc mà giao việc cho ta. Chính bởi bọn quan chức, đối trên không biết thể theo ý chủ, đối dưới không biết chăm lo chính trị. Trong triều thì che dấu điều xấu. Ngoài triều thì lập thành bè đảng. Không biết trung với nước, chỉ mưu ích cho thân. Cho đến nỗi nước mất nhà tan, vua tôi đều nhục. Gương đó cần soi.

Trăm ngày làm đêm nghĩ, chưa thường một thoáng mà quên lo. Rất sợ xe trước đã đổ, xe sau lại đi vào vết cũ. Cho nên hằng răn các khanh phải luôn luôn suy xét, đừng có thấy nghìn lời, vạn lời, chín khuyên, mười khuyên, lại cho là nhàm mà không đổi lỗi trước, không nghe lời răn. Rồi đến làm việc phạm phép, khinh dưới nhờn trên. Các người cũ có công to, cậy công, ngang ngược, hoặc vì làm lỡ mà phạm lỗi, cũng còn theo nặng nhẹ, mà luận tội, hoặc tha, hoặc không tha. Còn người mới được tiến cử, thấy binh-thế đã mạnh, quốc

sự đã thành, may mắn gặp vận muốn lập công danh, nhân nhờ người cũ, rồi không phải vì lầm lỡ, cứ cố làm nên tội, thế thì có thể uốn lại pháp luật, mà tha được không. Huống nay lệnh cấm đã rõ ràng ban bố mà còn không theo, không kính, thế là tự chuốc lấy chết, đâu có phải lỗi ở trẫm. Từ nay, các Đại thần, Tổng quản cho tới Đội trưởng, cùng các quan ở Viện, Tỉnh, Cục, phạm đã ở chức coi quân, ở chức trị dân, đều phải dùng phép cho công bình, làm việc cho cẩn mẫn. Thờ vua thì hết trung, đối dân thì rất hòa. Bỏ lối tham ô, trừ tệ luôi nhác. Trừ tính hẹp đảng riêng, răn cách cố phạm lỗi. Coi việc nước như việc mình, thấy dân lo là mình lo. Kiệt lực tận trung để giúp nhà vua. Làm cho xã tắc yên như Thái Sơn, cơ đồ vững như Bàn thạch. Cùng trẫm hưởng lộc vị ngày nay, rồi truyền thanh danh đời sau. Nghĩa cả vua tôi, trước sau toàn vẹn. Như thế chả đẹp lắm sao.

Vậy nên : Đàn gảy không điều hòa, thì phải đổi giây, đổi điệu, để tới điệu chính. Xe trước đã nghiêng đổ, thì phải đổi vết, đổi đường, để đi vào đường ngay.

Phàm các quan của ta đều là người hay, nên soi gương đó. Bỏ cáo quan liêu trong ngoài, khiến cùng được biết.



12. 一命思齊攝事詔

出通史

平 亥 四 年 詔 曰 ； 經 綸 天 下 之 道 ， 必 謀
 始 以 要 終 立 法 以 垂 後 故 父 作 子 述 而 古
 道 益 昌 ， 兄 繼 弟 承 而 國 本 益 固 。 甲 冑 智
 先 哲 霜 露 之 雪 十 有 三 年 亦 甚 繁 矣 尤 難 獨 理
 冒 霜 稍 急 春 秋 日 高 萬 行 權 祚 踰 微 以 助 且 宜 朝 事 窮 趙 制 莽 容 之 諒 宜 知
 慮 深 思 兄 定 慮 事 明 純 德 撫 軍 一 相 妄 明 之 道 知 凡 再 臣 民 諒 宜 知
 立 為 思 聞 雖 成 監 國 當 聽 朕 易 他 忠 僚 之 疑
 見 性 待 龍 孫 有 言 徒 為 文 諭 不

Phiên âm

MỆNH TƯ TỀ NHIẾP SỰ CHIẾU. (XUẤT THÔNG SỬ)

Tân hợi tứ niên, chiếu viết : Kinh luân thiên hạ chi đạo,
 tất mưu thủy dĩ yếu chung, lập pháp dĩ thủy hậu. Cổ phụ tác,

tử thuật nhi gia đạo ích xương ; huynh kế đệ thừa, nhi quốc bản ích cố. Cồ tiên triết vương chi lự sự thâm thả viễn hỷ. Trẫm cung hoàn giáp trụ, mạo sương lộ tuyết, thập hữu tam niên, diệc thậm lao hỷ. Kim trí lự sảo dãi, xuân thu nhật cao, vạn cơ thậm phiền, vu nan độc lý. Thâm tư cồ giả, dĩ kinh hành quyền, nhi hợp thánh hiền chi đạo. Lập huynh truyền đệ, nhi diên lịch tộ chi trường. Châm chúc thời nghi, lập vi định pháp. Tư Tề niên du nhược quán, tính cận thành nhân. Tuy tư lự vị tận chu mật tinh vi, nhi nhĩ mục diệc dĩ kiến văn sự thê, thả đương giám, nhiếp, dĩ trợ trẫm cung. Nguyên Long tính tuy minh mẫn, nhi niên thượng ấu sung, Thả nghi trừ dưỡng Thanh Cung, dãi thành thuần đức. Nhược Tư Tề phương lâm triều thánh chính, tặc Nguyên Long giám quốc phủ quán. Nhất tuân Triệu Tống cố sự. Hậu thế tử tôn diệc đương dĩ nghĩa tương kế, truyền chi vô cùng. Quyết hậu hoặc hữu bất thánh trẫm ngôn, vông sinh dị nghị, dẫn Triệu Phổ quái ngộ chi ngôn, biến dịch trẫm minh chiếu nhất định chi chế. Thị nãi siểm nịnh chi đồ, dĩ vi tha nhật chi tư, dục dữ Mãng, Tháo đồng sự. Phi vị quốc tận trung chi đạo dã. Pháp sở bất dung. Kim chiếu thị văn vũ thần liêu, sử tri Tự-Vương tiên định chi nghĩa, giải ngôn dụ bất nhất chi nghi. Phàm xưng thần dân, lượng nghi tri tất.

Dịch nghĩa

CHIẾU MỆNH TƯ TỀ NHIẾP CHÍNH (THEO SỬ)

Tân hợi, năm thứ tư. Chiếu rằng :

Muốn kinh luân thiên hạ, tất phải mưu thủy đề tới chung, lập pháp đề truyền đời. Cho nên : Cha làm, con theo, thì đạo nhà càng hay. Anh nói, em vâng, thì gốc nước càng vững. Bực vua tiên triết khi xưa lo việc sâu và xa.

Trẫm luôn luôn mang giáp trụ, xông pha nơi sương tuyết, kể vừa mười ba năm, cũng đã nhọc lắm. Nay trí lực có chút suy kém, tuổi tác lại cao dần. Việc cần xét kể hàng muôn, một mình khó đương nổi. Người xưa thường giữ kinh mà hành quyền, thánh hiền vẫn hợp đạo. Lập anh mà truyền em, phúc ảm được lâu dài. Châm chước thời nghi, đặt ra phép tắc.

Tư Tề tuổi đã quá nhược quán, tính, đã gần thành nhân, tuy suy xét chưa hẳn chu mật, tính vi, nhưng tai mắt đã được trông nghe sự thể. Vậy nên quyền nhiếp giúp trẫm. Nguyên Long tính tuy minh mẫn, nhưng tuổi còn thơ ấu, vậy nên chờ thời, tại Thanh Cung (cung Thái Tử) đợi đến lúc đức được thuần. Và lại khi Tư Tề lâm triều nghe chính, thì Nguyên Long giám quốc coi quân. Đều theo như truyện xưa nhà Triệu Tống Con cháu các đời sau cũng nên theo nghĩa cùng nối nghiệp để được truyền nối tới vô cùng.

Như về sau, hoặc có kẻ không nghe lời trẫm, nghị bàn theo ý khác, dẫn chứng lời Triệu Phổ cho là vua Tống nhằm, (1) mà rồi biến đổi pháp chế trẫm đã quyết định, kẻ ấy chỉ là siểm nịnh, mong muốn một ngày kia sẽ làm việc Tháo, Mãng (2). Thế không phải là đạo tận trung vì nước. Pháp luật không dung.

Chiếu này ban ra để văn vũ, quan liêu đều biết ý nghĩa định ngôi Tự Vương, để giải các mối nghi ngờ.

Khắp thần dân đều cần biết.

Chú thích: (1) Vua đầu triều Tống có hai con, đặt lệ truyền ngôi cho con lớn, con lớn khi chết truyền ngôi cho con thứ hai. Con thứ hai chết, ngôi về con người con lớn. Về sau, tướng quốc Triệu Phổ cho thế là nhằm rồi khuyên con thứ hai truyền cho con mình.

(2) Bọn gian thần, cướp ngôi vua.

13.- 平復禮班師詔

(士子五年正月，克復禮。忙禮
土酋又結哀牢國，臣柯思。巧賴齊討之。忙作亂，每尋
命司征，柯賴以其地。為復禮州。三
親停其黨，以班師。)

人屬，憑良等在，信厚恩尚，逆濟，柵兵車
密內政險害興務罕，以以忘及，軌牢相蠻乞，
·自古哀持虐嘉，吉示侈志男不哀惡處使民
征自朝乃。來刁每，異卿為與同等遣子
徂禮前彼鄙化以首朕爵懷晦謀又，每茹天
禹忙因，違歸命土，美終人，與忙盤代
夏。頃弛冠，受其庭其，逆民徒黨及牢，
而怒。廢侵光朕。來侵心，捷邊有成，哀母
命赫臣防，宣。聞肯。野挾誘繁結方其父
逆王藩邊賊，甚無不諭子營，誰實，地。民
民太我，國原尤視，撫狼作，等牢害為
苗而為網供太害一習加彼面羣衆賴哀其朕
：，，不不其被。舊益而反等聚柯占被。
曰恭國室，。柔於，義桂逃尚攻屢援
詔不我王陵民鎮懷狃義恩倍丁述臣人民赴

毒其死，頭人，賊克尚禍黎齊由潰人。十臣軻朕蘇險黨隻。
 茶舉敗，遣逆處臣尚者。徒思軍奔逆門計二逆殺。惺惺部餘
 之大賴，猶挾等亂鎮今謀司王六風其營勝月牢竟黨兵各子百
 方罕軻，江惟原，陰命國率望。首可正哀。部駐兵妻一
 一吉軻，奔等陀朕太禍之先命朕等營送不年是至子王分罕象
 忍而戰，驚桂興。年構巧乃又。桂將，誠今先師妻國將吉，
 弗一戰，藉丁嘉亂去之尚朕，後丁蒲殺俘。朕棄。諸獲口
 。伐一礪，踰長我稱，杆出。討其尚惺所子進穴間亦翟命俘餘
 于吊惺等首犯行誅尚又絕進截衆至咬妻並窠。罕惺又。萬
 赤師。惺剛蒲直敢共由，不浪以逆直變其陸罕慮吉兵，捉三
 其興師。覽惺，所實逆可蛇間。為及水吉惺降進險搜婦
 皆臣我目率等民之謀作不由北至後男桂軍抵身迎徒披行男
 濱將拒頭叶卿愚下反之萌兵由繼躡卿丁分直窺首司山盡各
 之命以罕者悔誘天之罕之領兵興師晦擒乃，賴送命入，及
 土，東吉目尚脅子紹吉亂察統嘉我尚生我日軻賴乃。處，

牛羊桂口戰器船櫃物件不可算數。乃
 建豈州縣併入版圖。今當班師凱還，
 獻傳清廟，合行告示天下臣民。凡鎮
 爲人臣者，當以耕巧爲戒，藩鎮臣
 者當以共享萬世太平之福，而永有辭
 于後世矣。



Phiên âm.

BÌNH PHỤC LỄ BAN SỰ CHIẾU.

(Nhâm tý ngũ niên, chính nguyệt, Khắc Mang Lễ. Mang Lễ thổ-tù, Điều-Cát-Hãn, dữ Phạm văn Sảo liên mưu tác loạn. Hựu kết Ai-Lao nghịch thần, Kha Lại, xâm Mang-Mỗi. Mệnh Tư Đồ Lê Sát, Quốc Vương Tư Tề thảo chi. Tầm thân chinh. Kha Lại phục tru. Điều Cát Hãn độn. Tận phù kỳ đảng. Dĩ kỳ địa vi Phục-Lễ châu. Tam nguyệt, tam nhật, ban sự).

Chiếu viết: Miêu dân nghịch mệnh nhi Hạ Vũ tồ chinh. Mật nhân bất cung nhi Thái Vương hách nộ. Mang Lễ tự cổ nội thuộc ngã quốc vi ngã phiên thần. Khoảnh nhân, tiền triều suy chính, vương thất bất cương, biên phòng phể thủ, bỉ nãi thị hiềm bằng lãng, bất cung quốc phú, xâm khẩu biên bỉ, ngược hại lương dân. Kỳ Thái Nguyên, Tuyên Quang, Quy Hóa, Gia Hưng đẳng trấn, bị hại vu thậm. Trầm thụ mệnh dĩ lai, vụ tại hoài nhu, nhất thị vô gián. Kỳ thổ tù Điều Cát Hãn, nửu ư cựu tập, bất khăng lai đình. Trầm mỗi thị dĩ tín nghĩa, ích gia phủ dụ. Ưu kỳ mỹ tước, di dĩ hậu ân. Nhi bỉ lang tử dã tâm, chung hoài dị chí. Vong ân bội nghĩa, phản diện tác thù. Hiệp nghịch nhân thượng Hối Khanh Nam, cấp thượng Đình Quế đẳng bối, cưỡng dụ biên dân, mưu vi bất quý. Bô đào tỵ chúng, Thực phiên hựu đồ. Hựu dữ Ai Lao nghịch thần thương Kha. Lại đẳng kết thành đảng dữ. Đồng ác tương tế. Công chiếm Ai Lao địa phương, cấp Mang Mỗi đẳng xứ man sách. Nhân dân lũ bị kỳ hại. Kỳ Ai Lao, Bàn Gia khiến sứ khát binh phó viện. Trầm vi dân phụ mẫu, đại thiên, tử dân ; suất thổ chi dân, giai kỳ xích tử. Phất nhần nhất phương đồ độc, mệnh tướng thần hưng sư điều phạt. Nhi Cát Hãn đại cử kỳ chúng dĩ cự ngã sư. Mang Kiệt nhất chiến, Kha Lại bại tử. Cát Hãn đầu mục Lãm Cương đẳng, lạn tịch kinh bốn. Do khiến đầu mục giả khiếu

suất Mang Bồ Từ Trưởng Đình-Quế đẳng, hiệp nghịch nhân thượng Hối Khanh đẳng, trực phạm ngã Gia Hưng, Đà Giang đẳng xứ. Hiếp dụ ngu dân, cấm hành xưng loạn.

Trẫm duy : loạn thần tặc tử, thiên hạ chi sở cộng tru. Khử niên Thái Nguyên trấn, thượng Khắc Thiệu, chi phản mưu, thực do thượng Cẩn chi cấu họa. Kim giả, thượng Cát Hãn chi tác nghịch. Hựu xuất thượng Sảo chi âm mưu. Họa loạn chi manh bất khả bất tuyệt. Trẫm nãi tiên mệnh Tư Đồ Lê Sát, lĩnh binh do Đà Lãng tiến thảo. Hựu mệnh quốc vương Tư Tề thống binh do bắc quan dĩ triệt kỳ hậu. Trẫm suất lục quân do Gia Hưng kế chí. Nghịch chúng thượng Đình Quế đẳng vọng phong bốn hội. Ngã sư nhiếp hậu. Trực chi Mang Bồ trương doanh. Kỳ nghịch nhân, thượng, Hối Khanh Nam vi Man, Xá sở sát, tổng thủ doanh môn. Sinh cầm Đình Quế, cập kỳ thê tử, phù quốc bất khả thắng kế. Ngã nãi phân quân thủy lục tịnh tiến. Kim niên, chính nguyệt, nhị thập nhật, trực đề Cát Hãn sào huyết. Tiên thị ai Ai Lao nghịch thần Kha Lại thoán thân Mang Lự Văn trẫm sư chí, cánh sát Kha Lại tổng thủ nghênh hàng. Cát Hãn diệc khí thê tử bộ đảng. Trẫm nãi mệnh Tư Đồ tiến binh Mang-Địch. Quốc Vương tru binh Mang Tô, nhập sơn phi hiểm. Hựu mệnh chư tướng phân binh các Mang hiểm xứ, tận hành sưu sức. Phù hoạch Cát Hãn thê tử bộ đảng. Cập các nam phụ, tam vạn dư khẩu, tượng nhất bách dư chích, ngư, dương sinh khẩu, chiến khí, thuyền hạm. vật kiện bất khả toán số. Nãi kiến-trí châu huyện, tịnh nhập bản đồ. Kim đương ban sư khải hoàn, hiển phù thanh miếu. Hợp hành cáo thị thiên hạ thần dân : Phạm vi nhân thần giả, đương dĩ Hãn,, Sảo vi giới. Vi phiên trấn giả, đương dĩ Cát, Hãn, Khắc Thiệu vi giới. Tắc ngã chi thần dân, khả dĩ cộng hưởng vạn thế thái bình chi phúc, nhi vĩnh hữu từ vu hậu thế dĩ.

Dịch nghĩa

CHIẾU BAN SƯ SAU KHI BÌNH XỨ PHỤC LỄ

(Nhâm tý, năm thứ năm, tháng giêng, đánh lấy xứ Mang Lễ. Nguyên Từ Trưởng Mang Lễ là Điều Cát Hãn cùng mưu với Phạm Văn Sảo làm loạn. Lại liên kết với nghịch thần nước Ai Lao là Kha Lại để xâm xứ Mang Mỗi. Vua sai Tư Đồ Lê Sát và Quốc Vương Tư Tề, đem quân dẹp. Vua thân chinh. Kha Lại bị giết, Điều Cát Hãn trốn chạy. Cả đảng bị bắt. Đắt đổi tên là Phục Lễ châu. Tháng ba, ngày mùng ba, ban sư).

Chiếu rằng : Dân Miêu trái mệnh mà vua Hạ Vũ thân chinh, Người Mạt không theo mà vua Thái Vương nổi giận. Mang Lễ từ xưa là nội thuộc nước ta, là phiên thần của ta. Nhân vì họ Hồ trước làm loạn chính, nhà vua mất kỷ cương, đất ngoài biên không coi tới, bọn đó mới cậy hiểm, thôi không nộp thuế, mà xâm phạm biên cương ngược hại nhân dân, các trấn Thái Nguyên, Tuyên Quang, Quy Hóa, Gia Hưng bị hại nhiều nhất.

Trẫm từ khi chịu mệnh trời, đối với nơi xa, một lòng ưu ái. Thế mà Thổ Tù, Điều Cát Hãn, tập quen thói cũ, không chịu tới triều đình. Trẫm vẫn đối bằng tin nghĩa, thêm lời phủ dụ, phong cho tước cao, ban cho ơn hậu. Bọn đó vẫn lòng lang, dạ sói, ngầm muốn phản loạn, quên ơn bội nghĩa, trở mặt làm thù. Hợp với lũ nghịch Hối Khanh Nam và lũ Đinh Quế. Lừa dối dân ngoài biên, mưu làm điều trái phép, tụ tập bọn vô lại, họp thành đồ đảng. Lại cùng nghịch thần nước Ai Lao là bọn Kha Lại, kết thành một đảng, lũ ác cùng giúp nhau đánh chiếm địa phương ở nước Ai Lao và các xứ Mang Mỗi, Man sách. Nhân dân luôn luôn bị tàn hại. Cho nên xứ Ai Lao xin quân tới giúp.

Trẫm là cha mẹ dân, thay trời, coi dân như con, trong ngoài coi đâu chẳng là con nhỏ, không nỡ để một phương bị đồ độc. Mới sai tướng đem quân trừng phạt. Thế mà Cát Hãn dám đem dân chúng chống lại quân ta. Một trận nơi Mang Kiệt, mà Kha Lại thua chết, bọn đầu mục Cát Hãn cùng đồ đảng tán loạn, dầy xéo lên nhau chạy trốn. Thế mà còn kêu gọi Tù Trưởng xứ Mang Bồ là Đinh Quế, hiệp với lũ nghịch Hối Khanh phạm vào đất của ta là Gia Hưng, Đà Giang, bắt hiếp dân ngu đi theo cùng nổi loạn. Trẫm nghĩ, loạn thần tặc tử, trong thiên hạ ai là không được giết. Năm ngoái, ở trấn Thái Nguyên, mưu phản của Khắc Thiệu chính do tên Cản. Đến ngày nay, Cát Hãn làm loạn, là do mưu tên Sảo, Mầm loạn không thể không trừ tuyệt. Vậy trước tiên, trẫm sai Tư Đồ Lê Sát, lĩnh binh theo đường Đà Lãng tiến đánh. Lại sai quốc vương Tư Tể thống binh do Bắc Quan triệt các nơi hiểm yếu. Trẫm đi coi lục quân do Gia Hưng tiến tới. Bọn nghịch Đinh Quế, phong thanh trốn chạy. Quân ta theo sau thẳng tới Mang Bồ đóng doanh trại. Bọn nghịch Hối Khanh Nambị dân Man giết, đưa nộp đầu tới cửa doanh. Đinh Quế bị bắt sống. Xác vợ con, đồ đảng nhiều không đếm xiết. Quân ta thủy lục cùng tiến. Năm nay, tháng giêng, ngày 20 thẳng tới sào buuyệt Cát Hãn. Trước kia nghịch thần nước Ai Lao là Kha Lại trốn chạy vào Mang Lự. Khi nghe quân trẫm tới xứ Mang Lự, giết Kha Lại đem đầu tới xin hàng. Nay Cát Hãn cũng bỏ cả vợ con đồ đảng. Trẫm mới sai Tư Đồ tiến binh tới Mang Địch. Quốc vương thì đóng quân tại Mang Tô, rồi vào núi vượt hiểm. Trẫm lại sai các tướng chia quân tới các nơi hiểm xứ Mang lòng bắt. Rồi bắt được Cát Hãn, vợ con, đồ đảng,

nam nữ tất cả hơn ba vạn, một trăm thớt voi, còn bò dê, chiến cụ, thuyền bè không kể xiết. Nay đặt thành châu huyện, cho nhập vào bản đồ nước ta, Ban sư khải hoàn lễ hiến phù nơi Thanh Miếu. Bá cáo cho thiên hạ được biết rằng : Phàm là nhân thần, nên lấy Cẩn, Sảo làm răn, phàm là phiên trấn, nên lấy Cát Hãn, Khắc Thiệu làm răn. Như thế thì thần dân ta với ta cùng hưởng phúc thái bình đến muôn đời, rồi thanh danh được truyền mãi mãi.



14.—

命次 降子 思元 齊龍 爲承 郡統 王詔

郡統勤。皇屬，又事，事情道方世際，未以淺念，盡至。之遊，
 爲以倦勞。久。大家子昔，。之有爾日在思以道哲好諫，
 齊朕期要堪情事之國父我年知民難況見冰則，其先勿怠
 思：老此克羣國家惟惟，餘周臨疑。聞淵廟親盡忽。疎
 郡統降曰，以弟，攝國。盡十不至之哉，宗族思遺財而
 命子載，懼孝監，情言不二靡以事艱業心奉睦不勿貨言
 齊龍，太六繁肝仁盟傳至無得，，不之存，和英，殖龍
 思元月皇茲至霄聞劍相之能不艱苦涉知豈難謹識，法而聽
 降子八詔于幾精素授國下不言惟疾經易道艱敬其弟民成色勿
 命次，，萬勵，可以天際之業間不未之紹宜竭兄萬之譽。
 年下命。齡，：，之戒創民靡有君，，思愛臨王通侯
 六天天大疾弱歸曰子受告，，，偽爲貴周則友，先勿淫
 ，詔承至夙雖攸子訓授故亂業難情，之未地，官亂，縱
 丑布祇下成子器太父故，喪大艱之析冲慮天孝百變言而
 癸王涼天積太神教以大深時成道民易幼思事其治勿格曰

命成安，圖後合授安，
 。難處榮以而以可以，
 懋功其尊始志可，本執，
 難謂，享慎先後忽國之允，
 天。危其必達而勿固中，
 謂亂未，。必心急以厥忘，
 。未于業功。天勿，在無時矣，
 人于邦之之細順，事。以一詳時，
 舊治保苦累其必幾國心承觀者於
 廢制思艱積於。惟監傳繼：道施。
 而思必日宗大業時余舜尚曰治德）
 進必，昔祖為先惟代堯道論明功哉
 新。敗思我必守。，，大史講平盛
 用常易則思。以心置心戲武通訓治獻
 勿靡事樂則終可人爾衆於文（典致猗



Phiên âm

MỆNH GIÁNG TƯ TỀ VI QUẬN VƯƠNG, THỨ TỬ NGUYÊN
LONG THỪA THỐNG CHIẾU.

Quý sửu, lục niên, bát nguyệt, mệnh giảng Tư Tề vi Quận Vương, bố chiếu thiên hạ. Chiếu Hoàng Thái Tử viết :

Trăm dĩ miêu lương chi thừa thiên mệnh, vu tư lục tải. Mạo kỳ, quyen cần. Thiên hạ chi đại, vạn cơ chi phiền. Dĩ thử ưu lao, tích thành túc tật. Lệ tinh tiêu cần, cụ phát khắc kham. Hoàng Thái Tử tuy tại nhược linh, tổ văn nhân hiếu. Quần tình cứu thuộc, thần khí du quy. Khả thụ quốc tỹ, giám nhiếp quốc sự. Hựu sắc Thái Tử viết :

Dĩ quốc tương truyền, quốc gia chi đại sự. Dĩ phụ huấn tử, thiên hạ chi chí tinh. Duy quốc gia đại sự, cố thụ thụ chi tế, bất năng vô ngôn. Duy phụ tử tình thâm, cố cáo giới chi ngôn bất đắc bất tạn. Ngã tích tao thời táng loạn, sáng nghiệp duy gian. Nhị thập dư niên, phương thành đại nghiệp. Dân gian tật khổ, mỹ hữu tru tri. Thế đạo gian nan, mỹ bất kinh thiệp. Dĩ chí lâm dân chi tế. Dân chi tình nguy hữu vị di tri. Sự chi nghi nan, hữu vị di thác. Vi quân chi đạo khởi bất gian tai. Huống nhĩ dĩ ấu sung chi tư, thiếu gian nan chi nghiệp. Văn kiến nhật thiên. Tư lự vị chu. Nghi kính cần tồn tâm, uyên băng tại niệm. Sự thiên địa tắc tư kiệt kỳ thành. Phụng tôn miêu tắc tư tạn kỳ hiếu. Hữu ái huynh đệ, hòa mục tộc thân, dĩ chí trị bách quan, lâm vạn dân, mạc bất tư tạn kỳ đạo. Vật biến loạn tiên vương chi thành pháp. Vật di hốt tiên triết chi cách ngôn. Vật nhĩ thanh sắc nhi thực hóa tài. Vật biểu du điền nhi túc đảm dật. Vật thịnh

sâm ngôn nhi sơ trung gián. Vật dụng tân tiến nhi phế cựu nhân. Vị thiên nan kham mệnh mỹ thường, tất tư chế trị vu vị loạn. Vị công nan thành, sự dị bại, tất tư bảo bang vu vị nguy. Kỳ xử an lạc, tắc tư tích nhật gian khổ chi nghiệp. Kỳ hưởng tôn vinh, tắc tư ngã tở tôn tích lũy chi công, tất thàn thủy dĩ đồ chung, tất vi đại ư kỳ tế, tất đạt tiên chi nhi hậu khả dĩ thủ tiên nghiệp. Tất thuận thiên tâm nhi hậu khả dĩ hợp nhân tâm. Duy thời duy cơ. Vật đãi, vật hốt. Khả thụ nhĩ tỹ, đại dư giám quốc sự, dĩ cố quốc bản, dĩ an chúng tâm.

Ô hy ! Nghiêu, Thuấn truyền tâm tại quyết trung chi doãn chấp. Văn, Vũ đại đạo thượng kế thừa dĩ vô vong.

(Thông sử luận viết: Quan nhất thời chiếu sắc sở dĩ phu cầu điển huấn, giảng minh trị đạo giả tường hỹ. Quang phục thồ vũ tự chi trị bình công đức thi ư thời. Cơ tự thù ư hậu. Y dư thịnh tại).

Dịch nghĩa

CHIẾU GIẢNG TƯ TỀ LÀM QUẬN VƯƠNG

MỆNH THƯ TỬ NGUYỄN LONG KẾ VỊ

Quý sửu, năm thứ sáu, tháng tám. Mệnh giảng Tư Tề làm Quận Vương. Bức cáo thiên hạ. Chiếu cho Hoàng Tử rằng :

Trẫm từ nơi hoang dã kính vâng mệnh trời tới nay là sáu năm. Tuổi cao mỗi một. Nước lớn việc nhiều. Vì thế lo mệt, rồi sinh bệnh tật. Cứ cố gắng mãi, e ngại không nổi. Hoàng Thái Tử tuy còn ít tuổi, nhưng tính nết nhân hiếu, tình ý đã thuộc ngôi báu đã quen. Có thể trao kiểm ấn, coi xét việc nước. Vậy, sắc cho Thái Tử rằng :

Đem nước truyền lại là việc lớn quốc gia. Cha dạy con là tình lớn thiên hạ. Xét việc lớn quốc gia vậy khi trao, nhận, không thể không có lời. Xét tình thâm cha con, vậy khi răn bảo, không thể không hết ý. Ta xưa gặp thời táng loạn, sáng nghiệp gian nan, hơn hai mươi năm mới thành nghiệp lớn. Dân gian khổ sở không việc gì không rõ. Thế đạo gian nan, không việc gì không trải. Đến khi trị dân, tình dân thực, giả, có khi không dễ biết. Việc dân nghi ngờ, có khi không dễ xét. Đạo làm vua thật là khó. Huống lại còn ít tuổi, mà nhận lấy chức vụ gian nan, trông nghe mới được ít ngày, tư lự chưa được đầy đủ. Vậy nên : Kính cần, vững lòng, nhớ chữ uyên băng. Thờ trời đất thì hết lòng thành. Thờ tôn miếu thì hết đạo hiếu. Thân ái với anh em, Hòa mục với họ hàng. Tự đó tới bách quan. Tự đó tới muôn dân. Điều phải cư xử cho hết lẽ. Chớ đòi phép sẵn của tiên vương. Chớ quên cách ngôn của tiên triết. Chớ gần thanh sắc mà sinh ra xa phí. Chớ thích sẵn bản mà thành ra dâm dật. Chớ ưa lời gièm nịnh mà xa lời can ngăn. Chớ gần người mới mà xa người cũ. Khi thấy thấy đạo khó theo, mệnh không thường, thì cần nghĩ chế ngự trước khi có loạn. Khi thấy công khó thành, việc dễ hỏng, thì cần nghĩ giữ nước trước khi có nguy. Khi ở cảnh yên vui, thì cần nhớ lúc đầu, cơ nghiệp gian nan. Khi hưởng cảnh tôn vinh, thì cần nhớ công lao tổ tôn tích lũy. Thế là phải cần thủy đề tới chung phải đến việc to từ nơi nhỏ, phải gắng làm tiên chí mới mong giữ tròn tiên nghiệp, phải thuận lòng trời mới mong hợp lòng người. Tùy thời, tùy cơ, chớ lười, chớ vội. Ta trao cho ngọc tỷ, mà thay ta coi việc nước, để vững quốc bản để yên dân tâm.

Cho hay : Có tâm Nghiêu Thuấn, vì đã thành thực chăm lo,

Theo đạo Văn, Vũ vì đã nối nghiệp không quên.

(Sở bàn : Cõi đạo chiếu sắc thì thấy huấn điển về đạo trị nước được giảng rõ ràng. Dựng nước yên dân, công đức ban bố ra đương thời, nền tảng chắc chắn tới đời sau. Kính thay. Thịnh thay).

15.—歲貢表

癸丑遣陪臣陳舜俞，阮可云裝擒虎，如明歲貢，御前三分太子太后各一分）。

，郊，功海。雲，祝，外
言南毫而四澤紅三本，
上，分帝家聖采勝具奏
謹命疊五而需一昌另陳
某之報德民預，壽貢捧
黎天，庶，華聖進賁
臣九誠。明子方中年物虎
，受之惟並，遠慕萬方擒。
事新里恭月服使仰，有韓聞
國恩萬日不致，遠所俞以
署疏馳，思，微之等奔進
權闕遠體大無仁吏宵臣程上
國北，骨同，同居九，臣表
南以貢深坤王視僻隔楚陪來
安伏修感乾三一臣雖之差謹



Phiên âm

TUẾ CỐNG BIỂU.

(Quý sửu, khiển bồi thần, Trần Thuấn Du, Nguyễn Khả Vân, Bùi Cầm Hổ, như Minh tuế cống. Ngự tiền tam phần, Thái Tử, Thái Hậu, các nhất phần).

An Nam quốc, quyền thụ quốc sự, thần, Lê Mỗ, cần thượng ngôn : Phục dĩ, bắc khuyết sở ân tân thụ cửu thiên chi mệnh, Nam Giao tu cống, dao trì vạn lý chi thành, báo điệp phân hào, cảm thâm cốt tủy. Cung duy :

Cần khôn đồng đại. Nhật nguyệt tịnh minh. Đức ngũ Đế, nhi công Tam Vương, vô tư bất ~~bộ~~. Tử thứ dân, nhị gia tứ hải, nhất thị đồng nhân. Chí sử viễn phương, dự chiêm thánh trạch. Thần tịch cư viêm kiều, ngưỡng mộ Trung Hoa. Nhất đoá hồng vân, tuy cách cửu tiêu chi viễn. Vạn niên thánh thọ, xương thẳng tam chúc chi ly. Thần sở hữu phương vật hiển cống, lãnh cụ bản. Sai bồi thần Trần Thuấn Du, Hàn Cầm Hồ (ở trên, viết là Bùi) lại phụng trần tấu. Ngoại cần phụng biểu thượng tiến dĩ văn.

Dịch nghĩa

BIỂU CỐNG TIẾN

(Năm quý sửu, sai bồi thần là Trần Thuấn Du, Nguyễn Khả Vân, Bùi Cầm Hổ, sang cống nhà Minh. Vua ba phần. Thái Tử, Thái Hậu, mỗi vị một phần).

Nước An Nam, quyền coi việc nước, thần, Lê Mỗ, kính tâu :

Ngũs trông, Ôn trên theo mệnh Thiên Tử từ bắc khuyết ban tới. Nam Giao sửa soạn cống tiến, muôn dặm xa xôi. Gọi là thành thực một ly báo đáp hậu ân, cảm tới cốt tủy.

Kính tâu : Đất trời cùng lớn. Nhật nguyệt cùng soi. Đức ngũ đế, mà công tam vương, không đâu không phục. Coi thứ dân là con mà bốn bề là nhà, đều lấy nhân đối đãi. Khiến cho phương xa nhuần thấm mưa móc. Thần ở cõi xa, ngoài biên giới cõi nam, ngưỡng mộ Trung Hoa. Một đám mây hồng, tuy cách tới chín tầng cao thẳm. Muôn năm thánh thọ, hơn hết cả ba lần chúc tụng.

Thần có phương vật tiến cống, kể riêng một bản, sai bởi thần Trình Thuấn Du, Bùi Cầm Hổ, kính dâng lên cùng với biểu.



17. — 上皇太子表

安南國權署國事臣黎某謹上言。伏
以清官毓德，位允正於元良。史微
承恩，職修於常貢。俯伸下悃，
仰達前星。恭惟。

殿下，賦性溫良，因心孝友，重華
叶帝。萬方仰瞻，照之明。申命自天。
四海屬君，宜之望。本根益鶻，國家以
寧。臣迹阻殊，心馳之。日升月恆，
海潤，願膺四頌。臣所有進貢方物。
敢祝千秋之算。臣所呈啟。外謹奉
另具本，差陪。上達以聞。

Phiên âm

THƯỢNG HOÀNG THÁI TỬ BIỂU.

An Nam quốc, quyền thụ quốc sự, thần Lê Mỗ, cần thương
ngôn : Phục dĩ, Thanh Cung dục đức, vị doãn chính ư nguyên
lương. Viêm kiếu thừa ân, chức kháp tu ư thường công.
Phủ thân hạ khốn, ngưỡng đạt tiền tính. Cung duy :

Điện Hạ phủ tính ôn lương, nhân tâm hiếu hữu. Trùng
hoa hiệp đế, vạn phương ngưỡng ly chiếu chi minh. Thân
mệnh tự thiên, tứ hải thuộc nghi quân chi vọng. Bản căn ích
cổ, gia quốc di ninh.

Thần tích trở Châu Nhai, tám tri Hạc Cấm. Tinh huy hải nhuận, nguyên canh tứ tụng chi ca. Nhật thăng nguyệt hăng, cảm chúc thiên thu chi toán.

Thần sở hữu tiến cống phương vật, lánh cụ bản, sai bồi thần lại phụng trình khai. Ngoại cần phụng tiên, thượng tiến dĩ văn,

Dịch nghĩa

BIỂU DÂNG HOÀNG THÁI TỬ.

Nước An Nam, quyền coi việc nước, thần, Lê Mỗ, kính tâu :

Ngũ tra trông: Chốn Thanh Cung dễ nuôi đức, ngôi chính vị trên nguyên lương. Cối viên Nam thừa ân, theo chức, sửa soạn vật thường cống. Trên cúi nhìn nghĩ tới, ngừng lên soi trước mặt.

Kính nghĩ : Điện Hạ, tinh vốn ôn lương, tâm thường hiếu hữu. Thuần giúp Nghiêu, muôn phương ngũ tra trông ánh sáng. Mệnh tự trời, bốn bề mong về chính vị. Cối rễ đã vững, nước nhà tất yên. Thần xa tận châu Nhai, tâm nơi Hạc Cấm (cung Thái Tử). Ánh sao sáng tỏ, nước bề thấm nhuận, tiếp ca tứ tụng. Mặt trời mọc lên, mặt trăng đầy đủ, dám chúc nghìn thu.

Nay có phương vật tiến cống, kể riêng một bản, sai bồi thần tiến trình, cùng kính dâng thư,



17.— 國 人 謝 冊 封 表

宣 抹 署，伏 詔 知，
 ： 賡 權 人，， 嘉
 言 使 某 之 者 人 昆
 上 天 黎 國 謝 遠，
 謹 親 臣 一 稱 懷 澤
 ， 伏 命 等 表 以 聖 惟
 等，， 臣 俸 德 宜 恭
 四 日 奏，， 謹 文 而
 黎 一 所 人，， 數 心，
 臣 十 等 國 躍，天 光
 目 月 臣 撫 踴 大 順 生
 頭 十 允 以 欣 天，木
 大 年，， 歡 仁 溫 草
 南 五 書 事 不 皇 春，
 安 德 詔 國 莫 以 語 德
 聖 心 所 錫 恤 一 凡 天 於 望 等
 敬 天 不 民，方 蒙，君 紫 謹
 地 治 念 察 之 覆 遠 恩 宸 奉
 以，， 臣 命 情 瞻，而 表
 為 弘 臣 東 脉，舜 鑒 三 稱
 聽 心 聖 小 庶 以 莫 日 井 祝 謝
 明，仁 邦 哀 蘇 不，耕，以
 時 四 而 彤 籙，尊 扶 田 祈 聞
 憲 海 柔 瘳 之 萬 親 杖，聖
 萬 家，餘，之 臣 詔 均 於
 為 遠 之 切 世，聽 喜 曆
 物，， 欽，曲 規 等，蒙 萬
 並 治 五 俯 賜 模 忻 深 於 年
 育 夷 福 垂 允 益 載 感 帝，
 ， 狄 以 矜 俞，遠，克 荷 德，臣

Phiên âm

QUỐC NHÂN TẠ SÁCH PHONG BIỂU.

An Nam, đại đầu mục, thần, Lê tứ đẳng, cần thượng ngôn. Tuyên Đức, ngũ niên, thập nguyệt, thập nhất nhật. Phục đồ thiên sử lại phùng chiếu thư, đoãn thần đẳng sở tấu. Mệnh thần Lê Mỗ quyền thự quốc sự, dĩ phủ quốc nhân. Thần đẳng nhất quốc chi nhân, mạc bất hoan hân đặng đượ. Cần phụng biểu xưng tạ giả. Phục dĩ : hoàng nhân, thiên đại, Phu văn đức dĩ hoài viễn nhân, chiếu ngũ xuân ôn, thuận thiên tâm nhi tuyên thánh trạch. Côn trùng tri đức, thảo mộc sinh quang. Cung duy :

Thánh kính nhất tể, thông minh thời hiển. Vạn vật tịnh dục tâm thiên địa dĩ vi tâm. Tử hải vi gia, trị di địch sở bất trị. Hoảng thánh nhân nhi nhu viễn, liêm ngũ phúc dĩ tích dân. Niệm thần, tiểu bang, điều sai chi dư, phủ thù căng tuất. Sát thần chúng thứ ai dụ chi thiết, khúc tứ đoãn du. Nhất phương chi mệnh mạch dĩ tở. Vạn thể chi quy mô ích viễn. Phàm mông phú đảo. Mạc bất tôn thân. Thần đẳng hân ái Nghiêu thiên. Dao chiêm Thuấn nhật. Phù trượng thánh chiếu, thâm cảm hà ư quân ân. Tạc tỉnh canh điền, hỷ quân mông ư đế đức. Vọng tử thần nhi tam chúc. Kỳ thánh lịch ư vạn niên. Thần đẳng cần phụng biểu xưng tạ dĩ văn.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ CỦA NGƯỜI TRONG NƯỚC VỀ VIỆC SÁCH PHONG.

Thần, các hạng đại đầu mục nước An Nam, kính dâng biểu : Niên hiệu Tuyên Đức năm thứ 5, tháng 10, ngày 11,

ngựa thấy sứ trời phụng chiếu tới, thề theo lời tâu của thần đẳng, mệnh cho thần Lê Mỗ, quyền coi việc nước để chăm lo dân. Toàn dân trong nước, ai chẳng vui sướng hoan hỷ, cần phụng biểu tạ ơn.

Ngựa trông : Vua nhân như trời lớn, đem văn đức thi hành phương xa, lời chiếu như nắng xuân, thuận lòng trời tuyên ban thánh trạch. Còn trùng mến đức, cây cỏ thêm tươi. Kính tâu :

Thánh đức càng dày, thông minh càng suốt, muôn vật đều hay, lấy tâm trời đất làm tâm. Bốn bề làm nhà, di địch nào khó trị được thì trị. Đức nhân của thánh lan rộng ra ngoài cõi. Ngũ phúc của trời ban bố cho muôn dân. Nghĩ tới thần, nước nhỏ mới thoát điều tàn, sinh lòng trắc ẩn. Xét tới thần, thấy tiếng kêu thống thiết, sinh thương xót lo âu. Dân một phương được sống lại. Phép muôn đời được thêm lâu, Phàm được đủ thương, ai không mến kính.

Thần đẳng mừng đội trời Nghiêu, xa trông ngày Thuấn. Già còn chống gậy nghe chiếu, vì cảm thánh ân. Dân được đào ao cày ruộng, là nhờ đế đức. Ngóng sao đầu để chúc tam hô. Nhìn lịch thánh đều mong vạn tuế.

Thần đẳng cần phụng tạ biểu dâng lên.



18.—

十月姓也。統曰產邦方繼氏日樂一義閏日父，彊，設以
 二十帝人翔，而建一以阮次休同其，伯祖命堅憤，兵皆，
 記月年。府，狀年，為，妣，休視服道，受之益其書義，東
 碑八本陵化飛之三盛世家祖從，而婦子伯父且由之起戰敵
 道閏，永清厘會。日此其皇曰祥民，於三。祖志，累戌餘寡
 神，天之，鳥聚焉隸自承。長慈之恩勤生也受而業韜戊十以
 陵丑上山梅東人居奴，克人，梯境其，帝帝，為於，二，
 永癸帝藍諱見東家，焉，餘子愷鄰威蒼昌則，亂，稔心客凡敵
 山次皇于祖，若徒繁此汀千二，不諱益季命大耕專賓復乘
 藍歲高莖曹山，因日於諱至生也客其氏日，短遭以尤待前銳
 年祖，藍下，孫基祖東，考賓人鄭家除幸時，厚，選
 六太日利遊之也子實皇有行皇養以妣，日不雖山店，上。
 天，三諱日山處。，，賢之好是皇睦仲，藍凌資水奇
 順日十，一藍佳成土長志有帝，，和，傳謹迹之家落出
 雖二工黎嘗於此業故君先最曠善家也門學之惟晦賊竭也伏

遂領領柳黃餘，勝等，珥降，餘餘士北城六夫撰，
 ，昇晟，擒萬軍可通于出萬百軍南占凡大勅
 捷柳沐戰生三南不王盟門十五載，，祿奉。
 大侯公一。士雲擒侯請開該船戒好圖食。榮薦書
 ，遠國襲級軍遂生山是俱，號，通版肝崩，阮教
 洞安齡支餘，符誠成至，卒送力是入衣是日臣奉
 寧援。萬人兵斬，，池降路脚自盡宵至吉。斐
 于賊進進數餘命通城定城城水糧，牢帝。月事文
 戰未西南東百勅宵間未守各，口犯哀。治十館裝
 午丁廣雲賊三昇東東和鎮及還付所，貢大丑三臣
 丙。由由新等柳舉兵謀各人放應無禮修中癸知制
 ，都，，聚獲之鎮軍，賊皆路一忙海國年總侍
 疆東萬萬首崔所見時我上獲一陸毫，航而六行院
 制圓十五授，，晟。與之所，，秋事忙，天內林
 弱進兵兵昇福口沐紀先水凡口糧，無間載順入輪



Phiên âm

LAM SƠN VĨNH LĂNG, THẦN ĐẠO, BI KÝ.

Duy, Thuận Thiên, lục niên, tuế thứ quý sửu, nhuận bát nguyệt, nhị thập nhị nhật. Thái Tổ Cao Hoàng Đế, thượng thiên. Bản niên, thập nguyệt, nhị thập tam nhật, táng vu Lam Sơn chi Vĩnh Lăng. Đế tính Lê, húy Lợi, Tằng tổ húy Hối, Thanh Hóa phủ nhân dã. Thường nhất nhật du Lam Sơn, kiến chúng điều quần phi, tường nhiều ư Lam Sơn chi hạ, nhược chúng nhân tụ hội chi trạng. Viết : Thử giai xứ dã. Nhân tỷ gia, cư yên Tam niên nhi sản nghiệp thành. Tử tôn nhật phồn. Nô lệ nhật thịnh. Kiến bang, khái thổ, thực cơ ư thử yên. Tự thử, thế vi nhất phương quân trưởng. Hoàng tổ húy Đinh, khắc thừa kỳ gia, dĩ kế tiên chí. Hữu chúng chí thiên dư nhân. Hoàng tổ tỷ Nguyễn thị, tối hữu hiền hạnh. Sinh nhị tử. Trưởng viết Tông, thứ viết Khoáng, đế chi hoàng khảo dã. Khái dĩ từ tường, hưu hưu lạc thiện. Hiếu dưỡng tân khách. Lân cảnh chi dân, thị đồng nhất gia. Thị dĩ, nhân mạc bất cảm kỳ ân, nhi phục kỳ nghĩa dã. Hoàng tỷ, Trịnh thị, húy Thương, cần ư phụ đạo. Khuê môn hòa mục, gia nhật ích xương. Sinh tam tử, bá viết Học, trong viết Trừ, quý tắc đế dã. Bá thụ tổ phụ chi truyền, bất hạnh đoản mệnh. Đế thụ tổ phụ chi mệnh. Duy cần. Tuy thời tao đại loạn, nhi chí thả ích kiên. Hối tích Lam Sơn, dĩ canh giá vi nghiệp. Do kỳ phần cường tặc chi lăng ngược, vu chuyên tâm ư thao lược chi thư. Khánh kiệt gia tư, hậu đãi tân khách. Mậu tuất khởi nghĩa binh, đồn Lạc Thủy thượng. Tiền hậu phạm nhị thập dư chiến, giai thiết phục xuất kỳ, tị nhuệ thừa tộ, dĩ quả địch chúng, dĩ nhược chế cường. Bình ngo, chiến vu Ninh Động, đại tiếp. Tuy tiến vi Đông Đô, Đinh mùi, tặc viện, An Viễn Hầu, Liễu Thăng, lĩnh

binh thập vạn do Quảng Tây tiến. Kiểm Quốc Công Mộc Thạnh, lĩnh binh ngũ vạn, do Vân Nam tiến. Chi Lăng nhất chiến, Liễu Thăng thụ thủ. Trảm tặc chúng sở vạn dư cấp. Sinh cầm Hoàng Phúc, Thôi Tự đẳng, tam bách dư nhân, quân sĩ tam vạn dư khẩu. Sở hoạch Liễu Thăng sắc mệnh, binh phù, tống Vân Nam quân. Mộc Thạnh kiến chi, cử chúng tiêu đồn. Trảm quốc, sinh cầm bất khả thắng kỷ. Thời Trấn binh Đông Quan thành, Thành Sơn Hầu, Vương Thông đẳng, tiên dữ ngã quân giảng hòa vị định. Chi thị thỉnh minh vu Nhị Thủy chi thượng. Các Trấn Thủ thành trì câu khai môn xuất hàng. Phàm sở hoạch tặc nhân, cấp các thành hàng tốt, cai thập vạn dư khẩu, nhất giai phóng hoàn. Thủy lộ tống hiệu thuyền ngũ bách dư sru. Lục lộ ứng phó khẩu lương, cước lực, Giới tập quân sĩ thu hào nhất vô sở phạm. Tự thị thông hiếu. Nam bắc vô sự. Mang Lễ, Ai Lao tận nhập bản đồ. Chiêm Thành, Đồ Bàn, hàng hải tu cống. Đế tiêu y, cán thực, phàm lục tải, nhi quốc trung đại trị. Chi thị bằng.

Thuận Thiên lục niên, quý sửu, thập nguyệt cát nhật. Vinh Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, tri Tam Quán sự, thần, Nguyễn Trãi, phụng sắc soạn. Hàn Lâm viện, Thị Chế, thần. Bùi văn Phỉ, phụng sắc thư.

Dịch nghĩa

BÀI BIA LĂNG VĨNH LĂNG TẠI LAM SƠN.

Niên hiệu Thuận Thiên, năm thứ 6, tuế thứ quý sửu, tháng 8 nhuận, ngày 22, Thái Tò Cao Hoàng Đế về trời. Năm đó, tháng 10, ngày 23, lễ táng tại Lam Sơn, lăng Vĩnh Lăng.

Đế họ Lê, húy Lợi. Cụ tên là Hối, Người phủ Thanh Hóa. Một ngày, đi chơi qua đất Lam Sơn thấy chim bay từng đoàn, y như bọn người đang

tu hợp. Ngài nói nơi đất này tốt. Thế là dời nhà tới. Ở được ba năm thì lập thành sản nghiệp. Con cháu nhiều, tới tót đông. Lập nghiệp, dựng nước vốn gốc từ đó. Dần dần thành quân trưởng một phương. Ông húy là Đình, nổi nghiệp, nổi cả chí. Gia nhân đông đến hơn nghìn. Bà là họ Nguyễn, rất hiền lành, sinh hai con, lớn tên Tông, thứ tên Khoáng, sinh ra Đế. Ông Khoáng hay làm việc thiện, hiền hậu thương người đón mời tân khách, dân ở chung quanh đều tự coi như ở cùng ấp. Cho nên ai cũng cảm ân, phục nghĩa. Bà Khoáng họ Trịnh, húy là Thương lễ nghi hòa mục, gia đạo càng hay. Sinh ra ba con, lớn là Học, thứ là Trứ, rồi đến Đế. Ông Học nổi nghiệp theo lệnh cha, không may mất sớm. Theo ý cha Đế nối thay, Đế rất chuyên cần. Nước càng loạn, chí càng vững. Dấu tiếng ở Lam Sơn, lấy cây cấy làm nghiệp. Uất hận giặc tàn ngược, Đế chuyên tâm luyện thao lược. Dùng hết sản nghiệp nuôi đãi tân khách. Năm Mậu Tuất, đem nghĩa binh đóng trên Lạc Thủy. Sau trước trải hơn hai mươi trận. Đều dùng mai phục, đặt kỳ mưu. Đều tránh giặc mạnh, lợi dụng giặc yếu. Lấy ít thắng nhiều, lấy yếu chống mạnh. Năm Bính Ngọ, chiến tại Ninh Động, đại thắng, rồi tiến binh vây thành Đông Đô, Năm Đinh Mùi, quân cứu viện của giặc là An Viễn Hầu Liễu Thăng, lĩnh 10 vạn quân do đường Quảng Tây tiến vào nước, Kiêm Quốc Công là Mộc Thạnh, lĩnh 5 vạn quân do đường Vân Nam đi tới. Trong một trận Chi Lăng Liễu Thăng nộp đầu cùng với vài vạn quân. Bắt sống các tướng Hoàng Phúc, Thôi Tự, hơn 300 viên quân sĩ thì hơn ba vạn. Các ấn tín, chiếu sắc lấy ở Liễu Thăng đều được gọi tới cánh quân Vân Nam. Mộc Thạnh trông thấy kinh hoảng cùng quân đội, nhân đêm bỏ chạy. Phần bị chết, phần bị bắt, kẻ không xiết. Khi đó viên tướng giặc, Trấn binh thành Đông Quan, là Thành Sơn Hầu,

Vương Thông, khi trước đã có cùng ta giảng hòa nhưng việc chưa thành, ngày nay ra xin thả ở trên sông Nhị. Các Trấn thủ các thành trì khác, đều mở cửa thành ra hàng. Phàm các sĩ tốt giặc hoặc bị bắt, hoặc xin hàng tới 10 vạn tên, đều được tha cho về nước. Đường thủy thì cấp 500 chiếc thuyền to, đường bộ thì cho đủ ngựa đi, đủ lương ăn, cấm các quân sĩ ta không tơ hào một mảy may. Từ đó bắc nam hòa hảo, không có việc. Mang Lễ, đất Ai Lao, nhập vào bản đồ nước ta. Chiêm Thành, Đất Đồ Bàn, tiến cống theo đường bể. Để ngày ngày mũ áo sớm, ăn uống chậm, luôn trong 6 năm. Nước thành thịnh trị. Nay bằng.

Niên hiệu Thuận Thiên thứ sáu, tuế thứ quý sửu, tháng mười, ngày tốt. Vinh Lộc Đại Phu, nhập Nội Hành Khiển, Tri Tam Quán sự, thần Nguyễn Trãi phụng sắc soạn. Hàn Lâm viện, Thị Chế thần, Bùi văn Phỉ, phụng chiếu viết.



19. — 謝 吊 祭 表 . 甲 寅 紹 平 , 元 年 (1434)

安南國故權署國事黎某嫡男臣，黎
 鱗謹上言：宣德九年十一月初一日，
 伏覲欽差行人郭濟，朱弼賚勅諭
 祭文。并賜祭物，臣已祇受國賜外
 謹奉表稱謝者，伏以皇仁天大，降
 恤典於九重，聖諭春溫，慰羣心於
 下國，恩均存沒，禮盡榮哀。恭惟：
 憲天聰明，作民父母。君臨四海，
 孝治始於家邦。子惠萬方，仁政先
 孤獨，致令冲幼。亦荷撫存。臣苦
 塊啣哀。雲霄在望。曰生曰養，思
 欲報君父之恩。惟孝惟忠，誓益堅
 臣子之節。

Phiên âm

TẠ ĐIỀU TẾ BIỂU. GIÁP GIẦN, THIỆU BÌNH NGUYÊN NIÊN

An Nam quốc, cố Quyền Thự quốc sự Lê mỗ đích nam,
 thần, Lê Lân, cần thượng ngôn : Tuyên Đức cửu niên, thập
 nhất nguyệt, sở nhất nhật, phục đồ Khâm Sai, Hành nhân,
 Quách Tế, Chu Bật, lại kính sắc dụ tế văn, tịnh tứ tế vật. Thần
 dĩ chi thụ quốc tử. Ngoại cần phụng biểu xưng tạ giả. Phục dĩ,
 hoàng nhân, thiên đại, giáng tuất điển ư cửu trùng. Thánh dụ
 xuân ôn, ủy quần tâm ư hạ quốc. Ân quán tồn một. Lễ tận
 vinh ai. Cung duy :

Hiển thiên thông minh, tác dân phụ mẫu. Quân lâm tứ hải, hiếu trị thủy vu gia bang. Tử huệ vạn phương, nhân chính tiên ư cô độc. Chí linh sung ấu, diệc hà phủ tồn. Thần chiếm khối, hàm ai, vân tiêu tại vọng. Viết sinh, viết dưỡng, tư dục báo quân phụ chi ân. Duy hiếu, duy trung, thế ích kiên thần tử chi tiết.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ ƠN PHÚNG TẾ. - GIÁP DẦN, NIÊN HIỆU THIỆU BÌNH, NĂM ĐẦU.

Thần, Lê Lân, con đích Lê Mỗ, cố quyền thụ quốc sự nước An Nam, kính tâu : Năm thứ 9, niên hiệu Tuyên Đức, tháng 11, ngày mùng 1, được thấy Khâm Sai, Hành nhân là Quách Tế, Chu Bất, tới nơi, mang sắc dụ tế văn, cùng ban đồ tế. Thần đã kính nhận vua ban. Nay xin phụng biểu tạ. Kính nghĩ :

Hoàng nhân như trời cao, pháp lệnh nơi cử trù. Thánh dụ như xuân ấm, phủ dụ tới hạ quốc. Ơn đều cả cho người sống, người còn, lễ đủ cả cho việc mừng việc thương. Ngửa trông :

Đức trời thông minh, làm cha mẹ dân. Ơn vua bốn bề, bắt đầu lấy hiếu trị trong việc bang gia. Thương nuôi muôn dân, bắt đầu lấy nhân chính tới hàng cô độc. Nghĩ tới ấu sung, vỗ về khuyên nhủ. Thần : gởi đất, năm rơm, trong thời tang tóc. Công sinh dưỡng, những muốn đền ơn quân phụ. Lòng hiếu trung, nguyện xin giữ phận thần tử.

20.— 求 集 封 表

(甲寅紹平元年，命宣撫使人阮
宗胃，等齎奉本) 宗良鵬作奏本)
阮最阮

麟，以，月堯舜，蒙。宸陪。
黎海命日帝大屈屢恩紫委聞。
，四請，，弗，之仰謹以
臣視而惟哲寬而方外。臣進
男，天恭則以遠遐罔澤。奏
嫡遠九。人東無處雪之年表
某柔籲音知御德鮮均新萬奉
黎仁，俞，，臣，雖於等
事皇封聽載風致，育布壽躬
國以祈佇覆之之從泰願聖良
署伏國。坤變王即涵。新戴
權。下志乾於來而海行，胃
故言。係，邦夷欲，雲祝宗
南上家傾臨萬四有化施三阮
安謹為共照致有民聖雨而臣

Phiên âm

CẦU TẬP PHONG BIỂU

(Giáp dần, Thiệu Bình nguyên niên, 1934, Mệnh Tuyên Phủ
Sứ, Nguyễn Tôn Trụ, Thị Lang, Thái Quân Thục, Kỳ nhân,
Đái Lương Bật đẳng, lại biểu văn cầu phong. Hành Khiển
Nguyễn Trãi tác tấu bản).

An Nam cố Quyền Thự quốc sự, Lê Mỗ đích nam, thần Lê Lân, cần thương ngôn : Phục dĩ, hoàng nhân nhu viễn, thị tứ hải dĩ vi gia. Hạ quốc kỳ phong, dụ cửu thiên nhi thỉnh mệnh. Cộng khuynh hể chí, trữ thỉnh du âm. Cung duy :

Nhật nguyệt chiếu lâm. Càn khôn phú tái. Tri nhân tắc triết, để Nghiêu chí vạn bang ư biển chí phong. Ngự chúng dĩ khoan, đại Thuấn hữu tứ di lai vương chi hiệu. Đức vô viễn nhi phát giới. Dân hữu dục nhi tức tòng. Thần tị xử hà phương, lữ mông thánh hóa, Hải hàm xuân dục, quân triêm vông ngoại chi ân. Vũ thi văn hành, nguyên bố duy tân chi trạch. Ngưỡng tử thần nhi tam chúc. Kỳ thánh thọ ư vạn niên. Thần cần ủy bởi thần Nguyễn Tôn Tru, Đái Lương Bất đẳng, phụng biểu tấu tiến dĩ văn.

Dịch nghĩa

BIỂU XIN TẬP PHONG

(Năm giáp dần, Niên hiệu Thiệu Bình năm đầu. Vua sai Tuyên Phủ Sứ, Nguyễn Tôn Tru, Thị Lang Thái Quân Thự, Kỳ lão Đái Lương Bất mang biểu cầu phong. Hành Khiển Nguyễn Trãi làm tấu văn).

Thần Lê Lân, con đích của Lê Mỗ, cố quyền thự quốc sự nước An Nam kính tâu : Ngửa trông, Đức nhân lan khắp, coi bốn bề là nhà. Nước nhỏ cầu phong, kêu chín tầng thỉnh mệnh Chi nhỏ trông mong, được nghe mệnh tới.

Kính nghĩ : Nhật nguyệt sáng soi, đất trời che chở. Biết người là triết ; thời vua Nghiêu, muôn nước theo về. Trị dân

lấy khoan : thời vua Thuấn, bốn rợ thần phục. Đức đi xa không hạn cõi, dân đã thuận là theo ngay. Thần ở phương xa, được ơn thánh hóa. Công sinh dưỡng thấm nhuần, trong ngoài không riêng. Ôn mưa móc ban bố mọi nơi, đều khắp. Ngưng tinh đầu chúc tam hô. Nghĩ thánh thọ cầu vạn tuế.

Thần ủy cho bồi thần là Nguyên Tôn Trụ, Đái Lương Bật, biểu tâu trình. Lượng trên soi xét.



21.— 謝 襲 封 表.

安南國權署國事臣，黎麟謹上言：天諭奉同重惟，必臣
宣德右臣稱視命勇己孤荷盤竭侯表稱謝以聞。
使右臣稱視命勇己孤荷盤竭侯表稱謝以聞。
命右臣稱視命勇己孤荷盤竭侯表稱謝以聞。
表右臣稱視命勇己孤荷盤竭侯表稱謝以聞。
一右臣稱視命勇己孤荷盤竭侯表稱謝以聞。
之右臣稱視命勇己孤荷盤竭侯表稱謝以聞。
智右臣稱視命勇己孤荷盤竭侯表稱謝以聞。
拱右臣稱視命勇己孤荷盤竭侯表稱謝以聞。
先右臣稱視命勇己孤荷盤竭侯表稱謝以聞。
仰右臣稱視命勇己孤荷盤竭侯表稱謝以聞。
惟右臣稱視命勇己孤荷盤竭侯表稱謝以聞。
於右臣稱視命勇己孤荷盤竭侯表稱謝以聞。
奉右臣稱視命勇己孤荷盤竭侯表稱謝以聞。

Phiên âm

TẠ TẬP PHONG BIỂU.

An Nam quốc, Quyền Thự quốc sự, thần, Lê Lân, cần
thượng ngôn : Tuyên Đức thập niên, nhị nguyệt, sơ nhị nhật,
phục đồ Khâm Sai, thiên sử, Hữu Thị Lang, Chương Sưởng,
Hành nhân, Hầu Tấn, lại đạo sắc dụ, mệnh thần, quyền thự
quốc sự. Thân dĩ chi thụ báicật. Cần phụng biểu xưng tạ giả.
Phục dĩ : Thánh triều nhu viễn, Hoa Di đồng nhất thị chi
nhân. Phiên quốc tập phong, chỉ xích báicử trùng chi mệnh.
Hoan đẳng hải kiệu, khánh hiệp thần dân.

Cung duy : Trí dũng chính bang, thông minh tác hậu. Đản phu văn đức, cũng kỹ nhi thủy y thương. Hoài bảo tiểu dân, phát chính tất tiến cô độc. Duy hoàng kiến cực, kỳ nhân như thiên. Thần ngưỡng hà hồng ân, khâm thừa thánh huấn. Thận chung như thủy, duy khánh kiệt ư thành tâm. Bảo cảnh an dân, thượng khắc tuân ư hầu độ. Thần cần ủy Phan Tử Viết, Trình Nguyên Hy đẳng phụng biểu xưng tạ dĩ văn.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ ƠN ĐƯỢC TẬP PHONG.

Thần Lê Lân, quyền thự quốc sự, nước An Nam. Kính tâu:

Niên hiệu Tuyên Đức năm thứ 10, tháng 2, ngày mùng hai, được thấy Khâm Sai thiên sứ Hữu Thị Lang, Chương Sưởng, Hành nhân, Hầu Tấn, mang sắc dụ tới mệnh cho thần, quyền thự quốc sự. Thần đã kính vâng bái mệnh. Nay cần phụng biểu tạ ơn. Ngửa trông : Đức nhân thánh triều không chia Hoan, Rợ. Tập phong phiên quốc, mệnh trong tắc gang. Núi bề hân hoan, thần dân vui vẻ. Nước trên trí dũng. Vua trên thông minh. Chăm lo dân đen, chính trị nghĩ ngay cô độc. Ban bố văn đức, khoan hồng mong tới yên vui. Ngôi vị cực quý, nhân sánh trời cao. Thần ngửa nhận ơn trên, vâng theo thánh dụ. Chung thủy như nhau, xin hết tâm thành. Giữ cõi yên dân, tuân theo pháp định.

Thần ủy bọn Phan Tử Viết, Trình Nguyên Hy, kính biểu tạ ân, lượng trên soi xét.



22.— 國人識象封表

安南國者人黎問等，謹上言，宣德
 十年二月初二日，伏觀欽差天使
 章厥侯璫等，貴到敕諭，命臣黎麟
 權署國事，并諭本國官員歡欣踴躍。
 等。臣一國之人，不勝歡欣踴躍。玉
 謹奉表稱謝者，伏以恩綽，玉
 陸降九重之命，皇仁遠被，炎
 萬里之春。草木生光，施倪滋慶，
 恭惟繼天立極，欽福錫民，叶帝
 奔之重華，賞延于世，慈成湯之
 德，功加于時，崇孝治以推恩，開
 誠心而待物。無思不服，其仁如天
 ，臣鮮處遐荒，欣逢盛世，波不揚
 風不烈，皆賴聖恩，井而鑿，田而
 耕，咸蒙帝德。

Phiên âm

QUỐC NHÂN TẠ TẬP PHONG BIỂU

An Nam quốc kỳ nhân, Lê Văn đẳng, cần thượng ngôn :
 Tuyên Đức thập niên, nhị nguyệt, sơ nhị nhật. Phục đồ Khâm
 Sai thiên sứ, Chương Sưởng, Hầu Tân đẳng, lai đáo sắc dụ,

mệnh thần Lê Lân, quyền thụ quốc sự, tịnh dụ bản quốc quan viên kỳ lão quân dân đẳng. Thần nhất quốc chi nhân, bất thắng hoan hân dũng được. Cần phụng biểu xưng tạ giả, Phục dĩ ân phát hoán ban, ngọc bệ giảng cứu trùng chi mệnh. Hoàng nhân viễn bị, viêm giao hồi vạn lý chi xuân. Thảo mộc sinh quang, mao nghê tư khánh. Cung duy : Kế thiên lập cực. Liễm phúc tích dân. Hiệp đế Thuấn chi trùng hoa, thưởng diên vu thế. Mậu Thành Thang chi đại đức, công gia vu thời. Sùng hiếu trị dĩ suy ân. Khai thành tâm dĩ đãi vật. Vô tư bất phục. Kỳ nhân như thiên. Thần tị xử hà hoang, hân phùng thịnh thế, Ba bắt dương, phong bất liệt, giai lại thánh ân, Tĩnh nhi tạc, diên nhi canh, hàm mông đế đức.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ CỦA DÂN VỀ VIỆC TẬP PHONG

Niên hiệu Tuyên Đức năm thứ mười, tháng hai, ngày mùng hai, được thấy Khâm Sai thiên sứ là Chương Sưởng, Hầu Tấn, mang sắc dụ tới mệnh cho thần Lê Lân, quyền thụ quốc sự, và dụ khắp trong nước quan viên, kỳ lão, quân dân. Toàn thần dân trong nước rất vui mừng kính dâng biểu tạ ơn. Ngửa trông :

Ân rộng bao la, từ bệ ngọc được ban xuống, đức nhân khắp tới, nơi hoang giới như xuân về. Cỏ cây sinh sắc, già trẻ vui mừng.

Kính nghĩ : Thay trời giữ chức, tích phúc cho dân. Hợp văn đức của Đế Thuấn, giúp đời ban bố, theo đại đức của Thành Thang, được thời thành công. Dâng hiếu trị ban ơn, lấy thành tâm xét việc. Mọi xứ đều phục, đức nhân như trời. Thần ở nơi hoang vu, mừng gặp đời thịnh. Gió không to, sóng không mạnh, đều nhờ thánh ân, Đào giếng nước, vỡ ruộng cây, cùng về đế đức,



23.— 賀即位表

乙卯紹平二年，明英宗即位，改元正統。安南國權署國事，臣黎某上言：宣德十年，十二月初一日，欽蒙天使行人朱瑄、謝經等，頒到詔書，伏覲皇上新登寶位。謹奉表稱賀者。伏以泰運重開，四海仰中天之日月；奉皇正始，萬邦歸一統之山河。宗社其安，華夷悅服。恭惟體乾行健，如日方升。敬所尊而愛所親，孝先天下。御以寬而臨以簡，德及遠人。凡屬照臨，舉皆歡慶。臣僻居遐壤，久沐深恩。望天闕於九重，威顏咫尺。效華封之三祝，聖壽萬年。臣下情云云...

Phiên âm

HẠ TỨC VỊ BIỂU

(Ất mảo, Thiệu Bình, nhị niên, Minh Anh Tôn,

tức vị cải nguyên Chính Thống).

An Nam quốc, quyền thư quốc sự thần, Lê Mỗ thượng ngôn

Tuyên Đức thập niên, thập nhị nguyệt, sơ nhất nhật, Khâm Sai, thiên sử, hành nhân, Chu Bát, Tạ Kinh đẳng, ban đảo chiếu thư. Phục đồ, Hoàng Thượng, tấn đẳng bảo vị, cần phụng biểu xưng hạ giá, Phục dĩ, Thái vận trùng khai, tứ hải

ngưỡng trung thiên chỉ nhật nguyệt. Xuân vương chính thủy, vạn bang quy nhất thống chi sơn hà. Tôn miếu điện an. Hoa di duyệt phục. Cung duy :

Thê căn hành kiện, như nhật phương thăng. Kính sở tôn, nhi ái sở thân, hiếu tiên thiên hạ. Ngự dĩ khoan, nhi lâm dĩ giản, đức cập viễn nhân. Phàm thuộc chiếu lâm, cử giai hoan khánh.

Thần, tịch cư hà nhưỡng, cửu mộc thâm ân. Vọng thiên khuyết ư cửu trùng, uy nhan chỉ xích. Hiệu hoa phong chitam chúc, thánh thọ vạn niên. Thần hạ tình, vân vân...

Phiên âm

BIỂU MỪNG VUA TÀU LÊN NGÔI.

(Năm Ất Mão niên hiệu Thiệu Bình, năm thứ Hai, triều Minh, vua Anh Tôn lên ngôi, đổi niên hiệu là Chính Thống).

Thần Lê Mỗ, quyền thự quốc sự nước An Nam, kính tâu :

Niên hiệu Tuyên Đức, năm thứ mười, tháng mười hai, ngày mồng một, kính được Khâm Sai thiên sứ Hành Nhân là họn Chu Bật, Tạ Kinh, tới ban chiếu thư. Hoàng thượng mới lên ngôi báu, kính phụng biểu mừng. Ngửa trông :

Thái vận bắt đầu, bốn bề ngóng coi, giữa trời nhật nguyệt. Xuân vương khởi thủy, muôn nước quay về một mối giang sơn. Xã tắc vững yên, hoa di mừng phục. Kính nghĩ :

Pháp nghiêm, hành mạnh. Mặt trời mới lên, Đấng tôn thì kính, đấng thân thì yêu, lấy hiếu đủ trị thiên hạ. Đối dân thì khoan, đối việc thì giản, lấy đức rộng tới phương xa. Đất thuộc được xét soi, đâu đó đều vui mừng. Thần ở phương xa, gọi ơn từ trước. Ngóng cửa khuyết ở nơi cửu trùng, uy nhân như gần gang tấc. Theo hoa phong đọc câu tạm chúc, thánh thọ cầu được muôn năm. Thần kính dâng, vân vân...



24.— 賀 尊 皇 太 后 表

安南國權署國事臣黎某謹上言宣德
 十年十二月初二日伏親天使朱弼
 經奏到詔書尊聖祖母為太皇太后謹
 奉來稱賀者伏以尊親禮重九州極至
 養之榮持戴恩深萬物蒙育生之德歡
 騰嶺海喜溢臣民恭惟

淵靜懿恭聰明淑哲為天下母施實惠
 以子羣生居域中尊弘至仁而家四海
 風行所及愛戴攸同臣側聽綸音遠伸
 賀悃海天萬易阻趣北闕之班萬岳三
 呼虔祝東朝之壽但臣下情云云

Phiên âm

HẠ TÔN HOÀNG THÁI HẬU BIỂU.

An Nam quốc, quyền thư quốc sự, thần, Lê Mỗ, cần
 thượng ngôn : Tuyên Đức thập niên, thập nhị nguyệt, sơ nhị
 nhật, phục đồ thiên sử, Chu Bật, Tạ Kinh, lại đáo chiếu thư
 tôn thánh tổ mẫu vi Thái Hoàng Thái Hậu. Cần phụng biểu
 xưng hạ giả. Phục dĩ : Tôn thân lễ trọng, cửu châu cực chí
 dưỡng chi vinh, Tri tải ân thâm, vạn vật móng tư sinh chi
 đức. Hoan đẳng lĩnh hải. Hỷ dật thần dân. Cung duy : Uyên
 tĩnh, ý cung. Thông minh thực triết. Vi thiên hạ mẫu, thi
 thực huệ dĩ tử quần sinh. Cư vực trung tôn, hoàng chí nhân
 nhi gia tứ hải. Phong hành sở cập, ái đãi du đồng. Thân trắc
 thánh luân âm, dao thân hạ khốn. Nãi thiên vạn lý, trở thú
 bắc khuyết chi ban. Tung Nhạc tam hô cận chúc Đông Triều
 chi thọ. Dẫn thần hạ tình, vân vân..

Dịch nghĩa.

BIỂU MỪNG TÔN HOÀNG THÁI HẬU (Nước Tàu).

Thần Lê Mỗ, quyền thư quốc sự nước An Nam kính tâu :

Niên hiệu Tuyên Đức năm thứ Mười, tháng 12 ngày mừng 2, được thấy thiên sứ Chu Bát, Tạ Kính, mang tới chiếu thư, tôn Thánh Tồ mẫu lên vị Thái Hoàng Thái Hậu. Kính dâng biểu mừng. Ngửa trông : Tôn thân là lễ trọng, hiếu dưỡng thiên hạ đều ca ngợi, Nuôi nấng vốn ân thâm, thánh đức muôn vật được ơn nhờ. Non bể vui mừng, thần dân hát múa. Kính nghĩ :

Trầm tĩnh đức cao. Thông minh trí sáng. Làm mẹ thiên hạ, ban ơn huệ cho quần chúng là con. Ở nơi tôn cung, thi đức nhân coi bốn bề trời, không thân tới châu nơi bắc khuyết. Ba lần chúc tụng, vắng mặt mừng thọ cung Đông Triều. Thần dâng kính nghĩ, vân vân...

25.— 謝 冊 封 國 王 表

(紹 平 丙 辰 遣 尚 書 陶 公 選 內
阮 密 叔 惠 求 封)

統 率 安 謝 行 望 以 薄 臣 九 下
正 使 為 稱 雲 翰 海 位 寵 隔 臣
言 天 臣 表 開 喜 四 序 之 雖 誠
上 親 封 奉 天 東 合 國 番 雲 之
謹 伏 印 謹 於 宸 升 為 駢 望 國
某 日 金 龍 章 在 方 而 荷 日 小
黎 三 勅 受 金 簡 日 經 屢 就 彈
臣 十 詔 拜 降 方 如 九 臣 光 願
事 月 捧 受 翔 遐 治 法 之 龍 大
國 正 奏 祇 鸞 於 出 畏 徽 佩 事
署 宗 節 己 肅 澤 天 大 遠 祇 天
權 英 持 臣 鳳 聖 繼 懷 遠 代 敬
國 明 亨 王 以 需 惟 小 今 威 遠 云
南 年 李 國 伏 施 恭 家 致 達 之 云
安 二 郡 南 者 兩 外 為 來 幸 重 情

Phiên âm

TẠ SÁCH PHONG QUỐC VƯƠNG BIỂU.

(Thiệu Bình, bình thìn, khiến Thượng Thư Đào
Công Soạn, Nội Mật Nguyễn Thúc Huệ cầu phong).

An Nam quốc, quyền thư quốc sự, thần, Lê Mỗ, cần
thượng ngôn : Chính Thống nhị niên (Minh Anh Tôn) chính
nguyệt, thập tam nhật, phục đồ thiên sử Lý Úc, Lý Hanh, tri
tiết lại phùng chiếu sắc, kim ấn, phong thần vi An Nam quốc
vương. Thần dĩ chi thụ. Bái thụ cật. Cần phụng biểu xưng tạ
giả. Phục dĩ, phụng chữ, loan tường. giảng kim chương ư
thiên khuyết. Văn hành vũ thí, triêm thánh trạch ư hà phương.

Giản tại thần trung. Hỷ du vọng ngoại. Cung duy : Kế thiên xuất trị. Như nhật phương thăng. Hợp tứ hải dĩ vi gia. tiêu hoài đại úy. Pháp cửu kinh nhi vi quốc, hậu vãng bạc lai. Chí lĩnh viễn kiều chi thần. Lũ hà biên phiên chi sủng. Thần hạnh phùng thịnh đại, chi bội long quang. Tự nhật vọng vãn, tuy cách cửu trùng chi viễn. Kính thiên sự đại, nguyện dân tiêu quốc chi thành. Thần hạ tình, vãn, vãn...

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ ƠN ĐƯỢC SÁCH PHONG QUỐC VƯƠNG.

(Niên hiệu Thiệu Bình, sai Thượng Thư Đào Công Soạn, Nội Mật, Nguyễn Thúc Huệ, cầu phong).

Thần Lê Mỹ, quyền thự quốc sự nước An Nam, kính tâu : Niên hiệu Chính Thống (Minh Anh Tôn) năm thứ hai, tháng giêng, ngày 13, Được thấy thiên sứ Lý Úc, Lý Hạnh, cầm cờ tiết, phụng chiếu sắc, Kim ấn, tới phong cho thần làm An Nam quốc vương. Thần đã vâng mệnh. Bái mệnh xong, kính dâng biểu tạ ơn. Ngửa trông :

Phụng mưa, loan bay, rực rỡ nơi thiên khuyết. Gió hòa mưa thuận, chan hòa tới phương xa. Sắc thảo tại Kinh, mừng rỡ khôn tả, Kính nghĩ : Thay ngôi trời trị dân, như mặt trời mới sáng. Hợp bốn bề làm một nhà, nhỏ mong, lớn sợ. Lấy chín kinh làm phép nước, đòu tới, đưa đi. Lĩnh ban nơi biên鄙, ơn rọi chốn phiên ly. Thần may gặp thời hay. Mừng được ánh sáng. Tới trời coi sắc mây, ngại đâu nghìn trùng đường cách trở. Kính trời thờ nước lớn, tuy rằng nước nhỏ, tâm tận thành. Thần kính dâng, vãn, vãn...

26.— 詔太子戒以訓嗣復作

我傳，範同。衣蹈業之軍，之勿勿荒一由天。之勉單。求如肯弟
：併垂則爲，基我撫行愛，。縱，悉答安我素之是，弟子
曰而而事肖危成國而友政刑而諫，以永廢遺誤事功子而
子法，之介垂創汝監力存之濫色納發有家，，始之之而，
太治言爲以險。今其勉思仁而聲言之上國朕法近目難宣舊
王法戒所，履歷。凡，，寬怒邇受動使則私家親玩觀作教
國心言而暴。風哉。方屬布私勿，一度，爾更，惟念底勤
戒以訓，強家蕩難緒之親思以。人言。望用變人，不既既
以必迷異鋤宜持惟基治睦，勿靡用一常人，，之作，父父
，，每或手爲後朕之出教民賞侈己，典乎明政直是節展展
訓讓，時棘野然，我心。庶濫肆推施作以聽之惠事之，，
嗣祥承之荆草，構承存惠惠而而於之用有用我達之儉謂構
後王繼遏剪以刃締，，豫子恩財至今，下自政疎肅勤所肯
作帝代所親，冒營勞要時，私貨。一正，其，，快運人，
帝聞世雖我被霜經功之無心以殖淫政中心若臣親惟不古堂

之仁于。業，敬乎。安於安，呼，述勉
 我有佑也。業心者，宴之則我鳴繼。
 承于，天統小下於戒，民。能言
 ，懷也亦統其溺，發之也。武余
 志且民者，猶異於，始者下言，佩
 之。亦常然，況養於激，天有祚祇
 我乎者，靡，曠。暴之威福於之其
 成窮舟，堪聖危忽於訓存，以己年爾
 能無覆，雖之慄少出不操，能曆。
 安於舟。文慄敢，苟曠道不享名訓
 ，祚載也。湯，不君，微之辭克之故
 獲傳。天禹儉，之志其述之承孝，
 肯而也者，舜克民，體立使繼，諭敬達哲
 播，民德以勤勤繼無。盡戒能昭前
 肯業者，有雖克天夫，常初能此，啟克希

Phiên âm

TÁC HẬU TỰ HUẤN DĨ GIỚI THÁI-TỬ

Đề tác hậu tự huấn, dĩ giới quốc vương Thái-Tử viết :

Ngã văn đế vương thiện nhượng, tất dĩ tâm pháp, trị pháp, nhi tịnh truyền. Thế đại kế thừa, mỗi thuật huấn ngôn, giới ngôn, nhi thù phạm, tuy sở ngộ chỉ thời hoặc dĩ, như sở vi chi sự tắc đồng. Ngã thân tiến kinh cực, thủ sừ cường bạo, dĩ giới trụ vi y bị, dĩ thảo dã vi thất gia. Lý hiềm thù nguy, đạo sừng mạo nhận, nhiên hậu tảo đẳng phong trần, sáng thành cơ nghiệp. Kinh doanh đề cầu, quyết duy gian tai. Kim như nhân ngã chi công lao thừa ngã chi cơ tự, Phạm kỳ giám quốc phủ quân chi yếu, tồn tâm xuất trị chi phương, miễn lực nhi hành, vô thời dự đãi. Đôn mục thân thuộc, tư tồn hữu ái chi tâm. Tử huệ thứ dân, tư bố khoan nhân chi chính. Vật dĩ tư ân nhi lạm thưởng, vật dĩ tư nộ nhi lạm hình. Vật thực hóa tài nhi tứ xỉ mi. Vật nhĩ thanh sắc nhi tung hoang dâm. Chí ư suy kỳ dụng nhân, thụ ngôn nạp gián nhất chính, nhất lệnh chi thi, nhất ngôn nhất động chi phát, tất do trung chính. Dụng tác diễn thường. Thứ sử thượng hữu dĩ đáp thiên tâm, hạ hữu dĩ phu nhân vọng. tắc quốc gia vĩnh an. Nhược kỳ tự dụng thông minh, dụng nhĩ tư nặc, phế ngã chi thần, cải ngã chi chính, biến canh gia pháp, di khí ý thân, sơ viên trung trực chi nhân, thân cận xiêm du chi bối, duy khoái ý chi sự thị tác, duy ngoạn mục chi sự thị cầu, bất tuân cần kiệm chi tiết, bất niệm gian nan chi công. Như cổ - nhân sở vi, quyết phụ ký đề tác thất, nhi tử phát khẳng đường, khẳng cầu. Quyết phụ ký cần phu chi, nhi tử phát khẳng bá, khẳng hoạch. An năng thành ngã chi chí, thừa ngã chi nghiệp, nhi truyền tộ ư vô cùng hồ. Thả, hoài vu hữu nhân giả, dân giả. Tài chu, phúc chu giả diệc dân giả. Hữu vu hữu đức giả, thiên dã, nan thâm mi thườn g giả, diệc thiên dã. Tuy dĩ Thuấn, Vũ, Thang, Văn chi thánh, nhiên do căng căng, nghiệp nghiệp, khắc cần, khắc kiệm, lật lật nguy cụ, dực dực tiểu tâm, kính thiên, cần dân, bất cảm thiểu

hốt, hướng ư kỳ hạ giả hồ. Phù kế thể chi quân, xuất ư hoạn dưỡng, nịch ư yên an, thường vô lập chí. Cầu bất huấn chi ư thủy, giới chi ư sơ, sử kỳ cảnh cụ thao tồn, cảm kích phấn phát, tắc an năng tận kế thuật chi đạo, dĩ phục thiên hạ chi dân tai. Thử giới dụ chi từ bất năng dĩ ư hữu ngôn dã. Ô hô, khả năng kính thừa, khắc hưởng lịch niên chi tộ. Vũ năng kế thuật khắc chiêu đạt hiệu chi danh, nhĩ kỳ chi bội dư ngôn, miễn hy tiền triết. Cố huấn.

Dịch nghĩa

CHIẾU HẬU TỰ HUẤN, (DẠY CON NỐI NGÔI) ĐỀ DẠY THÁI TỬ.

Vua viết bài Hậu Tự Huấn để răn quốc vương Thái Tử. Viết rằng : Ta nghe đế vương truyền ngôi, tất truyền cả hai tâm pháp lẫn trị pháp. Các đời nối dõi, đều có đặt thành phép, cách nối cùng lời răn. Dù thời có đổi khác, mà việc vẫn giống nhau. Ta thân chém gai góc, tay bừa cày bừa, lấy mũi giáp làm áo chắn, lấy đồng ruộng làm nhà cửa, xông pha nguy hiểm, dày rọi tuyết sương. Rồi sau mới quét sạch phong trần, dựng thành cơ nghiệp. Kinh doanh khai sáng, thực gian nan thay. Nay người, nhân được ta đã có công lao, đã gây giương mối, thì phạm việc giám quốc, cầm quân phải hết lòng theo phép trị, cố sức mà làm, đừng có lười nhác. Đối với thần thuộc, giữ vững hòa mục trong tâm. Thương dân như con, cần khoan nhân việc chính trị. Chớ lấy ơn riêng mà cứ thưởng. Chớ lấy giận riêng mà gia hình. Chớ vor vét bạc tiền để phí phao xa xỉ, Chớ vui thích thanh sắc mà phóng túng hoang dâm. Phải nghĩ quên mình mà dụng người, chịu nghe mà nhận can. Một chính lệnh, một chỉ dụ ban hành, một ngôn ngữ, một cử chỉ phát biểu, tất phải trung chính, đều do điển thường. Mới khiến cho trên thì đáp được

lòng trời. dưới thì yên được ý dân. Như thế thì quốc gia được yên lâu. Vì như chỉ dùng trí mình, chỉ nghe người riêng, bỏ quan của ta, đổi chính của ta, biến cả phép nhà, đuổi người hiền thần, xa người trung trực, gần bọn xiểm gian, chỉ việc khoái ý mới làm, chỉ đồ đẹp mắt mới chuộng, không theo tiết cần kiệm, không nghĩ công gian nan, thì y như xưa có chuyện : Cha đã dựng nền, mà con không xây nhà, lợp mái. Cha đã khẩn ruộng. mà con không cấy lúa, trồng cây. Như thế sao thành được chí ta, sao giữ được nghiệp ta, mà mong truyền đời lâu dài. Vả lại trông mong vào người có nhân, đó là dân. Chở thuyền, đắm thuyền cũng lại là dân. Giúp đỡ cho người có đức là trời, khó biết không thương cũng lại là trời. Tuy thánh như Thuấn. Vũ, Thang, Văn, mà còn năm năm nơm nớp, chịu siêng năng, chịu cần kiệm, sợ hãi lo âu, chăm chút để tâm kính trời lo dân, không dám sót việc, hưởng hồ ở vào bọc dưới. Xét vua nổi công nghiệp vua trước, từ nhỏ đã được chăn nuôi, đã được yên vui, thường không có chí. Vì như ban đầu làm việc không được dạy, bắt tay vào việc không được răn, để cho biết lo sợ, biết giữ gìn, biết cảm kích, biết phấn phát, thì sao mà làm hết được cách nổi nghiệp, thì sao mà làm đủ được phúc cho dân vậy.

Vậy lời huấn dụ này không chỉ có mà gọi là đủ được.

Khó thay ! Ông Khải, con vua Hạ Vũ biết nghe lời dạy, được hưởng truyền lâu dài. Ông Vũ con vua Văn Vương biết nổi nghiệp lớn, được tiếng hiển sáng lạn. Người vâng nghe lời ta, cố theo kịp tiền triết. Nay có huấn từ.

27.— 贈 昭 儀 為 皇 太 妃 制 紹 平 年 間
 制 曰 ； 朕 惟 克 敬 惟 親 ， 幸 追 來 孝 ；
 撫 高 后 大 難 於 朝 業 惟 中 閔 翫 孝 ；
 載 欽 某 就 於 廷 用 安 敵 靈 之 定 ；
 具 伏 坤 持 德 事 先 朝 。 奉 承 板 ；
 之 乾 渥 共 櫛 於 雨 衣 來 期 其 ；
 無 忘 滌 一 心 在 御 千 靡 達 ；
 縫 雲 益 睽 風 沙 凡 備 於 艱 ；
 陽 沱 氣 一 水 亭 粥 嘗 助 ；
 濟 麥 飯 極 其 安 多 鳴 之 ；
 饑 致 幸 而 升 獨 朕 躬 有 ；
 方 母 后 懷 復 之 恩 敢 後 ；
 扶 持 專 考 成 以 周 張 ；
 典 封 禮 於 歲 鬣 漏 泉 ；
 新 之 禮 亡 ；
 於 存 亡 ；
 漢 。

Phiên âm

TẶNG CHIÊU NGHI VI HOÀNG THÁI-PHI CHẾ
 THIỆU-BÌNH NIÊN GIÂN

Chế viết : Trẫm duy khắc kính, duy thân, duật truy lai hiếu.
 Phủ Cao-Hậu gian nan chí nghiệp. Duy trung khuê dục lượng
 chí cần. Tả dương đại hiệu ư triều đình. Dụng thỏa duệ linh ư
 biếm tịch. Cụ vị mỗ bình tri ý đức, kính sự tiên triều, tao bản
 dâng chi càn khôn, cộng mộc trất ư phong vũ. Phụng thừa cơ

chữ, vô vong sai tảo chi tâm, dực bổ y thường, kỳ tận di phùng
chi ích. Nhất tâm tại ngự. Thiên tử mị hoàng. Mang dương vân
khí. Thục thủy phong sa. Phạm bị thương ư gian hiểm, Hồ Đà
mạch phạn, Lâu Đình đậu chúc. Thường tương trợ ư khát cơ,
chi ngao chừng chi điện an, đa kê minh chi cảnh giới.

Phương mẫu Hậu bất hạnh nhi thăng thế. Độc trầm cung
hữu lại ư phù trì. Thâm hoài cố phục chi ân, cảm hậu truy
sùng chi điển. Việt khảo thành Chu chi di chế. Nghi gia Thái-
Phi chi tân phong. Vu dĩ tương bảo hựu chi công. Vu dĩ tận
vinh ai chi lễ.

Ô hy, Huy địch mệnh phục. Lưu huy vô gián ư tồn vong.
Mã liệt lậu tuyền, thanh sức hữu quang ư minh mạc.

Dịch nghĩa

CHẾ, TẶNG PHONG CHIÊU-NGHI LÀM HOÀNG-THÁI-PHI
NIÊN HIỆU THIỆU-BÌNH.

Chế rằng :

Trẫm đối người thân rất kính, vẫn mong đạo hiếu treo
gương. Nghĩ thời Cao-Hậu bị gian nan, cùng tính chuyên cần
trong cung khuyết.

Tiếng thơm còn để lại triều đình, vong linh được thỏa
nơi u khuất. Vốn người đức hay, từng thờ triều trước.

Gặp khi trời đất đảo điên, cứ giữ phận mình cân trất.

Vá khâu áo khăn, quét sạch bụi cát.

Một lòng hầu ngự, muôn thừa nên danh,

Mây bay Mang lĩnh, gió cuốn Thục hà.

Khi Hồ Đà cơm sống, khi Lâu Đình cháo khoai.

Cùng chịu đói khát, giúp công vá trời.

Siêng năng công vụ, sớm dục coi châu.

Đương khi mẫu hậu không may mệnh hết, là lúc riêng
trầm lại được trông coi.

Ơn sâu được đoái tới, diên lễ nghĩ báo đền.

Cứ theo Thành Chu pháp chế, tuyên tặg Thái Phi truy
phong.

Vì công giúp đỡ che chở, dám đủ thề thức tôn vinh.

Than ôi : Mệnh phục tôn nghiêm, kể chi việc còn mất.
Lễ nghi trang trọng, rạng tỏ chốn u-minh.



28. 贈昭儀為貞懿元妃制。

制曰：朕惟聖人制禮，道其重於親親，朝廷推恩，義尤敦於貴貴。義敦於貴貴，則用貴幽。具位某：叔慎，嘉，端莊靜一當，乾坤草昧之際，形宮壺儉約之風。靈山之靈，衣裳藍縷。每念德尤資輔先朝之功，豈忘保祐冲人之孝。德佑時方大，敦後追崇異數之恩，於戲，生之期雖殊，恩有同於罔極。存亡無間，期默相於永終。建彌賴正

Phiên âm

TẶNG CHIẾU-NGHI VI TRINH-Ý NGUYỄN PHI CHẾ

Chế viết : Trẫm duy thánh nhân chế lễ, đạo mạc trọng ư thân thân. Triều đình suy ân, nghĩa vuơ đôn ư quý quý. Tả dương chế phất. Dụng bí u quynh. Cụ vị mỗ : Thục thân nhu gia. Đoan trang tĩnh nhất. Đương : Càn khôn thảo muội chi tế, hình cung hồ kiệm ước chi phong. Linh Sơn chi khừu bí gian nan, vuơ tư chủ quỹ. Lãm lệ chi y thường lam lũ, chính lại di phùng. Mỗi niệm hữu phụ tiến triều chi công, khởi vong bảo hữu xung nhân chi đức. Thời phương đại định nhân dĩ vãn vong. Dục thân chi hiếu chi tình, cảm hậu truy sùng chi diên. Thị dụng trạc trí nguyên Phi chi liệt, dĩ chiếu vị sở chi ân.

Ô hy ! Sinh dưỡng tuy thù, ân hữu đồng ư vãng cực Tồn
vong vô gián, kỳ mặc tương ư vĩnh chung.

Dịch nghĩa

CHẾ TẶNG PHONG CHIẾU NGHĨ LÀM TRINH Ý

NGUYỄN PHI

Trẫm nghĩ : Thánh nhân chế lễ, đạo không đạo nào trọng
bằng thân người thân. Triều đình xét nghĩa, không nghĩa nào
hậu hơn quý người quý. Có chức vị khi sống, có cớ biện
khi về :

Nay lễ phong đã đầy đủ :

Thận trọng nhu mì. Đoan trang trinh tĩnh.

Đương lúc giờ đất bị hoang mang, thì ở cung đình cần
kiệm ước. Trại quân lương khô khó khăn, mà phải chăm lo
cho đủ. Quan ải áo mặc rách rưới mà phải nối vá cho lành.
Mỗi nghĩ tới công phu tiên triều, há quên được đức giúp tiên
đế. Thời nay đại định đã đi rồi.

Muốn cho rõ tình chí hiếu, dăm đầu chậm điển truy phong.
Vây dùng lễ đặt Nguyễn Phi thứ bậc, đề sáng tỏ các công ơn
nhiều lần

Than ôi ! Sinh dưỡng có phân chia, mà công ơn thì tới mức
Mất còn không biết rõ, mà thời hạn thì vô cùng.



29.—

錄事遺壺冰

內平，眼。葛王光第云間，家雅國霽作子，知曰創休三刻社。留之，
 入太榜管而諱居題世歲，許茲立結治不公是還洞銘宗懷或不
 父至中其，王功翰孝十旦風其從爰紛平冀，於為虛碑存于去終
 。廟試稱相大間，宸慈五元光明，解內卒凝，以清製志忘或宗
 族明歲，陽明年。朝嘉諱月，時後，海走始日，書親，曾，藝
 親輔四之及昭興二，左，白乳平之間兒陰侯寬賜藝林一忠說
 之，十異未師重，賜有人世明天公書藏之難，不之廟。寓背其諫
 氏壁，寵。太，賜有人世明天公書藏之難，不之廟。寓背其諫
 陳文載以用將子，廟下之于神音德。靈年。用，縣署額迹未寓非
 ，諱道服大上次聖天常行出。祭外于數相遺作山，碑雖，其
 公公諱文意祖之，名非，曹相崇于持。那氏而風成之公念舉，
 相肅王賜有曾宗出，功見集，之并奏抹餘曰胡舞於洞揭。之詩靜
 ，成肅特，太，常代可遺禮。由定之碑自見洞，陰愛之一
 壺保文廟才堯，一。樂詩出惠帝，亂人。子虛處宇岩要托動
 冰太祖聖之早教一：無有僅有之二相錯國名君清之大之其每一

平幾。· 差入，一女作遺風畫山圖，公洞仲議國
 死未遺五。· 至肅十三公公凱殆崑，家文虛申諫護
 付沒無十家官章女第陶程。孫于遂於公清戊右上
 公孫六子歷擬男公澤錄事子室未之蘇撰年下袋
 ，子壽卒。· 母彭公遺公纂志歲公所元門魚
 此耶氏。· 日山候世余感蘇公況復厥，陶生天譴紫
 如亂陳馬四峽上于。· 竊山祝心擬而後乎先順行金
 事禍幾是十之國行者余眉錄于余，于幾溪：內賜
 時見殺如月縣章，存，又鍾在享錄庶藥云入事
 曰生，有一山平集有沒傳公寔實薦事亦見書夫今
 必求國明十風徒壑鮮而君文。· 時遭，餘誌大書
 · 復墓之年府司玉後公府庵思托歲集忘。· 別來中
 有豈果見午州校壺兵先孟晦之之，繪不也及宣同
 之。· 氏先庚諒檢冰，，祖。· 泉松下工示心。· 夫
 勅矣胡其以于內有人也外事寒堂之命以之記冬大

銘樂置論。我山
 碑獨欲國苑贊于
 製於則資大輔書
 御願，欲之，而
 宗有石則民林嘆
 藝豈磐，吾如以
 附，坐流縉之所
 ．嶽日清資士朕
 鷹塋，撫則賢此
 黎此臨日樹置心
 姓于來．茂欲遐．
 賜庵乎安蔭則有也
 侯創意之．竹無者
 服徒寓勢深修，陰
 冠司蓋國之倚治之



Phiên âm

BĂNG-HỒ DI SỰ LỤC.

Băng-Hồ Tương-Công, Trần thị chi thân tộc. Phụ, Nhập-Nội, Thái-Bảo Uy Túc Công, húy Văn-Bích, phụ. Minh-Miếu chi thái bình. Tổ phụ, Túc-Vương, húy Đạo-Tải, thập tứ tuế thì trúng Băng nhĩn, Thành-Miếu đặc tứ văn phục dĩ sủng dị chi. Xưng kỳ Quán, Cát chi tài, hữu ý đại dung. Vị cập trắc tướng, nhi công tảo hoẵng. Tăng tổ Thượng-Tướng, Thái-Sư Chiêu-Minh đại vương, húy Quang Khải, Thái-Tôn chi thứ tử. Trùng hưng niên gian, công cư đệ nhất. Thường xuất chinh, Thành-Miếu tứ nhị kỳ, thần hàn đề văn: Nhất đại công danh thiên hạ hữu. Lương triều trung hiếu thế gian vô. Khả kiến phi thường chi nhân hỹ Thọ ngũ thập tuế. Hữu Lạc đạo tập hành vu thế.

Công húy Nguyên-Đán, gia truyền thi lễ. Trạ xuất thần minh. Tể nguyệt quang phong nhà hữu-xuất trận qui tướng. Thanh bạch thiên nhật, minh kỳ hứa quốc chi trung. Tích đương hôn đức, bội loạn chi thời, tông Nghê, Duệ, nhị Đế xuất bên vu ngoại. Sự bình chi hậu, viên lập tác tướng, định thung trảng vu chấn hãm chi tế giải phân kết vu thác loạn chi dư. Sở niên chi gian, hải nội bình trị. Quốc nhân xưng viết: Hiền tướng. Tuy nhi đồng, tàu tốt, mạc bất tri danh. Tự hồ thị tiến dụng, âm băng thủy ngưng. Công viết: Quân tử kiến cơ nhi tác, bất sĩ chung nhật. Ư thị, sáng Thanh Hư động ư Phụng Sơn huyện chi Ngòi Sơn dĩ vi thoái hưu chi xứ. Động thành, Duệ Miếu tứ ngự thư Thanh Hư động tam đại tự, yết chi bi ngạch. Nghê Miếu thân chế bi minh, khắc chi nham âm. Công tuy tích ngụ lâm tuyền, chí tồn tồn xã. Kỳ ưu ái chi niệm, vị thường nhất nhật tạm vong vu hoài. Mỗi thác chi thị ca, ngụ kỳ trung phần. Hoặc khứ hoặc lưu, nhất động nhất tĩnh, mạc phi gián thuyết. Nghê Tôn chung bất sát. Do thị, Hồ gia khí diễm nhật thịnh, phụ thế nhật phồn, quốc nhật dĩ tước, vô

khả nại hà. Nhi công thoái hữu chi chí thủy quyết. Lâm chung, bệnh bất phục được. Tử tôn hữu khuyến chi giả, tất viết : Thời sự như thử, dư đắc tử hạnh hỷ, khởi phục cầu sinh kiến hóa loạn gia. Công một vị kỷ, Hồ thị quả thoán quốc, sát lục Trần thị tử tôn vô di. Kỳ tiên kiến chi minh hữu như thị yên. Thọ lục thập ngũ. Dĩ canh ngộ niên, thập nhất nguyệt, thập tứ nhật, tốt vu gia, Táug vu Lang Châu phủ Phụng Sơn huyện chi Giáp Sơn. Lịch quan chi Nhập Nội, Kiểm Hiệu Tư Đồ, Bình Chương Quốc Thượng Hầu, thụ Chương Túc. Hữu Bảng Hồ Ngọc Hác tập, hành vu thế. Nam nữ thập nhất nhân. Bình hậu tiên hữu tồn giả. Dư mẫu, công đệ tam nữ dã, tiên công nhi một.

Dư thiết cảm Bành Trạch Đào Công tác Ngoại tồ Mạnh phủ quân truyện ; My Sơn, Tô Công lục Trình Công di sự ; Hối Am Văn Công hữu lục Chúc Công di sự. Khải phong, hàn tuyên chi tư, thực chung vu tâm. Huống công, tử tôn dĩ tận, đường cầu chi thác, thực tại dư nghĩ phục trúc thất vu Côn sơn chi hạ, tuế thời tiến hưởng, nhi quyết chi vị toại. Nhân mệnh công hội tập di sự lục vu hậu tàng chi ư gia, dĩ thị bất vong. Diệc thứ cơ hồ Đào Công, Tô Công Văn Công chi tâm dã. Dư kiến Nhị Khê tiên sinh sở soạn Thanh Hư động ký, cập biệt chi thư văn.

Thuận Thiên, nguyên niên, mậu thân, trọng đông. Tuyên Phụng đại phu Nhập Nội Hành Khiển, môn hạ, Hữu Giám Nghi đại phu đồng Trung Thư lệnh sự, tứ kim tử ngư đại, Thượng Hộ Quốc quan phục Hầu, Tứ tính Lê-Trãi.

Phụ Nghệ Tôn ngư chế bi minh.

Tư Đồ sáng am vu thử, ngâm hâm, khởi hữu nguyên ư độc lạc, cái ngu ý Hồ lai lâm. Nhật tọa bần thạch, tắc dục trí quốc thế chi an. Nhật phủ thanh lưu, tắc dục tư quốc luận chi thâm. Âm nậu thụ tất tư khoáng ngũ dân chi đại từ. Ý tu trúc tắc dục trí hiền sĩ chi như lâm. Phụ tán ngã trị, vô hữu hà tâm. Thử trầm sở dĩ thân nhi thư vu sơn chi âm giả dã.

Long Khánh tam niên, quý xuân lập.

Dịch nghĩa

CHÉP TIÊU SỬ BĂNG HỒ

Băng hồ Trương Công là tôn thân nhà Trần. Cha là Nhập Nội, Thái Bảo Uy Túc, húy là Văn Bích, giúp Minh Tôn cho tới khi nước yên, Ông là Văn Túc Vương, húy là Đạo Tải, năm 14 tuổi, thi trúng Bảng Nhãn, vua Thánh Tôn đặc ban mũ áo, khen là xưng tài Quần, Cát (1), có ý dùng vào việc quan trọng, chưa kịp thì Văn Túc Vương đã mất sớm. Cụ là Thượng Trương Thái Sư, Chiêu Minh Đại Vương, húy là Quang Khải, con thứ vua Thái Tôn, trong khoảng trung hưng công vào bực nhất. Thường cầm quân đánh giặc, Thánh Tôn ban cho hai ngọn cờ có đề câu : Một đời công danh thiên hạ có, Hai triều trung hiếu, thế gian không. Đủ biết là hạng người phi thường. Thọ 50 tuổi. Còn tập Lạc Đạo để lại.

Công húy là Nguyên Đán, dòng nhà thi lễ, vốn nếp thông minh. Như gió hòa, trắng bạc, có tư tưởng thoáng trần. Như

(1) Quần Trọng, đời Xuân Thu, Gia Cát Lượng đời Hán nước Tào, là tướng giỏi.

nắng sáng, trời xanh, sẵn trung tâm vì nước. Đương thời chính guy, nước loạn theo hai vua Nghệ, Duệ, lánh ra ngoài. Đến khi công việc đã yên, mới về triều giữ chức tướng. Định lại quan chức trong thời hỗn loạn, gỡ lại giường mỗi khi được trị an. Mới hết vài năm, trong nước bình yên. Dân chúng đều khen là Hiền Tướng, dù là ngu dân cũng biết tiếng. Thế rồi họ Hồ được dùng, mầm loạn nảy nở. Công nói : Quân tử làm việc cần biết thời cơ, đừng để nước đến chân mới nhảy. Thế là dựng động Thanh Hư ở chân núi Ngòi Sơn, huyện Phụng Sơn, để lấy làm chỗ lui về. Động dựng xong vua Duệ Tôn có ban cho ba chữ đại tự Thanh Hư động, khắc trên bia. Vua Nghệ Tôn thân soạn bài bia, cho khắc dựng ở chân núi. Công tuy ngu nơi lâm tuyền, mà chí vẫn ở tôn xã. Lòng ưu ái chưa một ngày nào đã nhấc quên, mỗi khi ngâm vịnh vào thi ca là thấy rõ. Khi đi, khi ở khi làm khi nghỉ, đều là ngụ ý khuyên can. Nhưng Nghệ Tôn không biết xét. Vì thế, họ Hồ, khi điểm mỗi hơn, bọn a dua mỗi ngày mỗi đông, thế là nước suy dần, không sao cứu được. Công mới quyết chỉ lui về. Khi có bệnh, công không uống thuốc. Con cháu can thì công nói : Thời sự như thế, ta được chết là may, mong sống nữa để thấy họa làm gì. Công mất chưa được bao lâu, là họ Hồ cướp ngôi, con cháu Trần bị giết không còn ai. Công biết trước như thế đó.

Công thọ 65 tuổi, mất năm canh ngọ, tháng 11, ngày 14, mất tại nhà, chôn ở phủ Lượng châu, huyện Phụng Sơn, núi Giáp Sơn. Quan tới chức Nhập Nội Kiểm Hiệu Tư Đồ, Bình Chương, Quốc Thượng Hầu, thụy là Chương Túc. Có viết tập Băng Hồ ngọc hác để lại. Trai gái mười một người, sau thời chinh chiến không còn được mấy. Bà mẹ tôi là con thứ ba của công, mất trước công. Tôi nghĩ tới Bành Trạch Đào Công có

làm chuyện Ngoại Tô Mạnh phủ quân, My Sơn Tô Công có chép lại sự tích Trình Công, Hối Am Văn Công có chép sự tích Chúc Công. Đọc đến câu «Khải phòng hàn tuyên» (1) lòng thấy băn khoăn. Hướng chỉ con cháu Công nay đã hết, sách vở còn sót lại nay ở Côn Sơn. Thời tiết vẫn cùng tể đều mà chưa thỏa ý nguyện. Nhân sai người thu thập tài liệu biên chép cất ở nhà, để khỏi vương mất. Như thế, gần được như tâm Đào Công, Tô Công, Văn Công, Ghi thêm bài Thanh Hư động ký của Nhị Khê Tiên sinh.

Niên hiệu Thuận Thiên năm đầu, năm mậu thân, tháng II, Tuyên Phụng đại phu Nhập Nội Hành Khiển Môn Hạ, Hữu Giám Nghị đại phu, đồng Trung Thư Lệnh. Từ kim tử ngư đại Thượng Hộ quốc Quan phục Hầu tử tính Lê Trãi.

Phụ bài bia ngự chế do Nghệ Tôn soạn.

Tư Đồ dựng am nơi sơn cước, có phải là để riêng hưởng vui đâu. Chính có ý: Trời mát khi ngồi trên bàn thạch, là nghĩ muốn cho thể nước vững yên. Khi lướt dòng sông, là muốn cho việc nước trôi chảy đều. Khi đứng dưới bóng cây mát, là muốn gỡ cho muôn dân ta khỏi các điều thắc mắc. Khi dựa vào khóm tre là muốn hiền sĩ được cất nhắc, thật nhiều. Giúp đỡ ta trị nước, lòng không quên. Vì thế Trẫm cảm nghĩ và cho khắc bên sườn non.

(1) Thơ trong Kinh Thi, nói về lòng người con có hiếu.

30. 一 諫 入 大 夫 兼 知 三 館 事 謝 表。

右知字首，守復心先際節和入成盟落帝入焉白於力
 ，士智頓訖，天愧留常，大決伴己之落先而愧天迫疎
 司學大首拜軀自益典，初臨，獎功焉知非笑何肯己才
 左，亞藉受殘，心墳念之，身殊，自信。含又。景。
 省旨寺，蒙祇十渥捫，為昧策填蒙從同。污幾心物晚極
 三下承福恩欽己六寵，儒靈草杖口送必幸站易臣寸舊素宸
 知門院資誠，臣以立榮小生家門虎。計，之者小。於。於
 兼魏林山惶日，伏九知句，國轅。息而壞蛇皓則矣收肝纏
 夫行翰崑誠十職，已章志方，知以，錫青皓，往復忠猶
 大內兼舉，二前者分撫，之。會自戈聽符污今微己竟其夢
 入，提薦年臣謝本，裔人憂之義千必分偶終燭既，露清
 諫夫夫，黎本除稱於蒙末古之雲忠國言遂說，以事堂少而
 大大事姓，表安新紳志下風生兩。己招合見前玉得，
 祿議館國言恩奉己於繹欲天主半而途名諺難明。馬，榆
 榮諫三賜上聖謹職符臣每憂真而議政而聚者之地金日桑

， 蕩， 方， 陶， 耐， 堅， 東， 之， 花， 。 岳，
 年， 上， 哲， 無， 疲， 可， 獨， 館， 以， 出， 塞， 海， 大，
 之， 在， 則， 賢， 采， 之， 任， 華， 三， 姓， 涕， 稱， 寬，
 骨， 明， 人， 立， 皆， 路， 栢， 信， 光， 國， 隨， 以， 修， 坤，
 骸， 明， 知， 寬， 菲， 末， 松， 轉， 選， 賜， 威， 奠， 前， 乾，
 乞， 遇， 神， 以， 對， 臣， 之， 言， 更， 重， 況， ， 企，
 期， 伏， 乃， 衆， 則， 怜， 秋， 摩， 之， 列， 愚， 仰， 報，
 豈， 聖， 御， 才， 經， 於， 朽， 廷， 榮， 並， 迂， 之，
 ， 命， 乃， 摩， 遣， 臣， 感， 哀， 朝， 至， 而， 顧， 節， 塵，
 丹， 之， 免， 察， 擇， 不， 謂， 不， 令， 乃， 之， 臣， 自， 素， 涓， 恩，
 心， 霄， 帝， 好， 寐， 排， 至， 實， 者， 功， 堅， 效， 之，
 白， 雲， 問， 己， 苦， 策， 損， 儒， 與， 并， 益， 莫， 恃，
 髮， 拜， 名， 好， 惟， 則， 驅， 斷， 司， 爲， 得， 懼， 不， 覆，
 ， 有， 難， 舜， 人， 器， 堪， 霜， 聖， 之， 斯， 與， 敢， 深， 忘，
 薄， 却， 蕩， 大， 用， 衆， 尚， 雪， 於， 臺， 職， 宗， 喜， 臣， 高， 寧，



Phiên âm

GIÁN NGHỊ ĐẠI PHU KIỂM TRI TAM QUẢN
SỰ TẠ BIỂU

Vinh Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, Môn Hạ Tỉnh
Tả Tư, Hữu Giám Nghị đại phu, kiêm Hàn Lâm Viện Thừa chỉ
Học sĩ, Tri Tam Quản sự, đề cử Cồn Sơn Tư Phúc tự, Á Đại
Tri Tự, tứ quốc tinh Lê Trãi,

Thành hoăng thành khủng, khê thủ, đốn thủ, thượng ngôn :
Bản niên, nhị thập nhật, khám mông, Thánh ân, trừ thần tiền
chức, Thần chi dĩ thụ bá hạt. Cần phụng biểu xưng tạ giả. Phục
dĩ : Lục thập tàn khu, thủ chức dĩ an ư bản phận. Cửu trùng
sủng ốc, tự thiên phục hà ư tân mông. Phủ kỷ tri vinh. Môn
tâm ích quý. Thần tân thân mật duệ, chương cử tiểu nho. Phần
diễn lưu tâm, mỗi dục chí cổ nhân chí chí. Sinh linh vi
niệm, thường tiên ưu thiên hạ chi ưu. Phương quốc gia thảo
muội chi sơ, tế chân chủ phong vân chư Hội Viên môn trọng sách
lâm đại tiết nhi bán sinh trung nghĩa tự tri. Hồ khẩu diên thân
quyết hòa nghị, nhi lưỡng quốc can qua dĩ tức. Tuy mông thù
tướng, tỷ nhập chính đồ. Ngôn tất thính, nhi kế tất tòng, Công
dĩ thành, nhi danh dĩ toại. Phân phù tích nhượng, hành động
bach mã chi minh. Tự báng chiêu sàm, ngẫu ô thanh giảng chi
điểm. Tin tri lạc lạc giả nan hợp, chung linh hạo hạo giả dị ô.
Phi Tiên Đế chi minh kiến dĩ chúc vi, tắc tiểu thần cơ hàm tiểu
nhi nhập địa. Tiên sự ký dĩ vãng hỹ, thốn tâm hựu hà
quý yên. Kim mã ngọc đường, cánh phục thu ư cự vật.
Thanh thiên bạch nhật, đặc thiêu lộ kỳ trung can. Nại văn
cảnh dĩ bách ư tang du, nhi thanh mông do triển ư thần cực.
Tài sơ, lực bạc, phát bạch, tâm đan. Khởi kỳ khát cốt chi niên.

khước hũn báii vân tiêu chỉ mệnh. Phục ngộ, minh minh tại thượng, đấng đấng nan danh, Đế Nghiêu nãi thánh, nãi thần, tri nhân tắc triết. Đại Thuấn hiếu văn, hiếu sát, ngự chúng dĩ khoan. Lập hiền vô phương. Dụng nhân duy kỹ. Trách quần tài, tắc phong phí giai thái. Đào tượng khí tắc khổ dữ bất di. Lệnh thần mặt lộ chi bì nô, thượng kham khu sách. Vị thần kinh thu chi tưng bách, khả nại tuyết sương. Thần bài bất hoặc ư quần ngôn. Tín nhiệm độc kiên ư thánh đoán. Chí linh suy hủ, cánh chuyển quang hoa. Động đãi chi tư, thực nãi triều đình chi trọng tuyền. Tam quán chi chức, ty vi nho giả chi chí vinh. Huống từ quốc tính dĩ hoa tôn, đặc dữ công thần chi tịnh liệt. Cảm tuyền thế xuất, hỷ dữ cụ tinh. Tự cố vu ngu. Hề dĩ xứng tắc. Thần cảm bất ích kiến tổ tiết, ngưỡng xỉ tiên tu. Hải nhạc cao thâm, mạc hiệu quyền trăn chi báo. Càn khôn đại ; ninh vong phú đảo chi ân.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ ƠN CỦA GIÁN NGHỊ ĐẠI PHU KIÊM TRI TAM QUÁN SỰ.

Vinh Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, Mòn Hạ Tỉnh Tả Tư, Hữu Giám Nghị đại phu, kiêm Hàn Lâm Viện Thừa Chỉ Học sĩ, Tri Tam Quán sự, Đề cử Côn Sơn Tư Phúc tự. Á Đại Trí tự, từ quốc tính Lê Trãi, rất sợ hãi rạp đầu tâu lên. Năm nay, ngày Hai mươi, khâm mong thánh ân, cho thần tiền chức. Thần đã phục mệnh, nay kính dâng biểu tạ. Kính nghĩ :

Sáu chục xuân tàn, giữ chức đã yên phận sự. Chín từng sung cố ơn trên lại được gia phong. Được đã là vinh. Nhận nghĩ thêm thẹn. Thần, tấm thân hàng cuối, khoa cử tiểu nho. Ngẫm suy điển pháp, chí chí muốn như chí cổ nhân. Mưu việc nhân dân, lo thường lo trước thiên hạ. Đương lúc quốc gia

hỗn loạn, là gập chân chủ rồng mây. Cửa quán dang kể, một nửa đời người giữ đạo trung. Miệng hồ kẻ thân hai nước bình đao, thành hòa hiếu. Rồi được thưởng, không sai vào chính giới. Nói được đề ý, kẻ được nghe theo. Công đã tạo nên, danh đã trọn vẹn. Chia đất giao vàng, được dự lễ thể bạch mã. Tiếng ghen, lời nịnh, từng qua chỉ ác tiểu nhân. Vẫn biết : Tính độc lập khó mà hợp, chất trong trắng dễ vấy bùn. Không có Tiên Đế soi xét tinh vi, chắc hẳn tiểu thần ngậm oan dưới đất. Việc cũ đã qua, tác lòng không then. Kim mã ngọc đường lại theo như cũ. Thanh thiên bạch nhật, thêm rõ tâm trung. Ngờ đầu bóng dầu đã xế, mà mà vẫn được ơn trời. Tài sơ, sức yếu, tóc bạc lòng son cứ tưởng hải cẩu chúc thân tàn, lại có rồng mây còn bài mệnh. Ngửa trông : Ngồi trên soi xét, lồng lộng trời cao. Đế Nghiêu như thánh, như thần, biết người vì trí sáng. Đại Thuấn hay xét, hay hỏi, trị dân do đức khoan. Cứ theo hiền mà tiến cử. Cứ theo tài mà chọn người. Xét người hay, các hạng đều dùng. Kén đồ vật, gỗ mục không bỏ. Thương thần như ngựa xấu còn đi được đường dài. Cho thần là từng bách, từng mao được sương tuyết. Nghị bàn vốn chắc chắn. Tín nhiệm không nghi ngờ. Đến nay suy, hư lại được quang hoa. Đã giữ Đông-Đài (chức Thị Lang) đối với triều đình là rất trọng. Lại thêm dinh Tam Quán, đối với nho giả là rất vinh. Huống lại cho dự quốc tính, được cùng hàng với công thần. Cảm động tràn nước mắt. Mừng vui lẫn lo âu. Tự xét dần ngu, có gì xứng đáng. Thần dám đâu không cang cố bền tiết, cứ chăm sửa mình. Núi bề cao sâu, khôn nghĩ báo đền ơn đức, Đất trời rộng lớn, dám quên lượng cả bao dung.



31.— 諭 父 安 新 平 順 化 將 校 軍 人 今
 我 起 義 兵 於 爾 土 ， 近 欲 成 功 ， 願 爾
 東 始 終 一 心 ， 金 石 一 節 ， 以 全 君 臣
 父 子 之 義 ， 我 知 爾 東 皆 為 國 之 士 。 見
 因 前 時 興 慶 重 光 出 多 門 ， 大 臣 不 知 爾
 成 功 ， 蓋 由 政 出 矣 。 今 天 下 一 統 ， 我
 衆 徒 費 力 於 此 如 父 子 ， 願 盡 一 心 ， 從
 與 爾 衆 土 ， 自 古 相 將 封 侯 ， 抑 如 爾 衆 平
 我 境 土 ， 整 爾 隊 伍 ， 練 爾 軍 人 ， 蕩 平
 無 異 。 整 爾 隊 伍 ， 練 爾 軍 人 ， 蕩 平
 殘 寇 ， 分 半 歸 農 ， 今 天 假 我 ， 事 不 用
 得 己 ， 用 命 則 破 敵 生 而 有 功 ， 不 用
 命 則 死 成 何 事 。 每 隊 各 勝 一 本 ， 日
 再 三 讀 ， 使 軍 人 知 之 。

Phiên âm.

DỤ NGHỆ-AN, TÂN-BÌNH, THUẬN-HÓA, TƯỚNG HIỆU
 QUÂN NHÂN LÍNH

Ngã khởi nghĩa binh ư nhĩ thổ, cật dụng thành công, nguyện
 nhĩ chúng thủy chung nhất tâm, kim thạch nhất tiết, dĩ toàn
 quân thần phụ tử chi nghĩa. Ngã tri nhĩ chúng giai vị quốc chi
 sĩ. Nhân tiền thời, Hưng-Khánh, Trùng Quang, ưỡng dĩ hư danh
 bất kiến thành công, cái do chính xuất đa môn, đại thần bất tri
 nhĩ chúng đồ phí lực ư thử hỹ. Kim thiên hạ nhất thống, ngã
 dữ nhĩ chúng nghĩa như phụ tử, nguyện tận nhất tâm, phục
 ngã cảnh thổ. Tự cồ, tướng, tướng phong hầu, ức như nhĩ
 chúng vô dị. Chính nhĩ đội ngũ luyện nhĩ quân nhân, Đẳng bình

tàn khấu. Phân bán quy nông. Kim, thiên giả ngã, sự bất đắc dĩ, dung mệnh tắc phá địch, sinh nhi hữu công, bất dung mệnh tắc tử thành hà sự. Mỗi đội, các đảng nhất bản, nhật tái tam độc, sử quân nhân tri chi.

Dịch nghĩa

LỆNH DỤ TƯỚNG HIỆU, QUÂN NHÂN CÁC XỨ NGHỆ-AN TÂN BÌNH, THUẬN HÓA

Ta khởi nghĩa binh ở đất này, gần được thành công, mong cho chúng người một lòng chung thủy, một tiết đá vàng, để toàn nghĩa vua tôi cha con. Ta biết các người là hạng nhân sĩ chỉ vị nước. Nhân thời trước, trong các năm Hưng Khánh, Trưng Quang, chính giới bị chia ra nhiều người, chỉ có hư danh, cho nên không thành công. Các vị đại thần dùng phí sức người, vô ích. Nay thiên hạ đã về một mối. Ta với các người, nghĩa như cha con, mong các người cứ nhất tâm, khôi phục đất đai toàn cõi. Từ xưa hàng tướng phong hầu vốn nhiều, các người cũng đã rõ. Vậy phải chỉnh đốn lại đội ngũ, luyện tập quân lính để bình định bọn giặc cướp còn sót, cho trở về làm ruộng. Trời đã sai ta. Việc vốn không thể dùng được. Nghe mệnh phá tan giặc, thì sống mà có công. Không nghe mệnh thì chết mà chẳng được việc gì.

Mỗi đội sao lấy một bản, mỗi ngày đọc đi đọc lại vài ba lần cho toàn quân được biết.



32.— 秋七月五日指揮大臣百官中外
文武臣僚等會議錢法詔

夫錢乃生民之血脉，不可無也。我國家本產銅穴，且舊銅錢已被胡人銷毀，百僅一存，至今軍國之務，屢為匱乏。求其疏通使用，以順民情，豈不難哉。昨有上書陳言，使以鈔代錢，朕夙夜思惟，未得其道。蓋鈔者乃無用之物，行於有用之物，行於有用之民，甚非愛民用財之意。然古昔有以金銀皮幣錢鈔之物，無可及相中，外達時務乎不欲，以爲一臣百官順民千萬人之所不，以爲一願，而強千萬人不可不早定其議以奏，代之良法，不可不早定其議以奏，朕將親擇而施行焉。

Phiên âm

THU, THẮT NGUYỆT, NGŨ NHẬT, CHỈ HUY, ĐẠI THẦN,
BÁCH QUAN, TRUNG NGOẠI VĂN VŨ, THẦN LIÊU
ĐẲNG, HỘI NGHỊ TIỀN PHÁP CHIẾU.

Phù, tiền, nãi sinh dân chi huyết mạch, bất khả vô dã. Ngã quốc gia bản sản đồng nhữn Thả cự đồng tiền dĩ bị HỒ NHÂN tiêu hủy, bách cận nhất tồn. Chỉ kim, quân quốc chi vụ, lữ vi quỹ pháp. Cầu kỳ sơ thông sử dụng, dĩ thuận dân tình, khởi bất nan tai. Tạc hữu thượng thư ngôn, sử dĩ sao đại tiền.

Trăm tấc dạ tư duy, vị đắc kỳ đạo. Cái sao giả, nãi vô dụng chi vật, hành ư hữu dụng chi dân, thậm phi ái dân dụng tài chi ý. Nhiên cô tích hữu dĩ kim ngân, bì tệ, tiền sao chi vật, vô khả tương quyền, hà giả vi tối.

Kỳ linh đại thần, bách quan, cập trung ngoại, đạt thời vụ, chi sĩ, các nghị tiền lệ, dĩ thuận dân tình, thứ hồ bất dĩ nhất nhân chi sở nguyện, nhi cưỡng thiên vạn nhân chi sở bất dục. Dĩ vi nhất đại chi lương pháp. Bất tảo định kỳ dĩ tấu. Trăm tương thân trách nhi thì hành yên.

Dịch nghĩa.

CHIẾU VỀ PHÉP DÙNG TIỀN. HỘI NGHỊ ĐẠI THẦN BÁCH QUAN VĂN VŨ TRONG NGOÀI ĐỀ CÙNG XÉT NGÀY MÙNG NĂM THÁNG BẢY

Xét: Tiền là huyết mạch của dân, không thể không có được. Nước ta vốn sản xuất các thứ đồng tốt xấu. Mà tiền đồng cũ đã bị họ Hồ tiêu hủy, trăm phần còn được một. Ngày nay, quỹ công thiếu. Muốn cho được sử dụng như thường, thuận theo dân tình thì khó lắm. Trước đã có thư tâu bày, xin lấy giấy thay tiền. Trăm ngày đêm nghĩ xét, chưa quyết định. Vì giấy là vật vô dụng, mà đem lưu hành vào vật hữu dụng là dân, thì e rất không phải ý muốn cho dân dùng tiền của. Tuy nhiên ngày xưa, đã có dùng các vật kim ngân bì tệ tiền sao đủ cả, không cho thứ nào là hơn. Vậy truyền cho các đại thần bách quan trong ngoài, cùng những người biết tình thế, đều nghĩ bàn xét về thể lệ dùng tiền, thuận theo dân tình, như thế mới khỏi: một người có ý muốn, lại đi bắt nghìn vạn người theo, mà cũng để thành một phép hay của một đời. Vậy xét cho chóng rồi tâu lên. Trăm sẽ tự chọn để cho thi hành.



MỤC - LỤC

	Trang
— Lời nói đầu của dịch giả.	7
— Tựa của NGÔ THẾ VINH.	13
— Tựa của NGUYỄN NĂNG TĨNH.	22
— Tựa của DƯƠNG BÁ CUNG	27

QUYỂN I : ỨC TRAI THI TẬP

— 1 Du sơn tự (Đi thăm chùa trên núi).	30
— 2 Giang hành (Thuyền đi trên sông)	31
— 3 Thính vũ (Nghe mưa đêm)	32
— 4 Tặng hữu nhân (Tặng bạn)	33
— 5 Dục Thúy sơn (Núi Dục Thúy).	34
— 6 Đề Bá Nha cò cầm đồ (Đề bức tranh Bá Nha gảy đàn).	36
— 7 Mộng sơn trung (Mộng trong núi)	37
— 8 Đề Văn Oa (Đề nhà Văn Oa)	38
— 9 Ngẫu thành.	39
— 10 Trại Đầu xuân độ (Qua đò Bến Đầu).	40
— 11 Mộ xuân tức sự (Cuối xuân tức sự).	41
— 12 Thôn xá thu châm (Nơi xóm trọ nghe tiếng nện vải).	42
— 13 Văn lập (Đứng ngắm cảnh buổi chiều).	43

14	Thái Thạch hoài cồ.	44
15	Lam quan hoài cồ.	45
16	Thiếu Châu tức sự.	46
17	Đề Nam Hoa thiền phòng (Vịnh đề buồng Chùa Nam Hoa)	47
18	Tĩnh An văn lập (Đứng ngắm cảnh chiều ở Tĩnh An)	48
19	Đề sơn điều hồ nhân đồ (Đề vào bức tranh : chim núi gọi người)	49
20	Đề Đông sơn tự (Đề chùa Đông sơn)	50
21	Ký hữu (Gửi bạn)	51
22	Đồ trung ký hữu (Giữa đường có thư gửi bạn)	52
23	Đồ trung ký Thao giang Hà thứ sử Trình thiền Hiến (Dọc đường thư gửi Thao giang Hà Thứ sử và Trình thiền Hiến)	53
24	Vân Đồn.	54
25	Bạch đằng hải khẩu	56
26	Quá hải (Vượt bề)	58
27	Quan hải.	60
28	Thiếu châu Văn hiến miếu (Miếu Văn hiến tại Thiếu châu)	61
29	Du Nam Hoa tự (Vãn cảnh chùa Nam Hoa)	62
30	Tầm Châu	63
31	Ngô Châu	64
32	Quá Lĩnh (Đi qua núi Lĩnh)	65
33	Đề Lu Thị gia phả (Đề gia phả họ Lu)	66

— 34	Giang Tây	67
— 35	Bình Nam dạ bạc (Đêm chèo thuyền tới Bình Nam)	68
— 36	Tặng Khổng, Nhan, Mạnh tam thi, tử tôn, Giáo Thụ Thái Bình (Tặng con cháu ba họ Khổng, Nhan, Mạnh, giáo thụ tại Thái Bình)	69
— 37	Hòa Hương tiên sinh vận, đồng chủ đồng chí (Họa thơ Hương tiên sinh).	70
— 38	Ký cữu dịch trai Trần Công (Thi gửi cữu).	71
— 39	Thanh Minh (Lễ Thanh Minh).	72
— 40	Hý đề (Đề chơi vui).	73
— 41	Loạn hậu cảm tác (Cảm tác sau thời loạn).	74
— 42	Loạn hậu đáo Côn Sơn cảm tác (Sau thời loạn tới Côn Sơn cảm tác)	75
— 43	Quy Côn sơn chu trung tác (Đi thuyền về tới Côn Sơn)	77
— 44	Ký hữu (thơ gởi bạn)	78
— 45	Chu trung ngẫu thành (ngồi trong thuyền).	79
— 46	[Khuyết đề] (1)	80
— 47	— nt —	81
— 48	Đề Kiếm (Đề vào gươm).	82
— 49	Hạ quy Lam Sơn (Mừng về Lam Sơn).	83
— 50	Ức tích Lam Sơn ngoạn Vũ Kinh (Khi ở Lam Sơn đọc Vũ-Kinh)	84
— 51	Thượng nguyên hồ giá chu trung tác (Tiết Thượng nguyên đi thuyền hồ giá)	85

— 52	Hạ tiếp (Mừng thắng trận)	86
— 53	[Khuyết đề]	87
— 54	— nt —	88
— 55	— nt —	89
— 56	Chu công phụ Thành Vương đồ (Đề vào bức họa Chu công giúp Thành Vương) . . .	90
— 57	Khất nhân họa Côn sơn đồ (Nhờ người vẽ bức họa Côn sơn.	91
— 58	Đề trình xử sĩ Văn Oa đồ (Đề vào bức họa Văn Oa trình xử sĩ).	92
— 59	Quan duyệt thủy trận (Coi duyệt thủy trận).	93
— 60	Lạnh noãn tịch (Chiều khi ấm khi mát) .	94
— 61	Đề Từ Trọng Phủ canh ần đường (Đề nhà Canh ần Từ Trọng Phủ)	95
— 62	Đề Thạch Trúc Oa (Đề nhà Thanh Trúc).	96
— 63	Đề Hà Hà Hiệu úy bạch vân tư thân. . .	97
— 64	Thu Dạ khách cảm (Đêm thu nơi đất khách).	98
— 65	[Khuyết đề]	100
— 66	Thu dạ dử Hoàng giang Nguyễn nhược Thủy đồng phú (Đêm thu cùng Hoàng Giang, Nguyễn nhược Thủy làm thơ)	101
— 67	Vọng doanh	102
— 68	Quá Thần Phù Hải Khẩu (cửa bể Thần Phù)	103
— 69	Thần Phù Hải Khẩu.	105
— 70	Lâm cảng dạ bạc (Đêm đi thuyền qua Lâm cảng)	106
— 71	Hải khẩu dạ bạc hữu cảm (Đêm thuyền tới cửa bể cảm hứng)	107

— 72	[Khuyết đề]	108
— 73	Long Đại Nham (Núi Long Đại)	109
— 74	Thư vịnh Trần thượng thư đề Nguyễn Bô Chính thảo đường (tiếp bài thơ Trần thượng thư vịnh Thảo đường Nguyễn Bô Chính) .	111
— 75	Đoan ngọ nhật (ngày đoan ngọ)	112
— 76	Thu nhật ngẫu thành (ngày thu)	113
— 77	Mạn hứng	114
— 78	[Khuyết đề]	115
— 79	—nt—	116
— 80	—nt—	117
— 81	—nt—	118
— 82	Hạ nhật mạn thành	119
— 83	Mạn thành	120
— 84	[Khuyết danh]	121
— 85	—nt—	122
— 86	Ngẫu thành	123
— 87	Thù hữu nhân kiến ký (Đáp thơ bạn gởi tặng).	124
— 88	Hòa hữu nhận yên hà ngọ hứng (Họa thơ bạn : nhìn mây nước cảm hứng).	125
— 89	[Khuyết đề]	126
— 90	—nt—	127
— 91	Thư vịnh Hoàng Môn Thị lang Nguyễn Cúc Pha hạ tân cư thành (Họa thơ mừng	

dựng nhà mới của Hoàng Môn Thị lang Nguyễn Cúc Pha)	128
— 92 Thư Cúc Pha tặng thi	129
— 93 Tống Tăng Đạo Khiếm quy sơn.	130
— 94 Tức hứng	131
— 95 Văn hứng	132
— 96 Thu nguyệt ngẫu thành	133
— 97 Hòa tân trai vận	134
— 98 Tức sự	135
— 99 Đề An tử sơn, Hoa yên tự (Đề chùa Yên Hoa núi An tử).	136
— 100 Đề Bảo Phúc Nham (Đề động Bảo Phúc).	138
— 101 Đề Ngọc Thanh Quan (đề đền Ngọc thanh Quan)	140
— 102 Hạ nhật mạn thành (Ngày mùa hạ)	141
— 103 Oan Thán (Than việc oan).	142
— 104 Phụ tặng đáp chư thầy (Phụ thêm thơ tặng, đáp, các thầy)	144
— 105 Nguyễn mộng Tuấn hạ thừa chỉ Ưc trai tân cư (Nguyễn mộng Tuấn mừng nhà mới thừa chỉ Ưc Trai)	145
— 106 Phan Phu Tiên hạ Gián Nghị Đại Phu Nguyễn Ưc trai (Phan Phu Tiên mừng Gián nghị đại phu Nguyễn Ưc Trai).	146
— 107 Nguyễn Mộng Tuấn tặng Gián nghị Đại phu Nguyễn Công	147
— 108 Đề Hoàng ngự sử Mai Tuyết hiền	148
— 109 Côn sơn ca	151
— 110 Chí linh sơn phú (Xuất Quan hiền phú tập).	154

QUYỂN II : PHỤ LỤC NGUYỄN PHI KHANH THI VĂN

— 1	Hóa thành thần chung (nghe chuông sớm ở Hóa Thành).	167
— 2	Hoàng Giang dạ vũ (Bến Hoàng giang đêm mưa)	168
— 3	Thôn cư (ở trong xóm)	169
— 4	Thu nhật lưu biệt Hồng châu kiêm chính.	170
— 5	Bãi Bàng Hồ Tướng Công du Xuân giang (theo Bàng Hồ Tướng công đi trên sông mùa xuân)	171
— 6	Đề Tiên-du tự (đề chùa Tiên-du)	172
— 7	Trung thu ngoạn nguyệt hữu hoài	173
— 8	Thu dạ	174
— 9	Chu trung ngẫu thành	175
— 10	Giang thôn xuân cảnh	176
— 11	Thao giang quận xá	177
— 12	Đồng ngạn xuân mộng	178
— 13	Thiên trường Chu trung (Nhị thủ) I.	179
— 14	Thiên trường Chu trung (Đệ nhị thủ)	180
— 15	Đại Thánh Hựu Quốc tự tảo khởi (Sớm ngủ dậy, tại chùa Đại Thánh, Hựu quốc)	181
— 16	Sơn trung	182
— 17	Thu nhật khiển hứng	183
— 18	Thành Tây đại ăn Lư khẩu chiếm	184
— 19	Thu thành văn vọng	185

— 20	Trung thu hữu cảm	186
— 21	Thù Đạo khế Đại học (Xuân hàn vận)	187
— 22	Trừ tịch (Dụng Đổ Phủ Vận)	188
— 23	Cửu nhật thôn cư độc chước	189
— 24	Thu nhật hiều khởi hữu cảm	190
— 25	Tam nguyệt sơ nhật nhật hiều khởi	191
— 26	Xuân hàn.	192
— 27	Mộ Thu	193
— 28	Cửu nguyệt Bãng Hồ công tịch thương	195
— 29	Thu dạ tảo khởi ký Hồng giang kiềm chính.	196
— 30	Bệnh trung hoài Hồng giang kiềm chính (Thu dạ vận)	198
— 31	Nguyên Đán thượng Bãng Hồ tướng công.	200
— 32	Thu bệnh trung.	201
— 33	Bồi Bãng Hồ Tướng công du xuân giang.	203
— 34	Trùng du xuân giang hữu cảm	205
— 35	Thôn cư cảm sự ký trình Bãng Hồ tướng công	207
— 36	Cồ sơn Phạm Công (Phạm Nhân Khanh giám tu quốc sử) thị dĩ Tiểu Phồ thi, thả đạo chư công dĩ canh họa. Dữ nhân mộ kỳ trần trung nhi hữu nhân thích chi thứ nhân thứ kỳ vận	209
— 37	Thiên Trường thi hậu hữu cảm.	211
— 38*	Bạc Lý gia lãng.	213
— 39	Khách lộ	214
— 40	Tị khẩu sơn trung hữu cảm.	215

— 41	Khách xá.	217
— 42	Thôn cư.	218
— 43	Quan vi kỳ.	219
— 44	Tự Thiên Trường phiêu quá hải khẩu ngộ phong	220
— 45	Du Côn sơn.	221
— 46	Đề Huyền thiên tự.	222
— 47	[Khuyết đề]	224
— 48	— nt — Đề nghị thủ	226
— 49	Thứ Hồng châu Kiêm Chính vận.	228
— 50	[Khuyết đề]	230
— 51	Hồng châu phục tiền vận ký đáp chi	232
— 52	Dụng Trịnh sinh lưu biệt dĩ biệt chi.	233
— 53	Giang hành (Thứ Hồng kê Kiều chính vận).	234
— 54	[Khuyết đề]	236
— 55	Thành trung hữu cảm ký trình đồng chí	237
— 56	Phụng canh Băng hồ ký tặng thôn trung cao vận	239
— 57	Ngẫu tác.	241
— 58	Gia viên lạc	243
— 59	Thôn gia thú	245
— 60	Sơn thôn cảm hứng.	246
— 61	Du Phật tích sơn, sở giang ngẫu tác	248
— 62	Phụng chiếu Trường An đạo trung tác	249
— 63	Tạ Băng Hồ tướng công tứ mã	251

— 64	Hạ Chu Hàn Lâm, Vị Ương tảo triều	253
— 65	Tổng Trung sứ, Vũ Thích Chi	255
— 66	Tổng hành nhân Đỗ tông Chu	257
— 67	Hạ Kinh Triệu Doãn Nguyễn Công vi Văn Đồn kinh lược sứ	259
— 68	Tổng Kinh sư Doãn Nguyễn Công vi hành doanh chiêu thảo sứ	261
— 69	Tuyên chiếu bãi biệt vận phổ Nguyễn Viêm.	263
— 70	Hà Tổng, Lê, Đỗ tam công ngự sử.	265
— 71	Tổng Thái Trung Đại Phu Lê Túc Trai bắc hành.	267
— 72	Hạ Trung Thư thị lang	269
— 73	Hỷ học sĩ Trần nhược Hư tự Nghệ An chí.	271
— 74	Dữ Chương Giang đồng niên Trương Thái Học	273
— 75	Thượng thừa Chi Hồ Tôn Trác.	274
— 76	Giáp tý hạ hạn hữu sắc chư lệ đảo vũ, vị đảo nhi vũ	276
— 77	Tổng thái học sinh Nguyễn Hán Anh quy Hồng Châu	278
— 78	Thanh Hư động ký	280
— 79	Phụ tặng đáp. Trần nguyên Đán ký tặng Nhị xuyên Kiểm Chính Nguyễn Ứng Long.	287
— 80	Hồ tôn Trác du Động Đình họa nhị khe vận	289

QUYỀN III : ỨC TRAI DI TẬP VĂN LOẠI

— 1	Trình tình tạ tội biểu văn.	293
— 2	Tạ án trình tình biểu văn.	300

— 3	Dữ Vương Thông Thông Thư	305
— 4	Phỏng câu Trần thị tử tôn tấu văn	310
— 5	Dự hào kiệt chiếu.	313
— 6	Cầu hiền tài chiếu	315
— 7	Bình Ngô đại cáo	319
— 8	Tạ chiếu xá Giao chỉ biều	328
— 9	Tạ Sách phong biều	331
— 10	Lịnh bách quan vô tác Khánh hạ lễ nghi chiếu (Xuất thông sử)	335
— 11	Cấm đại thần tòng quản cấp chư viện, tỉnh cục đẳng quan tham đại	337
— 12	Mệnh Tư Tề nhiếp sự chiếu (Xuất thông sử)	346
— 13	Bình phục lễ ban sự chiếu	349
— 14	Mệnh Giáng Tư Tề vi Quân Vương thứ tử Nguyên Long thừa thống chiếu	357
— 15	Tuế cống biều	362
— 16	Thượng Hoàng Thái tử biều	365
— 17	Quốc nhân tạ sách phong biều.	367
— 18	Lam Sơn Vĩnh Lăng thần đạo bi ký	370
— 19	Tạ điều tế biều.	376
— 20	Cầu tập phong biều.	378
— 21	Tạ tập phong biều	381
— 22	Quốc nhân tạ tập phong biều.	383

— 23	Hạ tức vị biểu.	385
— 24	Hạ tôn Hoàng Thái Hậu biểu.	388
— 25	Tạ sách phong quốc vương biểu.	390
— 26	Tác hậu tự huấn dĩ giới Thái tử.	392
— 27	Tặng Chiếu nghi vi Hoàng Thái Phi chế Thiệu bình niên gian.	397
— 28	Tặng Chiếu nghi vi Trinh Ý nguyên phi chế.	400
— 29	Băng Hồ di sự lục.	402
— 30	Gián nghị đại phu kiêm tri Tam Quán Sự tạ biểu.	410
— 31	Dự nghệ An, Tân Bình, Thuận hóa tướng hiệu quân nhân lệnh.	415
— 32	Thu, thất nguyệt, ngũ nhật chỉ huy Đại thần bách quan trung ngoại văn vũ Thần liêu đăng hội nghị tiền pháp chiếu.	417

PHẦN NGUYÊN TÁC THEO VI ẢNH PHÚC

KHÊ NGUYÊN BẢN

Tựa.	I
Quyển I.	XIII
Quyển II.	LXIII
Quyển III.	CXXIII



嗣德戊辰秋

A
134

抑齋集

福澤原本

大凡懷才抱德者見於行為事業發於言為文章蓋天降用於是人必全以予之也觀諸古如伊尹之一德太公之兵書又非所謂文章也耶我越丁李陳蔡一代興王之君必有一代興王之佐求其全如柳齋先生邈然矣且蔡之興也難矣哉胡氏失道明以堂堂大國奄有其地兩世矣苟非理明義正足以折服其心豈肯坐視

退師降將空手以還我耶惜乎有人如此而文章不能盡傳也邑子嘉平楊尹手平日所集先生及先君子飛卿諸作并歷代封贈諸勅諸書譜誌評論示予請為撰次評閱及序詩文較越音文選稍備軍中詞命地輿誌史論已見載其各目顏曰柳齋遺集蓋幸畧存而惜其不備也先生之學出於家庭而精深淵潤進大剛方乃其獨得固無心於文章而發之於言則英華雄

不矜其著作直摹倣虞夏其平生吟咏竊而堅
老而壯前輩稱不忘君親者一一於集中見之
夫其晦有所養顯有所用藏焉足以相忘行焉
足以大得此豈剽竊陳迹而試其或成者哉嗚
呼宇宙莫大乎文章非獨一家之言也然經世
之文每不多得而可使之堙滅不傳乎天下淫
書莫漆園若也自以為不言之言而不見其可
言自以為無用之用而不見其可用其襲諸人

間駢拇枝指而已矣。雖有蓬之心，猶不以彼易
 此。顧忍視其一行一止一塞一起，孰謂仁人君
 子之意乎？策自少得聞先生勲業之槩，亦知樂
 而識之。及讀史，每犁然神往，輒恨不得見其全
 文，又竊嘆我交文章之富而勲傳也。旣而得詩
 數十首，賦一則，然猶以不足爲恨。豈固所謂物
 聚于所好而亦若是其難耶？甲午春，與同門楊
 嘉平遇楊先生邑廬也。手授是編，讀之以序，每

辭之未能就之行因曰願公之世毋俾涇駟丙
申冬復再遇復出以脉其編次詳整奎昔具見
心力且曰吾將公諸世矣惟吾子毋違成言夫
如此文章而楊能藏之而今全得之膏猶藍田
拱壁洞庭廣樂夫豈人力也哉嗚呼先生功存
乎漉傘不待文而後傳文得乎性學不待贊而
後顯然不敢闕于一辭者自以區區嚮往匪今
伊昔其未得之以爲恨其既得之以爲喜榮雖

杜荀鶴集

陋誠樂掛名其間少寫平日嘆慕之私爾詩有
之曰高山仰止景行行止吾於數君子之後不
曰抑齊先生其誰歟

後學陽亭吳世榮

丁酉春

拜書于竹堂

濟文阮侯抑齋先生詩文集序

文足經世、然後可以行世。若是者、我越文獻
 抑齋先生其選也。常遐觀古人、漢得董相、廣川
 唐得韓公、昌黎宋得歐陽公、永叔於我越得朱
 公文貞、張公升甫、數君子者、皆無赫赫之功、而
 各以其學、明仁義、闢異端、衛正道、持國是、寔有
 陰功於萬世、故其文、遂以不朽。夫然、苟有操仁
 義之用、撥亂世反之正、功加于後、澤被于後、又

非謂經世之卓卓者耶先生開濟之功蓋自宋
明之吞宋也取其人、漁其貨、夷其山川地紀神
怒民怨、鬱而不得伸者數十年、彼其平日自謂
英雄豪傑、獨立于異人之表、吾知在哉先生起
首獻大策、不言攻城、而善言攻心、卒使其十五
道之人土、挈而歸之、我先生之功昭昭矣、夫功
之不可掩、則知先生遺集不容片紙隻字付之
沉煙斷棘間也、觀其立朝奏議、切而不迂、誠而

顯殆不可揜行師之誥命立朝之志詞隱然仁
義道德之貴尤足以垂世而傳後然則文章事
業豈可二其觀哉嗚呼如先生者其我

皇越之名世也歟小子輒不自揣復繫以言蓋
以成楊尹收拾之志而深信灝然之氣終不可
得而泯滅也若夫先生行狀史記外歷朝封誥
勅諸家譜志評論具存卷端足備參考彼所謂
蛇報者惜先生晚年之不幸而創為此說特創

之身使離世俗之惑

後學阮能靜

明命十四年癸巳春

書于梅花堂

序

是編也好之而聚之有年矣、吾鄉先生抑齋公之文散見於諸家叙傳、有詩集地志王堂遺範軍中詞命郊祀山陵大義記等作、恭嘗遊歷南北、遇士夫輒以遺麓問、間或有之、惜其風霜兵火之後、聚者無幾矣、惟恐其

散者既不可復聚、而聚者又易散、不自揣量、彙以成集、兼採史記家譜傳誌勅誥、并之簡端、爲月旦中一名談、以俟世之同好、或有取乎否也。

嗣德貳拾壹年戊辰秋仲

後學良亭
楊伯恭拜

柳齋詩集

詩類

竹歌二則

按蘇軾詩集卷洪德間陳克儉編次今考精選題全越詩集見存一百十篇題為一卷

遊山寺

五言律

短棹繫斜陽
匆匆謁上方
雲歸禪榻冷
花落澗流香
日暮猿聲急
山空竹影長
箇中真有意
款語忽還忘

江行

柳齋詩集卷之一

詩

柳齋詩集卷之一

西津初艤棹風景便江湖雨過山容瘦天長鴈影孤滄
浪何處是漁釣好為徒回首東華地塵埃覺已無

聽雨

寂寞幽齋裏終宵聽雨聲蕭蕭騷騷客枕點滴數殘
更隔竹敲窓密和鍾入夢清吟餘渾不寐斷續到天明

贈友人

負病予慙汝踈狂汝似余同為千里客俱讀數行書
遙知何月歸還諒有餘他年桑溪釣艇並荷春鰲

莊子

翠山

山在安慶北大江又名水山張漢越改稱
清翠晚平以居于此嘗有詩刻于石

山有仙山年前漫往還蓮花浮水上仙境墜人間
塔影簪青玉波光競翠微有懷張少保研刻蘇花斑

題伯牙鼓琴圖

七言絕

無期不作鑄金難獨抱瑤琴對月彈靜夜碧宵涼似
水一聲鶴唳九皋寒

今出所集內僧詩安龍得
黃金鶴竹鐫子期

夢山中

清虛洞裡竹千竿、飛瀑霏霏落鏡寒、昨夜月明天似
水、夢騎黃鶴上仙壇、

題雲窩

半簾花影滿床書、庭外蕭蕭水竹居、盡日雲窩無箇
事、黑甜一枕半窓虛、

偶成

世上黃梁一夢餘、覺來萬事總成虛、如今只愛山中
住、結屋花邊讀舊書、

寒頭春渡

寒頭草綠如烟春雨濛來月拍天野徑荒涼行客少孤

舟鎖日攔沙眠

暮春即事

蘇軾詩三月
同花芳香滿庭

關中盡日閉書齋門外全無俗客來杜宇聲中春向老一

庭疎雨憫花開

村舍秋砧

滿江何處響東丁夜月偏驚久客情一絲蕭關征婦怨幾

將離恨心移聲

晚立

長天漠漠水悠悠黃落山河屬暮秋
美艸花邊雙白鳥人間果不到滄洲

采石懷古

采石曾聞李謫仙騎鯨飛去已多年
此江若變為春漲只恐波心尚醉眠

藍關懷古

行盡千山與萬山，朔風吹起滿藍關。
君王曾此思忠諫，瘴

道觀正馬還。

春定花落雨毵毵，天意清明三月三。
水上行人門外柳，數聲啼鳥似江南。

題南華禪房

南華在韶州

半生丘壑便幽棲，禪榻分明鑿鳥啼。
萬里南來山水遠，一生能幾過潛溪。

靖安晚立

淡烟疎雨晚模糊、水色天光半有無、萬古乾坤清景致、海
山為我出新圖、

題山鳥呼人圖

深山寒寒鳥呼人、畫裏看來亦逼真、閑料午窓朝退且聽
四疑是故園春、

題東山寺

寺在東朝永樂社有舍龍寺、安南志溪山水亭
在伊社有豐德寺、王清廟下有壽慶池、四知不曉

君親一念夕嬰懷、惻惻林樾風颺來、五十餘年塵境夢、

聲啼鳥喚初陽

寄友

七言律

亂後親用落葉空，天邊書信斷秋鴻。
故園歸夢三更雨，旅舍吟懷四壁蛩。
杜老何曾忘渭北，管寧猶自客遼東。
越中故舊如相問，為道生涯似轉蓬。

途中寄友

上國觀光萬里途，天涯屈指歲云徂。
草萊水遠山還遠，別後書無雁亦無。
客夜不眠千感集，清和誰料寸

忠秋南州舊識如相問報道今吾非故吾

非一作亦

途中寄洮江何刺史程會憲

洮江一別意悠悠杯酒論文憶舊遊東岸梅花晴朔
纔平灘月色遠隨舟程公世上無雙士何老朝中第一
流鈴閣想應清話處天涯肯念故人不

雲屯

雲屯在廣安東南志云雲屯即新山在雲屯縣海中而山猶
時一水中通立木橋置水門民家利焉兩岸李和松竹是屬

舊治東于此
吾怪販買

路八雲屯山復山天恢地設付奇觀一盤藍碧澄明鏡萬

扣門遺集卷之二

福州游記

過海

龍尾山在嶺南寧海有險峻所尾截海連江中每障阻風浪行冬

撥盡閑愁獨倚蓬水光渺渺思何亦松林地介疆南北
龍尾山橫限要衝義氣掃空千障霧壯懷呼起半帆
風扁舟羨我朝天客直駕鯨鯢跨海東

關海

椿木重重海浪前沈江鉄鎖亦徒然覆舟始信民猶水
恃險難憑命在天禍福有媒非一旦英雄遺恨幾千
年乾坤今古無窮意却在滄浪遠樹烟

紹州文憲廟

反狀當年辨獨允，至明先見若蒼龜。
濟和儒術年有諫，王忠書石後知萬古。
不磨金鑑錄，千年猶享曲江祠。
高風追想渾如昨，手拂青苔認石碑。

遊南華寺

神錫飛來幾百春，寶林香火興前因。
降龍伏虎機何快，無樹非臺語若新。
盤側起樓藏伏鉢，龕中遺鉢悅真身。
門前一派澄溪水，洗盡人間磊磊塵。

潯州

潯州城下鼓鼙聲，客路還淹數月程。
溪洞有氓山八萬，戍樓吹角月三更。
岸篴瑟瑟悲風起，江水悠悠綠夢清。
老我世途難險惡，中宵不寐獨傷情。

梧州

路八肯梧景更幽，岸邊楊柳簇人家。
九疑積翠峯如畫，二廣分流水若人。
琳館空聞飛白鶴，仙人不見袖青蛇。
火山冰井真奇事，舊俗相傳恐亦差。

過嶺

月滿日落馬馳陸、行盡梅關不見梅、夾道千松撐漢
 溪、綠雲一路望山開、長安日近聊舒目、故國天遙重感懷、
 片紙從通此道、不知今幾百年來、

題盧氏家譜

積慶原來自有基、蕭家後輩可先知、詩書淡澤芳逾
 遠、忠孝傳家訓永貽、水木之從原本始、黃金何用子
 孫遺、焚香一讀公家譜、肅肅令人起敬思、

平南集卷之二

江西

自古鴻都稱勝地，今朝客裡曾相遇。
烟收南浦曙光斜，日落西山暮景佳。
告許成風憐俗薄，詞章有學科多。
旌揚鉄柱今猶在，碑刻千年蘇已花。

平南夜泊

片帆高颺晚風輕，暮宿平南古縣城。
燈影照人和月影，樹聲敲夢伴灘聲。
湖山有約違初志，歲月如流漫此生。
夜半戍樓吹畫角，客中悵愴不勝情。

贈孔顏孟三氏子孫教授太平

人生十慮九常乖、盛世誰知有素衣、坡老昔曾借耳去、
長庚亦向夜郎來、文章自古多為累、詩酒從今且放懷、
會待金鷄關赦日、五雲深處覩蓬萊、

金鷄衛
出微文

和卿先生韻東諸同志

愁來咄咄漫書空、天地無窮嘆轉蓬、世事展心頭內、
白、衰顏惜酒粟生紅、
避弋鵲淪落天涯俱是客、年來出處畧相同、

寄舅易齋陳公

兵餘親戚半離零，萬死殘軀偶一生。
往事空成槐國夢，別情誰寫渭陽情。
云來自擬同王式，避亂終當學管寧。
若問相思愁別處，孤齋風雨夜三更。

清明

一從淪落他鄉去，屈指清明幾度過。
千里墳塋誰拜掃，十年親舊盡消磨。
乍晴天氣模糊雨，過半春光斷句多。
把酒還自傷，莫教日日苦思家。

句花即昭陽花也

戲

來無事不消暇。庭外風流自一家。這壁千重開畫嶽。
 翠壁萬頭。綠波。管弦。雜林邊鳥。羅綺。芳茶。瑞
 花照底。一知詩料富。公行誰與世人多。

亂後感作

神州一自失。十丈萬姓嗷嗷可奈何。子美孤忠唐印
 底。任健。說。江山。年來。幾。幾。使人老。秋。越。他。鄉。感
 客。吳。州。載。名。安。用。處。切。頭。為。事。付。南。柯。

卷之三

不注辨材

亂後到崑山感作

山在崑山縣元白退休處山有清泉村下有舟，荷陳法螺庵居之尤有佳處

一別家山恰十年，歸來松菊半偷然。林泉有約那堪負，
原上低頭只自憐。鄉里疏過如夢到，干戈未息幸身
全。何相結屋雲峯下，汲澗烹茶枕石眠。

歸崑山舟中作

二首

十年飄轉嘆蓬蒿，歸思依依日似旂。幾托夢魂尋故
里，空將血淚洗征袍。兵鋒片片嗟難禁，客裡江山只此
過。歸隱十年心未處，船窓推曉到天明。

寄友

平生世路多艱險，世事難應付老大。
 心一寒知故，一寒知故，一寒知故。
 似年十載詩書，引覺無甘苦坐臥。

舟中偶成

雨後春潮漲海門，天風吹起浪花噴。
 樹隔水，綠陰深，月映風，景可人。
 樓閣，樓閣，樓閣，樓閣，樓閣，樓閣。

打金枝卷一

宿溪山

海角天涯肆意遊，乾坤到處放吟毫。
漁歌三唱烟湖闊，牧笛一聲天月高。
清夜洗虛觀宇宙，秋風乘興駕仙舟。
悠然萬事忘情後，妙理真堪付濁醪。

仙槎杳杳氣飄飄，海山萬里片帆孤。
途中日月三冬過，客裡親朋一字無。
異境每驚新歲月，扁舟重憶舊江湖。
平生有此去寧辭，我僕痠

胸臆

山前青嶂幾重重，懸知在帝城中。
大仁有歸天啟

取清關一馬走生風國祚萬歲年聯金匱終藏萬世
 功立如乾坤從此了世間帝史數英雄

賀歸藍山 為任官山

辭謀本是用時文仁義維持國芳安臺閣有人儒席
 煥邊陲無事柳營明處方玉帛國王會中國威儀觀
 漢官胡使已清歸功處南州萬古青工山

領昔藍山此處古相志已存蒼生萬姓一向中原指
 新軍已知天下成日霞月滅歸德此上蒙維新義威

相濟集卷之一

相濟集

聲一戍大定何神速甲洗弓櫜樂太平

上元扈駕舟中作

沿江千里燭光紅彩鷁乘風跨浪蓬
十丈樓臺消蜃氣
三更鼓角壯軍容滄波月浸五千頃
仙杖雲趨天九重
五夜蓬窓清夢覺猶疑長樂隔花鍾

賀捷

年大定征復阻州

春再續前歌遙憶嶺山愁惡已多年
九重麻念於遐
億萬里勞輿自序州山戍已聞收魏
璫宸奎又見刻

雖然從今四海車書一盛德豐功萬古前

何處賊軍蹤客到城頭空望網中竊壤豈堪延喘
息人遊世之秦隋六角空萬里溪山月旗脚千岩
草木風四海水清從此始結示早濟掛天弓

聖朝奕奕世世皆恩奈海無知自殞集累世仇深隣境
惡欺天罪人鬼神無莫將前世報今人不作忠臣効
逆囚為報後來藩鎮者征恤我韓在前途

欺天罔上謂天高天網恢恢更莫逃力外重山空設

險林間棲鳥不歸巢
 蠻溪路遠紆驚駟
 玉帳深謀出虎額
 四海只令俱帖靜
 預知後遇本先勞

周公輔成王圖

懿親輔政想周公
 處變誰將伊尹同
 王几遺言常在念
 金勝故事報言功
 安危自任扶王室
 左右無非保聖躬
 予孟豈能瞻彷彿
 權照僅可挹餘風

乞人出崑山圖

半生卽望帝令漁
 亂後家鄉費夢尋
 石畔松風孤

晴窗閒看梅影，負清吟、烟霞冷落。屬堪斷、猿鶴滿條。
意田、思佳人、問高萬手、筆端空出一般心。

題張虛士雲高圖

佳客相逢日，忙尋故山歸。與何深、香浮瓦鼎，風生
樹。月照茶瓊，竹滿林、先盡塵襟。花外茗、喚回午夢，恍
邊禽。人適足、是古處、人與白雲誰有心。

北海

北海雲台已幾回，照安猶虛。誰戎兵近，旗旂連。

雲影、鼙鼓喧闐、動地聲、萬甲耀霜、繞虎肅、千艘布
陣、鵠鵠行、聖心欲與民休息、文治終須致太平、

冷板席

截竹編簾未足奇、要渠冷煖適相宜、柔毛穗藉香侵
骨、軟革圍鋪水浸曦、竹院日長宜暑退、紅樓夜永覺
春移、高堂不失溫涼候、却恨晨昏定省期、

題徐仲甫耕隱堂

去怕繁花踏曉塵、一犁岩畔可藏身、商家令佐稱華

野澤世高風，作山春松菊。猶存歸未晚，判名不羨隱。
方真差余久，猶信冠世本。足耕開釣寂人。

題石竹篇

傍石移裁竹，寒竿晚色期。碧琅玕，烟梢露滴衣裳。
冷，他骨雲生松葉寒。幽致已應塵外想，清標還愛雪中。
春，窓前月白供什賞。退食聊將寓暫歡。

題何松尉白雲思親

庭園一別歲，花深愛暮人。時共此心客，裡看雲情易。

功公餘披卷意難禁
 家山此不懷素梓
 忠孝何曾有
 古今持此贈君還
 自感詩成我亦淚沾襟

秋夜客感

秋夜客感詩子思之詩曰秋夜客感更在秋夜之詩二此言四死之亡者不足怪矣
 其自感之存乎人以此存於此觀之則人未始不有英文筆也

旅舍蕭蕭席作門
 微吟袖手過黃昏
 秋風落葉驚
 思夜雨青燈客夢魂
 船後還人非風昔
 愁中送日
 雲
 峻坤到頭萬事皆虛幻
 休論凡亡與楚存

四風撼樹響
 思錄
 落聲悲
 久客情黃葉滿庭秋
 過
 半青燈和雨夜
 更
 病多骨瘦眠應少
 官冷身閑夢

亦清。一息未平，念息。鶴虫自此了相爭。

杜詩得失
無了相

秋夜與黃江阮若水同賦 用梁江表

紅藥堆庭竹掩門，清階明月過黃昏。
九宵清露三更濕，四壁寒蟬徹夜喧。
仙籥誰吹驚草木，玉繩低澹轉乾坤。
高齋獨坐渾無寐，好把新詩向志論。

○望瀛

望瀛投岸繫吟船，詩景撩人晚興牽。
浴翠雨晴峯似玉，大寒洲漲水如天。
依依遠樹青烟裏，渺渺平

沙白鳥前三十年前湖海趣茲遊奇絕勝蘇仙

過神符海口

在黃山江流自正大迎而下兩邊連山蒼立
蜿蜒起伏岸景好而瀾為山水大觀

神符海口夜中過奈此風清月白何爽岸千峯排玉
筍中流一水走青蛇江山如昨英雄遊天地無情事變
幾胡越一家今幸觀四溟從此息餘波

神符海口

故園歸心落雁邊秋風一葉海門輕鯨噴浪吼雷南北
棚排山邊正後前天地多情恨巨浸魚名此會想當年

日斜倚棹滄茫立，冉冉寒江起暮烟。

淋港夜泊

港口鮑湖暫繫船，銷銷隔岸響簫聲。
 船窗客夜三更雨，海曲秋風十大清。
 陂外虛名身是夢，夢中浮俗事堪拋。
 一生習氣渾如昨，不為羈愁損舊豪。

鮑湖在廣東省城
也

海口夜泊有感

湖海年來興未衰，乾坤到處見心寬。
 眼邊春色薰人醉，枕上潮聲入夢寒。
 歲月無情雙鬢白，君親在念寸

心丹一生事業殊堪笑贏得浮名落世間

一別江湖數十年海門今日繫吟船
波心浩渺滄洲月樹影參差浦溆烟
往事難尋相易過因思未報老堪憐
平生獨抱先憂念坐擁寒衾夜不眠

龍袋岩

一作龍清山又清江橋前
心十遠樓詳見前卷

去年虎穴我曾窺龍袋今觀不虛奇
驚見出山青鯨遊塞海海為池
壺中日月天難老世上英雄此一
朝繁范風流嗟漸遠青苔半蝕壁間詩

次韻陳尚書題阮市政事堂

一心報國尚桓桓，小榻蕭蕭已午寬。
 微省長歸花影外，冷金門裏覺清涼。
 琴書雅趣真堪尚，淑慝分明可
 未寒後樂想知然，有意好將事業百年看。

端午日

天中共喜值佳辰，酒泛菖蒲節物新。
 進解當年思永叔，沈湘底事嘆靈均。
 聞邪不用雄黃辟，隨俗聊為
 笑點人顏。把蘭湯分四海，道人亦喜為。

北詞類選卷之二十一

福海新刊

秋日偶成

蕭蕭落葉晚庭中，病骨纔蘇，風轉豪天地，斯文從
古重湖山清興，八秋高，鏡中白髮，隨人老，身外浮名
沒，再勞緬想故園，一江菊夢，魂夜夜上歸舸。

漫興

世路蹉跎雪上簷，一生落魄更堪憐，兒孫祇隔留心
地，魚鳥忘情樂性天，掃雪煮茶軒竹下，焚香對案
塢梅邊，故山昨夜，繼清夢，月滿平灘，酒滿船。

九萬搏風記昔曾當年錯比北溟鵬虛名自誤
 斗後學誰將作準繩一片丹心真汞火十年清瀝玉膏
 漫游且復言余好俯仰隨人謝不能

烏兒智巧挽不留回頭萬事總宜休空花如夢眼
 鹿伴境驚心端月半牀屋栖身堪度若蒼生在
 先憂彭殤成殺却休論古往今來
 朴散淳漓聖道通吾儒事業香無聞
 退老思斜谷口雲華嘆百年同
 過客何曾一飯恩君人

和廣道中

補注

生識宇多憂患境老曾云我亦云

生識云我亦云
老曾云我亦云

小院陰陰石徑斜
南燕官况似僧家
官情易怯傷弓鳥
暮影難留赴壑蛇
夢覺故園三徑菊
心清活水一畝茶
頭六十年前事
雙鬢星星兩眼花

夏日漫成

傳家舊業只青氈
離亂如今命苟全
浮世百年真似夢
人生萬事總關天
一壺白酒消殘慮
半榻清風足午眠
惟有故山心未斷
何如結屋此山邊

漫成

青年芳譽鶴儒林老去虛名竹夢尋
 杖策何從歸漢室抱琴空自操南音
 仲尼三月無君念孟子孤臣應患
 心但喜弓箕傳世業傳家何用滿庭金

眼中浮世總浮雲左角驚看日晉秦
 天或喪斯知有命邦如有道亦差貧
 陳平自信能為宰杜甫誰於已誤身
 世事不知何日了扁舟歸釣五湖春

埭山香爐千竈虛懶性從來愛書居
 家有茶書史筆

柴門無車馬故人疎
盡隨分安衡沁湖海
極身懷
野魚與世漸疎頭向白
東山日日賦歸與

偶成

喜得身閒官又冷
閉門盡日少相過
滿堂雲氣朝焚
柏造枕松聲夜淪
茶修已但知為善
樂致身未空
青多平生迂濶真
吾病無術能醫老
更加

酬友人見寄

矯矯龍驤萬斛舟
安行每懼覆中流
事堪涕淚亦

言說運落風波豈智謀身外浮名烟閣迴夢中花鳥
故山幽態歎堪耐卿中友聊把新詩寫我愁

和友人胡不取高興

蓬萊弱水杳無涯俗境低回髮半花雲外故居空蕙
帳月中清夢遠山家心如野鶴飛天際跡似征鴻踏
雪水岩穴栖身何日是天門回首五雲賒

仙書數卷舊生涯饑食松根嚼日花竹有千年獨
俗客塵無半點到山家瑤階竊淚窓斜月釣渚魚

寒梅攔沙徒覺壺中風月好年年不用一錢贖

時有... 薪水三間野水涯少年剝落舊紛紛年得安分處應隨安

分未出家相且駐家檻裡雲山無籠辱城中軒見總

塵沙舊翁一去今千載丹竈寒烟歲月賒

次韻黃門侍郎阮菊坡賀新居成

乃條僻地半條荆喜得新詩當座銘

竟林有韻反林也

傾謀婦酒甚書惟有草玄經蓮門倒屣迎佳客花鳩移

床近曲城

里切

笑茂老來狂更甚旁人休換次公醜

次為坡贈詩

天子正崇文喜見黃金磔瓦分
美玉不勞求善價
鳴琴自吐清芬美君已作儀庭鳳
愧我應同出軸
兩眼昏花頭更白
涓埃何以荅君恩

送僧道謙歸山

記曾過學十餘年
今又相逢一夜眠
且喜夢中拋俗
事更尋石上話
前緣
胡胡靈浦還飛錫
何日崑山共
采芝
去狂言休恠我
臨岐我亦上乘輝

卽興

攬翠亭東竹滿林
柴門晝掃淨陰陰
雨餘山色清詩
服潦退江光淨
俗心戶外鳥啼知
客至庭邊木落識
秋深
午窓睡醒渾無寐
隱几焚香理玉琴

晚興

荒苔幽居苦寂寥
烏巾竹杖晚逍遙
村荒日落霞橫
月夕行人稀
水沒橋今古無窮
江漠漠英雄有恨
葉凋
前
弟歸來獨凭欄
軒坐一片水塘掛
碧霄

秋月偶成

幽窗睡起獨沉吟
案上香消淨客心
靜裏乾坤萬物
閒中日月值千金
儒風冷淡扣情薄
聖域優游道味
深
讀罷羣書無箇事
老梅窓畔理瑶琴

和新齋韻

風流郡守文章伯
喬木能於我故家
竹美江山詩易就
無情歲月照梅花
干戈十載親朋少
宇宙千年變故多
客舍香塵春晝永
騷騷夢繞烟波

卽事

小小軒窗矮矮廬官居頗覺類幽居
滄波江上開垂釣綠樹陰中靜者書
雨過晴嵐籠戶牖風來雪浪舞庭除
午窗滿座無塵累一片閒心躍太虛

題安子山花烟寺

安子山在東湖之南梁昭山州府安子山在交州安子山州城志上有紫雲寺

州志云安子山在交州安子山州城志上有紫雲寺

我空山隱居此奉
作爲竹林第一祖

安山山上最高峯絕五更初日正紅
宇宙眼窮滄海

外、品人在山中、雲中、極門、玉樹、千、敵、掛、石、珠、疏、落、半、
空、仁、應、當、年、遺、跡、在、白、雲、光、裡、觀、重、瞳、

題抱腹岩

抱腹岩、在、山、中、大、江、之、中、華、山、排、立、在、山、所、對、
峙、十、丈、外、有、三、丈、之、半、高、闊、大、落、二、平、中、有、水、神、靈、
神、之、神、所、公、也、燭、而、行、無、窮、書、法、
安、南、志、云、岩、寬、八、九、丈、上、皆、赤、色、

明、欄、掉、上、岩、頭、乘、興、聊、為、玉、局、遊、九、轉、丹、成、強、鶴、

去、三、袖、脫、斷、一、驚、浮、石、欄、影、附、滄、江、月、仙、洞、烟、含、碧、

樹、秋、足、處、真、堪、容、我、隱、山、中、還、有、舊、遊、不、
大、硤、石、
范、公、讀、

題玉清觀

紫府樓臺倚碧岑、十年今夕一登臨、松花落地金壇靜、
碧響穿雲道院深、金鼎丹成人已去、黃梁夢覺事難
尋、休愁鶴惡無窮意、寒日蕭蕭竹隔林、

身日度成

山過庭柯長綠陰、蟬聲宮徵奏虞琴、窗前黃卷工
經牕戶外青山故、索吟盡靜乾坤寬、道恩人間名利脫、
初心回頭三十年、前事夢裡悠悠更莫尋、

宛暉

思於筆端不能盡其
意也

浮俗升沉五十年、故山泉石負情緣、虛名寔禍殊堪
笑、衆謗孤忠絕可憐、數有難逃知是命、文如未喪也關
天、獄中橫背空遭辱、金闕何由達寸箋、

附贈荅諸體

阮子晉題抑齋壁

心鏡相逢豈偶然、別開城市一林泉、優游禮讓安仁
宅、出入謙恭樂性天、吏散庭前惟草色、客來竹外自
茶烟、公餘退食焚香坐、畫軸張琴樂歲年、

阮夢荀賀承旨抑齋新居

善治應如鑑子荆、何須匝屋撰新銘、一條水冷如三飯、
四壁家貧富六經、梅影月描來錦帳、荷香風遞送、
疎檉、携壺歡飲同清賞、皆誦隨人勿偶醒、

潘子先賀諫議大夫阮抑齋

真元會合幸逢辰、佐治名儒喜有人、幼學上行行此、
道、生知先覺覺斯民、益梅鼎鼐調和美、神樂規模、
制作新四海、方今歸一統、誰能躍冶出洪鈞、

阮夢龍贈諫議大夫阮公

黃閣清風玉署仙、經邦華國古無前、
一和詞翰推
仙、西道軍民握政權、白髮只閒天下慮、清忠留與
仙傳、儒林興許瞻山斗、好為朝庭力進賢、

題黃御史梅雪軒 七言長篇

雪冠歲義面似鉄、不獨愛梅兼愛雪、愛梅愛雪愛綠
何、愛綠雪、白梅清潔、天然梅雪自兩奇、東溪臺松
三、絕羅浮仙子冰為泥、頻刻能令瓊作屑、夜深琪樹

碎玲瓏、月戶風窗、寒凜烈。若非風、遮暗香來、紛紛一色。
 何由別、巡簷不怕玉樓寒、銀海橫光、更清徹、九重軫念。
 及避根、萬里錦衣、遙駐、吹霜風、捲地、簡橫秋、身在
 炎荒心魏闕、交南十月、暖如春、夢中只有花堪折、將心
 仁物古有之、高躅深期、臨前哲、東坡謂竹不可無、滿
 溪愛蓮亦有說、乾坤萬古一清致、蒲橋詩思、西湖月
 崑山歌 史記云、陳平曰、昔清風、
 公為散戾、其意皆贊美之詞也。
 崑山有泉、其聲冷冷、照吾以為琴弦、崑山有石、出流

吟嘯碧吾以為軍席岩中有松萬里翠亭亭於足乎
 息其中林中有竹千畝印寒綠吾於是吟嘯其側
 君何不歸去來半生塵土長膠膝萬鍾九鼎何必然
 水飯蔬隨分足君不見董卓黃金屋一城瓦礫胡然
 百斛又不見伯夷與叔齊首陽餓死不肯食粟然也
 者不相侔亦各自求其所歎人生百歲何足貴
 歡悲憂樂迭往來一榮一落還相結丘山草木亦偶然
 地後誰榮更誰辱人間若有巢山徒勸千載我山中

神龍起兮飛蓋京天戈指兮胡塞清創業之功成國盛

神澤嘉祐

至靈山賦

出羣賢賦集

御殿 此山法度嚴整證換觀以直以事實爲據

漢縣之山也

神龍起兮飛蓋京天戈指兮胡塞清創業之功成國盛
西上之山川有靈繫我皇之聖武當四方之經綏國步方
心因虛無既於天而取必乃勳志以竟成此八日所
以化胡越爲一家而茲山得以千古垂名也當其義兵
初起賊芳方攷一國英豪秋樹隕霜志吞吳兮氣吞
羣蠻國興漢兮羣平羣展我皇方道跡于茲山惟鎮

不以埋光、要于流離、士卒散亡、雖處困而益亨、知將興
 之有祥、躬介冑以為大、食菜根而為報、志汲汲於國、
 心翼翼而不忘、想此山於此報、今豈不似漢皇之在茲
 地者耶、由其知彼知已、能弱能強、待相同弊、收鋒飲
 刃、從新而卧、懸臍而嘗、思雪前耻、以復故疆、想此山
 之報報於豈不似、會稽之報、越王者耶、既乃收其散
 卒、以養益勤、內修戰具、外托和親、捐金募士、段段響
 車、人懷親上以死長、思欲效力以酬功、於是練兵實

制勝出奇、生辱死榮、知我軍之可用、保羅罷戰、皆因
 敵以為資、萬全以取、一義不遺、衆彭韓續以敵地方、攻
 壘、唱以恫疑、乃據險而立功、又多方以誤之、夜則舉火、
 晝則張旗、杜家之侵地爭便、可留之渡江、沉師、雷賊
 電掣、竹破、灰飛、朱傑、檻車、黃誠、暴屍、入安之地、已為
 我有、兩都之禁、疾於風馳、夾道壺漿、來者如歸、衆傑、成情
 以切齒、父老成泣、而歡飲、我之軍聲、日以益振、賊之奔命
 日以益疲、市橋之崩堤、清蟻、軍洞之勁風、摧姜、陳洽、全

燕之涿坑陞虎王通馬騃之沸鼎魚完萬里之山河克
 復東都之市肆不移當此之機豈不似漢高坑下四面之
 勢耶奈何紅虜之貪心不戢舉國之機兵復來以由
 叔父樂禍幸灾柳昇送死而支校滾血沐風宵遁而令
 淫積骸兩路殺兵不旋踵而俱敗各處賊城不血刃而
 自開掉尾乞鄰誠切堪哀當此之期豈化以舒曉哉
 亮王之於姑獲臺者耶雖然漢高之規模宏遠正似
 吾皇今日之盛勾踐特取其復讐之志而已豈足以擬

拙齋遺集卷之二

木溪齋

議其萬一哉。至若神武不伐、大德日生、念國家長久之計、放十萬乞降之兵、脩兩國之和好、息萬世之戰爭、全國為上、惟圖輯寧、是則我皇之盛德、又豈高祖同日之俱語、將與二帝三王而並稱者也。嗟乎古往今來、百世可推、愈與唐虞舜禹起、創繼成湯之載、卽宅太王之夢、行岐、蓋允、維允與邦之本、而殷憂實見啟聖之基、歷變多則思慮深、計事遠則成功奇、帝王之興莫不由斯。然則我皇之業、實由此山而創茲、而我皇之隆功盛

德長與此山而巍觀者乎乃拜首稽首而獻歌以
 聖兮地興王乾坤草昧兮運際非常觀茲山之嵒嵒
 兮念昔日之艱苦撫王業之攸基兮何日能忘
 勤貞砥兮永垂不朽亘千古與萬古兮同天地而
 長久

附錄阮飛卿詩文

阮飛卿名翬，號飛卿，華溪先生。有文名，陳元旦嘗稱其為蘇州俊正。使授其女字尋嫁之年十九，試中，陞慶二年進士及第。其子及明人，紀曰：南豐李蓋溪倉乃降于明，有蘇溪集行于世。

化城晨鍾

四

遠遠從僧寺，疎疎落客蓬。潮生天地曉，月白大江空。

黃江夜雨

七

蓼浦三秋雨，筠蓬半夜聲。孤燈明又滅，潮海十年情。

村居

新有遺集卷之二

補遺集本

松筠五徑在歲晚薄言歸把酒看秋色携筇步夕陽
雲空山月出天開塞鴻飛忽聽昏鐘報呼童掩竹扉

秋日留別洪州檢正

歸夢蒹葭北故人槐府邊清霜和別袂紅日上吟鞭
緒憑杯斷新詩刮淚傳相期三五夜共醉桂花天

陪米壹相公遊春江

三春媚烟景一棹擊滄浪習氣俱湖海憂心只廟堂
計魚鳥共佳句芷蘭香興盡中流返山間日已黃

題仙遊寺

天德山河古帝都名藍形勝小方壺人間何處非塵迹

虛訪神仙事已無

中秋玩月有懷

晉庾亮中秋乘月遊南樓謂
僚佐曰老子於此興復不淺

匆匆客裡又中秋月白風清獨自愁遙想故人襟韻在

騷魂幾度繞南樓

秋夜

新愁舊恨難離平南北情懷夢亦驚月色無人更無籟

秋來夜夜聽關情

舟中偶成

蕭蕭旅鬢傷春暮
耿耿孤懷怯瘴氛
俗累不關清興足
看山看水又看雲

江村春景

統村春柳綠成堆
一帶溪流抱逕迴
岸荔兩晴烟色滿
杜鵑聲急棟花開

洮江郡舍

春風送暖逗晴軒
堆綠纒紅甲乙繁
山鳥數聲啼網處
夢回只是桑村園

東岸春夢

臨水東邊滄岸村
靡靡紅雨暗前門
耳邊新遞春歸去
萬綠叢中杜宇魂

天長舟中二首

聲聲東南綠浦西
小舟傍柳過前溪
春風不解禁愁思
却教鶉聲滿岸啼

中長舟中二首

一蓬烟雨泛晴春
紫閣鶯花夢裡身
湘海四年多病疾
扁舟愁殺未歸人

大聖佑國寺早起

倦家宮闕近蓬萊
耳畔一作且鉤天夢易回
睡起春朝無
个事東風亭院看花開

山中

雨餘烟樹籠籠翠
日暮寒雲冉冉生
臘醒不知春早晚
深山啼到杜鵑聲

秋日遣興

客裡淒涼

一作
堪亭

又塞鴻如雪吟
髮欲成蓬
閉門萬里連

朝雨過
眠三秋
落葉風
廿焦
仁化
乳扇
專閑
愁初
我
杯空
西風
一枕
清眠
吳更
詠新
詩課
小童

城西大隱廬口占

白詩大隱
隱城市

宦途四十五年
身城市
廬為大隱
民竹石
安排詩好景
烏花園
占酒佳賓
衙門自有
安心樂
聖世何憂
抱道貧
誰道趨
報吾計拙
一閒風味
儘吾仁

秋城晚望

木落都城九月天，斜陽草地截雲烟。
 離鴻遠遠巡風陣，隙月娟娟隔樹懸。
 吟興四扣秋易感，人生萬事老堪憐。
 兵戈况復彫殘後，遙望晴旻一慨然。

中秋有感

金波自海浸空流，河漢微雲淡淡收。
 雨後池臺多貯月，客中情緒不勝秋。
 願憑天上清光夜，遍照人間疾苦愁。
 長使國家多暇日，五湖歸夢到扁舟。

酬道溪大學春寒韻

淑淑春城雪正漫東風牢鎖未全乾
官情細在揚州薄

客緒偏隨杏雨殘流水高山琴不韻
紅旗赤酒夢初閒

隣渠萬姓皆吾與比屋誰遮面而寒
白雲千里暮寒深

除夕

用杜
甫韻

客中送臘虎亭家殘雪猶飄六出花
天地冬春處外卑

光陰昏曉樹間鴉燈因守歲常常照
所為恍惚故鄉

萬事細思看鬢髮平明梳洗向東華
可憐人老

九日村居獨酌

村醪酌罷白談詩，欲把胸懷更向誰。
荒徑人行秋色少，故園雨勒菊花遲。
龍山後會知何日，彭澤歸心最此時。
萬事悠悠拚一醉，了知身到鳳凰池。

音嗜
棄也

秋日曉起有感

殘夢踈踈醒曉鐘，日含秋影射窗櫳。
客懷擁枕欹眠後，心事焚香兀坐中。
庭外掃愁香落葉，天邊隔淚數征鴻。
嗚呼世道何如我，三撫遺編賦大東。

三月初一日曉起

已無畫燭醉裙紅更倚青燈照髮蓬
破屋吟殘紅杏雨清都夢醒紫緞風
一身九竅七情山萬事千憂百慮中
忙底不知寒食過陪窻花又折梧桐

春寒

癡雲漠漠霧沈沈釀作餘寒十日陰
帶雨有痕粘樹紫傷春無語隔花禽
書齋寂寂惟高枕世事悠悠正抱衾
安得此身同素鶴和風嘯遍九州心

暮秋

席上用韻
潘庚韻

歲晚天寒客易悲
騷人何必怨江蓠
西風籬落菊殘後
夜雨湖山雁斷時
老景逼人侵
覺宜秋光戀我去
遲遲

薇垣清夢頭將白
正恐尊鱸每負期

楚詞
屈原江
蘇東坡詩

九月冰壺公席上

蓬鬢蕭蕭黑帽沙
隨風晚入相王
家人生百歲
重陽幾
似色三分
几口多就解
愁中應有酒
得行樂處
可無花
世然一醉酬佳節
長笑西窓發浩歌

九月九日並應重陽故曰中
陽
似色三分席上一分冰水

秋夜早起寄洪江檢正

寂寞青齋意不聊，移床秋戶聽芭蕉。
月殘錦卷鍾聲曉，風撼銅村馬足驕。
駭骨欲清詩更換，病根未去藥還流。
叮嚀盡掃柴門葉，留待君來話隔朝。

病中懷洪江檢正秋夜韻

曉水烟消客夢清，寒燈無語傍人明。
銀江耿耿流當戶，黃葉蕭蕭落滿城。
畫池臺秋著色，水銀世界月多情。
豈因一病傷豪氣，腰起狂歌四壁驚。

杜詩集卷之二

元旦上米壺相公

槐庭元日拜生辰
客子光陰幾度新
東閣重遊春世界
南枝偏露雪精神
天遣一老扶昌運
帝眷三朝倚舊臣
祝頌豈私門下士
拳拳只為愛斯民

秋病中

蕭蕭風動轉淒清
天地初秋客子情
隆慶二年新進士
湖才三館舊書生
少年敢負韓忠獻
多病還怜馬長卿
萬事皆人霄漸永
貯愁歌臥數錢更

公傳以為丞相乃開中
開書客館以招天下

士口鈔實館次日翻才錄又
又少口接士館內西京雜記

陪米壺相公遊春江

鮮雲晴日雪花天
烟景三春勝柳川
紅蓼白蘋吟况味
羅裙滂袖醉因緣
且談湖海江南士
休訪風流米石仙
極浦斜陽歌緩掉
衆人同載孝廉船

孝廉即米石仙也
孝廉即米石仙也

或詣軍門即用
為太常博士

重遊春江有感

去年三月珥河濱
麗服相隨五六人
岸草無情春自綠

北齊書卷之三

江流在眼客還新清吟雨後邀紅紫緩棹風前過白蘋
長恐寸心違魏闕五湖偏載讀書身

村居感事寄呈冰壺相公

稻畦千里赤如燒田野休嗟意不聊后土山河方滌滌
皇天雨露正迢迢吏胥網害渾多竭民命膏脂半已消
好把新詩當奏牘只今卧病未能朝

少古山范公

范仁師監修國史

示以小圃詩且道諸公盡已賡

和余因慕其塵中而有閑適之趣因次其韻

文室乾坤勝可容持抄蘇樹課兒童栽培自有東君巧
生長何知造化功把卷樹間眠午日卽在花下醉春風
他年倘有過從便此樂應須我與公

天長試後有感

萬里來觀上國賓科場誤作穀中人東風御苑花容動
細雨乾坤柳色新雙鯉湖傳江上信扁舟問繫客中身
今朝最是愁腸處一別庭園勝早春

唐太宗親臨上鄉行馬車
曰天下英雄入吾彀中矣

泊李家陵

遊翠山中書

四時尚故公遠新萬里寧精治

自

雲漢昇仙閣飛登天賦春翠嶺紅嶺五山青似此
十世眼數須丈夫輔 必帶身來訪日度與無異端

容觀

幾付一平油一藥黃骨山重山如

青青古色綠以酥酥酥酥酥酥酥酥酥酥酥酥酥酥
臨井天懸紫極觀之李黃中已昔時蕭蕭直直直直直

新

山房盡日醉昏昏世路艱危懶出門
 六年寇亂身存風塵天地空
 搔髮烟瘴村墟只斷魂
 設有寸懷勞耿耿夜依牛斗望中原

客舍

肥鵝兒獨白斟羈縻動了瀟湘心
 花邊茅屋春長好
 柳外柴門客易尋
 半榻焦風和午夢
 三簾梅雨助清吟
 是非不到閑窓几
 睡起焚香撫素襟

村居

東坡先生每有篇章對弟書處輒有佳語其於西堂居詩
 不勝枚舉見惠蓮印得地塘生春半園林變長會之句

十

數椽書室掩蓬蒿池草園林夢欲騷
 侵門月上半籬高病中活計存靈藥
 身外清名付濁醪
 萬事無營心自可春風滿砌太陶陶

觀園基

閑窓敵手偶相逢此樂堪殊闕橘中
 初訝曉星光錯落
 忽聞晴電碎玲瓏縱橫暗合周天數
 勝負交爭畧地功
 萬事如棋須說著古今局面苦難同

自天長漂過海口遇風

望蛟龍霧縠船窓四月奔波駛似蘆岸樹東西旗拂掠
灘上玉春撞烟波萬里丹心寸風雨孤蓬綠髮雙
不是一官天上去那堪此日卧滄江

駛音失矣也又音訣蘆音雙奔波可罷

遊昆山

節山上挂雲烟回首塵埃路隔千雨後泉聲流菰
藁天晴嵐氣靜涓涓百年浮世人皆夢半日偷閒我
亦仙興去欲來僧院宿昏鐘催月掛峯前

杜夫也亦作杜巖他谷切

杜齊遠集卷之二

題玄天寺

仙家一簇聳雲岑，路入烟蘿窅窅深。
樹影長年圍古觀，花枝亭午轉幽禽。
官閑我得修身訣，老去天知學道心。
若見赤松憑寄語，佳遊何日果幽尋。

官有樂上
了切係連號

走以多事未即陪崑山遊感念之深因成八句

二首一以頌廟堂之嚴而有開道之趣一以瀉胸懷

之素而播歌詠之聲因錄呈清虛洞主

友人書
四更次

公自稱
牛馬走

司馬遷報任安書

牛馬走

卷之二十一

十一

地坤卦南來庚子庚結末金玉亞高平人散告劍香

六十四卦五階庚子庚前五

地坤卦南來庚子庚結末金玉亞高平人散告劍香

地坤卦南來庚子庚結末金玉亞高平人散告劍香

地坤卦南來庚子庚結末金玉亞高平人散告劍香

地坤卦南來庚子庚結末金玉亞高平人散告劍香

地坤卦南來庚子庚結末金玉亞高平人散告劍香

地坤卦南來庚子庚結末金玉亞高平人散告劍香

和南道集卷之二

方歎世路風濤我亦舟帝里客懷遠暮雨書房猶憶念其

逆西風刮夢傳邊信腸斷南端四五州

端歎平聲
河邊此

漫曾一第詭鄉隣誰道清風不療貧霜後菊香遲酒客

室中梅意可詩人吟邊一作客舍雙蓮鬢夢裡天門八翼

身城月浦雲相望處故人來地欲青春

陶侃夢見八翼上
天見天門九重

洪州復前韻寄答之

恍府西邊晚卜隣條然一室樂清貧底頭金劍剛知已

叶共梁夢故人湖海當年天下士風流此日有歸身客

輕清暮寒砭骨最愛冰壺別樣春

用鄭生留別以別之

奈然倒我醪醑明月隨君挂棹遙觀會好猶溫青候世
逢片却利名懸雲山昨夢尋鄉里湖海茲遊隔市朝後
夜相思與覓處南雲翔鴈正飄飄

卸司夜
切脫也

江行次洪溪橋正韻

長江滾滾片帆東海闊天高望莫窮夾岸綠雲青草雨
前沙掉影白蘋風百年豪傑戰爭地萬古山河帶厲功

憑仗新詩作圖誌行觀四海孰文同

昌符元年余自藥溪寓于城南客舍感念前
因成八句奉簡司刑大夫杜舍兼簡諸同志

客途風雪歲更深長向丹霄擲寸心亂後交遊非復昔
城中旅泊到如今新愁滾滾憑詩送往事悠悠付夢
尋早晚回朝好將問鬼章何日賀生擒

城中有感寄呈同志

朝中朱紫動紛紛幻服誰能各自分頭上老天依日月

人間夢景付烟雲，習池何處招山簡。
 杜陵無錢覓廣文，謀議廟堂吾豈敢。
 擬將泉石夢諸君。

奉賡冰壺寄贈村中高韻

城中幾度鬪炎涼，漫送悠悠歲月長。
 散貨一壺濟世用，竭心羞把妬相粧。
 寒松晚菊開明徑，獨樹參村子美堂。
 賢相倘憐門下士，肯容辨作白頭郎。

偶作

自詫平生履屨緣，文章無分敢論詩。
 展禽文德非三黜，

章子誰云情四肢老即田
 共事業心無暮夜快妻兒
 乾坤形著皆吾道飛躍高深可遂宜

家園樂

故園亂後有先靈六歲兒童頗愛書
 啼鳥落花深巷水涼風殘夢午窓虛
 心從閑處千憂失學到充耕四體舒
 逐物勞人休誤我安仁志已還幽居

晉陽岳子安仁
 有明居

村家趣

抱簾竹樹萬條槍草屋弓簾古寺傍
 過雨池塘綠樹陰

洛花庭院燕泥香
閑情湛湛春陽足
世故泔泔午膳長
眠
後出門携僕去
逢人只向說農桑

山村感興

李名卅載絆塵羈
一返江山沒是非
燒雪墊巾奇野土
春風啼髮大難磯
夢中往事據焦鹿
世事浮雲任狗衣
誰道江村生計薄
桑麻繞屋綠初肥

杜詩浮雲如白衣
斯須忽變成蒼狗

遊沃跡山所江偶作

半生塵土負登臨
光影蹉跎便到今
將世百年真一瞬

古人片樂值千金前川日午傍花與沂水春風與物心
仰止高山懷景哲澗河路可忘幽尋

奉詔長安道中作

武林一帶碧迢迢王事寧辭蹇涉遙山館宿曉烟
合郡庭薄暖雪花消武夫感泣觀唐詔父老扶藜晚
輒自校微勞何報補願揚聖化憐天驕

丁未放詩不辭驛晴使
霜雪要快天驕萬萬歲

謝水壺相公賜馬

年歲才名乏不羈
驪黃偶幸駿圖披
長途每恨加鞭策
空谷何心受繫維
伯樂厩邊頻賞識
三良範內竟驅馳
東風快蹀朝天路
希驥深懷答所知

九方皋求馬無日乳
而黃往而視之則

壯而
靈

和朱翰林未央早朝

高閣繞聞夜漏乾
九天宮闕曉輕寒
雲開瑞日乾坤曉
春布皇仁雨露寬
董賈彬彬揚陛殿
夔龍楚楚集朝
端華袍泰級羣公後
願罄涓埃効一官

送中使武適之

五色雲邊出曉星
凜然忠義照人明
春臨梅驛霜蹄急
雪霽淮潮玉節清
天地北南雙眼濶
山河夷險寸心平
慙慙今日送君別
杯酒難勝萬里情

漢和帝初李卻好天
文斷相道二陵苑風

憂夕節露坐指星內有
二使星來向益節

送行人杜從周

芹水春風桂殿秋
科場歷歷憶同遊
君今有使行人去
我獨胡為省屬留
橫驛雲開豪騎馬
湖潮雪淨絕登

舟丈夫此別何須淚一笑相看撫別綬

綬乃朝服也
別華召謂知制之

物以其制無物可授但

以別地還言其質也

賀京兆尹阮公為雲屯經畧使

之時優頒自九天榮遷經畧使司權潮門半是宏鴻澤
屯嶺猶殘砌石烟籌畫小施經國手折衝終賴濟和賢
來按路庸何晚聖主方今急在邊

送京師尹阮公為行營招討使

金中占賊久逋誅四海神人惡憤俱誼卜百年遠此

東坡先生集卷之二

卷之二

公煩寸舌計狂胡金戈鐵馬鯨鯢沒羽檄星魔集颶
指日皇風清絕域大瑞出仁屬吾儒

宣詔罷別運副阮奕

長安自昔帝王州偶賦皇華作勝遊
地宜結綰歲常秋山中過我亡苛虎境上煩君
王事有程軍政急胸懷莫向酒杯求

荷宋蔡杜三公御史

烏臺久矣噤無聞聖主開誠旆
為臺久矣噤無聞聖主開誠旆

片符今喜罹三人已將風采候朝著好把精忠飭紫宸
 留取聲名光萬古世間岐路總烟雲

送太中大夫蔡南齊北行

蔡家人物越邦香公也藍青出異常一郡生靈惟借冠
 九重使者重煩張匣中秋水清長路馬上春風听異香
 早向南臺專對了旋歸夢高佐吾皇

青出於藍而青於藍
喻弟子過於師

賀中書侍郎

虞庭庶事務熙康績典惟公合陝揚人望藹藹參典

鉉天教星鳳展彝章曲江宿負經綸學司馬寧辭四六長
 聖主倘懷遺棄物願施載藻到農桑

李淳如景星鳳凰
爭先睹勝為快

喜學士陳若虛自又安至

桃花浪暖泛青春湖海風流却羨陳老我一官閑草屨
 壯君萬里遠辭親暮雲自濶相思地夜月所違人
 愛國正須吾輩事憑渠為說又安民

與漳江同年張太學

憶昔逢迤邐水邊雨一作月康燈戶曉掃連宵移各走紅塵

代絲鬢相看白酒前、
 後月并風今異調、
 曉旗殿裏舊同年、
 慙勤別後須鞭策、
 聖主方今正急賢、
鮮朝詩云曉旗詩書五六篇老

此方經一清
 抄出清夜錄

上承旨胡宗鷺

京國携書二十年、
 登龍每恨欠前緣、
 夢遊翰苑清風外、
 春在東亭白酒邊、
 萬丈光芒窺太白、
 一團和氣把伊川、
 寸懷別後勞傾仰、
 耿耿高明日夜懸、
李杜文章在光
 芒萬丈長程明道

接人、渾是
 一團和氣

甲子夏旱有勅諸路禱雨未禱而雨

炎炎九土正焦燁一雨皇天普澤深請罪國特行盛禮
至和民已浹歡心卧龍自是人間物肖象能為歲旱
霖徙市暴狂何用者至情感召古猶余

送太學生阮漢英歸洪州

憶前昨夜話蓂莢馬首今朝跨曉風望眼但懸天闕
北歸心寧住水溪東槐庭月白恰樓鵲萬壽歡高情
別酒香雪燈香村釀煮塵埃嗟我儕疎蹤

葉馬兜賦

出群賢賦卷一
地靈出好語諸巖尤佳然不免論說之屬

若有一至微聞

琢法
規也

妙巧兮化機何靈靈而異異復恒

性而奇牙形雖垂之特肖身是葉之皆為一國經於往

蝶竟莫識而莫知茲非金甌山莊之樹上

金甌即大史山在清
華堂孫明氏之書處

而化作葉馬兜者乎觀其惹情彩蝶補青芳標背堅脊

兮亘連腹橫方兮隱約依蕭微蹟裏剪裏刊迦想象於

洪蒙窺龍馬之拓若迹雖傍於林表香定耽於夢塵忽

綏嶺之月明

王子晉於七月七日
候氏山上仙去

歸採桑之曉溪風掃枝影

驚王勒之將揮霞轉樹腰。定金羈之初落。適遇國丁。如
 逢伯樂。轉眄乎青林之測。羅置于綺席之前。獻承一
 價重金千。彼集蓼之挑虫。猶見歌於周頌。而在桑之蠶。
 蠋尚播詠於豳篇。矧是物之鮮微。寓化工之靈意。不生乎
 寬閑之野。而托迹於洞天。不處乎寂寞之壤。而來遊於
 偏地。得非卉中之靈毛中之異乎。俯仰今古千載。將與
 治水畢而龜呈。作經成而麟至。謀氣應之通微。亦聖賢
 之力。錢我聖相心造化之心。以為心。智造化之智。以為

智手天尺而埤匠乎乾坤躬化鈎而陶成乎康莊九賦
 形肖質於陶闢者莫不鼓舞乎春風沐浴乎和氣生
 者樂其生遂者得其遂工者呈其能術者售其技至茲
 明煥之微虫明音湖井中小弄
於音動更動也亦効巧心之一試因觀物以興
 懷默感乎乎氣類其紀述也唐叔得嘉禾之書其實玩也
 成王無剪桐之戲苟非造物之妙化工之至安能致是
 乎抑惟聖智之能而非外人之所可議也竊又反覆天
 心油繅人事與其生樹上靈異之亟真若塵人中俊逸

之才高邁之士與其詠馬兒之詩哀若謠魯論有駟之
 章究魯論德驥之旨然而物之靈異者猶且愛之況賢
 於物而最靈最異者乎願充愛物之心而為愛賢之心推
 物之志而為待賢之志觀樹葉則思域朴作人之方青
 育才之義玩馬兒則念騶虞麟趾之仁關雎鸛集之美
 材館之下駿可市而金可捐寶幕之間澤可招而石可
 致此韓大洛之執涯日
 池止南涯曰石生使廊廟榛肖象之求山澤奮卧龍
 之起夫如是則鋪張宏詠詠歌盛德顯不光大而輝

隨者耶、嗟微生之何修、幸遭逢於盛際、乘八簋之嘉賓、
荷命題之盛意、彈刻楮之賤工、列于宋人有以玉為楮三年効而成康之楮畫中不可辨彫虫之末技、記微物以舒懷、獻得寶為上端、

清虛洞記

卷之八

賢達者之出處、其動也以天、其樂也以天、天者何、一至清
至虛之大而已、四耜成歲而不顯其功、萬物蒙恩而不
顯其迹、非至清至虛之大者、曷能如是乎哉、
米壺相公
以天鍾岳降之才、菁莪皇謨、棟樑宗社、頃遭天定之

《世說新語》卷之二

補注

亦有清內難之功，轉倒懸於國脉，縹髮之際，獨仁於
邦基，兢兢之目，是乃乾坤締造之一初也。非兢兢以天者能
如是乎？及其昏亂之迹息，仁義之效白，王業金甌，國家
磐石，然後留侯晉公之志始浩然，而不可奪，是明哲保
身之一機也。非樂以天者又能如是乎？乃於秦乞崑山
荒閑之地，一區硯，為退休之宅，二帝嘉其功而志勿之
奪，侃以狗之爰相，厥宜審度形勢，一鼓牛飲，萬夫蟻集，
斷幽川，駭蹙境，蹙高也，張山相於是王深音深者

對而危安也

於是王深

音深

者

醜音詩以匪游
酒而去其濃

榛菜者闕、牧徒材具登陟

音仍築

締繹、

不閱月而採築餼飭之工畢隤

散也

高者隆

如穹隆天

痺

者埤如

虛交

晞遙睇青、園奇園香、九憩息遊觀之名壯不

一而總則曰清虛洞焉、既成、睿宗皇帝親勒碑、額之洞顏、

大上皇帝親製碑銘、勒于岩陰、皆所以旌勲舊、示勸

獎也、公朝之退、匹馬嘉林、扁舟平瀾、携謝傳遊山之朋歌、

陶潛歸去之辭、幅巾徜徉、以登于岩之上、岫烟島霞、錦

蟠綺舒、村黃潤葩、綠翻紅駭、涼可滿、瀏可掬、芳可嚙、秀

可餐、凡所謂清冷之狀、管管之聲、悠然而虛、淵然而靜、與

耳目心神謀者、蓋已與冥滓太虛

莊子大同子溪
渾自然氣也

接而遊乎

萬物之表、意宇宙中間造物者設如此之境、以待夫人者

亦多矣、然而成功之會、若發機指示之蕭何、且憾繁焉

椒房至親之馬、機猶誘無焉、豈成功而不能退休者耶

至若上下以事之然、然而思願之志未償、一年半病之溫

公而思路之心、異遠豈退休者、存待而難必者、欤、今我相

公其始也、天既以功名之會付之、其終也、又以泉石之趣委

之無成功。不退之嫌。無退休難必之嘆。是其出與處。動與樂。
 皆以天也。顧嫌於造物以待之意耶。若夫大臣一身進退。
 係國家輕重。則君子固有終身之憂。非若鄙夫之事。
 君者。既患得。又患失。其得也。售諛獻佞。無所不為。其
 失也。斃然遂去。心懷怏怏。此烏足置齒於賢達出處之
 論耶。嗚呼。乾坤之光霽。翻常素懷之經濟。有食安。
 得適。紫清冲碧。虛以從選於進他之所選耶。昌符八
 年。甲子臘月。葉溪阮飛卿記。

附贈答

陳元旦寄贈葉川檢正阮應龍

胡風細雨轉淒涼、客舍蕭蕭客思長、驛下時安存晚節、
溪邊素艷試新粧、胡兒未飲花門塞、裴老思歸飯野堂、
釣月耕雲何大早、千鍾萬字紫微郎、

胡宗鷺遊東亭和葉溪韻

才識如君尚少年、文章嗟我老無緣、已將得失遺形迹、
不復功名到枕邊、瘦約只堪閑隱客、美無何必惜臨川、

幸能日日頻來訪休怪東亭似磐石一作編

抑齋遺集卷之二完

抑齋遺集卷之二

二十五

抑齋遺集卷之三

文類

呈情謝罪表文

安南國先陳主三世嫡孫臣陳高、大頭目臣黎某等

謹奏為陳情謝罪事。臣竊惟普天之下，莫非王土，率

土之濱，莫非王臣，當

太祖高皇帝龍飛之初，臣祖陳某先八朝貢，特蒙褒

寵，錫以王爵。自是世守封疆，朝貢罔缺。頃因胡氏篡

抑齋遺集卷之三 文 一 編吳歲辰

奪

太宗文皇帝興師討罪克平之後詔求陳氏子孫
奉宗祀相總兵官未及遍求遽聽土人所言秦孫
氏子孫俱被胡氏誅滅盡絕遂置郡縣設官分治
當先因國亂奔竄老嫗欲以苟延殘息而已豈意
人紐於夷習追思臣之先世逼臣還國臣不得已
強從之雖其倉卒出於國人之所逼而亦臣不能
度之罪也乃於宣德元年回還本國一國之人

附其各城併在陣失陷官軍人等、臣擬具本起
京、及差人進貢呈情謝罪、緣於軍前再三致書、
聽從、於是國人恐懼、誅戮遂相率守備關隘、以
衛之計、豈期新來官軍、過象驚駭、自相奔潰、
此雖出於國人之不得已、而亦臣等之罪也、然
獲官軍馬匹一皆收養、秋毫無犯、臣等與國人
以為王師不班、兵必再舉、小國生靈之苦、終
將前備呈情書、及具呈情本、遣黎某大頭目

總兵官成山侯王通等軍門呈訴請乞班師轉行奏
 達蒙准奏請擬於本年十一月內班師臣修整橋道
 備辦腳力糧至日應赴回還臣自知負罪深重進退
 兩難竊思惟天地之於萬物雖有雷霆之怒而生
 之意每行乎其間父母之於孝子雖有箠扑之威而
 鞠育之恩實存乎其內是以人有病疾則未嘗不呼
 天地呼父母此臣之不能不瀝懇陳以伸哀籲者
 也伏望

臣上依

太宗文皇帝訪求陳氏子孫之詔念臣祖宗先入朝貢
之誠赦臣丘山之罪寬臣斧鉞之誅使臣得嗣服南荒
輸貢天闕是非獨臣一身一家之幸亦與一國生靈之幸
非獨一國生靈之幸而臣祖宗亦豫霑

聖恩于地下矣臣惟銘心刻骨効順輸忠奉表稱臣
歲首同獻謹將代身金人銀人賁捧謝罪表文所貢
方物并起送回京印信官軍人馬一同進到備細文

冊一本、差頭目黎少類等、賁捧赴京、今將各各數目
開呈、謹具奏聞、伏候勅旨、

謝恩呈情表文

安南大頭目正黎某謹奏為里情事、宣德三年八月初八日、伏觀勅諭臣等大赦交趾、罪無大小、咸與俱新、及今臣等具陳、民見存子孫之名、以聞、遣使冊封、朝貢、仍遵洪武舊制、臣一國之人、莫不歡欣鼓舞、喜出望外、然臣於未奉詔書之先、差頭目黎少類等、賁

陳情謝罪表文赴闕呈奏緣國人苦官吏苛政復
 思陳氏之舊已先於國中遍求陳氏子孫久而弗獲
 宣德元年臣於老過地方纔訪得先陳主頓三世孫陳
 高已徇衆情權暫國事以待朝命不幸於今年正月
 初十日陳高病故其陳氏子孫實無見存國人無堪
 領其衆者以此見遍於臣臣力辭不受惟謹守其國
 以俟朝命今蒙聖恩赦宥臣等伏自思惟聖天子體
 天愛人上承祖宗之心覃沛乾坤之德臣等立山之

罪厥赦除之。是時是出軍微亦聞知感。又於總兵官成
 以俄等軍師等報。已將各府州縣衛所官吏軍人及
 所獲新康官軍一萬三千員名。造細花文名冊一本。
 起送回還。陸路馬一千二百匹。水路船五百艘。其官
 吏軍人男婦及官庫等物。並已裝去。去訖。又於國
 中。出令標禁。有藏匿官軍一人以上。殺而無赦。其有
 首者。亦已陸續起送回還。今恭詔敕九朝建所遣官
 吏軍人等。被土人拘留者。悉皆發還。除餘遣外。

復戒飾國人并遣人四散搜尋各府州縣得下有前
項拘留官吏盡數起送回還不敢孤負聖天子惠養
元元之意所賜敕書二道臣謹留以為國寶除差臣
姪蔡國器等貴捧謝恩表文伏候敕旨

與王通書

夫大廈將顛非一木之所能支長堤將潰豈杯水之
所能量苟不能量力而彊行其不敢也孰希前無古
事不必論也以今日之事勢言之公等皆恃以為

者救援之兵耳。於本年正月內，敕安遠侯保之、伯崔
都督黃、尚書李御史及土官阮勳等調兵前來。朔四
月以裡，進兵交境，遂於箇月裡到我關沿邊之土防至
支棱關。本年二月日，我軍一鼓而潰，其前鋒軍馬一
相掃盡。其總兵安遠侯陣前陷沒。至二十五日，我軍
再鼓，而全軍盡陷。保定伯陣死，其敗軍走撒山林，
為我軍所虜。事至於此，亦非吾意。是吾守邊將志
所為，以重吾過。大人以仁義之師，一臨交境，能懲窮

顯之禍觀其所奏立陳氏之書則大人恩意吾無忘
負今以區區東閩一城舉一國環而攻之固為甚易然
吾所以為是者正感大人前日之恩又以全小國事大
之禮苟能整飾軍士開城解甲復尋前盟則大人可
全軍歸國而漢唐好大喜功之弊從此而息湯武
興滅繼絕之道復見舉行豈不韙哉倘若猶豫未
決吾恐吾之將士疲其攻戰廢其農桑決意急攻勢
不容遏至此報節無可奈何是益以重吾過耳書

折衷遺集卷之三

至伏希回示

一訪求陳氏子孫奏文

朝告陳高哀訃明遣使來訪求陳氏子孫奏文用頒賜恤之命

一陳氏親族昔為胡季董殺戮已盡並無見存宣德

元年纔於老樞地方訪得陳高緝陳氏孫宣德二年

還至本國一國之人悉皆歸附令臣蔡某及眾頭目等

移書總兵官處乞願班師宣德二年已差蔡某親齎

本呈情謝罪不期數日之頃陳高病故其陳氏子孫

實無見在若果有見存臣等雖未奉報猶當叩頭稽

命豈以恩詔若此而臣更懷別圖必無此事也又勅中
 諭所留官吏軍人等應皆遣還且以此惶恐不敢自
 安此先官軍征討之報國人恐被誅戮遂相率守備
 以為自衛之計當之鳥竄則喙獸窮則搏之
 下陳已死傷外其見存官人等已差少顯繳進名
 數再悉心搜尋今國中頭目耆老人等並稱前項人
 等實無見存

請察憐詔

丁未黎太祖在瀝
 江善提督出史文

今猶賊已破、惟東關城未下、我以此卧不安席、食不甘
 味、夙夜焦思、且我之左右未得其人、雖為主將、一則老病
 不才、二則寡學淺見、三則任重難勝、而相國太保太
 傅來置太尉、却元帥、鶴、行、謹、并各官十纔一二、是以
 折節推誠、勸諸豪傑、皆相戰、加匡扶萬民、莫能光輝
 遠使天下久隔塗炭、或有高節如四皓、嘉遯如子房
 亦且為民救難、俟其成功、欲遂素志、歸山林、不復沽
 榮。

求賢才詔

史記
乙酉二年

朕惟致理必在於舉賢得賢必由於選舉是以有天下者必以是為先務也古者盛朝羣賢在朝濟濟相讓故下無遺才上無廢事而成雍熙之治至如漢唐之臣莫不推賢讓能更相汲引蕭何之薦曹參魏無知之薦陳平狄仁傑之薦張九齡蕭嵩之薦韓休雖其才品有高下之不同然莫不各得其人以當其任事朕膺重責夙夜兢慎若臨深淵正以岐賢弼治之義

印齋遺集卷之三

文

其人也其令文武大臣公侯大夫自三品以上各舉一人或在朝或在野不拘未仕已仕苟有文武之才堪臨民御衆者朕將隨而拔任焉且薦賢受上賞古道然也若舉得中才則升爵二等若舉得才德俱優超絕倫等必蒙重賞雖然才之於世固為不小而求才之道亦非一方其或蘊經綸之才而屈居下僚無人薦舉與夫豪傑之士伏於草莽混於卒伍若不自達朕何由識之今後君子有欲從我遊者各聽自薦昔毛遂脫穎

而從平原者、竄威吓角而感悟、何曾以小節自拘
 或詔出之日、凡在具僚各盡乃職、茲請薦拔、至于閑閑
 側陋之士、亦勿以銜玉求售為耻、而使朕有乏才之嘆、

平吳大誥文

戊申

代天行化皇上若曰、仁義之舉務在安民、吊代之師
 必先去暴、惟我大越之國、實為文獻之邦、山川之封域既
 南、北之風俗亦異、粵越丁李、東之肇迹、我國與瓊、唐宋
 元、視訖帝上於維、強弱相或不同、而豪傑世未嘗乏、故

劉贊貪功而取敗、趙高好大而趣亡、嗟都既於於、子
 賜、烏馬又墮於山、蘇海、警諸佳古、服有明徵、頃因胡政
 之煩苛、致使人心之惡叛、狂明伺隙、因以毒我民、偽党
 懷奸、竟以賣我國、燃蒼生於鬼旗、陷赤子於禍坑、欺天罔
 民、詭計益千萬狀、連兵結衆、私惡殆二十年、敗義傷仁、
 乾坤幾乎歎息、重糾厚敵、山澤靡有子遺、開金場則管
 威障而斧山陶沙、揀明珠則觸蛟龍而鉅屨余海、擄民
 設玄鹿之陷阱、珍物俄單禽之網、羸昆蟲草木皆下得

以遂其生。歸寧願連俱不獲以安其所。流血靈之血以潤
 隳黜之吻牙。極土木之功以蒙公私之屬。守州里之征。俸重
 州閭闔之梓。袖皆空。決東海之波。不足以濯其污。罄南山
 之竹。不足以書其惡。神人之所共憤。天地之所不容。予嘗遊
 藍山。棲身荒野。念世譽豈可共戴。誓逆賊難與俱生。有
 心疾首者。垂十餘年。嘗卧薪者。幾非一日。發憤忘食。每研
 談翰墨之書。即古誌今。細推究興亡之理。圖國之志。寧無
 不忘。當義兵初起之時。臣賊勢方張。臣等祭以人。不

兼仇讐。展。展。齊。走。使。先。者。能。走。其。人。謀。謀。惟。惟。者。又。寡。
 其。助。特。以。救。民。之。命。每。當。其。時。而。救。東。故。務。使。民。之。事。常。
 既。既。而。處。左。無。其。得。人。之。效。滿。若。壘。洋。由。已。之。心。甚。於。極。
 憤。山。使。之。未。時。倉。國。安。之。額。屯。靈。山。之。食。盡。兼。旬。現。縣。之。
 家。無。一。旅。蓋。天。默。因。我。以。降。服。任。故。子。益。勵。志。以。濟。于。艱。
 揭。竿。為。旗。吸。練。之。義。四。集。投。膠。餐。士。父。子。之。兵。一。心。以。弱。
 制。強。或。攻。人。之。不。備。以。寡。敵。衆。常。設。使。以。出。未。卒。能。以。大。
 義。而。勝。山。幾。以。至。仁。而。易。強。暴。藩。戚。之。曾。驅。電。掣。茶。麟。之。

竹破灰飛，士氣以之益增，軍聲以之大振。陳賀以壽之
 使聞風而視聽方政，李安之輩，喘息以偷生。飛勝長
 驅西京，既為我有，選鋒進取，東都盡復。舊疆牢橋之
 血成川，流腥萬里，寧洞之屍滿野，遺臭千年。陳洽賊
 之腹心，既梟其首，李亮賊之奸黨，又殄厥身。王通理
 亂而焚者益焚，馬駉救關而怒者益怒，彼志窮而力
 盡，束手待亡。我謀伐而心攻，不戰自屈，謂彼必敗心而
 慮，豈意復作孽以違事，執一己之見，以嫁禍於他人。食

朝之功而貽笑於天下遂使宣德之狡童黠兵無厭於命
柳昇之懦將以油熬焚丁未九月柳昇引兵由溫州而進
本年十月沐晟亦分途自雲南而來予既選伏兵塞險
以摧其鋒後又調奇兵絕路以斷其食十八日柳昇既
為我所攻計墜於支菱之野二十日柳昇又為我所敗
身死於馬鞍之山二十五日保定梁銘降臨而喪縣二
十八日尚書李慶計窮而刎頸我自迎刃而解彼即倒
戈相攻繼而四面潦兵以包圍期以十月中旬而殄滅

廣選銳鋒之士申命小牙之臣象欽而江河乾刀磨而
 石山缺一鼓而鯨鯢斷再鼓而鳥獸靡斃決潰城
 於崩堤振剛風於枯葉都督崔聚膝行而送款尚書
 黃福面縛而就擒僊屍塞於涼山諒江之途澣血赤
 於昌江平灘之水風雲為之○變色日月慘以血光
 其雲南兵為我軍所扼於犁花自恫疑○嗟咽而先以
 破膽其沐晨象為我軍所敗於荇茲遂踰嶺奔潰○伴
 得脫身冷痛之血奔流江水為之鳴咽丹台之屍山赤

野革湖之殷紅、兩路殺兵、既不旋踵而俱敗、各城窮寇
 率輒辭甲以出降、賊首咸梓、彼既掉殘率乞憐之尾、
 神武不獲、我寧體上帝好生之心、參政方政內官馬驥
 等、先給船五百艘、既渡海而猶且魂驚魄散、總兵王
 通參政馬驥等、又給馬數千匹、已還國而益自服、懼
 心驚、彼既畏死貪生而修好有誠、余以全軍為上而
 與民得息、非惟謀計之極其深遠、抑亦古今之所未
 見聞、杜稷以之奠安、山川以之改觀、乾坤既否而續

支通及儒學自今宜受用新對陳貢以數光陰書以對
 勤端悉歸土貢宜縣三平三月既八日對賭時書大端
 安南國大頭目且某其長者共入案文書以爲事端
 備防地交規奉

臨之新辭奇天不負射

然也休處一海大矣並海無憂之也四新永新新辭
 不無寶之端蓋由天賦既宗之重首以對財源新而
 奉日月神神所應開子以開萬世太平之基千以重千

具表稱謝者伏以雲行雨施濡聖化於九天鳳翥鸞
 翔布靈光於遐裔敷騰嶺海喜溢臣民恭惟
 一唐哲聰明聖神文武興滅繼絕祗紹述於祖宗罷
 兵息民用輯寧於華夏大普乾坤之量廣覃雨露之恩
 於臣荒服之民置之不問赦臣丘山之罪咸與維新敷
 文德而耆武功懷遠人而安中國是以保祚延長而永
 致太平之效也臣棲身海嶠待命關庭奉大國以敦
 大誼守一隅之地望紫宸而祝聖遙馳萬里之誠臣等

下情 云云

謝冊封表

辛亥順天四年。遣正使蔡壽賢副使何景宗封

安南權署國事

臣蔡某誠惶

云

謹上言宣德五年十月

十一日伏觀欽差天使右侍郎張敞通政使徐琦賈捧

詔書一道印章一顆命

臣

權署國事

臣

與一國之人

莫不歡忻踴躍謹奉表稱謝者伏以恩詔渙頒春滿

龍編之地印章寵錫先生象郡之區喜溢臣民歡騰

嶺嶺竊念

臣

僻居荒裔曼隔中華當流離失所之

窮身無地而倉卒求生之際獲罪于天鑄錯有由嗟
 勝憐及乾坤至大獨伶無路以自新日月並明常恐
 覆盆之難照每披肝而哀籲終踏地以自慙海岳生
 生已分為地於殘喘朝廷系遠豈期更荷於洪恩非
 惟感湯網之寬仁又幸沐堯天之雨露恭惟

一剛健中正徽柔懿恭守成以文遵祖之明訓止戈
 為武體上帝之好生臣一方彫瘵之民赦臣積年深重
 之罪特垂寬宥曲賜保全臣敢不思益前行勉圖報

欽奉天恩大惟神小國之誠保境安民、怡守藩臣之
 職、望紫宸而三祝祈聖壽於萬年、臣所有進貢方物
 另具本、並陪臣阮文納阮宗賢等、貴捧赴京謝恩、外
 謹奉表上以聞

令百官母作慶賀禮儀、出通史

順天庚戌歲年六月、詔曰、崇宮室而高臺榭、必興
 傾之風、徙邑欂而抑人心、必致百年之怨、朕甚愧焉
 凡屬寮、模壯觀、之規、是皆軍人勞苦之、在安焉、何處
 十五

猶恐弗堪而文武臣僚擬備登殿宴賀禮儀甚衆本
意其令百官毋得作虛頌功德及盛陳慶賀燕飮禮使

禁大臣總管及諸院省司等官貪怠詔

庚戌三年七月

七月詔曰興治同道罔不興與亂同事罔不亡是以
善為治者擇其善而從之傳曰善人善人善之誠不
善人善人之資詩云厥監不遠在夏后之世我之諸
臣可以取法於此矣在昔程氏程即陳也情其富強不
卹民困惟玩好是耽酒色是樂無遠之事日交於前

賭博鬪棋、鬪鷄、投銀、盆畜花金之魚、檻養山林之鳥、誇
珍小小之器能、以角勝負、以却堂堂之天下、曾不顧
懷、冤枉拘於損害之守、或一三年而不對、親疏屈於內
出之手、或二三月而不行、相將植朋黨之私、朝廷乏諫
諍之士、以至親子親孫、陷害於奸臣之巧計、大權大
計、轉移於親戚之佞人、民心愁謗而不知、天心譴責
而不悛、政教以之而陵夷、綱紀以之而紊亂、雖云胡氏
之不忠、亦由天厭其德、而假之他人也、胡氏既以姦

智而奪人國、又以姦智而脅人情、實鈔之令一行、而
 人人愁於傷生、遷民之法一施、而人人恐其失所、加以
 賦繁役重、法峻刑嚴、惟務益已、肥家、不念妨民而害國、
 受肥偏私、宗族卑者、尊顯之、慙小諂諛者、寵用之、因喜
 而賞、因怒而刑、忠直銚口、良善含冤、而猶驕傲以自
 榮、不覺天命而罹斧鑕、雖云吳賊貪殘、亦由天厭其
 逆、而假之他人也、及吳之得國、不能代虐以寬、益加
 殘暴、專殺戮以為威、視人命如草芥、俘繫我民之

天子發撫我國之洲陵、禁鹹魚以國民之食、索錦帛
 以事民之衣、金玉盡於搜求、畢衆勞於供貢、政苛刑
 峻、民不聊生、無辜頽天、忠義切齒、咸願効死、以滅賊
 豎、是以義旗一麾、四方蜂起、而吳衆遂以敗滅、蓋徒知取
 之以暴、而不知撫之以恩也、雖我以大義而得人心、亦由
 天厭其害而從之於我也、矣、由居官任職者、上不能體
 人主之心、下不能施勤恤之政、內則蔽惡於君、外則朋黨
 於衆、曾無徇國之忠、惟務益身之計、至使國敗家亡

君臣偶發可而監教朕夙興夜寐未嘗頃刻而忘于
 懷者原恐前車經覆而後車亦蹈之也故九戒所策皆
 諄諄反覆不止千言萬言九諭十諭而卿等視為虛
 文不曾改前日之過不曾遵勸懲之言往往屢為不法
 慢上逆下夫舊有勲勞恃功驕恣而所犯事或過誤
 倘隨其事之輕重而斟酌之或可恕或不可恕或漸進
 之人見其軍勢已盛國事已成而貪謀幸過圖取功名
 乃是同人成事之人而所犯事非過誤其可曲法而赦

之乎今已禁約戒懲如此而猶不聽不悛是乃自取滅亡
 非朕之過也今日大臣總管下至隊長及諸院省局等
 官凡有管軍治民之職皆宜公平用法勤敏為政事
 君則盡其忠與衆則盡其和革貪污之風除怠慢之
 弊絕其朋黨之私懲其故犯之愆以國家之仁為己
 任以生民之憂為己憂竭力盡忠扶持王室使社稷安
 如泰山基圖固如磐石以與朕共享祿位於當今共
 傳聲名於後世君臣大義始終保全是豈不甚美哉

相之通集卷之三

於戲琴瑟不調則當易弦改調以求正聲若樂
則當改轍易行以遵正道凡我有官者于職事
布告中外臣僚令咸知悉

命思齊攝事詔

宋通史

辛亥四年詔曰經綸天下之道盛衰興廢
後故父作于述而家道益昌兄繼弟承
先哲王之慮事深且遠矣朕躬親中
三年亦甚勞矣今智慮稍息

雖獨理深思古者以經行權而合聖賢之道立兄傳弟
 而施歷作之長斟酌相宜立為定法思齊年踰弱冠
 性近成人雖思慮未盡周密精微而耳目亦已見聞
 事體且當聖職以助朕躬元龍性雖明敏而年尚幼
 冲且宜儲養青宮待成純德若思齊方臨朝聽政則
 宜寵監國撫軍一遵趙宋故事後世子孫亦當以義相
 繼傳之無窮厥後或有不聽朕言妄生異議引趙普誼
 誤之妄變易朕明詔一定之制是乃誼倖之徒以為他日

之資、欲與莽操同事、非為國盡忠之道也、法所不容、今
 詔示文武臣僚、俟知嗣王先定之義、解言論不一之疑、凡
 再臣民、諒宜知悉、

平復禮班師詔

世子五年五月是性靈、從禮上高乃音平與兒
 文巧連謀作亂、又結袁宇、逆臣劉顯、使惟命

外徒等、舉國王恩齊討之、尋親在朝、賴伏誅、乃音平
 逆臣作其黨、以其地為懷、禮州、二月初三日班師、

詔曰、苗民違命、而夏禹徂征、害人不深、而大禹赫怒、惟
 禮自古內屬我國、為我藩臣、曠因前朝衰政、王室不
 綱、邊防廢弛、彼乃恃險憑陵、不怯國賦、侵寇邊鄙、虐害

朕與其太原宣光歸化嘉興等鎮被害尤甚朕受命
 以來務在懷柔一視無間其土酋刁意宇紐於舊習不
 肯來庭朕每示以信義益加撫諭優其美爵侈以厚
 恩而彼獫狴野心終懷異志忘恩倍義反面作妖誘
 人尚賤御男及尚丁桂等輩誑誘邊民謀為不軌遁
 聚家實繁有徒又與哀牢逆臣尚軒預等結成黨與同
 惡相濟攻占哀牢地方及愷甸等處壓轢人民屢被其
 害其哀牢盤茄遣使乞兵赴援朕為民父母代天子

民率土之濱皆其赤子弗忍一方之荼毒命將臣興
 師吊伐而吉寧大舉其衆以拒我師世燭一戰呵鎮
 賊死吉寧頭目覽剛等竊藉驚奔猶遣頭目者以率
 從補苗長丁桂等扶逆人尚晦卿等直犯我嘉興陀
 江等處會誘愚民敢行稱亂朕惟亂臣賊子天下之所
 共誅去年太原鎮尚克紹之反謀實由尚杆之煽惑今
 者尚吉寧之作逆又繼前所之醜謀禍亂之萌不可不
 絕朕乃先命司徒參政寶壽由陸路進討又命國王

思齊統兵由北關以截其後朕率六軍由嘉興繼至連
 東尚子桂等望風奔潰我師躡後直至忙蒲將常
 逆人尚聯那男為蠻吃所殺送首營門生擒丁桂及
 其妻子俘馘不可勝計我乃分軍水陸並進今年正
 月二十日直抵吉寧窠穴先是亥寧逆臣軻賴賀身
 性慮聞朕師至竟殺軻賴送首迎降上寧亦棄妻子
 部黨朕乃命司徒進兵忙翟國王駐兵忙蘇八山拔
 險又命諸將分兵各忙險處盡行搜捉俘獲吉寧妻

子部黨及各男婦三萬餘口象一百餘隻牛羊牲口
戰器船艦物件不可算數乃建置州縣併入版圖今當
班師凱還獻俘清廟合行告示天下臣民凡為人臣者
當以扞巧為戒為藩鎮者當以克卒克緹為戒則
我之臣民可以共享萬世太平之福而永有辭于後
世矣

命降恩齊為郡王次子元龍承統詔

癸丑六年八月命降恩齊為郡王布詔天下詔曰大

子曰朕以藐涼祇承天命于茲五載耄耋備數天下至
 萬幾至繁以此憂勞積成風疾勸諸寡野懷弗克堪
 皇太子雖在弱齡素聞仁孝羣情允屬神器攸歸
 可授劍璽監攝國事又勅太子曰以國相傳國家之
 大事以父誨子天下之至情惟國家事大故授受之
 辭不能無言惟父子情深故告戒之言不得不盡我
 昔遭細表亂創業惟艱二十餘年方成大業民間疾苦
 至不周知世道艱難靡不歷涉以至臨處之際咸之情偽

有未易知、事之疑難、有未易析、為君之道、豈下艱哉、况
 再以前冲之資、紹艱難之業、聞見日遠、思慮未周、宜收
 謹存心、猶求在念、事天地則思竭其誠、奉宗廟則思盡
 其孝、友愛兄弟、和睦族親、以垂治百官、臨萬民、莫不思
 盡其道、勿使亂先王之成法、勿遺忽先哲之格言、勿遷
 聲色而殖貨財、勿好遊田而縱淫佚、勿聽讒言而疎
 忠諫、勿用新進而廢舊人、謂天難誑、命靡常、必思制
 治于未亂、謂功難成、事易敗、必思保邦于未危、此處

安樂則思昔日艱苦之業、其事尊榮、則思我祖宗積累
 之功、必慎始以圖終、必為大於其細、必達先志而後可以
 守先業、必順天心而後可以合人心、惟相惟幾、勿怠勿
 忽、可授與璽、代余監國事、以固國本、以安衆心、於感
 克將傳心在麻中之允執、文武大道、尚繼承以無心、
 通大益、以相和動所、以數求典、訓諸國治、通者詳矣、
 上字曰致治平功德施於朝、基緒垂於後、將助盛哉、
 歲貢表

太子通陪臣陳蘇俞阮可云、秉於虎
 如明歲貢、御前三分、太子左右各一分、

文

二十三

兩吳成反

安南國權署國事臣黎某一謹上言伏以北闕疏恩新
 受九天之命南郊修貢遙馳萬里之誠報骨分毫感
 深骨髓恭惟

一乾坤同大日月並明德五帝而功三主無思不服子
 庶民而家四海一視同仁致使遠方預霑聖澤臣僻
 居炎徼仰慕中華一朵紅雲雖隔九霄之遠萬年聖
 壽昌勝三祝之釐臣等所有方物進貢另具本差陪
 臣程舜俞韓矜虎賁捧陳奏外謹奉表上進以聞

上皇太子表

南國權署國事，王黎某，謹上言，伏以清宮毓德，
 允正於元良，炎微承恩，王恰修松常賞，俯伸下悃，
 仰達前星，恭惟

陛下賦性溫良，王心孝友，重華叶帝，萬方仰離照之明，
 申命自天，四海屬宜君之望，本報益國，家國以寧，王迹
 阻珠崖，心馳萬禁，星輝海潤，願廣四頌之歡，日升月
 恒，敢祝千秋之算，王臣所有進貢方物，乃具本，差陪臣賁

捧呈啓外謹奉箋上進以聞

國人謝冊封表

安南大頭目臣黎四等、—謹上言、宣德五年十月、
日、伏觀天使賁捧詔書、允臣等所奏、命臣黎真補
國事、以撫國人、臣等一國之人、莫不歡欣踴躍、
稱謝者、伏以皇仁天大、敷文德以懷遠人、詔語
天心而宜聖澤、昆虫知德、草木生光、恭惟

—聖教日躋、聰明輔憲、萬物並育、心天地以爲心、

為家治夷狄所不治弘聖仁而柔遠、歛五福以錫民、
念臣小邦彫瘵之餘、俯垂矜恤、察臣家庶哀願之切、
曲賜允俞、一方之命脉以蘇、萬世之規模益遠、凡蒙覆
綸、莫不尊親、臣等忻戴堯天、遙瞻舜日、扶杖聽詔、
深感荷於君恩、鑒井耕田、喜均蒙於帝德、望紫宸
而三祝、祈聖曆於萬年、臣等謹率表儀謝以聞、

藍山永陵神道碑記

維順天六年歲次癸丑閏八月二十二日、太祖高皇帝

荆楚遺集卷之三

荆楚遺集卷之三

上天本年十月二十三日、蓋于藍山之永陵帝姓黎諱
 利曾祖諱譚清化府人也嘗一日遊藍山見家鳥巢
 飛翔繞於藍山之下若家人聚會之狀曰此佳處也因
 徙家居焉三年而產業成子孫日繁奴隸日盛建邦
 啓土膏基於此焉自此世為一方君長皇祖諱丁克
 承其家以繼先志有家至千餘人皇祖妣阮氏最有
 賢德生二子長曰從次日曰瞻之皇考也愷悌慈祥
 休休樂子好養賓客鄰境之民視同一家是以人夫

不感其恩而服其義也。皇妣鄭氏諱養勤於婦道。
 門閨和順。家日益昌。生三子。伯曰學。仲曰際。季則常也。
 伯受祖父之命。不幸短命。帝受祖父之命。惟謹。雖知遭人
 惡。而志益堅。跡藍山。以耕稼為業。由其憤彈戰之功。
 帝於歸畧之書。罄竭家資。厚待賓客。戊戌。起義
 於水上。前後九二十餘戰。皆設伏出奇。避銳取敵。
 帝以弱制強。丙午。風工。旱洞大捷。遂克關東都。
 人。以安遠侯柳昇領兵十萬。由廣西進。黔陽公沐

威領兵五萬由雲南進走蒙一戰擄昇獲首級賊衆數
 萬餘級生擒黃福崔聚等三百餘人軍士三萬餘人所
 獲擄昇勅命兵符還雲南軍中成見之舉衆宵遁賊
 生擒不可勝紀勅鎮兵襲關城威山侯王通等先與我
 軍講和未定至是請盟于洱水之上各鎮守城池俱閉門
 出降凡所獲賊人及各城降卒該十萬餘口一皆放還水路
 送號船五百餘艘陸路應付口糧廩力戒戢軍士殺毫
 一無所犯自是通好南北無事惟禮哀寧盡入版圖占

城關要航海修貢、帝宵衣旰食、九十六載、而國中大治、至
是崩、

有六年癸丑十月吉日、榮祿大夫入內行、謹知三館事、臣
臣馬奉勅撰、翰林院侍制、臣張文妻奉勅書、

斯吊祭表

甲寅紹
平元年

安、約國故權署國事黎某嫡男、臣黎鱗一謹上言、宜
德九年十一月初一日、伏觀欽差行人郭濟朱勅、賚教勸
諭祭文、并賜祭物、臣已祇受國賜、外謹奉表、願諸君、

我朝通集卷之三

補遺

以皇仁天大降恤典於九重聖諭春溫慰羣心於下國恩均存沒禮盡榮哀恭惟

一憲天聰明作民父母君臨四海孝治始乎家邦子惠萬於仁政先於孤獨致令冲効亦有撫存臣苦塊而哀雲霄化望口生曰養思欲報君父之恩惟孝惟忠誓益堅臣子之節

求襲封表

甲寅紹平元年命宣撫使阮宗賢侍郎蔡君實

水南故權署國事蔡某嫡男臣蔡麟一謹上言伏以

仁柔遠視四海以為家、下國祈封、額九天而請命、共傾
 志、佇聽俞音、恭惟

日日照臨、乾坤覆載、知人則哲、帝堯致萬邦於宓之風、
 以寬大、祥有四夷、宗王之放、德無遠而弗屆、民有
 歸而即從、日僻處遐方、屢蒙聖化、海涵春育、均霑同
 外之恩、兩施雲行、頒布維新之澤、仰紫宸而三祝、祈聖
 壽於萬年、臣謹委陪臣阮宗胃、戴良弼等、奉表奏進、以

端

文

三千八百八十八

新清通集卷之三

謝襲封表

安南國權署國事臣黎鱗一謹上言宣德十年二月初
二日伏觀錄差天使右侍郎章麻行人候璫賫到勅諭
命臣權署國事臣已祇受拜訖謹奉表稱謝者伏以聖朝
采遠華夷同一視之仁滿國襲封咫尺拜九重之命駭屬
海嶺虔叶臣民恭惟

一智勇正邦聰明作后誕敷文德拱已而垂衣裳懷保
小民發政必先賑獨惟皇建極其仁如天臣仰荷洪恩欣

承聖訓慎終如始、惟罄竭於誠心、保境安民、尚克遵於
 侯度、臣等委滿子曰程元禧等奉表稱謝以聞、

國人謝發封表

安南國耆人黎問等、謹上言、宣德十年二月初二日、
 伏覩欽差大使章啟侯瑄等、賁到勅諭、命臣黎鱗、
 界國事、并諭各國官員耆老軍民等、臣一國之人、不勝
 欣踴、謹奉表稱謝者、伏以恩綽煥頒、玉陛降九重之
 命、皇仁遠被、炎郊回萬里之春、草木生光、旄倪滋慶、

家言集卷之三

恭惟

一繼天立極欽福錫民叶帝舜之重生常延于世
賜之大德功加于相采孝治以推恩開誠心而待物無
服其仁如天臣僻處遐荒欣逢盛世波不揚風不烈皆賴
恩厚而鑒田而耕咸蒙帝德

賀即位表

乙卯紹平二年明英
宗即位改元正統

安南國權署國事臣黎某一上言宣德十年十二月
欽承天使行人朱弼謝寔等頒到詔書伏觀皇上新登

贊化謹奉表稱賀者伏以泰運重開四海仰中天之日月
 帝王止始萬邦歸一統之山河永杜莫安祥夷悅服恭惟
 體乾行健如日方升敬所尊而愛所親孝先天下
 即以寬而臨以簡德及遠人九屬熙熙舉賢敷慶臣僻
 居遐壤久沐深恩望天關於九重感廣咫尺華封之三
 俊聖壽萬年臣下情云云

賀尊皇太后表

臣南國權署國事臣蔡某謹上言宣統十年五月初五

日伏觀天使來商謝經齊到詔書尊聖祖母為太皇太
后謹奉表稱賀者伏以尊親禮重九州極至養之榮特
戴恩深萬物蒙資生之德歡騰嶺海喜溢臣民恭惟
一淵靜懿恭聰明淑哲為天下母施實惠以子厚生
居域中尊弘至仁而家四海風行所及愛慕德風
聽諭音達伸賀頓海天萬里隨越北關之無雲去三
叶、歷祝東朝之壽但臣下情無不

謝冊封國王表

封冊封國王表
俱內密院
也悉來封

安南國權署國事臣黎某—謹上言正統二年明正月
 十三日伏覲天便李郁李亨持節賫捧詔勅金印封臣
 為安南國王臣已祇受拜受訖謹奉表稱謝者伏以風
 蕩萬邦降金章於天關雲行雨施需聖澤於遐方簡
 在宸衷喜輸望外恭惟

天出治如日方升合四海以為家小懷大畏法九經
 而為國厚注薄來致令遠徼之臣屢荷駢蕃之寵注
 建盛代祇佩龍光就日望雲雖隔九重之遠敬天事

大願彈小國之誠 且下情 云云

精海藏本

大願彈小國之誠 且下情 云云

作後嗣訓以戒太子詔

帝作後嗣訓以戒國主太子曰我聞帝王禪讓必以心
法治法而併傳世代繼承每述訓言戒言而垂範
所遇之相或異而所為之事則同我親剪荆棘手劬
崇以介冑為衣被以草野為室家履險乘危蹈霜
冒刃然後掃蕩風塵創成基業經營綿緜厥惟艱
哉今汝母我之功勞承我之基緒九其監國撫軍之要

存心出治之方勉力而行無却步人
 友愛之心子惠庶民思布寬仁之政勿以私恩而濫賞
 勿以私怒而濫刑勿殖貨財而肆侈靡勿避聲色而
 縱荒淫至於推己用人受言納諫一政一令之施一言一
 動之發悉由中正用作典常庶使上有以答天心有
 以孚人望則國家永安若其自用聰明用弄私昵廢
 我之臣改我之政變更家法遺棄懿親疎遠忠直之
 人親近諂諛之輩惟快意之事是作惟玩目之事是

新編通集卷之三

補注

求不違勤儉之節不念艱難之功如古人所謂厥父既
 厥作室而子承之堂肯構厥父既勤艱而子承肯
 構肯構安能成我之志承我之業而傳祚於無窮乎
 且懷子有仁者民也載舟覆舟者亦民也佑于有德者
 天也難謫靡天也雖以舜禹湯文之聖然猶
 兢兢業業克勤克儉力人

不敢少忽況於其下者乎夫繼體之君出於

宴安常無立志苟不訓之於始戒之於初使其傲悞

休否感激奮發則安能盡繼述之道以福天下之民哉
 此成謝之辭不能已於有言也嗚呼庶幾能敬承克享
 曾子之祚武昭昭述克昭述孝之各昇其祇佩余言勉
 右前監故訓

贈昭儀為皇太妃制

紹平年間

制曰朕惟克敬惟親事追來孝撫高后艱難之業惟
 中聞翊亮之勤載敷大疏於朝廷用安徽靈於空窠
 具位是秉持懿德經事先朝遭板蕩之乾坤共冰檣

孝友通集卷之三

補遺

於風雨奉承箕箒無忘灑掃之心。蠲補衣裳期盡
 縫也。蓋一心在御千載靡盬。芒砀雲氣雖水風沙凡備
 嘗放縱陳牌滌麥飯。薑亭豆粥常相助於渴饑致繁
 極之典安多鵲鳴之徵成。有母后不幸而升逝。獨朕躬
 有賴於扶持。深懷顧復之恩。敢後追崇之典。粵考成
 周之遺制。宜加太祀之新封。予以張保佑之功。予以嘉
 哀之禮。於戲。禕翟命服。流輝無間於存亡。為靈滿室
 始有光於冥漠。

贈昭儀為貞懿元妃制

制曰朕惟聖人制禮道莫重於親親朝廷推恩義尤
 哀於貴貴載敷制綽用賁幽處具位某淑慎柔嘉
 端莊靜一當。乾坤草昧建康廟官壹儉約之風靈山
 之猗綽艱難尤資主饋凜露之本蒙藍縷正賴解綬
 每念稱禘先朝之功豈忘保佑冲人之德相方大定人
 已云亡欲伸至孝之情敢後追崇之典是用擇寔元妃
 之列以昭異數之恩於茲盛養維殊恩有同於罔極

存世無嗣期際相校承襲

冰壺遺事錄

冰壺相公陳氏之親族久入內太保威肅公諱大望韓
明廟至永平祖文肅王諱道徽十四歲試中榜舉聖
廟特賜大服以寵異之稱其官萬之才有意大用未及
陟相而王早薨曾祖上將太師昭明大王諱世宗太宗之
次子重興年間功居第一常出征聖廟賜二旗宸翰題
云一代功名天下有兩朝忠孝世間無可見非常之人

矣。壽五十歲。有樂道集行于世。公諱元且。家傳詩禮。
 肖出神明。霽月光風。雅有出塵之想。青天白日。明其
 許國之忠。昔當昏德悖亂之朝。從茲卷二帝出奔于
 外。事平之後。爰立作相。定橋樑于震撼之際。解紛結
 于錯亂之餘。數年之間。海內平治。國人稱曰賢相。雖兒
 童走卒。莫不知名。自胡氏進用。陰冰始疑。公曰。君子見
 我而作。不俟終日。於是創清虛洞。於鳳山縣之鬼山。以
 為退休之處。洞成。睿廟賜御書清虛洞三大字。揭之。

碑額、藝廟親製碑銘、刻之岩隙、公雖迹寓林泉、志
 存宗社、其憂愛之念、未嘗一日暫忘于懷、每托之詩歌、
 寓其忠憤、或去或留、一動一靜、莫非諫說、誓、示終不
 之察、由是胡家氣焰日盛、附勢日繁、國日以削、庶可康
 何、而公退休之志始決、臨終、病不復藥、子孫有勸之者
 必曰、相事如此、余得死幸矣、豈復求生見禍、歟、耶、公沒未
 歲、胡氏果篡國、殺戮陳氏子孫無遺、其先見之明有如
 此、壽六十五、以庚午年十一月十四日卒于家、塋于諒州

府屬山縣之美山歷官至八內檢校司徒平章國上侯
 正章肅有承壺王聖集行于世男女十一人兵後鮮有
 存者余母公第三女也先公而沒余竊感彭澤陶公作
 外祖孟府君傳眉山蘇公錄程公遺事晦庵文公又錄
 祝公遺事凱風寒泉之恩寔鑒于公况公子孫殆盡堂
 構之托實在余擬復纂室于崑山之下歲相薦享而
 暇志未遂因命工繪集遺事錄于後藏之於家以示不
 忘亦庶幾乎陶公蘇公文公之心也餘見葉溪先生所傳

清虛洞記及別誌書之三

清虛洞記

清虛洞記及別誌書云順天元年戊申仲冬宜奉大夫
八內行謹門下右諫議大夫同中書令事賜金紫魚袋上
護國冠服侯賜姓黎廌

附鑒京師製碑鎮司使制庵于此蓋嶺豈有懸於銅梁之
寓意乎○未暇日坐磐石則觀國勢○安山嶺清溪則從書院
之源蔭茂樹則資廣聖民之大庇倚修竹則欲置賢士之如林
覽我治無有過此朕所以嘆而書于山之陰者也

隆慶三年季春立

諫議大夫兼知三館事謝表

榮祿大夫八內行謹門下省左司右諫議大夫兼翰林院

承旨學士知三館事提舉崑山資福寺亞大智字以因
 養廉誠惶誠恐誓首頓首上言本年二十日欽奉
 聖恩除日前職日已被受拜記謹奉表稱謝
 八十候無守職已安於本分九重寵渥自天降
 家無已知榮擢心益愧臣精神未濟幸何小能
 二無銘志古知如想由靈為念寵光受天下之
 家草膺名初際真為風雲之命轉時於此大
 志忠義自知虎山鎮中決和議而兩漢平之

殊獎俾八政遜言必聽而計必從功已成而名已遂分
 符賜壤幸同白馬之盟聚諸相議偶汚青蠅之玷位
 知落落者難合終令皓皓者易污非先帝之明見以
 燭微則小臣幾含笑而人地前事既已和矣寸心又何
 愧焉金馬玉堂竟復托於舊物青袍白馬得此露其
 肝奈脫景已逝於桑榆而清夢猶懸於宸極才疎力
 薄髮白心丹豈期乞骸骨之年却有拜雲霄之命伏
 遇

明明在上蕩蕩難名帝堯乃聖乃神知人則哲大猷
 好問好察御衆以寬立賢無方用人惟已擇羣才將
 邦非徒采陶東岳則若茲不遺伶臣未路之虞賢尚
 地無策謂臣經秋之松柏可耐雪霜損排不惑於
 言信仁獨堅於聖斷至今衰朽更轉光華東臺之
 寶乃朝廷之重選三館之職斯為儒者之至榮況賜
 國姓以花宗得與功臣而並列感隨感激出喜與
 自顧迂愚美以稱塞臣敢不益堅素節仰企前修

岳高深、莫效眉厓之報、乾坤寬大、寧忘義憤之口、

諭又安新平順化將校軍人令

我起義兵於再土、近欲成功、願再衆始終、心念不

節、以全君臣父子之義、我知再衆皆為國之門、前此

與慶重光、枉以虛名、不見成功、蓋由政出多門、大臣不

知再衆徒費力於此矣、今天下一統、我與再衆、義如父

子、願盡一心、復我境土、自古相將封侯、如再衆無異、

並再隊伍、練再軍人、蕩平殘寇、分半俸、廣今天、假我

事不得已用命則破敵生而有功不用命則死成何貴
每隊各曉一本日再三讀使軍人知之

秋七月五日指揮大臣百官中外文武臣僚等會議錢
法詔

夫錢乃生民之血脉不可無也我國家本產銅穴見
銅錢已被胡人銷毀百僅一存至今軍國之務屢為匱
乏求其疏通使用以順民情豈不難哉昨有上書陳
言使以鈔代錢朕夙夜思惟未得其道蓋鈔者乃無

用之物行於有用之民甚非愛民用財之意然古昔有以金銀皮幣錢鈔之物無可相權何者為最其令大臣百官及中外達相務之士各議錢例以順民情康乎不以一人之所願而彊千萬人之所不欲以為一代之法不可不早定其議以奏朕將親擇而施行焉

NGUYỄN TRÃI TOÀN TẬP (ỨC TRAI THI TẬP)

TẬP HẠ
(Quyển 4, 5, 6)

QUYỀN 4:
QUÂN TRUNG TỪ MỆNH TẬP

卷之四

軍中詞命集 松新

按藝文志云：軍中詞命一集，阮厲草與北朝諸將往復書，三戒諭將士文。洪德間，陳克儉編次，又藍山記帝自平吳至復國，凡軍中許多文書往復，皆命文臣阮厲所作也。

請降書

癸卯五月初六日，差黎運，黎璠將象牙五雙并書，史記壬寅帝回至靈山，二月絕糧，惟食菜根蘆笋而已，時軍士疲勞欲得休息，勸帝與賊和，遂與山壽馬騏等行成。

僕聞生太平之世，人莫不得其所。遇聖明之時，人莫不遂其生。今僕生長明時，遭逢盛世，而常有失所之嘆。何哉，往因鄉人知縣杜富與僕有隙，彼賂參政梁汝笏謂僕欺慢上司，恃強跋扈，若不圖之，必生後患。汝笏乃告管兵官及內官馬騏等，因發官兵來襲僕衆，不問老幼，並爲斬殺。擄俘。族黨俱亡，妻兒分散，發掘祖父墳墓，骸骨暴露。

(藍山記戊戌帝起兵于藍山，明馬騏
 等逼之，乃退屯落水，杜富引賊徒掘
 沃皇處皇考骸骨，又間行以繫帝，後沒
 其家屬軍民妻子甚衆。)僕無所控訴。
 遭迭惟艱。乃遣親人詣三司謝罪，使
 者再三，皆被毀戮，曾不赦回。僕計無
 所出，於是奔亡逃匿，偷生歲月以侍上
 司之察情，糊口山林已經六歲，日常
 兩飯，未曾飽，然精衛雖填海之勞，
 寬酷不顧死生之報，因率其東以繫
 杜富之家鄉，虜彼宗親皇巷，庶得
 其宿忿耳。非敢他志，今聞總兵官之
 大德決人，餘恩及物，以鄧禹諭敵
 心爲心，以黃霸化民之政爲政，誠僕
 改過自新之日也。虔差從兄黎運等，
 奉書懇許以自新之寬路，倘垂寬宥，
 造化之力也。



Phiên âm

QUYỀN CHI TỬ.

QUÂN TRUNG TỬ MỆNH TẬP. TÙNG HIỀN,

Ấn Nghệ Văn Chi vân : Quân trung tử mệnh nhất tập. Nguyễn Trãi thảo dĩ Bắc triều chư tướng vãng phục thư, Tam giới dụ chiến sĩ văn. Hồng Đức gian, Trần Khắc Kiệm biên thư. Hựu Lam Sơn ký, Đế tự binh Ngô chí phục quốc, phàm quân trung hứa đa văn thư vãng phục, giai mệnh văn thần Nguyễn Trãi sở tác dã.

THÌNH HÀNG THU.

Quý mao ngũ nguyệt, sơ lục nhật, sai Lê Văn, Lê Trần, tương tượng nha, ngũ song, tịnh thư Sử Ký : nhâm dần (1422) để hồi Chi Linh sơn. Nhị nguyệt tuyết lương. duy thực thái căn. sơ duãn nhi dĩ. Thời quân sĩ bì lao, dục đắc hưu tức, khuyến để dĩ tặc hòa. Tụy dĩ Sơn Thọ, Mã Kỳ đẳng hành thành.

Bốc văn, sinh thái bình chi thế, nhân mặc bất đắc kỳ sở Ngô thánh minh chi thời, nhân mặc bất tụy kỳ sinh. Kim bộc sinh trưởng minh thời, tao phùng thịnh thế, nhi thường hữu thất sở chi thân hà tai. Vãng, nhân hương nhân Tri huyện, Đỗ Phú, dĩ bộc hữu khích. Bì lộ Tham Chính Lương Nhữ Hốt, Vị bộc khi mạn thượng ty, thị cường bạt hổ, nhược bất đồ chi, tất sinh hậu hoạn. Nhữ Hốt nãi cáo Quân Bình quan cấp Nội quan Mã Kỳ. Nhân phát quan binh lai tập bộc chúng. Bất vấn lão ấu, tịnh vi trăm quốc cầm phù, Tộc đẳng câu vong, thế nhi phân tán. Phát quật tổ phụ phần mộ. hài cốt bộc lộ (Lam Sơn ký :

Mậu tuất, để khởi binh vu Lam Sơn, Minh Mã Kỳ đẳng bức chi, nãi thoái đồn Lạc Thủy. Đỗ phủ dẫn tặc đồ quật Ốc Hoàng xứ, Hoàng Khảo hải cốt, hựu gián hành dĩ tập đế. Hậu một kỳ gia thuộc, quân dân, thê tử thậm chúng). Bộc vô sở không tố. Tiến thoái duy gian. Nãi khiến thân nhân nghệ tam Ty tạ tội. Sử giả tái tam giai bị sát lục, tăng bất phóng hồi. Bộc kế vô sở xuất, ư thị bốn vong đào nặc, du sinh tuế nguyệt, dĩ đãi thượng Ty chi sát tình. Hồ khẩu sơn lâm dĩ kinh lục tuế. Nhật thường lưỡng phạm, vị tăng nhất bảo. Nhiên tình vệ khởi từ điền hải chi lao. Oan khóc bất cổ tử sinh chi báo. Nhân suất kỳ chúng dĩ tập Đỗ Phủ chi gia hương, lỗ bĩ tôn thân hoàng hạng, thứ đắc sự kỳ tức phần nhĩ. Phi cảm tha chi.

Kim văn Tổng Bình quan đại đức tiếp nhân, dư án cập vật. Dĩ Đặng Vũ du địch chi tâm vi tâm, dĩ Hoàng Bá hóa dân chi chính vi chính. Thành bộc cải quả tự tân chi nhật dã. Kiến sai tông huynh Lê Văn đẳng. phụng thư kính nghệ viên môn, trần oan ai ~~thư~~ phục khất xá kỳ vãng chi khiến, hứa dĩ tự tân chi lộ. Thằng thùỵ khoan hựu cần khôn tạo hóa chi lực dã.

Dịch nghĩa.

QUYỀN THƯ TỪ.

TẬP THƯ TỪ TRONG QUÂN. TÙNG HIỀN.

Xét trong quyền Văn Nghệ Chí có chép : Một tập Quân trung Từ mệnh, Nguyễn Trãi viết thơ trao đổi cùng các tướng tàu, và viết văn khuyên răn tướng sĩ. Khoảng niên hiệu Hồng Đức, Trần Khắc Kiệm, có sưu tập. Trong Lam Sơn ký cũng có biên chép từ khi vua bình Ngô đến lúc vua lấy được nước, phần nhiều trong quân, các văn thư trao đổi đều do vua sai Nguyễn Trãi thảo.

THƯ XIN HÀNG.

(Năm quí mão, tháng năm, ngày mừng sáu, vua sai Lê Văn, Lê Trần, đem năm đôi ngựa voi, cùng bức thư. Sử chép là năm nhâm dần, vua về tới Linh Sơn, hết lương ăn đến hai tháng, chỉ ăn rau cỏ măng tre măng nứa. Quân sĩ mỗi mệt, muốn nghỉ, khuyên vua hòa với giặc. Vua xin hòa với bọn Sơn Thọ, Mã Kỳ).

Tôi nghe nói, sinh vào đời thái bình, thì không ai không có cơ sở. Gặp được thời thánh minh, thì không ai không có đủ sống. Nay tôi được sinh vào thời sáng, được gặp đúng đời thịnh, mà thường cứ phải băn khoăn về nỗi thất sở là tại sao. Trước kia, nhân có người làng là Tri Huyện Đỗ Phú, cùng tôi có hiềm khích. Hắn lẽ lớt Tham Chính Lương Nhữ Hốt, bảo là tôi khinh mạn các quan trên, cây mạnh ngang ngành, nếu không mưu giết trước thì sẽ sinh loạn. Nhữ Hốt nghe thế mới trình với Quân Bình cùng Nội Quan Mã Kỳ, rồi đem quân binh tới vây chúng tôi, bắt chấp giả trẻ, đều giết sạch, hoặc bắt đem đi. Họ hàng bị hại, vợ con bị tan. Rồi phát quật mả ông tôi, xương cốt bọc lộ. (Lam sơn ký chép : Năm mậu tuất vua khởi binh tại Lam Sơn. Trương Minh là Mã Kỳ vây đánh. Vua lui đồn quân tại Lạc Thủy. Đỗ Phú dẫn đường cho giặc tới quật mả, lộ hài cốt hoàng khảo, rồi vây đánh vua, giết hại nhiều người nhà, cùng vợ con quân dân). Tôi không còn kêu oan vào đâu được. Tiến lui đều khó. Mới sai người thân đi tới tòa tam Ty tạ tội. Sử giả hai ba lần đều bị giết, không được thả về. Tôi không còn kể gì khác, bần cùng phải trốn tránh, trộm sống qua ngày tháng, để chờ các quan trên xét tình cho. Kiếm ăn nơi rừng rú tới nay đã sáu năm. Ngày tuy hai bữa, nhưng chưa khi nào được no. Tuy nhiên, tình vệ há dám ngại lập bề, nỗi oan không

kẻ gì sống chết, mới đem quần chúng vây nhà Đỗ Phú, bắt hết tộc thuộc là đề hạ mối giặc thù. Chỉ có thể thôi, chứ không dám có chí khác.

Nay nghe quan Tổng-Binh, đức lớn, hợp với người, ăn thì cả tới vật. Lấy tâm Đặng Vũ (1) khuyên địch làm tâm mình, lấy chính của Hoàng Bá (2) dạy dân, làm chính mình, thế là từ nay tôi muốn theo mới đổi lỗi. Kính cho người anh họ là lữ Lê Vận dâng thư tới cửa quân. đề kêu oan, và xin tha lỗi trước, mở đường cho đổi mới. Vả, mở lượng khoan dung, chính là việc của đất trời.

CHÚ THÍCH : (1) Triều Đông Hán nước Tàu làm tướng có đức độ.

(2) Triều Hán Vũ Đế, có tài trị dân.



諸總兵官及清化府衛官書

者。今養其之方亦好桑及牧為再前誠忠僕功，伏
 賄也。收盡賄一，死素言守天乞彼，室雖立，
 寬致命無舍。之且今，大僕降，朝為救戰不
 賈所之，討僕，顧之今來賄奉竟報北死幸
 故之廷兒罪攻雖也惜不庭。而寬以，公與雖去
 。辨朝恩之督此道常而朝也信其，罪曹或。罪
 鳴不奉養革復，其之國何極誠明個賈為，罪其
 則偽，之無。所以人田，此抱能忠康猶義贖免
 乎真官毋過察其不，舍僕至日幸盡稽生斯而，
 其明等父僕矜得柔適，哀僕約，得昔更忘征誠
 得不守誓今家不懷就逃可令東父僕。羽敢西微
 不惡鎮，。不，司勞道尤忍與君使也聞，從察
 物善衛民也，人上避而，賢，於，願，缺伴俯
 天乃府斯愛情之由生梓此之誓生愆所臣不或乞



Phiên âm.

NGHỆ TỔNG BINH QUAN, CẬP THANH HÓA PHỦ,
VỀ QUAN, THU

Phủ, vật bất đắc kỳ bình tắc minh. Cổ phụ oan khốc giả, nãi thiện ác bất minh, chân nguy bất biện chi sở chí dã. Kim Phủ, Vệ, Trấn, Thủ đẳng quan, phụng triều đình chi mệnh, mục dưỡng tư dân, thí phụ mẫu chi dưỡng anh nhi, vô bất tận kỳ ái dã. Kim bộc ngộ vô cô chi tội, hàm oan khốc chi tình, bất mông cắng sát. Phục đốc công thảo. Sử nhất phương chi nhân, bất đắc kỳ sở. Thử tuy bộc chi tội, diệc do Thượng Ty hoài nhu, bất dĩ kỳ đạo dã. Thả, ố tử hiếu sinh, tị lao tỵ dật, nhân chi thường tình. Kim bộc khí tang tử nhi bỏ đào, xả diên viên nhi bất cố, hưng ngôn cập thử, vuu khả ai lân. Hà triều đình chi đại, thủ mục chi hiền, nhần linh bộc chi thử cực dã. Kim bộc chỉ thiên vi thệ, dữ chúng ước nhật bảo thành tín nhi lai hàng. Khất tái sinh ư quân phủ. Hạnh năng minh kỳ oan khốc, thích bỉ tiền khiên. Sử bộc đắc tận trung khồn dĩ phụng triều đình, thành sở nguyện dã. Tích Kê Khang phụ tội, cánh vi Tấn-thất trung thần, Quan Vũ cánh sinh, do vị Tào Công báo hiệu. Tuy bộc bất mãn, cảm vong tư nghĩa, hoặc dữ bắc chiến dĩ lập công, hoặc ty tông tây chinh nhi thực tội, tuy tử bất từ. Phục khất phủ sát vi thành, miễn kỳ tội hỹ. Hạnh thậm.

Dịch nghĩa

THƯ ĐƯA TỚI QUAN TỔNG BINH
CÙNG QUAN THANH HÓA PHỦ VỆ.

Phàm vật không được bình thường thì phải kêu. Cho nên người bị việc oan uổng, thì hay dở không rõ, trái phải không

biện bạch đến nơi được. Ngày nay, các hàng quan Phủ, Vệ, Trấn, phụng mệnh triều đình tới chặn nuôi dân, như cha mẹ nuôi con nhỏ, không ai là không hết lòng yêu thương. Tôi mắc vào việc vô tội, tình thực oan uổng, không được thương xét tới, lại còn bị quân tới đánh, khiến cho người một phương, mất nơi cư trú. Tuy rằng tôi có tội, nhưng cũng vì các vị Thượng Ty không theo đạo trị dân phương xa. Ghét chết, chuông sống, tránh nhọc, ưa nhàn, vốn là thường tình của người ta. Nay tôi bỏ quê hương, đi trốn tránh, bỏ ruộng vườn không trông nom, nói đến đó càng xót xa. Cớ chi triều đình thì oai nghiêm, các quan thì hiền lương, mà để cho tôi cực thế.

Nay tôi chỉ trời, thề, ước ngày cùng dân chúng lấy chữ thành tín lại hàng, xin với quân phụ được tái sinh, may oan cũ được sáng tỏ, bỏ hết hiềm khích để cho tôi được hết đạo trung, báo đáp triều đình. Đó là sở nguyện của tôi.

Xưa kia Kê Khang có tội, mà rồi, thành trung thần nhà Tấn. Quan Vũ được sống mà còn báo ân nghĩa Tào Công. Tôi dù tài hèn, đâu dám quên nghĩa lớn. Xin hoặc là lập công nơi chiến trường phương bắc, hoặc là chuộc tội khi lòng quân tây chinh. Tôi chết không từ.

Cúi xin xét tấm lòng vì thành cho khỏi tội. Rất mong lắm.



壽山監太與

尊此身，嗟至，僕一云：僕所昆招處也。
 莫，節雖咨始，以人與僕及叛祿肉
 尊辱名，夜京路願古富此德納心骨
 ，避好難日從之伏且杜，人，洗而
 義榮，禍。人生，今官大垢，生
 忠向來致衰大可忤苦，之今舍新死
 於，生而不聞以權便休縣。迂自謂
 重生自人志今示勝官不本也，載過所
 真好僕小之，不縣禍為故，改，
 重死。疾生訴端老免其再之木以民
 道惡也，平控之重以，亡草僕之
 之，情義，而罪，奴營營逃洽許平
 下節常忠險天負之家治仇散恩能太
 天名之重難二其間為營為難，作
 夫於人而居望明東冊以舊以燕亡以



Phiên âm

DỮ THÁI-GIÁM, SƠN THỌ, THƯ.

Phù, thiên hạ chi đạo, trọng mạc trong ư trung nghĩa, tôn mạc tôn ư danh tiết. Ổ tử hiếu sinh, hương vinh tị nhục, thử nhân chi thường tình dã. Bộc tự sinh lai hiếu danh tiết, nhi trọng trung nghĩa. Tật tiểu nhân nhi chí họa nạn. Tuy thân cư gian hiểm, bình sinh chi chí bất suy. Nhật dạ tư ta, vọng nhị thiên nhi không tổ. Kim văn đại nhân tông Kinh thủy chí, minh kỳ phụ tội chi đoan, thi dĩ khả sinh chi lộ. Bộc chúng văn chi, đồng lão bất thắng hoan biện. Phục nguyên dĩ nhất sách vi gia nô, dĩ miễn huyện quan xâm khổ. Thả cỗ nhân văn : dĩ thù trị thù, kỳ họa bất hưu. Kim, Đỗ Phú dữ bộc cưu hữu cưu thù. Tái vi bản huyện chi quan, thử bộc sở dĩ ly tán đào vong chi cố dã. Kim, đại nhân, đức cập côn trùng, ân hiệp thảo mộc, tàng ô, xả cầu, nạp bần chiêu vong, năng hứa bộc dĩ cải quá tự tân, tẩy tâm địch lự, dĩ tác thái bình chi dân. Sở vị tử sinh, nhi cốt nhục dã.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI CHO THÁI GIÁM SƠN THỌ,

Xét trong đạo làm người, trọng thì không gì trọng bằng trung nghĩa, tôn thì không gì tôn bằng danh tiết. Ghét chết, chuộng sống, theo vinh tránh nhục, đó là thường tình của người ta. Tôi từ khi sinh ra tới nay, vẫn chuộng danh tiết, và trọng trung nghĩa, ghét tiểu nhân đến nỗi đi tới họa hoạn, thân dù ở trong bước gian hiểm mà chỉ bình sanh không kém bớt. Ngày đêm than thở, trọng có người trên, ơn sánh trời cao đề kêu oan. May nghe thấy đại nhân từ

kinh sư mới tới, sẽ xét rõ nguyên nhân các tội trạng, có thể mong ngài mở cho con đường sống. Chúng tôi được biết, già trẻ đều mừng vui. Chỉ mong ngài cho làm chức gia nô, để khỏi bị huyện quan làm khổ. Vả lại người xưa có nói : Lấy thù trị thù, tai họa không dứt. Đỗ Phủ cùng tôi vốn có thù cũ, lại được bổ làm tri huyện bản huyện, đó là cái cơ làm cho chúng tôi phải ly tán.

Nay thấy đại nhân, đức kịp tới cả côn trùng, ân kịp tới cả thảo mộc, khơi bùn quét bụi, thù dùng kẻ phản bạn, chiêu nạp kẻ lưu vong, có thể làm cho tôi đổi lỗi theo mới, rửa tội gột ác, thành người dân thời thái bình. Thế tức là làm cho đã chết được sống lại, ~~năm xương~~ khô được sinh da thịt.



與方政書

僕竊料千鈞之弩不爲雞鼠發機。今卿爲時名將，以兩國之兵，而爭勝於匹夫，勝者不過封侯，萬一蹉跌，四方衆弊，兵革不休，雖有智者不善其後，悔將何及，第恐取笑於當時，貽譏於後世，深爲公寒心焉，今爲公計，不如按甲休兵，閉坐受降，此上策也。雖僕等與公之幸，亦下萬民之大幸也。

Phiên âm

DỮ PHƯƠNG CHÍNH THƯ.

Bộc thiết liệu thiên quân chi nỗ, bất vị hề thử phát cơ. Kim Khanh vi thời danh tướng, dĩ lưỡng quốc chi binh, nhi tranh thắng ư thất phu. Thắng giả bất quá phong hầu. Vạn nhất sai trật, tứ phương thừa tệ, binh cách bất hưu, tuy hữu trí giả, bất thiện kỳ hậu, hối tương hà cập. Đệ khủng thử tiểu ư đương thời, di cơ ư hậu thế. Thâm vị công hàn tâm yên. Kim vị công kế, bất như án giáp hưu binh, nhân tọa thụ hàng, thử thượng sách dã. Tuy bộc đẳng dĩ công chi hạnh, diệc hạ vạn dân chi đại hạnh dã.

Dịch nghĩa**THƯ GỎI CHO PHƯƠNG CHÍNH**

Tôi nghĩ rằng cái nỗ lực nghìn cân, không vì con chuột nhắt mà bỏ lấy. Nay ông lấy quân hai nước để tranh thắng một thất phu, thắng thì bắt quá được phong hầu, vạn nhất sảy bước thì bốn phương lợi dụng, việc binh sẽ không ngừng được, tuy trí có giỏi cũng không thiện chung, như thế hời sao kịp. Rồi bị đương thời cười, hậu thế chê, thật vì ông mà sợ thay. Cứ như ông nay, mưu hay nhất là xếp giáp cho quân nghỉ, ngồi yên đợi kẻ hàng. Dù rằng may cho ông cùng tôi mà cũng là rất may cho muôn dân.



又。答。方。政。書

(明又進軍不止，及有書翰至，而數其罪，故爲書答之)。示爾虐賊方政，夫爲將之道，以仁義爲本，智勇爲資，今爾等，徒勾說詐，虜殺無辜，每陷其衆於死亡之地，而不之恤，天地所不容，人鬼所共憤，是以連年征伐，常取挫敗，而不能先爲之改過，乃猶起械以自臭，悔將何及。況今春水方生，嵐陣流毒，其勢不能耐久，今爾徒擁大兵逗撓不進，使軍人染瘴厲而死，是誰罪過。兵法曰：仁者以弱制彊，義者以寡敵衆。爾今欲戰，則宜勒兵相攻，以決雌雄，毋徒苦兩軍爲也。

Phiên âm

HỮU ĐÁP PHƯƠNG CHÍNH THƯ.

(Minh hựu tiến quân bất chỉ, cập hữu thư dụ chí, nhi xác kỳ tội, cố hữu thư đáp chí).

Thị nhĩ, ngược tặc Phương Chính. Phù vi tướng chi đạo, dĩ nhân nghĩa vi bản, trí dũng vi tư. Kim nhĩ đẳng, đồ câu quý trá, lỗ sát vô cố, mỗi hăm kỳ chúng ư tử vong chi địa, nhi

bất chi tuất. Thiên địa sở bất dung, nhân quỷ sở cộng phần. Thị dĩ liên niên chinh phạt, thường thủ tọa bại, nhi bất năng tiên vi chi cải quá, nãi do khởi uế dĩ tự xú, hối tương hà cập. Huống kim, xuân thủy phương sinh, lam chương lưu độc, kỳ thể bất năng nại cứu. Kim nhĩ đồ ủng đại binh, đầu não bất tiến, sử quân nhân nhiễm chương lệ nhi tử, thị thù tội quá. Binh pháp viết : Nhân giả dĩ nhược chế cường nghĩa giả dĩ quá địch chúng. Nhĩ kim dục chiến, tắc nghĩ lạc binh tương công dĩ quyết thư hùng, vô đồ khổ lưỡng quân vi dã.

Dịch nghĩa.

LẠI CÓ THƯ ĐÁP PHƯƠNG CHÍNH.

(Minh cử tiến quân, đưa thư vạch rõ tội lỗi, vì thế có thư đáp).

Bảo cho chúng mày, ngược tặc, Phương Chính được biết: Phàm đạo làm tướng, lấy nhân nghĩa làm căn bản, lấy trí dũng làm tư chất.

Nay lũ chúng bay đều gian xảo, dối trá, chỉ quen bắt giết dân vô cô, hãm dân vào đất chết, không có lấy một chút sót thương. Trời đất không dung, thần người đều giận, Vì thế luôn năm chinh chiến mà chỉ thua. Đã thế không biết đổi lỗi, lại bởi bùn thêm hôi, còn hối sao kịp. Huống chi, nay đã sang xuân, nước nguồn đầy lam chương, thế không dám tiến, để cho quân lính nhiễm phải khí độc mà chết, tội qui về ải. Binh pháp có nói : người nhân lấy yếu thắng được mạnh, người nghĩa lấy ít địch được nhiều. Chúng bay mà muốn chiến, thì cầm quân ra đánh nhau, quyết thư hùng, chứ đừng làm khổ hai quân.



又 答 方 政 書

(賊 見 前 書 , 罵 之 曰 : 汝 苟 能 戰 , 當 出 平 原 坦 地 , 故 答 之) 示 爾 虐 賊 方 政 , 夫 善 用 兵 者 , 無 險 , 無 不 險 , 無 易 , 無 不 易 。 勝 負 在 乎 將 , 不 在 乎 地 之 險 易 也 。 入 險 而 鬪 者 , 如 兩 虎 鬪 於 空 谷 中 , 善 用 者 勝 , 誤 用 者 敗 , 是 以 地 無 常 形 , 戰 無 常 勢 。 何 險 易 之 有 分 哉 , 汝 若 不 退 , 必 引 兵 以 決 戰 焉 。

Phiên âm

HỰU ĐÁP PHƯƠNG CHÍNH THƯ.

(Tặc kiến tiền thư, mạ chi viết : Nhữ cầu năng chiến, dương xuất binh nguyên thản địa. Cố đáp chi).

Thị nhĩ ngược tặc, Phương Chính. Phù, thiện dụng binh giả, vô hiểm, vô bất hiểm, vô dị vô bất dị. Thắng phụ tại hồ tướng, bất tại hồ địa chi hiểm dị dã. Nhập hiểm nhi đấu giả, như lưỡng hổ đấu ư không cốc trung. Thiện dụng giả thắng, ngộ dụng giả bại. Thị dĩ : Địa vô thường hình, chiến vô thường thế. Hà hiểm dị chi hữu phân tai. Nhữ nhược bất thoái, tất dẫn binh dĩ quyết chiến yên.

Dịch nghĩa

LẠI CÓ THƯ ĐÁP PHƯƠNG CHÍNH.

(Giặc được thư trước có thách rằng : người mà có thể chiến được thì cứ ra bình nguyên bằng phẳng. Vì thế đáp thư).

Bảo cho mày ngược tặc Phương Chính được biết : Phạm đã khéo dùng binh, thì không đâu là hiểm, là không hiểm ; không đâu là dễ, là không dễ. Được thua cốt ở tướng, chứ không ở đất hiểm hay dễ. Vào nơi hiểm mà đấu, như hai con hổ trong hang núi, thì người dùng khéo vẫn thắng, người dùng sai phải thua. Vì thế, đất không có hình nhất định. Đâu có chia hiểm với dễ. Nếu không lui, tất là đem quân quyết chiến vậy.



又與方政書

(丙午五月，我軍至×安城，彼不出戰，乃爲書遺之)。

示爾虐賊方政，吾聞名將貴仁義，賤權謀，爾等權謀猶不足，況仁義乎，昔者，汝書之來，嘗笑我首鼠竄伏山林，不敢出平原坦地以相攻，今我已至此，×安城外，皆爲戰場，汝謂此爲山林乎，爲平原乎，汝乃閉城固守。正如一老嫗何耶，吾恐汝等，不免巾幗之辱矣。

Phiên âm

HỮU DŨ PHƯƠNG CHÍNH THƯ.

(Bính ngọ, ngũ nguyệt, ngã quân chí Nghệ An thành. Bĩ bất xuất chiến. Nãi vi thư di chi).

Thị nhĩ, ngược tặc, Phương Chính, Ngô văn danh tướng quý nhân nghĩa. Tiện quyền mưu. Nhĩ đẳng quyền mưu do bất túc, hưởng nhân nghĩa hồ. Tích giả, nhữ thư chi lai, thường tiếu ngã thủ thủ thoán, phục sơn lâm, bất cảm xuất bình nguyên, bản địa dĩ tương công. Kim ngã dĩ chi thủ. Nghệ An thành ngoại giai vi chiến trường. Nhữ vi thủ vi sơn lâm hồ, vi bình nguyên hồ. Nhữ nãi bế thành cố thủ, chính như nhất lão ầu hà dã. Ngô khủng nhữ đẳng bất miễn cân quốc chi nhục hỹ.

Dịch nghĩa.**LẠI GỬI THƯ CHO PHƯƠNG CHÍNH.**

(Năm binh ngọ (1426) tháng năm, quân ta tới chân thành Nghệ An. Giặc không ra ứng chiến. Vì thế gửi thư này).

Bảo cho mày ngược tặc Phương Chính. Ta nghe nói : Phàm đã gọi là danh tướng thì trọng nhân nghĩa mà khinh quyền mưu. Lũ chúng mày quyền mưu đã không có, huống hồ là nhân nghĩa. Trước kia, thư mày đưa tới thường cười ta là chuột chui nấp trong rừng núi, không dám đương chiến nơi bình địa. Nay ta đã tới đây. Ngoài thành Nghệ An, chỗ nào cũng là chiến trường được, Mày còn bảo được đó là rừng núi hay là đồng bằng. Mày đóng cửa thành cố giữ nhút nhát như một mù già. Sao vậy. Ta e lũ mày không khỏi cái nhục cân quốc vậy. (cân quốc : đàn ông mà nhút nhát sợ hãi đáng ăn mặc y phục đàn bà, đây là nói đàn bà thời cổ).



再 復 方 政 書

(方 政 致 書 于 我 ， 故 復 之)

夫，國大事者，以仁義爲本，成大功者，以仁義爲先。惟仁義之兼全，故事功之必濟。爾國因胡氏失道，以假吊伐爲名濟其暴戾之實疆，侵奪我土，漁獵我生民，重賦繁刑，搜求珍異，閭里小民不得其養，仁義固爲是耶。今民怨神怒，繼有大喪，曾不知內省厥躬，而乃贖武窮兵，甘心遠畧，使士卒暴露，人民塗地，吾恐季氏之憂，不在顛隳，而在蕭牆之內也。

Phiên âm

TÀI PHỤC PHƯƠNG CHÍNH THƯ.

(Phương Chính chí thư vu ngã. Cổ phục chí).

Phù, đồ đại sự giả, dĩ nhân nghĩa vi bản. Thành đại công giả, dĩ nhân nghĩa vi tiên. Duy nhân nghĩa chi kiêm toàn, cố sự công chi tất tế. Nhĩ quốc, nhân Hồ thị thất đạo, dã dĩ điếu phạt vi danh, tế kỳ bạo lệ chi thực, xâm đoạt ngã cương thổ, ngư lập ngã sinh dân, trọng phú phiên hình, sưu cầu trần dị. Lư lý tiểu dân bất đắc kỳ dưỡng. Nhân nghĩa cố vi thị gia. Kim dân oán, thần nộ, kế hữu đại tang, tăng bất tri nội tình quyết cung, nhi nãi thực vũ, cũng binh, cam

tâm viễn lược. Sử sĩ tốt bộc lộ, nhân dân đồ địa. Ngô khủng Quý thị chi ưu bất tại Chuyên Du, nhi tại tiêu tường chi nội dã.

Dịch nghĩa

LẠI GỬI THƯ CHO PHƯƠNG CHÍNH.

(Phương Chính gửi thư cho ta. Cho nên đáp)

Phạm mưu việc lớn thì lấy nhân nghĩa làm gốc, thành công lớn thì lấy nhân nghĩa làm đầu. Duy có đầy đủ nhân nghĩa thì việc và Công mới nên.

Nước người nhân dịp họ Hồ lạc lối, giả danh đem quân điếu phạt, mà kỳ thực là thi thố bạo tàn, chiếm đoạt đất đai nước ta, nô lệ dân ta, thuế nặng hình ác, tìm cướp tràn bảo, đến lũ cùng dân không còn kiếm ăn được. Nhân nghĩa mà như thế ư.

Nay dân oán thần giận, nước người lại có tang. Thế mà không biết tự xét mình, lại còn đi chuốc lấy việc binh đao, đem quân chiếm cứ nước xa xôi, Ta e cái họa họ Quý (họ Quý Tôn, coi sách Luận Ngữ thì rõ ý nghĩa) không ở xa xôi đâu, mà đã ở ngay trong nhà rồi.



答總兵王通，太監山壽等書

(十二月破關東城，通壽差阮任將書請和，故答之)。僕聞天地之於萬物者，雷霆震怒，而生生之意行乎其間。父母之於衆子者，鞭笞譴責，而鞠育之恩在乎其際。伏蒙大人書，許以自新，不勝欣幸，誠天地父母之大德也。雖粉骨蓋身，亦不足報，然大人若有愛恤元元之實意，宜差頭目前往演入新平等城，各令班師。僕即謹具進貢方物，伏乞大人差官與僕親信子弟，詣降伏罪，僕自當脩整橋梁道路，不煩官軍，倘蒙矜納，非特免僕國生靈之塗炭，抑亦免中國士卒鋒刃之苦也。

Phiên âm

ĐÁP TỔNG BÌNH VƯƠNG THÔNG,

THÁI GIÁM SƠN THỌ ĐẲNG THƯ.

(Thập nhị nguyệt, phá Quan Đông thành, Thông, Thọ sai Nguyễn Nhiệm tương thư thỉnh hòa, Cổ đáp chi).

Bộc văn thiên địa chi ư vạn vật giả, lỗi đình chấn nộ, nhi sinh sinh chi ý hành hồ kỳ gian. Phụ mẫu chi ư chúng tử giả, tiên xuy khiển trách, nhi cức dục chi ân tại hồ kỳ tế. Phục

mông đại nhân thư, hứa dĩ tự tân, bất thắng hân hạnh. Thành thiên địa phụ mẫu chi đại đức dã. Tuy phẩn cốt tề thân, diệc bất túc báo. Nhiên đại nhân nhược hữu ái tuất nguyên nguyên chi thực ý, nghi sai đầu mục tiền vãng Diển Nghệ Tân Bình đẳng thành, các linh ban sư. Bộc tức cần cù tiến cống phương vật, phục khất đại nhân sai quan dữ bộc thân tín tử đệ, nghệ hàng phục tội. Bộc tự đương tu chỉnh kiêu lương đạo lộ, bất phiên quan quân, thắng mông căng nạp. Phi đặc miễn bộc quốc sinh linh chi đồ thân, ức diệc miễn Trung quốc sĩ tốt phong nhận chi khổ dã.

Dịch nghĩa

THƯ ĐÁP BỌN TỔNG BINH VƯƠNG THÔNG,

THÁI GIÁM SƠN THỌ.

(Tháng 12, phá thành Đông Quan, Thông, Thọ sai Nguyễn Nhiệm mang thư tới xin hòa. Cho nên đáp).

Tôi nghe nói: Đối với muôn vật trời đất có khi giận dữ lời đình, nhưng bản ý vẫn muốn cho sinh sống. Đối với con cái, cha mẹ có khi trách mắng, roi vọt, nhưng vẫn nuôi nấng chăm nom.

Nay nhận được thư đại nhân hẹn cho thay cũ đổi mới, tôi lấy làm may mắn mừng vui, thật rõ là đức lớn trời đất, cha mẹ. Tôi dù có thịt nát xương tan, cũng không đủ báo đền. Vậy nếu đại nhân có thực ý yêu thương, cao rộng thì nên sai một đầu mục tới các thành, các xứ Diển, Nghệ, Tân Bình ra lệnh ban sư.

Như thế, tôi tức khắc sửa soạn phẩm vật tiến cống. Xin đại nhân cho một viên quan cùng với con em thân tín của tôi đưa biếu hàng phục.

Tôi xin tự sửa soạn đường sá, cầu cống, không phiền tới quan quân. Nếu ngài nhận lời, thì không những nước tôi thoát nạn sinh linh đồ thân, mà sĩ tốt Trung quốc cũng đỡ cái khổ lưới gươm mũi dáo.



達花大人等書

達花大人等知道。只今講好已成，
 求封表與使人將已過梅關，同東西
 二廣及福建等處，俱以明年正月初二
 日起程回京。惟總兵官王大入，太
 監山大人，暫且亭駐，等待演州又
 安清化造裏官軍齊到東關，一併同
 行。公等宜速戒裝出城駐札，以待
 蔡公及那內官打指揮至此。一同伴
 去。請勿稽遲。如今道路橋梁，俱
 已修整。糧食俱已備辦供給。大人
 等若或稽遲，只恐蔡公去後，難以
 獨行，為此與大人報知。宜早趁蔡
 公同去為妙

Phiên âm

ĐẠT HOA ĐẠI NHÂN ĐĂNG THƯ.

Đạt Hoa đại nhân đăng tri đạo. Chỉ kim, giảng biểu dĩ thành.
 Cầu phong biểu dữ sứ-nhân tương dĩ quá Mai quan. Đồng đông
 tây nhị Quảng cấp Phúc Kiến, đẳng xứ, câu dĩ minh niên,
 chính nguyệt, sơ nhị nhật khởi trình hồi Kinh. Duy Tổng Bình
 quan Vương đại nhân Thái Giám Sơn đại nhân, tạm thả đình
 trụ. Đẳng dĩ Diên Châu, Nghệ An, Thanh Hóa dĩ lý quan

quân tề đảo Đông Quan, nhất tịnh đồng hành. Công đẳng nghi tức giới trang xuất thành trụ trát, dĩ đãi Sái Công cấp Hành Nội quan, Đả Chỉ Huy chỉ thử. Nhất đồng bạn khứ. Thỉnh vật kê tri. Như kim, đạo lộ, kiều lương, câu dĩ tu chỉnh, lương thực câu dĩ bị biện cung cấp. Đại nhân đẳng, nhược hoặc kê tri, chỉ khùng Sái Công khứ hậu, nan dĩ độc hành. Vị thử dữ đại nhân báo tri. Nghi tảo sấn Sái Công đồng khứ vi diệu.

Dịch nghĩa.

THƯ GỬI TỚI ĐẮC HOA ĐẠI NHÂN.

Báo cho các Hoa đại nhân được biết : Như nay, việc giảng hòa, thông hiếu đã xong, biểu cầu phong cùng sứ giả sắp qua cửa Mai quan, qua các xứ Lưỡng Quảng, Phúc Kiến, khởi hành định vào ngày mùng hai tháng giêng sang năm để đi tới Kinh. Riêng Tổng Binh, Vương đại nhân, Thái Giám Sơn đại nhân, tạm đình lại để đợi các quan quân các xứ Diên Châu, Nghệ An, Thanh Hóa, tề tựu tại Đông Quan để cùng đi.

Các ông nên kíp sửa soạn hành trang, ra đóng trại ngoài thành để đợi Sái Công cùng với các viên quan Hình Nội, Đả Chỉ Huy, tới nơi cùng đi. Xin đừng trì hoãn. Nay đường sá, cầu cống, đã sửa xong, lương thực cung cấp đã đủ. Các đại nhân nếu mà trì trễ thì e rằng sau khi Sái Công đi rồi, các ông khó mà đi nổi. Vì thế, có báo cáo này để cho theo kịp được Sái Công cùng đi là hay nhất.



寄蔡公書

書寄賢兄蔡公，弟寓東閩，聞知兄已出城拜見我陳主。可喜可喜。自此解兵，使南國得免干戈之苦。一何幸也。可謂知幾君子哉。其為情好至篤，百年不可忘也。今遣人將船十五隻來接公及各官貴眷。可隨使東裝來。其餘軍人，可以陸行，吾今各處橋梁俱已修整，路上無虞。只為報知

Phiên âm

KÝ SÁI CÔNG THƯ.

Thư ký hiền huynh Sái Công. Đệ ngụ Đông Quan, văn tri huynh dĩ xuất thành bái kiến ngã Trần chủ. Khả hỷ, khả hỷ. Tự thử giải binh. Sử Nam quốc đắc miễn can qua chi khổ. Nhất hà hạnh dã. Khả vị tri cơ quán tử tai. Kỳ vị tình hiếu chí đốc, bách niên bất khả vong dã. Kim khiến nhân tương thuyền thập ngũ chích lai tiếp công, cập các quan quý quyến khả tùy sử thúc trang lai. Kỳ dư quân nhân khả dĩ lực hành. Ngô kim các xứ kiều lương cầu dĩ tu chỉnh, lộ thương vô ngu. Chỉ vi báo tri.

Dịch nghĩa**THƯ GỬI SÁI CÔNG.**

Thư gửi hiền huynh Sái Công. Đệ ngụ tại Đông Quan, nghe đại huynh đã đi ra ngoài thành đề bá kiến Trần chủ tòi. Mừng lắm. Từ đây là giải binh. Nước Nam được khỏi nạn binh đao, may lắm. Cho nên chỉ có hạng quân tử mới biết thời cơ, thắt cật mối tình, trăm năm không quên. Nay sai người đưa tới 15 chiếc thuyền đón công cùng gia quyến các quan, cùng đem hành trang theo tới, còn quân sĩ thì đi đường bộ. Tôi đã cho sửa sang đường sá cầu cống, không có gì lo ngại, Vay báo để được biết.



與那內官并打忠梁汝笏等書

書說與那大人打，梁諸公等，只今和好已成，公等宜速整裝，待得蔡公自又安來，及演洲城軍等過此，一併同行。只今路上棧道俱已修整，糧食供給亦已準備，倘若不行，只恐蔡公去後，無人相伴，糧食恐或闕乏，棧道恐或傾圮，日後惟艱，只此相報。

Phiên Âm.

DỮ HÌNH NỘI QUAN TỊNH ĐẢ TRUNG,
LƯƠNG NHỮ HỐT ĐẰNG THƯ.

Thư thuyết dữ Hình đại nhân Đả, Lương chư công đẳng. Chỉ kim, hòa hiếu dĩ thành, công đẳng nghị tốc chỉnh trang đải đắc Sái ô Công tự Nghệ An lai, cập Diễn Châu thành quân đẳng quá thử, nhất tịnh đồng hành. Chỉ kim lộ thượng sần đạo, câu dĩ tu chỉnh. Lương thực cung cấp diệc dĩ chuẩn bị. Thảng nhược bất hành, chỉ khùng Sái Công khứ hậu, vô nhân tương bạn. Lương thực khùng hoặc khuyết pháp, sần đạo khùng hoặc khuynh bĩ, nhất hậu duy gian, Chỉ thử tương báo.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI CHO LỮ HÌNH NỘI QUAN
CÙNG ĐẢ TRUNG, LƯƠNG NHỮ HỐT.

Thư nói với các vị Hình đại nhân, các ông Đả, Lương. Như nay hòa hiếu đã thành, các ông nên mau soạn hành

trang, đợi khi Sái Công từ Nghệ An tới, và bọn quân ở thành Diễn Châu kéo qua, là cùng lên đường. Mà nay, các đường đi, các cầu cống đã sửa kỹ, lương thực cũng cấp được đầy đủ. Nếu không đi ngay, e sau khi Sái Công đi khỏi, không còn có bạn lửa, lương thực có thể thiếu cạn. đường cầu có thể hư hỏng, rồi ra một ngày khó khăn thêm.

Vậy vì thế báo cáo.



再與打忠梁汝笏書

家裝不順歡及有聖事，國心送供。如城，
 一整或藝，不果今行兩盡遞。載。金節行，
 欲遠如演全慮我只宜免，各路千也雖時速。
 若，。見保乃。便以道俱道至失等此若宣。
 。言去不得等耶免官，之，標永得公到莫不
 等吾同豈俱公苦可兵京義軍橋名之，。不
 公聽與等子，自計總回仁官整留時間耳計事
 相宜相公妻事其無令師以應修以一之之公乃
 梁，官。今些，，旨班亦一為欲較月棄為賤
 官安又及只一是心勅，我凡悉我等過委竊以
 老平演無，無若之有氏。過是公不必，
 打得待將人，欲等，陳苦庭所。與，長何疑
 與俱，悔軍喜而公恩我之朝。食欲然，奈狐
 說小城，等喜，害寬立戈事還經不池可勿
 書大出然化歡此欲上許千敬回給故或湯無請

Phiên âm**TÁI DỮ ĐẢ TRUNG, LƯƠNG NHỮ HỐT THƯ.**

Thư thuyết dữ Đả lão quan, Lương tướng công đẳng. Nhược dục nhất gia đại tiểu câu đắc bình an, nghị thỉnh ngô ngôn : tốc chỉnh trang xuất thành, đả Diên Nghệ quan tương dữ đồng khứ. Như hoặc bất nhiên, hởi tương vô cập. Công đẳng khởi bất kiến Diễn Nghệ, Thuận Hóa đẳng quân nhân. Chỉ kim, thê tử câu đắc bảo toàn, hoan hoan hỷ hỷ, vô nhất ta sự. Công đẳng nãi lự bất cập thử, nhi dục nhược thị, kỳ tự khổ gia. Ngã quả hữu dục hại công đẳng chi tâm, vô kế khả miễn. Chỉ kim thánh thượng khoan ân, hữu sắc chỉ lệnh Tổng Binh quan tiện nghị hành sự. Hứa lập ngã Trần thị, ban sự hồi Kinh dĩ miễn lưỡng quốc can qua chi khổ. Ngã diệc dĩ nhân nghĩa chi đạo, tận tâm kính sự triều đình. Phạm nhất ứng quan quân câu các đệ tống hồi hoàn. Sở quá tất vi tu chỉnh kiêu lương đạo lộ, cung cấp lương thực. Thị ngã dục dĩ lưu danh vĩnh chi thiên tải. Cố bất dục dữ công đẳng hiệu nhất thời chi đắc thất dã. Như hoặc bất nhiên, bất quá cơ nguyệt chỉ gian, công đẳng tuy Kim Thành, Thang Tri, diệc tất ủy khi chi nhĩ. Đáo thử thời tiết, vô khả nại hà. Thiết vị công kế, mạc nhược tốc hành, thỉnh vật hồ nghị, dĩ bại nãi sự. Bất tuyên.

Dịch nghĩa**LẠI ĐƯA THƯ CHO ĐẢ TRUNG, LƯƠNG NHỮ HỐT.**

Thư nói cùng Đả lão quan, Lương tướng công. Như muốn cho trong một gia đình, kẻ già người trẻ, đều được bình yên, thì nên nghe tôi nói : Sửa soạn ngay hành trang để ra ở ngoài thành, để đợi cùng đi với các viên quan Diên, Nghệ. Nếu không,

sẽ hối không kịp, Các ông há chẳng trông thấy bọn quân nhân các xứ Diễn, Nghệ, Thuận Hóa, hiện nay vợ con đều được bảo toàn, rất vui vẻ, không có chút việc gì. Các ông không nghĩ tới đó, cứ như thế là tự làm khổ thân. Nếu ta thực tâm muốn hại các ông, thì thiếu gì cách. Nhưng nay thành thượng khoan ân, có sắc chỉ cho viên quan Tổng Binh được tiện nghi hành sự. Hứa cho ta lập họ Trần. Lệnh cho ban sự về Kinh, cho hai nước khỏi bị khổ can qua. Ta cũng theo đường nhân nghĩa, hết lòng kính nghe triều đình. Phàm quan quân hết thầy đều lần lượt cho về. Các nơi đi qua đều được sửa sang cầu cống, đường sá, được cung cấp lương thực. Ta cũng muốn lưu danh thiên cổ, cho nên không muốn cùng các ông so sánh được thua trong nhất thời. Nếu không được như ta nói, thì bất quá, trong vòng một tháng, các ông dù có thành xây bằng vàng, hào chứa nước sôi, cũng bỏ đi hết, không dùng được. Đến bước đường đó, thì không còn nói gì được nữa. Nay hay hơn nhất cho ông, theo tôi nghĩ, là cấp tốc sửa soạn đi đi, đừng có nghi hoặc mà hỏng việc ông.

Nay thư.



再 答 王 通 書

負氣也。隨是雨。打，而。衛士。明慢等復，
 其地理而此致哉。謂軍財聞各。待嘗懶僕宜目
 責。蓋常，以間如之。貪見謂阻可未，。下頭
 書。），之人詞，其。流性曾如修指亦人事間三
 遺之。詐今之異宜於之上或不。途屈使之生則兩
 等答多古實後之處宥是，固順程，之使作，僕
 通故人此篇前勢異而，平僕安是至未送別信與
 王，齊，信謂事敢察幾之。亦此相賚則，不，
 城丁，受忠所達曷，殺衣也。久，續謂是言或人
 間軍薄所有下不僕人見紅然，到陸如如浮如之
 東草澆性雖間，，大每，致飭送然。扇。信
 月打人人間今使惑位，徒以戒見。也溫回意親
 二戰越，其。之疑列丁之，加未行忘邱，他二
 十殺聞生以焉來之望軍參殺稍人難敢到行無一
 （約僕所是玷往軍伏草車好然軍卒非白不央使

前往邱溫，審問虛實。以明真偽可也。如謂船隻道路橋梁未見修整，自是和好未定，以致牽延，苟和好既成，修之未晚，自今以後，倘能塞絕疑惑之心，更篤和好之義，則下免安南之塗炭，上解中國之疲勞，天下幸甚。

Phiên âm

TÀI ĐÁP VƯƠNG THÔNG THƯ.

(Thập nhị nguyệt, Đông Quan thành, Vương Thông đẳng di thư trách kỳ phụ - ước sát lục đả thảo quân đình, Cổ đáp chi).

Bộc văn : Việt nhân kiêu bạc, Tề nhân đa trá. Cái, địa khí sở sinh nhân tính sở thụ, thử cổ kim chi thường lý dã. Thị dĩ kỳ gian tuy hữu trung tín, đốc thực chi nhân, nhi tùy điểm yên. Kim Các hạ sở vị tiền hậu dị từ, thử thị vãng lai chi sử, bất đạt sự thể chi nghi, dĩ chí lưỡng quân chi nghi hoặc. Bộc hạt cảm di lự ư kỳ gian tai. Phục vọng liệt vị đại nhân, sát nhi hựu chi. Như vị đả thảo quân đình mỗi kiến sát lục, thị thượng lưu chi quân, xa tham chi đồ, hồng y chi tốt, hoặc tính tham tài nhi hiếu sát, dĩ chi nhiên dã. Bộc cố bất tăng kiến văn, nhiên sảo gia giới sức. «Thiếu diệc an thuận. Như vị các vệ quân nhân vị kiến tổng đảo, thử thị trình đồ tu trở, sĩ tốt nan hành, nhiên lục tục tương chí, khuất chỉ khả đãi, phi cảm vong dã». Như vị lại biểu chi sử diệc vị thường minh bạch đảo Khuru Ôn, như thị tắc tổng sử chi nhân, lại mạn bất hành, hồi phiến phù ngôn, biệt tác sinh sự. Bộc đẳng quyết vô tha ý. Như hoặc bất tín, tắc. Các

hạ, nghi phục sử nhất nhĩ thân tín chi nhân, dữ bặc lưỡng tam đầu mục, tiền vãng Khuru Ôn, thâm vấn hư thực, dĩ minh chân nguy, khả dã. Như vị thuyền chích đạo lộ, kiều lương vị kiến tu chỉnh, tự thị hòa biểu vị định dĩ chi khiến diên. Cầu hòa hiếu ký thành, tu chi vị vãn. Tự kim dĩ hậu, thắng năng tắc tuyệt nghi hoặc chi tâm, cánh đốc hòa hiếu chi nghĩa, tắc hạ miễn An Nara chi đồ thân thượng giải Trung quốc chi bị lao. Thiên hạ hạnh thậm.

Dịch nghĩa

LẠI CÓ THƯ ĐÁP VƯƠNG THÔNG

(Tháng 12, ở thành Đông Quan, bọn Vương Thông có thư trách ta phụ ước giết tróc các quân lính phụ địch. Cho nên có thư đáp).

Tôi nghe : Người Việt đức bạc, người Tề tính gian, do đất sinh ra, người phải chịu đựng. Đó là theo lý xét xưa nay. Gian hoặc có được người trung hậu thực thà, thì cũng biến tính, theo đất ở. Nay Các hạ bảo là trước sau hai lời. Chỉ là vì bọn sứ-giả đi đi về về không rõ được tình thế việc nên làm, rồi để cho quân hai bên sinh nghi hoặc. Tôi biết làm sao sửa chữa được. Xin trông vào liệt vị đại nhân xét mà tha cho.

Như bảo rằng địch phu thường bị giết, đó là vì quân sĩ xử cao-nguyên, hạng vận tải, hạng lao lực, hoặc giả có tính tham của, ưa giết người, hoặc giả hạng ấy gây nên chuyện chẳng. Tôi thì chưa nghe thấy, nhưng cũng cứ ra lệnh ngăn cấm, rồi cũng được yên. Như bảo rằng quân sĩ các vệ chưa thấy đưa tôi, đó là đường đi cần sửa chữa, bây còn khó đi, nhưng họ dần dần cũng tới nơi cả, tính ngày biết được, tôi đâu dám quên việc đó.

Như bảo rằng, sứ giả tới Khuru Ôn, truyền tin không được minh bạch như thế là người đưa đi, lười nhác không đi, trở về bịa đặt nên lời, thành ra sinh việc. Còn như chúng tôi, thì không có ý gì khác. Nếu như không tin thì Các hạ nên sai một vài người thân tín cùng với vài người đầu mục của tôi cho tới Khuru Ôn, xem xét hư thực để biết rõ thật giả.

Như bảo rằng thuyền bè cầu cống, đường sá chưa sửa xong, thế là vì việc hòa hiếu chưa định đoạt, công việc hãy còn dây dưa. Nếu như hòa hiếu thành, thì việc sửa cũng không muộn. Từ nay về sau nếu dẹp được hết lòng nghi hoặc, cố theo ý nghĩa hòa hiếu, thì ở dưới An Nam khỏi bị đồ thán, mà ở trên thì Trung quốc khỏi bị khó nhọc. Thiên hạ được may lắm



再與王通山壽書

僕聞信者國之寶，人而無信，其何以行之哉。前者書併使人來言，約以和解，一一俱已聽從。今觀城中猶掘壕放矢，高柵樹壘，壞古器以鑄大筒，修戰器（史記王通取龜田鐘，普明鼎爲抗軍，又高第東閭城複壘掘壕放矢）是大人等將班，師回京耶。將固守城池耶。俱不可得而知也。傳曰不誠無物，蓋心不誠，則事皆虛妄。大人誠能不素前言。凡所行之事，要宜利害明白。欲班師則班師，欲固守則固守，何以陽言結好，陰懷異圖。不宜前後相反，內外不一若此也。夫小民愚而神，雖以僕昏滑無知，然必若孔子所謂視其所以，觀其所由，察其所安，則人之情偽毫髮，有不容隱者矣。不宣

Phiên âm

TÀI DỮ VƯƠNG THÔNG, SƠN THỌ THU

Bộc văn tín giả, quốc chi bảo, nhân nhi vô tín, kỳ hà dĩ hành chi tai. Tiền giả đắc thư, tịnh sử nhân lai ngôn, ước dĩ hòa giải, nhất nhất câu dĩ thỉnh tòng. Kim quan thành trung do quật hào phóng tiêm, cao sách thụ lũy, hoại cổ khí dĩ chú hỏa đồng, tu chiến khí (Sử, ký : Vương Thông thủ Quy Điền chung Phả Minh đỉnh vi cương đạn. Hựu cao trúc Đông Quan thành, phước lũy, quật hào, phóng tiêm). Thị đại nhân đẳng tương ban sư hồi Kinh gia, tương cố thủ thành tri gia. Câu bất khả đắc nhi tri dã. Truyện viết : «Bất thành vô vật». Cái tâm bất thành, tắc sự giai hư vọng. Đại nhân thành năng bất khí tiền ngôn, phạm sở hành chi sự, yêu nghi lợi hại minh bạch. Dục ban sư tắc ban sư, dục cố thủ tắc cố thủ. Hà dĩ dương ngôn kết hiếu, âm hoại dị đồ. Bất nghi tiền hậu tương phản, nội ngoại bất nhất nhược thử dã. Phù, tiếm dân ngu, nhi thần, tuy dĩ bộc hôn cốt vô tri, nhiên tất nhược. Khổng Tử sở vị : thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an, tắc nhân chi tình nguy hào phát bất dung ần giả hỷ. Bất tuyền.

Dịch nghĩa

LẠI GỬI THƯ CHO VƯƠNG THÔNG, SƠN THỌ.

Tôi nghe nói chữ tín là vật quý của một nước. Người mà không có tín thì không làm nên công việc gì. Trước kia được thư, và tiếp người tới nói, hẹn việc hòa giải. Nhất nhất tôi đều nghe theo. Nay coi ra trong thành còn khơi hào, trồng chông, nâng rào, đắp lũy, hủy đồ cổ để lấy đồng đúc đạn dược, binh khí. (Sử chép : Vương Thông lấy chuông Quy Điền, lấy đỉnh Phả Minh để đúc đạn, lại xây cao thành Đông Quan, đắp lũy, khơi hào, cắm chông). Thế thì đại nhân định ban sư hồi Kinh, hay định cố thủ, nào ai được biết rõ. Truyện xưa nói : Không thành thực thì không nên việc. Xét tâm mà không thành thì việc đều

hông. Đại nhân như thực không trái lời trước, thì phạm việc làm đều nên để cho rõ rệt lợi hại, muốn ban sư thì ban sư, muốn cố thủ thì cố thủ, Cứ gì phải nói ra ngoài là kết liễu, mà ngầm ở trong thì tính khác. Không nên trước sau trái ngược, trong ngoài bất nhất như thế. Phạm dân thường ngu dốt, nhưng có liuh tính. Tôi tuy ngu độn, chẳng biết gì, nhưng y như Khổng Tử đã nói : coi việc làm nghĩ nguyên do, xét tâm trí, thì thật hay giả, đến tơ tóc không lọt được, không dấu được, Nay thư.



再與王通書

前者得書併草本，所言要救安南罪。復立陳氏遺嗣。僕與諸頭目軍人等，莫不歡欣鼓舞，相謂果能如是，今後南北無事矣。然天高而皇帝遠，大人權不歸一。政出多門。言動不同。心各自異。凡前日所言所行，僕已嘗備見之矣。不知今日之事，果將如何。此僕區區小人之見，所以卧不安席，食不甘味，拳拳然于懷，欲捨而不能也。況前日事勢與今日事勢實同一機，一人說是，十人說非。一人做事，而十人壞事。是所謂作舍道旁三年不成者也。迹其所為若是，遂使僕等至今不勝其苦。大人倘見憐，切莫効前日之所為。千萬留情，是僕之大幸也。不宣

Phiên âm

TÀI DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ

Tiền giả đắc thư, tịnh thảo bản. Sở ngôn yêu xá An Nam tội, phục lập Trần thị di tự. Bộc dữ chư đầu mục, quân nhân đẳng, mạc bất hoan hân cổ vũ. Tương vị quả năng như thị, kim hậu nam bắc vô sự hĩ. Nhiên thiên cao nhi hoàng đế viễn. Đại nhân quyền bất quy nhất. Chính xuất đa môn. Ngôn động bất đồng. Tâm các tự dị. Phạm tiền nhật sở ngôn, sở hành, bộc dĩ thường bị kiến chi hĩ. Bất tri kim nhật chi sự quả tương như hà. Thử bộc khu khu tiểu nhân chi kiến. Sở dĩ ngoại bất an tịch, thực

bất cam vị. Quyền quyền nhiên vu hoài, dục xả nhi bất năng dã, Huống tiền nhật sự thể, dĩ kim nhật sự thể thực đồng nhất cơ. Nhất nhân thuyết thị, thập nhân thuyết phi. Nhất nhân tác sự, nhi thập nhân hoại sự, Thị sở vị tác xá đạo bàng, tam niên bất thành giả dã. Tích kỳ sở vi nhược thị, tuy sử bộc đẳng chỉ kim bất thắng kỳ khổ. Đại nhân thắng kiến linh, thiết mặc hiệu tiền nhật chi sở vi. Thiên vạn lưu tình. Thị bộc chi đại hạnh dã. Bất tuyên.

Dịch nghĩa

LẠI ĐƯA THƯ CHO VƯƠNG THÔNG.

Trước kia nhận được thư cùng bản thảo xin xá tội An Nam, lập lại con cháu họ Trần, tôi cùng các đầu mục rất mừng rỡ vui vẻ, bàn nhau nếu quả được như lẽ, thì từ nay về sau, nam bắc sẽ vô sự. Nhưng trời thì cao, mà hoàng đế thì ở xa. Quyền đại nhân không về một mối. Chính lệnh thì do nhiều cửa. Lời nói việc làm không giống nhau. Mỗi tâm mỗi khác. Phàm các lời nói bữa trước, tôi đã được thấy rõ. Chả biết việc hôm nay, rồi thực sẽ ra sao. Đó là hạng kém hèn như tôi đã nhận xét. Cho nên nằm không yên chỗ, ăn không biết ngon, chăm chăm bận rối tâm trí, không thể rút ra được. Huống hồ sự thể bữa trước cùng sự thể ngày nay, thực ra đều cùng một mối. Một người nói phải thì mười người nói trái. Một người làm việc thì mười người phá việc. Vì thế mới có chuyện dựng nhà bên đường, ba năm không xong. Công việc làm mà như thế, khiến cho chúng tôi đến ngày nay không khỏi vất vả, Đại nhân mà có thương xin đừng làm như lần trước, muôn nghìn mong mỏi. Rất may cho tôi.

Thư không hết lời.



再與王通書,

前者辱承尊翰，并使人所言，俱云只因前信，更無異詞。又云朝進表，暮退軍，其書墨彩未乾，言猶在耳。今使已行矣，送使之入亦已回矣。不知大人果因前信耶。更復異詞耶。如果因前信，必明白相報，使僕得整橋梁備軍物。以俟其行。倘復異詞，誠恐信不可失也。古人云。去食去兵信不可去。故文公不貪伐原之利。商君不廢徒木之賞。今大人以詩書之帥，又不若文公商君乎。以果欲素信乎。不宣

Phiên âm :

TÁI DŨ VƯƠNG THÔNG THƯ.

Tiền giả, nhục thừa tôn hàn, tịnh sử nhân sở ngôn, câu văn chỉ nhân tiền tín, cánh vô dị từ. Hựu văn triều tiến biểu, mộ thoái quân. Kỳ thư mặc thái vị can, ngôn do tại nhĩ. Kim sử dĩ hành hỷ, tổng sử chỉ nhân dĩ hồi hỷ. Bất tri đại nhân quả nhân tiền tín gia, cánh phục dị từ gia. Như quả nhân tiền tín, tất minh bạch tương báo, sử bộc đắc chỉnh kiều lương, bị quân vật, dĩ sĩ kỳ hành. Thảng phục dị từ, thành khủng tín bất khả thất dã. Cổ nhân vân : Khứ thực, khứ binh, tín bất khả khứ. Cổ Văn Công bất tham phạt Nguyên chi lợi, Thương Quân bất

phế tử mộc chi thưởng. Kim đại nhân dĩ thi thư chi sù, hựu bất nhược Văn Công, Thương Quân hồ, dĩ quả dục khí tín hồ, bất tuyên.

Dịch nghĩa

LẠI ĐƯA THƯ CHO VƯƠNG THÔNG

Được đọc thư ngài, cùng được nghe người ngài sai tới nói, đều nhận thấy là ngài cứ như lời trước, chứ không đổi lời. Lại nhận thấy là cứ sớm dâng biểu thì chiều lui quân. Nét mực thư, còn chưa khô, lời nói còn thoảng bên tai, nay sứ đã lên đường, người tiến sứ đã trở về. Không biết ngài có quả như lời trước không, hay là lại đổi lời chăng. Nếu quả như lời trước, tất là cùng báo cho tôi minh bạch, để cho tôi được sửa sang cầu cống, sửa sang đồ cần dùng quân đội, đợi ngày khởi hành. Nếu lại đổi lời, thực là e ngài chữ tín không nên mất. Người xưa có nói : Có thể thiếu ăn, thiếu binh bị, nhưng không thiếu chữ tín được. Cho nên Văn Công không tham cái lợi đánh quân Nguyên, Thương Quân không bỏ việc thưởng khiêng cột. (Muốn hiểu rõ, coi chuyện Xuân Thu, Chiến quốc). Nay đại nhân là Tổng Binh, lại là hàng thi, thư chẳng nhẽ không bằng Văn Công, Thương Quân hay sao, thực muốn thất tín hay sao. Thư không hết lời.



再與王通書.

(帝欲進逼東閩城，故先與之書也)
 昨以駐寨稍遠，寔勞往來，今欲移居
 江城邊，對岸相近，以便來往，敬稟
 知此意。專俟尊命。如別有發落，北
 乞示僕為感不宣。

Phiên âm

TÀI DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ

(Để dục tiến bức Đông Quan thành, cố tiên dữ chi thư
 dã).

Tạc dĩ trú trại sảo viễn, thực lao vãng lai, kim dục di cư
 Bắc giang thành biên, đối ngạn tương cận, dĩ tiện lai vãng. Kính
 bảm tri thử ý. Chuyên hậu tôn mệnh, Như biệt hữu phát lạc,
 khất thị bộc vi cảm. Bất tuyên.

Dịch nghĩa:

LẠI ĐƯA THƯ CHO VƯƠNG THÔNG

(Vua muốn tiến quân tới thành Đông Quan, cho nên trước
 tiên hãy đưa thư cho biết),

Trước kia, dinh trại có nơi xa, đi lại khó nhọc. Nay muốn
 dời tới thành Bắc giang bên sông đối diện, cho đi lại được gần.
 Kính bảm ý đó, xin đợi tôn mệnh. Nếu có muốn ý khác, xin
 cho tôi được hiểu biết. Thư không hết lời.



再達王通書

達總兵官大人。僕聞天無私覆，地無私載。日月無私照臨。故王者以四海爲家。初無遲遲之有聞也。今者疊奉尊書，許以請命班師，欲必以二太監大人奏請立我陳氏子孫，是大人等誠能爲國盡忠，尊君以義。比之年前要功妄奏，謂陳氏子孫盡絕，信不同矣。信如此言非惟交趾一國之幸，亦天下萬拜之大幸也。朝廷之恩，既與天地同覆載。日月同照臨，大人有命，敝邑豈敢背違哉。區區恐懼，不勝俟命之至。

Phiên âm :

TÁI ĐẠT VƯƠNG THÔNG THƯ.

Đạt Tổng Bình Quan đại nhân. Bộc văn thiên vô ty phủ, địa vô ty tái, nhật nguyệt vô ty chiếu lâm. Cổ vương giả dĩ tứ hải vi gia. Sơ vô nhĩ hà chi hữu gián dã. Kim giả điệp phụng tôn thư, hứa dĩ thỉnh mệnh ban sư, dực tất dĩ nhị Thái Giám đại nhân tấu thỉnh lập ngã Trần thị tử tôn. Thị đại nhân đẳng

thành năng vị quốc tận trung, tôn quân dĩ nghĩa. Tị chi niên tiền, yêu công vọng tấu, vị Trần thị tử tôn tên tuyết, tín bất đồng hỹ. Tín như thử ngôn, phi duy Giao-Chỉ nhất quốc chi hạnh, diệc thiên hạ vạn bang chi đại hạnh dã. Triều đình chi ân, ký dữ thiên địa đồng phú tái, nhật nguyệt đồng chiếu lâm, đại nhân hữu mệnh, tề ấp khởi cảm bội vì tai. Khu khu khủng lật bất thăng sĩ mệnh chi chí.

Dịch nghĩa

LẠI CHO ĐƯA THƯ TỚI VƯƠNG THÔNG.

Thư tới Tòng Bình quan được biết : Tôi nghe trời không che riêng ai, đất không chở riêng ai, mặt trời, mặt trăng không chiếu riêng ai. Cho nên đứng vương giả coi bốn bề là nhà, trước kia không có phân biệt nơi xa nơi gần. Nay đã nhận được thư ngài nhiều lần, hẹn xin mệnh vua rồi đem quân về, tức là muốn như ý tàu của hai vị Thái Giám trước, xin lập lại con cháu họ Trần. Thế là các đại nhân thành thực lấy trung báo quốc, lấy nghĩa tôn quân. Ví với khi trước, thế theo lời tàu đối trá, bảo con cháu họ Trần đã hết, ví thế thực là không giống nhau. Nếu việc thực như vậy, thì không riêng một nước Giao Chỉ được may, mà còn là may lớn cho vạn nước. Ọn triều đình đã lớn, như trời che đất chở, như mặt trăng mặt trời soi chiếu, đại nhân nhận được mệnh có lẽ đâu lại trái được. Nơm nớp lo sợ, chờ mệnh tới.

再達山壽書

達山老大人等。前者奉書未蒙許可，今欲再冒威嚴，只恐煩瀆。然人有病疾則呼天呼父母，此亦常情所不免。比以官軍所獲可藍冊之人屢已告訴乞為撥還，不知如何，並不見一人放出。士官及別士人既不敢再煩，至若可藍之人，俱是舊人親戚奴婢，豈忍若是刼然耶。所以不得不冒干威嚴，再為煩屑告也。不宣（下有奏告文）

Phiên âm

TÀI ĐẠT SƠN THỌ THƯ.

Đạt Sơn lão đại nhân đẳng. Tiền giả phụng thư vị mông hứa khả. Kim dục tái mạo uy nghiêm, Chỉ khủng phiên độc. Nhiên nhân hữu bệnh tật, tắc hô thiên, hô phụ mẫu, thử diệc thường tình sở bất miễn. Tị dĩ quan quân sở hoạch, Khả Lãm sách chi nhân. Lũ dĩ cáo tố, khát vi bát hoàn. Bất tri như hà. Tịnh bất kiến nhất nhân phóng xuất. Sĩ quan cập biệt sĩ nhân ký bất cảm tái phiên, chí nhược Khả Lãm chi nhân, câu thị cự nhân thân thích nô tỳ, khởi nhĩn nhược thị kiết nhiên gia. Sở dĩ bất đắc mạo can uy nghiêm, tái vi phiên tiết cáo dã. Bất tuyên. (Hạ hữu tấu cáo văn).

Dịch nghĩa**LẠI CHO ĐƯA THƯ TỚI SƠN THỌ.**

Thư gửi tới Sơn lão đại nhân. Thư trước chưa thấy trả lời, không biết việc được hay không. Nay lại mạo uy nghiêm, rất e phiền ngài. Nhưng người có bệnh thì kêu trời, kêu cha mẹ, đó là thường tình, không tránh được. Gần đây, các quan quân có bắt được bọn dân Khả Lam, nhiều lần đã có xin cho trả về, không biết ngài định sao, chưa tên nào được về. Sĩ quan, sĩ nhân khác thì không dám phiền, Nhưng dân Khả Lam đều là thân thích nô tỳ cũ, chẳng thể không đề ý. Cho nên mạo uy nghiêm hỏi lại. Kính thư. (Kèm theo biểu tâu).



求封表文.

交趾布政清化等府知府臣黎利；誠惶
 誠恐稽首頓首謹上言。臣伏觀大軍克
 平之初，詔求陳氏子孫以奉宗祀。其
 都布按等官未及徧求。只詢土人言，
 奏稱陳氏子孫俱被胡氏誅滅殆盡無
 可繼立，已議置府縣，設官分治，訖
 洪熙元年。（明仁宗年號）臣及本國
 耆民於老樞地方，訪得陳氏某，實先
 陳王某嫡孫，某性聰明，衷心忠順，
 義當繼立，乞照依例襲封。仍舊納貢。
 謹遣某奉表奏以聞。

伏以湯武吊民而罰罪，事非得已。杞
 宋繼世而興國，義所當然。往稽厥初
 顯爲明證。臣黎利，竊惟聖人之治，
 不過九州。王者之仁，實同一體。茲
 惟交趾薰隔華風。漢唐置之羈縻，宋
 元因而封爵，遣我朝當太祖之啟運，
 而陳氏先諸國以入朝，遞年來貢於帝
 廷，累世襲封於王爵。頃因胡氏之失
 德，致令天討之有加。朝廷寬仁。詔

求陳氏子孫，以承宗祀。達臣妄竊。奏置交趾郡縣而設治官。秦民心猶溺於故常而夷習難便於教化，率由舊染。終成禍階。民庶流離比歲散亡者，何可勝數。士卒征伐連年困斃者誠所堪憐。臣等念赤子之無辜，憫陳家之絕祀。非故同趙佗之處黃屋，竊欲劫程嬰之存孤兒。初合衆志，而順衆情。乃忘殘軀而立大義，自知舉頭而觸法，每懷無地而措躬。有痛則呼，乃人情之必至，知過必改，諒聖人之所容。滌血陳詞，籲天請命。恭惟：皇帝陛下，天覆地載，日照月臨，春育海極，大廓泰包之量，雲行雨施，普覃解作之恩。必崇德以象賢。必興絕而繼滅。必同漢武詔素論臺之過，必如太宗悔伐高麗之非，赦過宥罪，誕擴好生之仁，休兵息民，尚止戈之武講。臣敢不銘心刻骨，効順輸忠，奉表稱臣，願達侯藩之職。畏天事大，惟殫小國之誠。臣下情無任不勝瞻天仰聖激切屏營之至。謹奉表陳謝以聞。

Phiên âm

CẦU PHONG BIỂU VĂN

Giao Chỉ, Bồ Chính, Thanh Hóa, đẳng phủ, Tri phủ, thần, Lê Lợi, thành hoàng, thành khùng, khê thủ, đốn thủ, cần thượng ngôn : Thần phục đồ đại quân khắc bình chi sơ, chiếu cầu Trần thị tử tôn, dĩ phụng tôn tự, kỳ Đồ, Bồ, Ân đẳng quan vị cấp biến cầu, chỉ tuân thờ nhân ngôn, tấu xưng Trần thị tử tôn, cầu bị Hồ thị tru diệt dãi tận, vô khả kế lập, dĩ nghị trí phủ, huyện, thiết quan phân trị. Hết Hồng Hy nguyên niên (Minh Nhân Tôn niên hiệu) thần cấp bản quốc kỳ dân, ư Lão Qua địa phương, phong đắc Trần thị Mỗ, thực tiên, Trần Vương Mỗ đích tôn, bảm tính thông minh, bình tâm trung thuận nghĩa đương kế lập. Khất chiếu y lệ tập phong, nhưng cự nạp cống. Cần khiến Mỗ phụng biểu tấu dĩ văn.

Phục dĩ : Thang, Vũ, diếu dân nhi phạt tội, sự phi đắc dĩ. Kỷ Tống kế thế, nhi hưng quốc, nghĩa sở đương nhiên Vãng kế, quyết sơ, hiền vi minh chứng. Thần, Lê Lợi, thiết duy thánh nhân chi trị, bất quá cửu châu. Vương giả chi nhân, thực đồng nhất thể. Tư duy Giao Chỉ mạn cách hoa phong. Hán Đường, tri chi ky my. Tống, Nguyên nhân nhi phong tước. Đại ngã triều, đương Thái Tò chi khai vận, nhi Trần thị tiên chư quốc dĩ nhập triều. Đệ niên lai cống ư đế đình Lũy thế tập phong ư vương tước. Khoảnh nhân Hồ thị chi thất đức Chí linh thiên thảo chi hữu gia. Triều đình khoan nhân, chiếu cầu Trần thị tử tôn, dĩ thừa tôn tự. Biên thần vọng nghị, tấu trí Giao Chỉ quận huyện, nhi thiết trị quan. Nại dân tâm do nịch ư cổ thường, nhi Di tập nan tiện ư giáo hóa. Suất do cự nhiệm. Chung thành họa giai. Dân thứ lưu ly, ty tuế tán vong giả, hà khả thắng số. Sĩ

tốt chinh phạt liên niên, khôn tề giả; thành sở kham liên. Thần đẳng niệm xích tử chi vô cô, mẫn Trần gia chi tuyệt tự. Phi cố đồng Triệu Đà chi xử hoàng ốc. Thiết dục hiệu Trinh Anh chi tồn cô nhi. Sơ hợp chủ g chi nhi thuận dư tình. Nãi vong tàn khu nhi lập đại nghĩa. Tự tri cử đầu nhi xúc pháp. Mỗi hoài vô địa nhi thác cung. Hữu thông tắc hỏ, mãi nhân tình chi tất chí. Tri quá tất cải, lượng thánh nhân chi sở dung. Lịch huyết trần từ, dụ thiên thỉnh mệnh, Cung duy :

Hoàng Đế.Bệ Hạ, Thiên phú địa tái. Nhật chiếu nguyệt lâm. Xuân dục hải hàm, đại khoáng thái bao chi lượng. Văn hành vũ thí, phả đàm giải tác chi án. Tất sùng đức dĩ tượng hiền. Tất hưng tuyệt nhi kế diệt. Tất đồng Hán Vũ chiếu khí Luân Đài chi quá, Tất như Thái Tôn hồi phạt Cao Ly chi phi. Xá quá hựu tội, dẫn khoáng hiếu sinh chi nhân. Hưu binh tức dân, thượng cách chỉ qua chi vũ. Thần cảm bất minh tâm khắc cốt, hiệu thuận du trung. Phụng biểu xưng thần, nguyện thuật Hầu phiên chi chức, Ủy thiên sự đại, duy đàn tiều quốc chi thành. Thần hạ tình vô nhiệm, bất thăng chiêm thiên ngưỡng thánh, kích thiết binh doanh chi chí. Cẩn phụng biểu trần tạ dĩ văn.

Dịch nghĩa :

BIỂU CẦU PHONG

Tại các phủ xứ Thanh Hóa, Tri Phủ thần Lê Lợi, sợ hãi, rạp đầu, tâu lên :

Thần, lúc khởi đầu được thấy, quân đội tới dẹp loạn, có chiếu tìm con cháu họ Trần. đề nối đời cùng tể, khi đó các quan đầu xứ không xét kỹ, không tìm kiếm, chỉ nghe lời thỏ nhàn nói, mới tâu lên là họ Trần bị họ Hồ giết hết cả không còn ai nối dõi được, rồi đề nghị đặt nước thành quận huyện,

chia ra các quan cai trị. Cho đến niên hiệu Hồng Hy năm đầu (Minh Nhân Tôn), thần và bọn kỳ lão trong nước, có tìm được tại đất Lão Qua Trần Mỗ, là đích tôn Trần Vương Mỗ, bẩm tính thông minh, sẵn tâm trung thuận. Theo nghĩa nên lập, xin cứ đúng lệ tập phong, rồi như trước cống hiến. Xin kính dâng biểu tâu :

Ngửa trông : Các vua Thang, Vũ, thương dân mà phạt kẻ có tội, là việc bất đắc dĩ. Các vua Kỷ, Tống nối đời mà mở mang đất nước, là nghĩa tất đương nhiên. Xét việc khi xưa đều có minh chứng.

Thần, Lê Lợi, thiết nghĩ, Thánh nhân thống trị, chẳng qua chín châu Vương giả đức nhân, đều cùng một thể. Riêng thấy : Giao Chỉ ở xa Hoa quốc. Hán Đường đặt làm xứ ky my. Tống Nguyên nhân đó phong cương vực. Đến triều ta, Thái Tổ khi mở nước, là họ Trần đầu tiên vào châu. Hằng năm, cống hiến để đình, truyền đời tấn phong vương tước. Rồi nhân họ Hồ thất đức, mới bị quan quân thảo chinh. Triều đình khoan nhân, chiếu tìm con cháu họ Trần xưa, tế tự cứ được nối tiếp. Biên thần nghĩ bấy, xin đổi Giao Chỉ thành quận huyện, chính trị giao về các quan. Nhưng dân tâm cứ giữ tục thường, mà di tập khó theo giáo hóa. Trước do tục cũ, sau thành họa tai.

Dân chúng tán ly, mấy độ lưu vong không sao kể xiết. Quân binh, chinh chiến, luôn năm chết chóc, rất đáng thương tâm. Nghĩ dân chúng vô cô, thương họ Trần tuyệt tự. Không phải như Triệu Đà ở cung thất, chính mong giống Trình Anh được tồn cô. Xưa, chỉ cùng với dân chúng mà làm việc thuận tình. Mới không kể đến thân mình mà gây thành nền đại nghĩa. Vốn biết mỗi việc làm là phạm phép, mong đâu còn tắc đất để

dung thân. Có đau mới kêu, nhân tình thường thế. Biết lỗi thì đổi, lượng thánh khoan dung. Trích huyết kêu lên, kêu trời đợi mệnh. Kính nghĩ :

Hoàng Đế Bệ Hạ, Trời che đất chở, nhật chiếu, nguyệt soi. Lượng bao dung như xuân sinh bể rộng, Ôn tràn khắp như mưa tưới mây bay. Tất quý đức dễ gây hiền, tất cứu sống dễ nổi đút. Tất cùng Hán Vũ chiếu bỏ Luân Đài cho là có lỗi. Tất như Thái Tôn, phạt Cao Ly hối là không nên. Lỗi thì xá, tội thì tha, rộng đức hiếu sinh. Bình cho bãi. dân cho nghỉ, thôi việc vũ bị.

Thần : Dám đâu không : Minh tâm khắc cốt, Quy thuận tận trung. Dâng biểu xưng thần, xin theo chư hầu hàng chức. Sợ trên, thờ lớn, được cùng nước nhỏ tâm thành.

Thần : Hạ tình, không tự ngăn nỗi lòng mong mỗi kích thích được trông trời, trông thánh. Kính dâng biểu trần tạ.

CHÚ THÍCH.— (1) Một người thời Xuân Thu nước Tàu.
(2) Xứ Tây Vực thời Vũ-Đế có đồn binh.

奏告文

雄天慶二年，歲次丙午，十二月庚申
朔起二十九日戊子，入內檢校太師平
章軍國重事，代天行化賜金魚袋雙金
虎符壯武衛國公臣黎利，誠惶誠恐稽
首頓首謹奏告于。

太宗皇帝，顯慈順天皇太后，聖宗皇
帝，元聖皇太后，仁宗皇帝，欽慈皇
太后，英宗皇帝，昭慈皇太后，昭宗皇
帝，憲慈皇太后，藝宗皇帝，順慈皇太
后，肅宗皇帝，嘉慈皇太后，重光皇
帝，陛下臣，祖父受國恩厚，世為近臣，
義當効忠盡力，一自明賊奪我疆土，
虐我生靈，犯諸先帝陵廟，絕滅陳氏
子孫。

臣，卧薪嘗膽，三十餘年，志在復讐，
以雪前恥。於乙巳年，在老撾地方，
尋得藝宗三世孫陳某於本年巳正大
號，以奉宗社。義兵一舉，四方雲集。
是以一戰於茶龍，而復藝安，清化之
地，再戰於寧橋而復大越之舊疆，各

處賊人，俱已出城拜降，惟東關一城未能遽屠。寔由天祐皇陳，故成功之速，而臣等被堅執銳，幸得以剏尺寸之功，伏惟，烈聖皇帝陛下，同垂協相，勦滅強明，以致萬世太平之福也，臣下情無任瞻天仰聖，謹奏表以聞。

Phiên âm

TẤU CÁO VĂN.

Duy Thiên Khánh nhị niên (1426) tuế thứ bình ngọ, Thập nhị nguyệt canh thân, sóc, viêt nhị thập cửu nhât mậu tý, Nhập Nôi Kiểm Hiệu Thái Sư, Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự, Đại thiên hành hóa, Tứ Kim ngư đại song kim, hồ phù, Tráng Vũ Vệ Quốc Công, thần, Lê Lợi, thành hoảng, thành khủng, khê thủ, đồn thủ, cần tấu cáo vu ;

Thái Tôn Hoàng Đế, Hiền Từ Thuận Thiên Hoàng Thái Hậu, Thánh Tôn Hoàng Đế, Nguyên Thánh Hoàng Thái Hậu Nhân Tôn Hoàng Đế, Khâm Từ Hoàng Thái Hậu, Anh Tôn Hoàng Đế, Chiêu Từ Hoàng Thái Hậu, Chiêu Tôn Hoàng Đế, Hiền Từ Hoàng Thái Hậu, Nghệ Tôn Hoàng Đế, Thuận Từ Hoàng Thái Hậu, Túc Tôn Hoàng Đế, Gia Từ Hoàng Thái Hậu, Trùng Quang Hoàng Đế Bệ Hạ.

Thần, Tồ phụ thụ quốc ân hậu, thế vi cận thần, nghĩa đương hiệu trung tậ lực, nhất tự Minh tặc đoạt ngã cương thổ, ngược ngã sinh linh, phạm chư tiên đế lăng miếu, tuyệt diệt Trần thị tử tôn Thần, ngoại tân thường phủ, tam thập dư niên,

chỉ tại phục thù, dĩ tuyết tiền sĩ. Ư ất ty niên, tại Lão Qua địa phương, tầm đắc Nghệ Tôn tam thế tôn, Trần Mỗ, ư bản niên dĩ chính đại hiệu, dĩ phụng tôn xã. Nghĩa binh nhất cử, tứ phương vân tập. Thị dĩ nhất chiến ư Trà Long, nhi phục Nghệ An, Thanh Hóa chi địa. Tái chiến ư Ninh Kiều nhi phục Đại Việt chi cự cường. Các xứ tặc nhân, câu dĩ xuất thành báii hàng. Duy Đông Quan nhất thành vị năng cự đồ. Thực do thiên tộ Hoàng Trần, cố thành công chi tốc. Nhi thần đẳng bị kiên chấp nhuế, hạnh đắc dĩ hiệu xích thốn chi công. Phục duy : Liệt thánh hoàng đế bệ hạ, đồng thủy hiệp tương, sảo diệt cường Minh, dĩ chí vạn thế thái bình chi phúc dã. Thần hạ tình vô nhiệm, chiêm thiên ngưỡng thánh, cần tấu biểu dĩ văn.

Dịch nghĩa

TẤU CÁO VĂN.

Niên hiệu Thiên Khánh năm thứ hai, tuế thứ bình ngo, tháng 12, mừng một ngày canh thân, qua ngày mậu tý 29 ngày, Nhập Nội Kiểm Hiệu Thái Sư, Bình Chương Quân Quốc trọng sự, Đại thiên Hành Hóa tứ kim ngư, đại song kim, hồ phù, Tráng Vũ Vệ Quốc Công, Lê Lợi sợ hãi, cúi đầu, rạp đầu, tâu lên.

Thái Tôn Hoàng Đế, Hiền Từ Thuận Thiên Hoàng Thái Hậu, Thánh Tôn Hoàng Đế, Nguyên Thánh Hoàng Thái Hậu, Nhân Tôn Hoàng Đế, Khâm Từ Hoàng Thái Hậu, Anh Tôn Hoàng Đế, Chiêu Từ Hoàng Thái Hậu, Chiêu Tôn Hoàng Đế, Hiến Từ Hoàng Thái Hậu, Nghệ Tôn Hoàng Đế, Thuận Từ Hoàng Thái Hậu, Túc Tôn Hoàng Đế, Gia Từ Hoàng Thái Hậu, Trùng Quang Hoàng Đế Bệ Hạ.

Thần, có tồ phụ, vốn được quốc ân, chức cận thần, theo nghĩa cần ra sức tận trung. Từ khi giặc Minh cướp đất nước ta, ngược đãi dân ta, phạm đến các lăng tẩm tiên đế, giết hết con cháu họ Trần, thì thân nằm gai nếm mật hơn ba mươi năm, chỉ ở chỗ phục thù, để rửa sạch giận cũ. Năm ất tỵ, ở tại xứ Lão Qua, mới tìm được cháu ba đời Nghệ Tôn là Trần Mỗ, chính năm ấy đã lên ngôi để nối thờ tôn miếu xã tắc. Khi nghĩa binh sơ khởi, là bốn phương hưởng ứng. Cho nên một trận ở Trà Long mà lấy lại được Nghệ An, Thanh Hóa, trận thứ hai ở Ninh Kiều mà lấy lại được toàn cõi đất nước. Các xứ có giặc đóng, giặc đều mở cửa thành ra hàng. Duy còn thành Đông Quan là chưa diệt. Thật là trời giúp Hoàng gia mới chóng thành công như thế. Mà lũ thần hạ mặc giáp trụ, may cũng được dự chút công. Ngửa trông : Liệt thánh Hoàng Đế Bệ Hạ, cùng giúp diệt trừ giặc Minh để giữ phúc thái bình muôn năm.

Thần dâng ngóng trông, kính dâng biểu tâu lên.



與王通書

(丁未帝進軍瀘江北岸，與東閬城對壘，王通山壽使阮仕來通信，帝以書示之)。

書奉總兵官大人鈞座前。僕聞以誠服人者，人亦以誠服之。夫至誠之道，可以動天地，通鬼神，而況於人乎，今人奉書出國，當待人以誠，而乃挾詐欺人，自以爲高，謂僕爲無知兵爲說道，陽爲和好，陰圖異謀。前言通表之後隨即退軍，後乃高樹柵壘，築城塞池，所爲若是，誠耶偽耶，古者大夫出疆專之可也，況大人以詩書之帥又於受命之日，既許以便宜行事，則凡國外之事，豈復一一待朝命耶。且兵貴神速，機間開闔，如輪如雲，時刻之間，忽寒忽暑，大人豈不知，而乃聽奸豎馬騏，殘卒方政之計，而遲疑猶豫，以不決耶。前者既行文書，取迤裏各衛處所軍馬兼謂地窄，先將在城軍人發

回。在外各衛隨後發出。至今演藝等
 城軍人陸續俱至，而前言忙若捕風捉
 影，是大人非特誑僕一人，又將各城
 衛所六七千餘人，都他誑了。僕以上
 敬朝廷之心，憫六七千餘人之性命，
 約束軍士，秋毫無犯，而大人聽小人
 之計欲以害僕之心，移以害他。夫胡
 馬嘶北風，越鳥巢南枝，人之常情，
 孰能免此，今者大人之計一失，各衛
 所六七千餘軍，啣恨結怨，深入骨髓，
 莫不切齒扼腕，誓無復見大人，俱請
 決一死戰，大人如復踐前言，以尋舊
 約，則就行班師，以卒前好。僕亦將
 各城軍人，及昨所獲軍馬，盡數發
 回。如其不然，請以各城含冤積忿之
 軍，與僕三十萬兵周旋城下。聽^得大人
 如何發落，僕不勝恐懼俟命之至不宣。

Phiên-âm :

DŨ VƯƠNG THÔNG THƯ.

(Định mùi để tiễn quân Lô giang, bắc ngạn, dữ Đông)

Quan thành đối lữ. Vương Thông, Sơn Thọ sử Nguyễn Sĩ lai thông tin. Để dĩ thư thị chi).

Thư phụng Tổng Bình Quan đại nhân, quân tòa tiền. Bộc văn dĩ thành phục nhân giả, nhân diệc dĩ thành phục chi. Phù: Chí thành chi đạo, khả dĩ động thiên địa, thông quỹ thần, nhi hưởng ư nhân hồ. Kim đại nhân phụng thư xuất khồn, đương đãi nhân dĩ thành, nhi nãi hiệp trá khi nhân, tự dĩ vi cao, vị bộc vi vô tri, binh vi quỹ đạo. Dương vi hòa hiếu, âm đồ dị mưu. Tiền ngôn tiến biểu chi hậu, tùy tức thoái quân, hậu nãi cao thụ sách lữ, trúc thành tạc tri. Sở vi nhược thị, thành gia, nguy gia. Cỗ giả đại phu xuất cương, chuyên chi khả dã. Hưởng đại nhân dĩ thi thư chi sùu hựu ư thụ mệnh chi nhật, ký hứa dĩ tiện nghi hành sự, phạm khồn/ngoại chi sự, khởi phục nhất nhất đãi triều mệnh gia. Thả binh quý thần tốc, cơ quan khai hạp, như luân như vân, thời khắc chi gian, hốt hàn hốt thử, đại nhân khởi bất tri, nhi thính gian thụ Mã Kỳ, tàn tốt Phương Chính chi kế, nhi trì nghị, do dự, dĩ bất quyết gia. Tiền giả ký hành văn thư, thủ dĩ lý các vệ, xứ, sở, quân mã, kiêm vị địa trách, tiên trưng tại thành quân nhân phát hồi. Tại ngoại các vệ tùy hậu phát xuất. Chí kim, Diễn, Nghệ đẳng thành quân nhân lục tục câu chi, nhi tiền ngôn mang nhược bỏ phong tróc ảnh. Thị đại nhân phi đặc cưỡng bộc nhất nhân, hựu trưng các thành vệ, sở, lục thất thiên dư nhân đồ tha cưỡng liễu. Bộc dĩ thượng kinh triều đình chi tâm, miễn lục thất thiên dư nhân chi tính mệnh, ước thúc quân sĩ thu hào vô phạm. Nhi đại nhân thính tiểu nhân chi kế, dục dĩ hại bộc chi tâm, di dĩ hại tha. Phù: Hồ mã tề bắc phong, viết điều sào nam chi, nhân chi thường tình, thực năng miễn thử. Kim giả, đại nhân chi kế nhất thất, các vệ sở, lục thất thiên dư quân,

hàm hận kết oán, thâm nhập cốt tủy, mạc bất thiết xi, ách uyên, thệ vô phục kiến đại nhân, câu thỉnh quyết nhất tử chiến. Đại nhân như phục tiến tiền ngôn, dĩ tâm cự ước, tắc tự hành ban sư, dĩ tốt tiền hiếu, Bộc diệp tương các thành quân nhân, cập tạc sở hoạch quân mã, tận số phát hồi. Như kỳ bất nhiên, thỉnh dĩ các thành hàm oan tích phần chi quân, dữ bộc tam thập vạn binh, chu toàn thành hạ, tính đại nhân như hà phát lạc. Bộc bất thăng khùng lật sĩ mệnh chi chí. Bất tuyền.

Dịch nghĩa

GỬ THƯ CHO VƯƠNG THÔNG

(Năm đinh mùi, vua tiến quân tới bờ phía bắc sông Lô, đóng quân trước thành Đông Quan. Vương Thông. Sơn Thọ sai Nguyễn Sĩ tới tin tức. Vua gửi thư cho biết).

Thư trình quan Tổng Binh. Tôi nghe, lấy thành thực đãi người, thì người cũng lấy thành thực đãi lại. Xét, đã là chí thành, thì trời cũng phải cảm động, thần cũng phải cảm thông hưởng hồ là người. Nay đại nhân phụng mệnh ra khỏi nước, thì nên đãi người lấy thành. Thế mà lại cứ đối người cho thế là phải, mà cho là tôi không biết gì, mà cho là việc binh phải đối trá. Ngoài mặt thì hòa hiếu, ở trong thì có âm mưu. Trước kia, hẹn rằng, biểu tiến, khởi hành, là bắt đầu lui quân. Thế mà sau lại giống cao rào, xây cao lũy, đắp thành, khơi hào. Hành vi thế, bảo là thành hay nguy.

Đời xưa, đến chức đại phu ra khỏi bờ cõi, cũng còn được tự ý làm việc, huống như đại nhân lại là hàng tướng sùỵ có thi thư, mà ngày nhận mệnh cũng đã được tiện nghi hành sự. Như thế thì đâu có phải, việc ở ngoài nước, cứ mỗi việc

là phải đợi mệnh triều đình. Vả lại việc binh quý về nhanh chóng, đồn trại đóng mở, như mây bay, gió cuốn, trong khoảng chốc lát, lúc nóng lúc lạnh. Đại nhân há lại không rõ hay sao, mà lại đi nghe hạng gian nô Mã Kỳ, hạng tiểu tốt Phương Chính, để bị chậm trễ, do dự, không quyết. Trước kia đã có thư cho tôi biết: xếp can qua quân mã các sở, vệ, xứ, cũng nhân nơi đóng chật hẹp, hãy cho quân trong thành ra về trước tiên rồi các nơi khác tùy theo khởi hành. Đến ngày nay quân nhân các thành Nghệ, Diễn, lục tục kéo đến, thế mà lời nói trước như bắt bóng, bắt gió. Vậy đại nhân không riêng gì đối một mình tôi, lại đối cả hơn sáu bảy ngàn quân các thành, vệ, sở. Tôi nhân cái lòng kính triều đình, mà sinh thương tính mệnh hơn sáu bảy ngàn quân đó, có ra lệnh cho quân sĩ không được tơ hào xâm phạm. Đại nhân thì đi nghe kể tiểu nhân, muốn đem lòng hại tôi, lại chuyển hại đến kẻ khác. Xét ngựa hồ hít gió bắc, chim viêt làm tổ cạnh phía nam, đều là lẽ thường tình, ai đã tránh khỏi. Ngày nay, một khi mưu kế đã hỏng, các vệ, sở, quân đến hơn sáu bảy ngàn, đều ngậm hận, nuốt oán, đau đến gân cốt, ai là không vung tay nghiêng rặng, thế không trông thấy đại nhân nữa. Hết thầy đều xin quyết một trận sống chết. Đại nhân nếu còn muốn theo lời trước, lại như lời ước cũ, thì khởi hành ban sư đi, để kết xong hòa hiếu cũ. Tôi cũng cho quân nhân các thành, cùng bọn quân mã mới bắt được bữa trước giao cả cho đưa về. Nếu không như thế, thì đành xin cho quân sĩ các thành, đã chứa oán, chứa giận, cùng ba mươi vạn quân của tôi, tôi vây thành, để coi đại nhân sử sự.

Tôi không khỏi, sợ hãi chờ mệnh. Thư không hết lời.



與太監山壽書

書奉太監山老大人鈞座前。僕之事大人，恩猶父母。自前至今曷嘗有一念之或虧。前日大人賜書，約以和解，謂進表之後，隨即退軍。今使已行，送使之人亦已回矣，而軍之退不退，未可卜也。又謂要將土人俱放出城，而數月以來，不見一人放出，不知父母果若是耶。傳曰：自古皆有死，無信不立，故王者不欺四海，伯者不欺四鄰，今大人以父母之心，而欺其子耶。伏惟鈞慈俯垂照亮，不宣。

Phiên âm :

DỮ THÁI GIÁM SƠN THỌ THƯ.

Thư phụng Thái Giám Sơn Lão đại nhân quân tòa tiền : Bộc chi sự đại nhân, ân do phụ mẫu. Tự tiền chí kim, hạp thường hữu nhất niệm chi hoặc khuỵ. Tiền nhật đại nhân tứ thư, ước dĩ hòa giải, vị tiến biểu chi hậu,

tùy tức thoái quân. Kim sử dĩ hành hỹ tống sử chi nhân diệc dĩ hồi hỹ. Nhi quân chi thoái, bất thoái, vị khả bặc dã. Hựu vị, yêu tương, thỗ nhân câu phóng xuất thành, nhi sở nguyệt dĩ lai, vị kiến nhất nhân phóng xuất. Bất tri phụ mẫu quả nhược thị gia. Truyện viết : Tự cổ giai hữu tử, vô tín bất lập. Cổ vương giả bất khi tứ hải. Bà giả bất khi tứ lân. Kim đại nhân dĩ phụ mẫu chi tâm, nhi khi kỳ tử gia. Phục duy, quân tử, phủ thù, chiếu lượng. Bất tuyên.

Dịch nghĩa

GỬI THƯ CHO THÁI GIÁM SƠN THỌ.

Thư phụng Thái Giám, Sơn Lão đại nhân. Ôn đại nhân đối với tôi, tôi coi như ơn cha mẹ. Từ trước đến nay chưa bao giờ thấy thiếu sót. Bữa trước đại nhân gửi thư cho, ước cho hòa giải, bảo rằng : cứ dâng biểu xong là cho quân rút lui. Nay sứ đã đi rồi. Người tiền sứ đã về rồi. Mà quân lui hay không chưa thấy bàn định. Ngài lại có hẹn cho người trong xứ được ra khỏi thành, thế mà vài tháng nay, chẳng thấy một người nào ra khỏi thành. Không biết làm cha mẹ có thể không. Sách cũ có nói : Từ xưa ai không chết, nhưng thiếu tín, là không mong đứng được ở đời. Cho nên đấng vương giả không dối thiên hạ, vì Bà giả không dối bốn nước chung quanh. Nay đại nhân lấy tâm cha mẹ, mà lại dối con chẳng.

Ngửa trông lượng trên cúi xuống soi xét. Thư không hết lời.



再與山書

。土，用復此和今矣。又月人不者人於民垂
 旺，荀息中之位，以以軍。回也。數大信伯大之斯俯
 以，道居人所以，約退已而不知無，推欺慈
 土行乾土天所者，即亦卜，不，海也，可釣
 資以則以後敏間，隨人未城，曰四尚心豈斟
 必信充極而不無言，之亦放放，不之之通到
 ，資不皇。雖終陽後，使退俱人耶者信充不書
 時，必之故寔。僕始有之後，送退不人一如王，而耶。不宣。
 四，信。爲。人前之，表，退土見何以鄰耳，往耶。不
 有德，矣。信焉。大人進矣，退土見何以鄰耳，往耶。不
 天四旺虧以當事大進行之將未果是四於無信
 聞有不事需其敬何謂己軍要來心，欺之，無信
 僕人之人民得乎奈解，使而謂以之立不聞事而照

Phiên âm**TÁI DỮ SƠN THỌ THU.**

Bộc văn thiên hữu tứ thời, tất tư thổ dĩ vượng, nhân hữu tứ đức, tất tư tín dĩ hành. Cầu thổ chi bất vượng, tín chi bất sung, tắc càn đạo tức, nhân sự khuy hỹ. Cổ hoàng cực dĩ thổ cư trung. Dân linh dĩ tín vi thực, nhi hậu thiên, nhân, chi dụng đắc kỳ đáng yên. Bộc tuy bất mãn sở dĩ vãng phục hồ kính sự đại nhân, thủy chung vô gián giả, dĩ thử, nại hà, đại nhân tiền hữu dương ngôn, ước dĩ hòa giải, vị, tiên biểu chi hậu, tùy tức thoái quân. Kim sử dĩ hành hỹ, tổng sử chi nhân diệc dĩ hồi hỹ. Nhi quân chi thoái, bất thoái diệc vị bốc dã. Hựu vị, yêu tương thổ nhân câu phóng xuất thành, nhi sô nguyệt dĩ lai vị kiến nhất nhân phóng xuất. Bất tri đại nhân chi tâm quả hà như gia. Truyện viết : Vô tín bất lập. Thị dĩ vương giả bất khi tứ hải, Bá giả bất khi tứ lân. Tín chỉ cầu thượng dã. Đại nhân văn chi ư nhĩ, sung chi ư tâm, suy chi ư sự, vô vãng nhi bất thông, hựu khởi khả khi tư dân nhi khí tín gia. Thử đạo phục duy quân từ phủ thù chiếu lượng. Bất tuyên.

Dịch nghĩa :**LẠI CÓ THƯ GỬI CHO SƠN THỌ.**

Tôi nghe nói, trời có bốn mùa thì đất mới tốt được. Người có bốn đức đều dễ giúp điều tin thì hành. Nếu đất không tốt, tín không đủ thì đạo trời mất mà việc người thiếu sót. Cho nên ngôi hoàng cực phải ở giữa đất, mà sinh linh thì phải lấy tín làm thực. Có thể, rồi sau trời cùng người làm

việc mới đích đáng được. Tôi tuy thiếu siêng năng, nhưng cũng vì có thế mà vẫn được đủ trước sau với đại nhân. Tại sao đại nhân, trước thì nói hòa, hẹn biểu tiến đi là lui quân, mà nay : sứ đã đi, người tiến sứ đã về, còn quân lui hay không lui, chưa thấy bàn. Ngài lại có nói : cho thổ nhân được ra cả ngoài thành, thế mà mấy tháng nay không thấy một ai được ra cả. Không biết đại nhân tâm ra sao. Sách xưa có chép : Không có tin thì không đứng được ở đời. Cho nên đấng vương giả không dối thiên hạ, vị Bá giả không dối bốn nước chung quanh. Tín còn quý chuộng đến thế. Đại nhân khi tai còn nghe thấy, tâm còn nghĩ đến, việc làm còn dùng, như thế có việc gì là không xong. Vậy dối dân sao được, bỏ chữ tín sao được.

Thư tới, xin cúi xuống, khoan dung soi xét. Thư không hết lời.



再與王通書

僕聞人有驅鷹犬，操網罟以入山澤，而語人曰：吾非獵與漁，是雖啄川尺不可以自解，不若放鷹犬棄網罟，而人自信之矣。前者累奉書，示，欲照太宗初征交趾，詔書內許立陳氏子孫事理，及令上來求封還軍回京，赦安南罪。語其初，人人莫不懼忤信服，後見城中增樹柵，雖修整戰器，人人尋復驚疑，雖以僕得大人之恩厚，如天地之覆載，尚有所憾，況其他乎，大人謂非獵與漁，但未肯放鷹犬，棄網罟使而人之信也。昨者因邱溫抱慍之人，搜出宣德元年十二月十日所差土官武閣人本，及本十月十六日，續差土人徐誠本等。讀本中意語，方知大人之德，猶天地之於萬物，洋洋乎發育，生意潛施，而萬

敬罪無心。地物不天地父母，僕不自知，責僕不自知，量大人必無。事重，徒切兢惶，初無求備之陽的。深容起，能即止所謂不以為的。僕又請本中勞，此論誠為的。而使為人皆同此心，則天下必無官。事矣，其鎮守內官及三司朝廷大。徐以會長計却議復如何，大人果。臣能誨誠心，若前書所議，謂未。之曰，得以便宜行事。及不得命。先回等語，便當決成歸志，一。解引君當道，以揚天下後世之一。名。何必復請數萬官軍以護援，素。宜更回還腹裏，不如放鷹犬，素。網罟當供給，請悉備辦以侯軍並。僕餉願無，平惟大。

嫌 疑 一 皆 冰 釋 。 皇 天 后 土 在 上
臨 。 違 是 約 者 ， 神 明 殛 之 。 伏 惟
大 人 俯 垂 裁 察 。

Phiên âm

TÀI DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ.

Bộc văn, nhân hữu khu ưng khuyến, thao võng cổ dĩ nhập sơn trạch, nhi ngữ nhân viết : Ngô phi lập dữ ngữ. Thị tuy uế tam xích bất khả dĩ tự giải. Bất nhược phóng ưng khuyến, khí võng cổ, nhi nhân tự tín chi hỹ. Tiên giả, lũy phụng thư. Thị : Dục chiếu Thái Tôn, sơ chỉnh Giao Chỉ, chiếu thư nội, hứa lập Trần thị tử tôn sự lý, cấp linh thượng biểu cầu phong, thoái quân hồi Kinh, xá An Nam tội. Ngữ kỳ sơ, nhân nhân mạc bất hoan biện tín phục. Hậu kiến : thành trung tăng thụ sách lũy, tu chỉnh chiến khí, nhân nhân tâm phục kinh nghi. Tuy dĩ dĩ bộc đắc đại nhân chi ân hậu, như thiên địa chi phú tái, thượng hữu sở hám, hưởng kỳ tha hồ. Đại nhân vị, phi lập dữ ngư, dẫn vị khẳng phóng ưng khuyến, khí võng cổ, nhi sử nhân chi tín dã. Tạc giả, nhân Khuru Ôn bảo uẩn chi nhân, sưu xuất Tuyên Đức nguyên niên, thập nhị nguyệt, sơ thập nhật, sở sai Thỏ quan Vũ Nhân quán bản cấp bản nguyệt thập lục nhật tục sai thỏ nhân Từ Thành quán bản đẳng, độc bản-trung ý ngữ, phương tri đại nhân chi đức, do thiên địa chi ư vạn vật, dương dương hồ phát dục sinh ý, tiềm thí, nhi vạn vật bất tri giác dã. Tiên thư trách bộc bất năng kính sự thiên địa phụ mẫu,

Bộc bắt tự tri, phụ tội thâm trọng; đồ thiết cạnh hoàn. Lượm đại nhân tất thù dung thứ. Năng tức chỉ sơ vô cầu bị chi tâm. Bộc hựu độc bản trung sở vị bất dĩ nhất ngưng chi địa nhi vi thiên hạ chi lao. Thử luận thành vi đích xác. Sử nhân nhân giai đông thử tâm, tắc thiên hạ tất vô sự hỷ, Kỳ Trấn Thủ, nội quan, cập tam Tư các quan từ, dĩ hội nghị tương nội ngoại, bất tri triều đình đại thần đồ trường kế khước nghị phục như hà. Đại nhân quả năng khai thành tâm, nhược tiền thư sở nghị, vị, phụng mệnh chi nhật đắc dĩ tiện nghi hành sự, cập bất đãi mệnh tiền hồi đẳng ngữ, tiện đương quyết thành quy chí, nhất dĩ giải binh thích oán, vi thiên hạ sinh linh chi hạnh, nhất dĩ dẫn quân đương đạo, dĩ dương thiên hạ hậu thế chi danh, hà tất phục thỉnh sở vạn quan quân dĩ hộ viện, nghi cánh hồi hoàn phúc ký, bất như phóng ưng khuyến, khí võng cổ chi vi dĩ dã. Tiền ngôn hạnh năng bất thực, bộc đương xé khai quy lộ. phạm tiền đồ kiều lương, lương hướng cung cấp, thỉnh tất bị biện dĩ sĩ.

Nghệ An Thuận Hóa, Tân Bình, cập tiền Vệ thành đẳng quân tịnh thu hào vô phạm. Duy đại nhân chi mệnh thị tuân. Bĩ thử hiềm nghi, nhất giai bằng thích. Hoàng thiên hậu thổ tại thượng giám lâm. Vi thị ước giả, th ân minh cực chí. Phục duy đại nhân phủ thù tài sát.

Dịch nghĩa ;

LẠI GỬI THƯ CHO VƯƠNG THÔNG.

Tôi nghe nói : Người có đem chim ưng, chó săn vào rừng, đem chài lưới vào đầm mà cứ nói là tôi không đi săn

chim, đi đánh cá, thì có khua môi khua mỏ đến đâu cũng không ai tin. Bắt nhược, đem thả chó, thả chim, bỏ lưới bỏ chài, thì người ta tin ngay. Trước kia nhiều lần được thư ngài bảo ngài muốn cứ theo chiếu Thái Tôn ban đầu chinh phạt nước Giao Chỉ, cho lập con cháu họ Trần để trông coi công việc. Rồi lại đến lúc ngài ra lệnh cho dâng biểu cầu phong xong, thì lui quân về Kinh, tha tội nước An Nam. Lời nói lúc đầu ai nấy đều mừng rỡ tin phục. nhưng sau, thấy trong thành, rào cọc thêm, đắp lũy thêm, sửa đức chiến cụ, thì ai nấy đều kinh nghi. dù cho, tôi có được đại nhân thường ban ân, to như ân trời đất, mà cũng còn e sợ. Đại nhân nói là không phải để săn chim, bắt cá, thì sao chưa chịu thả chim ưng, chó săn, bỏ chài lưới đi để cho người ta tin. Bữa trước, nhân bọn thổ quan xứ Khâu Ôn, có được cho coi lệnh Tuyên Đức năm đầu, tháng 12, ngày mùng 10, sai thổ quan thuộc viên là Vũ Nhân, và lệnh vừa tháng này, ngày 16, tiếp sai thổ quan thuộc viên Từ Thành, Đọc hai bản văn, xét ý thì biết đức của đại nhân, như trời đất đối với vạn vật, săn sóc chăm nom, yên lặng ban phát, vạn vật biết sao được. Thư trước, ngài trách tôi không biết kính sợ trời đất, cha mẹ. Tôi không tự biết, bị tội rất lớn chỉ còn sợ hãi, lượng trên trông xuống khoan thứ, không còn dám quá mong nữa. Tôi lại đọc thêm đoạn nói rằng không nên vì một đồng đất mà làm cho thiên hạ khó nhọc. Luận bình thế là đích xác lắm. Nếu khiến được cho ai nấy đều cùng tâm trí ấy, thì thiên hạ tất nhiên là vô sự. Các quan trấn thủ, các quan trong ba ty, các quan trong ngoài, thường nghị bàn mọi việc, nào ai biết được các đại thần chốn triều đình nghĩ sao. Đại nhân quả thực biết mở ruột gan, cứ y

như thư trước đề nghị, bảo là ngày phụng mệnh ra đi, là được tùy nghi quyết việc, không cần phải đợi mệnh nữa. Mà ngài thì quyết ý giải binh, một là để cỗi mối thù oán, gây phúc may cho thiên hạ hai là để đưa vua vào con đường chính, được tiếng hay về sau. Có cần gì xin ít quân cứu viện cho ở quanh mình, sao bằng thả chim ưng, thả chó săn, bỏ chài lưới có hay hơn không. Lời trước, may mà không bị ăn lời. Tội đương cho sửa cầu cống, đường về, lương thực sẽ được cung cấp, tất cả biện sẵn để đợi. Các quân sĩ từ các nơi Nghệ An, Thuận Hóa, Tân Bình ra đi không bị tư hào, vĩ phạm. Chỉ nghe có một mệnh của đại nhân mà thôi. Bao nhiêu mối hiểm nghi đều tan như băng tuyết. Giời cao đất dày xét soi, hiển thấu. Hễ trái ước là bị thần minh diệt.

Ngửa trông đại nhân cúi xuống xét soi.



與打忠梁汝笏柳

書奉鎮守西都城都指揮打公大參政
 梁公足下。我與公等，前日交約有素，
 天地鬼神想已證明在上，豈期今日便
 成睽離。今迹其所爲，皆出於爲國忘
 軀，非有私故也。然所責乎君子者，
 責乎識時達變而已，且天運循環無往
 不復，自古及今莫不皆然。安南昔爲
 中國之所侵占者，自秦漢而下況天之
 所以限南北者高山大川之封域已定，
 雖彊如秦，富如隋，豈可以勢力逞之
 哉。且以今日之事勢論之，如新平，
 順化，義安，演州及三江至雲市橋，
 昌江邱溫，前衛等城，其中智勇之將，
 謀畧之士豈無其人，而城池非不高且
 深，糧已儲開門釋甲，共擄妻孥，而
 會守故，常而拘而不顧數千之性命，
 日自娛而

之所爲哉，今我如選取清化濱州，及西都諸路，只三四萬周旋城下，蓋不過時刻之間，灰飛竹破，到此時節，公等欲保全妻子性命，豈不難哉。今爲公等計，莫如早棄甲兵，出城與蔡都督等軍，陸續回去，以還我安南境土。使彼此兩便，豈不善哉。如或不然，末之何也已。

Phiên âm

DỮ ĐÀ TRUNG. LƯƠNG NHỮ HỐT THƯ.

Thư phụng Trấn Thủ Tây Đô thành Đô, Chỉ Huy, Đà Công, Đại Tham Chính, Lương Công tức hạ, Ngã dữ công đẳng tiền nhật giao ước hữu tố. Thiên địa quỷ thần tưởng dĩ chứng minh tại thượng. Khởi kỳ kim nhật sử thành Khuê, Ly. Kim tích kỳ sở vi, giai xuất ư vị quốc vong khu, phi hữu tư cố dã. Nhiên sở quý hồ quân tử giả, quý hồ thức thời, đạt biến nhi dĩ. Thả, thiên vận tuần hoàn, vô vãng bất phục. Tự cổ cập kim, mạc bất giai nhiên. An Nam tích vi Trung quốc chi sở xâm chiếm giả, tự Tần, Hán nhi hạ. Hướng thiên chi sở dĩ hạn nam bắc giả, cao sơn đại xuyên chi phong vực dĩ định, tuy cường như Tần, phú như Tùy, khởi khả dĩ thế lực sinh chi tại. Thả dĩ kim nhật chi sự thế loạn chi, Như Tân Bình, Thuận Hóa, Nghệ An, Diễn Châu, cập Tam Giang, Chí Linh, Thị Kiều, Xương Giang, Khuru Ôn, tiền vệ đẳng thành, kỳ trung, Tri dũng chi tướng, mưu lược chi sĩ, khởi

vô kỳ nhân. Nhi thành tri phi bất cao thả thâm. Lương trừ khởi bất vi đa. Binh thủ khởi bất vi cố. Nhiên giai dĩ khai môn, thích giáp, cộng huê thê tử, nhi dữ ngã tương hội, định vi kỳ nhật ban sư hồi Kinh. Nhi công đẳng nãi chấp thủ cố thường, bất đạt sự biến chi nghi, dục dĩ sỏ nhữn chi thành nhi câu lưu cứu dịch tư quy chi sĩ. Vị khả dĩ độ nhật tự ngu, nhi bất cố sỏ thiên chi tính mệnh. Thử khởi nhân giả chi sỏ vi tai. Kim ngã như tuyển thủ Thanh Hóa, Diễn Châu, cấp Tây Đô chư lộ chỉ tam tứ vạn, chu toàn thành hạ, cái bất quá thời khắc chi gian, hồi phi trúc phá. Đáo thử thời tiết, công đẳng dục bảo toàn thê tử, tính mệnh, khởi bất nan tai. Kim vi công đẳng kế, mạc như tảo khí giáp binh, xuất thành, dữ Sái Đô Đốc đẳng quân, lục tục hồi khứ, dĩ hoàn ngã An Nam cảnh thổ, sử bị thử lưỡng tiện, khởi bất thiện tại. Như hoặc bất nhiên, mặt chi hà dã dĩ.

Dịch nghĩa

THƯ GỎI CHO ĐẢ TRUNG, VÀ LƯƠNG NHỮ HỐT.

Thư trình Trấn Thủ Tây đô Thành Đô, Chỉ Huy Đả Công, và Đại Tham Chính Lương Công.

Tôi cùng các ông trước kia biết nhau lắm. Có trời đất quỷ thần chứng minh. Có ngờ đâu ngày nay thành ra chia cách. Xét lại việc đã làm là do ý vì nước, quên mình, chứ không phải vì cơ riêng. Nhưng người quân tử được quý là chỉ ở chỗ biết thời, chỉ ở chỗ biết xử biến mà thôi. Vả lại vận trời tuần hoàn, có đi thì phải có lại, từ xưa tới nay vẫn thế. Nước An Nam xưa bị nước Trung Hoa xâm chiếm là từ các đời Tần, Hán về sau. Thế mà trời đã hạn định cho nam bắc, cương

giới có núi cao sông rộng. Dù cho có mạnh như đời Tần, có giàu như đời Tùy, thì đâu có lấy thế lực mà áp bức được. Và lại cứ lấy sự thế ngày nay mà luận bàn. Thì như các xứ Tân Bình, Thuận Hóa, Nghệ An, Diễn Châu Tam Giang Chí Linh, Thị Kiều, Xương Giang, Khuru Ôn, các thành quách giữ gìn các nơi đó há chẳng có tướng tá trí dũng, có văn thần mưu lược, thế tất cũng có người, thành không phải cao, hào không phải sâu, lương trữ không phải không nhiều, binh lính không phải không chắc chắn, thế mà đều mở cửa thành, bỏ giáp, dắt cả vợ con tới hội với tôi định ngày ban sư về Kinh. Còn như lũ các ông thì cố giữ như thường, không hiểu việc, không biết sử biến, muốn đem vài bức tường thành mà giữ lại quan quân đã bị ở lâu chưa được về nước. Cứ cố gượng vui qua ngày qua tháng, không nghĩ đến tính mệnh mấy ngàn người. Người có đức nhân liệu có cử chỉ đó không.

Nay nếu như tôi kén lấy ở Thanh Hóa, Diễn Châu cùng các lộ phía Tây Đô, lấy độ ba bốn vạn cho bao quanh thành thì chỉ một thời gian là xong việc, gió bay trúc phá. Lúc đó, các ông có muốn giữ cho vợ con được yên thân, e khó lắm.

Nay bàn cùng các ông, không gì bằng, sớm bỏ binh giáp, ra ngoài thành cùng với quân các ông Sái Đồ Đốc, rồi lần lượt kéo nhau về, để trả lại đất đai nước An Nam tôi, để cả hai bên đều tiện lợi. Như thế có hay không. Nếu không như thế, thì chưa biết rồi sẽ tới đâu.



再與王通書

書奉總兵官大人。僕聞誠於愛物者，
 天地之心。誠於愛子者父母之心。愛
 物不誠則生生有時而息。愛子不誠
 則慈愛有時而虧。是以天地之於萬
 物，父母之於赤子，不過一誠而已。
 昨日奉書責以前所爲，並非天地父母之
 道。其於處人處己之間，果何如耶。
 必如張子以前曰東閭地窄，將城中軍人
 先行發回，及清化造裏軍人陸續發
 去。今却不欲蔡都督過江相會，而責僕
 以不信，豈不謬哉。夫所行不義而厚
 誣於人，非君子之所存心也。末復以
 胡氏之師固不可緩。然不能興滅繼絕，
 而反欲窮兵黷武，使無辜之衆連年沒
 命於鏑，芻藻之民，比歲塗肝於草野，
 是豈仁人君子之存心哉。此所謂以燕
 伐燕，以秦攻秦者也。然前日已往，自

今以後大人畧開誠心，決成歸志，則就將城中軍人先行發回，蔡公即隨同發去，大人如或未行，蔡公安敢先舉足乎。若使僕掣開歸路，與夫修整橋梁，備辦糧草、則何難之有。僕豈有他願哉不宣。

Phiên âm :

TÀI DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ.

Thư phụng Tổng Binh quan đại nhân. Bộc văn thành ư ái vật giả, thiên địa chi tâm. Thành ư ái tử giả, phụ mẫu chi tâm. Ái vật bất thành, tắc sinh sinh hữu thời nhi tức. Ái tử bất thành, tắc tử ái hữu thời nhi khuy. Thị dĩ thiên địa chi ư vạn vật, phụ mẫu chi ư xích tử, bất quá nhất thành nhi dĩ. Tạc nhật, phụng thư trách dĩ bất năng kính sự thiên địa phụ mẫu. Nhiên bộc quan đại nhân tiền nhật sở vi, tịnh phi thiên địa phụ mẫu chi đạo. Kỳ ư sử nhân, sử kỷ chi gian, quả hà như gia. Tất như Trương Tử dĩ trách nhân chi tâm trách kỷ phương khả vị chi tận đạo hĩ. Tiền viết. Đông Quan địa trách, tương thành trung. quân nhân tiên hành phát hồi. Cập Thanh Hóa dĩ lý quân nhân lục tục phát khứ. Kim khước dục Sái Đô Đốc quá giang tương hội, nhi trách bộc dĩ bất tín, khởi bất mạo tai. Phù, sở hành bất nghĩa, nhi hậu vu ư nhân, phi quân tử chi sở tồn tâm dã. Mạt phục, dĩ Hồ thị. thân táng quốc vong vi dụ. Phù, Hồ thị bất đạo, tắc diêu phạt chi, sự cố bất khả hoãn. Nhiên bất năng hưng diệt, kế tuyệt, nhi phản dục cùng binh độc vũ. Sử vô

cô chi chúng liên niên một mệnh ư phong đích, bậc bồ chi dân, tị tuế đồ can ư thảo dã, thị khởi nhân nhân quân tử chi tồn tâm tai. Thử sở vị dĩ Yên phạt Yên, dĩ Tần công Tần giả dã. Nhiên tiền nhật ký vãng, tự kim dĩ hậu, đại nhân lược khai thành tâm, quyết thành quy chí, tắc tựu thành trung, quân nhân, tiên hành phát hồi, Sái Công tức tùy đồng phát khứ. Đại nhân như hoặc vị hành, Sái công an cảm tiên cử túc hồ. Nhược sử bộc xế khai quy lộ dữ phù tu chỉnh kiều lương, bị biện lương thảo, tắc hà nan chi hữu, Bộc khởi hữu tha nguyện tai. Bất tuyền.

Dịch nghĩa

LẠI CÓ THƯ CHO VƯƠNG THÔNG.

Thư phụng Tổng Binh quan đại nhân,

Tôi nghe nói : Lấy thành thực yêu vật là lòng của trời đất. Lấy thành thực yêu con là lòng của cha mẹ. Yêu vật mà không thành thực thì việc sinh hóa có ngày phải ngưng. Yêu con mà không thành thực, thì đức từ ái có ngày phải khuyết. Thế cho nên, trời đất đối với muôn vật, cha mẹ đối với con đồ, bất quá chỉ là thành mà thôi. Bữa trước, được thư trách là không biết kính thờ trời đất cha mẹ. Nhưng tôi coi công việc của đại nhân, bữa trước, đều không theo đúng đạo trời đất, cha mẹ. Thế thì đối với mình, đối với người còn ra thế nào. Tất phải như Trương Tử, xưa có lấy tâm trách người mà đem trách mình mới có thể cho là đúng đạo được. Bữa trước, nói là vì Đông Quan, đất chật hẹp, mới sắp cho quân trong thành được kéo

về trước tiên, rồi đến quân các xứ Thanh Hóa lục tục theo sau. Nay lại muốn Sái Đô Đốc qua sông cùng hội, thế mà lại giám trách tôi là bất tin, như thế, có sai, có bậy không. Xét mình làm bất nghĩa mà vu tội vạ cho người, thế không phải là bản tâm người quân tử. Ngay gần đây, lấy chuyện họ Hồ bị chết, nước bị mất làm ví dụ. Hồ thị mà vô đạo, thì quân cho đi điều phạt là cần, chứ không nên dùng dằng. Nhưng hưng lại nước bị diệt đã không xong, nối lại việc bị đứt đã không thành, mà lại còn phô vũ, dương uy, làm cho dân chúng luôn nằm sa vào mũi tên, lưới kiếm vùi thây nơi thảo dã, như thế có phải là bản tâm quân tử không. Thế là lấy Yên đánh Yên, lấy Tần đánh Tần.

Tuy nhiên bữa trước, thời đã qua rồi, từ nay trở đi, đại nhân xin mở rộng thành tâm, quyết cho quân về, cho quân trong thành đi trước, rồi đến Sái Công theo ngay. Đại nhân nếu còn chưa đi, thì Sái Công đâu dám đi trước. Còn như bảo tôi mở đường, dựng lại cầu cống, tích đủ lương thảo, thì có gì là khó cho tôi. Tôi đâu có ý khác. Thư không hết lời.



再與太監山壽書

平補，與兩之軍聽知害進飲不過軍殺不總前
 惟報威，人先人之不不欲能人成之，被於如則
 竊之相大以細僕自初而不如之僕匹其出約行
 僕僕有謂解馬故，僕，議，信：議非百。蓋舊就
 人，而之深言和方壞，僕，事，前曲之，和，三缺，辱而
 大岳，恩之明欲以壞於僕，事，前曲之，和，三缺，辱而
 老海此，自固奈國，怨之忘非有，今不獲無對能待
 山於以，己，意，苦，一旦歸，昨日遜是，訪，失所毫時若，不
 監道，書，之，之，以，或，昨，敢，且，靈，自義者，是耳言，
 太恩換奉官戈或目，戒僕耶。之煖信前人俱馬所
 來之涓者兵千，頭告，人，心冷，。千，己官
 書昔歲前總國言下僕也，大，人，水成也一者得兵

日 所 獲 軍 馬 及 造 裏 各 衛 所 軍 人，
 今 俱 在 此， 惟 大 人 之 命 是 聽，
 未 審 大 人 如 何 處 置。 若 其 不 然，
 而 猶 或 於 方 馬 之 計， 雖 以 大 人 父 母 之
 恩 必 不 能 愛 育 其 子， 而 僕 不 得 服 事 大
 人 以 盡 爲 子 之 道， 惟 大 人 恕 責 是 幸。
 不 宣

Phiên âm

TÀI DỮ THÁI GIÁM SƠN THỌ THƯ.

Thư phụng Thái Giám Sơn lão đại nhân. Bộc thiết duy
 bình tích chi ân, du ư hải nhạc, nhi bộc chi báo bổ miệt hữu
 quyền ai. Dĩ thử ân chi thâm hữu tương cảm, tiền giả phụng
 thư dĩ tự minh, ngôn vị đại nhân dĩ Tổng Bình quan chi ý, cố
 dục hòa giải dĩ miễn lưỡng quốc can qua chi khổ. Nại dĩ
 Phương, Mã tế nhân chi ngôn, hoặc dĩ nhất dân quốc hoại,
 cố bộc chi quân hạ đầu mục, hoặc quy oán ư bộc, tự bất
 thính bộc cáo giới.

Tạc nhật chi sự, bộc sơ bất tri dã. Bộc khởi cảm đệ vong tiền
 nghĩa, nhi dục hại đại nhân gia. Thả, thị phi, khúc trực, tín đất
 năng đào nhân tâm chi linh. Ngạn hữu chi viết: Như nhân âm
 thủy lãnh noãn, tự tri. Kim giả, hòa nghị chi thành, bất thành,
 tín nghĩa chi thất, bất thất, phi bộc chi quá dã. Tiền giả, sở
 hoạch mã, tam bách thất, quân, nhất thiên nhân, thu hào vô
 thương khuyết, kỳ bị sát giả, câu thị lâm thời đối địch, cái xuất

ư bất đắc dĩ yên nhĩ. Nhược năng phục tầm cựu ước, như Tổng Binh quan sở ngôn, bất đãi mệnh nhi tự hành, tắc tiền nhật sở hoạch quân mã, cấp dĩ lý các vệ sở quân nhân, kim câu tại thử, duy đại nhân chi mệnh thị thính, vị thẩm đại nhân như hà xử trí. Nhược kỳ bất nhiên, nhi do hoặc ư phương, Mã chi kế, tuy dĩ đại nhân phụ mẫu chi ân, tất bất năng ái dục kỳ tử, nhi bộc bất đắc phục sự đại nhân dĩ tận vi tử chi đạo. Duy đại nhân thứ trách, thị hạnh. Bất tuyền.

Dịch nghĩa :

LẠI CÓ THƯ CHO THÁI GIÁM SƠN THỌ

Thư phụng Thái Giám Sơn lão đại nhân,

Trộm nghĩ, ơn trước, sâu hơn bể, cao hơn núi, mà tôi chưa báo đáp được lấy chút tóc tơ. Cho rằng ơn sâu thường có tương cảm, cho nên trước kia, trong thư có nói rõ là đại nhân cùng quan Tổng binh cùng một ý kiến, vốn muốn hòa giải cho hai nước khỏi bị khổ can qua. Nhưng sao lại đi nghe kẻ tiểu nhân, làm hại việc nước, tức là bọn Mã, Phương. Cho nên hạng ty tướng của tôi có vẻ oán, như là không để ý đến lời tôi răn bảo nữa. Việc ngày hôm trước, tôi, lúc đầu không biết, vì tôi đâu dám quên các điều ước trước, mà lại hại đại nhân. Vả lại, trái phải, cong ngay, tránh đâu được linh tính con người. Tục ngữ có câu: Người ta uống nước, nóng người phải tự biết. Ngày nay, việc hòa nghị thành hay không thành, tín nghĩa mất hay không mất, thì không phải là lỗi ở tôi.

Bữa trước có bắt được 300 ngựa, 1000 nghìn quân, tơ hào không thương tổn. Còn như kẻ bị giết, là trong khi hai quân

đối địch, cũng là việc bất đắc dĩ. Nếu như lại theo được ước cũ, y như quan Tổng Binh đã nói, tức là không đợi mệnh, mà cứ lui quân, như thế thì quân mã, quân cụ, các Vệ Sở bị bắt bừa trước, vẫn còn nguyên đó, tùy đại nhân ra lệnh. Không biết đại nhân định xử trí ra sao. Nếu không như thế, nếu lại cứ theo kế bọn Phương, Mã thì tuy ân đại nhân là ân cha mẹ, nhưng đại nhân cũng không thi thố từ ái được nữa, mà tôi cũng không phục sự đại nhân cho hết đạo làm con. Đại nhân rộng xét cho là may. Thư không hết lời.



喻刁鵠城土官書

昔人有言曰鳥反歸故鄉。狐死必首丘。禽獸尚爾，況於人乎。卿等本皆西越之人，衣冠之族，頃因胡氏失德，吳賊憑凌，或身陷於虜庭，或名糜於偽職，勢非得已，豈其本心。上帝哀念，假手于我，代天行化，太師衛國公（史記，丁未諸將推尊帝為代天行化。自是榜諭多以稱之）吊民伐罪，恢復基圖，王師所加。義聲載路，四方之民莫不襁負而至也。卿等若能洗心滌慮，去逆歸順，或居為內應或挺身出降，非特雪其前恥，亦必蒙其降鑒，我不食言。若復戀顧偽職，抗拒王師，城陷之日，罪浮於吳矣。

Phiên âm

DỰ ĐIỀU HẢO THÀNH THỎ QUAN THU.

Tịch nhân hữu ngôn viết : Ô phản quy cố hương, hồ tử tất thủ khưu. Cầm thú thượng nhĩ, huồng ư nhân hồ. Khanh

đăng bản giai Tây Việt chi nhân, y quan chi tộc. Khoảnh nhân, Hồ thị thất đức, Ngô tặc bằng lăng, hoặc thân hãm ư lỗ đình, hoặc danh mi ư nguy chức, thế phi đắc dĩ, khởi kỳ bản tâm. Thượng đế ai niệm. dả thủ ư ngã, đại thiên hành hóa. Thái Sư Vệ Quốc Công, (Sử, ký : Đình mùi, chư tướng suy tôn để vi đại thiên hành hóa. Tự thị bằng dụ đa dĩ xưng chi). Điều dân phạt tội, khôi phục cơ đồ. Vương sư sở gia, nghĩa thanh tải lộ. Tứ phương chi dân, mạc bất cường phụ nhi chí dã. Khanh đẳng nhược năng tây tâm, địch lự. khứ nghịch quy thuận, hoặc cư vi nội ứng, hoặc đĩnh thân xuất hàng, phi đặc tuyết kỳ tiền sử, diệc tất mong kỳ hàng giám. Ngã bất thực ngôn. Nhược phục luyện cổ nguy chức, kháng cự vương sư, thành hãm chi nhất, tội phù ư Ngô hỹ.

Dịch nghĩa :

THƯ DỤ CÁC QUAN ĐỊA PHƯƠNG THÀNH ĐIỀU HẠO.

Người xưa có nói rằng : Qua bay về đất cũ, Hồ chết tựa đầu vào gò. Cầm thú còn thế, hưởng chi người. Các khanh vốn là người Việt phương tây, giòng họ mũ áo cân đai. Bỗng gặp họ Hồ thất đức, giặc Ngô lăng loạn. Hoặc bị bắt tới nơi giặc, hoặc nhận chức quan của giặc, đều là thế bất đắc dĩ, chứ không phải tự bản tâm. Thượng Đế thương xót nhờ tay ta, thay giới làm việc, quyền Thái Sư Vệ Quốc Công (Sử ký : năm đình mùi, các tướng suy tôn vua làm Đại Thiên Hành Hóa, từ đó bằng yết, chiếu dụ phần nhiều dùng danh từ đó). Giúp dân trị kẻ có tội; khôi phục cơ đồ. Vương sư tới đâu, tiếng nghĩa vang lừng, dân bốn phương dìu dắt, bỗng bể nhau tới. Các khanh nếu như gột tâm rửa óc, bỏ nghịch theo thuận, hoặc ở lại làm nội ứng, hoặc nhất quyết ra hàng, thì không những là rửa được nhục trước, mà còn được xét soi về việc hàng. Ta nói, không có ăn nhờ. Nếu còn lưu luyến về chức của giặc cho, mà chống lại vương sư, thì, đến khi thành bị hãm, tội nặng hơn giặc Ngô.



諭北江城書

書示北江城中將校官員軍人等，余聞人有南北道無彼此。仁人君子無處無之。我安南雖遼嶺外，而號為詩書之邦。其智謀才識之士，世不乏人。是以凡我所行之事，莫非動循禮義，應天順人，前者總兵官成山侯，自寧橋拉紐之後，令人致書約以和解，我上得盡敬順朝廷之心，下免為兩國干戈之苦，所言一一聽從，彼又令我差人進表求封，謂進表之後，隨即退軍。及表既行，而軍不退。又增樹柵壘，繕脩器械，自謂深為得計，背約無信。一至於此，今者清化，濱州迤裏等處衛軍，俱已一齊到此。凡軍人妻子財物，秋毫無犯。今為爾計，莫如出城與恭督軍決為歸計，以活城中數千人之性命，我等嘗觀古人之得失，如秦之白起，楚之項羽，殺降背約，我等決不為此。爾其寬心，請勿富疑以敗乃事。汝若謂城高池深糧食又多，則清化，義演等處，城非不高池非不深，糧非不多，

兵非不彊，而蔡都督兵非不精，官非不大，智非不明，而猶隨時違變，以全數萬人之性命。而爾等乃欲固守。虛議以取實禍，豈不謬哉。且我觀爾國只今內有蕭牆之憂，外有北邊之彊寇，而大臣倖位，政由下出。旱蝗連年，盜賊蜂起，其爲喪亂，豈不前知，智者觀事於未形而何爾等見幾之不早。乃欲若是自苦耶。爾等若能出城，與我和親，則我視汝義猶兄弟骨肉，豈特保全妻子性命而已。如其不然則任汝所爲，旦夕之間會相見，爾到此時節，悔將無及。爾思之。

Phiên âm

DỰ BẮC GIANG THÀNH THƯ.

Thư thị Bắc Giang thành trung, tướng hiệu quan viện quân nhân đẳng. Dư văn, nhân hữu nam bắc, đạo vô bỉ thử, nhân nhân quân tử vô xú vô chi. Ngã An Nam tuy địch Lĩnh ngoại, nhi hiệu vi thi thư chi bang. Kỳ trí mưu tài thức chi sĩ, thể bất pháp nhân. Thị dĩ phạm ngã sở hành chi sự, mặc phi động tuân lễ nghĩa, ứng thiên thuận nhân.

Tiền giả, Tổng Bình quan, Thành Sơn Hầu, tự Ninh Kiều tọa mục chi hậu, linh nhân chí thư ước dĩ hòa giải, Ngã thượng

đắc tạn kính thuận triều đình chi tâm, hạ miễn vi lưỡng quốc can qua chi khổ, Sở ngôn nhất nhất thính tông. Bĩ hựu linh ngã sai nhân tiến biểu cầu phong. Vị tiến biểu chi hậu, tùy tức thoái quân. Cấp biểu ký hành, nhi quân bất thoái, hựu tăng thu sách lũy, thiện tu khí giới, tự vị thâm vi đắc kế. Bội ước vô tín, nhất chí như thử, Kịm giả, Thanh Hóa, Diễn Châu, dĩ lý đảng xứ vệ, quân, cầu dĩ nhất tề đảo thử, Phàm quân nhân, thê tử, tài vật, thu hào vô phạm.

Kịm vi nhĩ kế, mạc như xuất thành, dữ Sai Đốc quân quyết vi quy kế dĩ hoạt thành trung sở thiên nhân chi tính mệnh, Ngã đẳng thường quan cồ nhân chi đắc thất, như Tần chi Bạch Khởi, Sở chi Hạng Vũ, sát hàng, bội ước, ngã đẳng quyết bất vi thử, nhĩ kỳ khoan tâm, thỉnh vật súc nghị, dĩ bại nãi sự. Nhữ nhược vị thành cao, trị thâm, lương thực hựu đa, tắc Thanh Hóa, Nghệ, Diễn đẳng xứ thành phi bất cao, trị phi bất thâm, lương phi bất đa, binh phi bất cường, nhi Sái Đô Đốc binh phi bất tinh, quan phi bất đại, trị phi bất minh, nhi do tùy thời đạt biến, dĩ toàn sở vạn nhân chi tính mệnh. Nhi nhĩ đẳng nãi dục cố thủ, hư nghị dĩ thủ thực họa, khởi bất mậu tai. Thả ngã quan nhĩ quốc chỉ kim, nội hữu tiêu tường chi thâm ưu, ngoại hữu bắc biên chi cường khấu, nhi đại thần hạnh vị, chính do hạ xuất, hạn hoàn liên niên, đạo tắc phong khởi, kỳ vi tằng loạn, khởi bất tiền tri. Trí giả quan sự ư vị hình, nhi hà nhĩ đẳng kiến cơ chi bất táo, nãi dục nhược thị tự khổ gia. Nhĩ đẳng nhược năng xuất thành, dữ ngã hòa thân, tắc ngã thị nhữ, nghĩa do huynh đệ cốt nhục, khởi đặc bảo toàn thê tử tính mệnh nhi dĩ. Như kỳ bất nhiên, tắc nhiệm nhữ sở vi. dẫn tịch chi gian, hội tương kiến nhĩ. Đảo thử thời tiết, hối tương vô cập. Nhĩ kỳ tư chi.

Dịch nghĩa**THƯ DỤ THÀNH BẮC GIANG**

Thư bảo cho quan viên, tướng hiệu, quân nhân trong thành Bắc-Giang. Ta nghe nói: Người, có người xứ nam, người xứ bắc. Đạo thì không có đạo nọ, đạo kia. Hạng người có đức nhân, hạng người quân tử, thì không đâu là không có. Nước An Nam tuy xa ngoài núi ngũ Lĩnh mà vẫn gọi là nước Thi thư, hạng tri mưu tài thức, thời nào cũng có. Thế cho nên, chúng ta đây, phạm làm việc gì, cũng theo đúng lẽ nghĩa, theo trời, thuận người.

Trước kia quan Tổng Binh, Thành-Sơn Hầu, sau trận đồ huyết ở Ninh Kiều, có sai người đưa thư, hẹn ước ngày hòa giải. Ta trên thì được kinh theo ý triều đình, dưới thì đỡ cho hai nước cái khổ can qua, cho nên đề nghị điều gì là ta nghe cả. Họ lại bảo ta làm biểu cầu phong mà hẹn rằng sau khi tiến biểu, là lập tức lui quân. Vậy khi biểu đã đi, quân không thấy lui. Đã thế lại còn đóng thêm cọc, đắp thêm lũy, đúc thêm chiến cụ, cho là kẻ hay. Bội ước. bội tín đến như thế.

Ngày nay, quân các xứ, các vệ, các sở, Thanh Hóa Diễn Châu, đều nhất tề đến nơi cả, phạm vợ con, của cải của quân nhân, ta không cho tơ hào tới. Bây giờ kẻ hay nhất là các người rút ra khỏi thành, cùng với quân Sái Đơ Đốc quyết soạn đường về, để cứu sống mấy nghìn tính mệnh quân trong thành. Ta thường coi các việc cỏ, kim, được cùng mất mà xét nghiệm, như Tần có Bạch khởi, Sở có Hạng Vũ, bội lời ước, giết quân hàng. Chúng ta đây không thế đâu. Các người yên tâm, chớ có nghi ngại, mà hại việc các người

Các người nếu cho rằng thành cao, hào sâu, lương nhiều, thì Thanh Hóa, Nghệ An, Diễn Châu, thành không phải không cao, hào không phải không sâu, thóc không phải không nhiều, binh không phải không mạnh, Sái Đô Đốc, quân không phải không giỏi, tướng tá không phải không nhiều, ấy thế mà còn biết theo thời, biến đổi để được toàn tính mệnh mấy vạn quân.

Nay lũ người thì lại muốn cố thủ, mưu thì hư, mà họa thì thực. Thế có phải là nhầm không. Vả lại ta xét nước người ngày nay, trong nước ngay nơi cung đình có mối rất lo, ngoài bắc biên thì có giặc mạnh, đại thần chỉ biết ngồi yên giữ chức vị, chính trị là ở kẻ dưới đưa ra. Luôn năm đại hạn, cùng họa sâu lúa, giặc cướp nổi lên như ong, cái cơ tán loạn, sao mà không trông thấy. Người có trí, nhìn thấy việc ở lúc việc chưa hình hiện, mà sao lũ người chậm thấy như thế, đến nỗi lại còn muốn mình làm khổ mình nữa. Các người nếu ra được khỏi thành, cùng ta hòa thân thì ta coi như anh em, ruột thịt, đâu phải chỉ riêng có lợi bảo toàn tính mệnh vợ con thôi.

Nhược bằng không như thế, thì ta sẽ coi các người làm được những gì trong khoảng sớm chiều là gặp nhau. Lúc đó thì các người hối không kịp. Nghĩ cho kỹ.



責處煙可獨。以而衆，義等樹一爾不登此寄。
所力以亦人哉，深；之江提凡而之先。誤爲
等量山，者百於且厚。今鎮善京，犯機以爾字
人，泰餘數異高之積義之昌今師毫何葵爲數
軍變支有以何之畜義之昌今師毫何葵爲數
員達而力等亦安之演督橋，班秋圖，技實書
官時卯謂爾是義安如都市降期並遠欲人分。
技識鳥自。若演不恭術出日產能莫草不
將能以而矣抗，不若又如前城爲財不士無石
中其人，者我，不若士不化開定子，將中玉
城以有轍甚與池，之又清已督妻誤我城鳴，
江者者車之而城儲死爵平俱都及守凡念一
三子今當愚城之糧敢官新軍蔡軍迷。猶鼓
示君。而自孤爾之勇之化術，官執也。我梓
書乎已臂謂守以爾武爾順處下應惟早而惟

DỰ TAM GIANG THÀNH THƯ.

Thư thi Tam Giang thành trung tướng hiệu quan viên quân nhân đẳng. Sở quý hồ quân tử giả, dĩ kỳ năng thức thời, đạt biến, lượng lực sử kỹ. Kim giả, hữu nhân dĩ điều noãn' nhi chi Thái Sơn, dĩ đường tý nhi đương xa triệt, nhi tự vị lực hữu dư giả, diệc khả vị tự ngu chi thậm giả hỹ. Nhĩ đẳng dĩ sở bách quân nhân, độc thủ cô thành, nhi dữ ngã kháng, thi diệc hà di ư thử tai. Dĩ nhĩ chi thành tri, bất nhược Nghệ An

chi cao thả thâm. Dĩ nhĩ chi lương trừ, bất nhược Diên An chi súc tích chi hậu. Nhi vũ dũng cảm tử chi sĩ, hựu bất như Diên. Nghệ quân nhân chi chúng. Nhĩ chi quan tước, hựu bất như Sái Đô Đốc chi đại. Kim Diên, Nghệ Thuận Hóa, Tân Bình, Thanh Hóa, Tiền Vệ, Thị Kiều, Xương Giang, Chấn Giang, Đẳng xứ vệ quân, câu dĩ khai thành xuất hàng. Kim kiến Bồ Đề thụ hạ Sái Đô Đốc định vi nhật kỳ ban sự hồi Kinh, phạm nhất ứng quan quân cấp thê tử tài sản, tịnh thu hào vô phạm. Nhi nhĩ duy chấp mê thủ ngộ, bất năng viễn đồ, hà kiến cơ chi bất tảo dã. Phạm ngã tướng sĩ mạc bất dục bạt mâu hồ dĩ tiên đăng. Nhi ngã do niệm thành trung vô cô chi nhân thực vi nhĩ ngộ. Thử duy phù cổ nhất minh, ngọc thạch bất phân. Thư sở tự vi ký.

Dịch nghĩa :

THƯ DỤ TAM GIANG THÀNH

Thư bảo cho tướng hiệu, quan viên quân nhân thành Tam Giang được biết : Người quân tử quý nhất ở chỗ biết thời cơ, hiểu lẽ biến, lượng sức để làm việc. Nay có người lấy chứng chim chọi với núi Thái Sơn, lấy cang con bộ ngựa ra ngăn bánh xe, mà cứ cho là còn có thừa sức, thế thì có thể cho là ngu quá. Lũ các người có vài trăm quân, độc giữ cô thành, kháng cự với ta, như thế có khác gì đâu. Xét thành trì các người, không cao sâu bằng thành trì Nghệ An. Lương thực các người trữ không nhiều bằng lương thực ở Diên An. Mà tướng tá vũ dũng các người đông sao bằng Diên Nghệ. Chức vị các người lại không bằng Sái Đô Đốc. Nay Diên, Nghệ, Thuận Hóa, Tân Bình, Thanh Hóa, Thị Kiều Xương Giang, Tân Giang, quân sĩ đóng ở các xứ đều mở

cửa thành ra hàng. Ở dưới ngàn Bồ Đề, Sái Đô Đốc đã định ngày ban sư về Kinh. Phàm các vợ con quan quân cùng tài sản, nhất thiết không bị tơ hào. Thế mà lũ các người vẫn cứ mê muội, không biết nghĩ xa, sao xét việc chậm trễ. Phàm các tướng sĩ ta, người nào lại chẳng lăm le cầm giáo mác định lên mặt thành. Nhưng ta còn ngại trong thành dân vô tội, chỉ vì lũ người làm cho mê muội. Đến khi trống trận nổi lên, ngọc đá sẽ không phân biệt.

Thư mấy chữ gửi cho biết.



與王通書

(帝使人往來通所，通不納，乃爲書示
 之) 書達總兵官成山侯鈞座前，昨却不
 奉書，未蒙報示，差人往候，又言。不果
 與回，是大前日言行不遠之言。宜當忍所
 何在乎。僕以小國事大國之道，義弗得
 敦絕，故累奉書不憚煩數，然卒不
 願。不知是勢使然耶。僕竊爲大人計，
 不班師凱還，以解兩國干戈之苦，絕
 以免義，以廷委名垂史冊，顧不偉哉。行
 之，朝義，使唐好大喜功之弊，豈若惟
 其吊築何可域戰，以父之諸其一人與天兵
 漢之鑿池，是僕忍遠之士，可兵能演者，而
 勇，則僕昔之兵，況其之天，往日不則理
 數萬之兵，選雄乎以日民萬，惟
 數子勢路雌間每往順百
 以父之諸其一人與天兵
 漢之鑿池，是僕忍遠之士，可兵能演者，而
 勇，則僕昔之兵，況其之天，往日不則理
 數萬之兵，選雄乎以日民萬，惟
 數子勢路雌間每往順百

萬，而人同一心，此不同二也。今大人幸能不以人廢言，決成歸志，今得親信之人，同山大人過江為會。僕即退師石室清潭快州，以候出處。如其不然，末之何也已。

Phiên âm

DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ.

(Để sử nhân vãng lai Thông sử, Thông bất nạp. Nãi vi thư thị chi):

Thư đạt Tổng Binh quan, Thành Sơn Hầu, quân tòa tiền. Tạc giả phụng thư, vị mông báo thị, sai nhân vãng hậu, hựu khước bất dữ. Hồi. Thị đại nhân tiền nhật ngôn hành bất vi chi ngôn, quả hà tại hồ Bộc dĩ tiểu quốc sự đại quốc chi đạo nghi đương kính ủy, thả dĩ đại nhân tiền nhật sở ngôn, ư nghĩa phát nhân tuyệt, cố lũy phụng thư bất dạn phiên sát. Nhiên tốt bất đắc sở nguyện, bất tri thi thể sử nhiên gia. Bộc thiết vi đại nhân kế, bất như ban sự khả hoàn, dĩ giải lương quốc can qua chí khổ, dĩ miễn quốc gia cùng độc chi họa, dĩ thành hưng diệt, kế tuyệt chi nghĩa, dĩ thị vương giả nhất thi vô tư chi nhân, Thượng mã bất phụ triều đình ủy nhiệm chi long, hạ mã bất thất tướng thần xuất khồn chi nghĩa, sử danh thủy sử sách. Cố bất vĩ tai. Dữ kỳ tập Hán, Đường hiếu đại, hỷ công chi tề, khởi nhược hành nhân nghĩa điều phạp chi sự. Kim nãi xả thử bất đồ, duy cấp cấp ư trúc thành, tạc trì, mỗi nhật lang cổ thành môn, du lược sai thảo, hà chi nhược thị tự khổ gia. Đại nhân nhược vi thành trì hiềm cố khả thị, tắc bộc khủng viên thủy bất năng cứu cận hỏa. Nhược vị thành trung, dũng cảm chi sĩ thượng đa, dục quyết thư hùng ư nhất chiến, tắc bộc tích tại Khả Lam, Trà Lân chi nhật, phương công đẳng dĩ sở vạn chi chúng, binh cường

chỉ nhẹ nhi bực dĩ sồ bách phụ tử chi binh, do năng nghênh nhận nhi giải dĩ thành phá trúc chi thế. Hướng kim dĩ Diên, Nghệ, Thanh Hóa, Tân Thuận, cấp Đông Đô chư lộ, tuyền kỳ tinh nhẹ giả, bất hạ sồ thập vạn nhân, tắc kỳ thư hùng chi thế, khả tọa nhi sách dã. Nhiên quốc chi thịnh suy nhất quan hồ thiên. Binh chi cường nhược bất tại hồ đa. Nhi đại nhân mỗi dĩ vãng nhật vi dụ. Bực dĩ kim nhật chi sự dữ vãng nhật bất đồng. Phù Hồ thị khi thiên, ngược dân, nhi bực kính thiên thuận dân, tắc lý chi thuận nghịch bất đồng, nhất dã. Hồ thị chi binh bách vạn, duy bách vạn tâm, bực chi binh bất quá sồ thập vạn, nhi nhân đồng nhất tâm, thử bất đồng nhị dã. Kim đại nhân, hạnh năng bất dĩ nhân phế ngôn, quyết thành quy chí, linh đặc thân tín chi nhân, đồng Sơn đại nhân quá Giang vi hội, bực tức thoái sư Thạch Thất, Thanh Đàm Khoái Châu, dĩ sĩ xuất xử. Như kỳ bất nhiên, mặt chi hà dã dĩ.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI CHO VƯƠNG THÔNG.

(Vua sai người đi lại nơi Thông. Thông không tiếp. Mời có thư này).

Thư tới quan Tổng Binh Thành Sơn Hưu :

Hôm qua đưa thư chưa được đáp, sai người tới không được tiếp về. Thế thì hôm trước, ngôn và hành của đại nhân hứa là không trái, nay ở đâu. Tôi cứ theo đường lối nước nhỏ đối với nước lớn một mực kính sợ. Vả lại, coi đại nhân, cứ như lời nói hôm trước thì theo nghĩa, không nở tuyệt. Cho nên tôi nhiều lần đưa thư, không ngại phiền. Tuy nhiên, không được đúng như ý muốn. Không biết hay là thế phải như thế chăng. Tôi trộm nghĩ, như đại nhân nay, nên ban

sur khải hoàn, để giải cái khổ chiến tranh hai nước, để cho hai quốc gia khỏi tai nạn hiểm nghèo, thành được nghĩa : hưng nước diệt, nổi việc dứt, để cho rõ là đừng vương giả đã nhân, không có tư vị. Người lên ngựa thì không phụ, trách nhiệm triều đình ủy cho, người xuống ngựa thì không mất cái nghĩa vị tướng đi ra khỏi điện các, còn để cho tên truyền lại sử sách. Như thế có vĩ đại không. Bắt trước làm gì thói ham thắng trận, ham kiếm công ở các thời Hán, Đường. Sao bằng cứ một tâm nhân nghĩa, dùng quân chỉ để điều phạt thôi. Nay ngài bỏ đường lối ấy, đi đắp thành, khơi hào, mỗi ngày, nhìn ra cửa thành, trộm cướp rơm cỏ, sao mà tự khổ thân thể.

Đại nhân ví cho là thành hào kiên cố, có thể trồng cây được, thì tôi sợ nước xa không cứu được lửa gần. Lại ví như trong thành, bọn tướng sĩ, dũng cảm còn nhiều, muốn quyết một trận thư hùng, thì khi trước, tôi ở Khả Lam, Trà Lân, lúc đó ông có những mấy vạn quân, quân mạnh, chí hăng, ấy thế mà tôi lấy có vài trăm phụ tử chi binh, cũng ứng chiến được, giải nạn được, lại dễ như chẻ tre. Huống như ngày nay, các đạo quân ở các xứ Diên, Nghệ, Thanh Hóa, Tân Thuận, cùng đông đó, đều dựa tới toàn quần tinh nhuệ, không dưới vài mươi vạn người. Thế thì cái thế thư hùng, cứ ngồi yên cũng định được. Tuy nhiên, nước thịnh hay suy, là ở trời, quần mạnh hay yếu không phải ở nhiều ít. Còn như đại nhân cứ hay lấy họ Hồ ngày trước làm ví dụ, thì tôi lại cho là sự thế ngày nay không giống. Xét họ Hồ, đối trời, ngược dân, mà tôi thì kính trời, thuận dân. Vậy cứ như cái lý thuận, nghịch bất đồng, đã là một điều. Họ Hồ trăm vạn quân, thì trăm vạn

lòng, binh của tôi, bắt quá vài mươi vạn mà một lòng, đó là hai điều. Nay đại nhân, nếu không vì nghe người mà sai lời hẹn, đại nhân lại quyết đem quân về, quyết lệnh cho người thân tín, được cùng Sơn đại nhân, qua sông hội hợp thì là tôi lập tức rút quân về Khoái Châu, Thanh Đàm, đề đợi.

Nếu không được như thế, thì kết quả chưa biết thế nào.



僕恐久役思歸之士，途中恐
 嗟，到此時雖欲從容，未必得從容也。
 向者所謂隨時審變，正宜辨之於早，
 大人果能不以僕言為迂濶，開布誠心
 願得親信之人，同山大人過江相會，
 刑牲執血，要質鬼神，定為期日，就將
 阮內官，何知州送還東關，僕亦隨即
 差人進表納貢。而退軍於石室快州等
 處，使大人得以從容就道，諸軍陸續
 而還。而山大人為之收復。如此則彼
 此嫌疑俱釋，而大聖人天地父母之心方
 全始終。僕雖結草啣環豈足報云。

Phiên âm

TÀI DỤ VƯƠNG THÔNG THƯ.

Bộc thường quan Dịch Kinh, tam bách bát thập tứ hào,
 nhi kỳ yếu tại thời chi nhất tự. Cổ quân tử tùy thời đạt biến.
 Thời chi nghĩa đại hỹ tai. Tiền nhật sơ chinh Giao Chỉ chi
 thời, tướng thần phụng từ phạt tội. Thử nhất thời dã. Kim giả,
 thiên vận tuần hoàn, vô vãng bất phục. Đại nhân phụng mệnh
 chi nhật, đắc dĩ tiện nghi xử trí. Nhi đại nhân quả năng phục
 chiếu Thái Tôn chiếu thư, hứa lập Trần thị, linh phục ngã quốc,
 Thử hựu nhất thời dã. Thời hồ, thời hồ, tin bất khả thất.
 Thư viết : Tiền thời giả, sát vô xá, Hậu thời giả, sát vô xá.
 Thị dĩ quân tử quý tại tùy thời xử trung. Nhiên tự cổ dĩ lai,
 vu nho, tục sĩ, bất thức thời vụ. Thức thời vụ giả, tại hồ
 tuần kiệt. Nhược đại nhân giả, sở vị thức thời vụ chi tuần
 kiệt dã. Tạc phụng thư lai, yêu bộc hối tiền nhật chi phí,
 tái tư cựu hiếu. Tin sở vị quân tử vô tương tức oán.

thị nhược tất phong, bạo vũ, thốc nhĩ, quang tễ, thị khả hỷ dã. Dẫn sở vị tướng tại thử quân sĩ tiên phát hồi nhất tiết, ư lý hữu ngại, hà giả. Đại nhân bình hoàng việt, tòng vương sư chư tướng tuy hữu cái thể chi tài, tuyệt luân chi lực, mạc bất bốn tầu phụng mệnh. Đại nhân vị hành. nhi dục Diễn, Nghệ đẳng quân tiên hồi, ư lý bất thuận, thử nhất ngại dã. Thả kim nhật thử xuất Diễn, Nghệ đẳng quân nguyên nghị, tiên tương tại thành quan quân phát hồi, nhất tự tiểu nhân trở hoại hảo sự, tuy thành chử ngữ, Diễn, Nghệ đẳng quân nguyên hữu oán tâm, vị vi đại nhân mãi kỹ, kim đại nhân vị hành, thái Đổ Đốc tất bất cảm tiên tiên nhất bộ. Thị nhị ngại dã. Mục kim, thiên khí ôn hòa, chính thị ban sư thời hầu, đại nhân xả thử thời bất hành, nhi trực đãi xuân thủy phương sinh, thử khi tiệm bức, nhi vị thung dung khái hoàn, bộc khủng cửu dịch tư quy chi sĩ, đồ trung oán ta, đáo thử thời, tuy dục thung dung, vị tất đắc thung dung dã. Hường giả, sở vị tùy thời thâm biến, chính nghị biện chi ư tảo. Đại nhân quả năng bắt dĩ bộc ngôn vi vu khoát, khai bố thành tâm, nguyện đặc thân tín chi nhân, đồng Sơn đại nhân quá Giaug tương hội, hình sinh, nhuyên huyết, yêu chí quý thần, định vi kỳ nhật, tự tương Nguyễn Nội quan, Hà Tri Châu tống hoàn Đông Quan. Bộc diệc tùy tức sai nhân tiến biểu nạp cống, nhi thoái quân ư Thạch Thất, Khoái châu đẳng xứ, sử đại nhân đặc dĩ thung dung tự đạo, chư quân lục tục nhi hoàn, nhi đại nhân vị chi thu hậu. Như thử, tắc bỉ thử hiềm nghị câu thích. Nhi đại nhân, thiên địa phụ mẫu chi tâm, phương toàn thủy chung. Bộc tuy kết thảo hàm hoàn, khởi tức báo vãn.

Dịch-nghĩa

LẠI CÓ THƯ DỤ VƯƠNG THÔNG.

Tôi thường coi ba trăm tám mươi tư quẻ trong Kinh

Dịch, thì thấy cốt yếu ở một chữ thời. Cho nên người quân tử tùy thời xử biến. Nghĩa chữ thời rộng lắm. Trước đây lúc mới cho quân đánh Giao Chỉ, các tướng nhận được mệnh là đi phạt tôi. Đó là một thời. Ngày nay, vận trời quay vòng, vận đã đi rồi phải trở lại. Ngày đại nhân, phụng mệnh, lại được tiện nghi làm việc, mà đại nhân quả thực đã muốn theo chiếu thư vua Thái Tôn, hứa lập lại họ Trần, khiến cho chúng tôi được dựng lại đất nước. Đó là một thời. Vậy, thời không nên để lỡ. Kinh Thư có nói : Đi trước thời thì bị giết không tha. Đi sau thời thì bị giết không tha. Cho nên người quân tử quý ở chỗ tùy thời mà dùng việc. Tuy nhiên, từ xưa tới nay bọn hủ nho, bọn tục sĩ, không biết dùng thời. Biết dùng thời là hạng tuấn kiệt. Vậy đại nhân là hạng tuấn kiệt, biết dùng thời.

Hôm trước có thư đưa tới, bảo tôi nên sửa lại lầm lỗi, để trở lại hòa hiếu xưa, thực rõ là người quân tử không kết oán, ví như vừa có cơn gió mạnh, mưa rào, thì thoáng lại trời quang, mưa tạnh ngay. Thật đáng mừng. Nhưng câu : Sẽ cho cánh quân đó về trước, nghe như lý còn chưa được. Tại sao. Tại là ngài cầm cân nảy mực giữ chức Tổng Binh quân nhà vua, các tướng dù có đại tài, dù có sức mạnh, cũng vẫn cứ cúi theo lệnh, thế thì đại nhân chưa đi mà lại muốn bọn Diên, Nghệ đi trước, lý như thế, nghe không thuận đó là một điều nghi ngại.

Ngày nay, lấy bọn cũ đám quân Diên, Nghệ cho về trước, ví như có kẻ tiểu nhân, phản việc hòa hiếu, đổi lại ý nghĩa, thì đám quân đó sẽ sinh oán, cho là đại nhân đem bán họ đi. Nay mà đại nhân chưa đi, thế tất Sái Đốc cũng chưa dám rời bước. Đó là hai điều trở ngại.

Xét như mùa này khí trời đương ôn hòa, chính là thời nên ban sư. Đại nhân bỏ qua thời, không đi, mà đợi sang xuân,

khí nồm nóng dần dần áp bức, lúc đó mà nói là thung dung, khải hoàn thì tôi e, kẻ đã bị đi xa nhà lâu ngày, giữa đường sẽ có những tiếng oán vọng, lúc đó dù có muốn thung dung, vị tất đã được thung dung. Trên kia có nói tùy thời xử biến, chính là nên xét nhận cho sớm, Nếu đại nhân thực cho là tôi không vu khoáng, cho là tôi thành tâm, thì nên cùng người thân tín, cùng Sơn đại nhân, qua sông hội họp ăn thề, lấy quỷ thần chứng giám, định ngày về, rồi cho Nguyễn Nội quan, Hà Tri Châu được về Đông Quan. Tôi cũng tức khắc tiến biểu nạp cống, rồi lui quân về các xứ Thạch Thất, Khoái Châu, để cho đại nhân được thung dung lên đường, các cánh quân khác lục tục theo về, cuối cùng là Sơn đại nhân. Như thế thì hết cả hiềm nghi, trở ngại, mà lòng đại nhân trước sau vẫn như lòng cha mẹ, trời đất. Tôi có kết cỏ ngâm vành, cũng không báo đền được.



再論王通書

夫下座鉤大人之位，官列時勢而己，得其時，
 端善有時，無其勢，則反掌之間爾。今卿等不明時勢，更言
 肅用兵者，在乎變亡為存，化小成大。失其在危，其在
 其勢，則反掌之間爾。今卿等不明時勢，更言
 有無其勢，則反掌之間爾。今卿等不明時勢，更言
 反誣辭。豈不往者內懷說詐，外托講和。掘
 飭兵事也。往者內懷說詐，外托講和。掘
 壞築壘，坐待援兵，心迹不白，內外不
 一，安能使我必萬信而勿疑乎。古人不
 云。他人有心，予忖度之。此之謂也。昔
 秦吞併六國，專制四海，德政不修，身
 亡國破，今吳之強不及秦，而苛刻殆
 甚，不滿期年。必相繼而死，所謂天命
 非人力也。方今北有天元之敵，內有
 潯州各處內外之憂。江左一區，不
 自守。況有他國之圖哉。卿等不諳
 勢，為人所敗，竟托張輔欲藉其威，此
 豈大丈夫哉。抑亦婦人耳。當今事
 雖大使上位舉兵而來，亦促亡耳。況
 張輔自至送死，何足道哉。昔漢昭烈
 劉氏之遺孤耳。孔明天也。且古之豪
 皇陳之國所幾渭水之師，是豈豪貴
 之。非吳國所幾渭水之師，是豈豪貴
 遇而夫，太公王者之師，是豈豪貴
 佐，一為王者之師，是豈豪貴
 貧賤之人耶。若燕之慕容，趙之石勒，
 此是中國之人耶。蠻貊之人耶。深味
 卿言，直蠻獠小人語，非中國之言也。

外阻，時信中國張然恨身，我敗乏，德屯，等地戈望，肉起邑
 儲，非民厄普南勝如必下奮梯必其匱建俱敗在也。嗷朝，我卒疲之，古，來，務之
 糧，豈吾窮日城不，此以或車何，蘇宗象既今也。嗷當今，士中兼一之，馬掘我
 乏，城，誰，今，恐之降，可，修，之，樵，太，兵，三，生，主，也。力，域，守，惜，兵，政，嗟，
 內，孤，欺，人，何，但，人，來，害，都，城，繕，幾，等，類，昔，塞，援，馬，此，聊，弱，敗，盡，戰，今，守，
 勞，息，之，奈，但，人，來，害，都，城，繕，幾，等，類，昔，塞，援，馬，此，聊，弱，敗，盡，戰，今，守，
 疲，假，乎，士，圖，。吳，繼，所，自，屠，具，殺，卿，崩，。險，，肥，顧，不，政，，五，雄，且，也，為，如，者，天，下，
 卒，土，魚，義，異，乎，及，相，下，城，以，政，相，為，柵，也，閭，敗，兵，顧，不，政，，五，雄，且，也，為，如，者，天，下，
 士，兼，之，臣，肯，言，，等，羣，各，誘，告，反，今，牆，敗，長，必，健，南，人，專，此，英，耕，也，為，如，者，天，下，
 畫，取，中，忠，不，之，主，卿，為，今，，達，，人，乎，橫，此，降，，萬，敗，不，頻，奸，起，同，精，，六，敗，，近，乎，炭，
 力，空，釜，義，。義，舊，害，反，。己，，人，乎，水，，此，降，，萬，敗，不，頻，奸，起，同，精，，六，敗，，近，乎，炭，
 窮，援。肉。非，嘗，不，懷，其，布，也，詐，壘，之，卒，潦，兵，克，若，此，元，征，也。牆，下，日，亡，者，能，敗，生，
 計，救，之，以，薪，等，之，，呂，理，等，踰，困，士，六，死，世，兵，矜，備，動，四，殘，兵，器，滅，六，不，於，生，
 今，無，上，諭，坐，卿，人，苦，飛，之，卿，而，被，之，有，馬，死，世，兵，矜，備，動，四，殘，兵，器，滅，六，不，於，生，

墳墓，虜我之民妻子，生者受害，死者含冤，卿等深察事機，詳明時務，新方政馬騏之首，送赴軍門，則免城中魚肉，蘇國內瘡痍，和好復通，干戈永息。若欲班師振旅，則修整橋梁，辦備船隻，水陸二途，惟意所欲，送軍出境，萬保無虞。臣禮不虧，貢物不闕。如其不聽，則當整軍布陣，交戰平原，以決雌雄，以觀巧拙，不可深居窮窟，以效老嫗之態也。

Phiên âm

TÀI DỤ VƯƠNG THỐNG THU

Đoan túc phụng thư Tổng Bình quan liệt vị đại nhân quân tọa hạ : Phù, thiện dụng binh giả, tại hồ thâm thời thế nhi dĩ. Đắc kỳ thời hữu kỳ thế, tắc biến vong vi tồn, hóa tiều thành đại. Thất kỳ thời vô kỳ thế, tắc phản cường vi nhược, chuyển an vi nguy. Tại hồ phản chướng chi gian nhĩ. Kim khanh đẳng bất minh thời thế cánh súc vu từ, khởi bất thị dụng liệt thất phu, hà túc dĩ ngôn binh sự dã. Vãng giả, nội hoài quý trá, ngoại thác giảng hòa, quật hào, trúc lũy, tọa đãi viện binh, tâm tích bất bạch, nội ngoại bất nhất, an nặng sử ngã tất đốc tín nhi vật nghi hồ. Cồ nhân vân : Tha nhân hữu tâm, dư thốn đặc chi. Thử chi vị dã. Tích Tần thôn tính lục quốc, chuyên chế tứ hải, đức chính bất tu, thân vong quốc phá, Kim Ngô chi cường bất cập Tần, nhi hà khắc đãi thậm. Bất mãn cơ niệm, tất tương kế nhi tử. Sở vị thiên mệnh, phi nhân lực dã. Phương kim, bắc hữu thiện nguyên chi địch, nội hữu Tầm châu các xứ nội ngoại chi ưu. Giang tả nhất khu, bất năng tự thủ, huớng hữu tha quốc chi đồ tai. Khanh đẳng

bất ám sự thế, vì nhân sở bại, cánh thác Trương Phụ, dục tạ kỳ uy, thử khởi đại trượng phu tai, ức diệc phụ nhân nhi. Đương kim sự thế, tuy sử thượng vi cử binh nhi lai, diệc xúc vong nhĩ, Huống ư Trương Phụ tự chí tổng tử, hà túc đạo tai. Tích Hán Chiêu Liệt, Lưu thị, chi di phái nhĩ. Không Minh năng sử đại nghiệp phục hưng, huống hoàng Trần chi tử tôn hồ. Thiện mệnh dữ chi, nhân tâm quy chi, Phi Ngô quốc sở năng đoạt dã. Thả cổ chi hào kiệt vị ngô nhi ân, kiến cơ nhi tác, Thị dĩ Y Doãn Săn dã chi canh phu, Thái Công Vị thủy chi điều phủ, nhất vi vương giả chi tá, nhất vi vương giả chi sư. Thị khởi hào quý chi nhân gia, bần tiện chi nhân gia. Nhược yên chi Mộ Dung, Triệu chi Thạch Lặc, thử thị, Trung quốc chi nhân gia, Man mạch chi nhân gia. Thâm vị khanh ngôn. trực man liêu tiểu nhân ngữ, phi Trung Quốc chi nhân ngôn dã. Kim kế cùng lực tận, sĩ tốt bị lao, nội pháp lương trừ, ngoại vô cứu viện, không thủ toát thỏ, dã tức cồ thành, khởi phi trở thượng chi nhục, phẩu trung chi ngư hồ. Cánh khi cưỡng ngô dân, dụ dĩ phi nghĩa, bỉ trung thần nghĩa sĩ chi dân, tuy cùng ách thời, tọa tân thường phủ, bất khắng dị đồ, nại hà kim nhật khắng tín khanh đẳng bất nghĩa chi ngôn hồ. Dẫn khủng thành, nam trung nhân chi hoài cựu chủ, cập Ngô nhân chi bất thẳng khốn khổ, kỳ hại khanh đẳng, tương kế lai hàng như Trương Phi, Lã Bố, phản vi quần hạ sở hại, thử tất nhiên chi lý dã, Kim các thành tự Đô Tư dĩ hạ, hân khanh đẳng tra kỷ du dĩ đồ thành, hoặc phần thân nhi du lũy, liên cáo công cụ, thiện tu xa thế. Bị khốn chi nhân phản tương sát lục, hà tất ngã chi sĩ tốt hồ. Kim vi khanh trừ chi, kỳ bại hữu lục : Lão thủy hoành lưu, tường sách băng đồi, tiểu tô quy pháp, mã tử binh bị, thử nhất bại dã. Tích Thái Tôn cầm Kiến Đức, như Thế Khắc xuất hàng, kim trường quan, hiểm tái binh tượng câu đồn, viện binh nhược chí, vạn nhất tất bại. Viện binh kỳ bại, khanh đẳng

thành cầm, thử nhị bại dã. kiện binh, phì mã kim tại bắc địa
phòng bị Nguyên binh, bắt hoàng nam cô, thử tam bại dã, Can
qua lũ động. chinh phạt tần hưng, nhân bắt liêu sinh, ngao
ngao thất vọng, thử tứ bại dã. Gian thần chuyên chinh,
nhược chủ đương triều, cốt nhục tương tàn, tiêu tường khởi
họa, thử ngũ bại dã. Kim ngã hưng khởi nghĩa binh, thượng hạ
đồng tâm, anh hùng tán lược, sĩ tốt nhật luyện, khí
giới nhật tinh, thả canh thả chiến. Thành trung bì tệt. Tự
thủ diệt vong, thử lục bại dã. Kim thủ nhất toát chi thành,
dĩ đãi lục giả chi bại, thâm vi khanh đẳng tích chi. Cồ
vân : Viễn thủy bất năng cứu cận hỏa. Như hữu viện binh
chi lai diệc hà ích ư bại vong hồ. Tích giả, Phương Chính
Mã Kỳ, vụ hành hà ngược, sinh linh đồ thán, thiện hạ oán
ta, quật ngã chi ấp phần mộ, lỗ ngã chi dân thê tử, sinh giả
thụ hại, tử giả hàm oan, khanh đẳng thâm sát sự cơ,
trường minh thời vụ, trảm Phương Chính, Mã Kỳ chi thủ
tổng phó quân môn, tặc miễn thành trung ngư nhục. Tô
quốc nội sang đi hòa hiếu phục thông, can qua vĩnh tức. Nhược
dục ban sư chấn lữ, tặc tu chính kiêu lương, biện bị
thuyền chích, thủy lục nhị đồ, duy ý sở dục. Tổng
quân xuất cảnh, vạn bảo vô ngu. Thần lễ bất khuy. Cống
vật bất khuyết. Như kỳ bất thính, tặc đương chinh quân,
bổ trận, giao chiến bình nguyên, dĩ quyết thư hùng, dĩ
quan sảo chuyết. Bất khả thăm cư cùng quật, dĩ hiệu lão
ấu chi thái dã.

Dịch nghĩa

LẠI CÓ THƯ DỤ VƯƠNG THÔNG.

Kính phụng thư lện các quan Tổng Binh đại nhân.

Xét, khéo dùng binh là chỉ ở chỗ biết xét thời thế
mà thôi. Được thời, có thế, thì đổi được, mất làm còn,

hóa được, nhỏ làm lớn. Mất thời và thiếu thế, thì đang mạnh đổi ra yếu, đang yện chuyển ra nguy. Đồi chông thật như trở bàn tay. Nay lũ các quan, không sáng xét thời thế lại cứ tin ở lời bàn bày, thì quả là thất phu tầm thường, không đủ để bàn việc quân.

Trước đây, bề trong thì có mưu đối trá, bề ngoài thì thác là giảng hòa, đào hào đắp lũy, ngồi chờ viện binh, tầm không được rõ, trong ngoài không như một. Như thế thì muốn cho tôi dốc lòng tin sao được, không nghi ngờ sao được. Người xưa nói : Người khác có tâm, ta vẫn dò đoán được, chính là trường hợp này. Xưa, nước Tần thôn tính sáu nước, chuyên chế cả thiên hạ, không sửa sang đức chính, thành ra thân thì chết, nước thì mất. Nước Ngô ngày nay, mạnh thì không bằng Tần, mà hà khắc thì hơn. Rồi không đầy năm, sẽ nổi nhau chết cả đó. Đó mới là mệnh giới, chứ sức người có làm gì. Huống chi, ngày nay, phía bắc có nước địch là Thiên Nguyên, Trong nước thì có các xứ như Tầm Châu có loạn. Một giải Giang tả không giữ nổi. Thế mà còn nghĩ đi xâm chiếm nước người. Lũ người không hiểu sự thế, để cho người ta đánh thua. Lại cứ vin lấy tiếng Trương Phụ cho thêm uy, đâu có phải là trượng phu, chính là hành động đàn bà.

Cứ xét sự thế hiện thời, cho dầu ở trên có gửi binh tới thì chỉ cho đi đến chỗ chết, huống hồ lại tự Trương Phụ tự dẫn thân đến chỗ chết, thì còn cần gì phải bàn. Xưa Hán Chiêu Liệt vốn một giòng họ Lưu, nhờ có Khổng Minh khiến cho nghiệp lớn lại hưng phục được, huống như con cháu họ Trần, mệnh giới đã tới, nhân tâm đã về, thì nước Ngô muốn đoạt sao được. Xưa kia, phàm đã là hào kiệt, thì khi chưa gặp thời đành đi ẩn, khi thấy cơ là ra làm. Cho nên Y Doãn trước kia, chỉ là người đi cày ở ruộng Sấn, Thái Công chỉ là lão câu cá trên sông Vị, mà rồi một người làm phó cho vua, một người làm thầy vua. Vậy có phải là hàng hào quý không, có

phải là hạng bần tiện không. Còn như Mộ Dung nước Yên, Thạch Lặc nước Triệu, có phải là người Trung quốc không, có phải là người man mạch không. Cứ xem cái ý vị giọng nói của các người, thì thật đúng là giọng tiểu nhân man liêu chứ không phải lời bọn Trung quốc.

Nay kể cùng sức hết, quân lính mệt mỏi, trong thiếu lương trữ, ngoài không quân cứu viện, giữ một thành không, có khác gì miếng thịt trên thớt, con cá trong nồi. Thế mà còn đối trá dân ta, dụ làm điều phi nghĩa, bọn trung thần nghĩa sĩ ta, ngay thời cùng ách, vẫn cứ nắm gai nếm mật, không chịu đi sai đường, hưởng hồ ngày nay, đâu lại có tin những lời bất nghĩa của lũ người. Chỉ e trong thành, bọn người nam thì nhờ chủ cũ, bọn người Ngô, thì không chịu đựng được khốn khổ, rồi hại lũ người, lần lượt ra hàng như chuyện Trương Phi, Lã Bố bị bọn dưới làm hại. Lý tất nhiên là như thế. Nay trong các thành từ chức Đổng Ty trở xuống, đều giận lũ người dối họ. Họ mong ta phá thành, họ sẽ hăng hái vượt lũy ra báo cáo tình hình đánh giặc, sửa soạn thang mây. Bọn bị vây rồi giết lẫn nhau, đâu có phải mệt đến quân đội chúng ta.

Vậy nay cùng bàn : Các người có sáu điều thua : Nước đang lên, cọc lỏ, đất lỏ, lương thực người, ngựa thiếu, đó là một điều thua. Xưa Thái Tôn bắt Kiến Đức, mà Thề Khắc ra hàng, nay ở các quan ải, vừa voi vừa quân đóng giữ đầy đủ, viện binh có tới thế nào cũng thua. Viện binh mà đã thua thì lũ người bị bắt, đó là hai điều thua. Quân khỏe ngựa tốt nay ở cả phương bắc, để phòng quân Nguyên không chuyển về nam được, đó là ba điều thua. Can qua luôn năm, ai nấy đều chán, chỉ còn kêu than, đó là bốn điều thua, Gian thần giữ chính quyền, vua yếu trị vì, trong tôn tộc giết nhau, trong

nhà sinh họa đó là năm điều thua. Nay ta hưng nghĩa binh, trên dưới một lòng, anh hùng thi sức, sĩ tốt càng ngày càng thêm luyện, khí giới mỗi ngày mỗi tinh xảo, vừa cày ruộng vừa chiến đấu, với bọn giữ thành không, bọn thiếu thốn dần dần tự đến chỗ tuyệt diệt, đó sáu điều thua.

Giữ một thành không, để chờ sáu điều thua, ta thật là tiếc cho các người. Người xưa có nói : Nước xa không cứu được lửa gần. Như có viện binh tới, thì có lợi gì cho sự thua đấu. Xưa kia, Phương Chính, Mã Kỳ chỉ chuộng làm điều tàn ác, nhân dân khốn khổ, thiên hạ đều oán giận. Chúng khai quật mồ mả ấp ta, bắt cóc vợ con dân ta, Người sống đã bị hại, người chết cũng ngậm oan. Lũ người xét kỹ sự cơ, biết rõ thời vụ, cho giết Phương, Mã Kỳ đi, cho đem đầu tới quan môn ta, thì ta tha cho giết cả thành, để cho những kẻ còn lại được sinh sống, hòa hiếu lại như xưa, can qua cất xếp. Nếu như muốn ban sự thì ta cho sửa sang đường xá, cầu cống, thuyền bè, cả hai đường thủy lục, cho tùy ý chọn. Cho đưa quan ra khỏi nước, không một chút lo ngại. Đầy đủ lễ nghi. Cống vật không thiếu sót. Nếu như không nghe, thì nên sửa soạn quân đội để bày trận giao chiến giữa nơi đất phẳng, để quyết sống mái, coi ai hơn, ai kém. Chứ không nên ở núp trong hang cùng, như thái độ một mù già.



與王通書

(司空黎禮，上將黎熾與明人戰敗于涓洞，帝以一失機故爲書予之，涓洞今黃梅洞是)。

僕聞去一勺水大海不爲之渴。添一勺水大海不爲之盈。故善用兵者不以小勝喜，不以大敗懼。今諸公以數千殘卒，獨守孤城，糧欲絕而援不來，衆日離而軍日少。其強弱勝負之勢可坐而策，況安南兵衆之多，心力之齊，戰器日修，士氣日增，其智謀之士，武勇之將，不譬林立而櫛比也。公等一有小勝，不見其強，而我雖有小敗不見其弱。昨者我之裨將數人，年少氣驕，不遵約束，輕戰失機，公等以此得志。今以新平順化演義及前衛三江昌江鎮夷衛各所等處將校，若蔡都督及三司指揮千百戶等官數百餘員，軍人一萬數千，男女大小三萬餘人，俱爲公等所誤，較之我裨將數人，孰輕孰重孰勝孰負，而公曾不以此爲慮，猶且鳴張誇大，譬猶突火棟焚而堂燕猶鳴相樂，豈不甚可笑哉。且今二廣地方，聞我軍乘勝長驅，羣盜因而竊發，霹靂大王已自據地稱帝，而我之兵衆日夜進

攻，憑祥隆州皆爲我有。今公猶且日望接兵，聲言援至，譬猶夢中說夢及覺可笑也。前日蔡都督指揮千萬兵又各府州縣之官告乞願將太宗皇帝許立陳氏子孫，詔書內事理，赴京陳奏，及訴告總兵官不能鎮守北方。又隨人計，却自行文書取各衛軍馬和解，既而背約，以致彼衆嗷嗷失所。以此爲詞。然僕以前日所得奏書，則總兵官大人，真有誠心，但爲方馬所惑，以致此爾。是以此議未定，大人若能復尋舊約隨即班師，與蔡都督和解，一以免兩國干戈之苦，一以解蔡都督責己之怨，如此則全師免禍，豈不善哉。若或執迷守死，而不善道，是亦唐太宗所謂盡忠無益者也。且大丈夫行事，當磊磊落落，大人欲水戰，則當盡戰船排列江中，以決死戰，欲步戰則當盡兵馬遠出曠野，留一二日，以決雌雄，不可首窺城隅，乍出乍入，掠取柴草以爲得計，若此則婦人女子所爲，非大丈夫所爲也。

Phiên âm

DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ.

(Tư Không, Lê Lê, Thượng Tướng, Lê Xi, dữ Minh

nhân chiến bại vu Mi Động. Để dĩ nhất thất cơ, cố vi thư dư chi. Mi động kim Hoàng Mai động thị).

Bộc văn: Khừ nhất chúc thủy, đại hải bất vi chi khát. Thiêm nhất chúc thủy, đại hải bất vi chi doanh. Cố thiện dung binh giả, bất dĩ tiểu thắng hỷ, bất dĩ đại bại cụ. Kim, chư công, dĩ sở thiên tàn tốt, độc thủ cô thành. Lương dục tuyệt nhi viên bất lai. Chúng nhật ly, nhi quân nhật thiếu. Kỳ cường nhược, thắng phụ chi thế, khả tọa nhi sách. Huống An Nam binh tượng chi đa, tâm lực chi tề, chiến khí nhật tu, sĩ khí nhật tăng, kỳ trí mưu chi sĩ, vũ dũng chi tướng, bất thí lâm lập nhi trất tị dã. Công đẳng nhất hữu tiểu thắng, bất kiến kỳ cường. nhi ngã tuy hữu tiểu bại bất kiến kỳ nhược. Tạc giả, ngã chi tỳ tướng sở nhân. niên thiếu, khí kiêu, bất tuân ước thừc, khinh chiến thất cơ, công đẳng dĩ thử đắc chí, Kim dĩ Tân Bình, Thuận Hóa, Diễn nghệ, cấp tiền vệ Tam Giang, Xương Giang, Trấn Di vệ, các sở đẳng xử tướng hiệu, nhược Sái Đô Đốc cấp Tam Ty, Chỉ Huy, Thiên, bách hộ đẳng quan sở bách dư viên, quân nhân nhất vạn sở thiên, nam nữ đại tiểu tam vạn dư nhân, câu vi công đẳng sở ngộ. Giảo chi ngã tỳ tướng sở nhân, thực khinh, thực trọng, thực thắng thực phụ. Nhi công tăng bất dĩ thử vi lực. Do thả si trương khoa đại, thí do đột hỏa, đồng phần nhi đường yên do hú hú tương lạc, khởi bất thậm khả tiểu tai. Thả kim, nhị Quảng địa phương, văn ngã quân thừa thắng trường khu, quần đạo nhân nhi thiết phát, Tích Lịch đại vương dĩ tự cử địa xưng đế, nhi ngã chi binh tượng nhật dạ tiến công, Bằng Tường, Long Châu giai vi ngã hữu. Kim công do thả nhật vọng tiếp binh, thanh ngôn viên chí, thí do mộng trung thuyết mộng, hựu thậm khả tiểu dã. Tiền nhật Sái Đô Đốc chỉ huy thiên vạn binh cấp các phủ, châu huyện chi quan cáo khát nguyện tương Thái Tôn Hoàng Đế hứa lập Trần thị. tử tôn, chiếu thư nội sự lý, phó Kinh trần tấu, cấp tố cáo

Tổng Binh quan bắt năng trấn thủ bắc phương, hựu tùy nhân kế, khước tự hành văn thư, thủ các vệ quân mã trá vi hòa giải, ký nhi bội ước, dĩ chỉ bỉ chúng ngao ngao thất sở, dĩ thử vi từ. Nhiên bội dĩ tiền nhật sở đắc tấu thư, tặc Tổng Binh quan đại nhân, chân hữu thành tâm, dẫn vi Phương, Mã sở hoặc, dĩ chỉ thử nhi. Thĩ dĩ thử nghị vị định. Đại nhân nhược năng phục tầm cựu ước, tùy tức ban sự, dữ Sái Đô Đốc hòa giải, nhất dĩ miễn lưỡng quốc can qua chi khổ, nhất dĩ giải Sái Đô Đốc mãi kỷ chi oán, như thử tặc toàn sự miễn họa, khởi bất thiện tai. Nhược hoặc chấp mê thủ tử, nhi bất thiện đạo, thị diệc Đường Thái Tôn sở vị tận trung vô ích giả dã. Thả đại trượng phu hành sự, đương lỗi lỗi, lạc lạc. Đại nhân dục thủy chiến, tặc đương tận chiến thuyền bài liệt giang trung, dĩ quyết tử chiến. Dục bộ chiến, tặc đương tận binh mã viễn xuất khoáng dã, lưu nhất nhi nhất, dĩ quyết thư hùng. Bất khả thủ thoán thành ngung, sạ xuất sạ nhập, lược thủ sai thảo dĩ vi đắc kế. Nhược thử tặc phụ nhân, nữ tử sở vi, phi đại trượng phu sở vi dã.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI VƯƠNG THÔNG.

(Quan Tư Không Lê Lễ. quan Thượng Tướng, Lê Xi, cùng đánh nhau với quân Minh, bị thua tại Mi Động. Vua thấy bị thua trận, mới viết thư này. Mi Động nay là Hoàng Mai Động).

Tôi nghe nói : Lấy đi một chén nước, thì bề rộng không thiếu nước. Thêm vào một chén nước, thì bề rộng không đầy nước hơn. Cho nên khéo dùng binh, không mừng vì thắng nhỏ, không sợ vì thua lớn. Nay các ông lấy vài nghìn quân tàn, một mình giữ cô thành, lương gần hết mà cứu viện không tới, chúng ly tán dần, quân thành hao hụt, cái thế mạnh yếu được

thua, có thể ngồi một chỗ mà tính được. Huống chi, An Nam, binh nhiều, voi nhiều, đồng tâm đồng lực, chiến cụ ngày một tốt thêm, sĩ khí ngày một tăng thêm, hàng văn thần mưu trí, hàng vũ dũng, đông đúc không những ví như cây rừng mà còn ví như rừng lược. Các ông cho có được thắng lợi nhỏ, cũng không gọi là mạnh được. Mà tôi tuy có bị thua nhỏ, cũng không bị yếu được. Hôm trước, bên tôi, vài tỳ tướng, tuổi ít, khi kiêu, không chịu thúc ước, khinh chiến, thất cơ, các ông lấy thế làm hãnh diện. Nay, lấy bọn tướng hiệu các xứ Tân Bình, Thuận Hóa, Diễn Nghệ, các đồn Tam Giang, Xương Giang, cùng Sái Đô Đốc các quan Tam Ty, Chỉ Huy, Thiên, Bá Hộ, một vạn vài nghìn quân lính, trai gái, lớn nhỏ, hơn ba vạn người, tất cả đều bị các ông lừa dối, so với vài người tỳ tướng bên tôi thì bên nào nặng, bên nào nhẹ, ai thắng, ai bại. Thế mà các ông không lấy làm đều. Lại còn khoa trương thế lực, có khác gì cột nhà đã cháy, trên nóc chim yến trong tổ vẫn cứ yên vui. Có đáng chê cười không. Vả lại ngày nay, hai đất Quảng, nghe thấy quân Nam thừa thắng thắng tiến, thì trộm cướp nổi lên. Tích Lịch đại vương đã chiếm đất xưng đế. Mà binh tướng của ta ngày đêm tiến đánh, các xứ Bằng Tường, Long Châu, đều bị ta lấy rồi. Nay ông còn ngóng trông cứu binh, còn dương danh cứu binh sắp tới, thì y như đã ở trong mộng mà lại còn nói truyện mộng, thật lại là đáng chê cười. Bữa trước Sái Đô Đốc chỉ huy nghìn vạn quân, cùng coi các quan phủ, châu, huyện, có báo cáo xin đem chiếu thư của vua Thái Tôn Hoàng Đế, lập con cháu họ Trần, xin đem các lý lẽ trong chiếu thư đó tâu bày về Kinh, mà cùng đề tố cáo là quan Tổng Binh không giữ nổi xứ Bắc, lại đi theo kẻ người, đặt bày văn thư, lấy quân mã các vệ, dối dả làm hòa giải, mà rồi bội ước, đến nỗi mất lòng dân quân. Tuy nhiên tôi, thì tôi nghĩ rằng, bữa trước có tấu thư là do tâm chán thành của quan Tổng Binh, nhưng chỉ vì bọn Phương, Mã, làm cho nghi hoặc mà đề đến nỗi thế. Các đề nghị nay chưa có gì định đoạt xong. Nay nếu đại nhân muốn y như nước cũ, thì

tức khắc ban sư, cùng Sái Đô Đốc hòa giải một là đỡ cho cả hai nước sự khổ về can qua, hai là giải được cái oán kết của Sái Đô Đốc cho là đại nhân đã hại Đô Đốc. Như thế thì toàn quân khỏi họa, chả hay ư.

Nếu như còn mê muội, cứ theo con đường chết, thì y như xưa Đường Thái Tôn nói là Tận Trung mà vô ích. Vả lại đại phạm đại truong phu làm việc, nên có tính cách lỗi lạc. Như đại nhân muốn thủy chiến thì cứ việc bày hết chiến thuyền trên mặt sông, để quyết tử chiến. Như muốn bộ chiến thì nên đem hết binh mã ra ngoài đồng rộng, đình lại một vài ngày, để quyết thư hùng. Chứ không nên chui nấp trong thành, khi thò ra, khi chui vào, len lút trộm cắp ít rơm củi cho là kế hay. Đó là tư cách phụ nhân, nữ tử chứ không phải tư cách trượng phu.



再與王通書

清化府知府黎某，書奉總兵成山侯知
 道。僕聞所貴乎俊傑者，在乎遠，地不
 審事變而己。我昔在可藍之日，馬騏
 過一城，衆不過一旅，而每爲至靈山之
 寨等所逼。後又通迹於老樾，衣不
 地，待時而發，食不拘二飯，不拘冬
 夏，兵不過數千，器械空空如也。親
 子弟師友分散他鄉，不得完聚，而方
 馬騏王成馮貴等輩，又連歲進兵，我
 之甲兵旦夕擺押，無一時少息。然虛
 困而亨。屢戰累勝，所過無不摧折。豈
 非天意乎，今者天運循環，無往不復，
 往者不拘二飯，今因爾糧儲有三十年
 之食，昔者兵不過數百。今清化素州
 之兵，不下二萬。演州新平順與交州
 精壯勇敢之士，不下十萬。其餘戰
 路同三謀才識之士，昔之師友親戚
 不者器械推積。火藥倉充，以昔較今，
 鏡可知也，況爾國主連年死喪，加盜
 殘北寇侵凌，大臣不附，苛武，中
 至，土木屢興，政令煩苛，盜賊蜂
 自洪武至今，窮兵黷武，此正在
 人氏疲弊，天之降喪，爾

尚不達時變，反聽方馬之言，猶爲之攻守計，彼若善於攻守，何不攻我於可。蓋微弱之時，而反聽張誇大於今日乎，何不思之甚也。況又塗人耳目。設詞誑衆，聲言援兵欲至。張輔又來，爾何不思今日，雖有有援兵十萬，敢過關乎。若其傾國而來，或三四十萬，爾何不料爾國，今日果無事乎，將蕭牆之內，猶有事乎。如張輔等，一時僥倖成功爾。是時胡氏篡奪，一國之人視若仇敵，衆叛親離，張輔合乘此釁遂以成功爾，爾何不思我兵衆之多，心力之齊，縱有張輔百輩，其如我何，況爾國勢岌岌若此，此又令張輔領三四十萬兵出境。爾朝廷肯放心乎。今爲公等計，不若與蔡都督班師回去之爲愈也。不然我旗一指，我鼓一鳴，公等悔將何及。易曰：窮則變，變則通，公等盍不思此，硜硜守巡遠之小節，吾恐爾之士卒日夜思歸之切，繼以饑餒之飽，疾疫相因，雖欲攻且守，誰其與之，諺云：一朝無食，父子無義，且方馬等輩，所謂敗兵之將，不可以語勇，公等其孰思之。

Phiên âm :

TÀI DỮ VƯƠNG THÔNG THU.

Thanh Hóa phủ, Tri Phủ, Lê Mỗ, thư phụng Tổng Bình Thành Sơn Hầu tri đạo. Bộc văn : Sở quý hồ tuần kiệt giả, tại hồ đạt thời thế, thâm sự biến, nhi dĩ. Ngã tích tại Khả Lam chi nhật, địa bất quá nhất thành, chúng bất quá nhất lũy. Nhi mỗi vi Mã Kỳ, Chu Kiệt đẳng sở bức. Hậu hựu tuần tích ư Lão Qua, Chí Linh Sơn chi địa, đãi thời nhi phát. Thực bất câu nhị phạm, ý bất câu đông hạ. Bình bất quá sở thiên, khí giới không như dã. Thân thích tử đệ sư hữu, phân tán tha hương, bất đắc hoàn tụ. Nhi Phương Chính, Mã Kỳ, Vương Thành, Phùng Quý đẳng bối, hựu liên tước ến binh. Ngã chi giáp binh, đàn tịch, bãi áp, vô nhất thời thiếu tức. Nhiên sử khốn nhi hanh, Lũ chiến lũy thắng. Sở quá vô bất tồi triết. Khởi phi thiên ý hồ. Kim giả, thiên vận tuần hoàn, vô vãng bất phục. Vãng giả bất câu nhị phạm, kim nhân nhĩ lương trừ giả, hữu tam thập niên chi thực. Tích giả, binh bất quá sở bách, kim Thanh Hóa phụ tử chi binh, bất hạ nhị vạn. Diên Châu, Tân Bình, Thuận Hóa, tổ hiệu tinh tráng dũng cảm chi sĩ, bất hạ sở vạn, dữ Giao Châu đẳng lộ, đồng tâm, đồng lực chi sĩ, bất hạ thập vạn. Kỳ dư chiến sĩ bất hạ tam thập vạn. Tích chi sư hữu thân thích, phân tán, kim giả, trí mưu, tài thức chi sĩ, bất thí lâm lập, trất tị. Tích chi khí giới không không, kim giả chiến thuyền liên vân, khả giáp diệu nhật, nạo tiền đồi tịch. Hỏa được thương sung. Dĩ tích giáo kim, cường nhược khả tri dã. Huống nhĩ quốc chủ liên niên tử táng, cốt nhục tương tan, Bắc khấu xâm lăng. Đại thần bất phụ. Gia dĩ hung niên tiên chí. Thổ mộc lữ hưng. Chính lệnh phiên hà. Đạo tắc phong khởi. Tự Hồng Vũ chí kim, cùng binh độc vũ. Trung quốc hư hao. Nhân dân bì tệt. Thiên chi giáng táng, chính tại thử thời. Nhĩ

thượng bất đạt thời biến, phản thánh Phương, Mã chi ngôn, do vi công thủ chi kế. Bĩ nhược thiện ư công thủ, hà bất công ngã ư Khả Lam vi nhược chi thời nhi phản si trương khoa đại ư kim nhật hồ. Hà bất tư chi thậm dã. Huống hựu đồ nhân nhĩ mục, thiết từ cưỡng chúng, thanh ngôn viện binh dục chi, Trương phụ hựu lai. Nhĩ hà bất tư kim nhật, tuy hữu viện binh thập vạn, cảm hóa quan hồ. Nhược kỳ khuynh quốc nhi lai, hoặc tam tứ thập vạn, nhĩ hà bất liễu nhĩ quốc, kim nhật quả vô sự hồ. Tương tiêu tương chi nội do hữu sự hồ. Như Trương Phụ đẳng, nhất thời kiêu hãnh thành công nhĩ. Thị thời, Hồ thị thoán đoạt, nhất quốc chi nhân thị nhược cừ địch, chúng bạn, thân ly, Trương Phụ hợp thừa thừa hán, tuy dĩ thành công nhĩ. Nhĩ hà bất tư ngã binh tượng chi đa, tâm lực chi tề, tưng hữu Trương Phụ bách bối, kỳ như ngã hà. Huống, nhĩ quốc, thế, ngập ngập nhược thủ, thủ hựu lĩnh Trương Phụ lĩnh tam tứ thập vạn binh xuất cảnh, nhĩ triều đình khảng phóng tâm hồ.

Kim vi công đẳng kế, bất nhược dữ Sái Đồ Đốc ban sư hồi khứ dĩ vi dĩ dã. Bất nhiên ngã kỳ nhất chỉ, ngã cồ nhất minh, công đẳng hồi tương hà cập. Dịch viết : Cùng tắc biến, biến tắc thông. Công đẳng hạp bất tư thủ, khanh khanh thủ Tuần, Viễn chi tiêu tiết. Ngô khủng nhĩ chi sĩ tốt, nhật dạ tư quy chi thiết, kế dĩ chiên chúc bất bảo, tạt dịch tương nhân, tuy dục công thả thủ, thùy kỳ dữ chi. Ngạn vân : Nhất triều vô thực, phụ tử vô nghĩa. Thả phương, Mã đẳng bối, sở vị bại binh chi tướng bất, khả dĩ ngữ dũng Công đẳng kỳ thực tư chi.

Dịch nghĩa :

LẠI GỬI THƯ CHO VƯƠNG THÔNG

Tri Phủ phủ Thanh Hóa là Lê mỗ, thư tới Tổng Bình, Thành Sơn Hầu được biết :

Tôi nghe điều quý nhất ở người tuấn kiệt, chỉ là rõ thời thế, biết xét sự biến mà thôi. Trước kia tôi ở Khả Lam, đất đai chẳng qua có một thành, quân chúng chẳng qua có một tốp, mà luôn luôn bị bọn Mã Kỳ, Chu Kiệt áp bức, sau phải nấu ần tại đất Lão Qua, Chí Linh Sơn, đợi thời mà ra, ăn không đủ hai bữa, mặc không đủ đông hè, quân lính bất quá vài nghìn, khí giới thì như không có gì, hò hàng con em bè bạn, phân tán mọi nơi, không được đoàn tụ. Thế mà lũ Phương Chinh, Mã Kỳ, Vương Thành, Phùng Quý, lại luôn năm tiến binh, Quân lính tôi ngày đêm, không rời áo giáp, không lúc nào được nghỉ. Tuy nhiên ở cảnh cùng khốn mà được hanh thông, động chiến là thắng, qua nơi nào là nơi ấy tan. Thế chả phải là ý trời ư. Đến nay, vận trời theo tuần hoàn, có đi thì có lại. Xưa kia, ngày không đủ hai bữa ăn, thì nay được gạo trữ của các người, được đủ dùng cho đến ba mươi năm. Xưa kia, binh có mấy trăm, thì nay riêng Thanh Hóa, hạng phụ tử chi binh, không dưới hai vạn. Ở Diễn Châu, Tân Bình, Thuận Hóa, gọi là dừng cảm tinh tráng, cũng có vài vạn. Cùng với quân binh các lộ ở Giao Châu, đồng tâm, đồng lực, có được mười vạn. Thiếu xưa kia, họ hàng thân thích phân tán, nay hạng tài thức trí mưu, rậm như cây rừng, đều như răng lược. Xưa kia khí giới như không có, thì nay, thuyền chiến san sát như mây, áo giáp ánh loé mặt trời, rừng tên núi đạn. Cứ so sánh nay và xưa thì biết ai mạnh ai yếu. Hướng chỉ nước các người ngày nay, luôn năm chủ chết, cốt nhục tàn sát nhau. Lại phương bắc có giặc xâm lăng. Đại thần thì không giúp. Trời ra tay, trong nhiều họa. Công tác phiền nhiễu. Chính lệnh nghiêm khắc. Trộm cướp như ong. Từ đời Hồng Vũ đến nay, dụng vũ dụng binh không ngớt. Trong nước hao hụt, nhân dân khốn khó. Trời đang lúc giáng tai giáng

họa đó. Thế mà lũ người không rõ thời biến, chỉ nghe bọn Phương, Mã, Lai nghĩ kế công thủ. Bọn chúng nếu sánh về nghề công thủ thì sao không đánh ta ngay lúc ta còn thế yếu ở Khả Lam mà đến ngày nay mới ra oai ra vẻ. Thật là không biết nghĩ chút nào. Lại còn bịt tai, bịt mắt người, đặt lời dối dá, dương danh là viện binh sắp tới, Trương Phụ lại tới. Các người, sao không nghĩ, ngày nay, cho dầu có mười vạn quân, liệu dám qua cửa quan không. Nhược bằng đem quân toàn quốc tới, độ ba bốn mươi vạn, thì các người sao không nghĩ, ngày nay, liệu nước các người có vô sự không, ngay trong nhà có yên không. Xét như Trương Phụ gặp may được thành công, là vì khi đó, họ Hồ làm việc thoán đoạt người trong nước coi Hồ như thù địch, quân sĩ thì phản, người thân thì lánh xa. Trương Phụ thừa dịp mới thành công. Các người sao không biết nghĩ rằng, còn như ta đây, binh tướng đã nhiều, lại cùng lòng, cùng sức, dù có đến trăm Trương Phụ, thì có làm gì được ta. Huống hồ thế nước các người nguy ngập như thế, mà lại còn sai Trương Phụ lĩnh ba bốn mươi vạn quân ra khỏi cõi thì triều đình người liệu có yên tâm không.

Nay kể hay nhất cho các người là cùng Sái Đồ Độc bàn sự về. Bằng không, cớ ta mà dương lên, trống ta mà gióng nổi, thì các người hối không kịp. Kinh Dịch có câu : Cùng phải biến, biến là thông. Các người sao không nhớ câu ấy, mà bỏ giữ tiểu tiết bọn Tuần Viễn (1) xưa. Ta ngại quân lính người ngày đêm mong về nhà, lại ở vào cảnh bữa no bữa đói, tật bệnh sinh ra, cho dầu có chửi công thủ, cũng không còn được nữa. Lời tục ngữ có nói : Một sớm không còn ăn là cha con không còn nghĩa. Vả lại bọn Phương, Mã là bọn tướng thua trận, còn nói đến dũng sao được, Nên nghĩ cho kỹ.



(1) Trương Tuần, Hứa Viễn, tướng đời Đường nước Tàu, giữ thành: chống giặc. cho đến chết.

與蔡都督書

弟藍山書奉老兄蔡公足下，夫士貴於
 所遇，道貴於必行，然道之行，不行，
 必間乎時之遇不遇，是以古之英雄豪
 傑，其平日之所抱負，莫不欲據其風
 蘊，以明是道於斯世，然其時之遇不
 遇，莫非天也。昔者百里奚居虞而虞
 亡，之秦而秦伯，李左車之在趙而趙
 滅，之漢而漢興，豈愚於此而智於
 彼，時之遇不遇有以然也。老兄先朝
 宿將，當初征交趾，攻破多那，公乃撥
 雲梯以先登，功爲第一，是後每年待伐
 屢申戰功，然大幸不爲時所知，不能
 出人右，加以譴責相尋。志不得伸，道
 不得行，卒使今日又爲王通所賣。是
 又不幸，亦中國之大不幸也。視昔百
 里奚之居虞，李左車之在趙，何以異
 焉。今我國主索聞公之賢，欲處公以
 大臣之位，而願聽教焉，不審公意將
 如韓信之去楚，而爲漢用耶。則我國
 主之解衣推食，必下於漢高祖，如箕
 子之不臣周耶，則我國主之下車訪
 道，必且下於周武，顧此二策，公將安
 決。且國之興亡，盛衰，關乎天運。誠非
 人力所及。今公復爲中國之用，則方
 今中國

內有蕭牆之禍，外有北寇之憂，旱潦
 可爲之時又不幸焉不得伸其有爲之
 志。正如唐太宗所謂盡忠無益者也。
 爲公計不若順其遇，聽命于天，乘此
 時機樹立功業，使吾民幸得脫塗炭之
 苦，而公之豐功偉績，亦得以昭垂青
 史豈不偉哉，如其硜硜然於小節，固
 非識時豪傑也。願垂裁察不宣。

Phiên âm

DỮ SÁI ĐỒ ĐỐC THU

Đệ Lam Sơn thư phụng lão huynh Sái Công túc hạ.

Phù, sĩ quý ư sở ngộ. Đạo quý ư tất hành. Nhiên đạo
 chi hành, bất hành, tất quan hồ thời chi ngộ bất ngộ. Thị
 dĩ cổ chi anh hùng, hào kiệt, kỳ bình nhật chi sở bão phụ
 mặc bất dục cử kỳ túc uần dĩ minh thị đạo ư tư thế. Nhiên
 kỳ thời chi ngộ, bất ngộ, mặc phi thiên dã. Tích giả, Bách
 Lý Hề cư Ngu, nhi Ngu vong. Chi Tần nhi Tần bá. Lý Tả Xa
 chi tại Triệu, nhi Triệu diệt, chi hán nhi hán hưng. Khởi ngu ư
 thủ nhi trí ư bỉ, thời chi ngộ bất ngộ hữu dĩ nhiên dã. Lão
 huynh tiên triều túc tướng, đương sơ chinh Giao Chỉ công phá
 đa na. Công nãi bát vân thế dĩ tiên đăng, công vi đệ nhất. Thị
 hậu mỗi niên chinh phạt, lũ thân chiến công. Nhiên bất hạnh,
 bất vi thời sở tri, bất năng xuất nhân hữu. Gia dĩ khiển

trách tương tâm. Chi bất đắc thân. Đạo bất đắc hành. Tốt sử kim nhật hựu vi Vương Thông sở mãi. Thị hựu bất hạnh diệc Trung Quốc chi đại bất hạnh dã. Thị tích Bách Lý Hề chi cư Ngụ, Lý Tả Xa chi tại Triệu, hà dĩ dị yên. Kim ngã quốc chủ tổ văn công chi hiền, dục xử công dĩ đại thân chi vi nhi nguyên thịnh giáo yên. Bất thâm công ý tương như Hàn Tín chi khứ Sở, nhi vi Hán dụng gia. Tắc ngã quốc chủ chi giải y thời thực tất bất hạ ư Hán Cao Tổ. Như Cơ Tử chi bất thần Chu gia. Tắc ngã quốc chủ chi hạ xa phóng đạo, tất bất hạ ư Chu Vũ. Cố thử nhị sách, công tương an quyết. Thả quốc chi hưng vong, thịnh suy, quan hồ thiên vận, thành phi nhân lực sở cập. Kim công phục vi Trung Quốc chi dụng, tắc phương kim, Trung quốc, nội, hữu tiêu tường chi họa, ngoại, hữu bắc khấu, chi ưu. Hạn lạo tương nhân, yêu nghiệt tiến chí. Đại thần bất phụ, Cử quốc Ly tâm. Thiên chi giáng táng, bất tức tắc mộ, Sĩ chi minh triết, đương thâm cơ vi chi ư tảo. Nhược công đẳng bất hạnh yên nhi ngộ bất khả vi chi thời, hựu bất hạnh yên bất đắc thân kỳ hữu vi chi chí, chính như Đường Thái Tôn sở vị tận trung vô ích giả dã. Vi công kế, bất nhược thuận kỳ ngộ, thịnh mệnh vu thiên, thừa thử thời cơ, thụ lập công nghiệp. Sử ngộ dân hạnh đắc thoát đồ thân chi khổ, nhi công chi phong công vĩ tích diệc đắc dĩ chiêu thù thanh sử. Khởi bất vĩ tai. Như kỳ khanh khanh nhiên ư tiểu tiết, cố phi thức thời hào kiệt dã. Nguyên thù tài sát. Bất tuyên.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI SÁI ĐO ĐỐC.

Em ở Lam Sơn, có thư phụng lão huynh là Sái Công túc hạ.

Xét : Sĩ quý ở việc, được gặp, đạo quý ở điều được hành. Tuy nhiên đạo mà hành hay không hành, là liên quan đến thời gặp hay không gặp. Cho nên khi xưa, anh hùng hào kiệt có tài đều muốn thi triển để đạo mình được tỏ rạng ở đời. Vây mà thời gặp hay không gặp là không thể không do nơi trời. Xưa, Bách Lý Hề ở nước Ngụ, mà sau nước Ngụ mất. Tới nước Tần thì sau Tần thành nước Bá. Lý Tả Xa ở Triệu thì sau Triệu bị diệt, tới Hán thì Hán hưng. Đâu có phải là ngụ ở nơi này, sáng ở nơi khác. Chỉ là được gặp thời, hay không được gặp thời, mà sinh ra như thế. Lão huynh ở tiên triều, được tiếng là tướng giỏi. ban đầu đi chinh nước Giao Chỉ, luôn luôn đánh giặc. Ông mới lấy thang vân thố, leo lên thành trước tiên, được kẻ cống vào bực đệ nhất. Rồi từ đó, cứ mỗi năm chinh chiến lại thêm chiến công. Nhưng không may, không được thời biết đến, không được đời chuộng. trái lại còn bị khiển trách. Chỉ không được dùng, đạo không được hành, cuối cùng là ngày nay, làm đồ mua bán của Vương Thông. Ông là không may, mà cả Trung quốc cũng không may, so với Bách Lý Hề ở nước Ngụ, Lý Tả Xa ở nước Triệu thì khác gì.

Nay, chủ nước tôi biết tiếng ông là người hiền, muốn đặt ông vào chức vị đại thần, để rồi được nghe lời ông chỉ giáo. Không biết ông có như Hàn Tín ở Sở ra đi tới Hán, cho Hán dùng không. Chắc chủ nước tôi cũng san cơm sẻ áo không kém Hàn Cao Tổ. Ông có như Cơ Tử không làm tôi Chu không : Chủ tôi cũng xuống xe hỏi thăm không kém gì Chu Vũ. Nghĩ lại hai chuyện đó, xin ông quyết định. Vả tại, nước mà hưng vong, mà thịnh suy, là có liên quan đến vận trời, không phải ở sức người được. Như nay ông mà để Trung quốc dùng, thì hiện giờ trong Trung quốc đang có họa từ trong nhà gây nên, ngoài Trung Quốc thì có mối lo, giặc bắc, lại hạn hán liên tiếp, yêu nghiệt này sinh. Đại thần không giúp sức. Dân thì mỗi người mỗi tâm.

Trời mà ra tay, không sớm thì chiều. Kẻ sĩ biết giữ mình, nên sớm xem xét cơ sự. Như các ông không may, lại gặp điều nên phải tránh, hoặc lại không may không thi triển được tài trí mình, như thế chính hợp vào câu của Đường Thái Tôn, « Tận trung vô ích »

Vì ông mưu tính, thì không gì bằng, thuận theo sở ngộ, nghe thiếu trời, nhân thời cơ này, gây trồng công nghiệp làm cho dân tôi may được thoát khỏi cảnh lầm than, mà ông thì, công danh vĩ đại truyền lại sử xanh. Như thế chả hay lắm ư. Nếu cứ khư khư giữ điều tiết nhỏ thì không phải là người hào kiệt biết thời. Xin cúi xét. Thư không hết lời.



與王通書

書示爾總心官知道，古人有言：窮寇勿逼，今我欲舉三四十萬兵圍爾四城，雖然，小敵之堅，大敵之矜，夫以千鈞之力，壓於烏卵之上，未有不爛碎者也，以攻城之說，姑置一邊或者鬆爾顛黨置之度外，且按甲休兵撫養士卒招下賢者，延攬羣才繕脩戰器，練習兵象，教以坐作進退之法，又薰之以仁義使人人有親上死長之誠，以之應敵，順吾向者生，悖吾向者死。凡吾所恃者此爾。他日爾國之事稍緩，貪心復萌，或再加三四萬兵復來，則吾之所以待之者蓋綽乎有餘裕。若爾等不戰而自擒，何足道哉。顧此二策，吾意未決，不知公等將以我置之度外爲上策也耶。公等退而教之幸甚。

Phiên âm

DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ

Thư thị nhĩ Tổng Binh quan, tri đạo : Cổ nhân hữu ngôn Cùng khẩu vật bức. Kim ngã dục cử tam tứ thập vạn binh vi nhĩ tứ thành, chỉ khùng điều cùng tắc trắc, thú cùng tắc bác. Thử ngô bất dĩ toàn thắng chi binh, dữ tất tử chi tốt, tranh tiểu bối thắng dã. Tuy nhiên, tiểu địch chi kiên, đại địch chi cầm, phù dĩ thiên quân chi lực, áp ư điều noãn chi thượng, vị hữu bất lạn toái giả dã. Dĩ công thành chi thuyết, cô tri nhất biên, hoặc giả từng nhĩ khóa đẳng trí chi độ ngoại, thả án giáp, hưu binh, phủ dưỡng sĩ tốt, chiếu hạ hiền giả, diên lãm quần tài, thiện tu chiến khí, luyện tập binh tượng, giáo dĩ tọa tác, tiến thoái chi pháp, hựu huân chi dĩ nhân nghĩa, sử nhân nhân hữu thân thượng, tử trưởng chi thành, dĩ chi ứng địch, thuận ngô hướng giả sinh, bội ngô hướng giả tử. Phàm ngô sở thị giả, thử nhĩ. Tha nhật nhĩ quốc chi sự sảo hoãn, tham tâm phục mạnh, hoặc tái gia tam tứ vạn binh phục lai, tắc ngô chi sở dĩ dĩ chi giả. Cái xước hồ hữu dư dự. Nhược nhĩ đẳng bất chiến nhĩ tự cầm, hà túc đạo tai. Cổ thử nhị sách, ngô ý vị quyết. Bất tri công đẳng tương dĩ ngã trí chi độ ngoại vi thượng sách dã gia. Công đẳng thoái nhĩ giáo chi, Hạnh thậm.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI VƯƠNG THÔNG

Thư cho người, Tổng Binh quan được biết : Người xưa có nói : Đứng áp bức giặc ở đường cùng, Nay ta muốn đem bốn mươi vạn quân vây thành người, chỉ e chim lúc cùng phải mổ, thú lúc cùng phải cắn, Vì thế, ta không muốn

lấy quân toàn thắng đi tranh thắng lợi nhỏ với bọn quân sĩ tất phải chết. Tuy nhiên, đối với tiêu địch, thiếu có lấy vật nặng nghìn cân, đặt trên ổ trứng chim, thì chưa thấy có quả nào khỏi vỡ. Ta hãy để việc đánh thành ra ngoài không nói đến, hoặc hãy khoan dung thông thả cho các ngươi, rồi má cho quân ta nghỉ ngơi, chiêu hồi hiền sĩ, mời đón tài năng, sửa sang khí giới, luyện tập binh tượng, dạy cho đi đứng lên lui, răn cho các điều nhân nghĩa, để ai nấy đều biết kính người thân, gần người trên, một lòng thành thực. Thế rồi cho ra ứng địch, thuận ta thì được sống, trái ta thì phải chết. Đó chỉ cần có thế, chỉ nhờ có thế,

Một ngày kia, ở nước các ngươi, công việc được thư thái. lòng tham nầy nở, hoặc lại cho thêm ba bốn vạn quân tới, thì ta vốn đợi, vốn sẵn sàng ung dung. Thề rồi. bọn ngươi không đợi phải đánh mà vẫn bị bắt, còn cần gì bàn tới. Vì nghĩ tới đó chỉ ta chưa quyết. Không biết các ngươi có cho việc ta dùng quân là thương sách không. Các ngươi nghĩ bảo nhau cho kỹ. Thế là may lắm.



諭清化等城書

諭爾清化乂安將校軍人等。夫，殉國亡軀，乃人臣之大節，論功行賞斯國家之典常，今爾等以忠義之心，勇悍之氣敵王所讎，屢顯厥功。昔我本朝，命先皇帝興隆之盛時，占城逆命，侵我邊邑，乃祖乃父能輸誠効順，圖報國家，殺破賊徒，復我國家疆土，芳名偉烈，簡冊昭垂。今者狂明不道，上逆天心，竄武窮兵，務廣土地，生民荼毒，二十餘年。天運循環無往不復，義兵一起，席卷長驅，數月之間，光復舊物，惟東關一城，賊渠王通遊魂殘喘，徒爾鴟張，凡我京路諸軍並前日翊聖左右天長天網等軍，或列於南班北班之首，或馳於天潢肺腑之親，然亦未見其有輸忠効力，樹立功勳者，而爾等以藩屏之臣，克念乃祖乃父前日之功，以盡忠于國家同心一力圖雪國恥戰勝攻取，所向有功，似此忠誠，良可褒獎，特令給賞以酬爾勞，爾其勗哉。

Phiên âm

DỤ THANH HÓA ĐẰNG THÀNH THƯ.

Dụ nhĩ, Thanh Hóa. Nghệ An, tướng hiệu quân nhân
đẳng. Phù : tuần quốc vong khu, nãi nhân thần chi đại
tiết. Luận công hành thưởng tư quốc gia chi điển thường.
Kim nhĩ đẳng dĩ trung nghĩa chi tâm, dũng hân chi khí,
địch vương sở khái. Lũ hiển quyết công. Tích ngã bản triều,
đương tiên hoàng đế hưng long chi thịnh thời Chiêm Thành
nghịch mệnh, xâm ngã biên ấp, nãi tồ, nãi phụ, năng du thành,
hiếu thuận, đồ báo quốc gia, sát phá tặc đồ, phục ngã quốc gia
cương thổ, Phương danh vĩ liệt, giản sách chiêu thủy. Kim giả
cuồng minh bất đạo, thương nghịch thiên tâm, độc vũ cùng
binh, vụ quảng thổ địa, sinh dân đồ độc, nhị thập dư niên.
Thiên địa tuần hoàn, vô vãng bất phục. Nghĩa binh nhất khởi,
tịch quyền trường khu. Sồ nguyệt chi gian, quang phục cự
vật. Duy Đông Quan nhất thành, tặc cừ, Vương Thông du
hồn, tàn xuyên, đồ nhĩ si trưng, Phàm ngã Kinh, Lộ, chư
quân tịnh tiền nhật, Dục Thánh, Tả Hữu, Thiên Trường,
Thiên Vọng đẳng quân, hoặc liệt ư Nam Ban, Bắc Ban chi
thủ hoặc liên ư Thiên Hoàng, Phế Phủ chi thân, nhiên
diệc vị kiến kỳ hữu du trung hiệu lực, thụ lập công huân
giả, nhi nhĩ đẳng dĩ phiên binh chi thân, khắc niệm
nãi tồ, nãi phụ tiền nhật chi công dĩ tận trung vụ quốc
gia, đồng tâm nhất lực, đồ tuyết quốc sỉ, chiến thắng công
thủ, sở hướng hữu công. Tự thử trung thành, lương khả
bao tướng. Đặc lệnh cấp thưởng dĩ thù nhĩ lao. Nhĩ kỳ
húc tai.

Dịch nghĩa

THƯ DỤ CÁC THÀNH THANH HÓA

Dụ các người, tướng hiệu, quân nhân, Thanh Hóa, Nghệ An,

Bổ mình vì nước vốn là đại tiết của người làm tòi. Luận công mà ban thưởng vốn là phép thường của quốc gia. Nay, lũ các người, lấy lòng trung nghĩa, lấy khí dũng mãnh, làm cho bên địch phải tức giận, nhiều lần rõ rệt công lao. Xưa, về bản triều, đương thời Tiên Đế hưng thịnh, nước Chiêm Thành, có trái mệnh, xâm lăng bờ cõi nước ta, đương lúc đó, ông các người, cha các người, đã biết hết sức, hết trung thành, báo đáp quốc gia, giết trừ tàn tặc, lấy lại biên cương tiếng thơm truyền lại, sử xanh ghi chép. Đến nay, giặc Minh vô đạo, trên thì trái lòng trời, dưới thì chuyên dùng vũ lực để mở rộng đất đai, đồ độc sinh dân hơn hai mươi năm. Vận trời tuần hoàn, có đi tất có lại. Cho nên khi quân nghĩa đứng dậy, là ruổi rong chiến thắng, trong có vài tháng, sự vật lại được như xưa. Duy còn một thành Đông Quan, tên đầu giặc là Vương Thông, còn chút thở thoi thóp, cứ khoe khoang chống cự.

Phàm quân sĩ của ta ở các Kinh. Lộ cùng với ngày trước các cánh quân Dục Thánh, Tả Hữu, Thiên Trường, Thiên Vồng, hoặc liệt vào hàng đầu nam ban, bắc ban, hoặc ngang với hàng Thiên Hoàng phế phủ, tôn thân, mà vẫn chưa thấy rõ được tâm trung can, chưa lập được cộng huân, dù sao các người cũng là hàng bấy tôi bình phong cứ nhớ đến công ông cha các người, đã một tâm tận trung vì quốc để rửa thù nước, nhục nước. thường lâm trận quyết thắng, cứ nghĩ tới điều trung thành ấy cũng đủ ban khen. Vậy đặc biệt sai cấp thưởng công lao các người. Các người cứ cố gắng.

求封奏文

(丁未天慶三年，當明宣德二年，八月，時黎太祖得號胡翁者于老撾國名陳嵩，稱為陳氏之後，因權立為帝，建元天慶遣使求封于明)。

安南國先陳主三世孫陳嵩，大頭目黎利，謹奏為求封事，臣竊惟臣國僻居荒裔，蔓隔華風，當太祖高皇帝龍飛之初，臣祖，先諸國而入貢，特承褒獎，錫以王爵。自是世守封疆，朝貢罔缺，頃以胡氏篡奪，覆臣宗祀，上欺朝廷，下重民苦，上天降禍，臣庶離心。太宗皇帝弗忍一方荼毒，興師問罪，克平之後復詔求陳氏子孫，謂已死滅無可繼立。乃復請置郡縣，將陳氏子孫陳元禧陳師錫陳光祉等數十人起送回京，盡行安排仍間設都布按三司府縣衛所衙門置官分治，然其所置之官，不為體朝廷綏撫遠人之意乃

專刻民肥己之謀任方面者不知大體
昧於承宣，踐烏臺者禁口無聲，坐視
民瘼，其牧民之官則不以撫字爲念而
務意侵漁。其將帥之臣則不以衛民爲
心而肆行凌虐，至若閹宦之徒，專以
聚歛爲意，'撝撝克良民，通取金寶，重山
竭澤，搜索靡遺，欲其泉貨之富則盡民
財之充丘壑之慾，欲廨宇之壯則奪民
時而興木土之功，公租之所入者一分
監臨之所資者過半，官吏之愛民者絕
無，而視民如仇讐者皆是。日甚一日。
民不聊生，若水益深，若火益熱。奈天
高而朝廷遠下情不能上達，而饑寒之
切于身，禮義有不暇顧，乃率衆以殺
其官吏，是蓋一時出於不得已，而冀
少緩於水火之極耳。臣竊身在
老撓國。十有餘年。至是，臣一
國之人不謀而同辭，乃自推
請，通脅臣於倉卒之間，不暇
簡擇，已俛狗鑿情以待明命，

宣德元年十一月日，臣還至本國，見臣國人已先將臣祖父境土，盡行收復，其新平順化，又安演州，清化前後衛昌江鎮夷市橋，三江，各處城池，俱已開城釋甲，就將和解，其衛所州縣等官，并一應官軍，臣一一收養，秋毫無犯，其總兵官王通陳智李安馬英方政，內官山壽馬騏等輩，亦已與臣講解，臣已請王通等遣人齎書回奏。然彼衆懼罪懷疑，自不敢行，臣等自知負罪深重，進退惟谷，然臣竊惟自古聖人若成湯武王之伐罪吊民，一皆出於天理之至公，非有一毫私意於其間，是以夏商雖滅而杞宋就封，或討或命，未嘗不體乎天，後以漢唐好大喜功而猶且霸廢臣國，置之度外。況我太祖高皇帝胎後條章，明明在上，太宗文皇帝許立陳氏子孫之詔書御筆未乾。伏惟皇帝陛下，聖神文武，審知聰明，好生之德既洽于民，一視之

仁 罔 有 攸 聞， 必 同 漢 武 下 輪 臺 之 詔，
必 若 唐 太 宗 新 市 之 師， 必 遵 承 太 祖 之
條 章， 必 舉 行 太 宗 之 明 詔， 必 赦 臣 丘
山 之 罪， 必 寬 臣 斧 鉞 之 誅， 使 臣 土 南
荒， 納 貢 天 闕， 是 則 非 獨 臣 一 人 之 幸，
臣 一 國 之 人 莫 不 歡 欣 踴 躍， 鼓 舞 皇
仁， 不 啻 若 陽 春 之 回 枯 朽， 溫 風 之 解 涸
寒 者 也。 臣 當 銘 心 刻 骨， 効 順 輸 忠， 奏
表 稱 臣， 歲 貢 罔 缺， 另 除 差 人 齎 捧 表
文 進 貢 方 物， 外 未 敢 自 專， 謹 具 奏 聞
伏 俟 勅 旨。



Phiên âm

CẦU PHONG TẤU VĂN

(Định mùi, Thiên Khánh tam niên, đương Minh, Tuyên Đức, nhị niên, bát nguyệt. Thời Lê Thái Tổ, đặc hiệu Hồ Ông giả vu Lão Qua quốc, danh Trần Cảo, xưng vi Trần thị chi hậu, nhân quyền lập vi đế, kiến nguyên Thiên Khánh, khiển sứ cầu phong vu Minh).

An Nam quốc, tiên Trần chủ tam thế tôn, Trần Cảo; đại đầu mục Lê Lợi, cần tấu vị cầu phong sự. Thần thiết duy thần quốc, tịch cư hoang duệ, man cách hoa phong. Đương Thái Tổ Cao Hoàng Đế long phi chi sở, thần tổ, tiên chư quốc nhi nhập cống, đặc thừa bao tửng, tích dĩ vương tước. Tự thị, thế thủ phong cương, triều cống vãng khuyết. Khoảnh dĩ Hồ thị thoán đoạt, phúc thần tôn tự. Thượng khi triều đình hạ trọng dân khổ. Thượng thiên giáng họa, thần thứ ly tâm. Thái Tôn Hoàng Đế phát nhân, nhất phương đồ độc hưng sự vấn tội. Khắc bình chi hậu, phục chiếu cầu Trần thị tử tôn. Vị dĩ tử diệt, vô khả kế lập. Nãi phục thỉnh trí quân huyện, Tương Trần thị tử tôn, Trần Nguyên Hy, Trần Sư Tích, Trần Quang Chỉ đẳng sở thập nhân, khởi tống hồi Kinh, tạn hành an tháp. Nhưng khai thiết đô, bố, án, tam ty, phủ, huyện, Vệ. Sở, Nha môn, trí quan, phân trị. Niên kỳ sở trí chi quan, bất thể triều đình tuy phủ viên nhân chi ý, nãi chuyên vi khắc dân phi kỷ chi mưu. Nhiệm phương diện giả, bất tri đại thể. Muội ư thừa tuyên. Tiễn Ô Đài giả cấm khẩu vô thanh, tọa thị dân mạc. Kỳ mục dân chi quan, tắc bất dĩ Phủ tự vi niệm nãi vụ ý xâm, ngư. Kỳ tướng súy chi thần tắc bất dĩ vệ dân vi tâm, nhi từ hành lãng ngược. Chi nhược yêm hoạn chi đồ chuyên dĩ tự ần vi ý. Bồi khắc lương dân, bức thủ kim bảo, Đồng sơn, kiệt

trạch. Sưu sách mi di. Dục kỳ tuyên hóa chi phú, tắc đồ dân tài dĩ sung khuru hác chi dục. Dục giải vũ chi trắng, tắc đoạt dân thời, nhi hưng mộc thổ chi công. Công tồ **chi sở nhập giả nhất phân**, lam lam chi sở tư giả quá bán. Quan lại chi ái dân giả tuyệt vô. Nhi thị dân như cừu thù giả giai thị. Nhật thậm nhất nhật. Dân bất liêu sinh. Nhược thủy ích thâm. Nhược hỏa ích nhiệt, Nại thiên cao nhi triều đình viễn. Hạ tình bất năng thượng đạt. Nhi cơ hàn chi thiết vu thân, lễ nghĩa hữu bất hạ cố. Nãi suất chúng dĩ sát kỳ quan lại. Thị cái nhất thời xuất ư bất đắc dĩ. Nhi kỳ thiếu hoãn ư thủy hỏa chi chững nhĩ.

Thần **soán thân** tại Lão Qua quốc, thập hữu dư niên. Chí thị, thần, nhất quốc chi nhân, bất mưu nhi đồng từ, nãi tự thôi thối bức hiếp thần ư thắng thốt chi gian, bất hạ giản trạch, dĩ phủ tuần dư tình, dĩ đãi triều mệnh. Tuyên Đức nguyên niên, thập nhất nguyệt nhật, thần hoàn chi bản quốc. Kiến thần quốc nhân, dĩ tiên tương thần tồ phụ cảnh thổ, tận hành thu phục. Kỳ Tân Bình, Thuận Hóa, Nghệ An, Diễn Châu, Thanh Hóa tiền hậu vệ, Xương Giang, Trấn Di, Thị Kiều, Tam Giang, các xứ thành trì, câu dĩ khai thành, thích giáp, tự tương hòa giải. Kỳ Vệ Sở Châu Huyện đẳng quan, tịnh nhất ứng quan quân. Thần, nhất nhất thu dưỡng, thu hào vô phạm. Kỳ Tổng Bình quan, Vương Thông, Trần Trí, Lý An, Mã Anh, Phương Chính, nội quan Sơn Thọ, Mã Kỳ đẳng bối, diệc dĩ dữ thần giảng giải. Thần dĩ thỉnh Vương Thông đẳng khiển nhân, tề thư hồi tấu. Nhiên bĩ chúng cụ tội hoài nghi, tự bất cảm hành. Thần đẳng tự tri phụ tội thâm trọng, tiến thoái duy cố. Nhiên thần thiết duy tự cố thánh nhân nhược Thành Thang, Vũ Vương chi phạt tội diếu dân, nhất giai xuất ư thiên lý chi chi công, phi hữu nhất hào tư ý ư kỳ gian. Thị dĩ Hạ, Thương tuy diệt, nhi Kỷ, Tống tự phong

Hoặc thảo, hoặc mệnh, vị thường bất thể hồ thiên. Hậu dĩ Hán, Đường hiếu đại, hỷ công, nhi do thả ky my thần quốc, trí chi độ ngoại. Huống ngã Thái Tổ Cao Hoàng Đế di hậu điều chương, minh minh tại thượng, Thái Tôn Văn Hoàng Đế, hứa lập Trần thị tử tôn chi chiếu thư. Ngự bút vị can.

Phục duy : Hoàng Đế Bệ Hạ. thánh thần văn vũ, duệ tri thông minh, Hiếu sinh chi đức ký hiệp vu dân, nhất thị chi nhân võng hữu du gián. Tất đồng Hán Vũ hạ Luân Đài chi chiếu. Tất nhược Đường Thái ban Tân thị chi sự. Tất tuân thừa Thái Tổ chi điều chương. Tất cử hành Thái Tôn chi Minh chiếu. Tất sá thần khuru sơn chi tội. Tất khoan thần phủ viết chi tru. Sử thần đắc thủ thổ nam hoang, nạp cống thiên khuyết. Thị tắc phi độc thần nhất nhân chi hạnh. Thần nhất quốc chi nhân, mạc bất hoan hân dưng được, cớ vũ hoàng nhân. Bất thị nhược dương xuân chi hồi khô hủ, ôn phong chi giải hỷ hàn giả dã.

Thần dương minh tâm khắc cốt, hiệu thuận du trung, tấu biểu xưng thần, tuế cống võng khuyết. Lánh trừ sai nhân tề phủng biểu văn tiến cống phương vật. Ngoại vị cảm tự chuyên. Cần cụ biểu văn. Phục hậu sắc chỉ.

Dịch nghĩa

BIỂU CẦU PHONG.

(Năm đinh mùi, niên hiệu Thiên Khánh thứ ba, triều Minh là Tuyên Đức năm thứ hai, tháng tám. Lê Thái Tổ tìm được Hồ Ông ở nước Lão Qua, tên là Trần Cảo, xưng là con

cháu họ Trần, nhân quyền lập lãm vua, lấy niên hiệu Thiên Khánh, sai sứ cầu phong triều Minh).

Nước An Nam, cháu đời thứ ba Trần chủ, là Trần Cảo, Đại Đầu Mục là Lê Lợi. kính cần tâu việc cầu phong :

Thần thiết nghĩ: Nước của thần, ở xa vào nơi man di không gần hoa hạ. Khi Thái Tổ Cao Hoàng Đế mới ngự ngôi trời thì ông của thần, trước tiên, trước các chư hầu, đã vào cống, và đã được đặc biệt khen thưởng, ban tước vương. Từ đó cứ giữ ngôi chức, triều cống không sai. Bỗng họ Hồ cướp ngôi, hủy bỏ cúng tế, trên thì dối triều đình, dưới thì hại nhân dân. Trời cao giáng họa, tôi con gian nan. Thái Tôn Hoàng Đế không nỡ để một phương bị đồ độc mới cho đem quân hỏi tộiⁱ Bình xong loạn, có cho tìm con cháu họ Trần. Thì tâu lên là đã chết cả, không còn ai nối nghiệp, và xin đặt nước làm quận huyện. Còn sót lại họ Trần những tên Trần Nguyên Hy, Trần Sư Tích, Trần Quang Chỉ độ vài chục người, cho đưa cả về Kinh an trí. Nhân dịp đặt ba Ty, cùng các phủ huyện, sở, vệ, nha, và chia ra các chức quan cai trị.

Tuy vậy, các quan được bổ nhiệm không làm theo ý muốn của triều đình là vỗ về yên trị dân phương xa. Bọn đó lại chuyên tâm nghĩ lợi cho mình, bất chấp là hại dân. Bọn được bổ nhiệm thì thừa hành mê muội như thế. Bọn gián quan ở nhà thì cấm khẩu, không lên tiếng, ngồi nhìn dân khổ. Bọn có phận sự chặn dặt dân, thì không lấy chữ (phủ dân) làm cốt yếu, mà chỉ vụ lợi tham nhũng. Bọn tương sủng thì không lấy chữ (vệ dân) làm cốt yếu, lại đi lộng hành lạng ngược. Cho đến cả bọn hoạn quan, cũng tha hồ đi vơ vét áp bức lương dân, thu nhặt vàng ngọc. Rừng núi không còn cây. Ao đầm không còn cá. Thuế má không có khoản nào sót. Muốn cố

chông làm giàu thì đục một dân, để phỉ lòng tham ô cao như gò, như núi. Muốn dinh thự cho sang trọng thì cướp thời gian, mùa màng của dân, sai đủ mọi công tác, làm đất, làm gỗ. Thuế có một phần, mà quan thu riêng quá nửa. Bọn quan lại yêu dân thì không còn có nữa. Chỉ có bọn coi dân như cừ thù. Mỗi ngày một tệ hơn. Dân không sống nổi. Như nước càng sâu, như lửa càng bốc. Tội thay trời thì cao, mà triều đình thì xa. Tình kẻ dưới không đạt lên trên được. Rồi đói rét thiết đến thân. Là thời không nghĩ gì đến lễ nghĩa. Cho nên, dân chúng được kéo đi giết bọn quan lại. Đó thực là một thời bất đắc dĩ, chỉ là tạm đỡ nạn nước lửa đã đến lúc cùng cực.

Thần ăn náu tại nước Lão Qua, hơn mười năm. Đến nay, các người trong nước, không cùng mưu, mà cùng một lời đến xin thần, bắt ép thần trong lúc thắng thốt, đành nghe theo chúng đề dọ mệnh triều đình sau. Niên hiệu Tuyên Đức năm đầu, ngày tháng mười một thần về tới bản quốc, thấy người trong nước đã sửa sang thu phục phần mộ tổ phụ thần. Rồi đến các thành trì các xứ Thị Kiều, Tam Giang, Xương Giang, Tân Bình, Thuận Hóa Nghệ, An, Diễn Châu, tất cả đều mở cửa thành, xếp áo giáp, tới xin hòa. Các quan coi Vệ, Sở, Châu, Huyện, tới nơi, thần đều thu nạp coi nuôi, tơ tóc không phạm. Các quan Tổng Binh, Vương Thông, Trần Tri, Lý An, Mã Anh, Phương Chính các nội quan Sơn Thọ, Mã Kỳ, đều cùng với thần hòa giải, Thần đã xin với bọn Vương Thông cho dâng biểu tâu về, nhưng bọn đó sợ tội, còn nghi ngại, không dám tự làm. Bọn thần đây, tự biết tội lớn, tiến thoái đều khó. Nhưng thần lại trộm nghĩ, từ xưa, thánh nhân, như Thành Thang, Vũ Vương, phạt tội điều dân, đều theo một lẽ trời rất công, chứ không có lấy một mảy may nào do ý muốn riêng. Vì thế Hạ, Thương tuy đã bị diệt, mà Kỳ, Tòng được đất phong. Dù đánh dẹp, dù phong thưởng, trường hợp nào cũng thể

theo lý trời, Về sau, Hán, Đường thích oai hùng, thích công danh, ấy thế mà các nước ky my xa xôi, như nước thần, còn đặt ra ngoài, không đếm kể. Huống chi đức Thái Tồ Cao Hoàng Đế ta để lại hiến chương rõ rệt, Thái Tồn Văn Hoàng Đế có chiếu hứa lập con cháu họ Trần, ngự bút hiện mực còn chưa khô.

Ngửa trông : Hoàng Đế Bệ Hạ, thánh thần văn vũ, tuệ trí thông minh. Đức hiếu sinh đã hợp lòng dân. Đức nhân không còn sợ. Tất như vua Hán Vũ xuống chiếu Luân Đài (1). Tất như Đường Thái Tôn ban sư Tân Thị (2). Tất tuân theo điều chương Thái Tồ. Tất thi hành minh chiếu Thái Tôn. Tất tha tội to tầy núi của thần. Tất khoan dung thần khỏi bị lưới phủ việt. Lại cho thần giữ cõi nam hoang nộp cống hiến về thiên khuyết. Đó không phải riêng may cho thần mà cả nước toàn dân đều mừng vui, ca ngợi hoàng ân, y như đương xuân làm cho cây khô tươi tốt, gió ấm thổi tan giá lạnh.

Thần xin minh tâm khắc cốt, hết sức hết lòng trung thuận dâng biểu xưng thần, hàng năm cống hiến không thiếu sót. Nay đặc sai người dâng biểu văn, tiến cống phụng vật, không, dám tự chuyên. Kính dâng lên. Ngửa trông sắc chỉ.



CHÚ THÍCH :

(1) Một trấn ở phía tây bắc nước Tàu, trước có quân đóng đồn, thời Hán mới bãi bỏ.

(2) Một trấn xứ bắc nước Tàu.

再與王通書

清化府知府黎某書復總兵官大人鈞
 坐前并列位大人等，昨日奉書，未蒙
 回答，差來通事，口說無憑，然前日之
 事，既往難追，自今而後悔不遑復，大
 人倘能念及安南一方之人，旬旬無知
 ，不忍使其無辜而受戮，則前日之言
 可以不負矣。

Phiên âm.

TÀI DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ

Thanh Hóa phủ, Tri Phủ Lê mỗ, thư phục Tổng Binh
 quan đại nhân quân tọa tiền, tịnh liệt vị đại nhân đẳng, Tạc
 nhật, phụng thư, vị mông hồi đáp, sai lai thông sự. Khẩu thuyết
 vô bằng. Nhiên tiền nhật chi sự ký vãng nan truy. Tự kim nhi
 hậu, hối bất viễn phục. Đại nhân, thắng năng niệm cập An
 Nam nhất phương chi nhân bồ bạc vô tri, bất nhẫn sử ký
 vô cô nhi thụ lục, tắc tiền nhật chi ngôn khả dĩ bất phụ hĩ.

Dịch nghĩa

LẠI CÓ THƯ GỬI VƯƠNG THÔNG

Tri Phủ phủ Thanh Hóa là Lê Mỗ, thư gửi quan Tổng
 Binh đại nhân cùng chư vị đại nhân, Hôm trước có thư

trình, chưa có hồi đáp, cho người thông sự tới thì khẩu thiết vô bằng. Tuy nhiên việc bữa trước đã qua thì khó mà lấy lại. Từ nay về sau, chắc không có xảy ra nữa. Đại nhân nếu như nghĩ tới người An Nam một phần, không được biết việc gì, mà không nỡ gieo tội vạ để đến bị chết, nếu còn nghĩ thế, thì lời nói lần trước, có thể còn nguyên, không bị ăn lời.

抑 齋 遺 集 卷 之 四 完

Ức Trai Di Tập, quyền chi tứ hoàn.

Ức Trai Di Tập, quyền thứ Tư, hết.



QUYỀN V
SỰ TRẠNG

卷 之 五

事 狀

抑齋詩集序陳克儉撰

先生上福縣藝溪人，父姓阮，諱飛卿，號藝溪先生，中進士第二名，歷官通章大夫大理寺卿兼中書侍郎，翰林院學士，太子左贊善大夫國子監司業。賜金魚袋上輕車都尉。先生諱鵬，號抑齋，二十一歲中進士第四名，爲中書御史臺正掌（范譜云胡末歸？徒）及北兵竊據，公素善天文知我國真主興，欲往爲輔，被北人矜留域中，常托國語首尾吟（其詩見國音集）。北人見公大才，欲得爲用，知公志不回，愈加敬遇後設計得脫，去謁太祖高皇帝于磊江，獻平吳策，是夜帝夢神人告以明日賞以良弼。及公來，狀貌宛如夢中所見。帝奇之，將授承旨學士，置諸左右。凡軍國機務，委公籌畫。及駐

營菩提，帝命隔層樓于菩提樹上，與城對峙，覘賊動靜。仍賜公侍坐第二層，日草往復書諭各城。仍挺身入城五次，謀和通使，却北兵還國，及大封功臣，加公冠服侯，賜國姓。凡國朝憲章制度禮樂，皆公所粉飾。歷官特進金紫榮祿大夫內行違門下省諫議大夫，翰林院承旨，入侍經筵，知制誥，行樞密院事，兼西北二道軍民簿籍，詞訟。掌五經博士，五衛禁兵，掌中書國史三館事等職。有詩集行于世（時洪德十一年庚子仲春穀日）。

Quyển Chi Ngũ.

Sự Trạng.

Phiên âm

ỨC TRAI THI TẬP TỰ. *Trần Khắc Kiệm soạn.*

Tiên sinh, Thượng Phúc huyện, Nhị Khê nhân. Tò tính Nguyễn, húy Phi Khanh, hiệu Nhị Khê Tiên Sinh. Trung tiến sĩ đệ nhị danh, Lịch quan, Thông Chương đại phu, Đại Lý Tự Khanh, kiêm Trung Thư Thị Lang, Hàn lâm viện Học Sĩ, Thái Tử, Tả Tán Thiện đại phu. Quốc Tử Giám Tư Nghiệp, tư kim ngư đại thượng Khinh Xa ĐỒ ÚY.

Tiên sinh húy Trãi, hiệu Úc Trai. Nhị thập nhất tuế, trúng tiến sĩ đệ tứ danh. Vi Trung Thư Ngự Sử Đài, Chính Chương. (Phạm phả văn : HỒ mặt quy (1). đồ). Cấp bậc bình thiết cử, Công tở thiện thiên văn, tri ngã quốc chân chủ hưng, dục vãng vi phụ. Bị bắc nhân cầm lưu thành trung. Thường thác quốc ngữ thủ vĩ ngâm (Kỳ thi kiến Quốc Âm Tập). Bắc nhân kiến công đại tài, dục đắc vi dụng. Tri công chí bất hồi, dữ gia kinh ngộ. Hậu thiết kế đắc thoát. Khứ yết Thái Tồ Cao Hoàng Đế vu Lỗi Giang, hiến Bình Ngô sách. Thị dạ Đế mộng thần nhân cáo dĩ minh nhật, tề dĩ lương bát. Cấp công lai, trạng mạo uyên như mộng trung sở kiến. Đế kỳ chi, tương thụ Thừa Chỉ Học Sĩ, trí chư tả hữu. Phàm quân quốc cơ vụ ủy công trù hoạch. Cấp trù doanh Bồ Đề, đế mệnh cách tăng lâu vu Bồ Đề thụ thượng, dữ thành đối trị, chiêm tặc động

CHÚ THÍCH : Bản in có một chữ nhòa, chưa biết là chữ gì. Bỏ không dịch.

tĩnh. Nhưng tứ công thị tọa đệ nhị tăng, Nhật thảo vãng phục thư, dụ các thành. Nhưng đĩnh thân nhập thành ngũ thứ. Giảng hòa thông sử, khước bắc binh hoàn quốc.

Cập đại phong công thần, gia công Quan Phục Hầu, tứ quốc tính. Phạm quốc triều hiến chương chế độ lễ nhạc, giai công sở phần sức. Lịch quan Đặc Tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Nội Hành Khiển Môn Hạ Tỉnh, Giám Nghị đại phu, Hàn lâm viện Thừa Chỉ, Nhập Thị Kinh Diên, Tri Chế Cáo, hành Khu Mật viện sự. Kiêm tây bắc nhị đạo quân dân bạ tịch từ tụng, chương Ngũ Kinh Bác sĩ, Ngũ Vệ Cấm Binh, chương Trung Thư Quốc Sử, Tam Quán sự đẳng chức. Hữu Thi tập thành vu thế.

Thời Hồng Đức thập nhất niên, canh tý trọng xuân' cốc nhật.



Quyển Thứ 5 — Các việc được chép

Dịch nghĩa

BÀI TỰA QUYỀN ỨC TRAI THI TẬP *Trần Khắc Kiệm soạn*

Tiên sinh người huyện Thượng Phúc làng Nhi Khê. Cha, họ Nguyễn, húy Phi Khanh, hiệu Nhị Khê Tiên Sinh. Đỗ Bảng Nhãn, làm quan đến chức Thống Chương đại phu, Đại Lý Tự Khanh, kiêm Trung Thu Thị Lang, Hàn Lâm Viện Học Sĩ, Thái Tử Tả Tán Thiện đại phu. Quốc Tử Giám Tư Nghiệp, được ban Kim Ngự Đại Thượng Khinh Xa Đô Úy.

Tiên sinh húy Trãi hiệu Ức Trai. Năm 21 tuổi đỗ tiến sĩ thứ tư, giữ chức Trung Thu Ngự Sử đài Chính Chưởng.

Khi đội quân phương bắc tới chiếm cứ, ông vốn sành khoa thiên văn, có biết là nước ta rồi có chân chủ. Ông muốn tìm tới giúp, mà bị giặc bắt giữ tại trong thành. Ông thường làm thơ nôm lối thủ vĩ ngâm (Thơ còn truyền trong tập Quốc Âm tập). Người bắc thấy ông có tài, ý muốn được đề dùng. Nhưng biết chí ông không theo thì lại càng kính nể. Sau ông lập kế thoát thân được, tới yết kiến Thái Tổ Cao Hoàng Đế tại Lỗi Giang hiến bài sách Bình Ngô. Đêm đó, trong mộng, vua thấy thần nhân báo cho biết ngày mai sẽ có người tài tới giúp. Khi ông tới, vua nhận thấy trạng mạo giống như người được thấy trong mộng mới lấy làm kỳ lạ rồi giao cho chức Thừa Chỉ Học Sĩ, đề ở gần luôn, phàm các việc quân việc nước, đều bàn định. Khi đóng quân

tại Bồ Đề, vua sai bắc gióng làm nhiều từng trên cây cao đối với thành giặc để coi xét tình hình giặc trong thành. Có cho ông hầu luôn ở từng hai. Hằng ngày thảo thư từ gửi đi khuyến dụ các thành về hàng. Có đến năm bận vượt hiềm vào thành. Ông giữ các công việc giảng hòa, thông sứ, coi sóc cho quân đội bắc về nước.

Khi phong công thần, ông được gia phong tước Quan Phục Hầu, được ban họ vua. Phàm ở triều Lê, các luật pháp, các lễ nhạc, đều do ông định đoạt. Làm quan kiêm các chức: Đặc tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Nội Hành Khiển Môn Hạ Tể, Giám Nghị đại phu Hàn Lâm viện Thừa Chỉ, Nhập Thị Kinh Diên, Tri Chế Cáo, hành Khu Mật viện sự, kiêm Nhị Đạo Quân Dân các xứ tây bắc về sổ sách, kiện tụng, Chương Ngũ Kinh Bác Sĩ, Ngũ Vê Cấm Binh, Lại chương cả Trung Thư Quốc Sử, Tam Quán sự.

Có tập thơ truyền lại,

Niên hiệu Hồng Đức năm thứ mười một. Canh tý, tháng hai, ngày tốt.



(按登科註云：公上福藥溪人，二十一歲中，今以甲子并之，當生於陳廢帝昌符四年庚申，上福青歲古屬國歲，見崖賢賦集)。

世編(藥溪族譜)云：

廳先祖貴鳳山縣(即鳳眼)支碑社(古屬京北處北江府今海陽至靈)有陰宅在藥溪。父應龍號飛卿登進士第二名，仕胡，娶司徒陳元旦之女生應，寶，飛熊，驪，四人，年七十三，適明人之亂，攜公父子三人，歸于萬山(范譜作北京)店。(後卒于此，次子飛熊歸葬拜望山故鄉)父晚之曰：我老矣。任汝弟從，惟吾平生最愛拜望山山水，骸骨歸墓足矣。我觀天文二十年後，西方必有真主興。汝宜決志于此，雪國之恥，復父之誓，正為大孝。豈區區膝下以為孝耶。公乃辭回求夢于夜澤。(或作鎮武觀)夢見告云：藍山黎利為天子乃尋到嘉江，遇黎太祖事之。

Phiên âm

(Án Đăng Khoa Chủ văn : Công, Thượng Phúc, Nhị Khê nhân. Nhị thập nhất tuế trúng, Kim dĩ giáp tý toán chi, đương sinh ư Trần Phế Đế, Xương Phù tứ niên, canh thân. Thượng Phúc, Thanh Uy, cổ thuộc Quốc Uy, kiến Quần Hiền Phú tập).

Thế Biên (tức Nhị Khê tộc phả) văn : Trãi, tiên tổ, quán Phụng Sơn huyện (tức Phụng Nhãn), Chi Ngại xã (cổ thuộc Kinh Bắc, Bắc Giang phủ, kim Hải Dương, Chí Linh). Hữu âm trạch tại Nhị Khê. Phụ, Ưng Long, hiệu Phi Khanh, đăng tiến sĩ đệ nhị danh. Sĩ Hồ. Thù Tư Đồ, Trần Nguyên Đán chi nữ, sinh Trãi, Bảo, Phi Hùng, Ly, tứ nhân, Niên thất thập tam, thích Minh nhân chi loạn, cầm công phụ tử tam nhân, quy vu Vạn Sơn (Phạm phả tác Bắc Kinh) điếm. (Hậu tốt vu thử. Thử tử Phi Hùng quy táng Bái Vọng sơn, cổ hương) Phụ hiệu chi viết : Ngã lão hỹ. Nhiệm nhữ đệ tông. Duy ngó bình sinh tối ái Bái Vọng sơn, sơn thủy, hải cốt quy táng túc hỹ. Ngã quan thiên văn, nhị thập niên hậu, tây phương tất hữu chân chủ hưng. Nhữ nghi quyết chí vu thử, tuyết quốc chi xỉ, phục phụ chi thù, chính vi đại hiếu. Khởi khu khu tất hạ dĩ vi hiếu gia. Công nãi từ hồi, cầu mộng vu Dạ Trạch (hoặc tác Trấn Vũ Quan). Mộng kiến cáo văn : Lam sơn Lê Lợi vi thiên tử. Nãi tầm đảo Lôi Giang Ngộ Lê Thái Tổ, sự chi.

Dịch nghĩa

(Coi sách Đăng Khoa có nói : Ông người làng Nhị Khê huyện Thượng Phúc. Năm hai mươi một tuổi đỗ tiến sĩ. Nay cứ tính theo can chi thì đặt năm sinh vào đời Phế Đế, niên hiệu Xương Phù năm thứ tư, canh thân (1380). Thượng Phúc trước là Quốc Oai, coi trong tập Quần Hiền Phú).

Theo Thế Biền (Nhị Khê tộc phả), về Trãi, tổ tiên, quán tại huyện Phụng Sơn, (tức là Phụng Nhãn) xã Chi Ngại (trước thuộc về xứ Kinh Bắc, phủ Bắc Giang, nay là Chi Linh, Hải Dương). Có phần mộ tại Nhị Khê. Cha tên là Ưng Long, hiệu là Phi Khanh, đỗ Bảng Nhãn, làm quan triều Hồ, lấy con gái quan Tư Đồ, Trần Nguyên Đán, sinh ra bốn người con : Trãi, Bảo, Phi Hùng và Ly. Năm bảy mươi ba tuổi, gặp loạn họ Hồ, ba bố con bị bắt tới chợ Vạn Sơn (Gia phả họ Phạm chép là Bắc Kinh) (Sau mất ở đó, con thứ là Phi Hùng, cải táng về quê cũ là Bái Vọng sơn). Cha có bảo các con rằng : Cha già rồi. Để một em nó theo thôi. Bình sinh, ta rất thích phong cảnh Bái Vọng sơn. Được đưa hài cốt về đó là đủ. Ta coi thiên văn hai mươi năm sau, ở phương tây sẽ có chân chúa hưng khởi, mày nên quyết chí theo đi, để rửa hận nước để rửa thù cha, thế là đại hiếu. Chứ cứ bo bo ở dưới gối, có phải là hiếu đâu.

Ông mới từ biệt lên đường về. Cầu mộng tại Dạ Trạch (có bản viết là Trần Vũ Quan). Mộng thấy thần bảo Lê Lợi ở Lam Sơn là Thiên Tử. Thế là công lần tới Lỗi Giang, gặp rồi phụng sự Lê Thái Tổ.



世傳先生精于術數，知我國旺氣當在清華，因往求，之及至藍山與太祖相遇，情願爲奴，太祖收之。居一年，日事耕作，宿于舍外，別無所見。一日遇皇考諱日，見太祖即坐几切肉食之，先生鄙爲蠻，乃辭去。至楊舍津留憩。見明人數四在別館暗，問此人何來，其中一人謂先生智士，擇君而往既見其君，再狐疑未定故去。先生聞之不以為意。前往諫口渡，留宿隔壁，有明人夜出望見天象常急呼同伴指示曰：安南將星象已顯現，吾輩當早去，不可以留。同伴問是何如體貌意象。其人曰：他是虎將多殺，且飲食粗惡。先生所之，乃反藍山，始細觀動靜。見每市太祖常買酒油携回，先者酒多於油，至是油多於酒。心覺之，一夕索太祖於寢所，不見，即潛入林中，登高望見山亞中有一棧光照耀。意太祖在

馬。乃登梯窺之，見太祖與黎受共算太乙，相語至亥年可云云。乃呼曰。主上錯算矣。太祖驚起，欲斬之，先生對曰：其所以委質主公，只為此爾。何乃相失，太祖揮劍曰：家臣亦有知乎。曰某所素講明也。太祖啟座賜之坐。命索之，先生布算曰：百年即其數也。自是凡有計議必與之同。先是太祖，與同鄉黎受謀起兵，未敢發，及得先生乃定，詳見功臣黎受譜記。

Phiên âm

Thế truyền tiên sinh tinh. vu thuật số, tri ngã quốc vượng khí đương tại Thanh Hoa. Nhân vãng cầu chi. Cập chí Lam Sơn, dũ Thái Tồ tương ngộ, tình nguyện vi nô. Thái Tồ thu chi. Cư nhất niên, nhất sự canh tác. Túc vu xá ngoại. Biệt vô sở kiến. Nhất nhật ngộ Hoàng khảo hủ nhật. Kiến Thái Tồ tức tọa kỷ thiết nhục thực chi. Tiên sinh bỉ vi man, nãi từ khứ. Chí Dương Xá tân lưu khế. Kiến Minh nhân sở tứ tại biệt quán đồ, vãn thử nhân hà lai. Kỳ trung, nhất nhân, vị tiên sinh, trí sĩ, trạch quân nhi vãng, ký kiến kỳ quân, tái hồ nghị, vị định, cổ khứ. Tiên sinh vãn chi bất dĩ vi ý. Tiền vãng Gián Khẩu độ. lưu túc. Cách bích, hữu Minh nhân dạ xuất, vọng kiến thiên tượng. Thường cấp hô đồng bạn, chỉ thị viết: An Nam tướng tinh tượng, dĩ hiển hiện, ngộ bối đương tảo khứ, bất khả cửu lưu. Đồng bạn vãn thị hà như thế mạo

ý. tượng. Kỳ nhân viết : Tha thị hồ tướng đa sát, thả ẩm thực thô ác. Tiên sinh sở chi. Nãi phản Lam Sơn. Thủy tế quan động tĩnh. Kiến mỗi thị, Thái Tồ, thường mãi tửu, du, huê hồi. Tiên giả tửu đa ư du. Chí thị du đa ư tửu. Tâm giác chi. Nhất nhật sách Thái Tồ ư tâm sở, bất kiến. Tức tiềm nhập lâm trung, đẳng cao vọng kiến sơn dữu trung hữu nhất sạn quang chiếu diệu, ý Thái Tồ tại yên. Nãi đẳng thê khuy chi. Kiến Thái Tồ dữ Lê Thụ cộng toán thái ất. Tương ngữ chí hợi niên khả vân vân... Nãi hô viết : Chủ thượng thổ toán hỹ. Thái Tồ kinh khởi dục trảm chi. Tiên sinh đối viết : Mỗ sở dĩ ủy chí chủ công, chí vị thử nhĩ. Hà nãi tương thất. Thái Tồ trịch kiếm viết : Gia nô diệc hữu tri hồ. Viết : Mỗ sở tổ giảng minh dã. Thái Tồ khái phi tứ chi tọa. Mệnh sách chi. Tiên sinh bố toán viết : Dậu niên tức kỳ số dã. Tự thị phạm hữu kế nghị, tất dữ chi đồng. Tiên, thị, Thái Tồ dữ đồng hương Lê Thụ, mưu khởi binh. Vị cảm phát. Cặp đặc tiên sinh, nãi định. Tường kiến. Công thần Lê Thụ phá ký.

Dịch nghĩa

Tương truyền, tiên sinh sành về thuật số, biết rằng vương khí nước ta tụ tại Thanh Hoa. Nhân tới đó tìm. Khi tới Lam Sơn, gặp Thái Tồ, tình nguyện xin làm tôi tớ. Thái Tồ nhân. Ở một năm, chuyên việc cấy cấy, ngủ ở các gian ngoài. Ít khi thấy có việc gì lạ. Một hôm nhân Thái Tồ có giỗ hoàng khảo (giỗ bố), tiên sinh thấy Thái Tồ thái thịt trên thớt rồi ăn, mới sinh ra khinh bỉ. Rồi từ bỏ đi. Đi tới bến Dương Xá, nghỉ lại. Có mấy người Tàu ở quán trọ, trông thấy hỏi nhau ai đó. Trong bọn, một người nói : Đó là hạng trí sĩ đi tìm chủ, đã thấy được chủ lại còn hồ nghi, cho nên bỏ đi. Tiên

sinh nghe, rồi cũng không đề ý. Hôm sau, đi tới bến Gián Khẩu, đêm nghỉ lại quán trọ, Bên kia vách, có người tàu, đem ra sân coi thiên văn, vội gọi bạn ra chỉ lên trời nói : Tướng An Nam, tướng tinh đã hiện rồi, lũ ta nên đi đi thôi, không nên ở lâu. Người bạn hỏi, hình dáng thế nào. Đáp : Người đó là hồ tướng, tính hay giết người, ăn uống thì thô lỗ. Tiên sinh nghe xong, mới quay trở lại Lam Sơn. Xem xét cẩn thận. Thì thấy, xưa, Thái Tồ, mỗi khi ở chợ về, có đem theo rượu và dầu, rượu thường nhiều hơn dầu. Nay thì thấy dầu nhiều hơn rượu. Coi biết thế. Một đêm, nọ thấy Thái Tồ không có ở nơi giường nằm, tiên sinh mới đi vào rừng tìm. Lên cao nhìn từ phía, thấy phía trong cửa núi, nơi nhà sàn có ánh sáng đoán là Thái Tồ ở đó, mới leo lên dóm ngó, thấy Thái Tồ đang cùng Lê Thụ tính số thái ất. Bàn rằng tới năm hợi thì có thể làm việc nọ việc kia. Tiên sinh mới nói to : Chủ thượng tính sai. Thái Tồ giật mình, đứng dậy, rút gươm, Tiên sinh nói : Tôi sợ dĩ theo ông chỉ vì thế, sao ông lại không biết. Thái Tồ vút gươm nói : Tôi tớ mà cũng biết tính ư. Đáp : Tôi rất sành. Thái Tồ mở cánh phen ra cho ngồi, cùng tính số. Tiên sinh cho năm dậu là đúng. Từ đó trở đi, hễ có việc nghị bàn, là có tiên sinh. Trước kia chỉ có người cùng làng, là Lê Thụ cùng mưu khởi binh, nhưng chưa dám. Đến khi có tiên sinh mới quyết định. Coi rõ ở mục Công thần Lê Thụ phả ký.



通史，太祖初爲可藍輔導時，方聞胡蓋陳，帝居鄉讀經史，究兵法，守己待時。迨北兵擒陳氏送金陵，郡縣我國。帝潛有恢復之志，虛己下賢，散財養士，黎文安，黎文靈，裴國興阮鵬，劉仁澍，鄭無，武威，恭柳，黎車雷等，皆一時豪傑，並來歸附。帝傾身體接，密謀舉義，時有杜富詐明官，率衆逼帝投洛水（今錦水）戊戌正月，帝建義於藍山稱平定王，命黎展，黎掄，黎寧，黎妙，黎禮，黎翼，黎汝荒，黎弄，黎固，鄭磊，鄭梅，黎先，黎培，黎車雷，黎克復，黎定，黎朗，黎問，黎蘭，黎誰，黎祐，黎度，黎謙，黎禎，黎林，劉漳，黎驗，黎女教，陳運，陳稱，黎景壽，范龍，范基，黎察，張雷，鄭可，裴國興，黎亨，黎柳，黎如覽，黎可朗，武威，鄭無劉真，陳忽，杜秘，阮薦，黎文靈，黎慎，黎文安，爲相將，分率鐵突勇士，出與明人對敵。時將微兵少。而

明兵四萬五千餘人，象馬殆以百數，走入慳沒（今慳正）因住鄭阜夾哀牢地界。人種糧少。路絕往來處靈山慳谷幾十餘日。以爲餘糧蜂蜜爲食。乃令逆牒文往告哀牢國王，謂國家有欽奉大明頒賜牒文可資五月兵糧并器械戰象速來謁見受命頒行，以免捉解，若不如命，即加差車里老撾等六國進討，哀牢懼，聽命，帝得其資軍勢復振。



Phiên âm

THÔNG SỬ.

Thái Tổ sơ vi Khả Lam Phụ Đạo thời, phương nhuận
 HỒ thoán Trần. Để cư hương độc kinh, sử, cứu binh pháp, thủ
 kỹ dài thời. Đâu bắc binh cầm Trần thị tổng Kim Lăng, quận
 huyện ngũ quốc. Để tiềm hữu khôi phụ chi chi. Hư kỷ hạ hiền.
 Tấn tại đường sĩ. Lê văn An, Lê văn Linh, Bùi Quốc Hưng, Nguyễn
 Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Vô, Vũ Uy, Lê Liễu, Lê Xa Lôi đẳng,
 giai nhất thời hào kiệt, tịnh lai quy phụ. Để khuynh thân lễ
 uếp, mật mưu cư nghĩa. Thời hữu Đỗ Phú trách Minh quan, suất
 chung đức de, đau Lạc Thủy (kim Cầm Thủy). Mậu tuất, chính
 nguyệt, de kien ngựa ư Lam Sơn, xưng Bình Định Vương.
 Mượn Lê Du, Lê Ninh, Lê Diệu, Lê Lễ, Lê Hiếu, Lê Nhữ Tri,
 Lê Lộng, Lê Cổ, Trịnh Lôi, Trịnh Hối, Lê Miên, Lê Bồi, Lê Xa
 Lôi, Lê Khắc Phục, Lê Định, Lê Lăng, Lê Văn, Lê
 Lan, Lê Cường, Lê Hồ, Lê Độ, Lê Khiêm, Lê Trinh, Lê
 Lâm, Lê Đàm, Lê Nghiêm, Lê Nhữ Giáo, Trần Văn,
 Trần Xung, Lê Cảnh Thọ, Phạm Lung, Phạm Quý, Lê Xát,
 Trương Lợi, Trịnh Khả, Bùi Quốc Hưng, Lê Nỗ, Lê Liễu, Lê
 Như Lam, Lê Khả Lăng, Vũ Uy, Trịnh Vô, Lưu Hoạn, Trần
 Hoi, Do Di, Nguyễn Trãi, Lê văn Linh, Lê Thận, Lê văn An,
 vi tương tương, phân suất thiết đột dũng sĩ, xuất dữ Minh
 nhân doi diện. Thời tương vi, binh thiếu, nhi Minh binh, tứ
 vạn ngũ thiên dư nhân, tượng mã dãi dĩ bách số. Tàu nhập
 Mang Một (kim Mang Chính). Nhân trụ Trịnh Cao giáp Ai
 Lao địa giới. Nhân hy, lương thiếu, Lộ tuyết vắng lai. Xử
 Lam sơn, mang-cốc kỷ thập dư nhật, dĩ vũ-dư-lương phong
 mặt vi tước. Nãi lĩnh đệ điệp-văn vắng cáo Ai Lao quốc vương:
 Vị, hữu khâm phụng Đại Minh ban tứ điệp-văn, khả tư ngũ
 nguyệt bình lương tịnh khí giới chiến tượng, tốc lai yết kiến

thụ mệnh ban hành, dĩ miễn xúc giải. Nhược bất như mệnh, tức gia sai Xa Lý, Lão Qua đẳng lục quốc tiến thảo. Ai Lao cụ thỉnh mệnh, Đế đặc ký tư. Quân thế phục chấn.

Dịch nghĩa

THEO THÔNG SỬ.

Thời Thái Tổ còn làm Phụ Đạo Khả Lam, họ Hồ cướp ngôi nhà Trần. Đế ở nhà đọc Kinh, Sử, nghiên cứu binh pháp, nghỉ việc đời thời. Đến khi thấy quân tàu bắt họ Trần đưa tới Kim Lăng, đặt nước ta thành quận huyện tàu, đế mới có chí ngấm ngầm phục quốc. Nhún mình tiếp đón người hiền tài, đem của cải ra nuôi tướng tá. Bọn hào kiệt tới quy phụ kể như Lê Văn An, Lê Văn Linh, Bùi Quốc Hưng, Nguyễn Trãi, Lê Nhân Trú, Trình Vô, Vũ Uy, Lê Liễu, Lê Xa Lôi. Đế nhún nhường đón tiếp, mặt bàn khởi nghĩa. Khi đó có, Đỗ Phủ, đã làm quan nhà Minh cầm đầu dân chúng, tới áp bức. Vua phải lui về Lạc Thủy (nay là Cẩm Thủy).

Năm mậu tuất, tháng giêng, vua dựng cờ nghĩa ở Lam Sơn, xưng là Bình Định Vương, phong chức tướng văn tướng võ, để chia coi dững sĩ đương đầu với giặc Minh. Các tên là Lê Nghiêm, Lê Du, Lê Ninh, Lê Diệu, Lê Lễ, Lê Hiếu, Lê Như Tri, Lê Lộng, Lê Cố, Trình Lôi, Trình Hối, Lê Miễn, Lê Bối, Lê Xa Lôi, Lê Khắc Phục, Lê Định, Lê Lăng, Lê Văn, Lê Lan, Lê Cuồng, Lê Hồ, Lê Độ, Lê Khiêm, Lê Trinh, Lê Lâm, Lê Đàm, Lê Nghiêm, Lê Nhữ Giáo, Trần Văn, Trần Xung, Lê Cảnh Thọ, Phạm Lung, Phạm Quý, Lê Sát, Trương Lôi, Thịnh Khả, Bùi Quốc Hưng, Lê Nỗ, Lê Liễu, Lê Nhữ Lâm, Lê Khả Lăng, Vũ Uy, Trình Vô, Lưu Hoạn, Trần Hối, Đỗ Bi, Nguyễn Trãi, Lê

Linh, Lê văn Thận, Lê văn An. Đương thời, tướng thì kém, binh thì ít mà quân Minh tính ra có hơn bốn vạn năm nghìn, voi ngựa kẻ hàng trăm, ra vào đất Mang Một (nay là Mang Chính). Quân của vua đóng tại Trình Cao, đất giáp giới nước Ai Lao. Dân ít, lương không cung đủ. Đường đi lại bị cắt. Ở nơi Linh Sơn. khe núi, kẻ đến hơn mười ngày. Lấy rễ, củ, mật rừng thay cơm. Vua mới sai tổng điệp văn tới vua nước Ai Lao nói là nước phụng mệnh nhà Đại Minh, cho lấy năm tháng lương, cùng khí giới, voi ngựa, phải nộp tới ngay, khỏi đề thúc dục. Nhược bằng không tuân mệnh, tức thì sai sáu nước thuộc về Xa Ly, Lão Qua, tới trị tội. Ai Lao sợ, tuân mệnh ngay. Vua có lương. Thế quân lại phấn khởi.

(1427)

丁未（明宣德二年）春正月，平定王以翰林承旨學士阮鵬爲朝列大夫，入內行遣吏部尚書兼樞密院事。時王進軍瀘江北岸，命將分屯東都，城攻圍益急。於菩提營構層樓，高準報天塔，登樓樓望城中動靜，賜鵬侍坐第二層，領旨草往復書札。又遣降人曾指揮，隨鵬招諭三江城。其守將劉清等出降。及柳昇敗，王通等在城困迫，責書求和，諸將多勸王殲之，惟行遣鵬侍坐帷帳，見通蠟書言：勿以一隅之地勞萬里之師，使用兵如原征之數，得六七大將如張輔等方可圖之，縱得之不可守之。故鵬審知虛實，專主講和。王從其議，命諸將解圍而退。後通不待命而班師者，以往復書詞諄切，皆鵬奉旨撰也。時王得胡翁之子陳嵩，遣人撰求封書，差人進表，乞立爲陳氏後。沐晟即行飛表，明帝得表，諭羣臣曰：論者不過止戈之意，必謂從之

不武。苟得民安，朕何恤于人言，乃遣使封葛爲安南國王，勅罷南征兵。見聞小錄云：不戰而下東都，以和好結局阮勇之策，史記云：帝之用兵，能以柔制剛，弱制強，多至克捷，其又安，順化西都東都諸域，皆命文臣阮應作書諭之，不戰而降。

Phiên âm

Đinh mùi (Minh Tuyên nhị niên) Bình Định Vương dĩ
 Hàn Lâm Thừa Chỉ, Học Sĩ, Nguyễn Trãi vi Triều Liệt Đại
 Phu, Nhập nội Hành khiển, Lại bộ Thượng Thư, kiêm Khu
 Mật viện sự. Thời, Vương tiến quân Lô Giang, bắc ngạn,
 mệnh tướng phân đồn Đông Đô thành, công vi ích cấp U
 Bồ Đề doanh, cấu tầng lầu, cao chuẩn Báo Thiên tháp. Đăng
 lầu thê vọng thành trung đông tĩnh. Từ Trãi thi toa đề
 nhị tầng. Lĩnh chỉ thảo vãng phục thư trát. Hưu khiển hàng
 nhân, Tăng Chỉ Huy tùy Trãi chiêu dụ Tam Giang thành.
 Kỳ thủ tướng Lưu Khanh đẳng xuất hàng. Cấp Liễu Thăng
 bại Vương Thông đẳng tại thành khốn bách. Lại thư cầu
 hòa. Chư tướng đa khuyến vương tiêm chi. Dục Hành Khiển
 Trãi thị tọa duy ác, kiến Thông lập thư, ngôn : Vật dĩ nhất
 ngưng chi địa, lao vạn lý chi sự. Sử dụng binh như nguyên
 chinh chi số đắc lục thất đại tướng như Trương Phụ đẳng,
 phương khả đồ chi. Túng đắc chi, bất khả thủ chi. Cố Trãi
 thâm tri hư thực, chuyên chủ giảng hòa. Vương tòng kỳ
 nghị. Mệnh chư tướng giải vi nhi thoái. Hậu Thông bắt
 đãi mệnh nhi ban sự giả. Dĩ vãng phục thư từ, truân thiết
 giai Trãi phụng chỉ soạn dã. Thời Vương đắc Hồ Ông chi
 tử, Trần Cao, khiển Trãi soạn cầu phong thư. Sai nhân tiến
 biểu, khất lập vi Trần thị hậu. Mộc Thạnh tức hành phi tấu.
 Minh Đế đắc biểu, dụ quần thần viết : Luận giả bất đạt chỉ
 qua chi ý, tất vi tòng chi bất vũ. Cầu đắc dân an, trảm
 hà tuất vu nhân ngôn. Nãi khiển sử phong Cảo vi An Nam
 quốc vương. Sắc bãi nam chinh binh.

Kiến Văn tiêu lục văn : Bất chiến nhi hạ Đông Đô
 dĩ hòa hiếu kết cục, Nguyễn Trãi chi sách. Sử ký văn : Đế
 chi dụng binh năng dĩ nhu chế cương, nhược chế cường,

đa chỉ khắc tiếp. Kỳ Nghệ An, Thuận Hóa, Tây Đô, Đông Đô chur thành, giải mệnh văn thần Nguyễn Trãi tác thư dụ chi. Bất chiến nhi hàng.

Dịch nghĩa :

Năm đinh mùi (ở nước Tàu là triều Minh niên hiệu Tuyên Đức năm thứ hai), mùa xuân, tháng giêng. Bình Định Vương, cho Hàn Lâm Thừa Chỉ Học Sĩ Nguyễn Trãi làm Triều Liệt đại phu, Nhập Nội Hành khiển, Lại Bộ Thượng Thư, kiêm Khu Mật viện sự. Khi đó vua tiến quân tại bờ phía bắc sông Lô, sai các tướng chia đánh các đồn vây thành Đông Đô, đánh gấp. Ở đất Bồ Đề, dựng một lầu cao bằng tháp Báo Thiên, để đứng trên lầu coi xét quàn dịch trong thành, Vua cho Trãi ngồi ở tầng thứ hai chuyên việc thư từ giao dịch với giặc. Lại sai hàng tướng là Tăng chỉ huy theo Trãi đi chiêu dụ thành Tam Giang. Viên tướng giữ thành là bọn Lưu Thanh ra hàng. Đến khi Liễu Thăng thua rồi bọn Vương Thông trong thành, tình thế khôn cấp, dâng thư xin hòa. Các tướng phần đông khuyên vua đánh, giết hết đi. Duy có quan Hành Khiển Trãi, hăng bàn việc trong trường, khi vừa đọc văn thư của Vương Thông là nói : Không nên vì một khoảnh đất mà chuyển động muôn dặm quân binh. Ví như giặc có đủ quân sĩ buổi đầu, có đến sáu bảy đại tướng vào cỡ Trương Phụ, ta vẫn có thể thắng được. Nhưng thắng xong, liệu giữ được không, Trãi biết rõ hư, thực nên hay không nên, mới chuyên về nghị hòa. Vua theo đế nghị, mệnh cho các tướng giải vây, lui ra. Về sau, Thông cũng không dợi mệnh chú, cứ việc ban sư trước. Về thư từ đi lại, đều là Trãi phụng chỉ viết.

Thời đó, vua có được con tên Hồ Ông, xưng là Trần Cảo Vua sai Trãi soạn thư cầu phong, sai sứ dâng biểu, xin đặt lại

họ Trần. Mộc Thạnh vội phi tấu về tâu. Vua nhà Minh nhận được biểu, dụ các quan rằng : Bọn nghị sự không rõ ý ngừng can qua, tất cho là thiếu uy vũ. Nhưng nếu như dân được yên, thì trăm ngại gì các lời nghị bàn đó. Thế là sai sứ phong cho Cảo làm An Nam Quốc Vương, và sắc bãi quân nam chinh.

Sách Kiến Văn tiểu lục có chép : Không chiến mà hạ xong Đông Đô, lấy hòa hiếu kết cục, là mưu kế Nguyễn Trãi. Sử chép : Vua dùng binh thường lấy mềm chế cứng, lấy yếu thắng mạnh, rồi tới toàn thắng. Các xứ Nghệ An, Thuận Hóa, Tây Đô, Đông Đô, đều do văn thần Nguyễn Trãi viết thư khuyên dụ, không phải chiến mà rồi hàng cả.

順天元年（黎太祖紀）戊申夏四月，平定王即皇帝位，命阮應作平吳大誥。（通史云：戊戌帝為明將政急駐鄭阜，問諸將誰肯易袍以代，皆不敢應。德江冊人黎來奮然願往。帝仰天祝曰：後日，朕有天下朕與子孫不幹其功，願草殿成山林，寶印成銅，神劍成刀兵。來飛馬入陣為其所執，加以極刑，賊遂退，順天元年，第為一等功臣，命阮應載約誓詞藏于金匱）。戊申，順天元年二月，定封功臣，凡鐵突火首軍人者，於隴崖勤勞有功等項，該一百二十二。等一功賜國姓黎歸黎毓等五十二人，為崇祿大夫左金吾衛大將軍爵上智字。第二功賜國姓黎蒲黎列黎考等七十二人，為忠亮大夫左捧神衛將軍爵大智字，第三功賜國姓黎禮，黎猷等九十四人，為忠武大夫鈞鈴大將軍爵智字。分國中為十五道，置行遠，分掌軍民簿籍，秋八月，定功行封，視功之高下，定為等級，以承旨阮

鴈爲冠服侯，司徒陳抃爲左相國樞密大使，范文巧爲太保並賜國姓。

二年己酉詔內外文武官有精通經史悉集會試送諸府路軍人山林隱逸，有通經史工文藝聽候省堂通身入場。中者選用。題詞用尚書藝文靈，監試御史兼承旨阮鴈。是時帝御菩提營考試宏詞科（題用真儒正直詩天下勤王檄）。首取阮天錫，陶公撰，程舜俞，潘孚先等六人（出登科錄武惟斷原本）。

己酉二年，立長子右相國思齊爲國王，攝行國事，次子梁郡公元龍爲皇太子，命武自總管，文自行遣以上有男九歲以上，十五歲以下，入侍太子，武自同知以下，文自尚書以下，有男九歲以上，十七歲以下，入國子監讀書。封拜功臣九十三員，以次封縣上侯亞侯鄉侯，事侯各有差。

六年癸丑秋八月，太祖崩葬蓋山永陵十一月阮鴈奉敕撰神道碑記。

Phiên âm

Thuận Thiên nguyên niên (Lê Thái Tổ kỷ), mậu thân, hạ tứ nguyệt, Bình Định Vương tức Hoàng Đế vi, mệnh Nguyễn Trãi tác Bình Ngô đại cáo.

Thông sử văn : Mậu tuất, đế vi Minh tướng công cấp. Trụ Trịnh Cao. Văn chư tướng thù khảng địch bào, dĩ đại. Giai bất cảm ứng. Đức Giang Sách nhân, Lê Lai, phần nhiên nguyên vãng. Đế ngưỡng thiên chúc viết : Hậu nhật, trăm hữu thiên hạ, trăm dữ tử tôn bất chần kỳ công, nguyên thảo điện thành sơn lâm, bảo ấn thành đồng, thần kiếm thành đao binh. Lai, phi mã nhập trận, vi kỳ sở chấp, gia dĩ cực hình. Tặc tuy thoai. Thuận Thiên nguyên niên, đệ vi nhất đẳng công thần, mệnh Nguyễn Trãi tài ước thế tử tàng vu kim quỹ. Mậu thân, Thuận Thiên nguyên niên, nhị nguyệt, định phong công thần. Phạm thiết đột hỏa thủ, quân nhân giả, ư lũng nhai cần lao hữu công đẳng hạng, cai nhất bách nhị thập nhị nhân. Đệ nhất công tử quốc tính, Lê Quy, Lê Dục, đẳng, ngũ thập nhị nhân, vi Vinh Lộc đại phu, Tả Kim Ngô Vệ Đại Tướng quân, tước Thượng Trí tự.

Đệ nhị công, tử quốc tính, Lê Bồ, Lê Khắc, Lê Khảo đẳng, thất thập nhị nhân vi Trung Lượng đại phu, Tả phủng Thần Vệ Tướng quân, tước Đại Trí tự. Đệ tam công, tử quốc tính, Lê Lễ, Lê Hiến đẳng cửu thập tứ nhân, vi Trung Vũ đại phu, Quân Linh Đại Tướng quân, tước Trí tự. « Phân quốc trung vi thập ngũ đạo, trí Hành Khiển, quân dân bạ tịch.

Thu bát nguyệt định công hành phong. Thị công chi cao hạ, định vi đẳng cấp. Dĩ Thừa Chỉ Nguyễn Trãi vi Quan Phục

Hầu. Tư Đồ Trần Hân vi Tả Tướng quốc Khu Mật Đại Sư.
Phạm Văn Sảo vi Thái Bảo. Tỉnh từ quốc tỉnh

Nhi niên, kỷ dậu, chiếu nội ngoại văn vũ quan, hữu tinh thông Kinh Sử, tất tập hội thí. Quân nhân, sơn lâm, ẩn dật hữu thông Kinh, Sử, công văn nghệ, thỉnh hậu tỉnh đường thông thân nhập trường. Trúng giả tuyển dụng. Đề Điều dụng Thượng Thư Lê Văn Linh, Giám Thí, Ngự Sử kiêm Thừa Chỉ Nguyễn Trãi, Thị thời, đề ngự Bồ Đề Dinh, khảo thí Hoành Từ Khoa. (Đề dụng chân nho chính trực thi, thiên hạ cần vương hịch). Thủ thủ. Nguyễn Thiên Tích. Đào Công Soạn, Trình Thuấn Du. Phan Phu Tiên đẳng lục nhân (Xuất Đẳng Khoa lục Vũ Duy Đoán nguyên bản).

Kỷ dậu nhị niên, lập trường tử Hữu Tướng quốc Tư Tề vi Quốc vương, nhiếp hành quốc sự, Thử tử Lương Quận Công Nguyễn Long vi Hoàng Thái Tử. Mệnh, vũ, tự Tổng Quân, văn, tự Hành Khiển dĩ thượng. hữu nam cửu tuế dĩ thượng, thập ngũ tuế dĩ hạ, thập nhị Thái Tử. Vũ tự Đồng Tri dĩ hạ, văn tự Thượng Thư dĩ hạ, nhập Quốc Tử Giám đốc thư.

Phong bá công thần cửu thập tam viên. Dĩ thứ phong Huyện, Thượng Hầu, Á Hầu, Hương Hầu, Đình Hầu, Các hữu sai.

Lục niên, quý sửu, thu, bát nguyệt, Thái Tổ băng. Táng Tam Sơn, Vĩnh Lăng. Thập nhất nguyệt, Nguyễn Trãi phụng sắc, soạn thần đạo bi ký.

Dịch nghĩa

Niên hiệu Thuận Thiên năm đầu, (Lê Thái Tổ), năm mậu

thần, mùa hạ, tháng tư, Bình Định Vương lên ngôi Hoàng Đế, mệnh cho Nguyễn Trãi làm bài Bình Ngô đại cáo.

Thông sử chép : Năm mậu tuất, vua bị tướng Minh đánh gấp. Đổng quân tại Trịnh Cao, hỏi các tướng ai thuận đổi áo chết thay. Không ai dám. Có người ở Đức Giang là Lê Lai khảng khái xin thay. Vua mới ngửa mặt lên trời khẩn rằng : Ngày sau có được thiên hạ, trăm cùng con cháu, nếu không nhớ đến công, thì xin cung điện thành rừng núi, ấn vàng thành ấn đồng, thần kiếm thành đao thường. Lai mới tể ngựa ra trận, để cho bị bắt, rồi bị cực hình. Giặc kéo quân lui. Niên hiệu Thuận Thiên năm đầu, vua cho chép vào hàng công thần thứ nhất, mệnh cho Nguyễn Trãi ghi lời thề, đặt trong kim quỹ.

Năm mậu thân, niên hiệu Thuận Thiên năm đầu, tháng hai xét phong công thần, Phạm hạng quân nhân xông pha mũi tên, ngọn giáo, khó nhọc ở chốn sa trường, là có xếp công theo thứ hạng, tất cả là một trăm hai người.

Đệ nhất công được ban họ vua là bọn Lê Quy, Lê Dục, năm mươi hai người chức Vinh Lộc đại phu, Tả Kim Ngô Vệ Đại Tướng quân, tước Thượng Trí Tự. Đệ nhị công được ban họ vua là bọn Lê Bồ, Lê Khắc, Khảo bảy mươi hai người, chức Trung Lượng đại phu, Tả Phụng Thần Vệ Tướng quân, tước Đại Trí Tự. Đệ tam công được ban họ vua, là bọn Lê Lễ, Lê Hiến, chính mười tư người, chức Trung Vũ đại phu, Quân Linh Đại Tướng quân, tước Trí Tự.

Trong nước chia làm mười lăm đạo đặt các chức Hành Khiển, Phân Chương quân hạ tịch.

Mùa thu, tháng tám, định công, phong chức. Xét công cao thấp để định đẳng cấp thứ bậc. Cho Thừa Chỉ Nguyễn Trãi làm Quan Phục Hữu ; Tư Đồ Trần Hân làm Tả Tướng quốc Khu Mật Đại Xứ ; Phạm Văn Sảo làm Thái Bảo. Tất cả được ban họ vua.

Kỷ Dậu, năm thứ hai, có chiếu vua : Phàm các văn võ mà tinh thông Kinh, Sử, đều hội họp thi. Phàm quân nhân, hoặc người chưa có công chức còn ở nơi rừng núi mà thông Kinh, Sử, hay công nghệ đều tới tỉnh lý, ai trúng tuyển là được bổ dụng làm quan. Đề Diệu là Thượng Thư Lê Văn Linh. Giám Thi ngự sử kiêm Thừa Chỉ là Nguyễn Trãi. Năm đó, vua ngự tới Dinh Bồ Đề, khảo thi khoa thi Hoành Từ (tuyển dùng chân nho chính trực, văn thi có bài thiên hạ cần vương hịch). Lấy đỗ đầu là Nguyễn Thiên Tích, Rồi đến Đào Công Soạn, Trình Thuấn Du, Phan Phu Tiên... sáu người (chép trong Đăng Khoa Lục, Vũ Duy Đoán, nguyên bản)

Kỷ Dậu năm thứ hai, lập con lớn, Hữu Tướng quốc Tư Đồ làm Quốc Vương, nhiếp hành quốc sự. Con thứ là Lương Quận Công Nguyễn Long làm Hoàng Thái Tử. Vua mệnh cho vũ từ chức Tổng quan trở lên, văn từ chức Hành Khiển trở lên, hệ có con trai trong khoảng chín tuổi đến mười lăm tuổi đều theo hầu Thái Tử. Vũ từ chức Đồng Tri trở xuống văn từ Hữu Thượng Thư trở xuống, có con trai khoảng chín tuổi đến mười bảy tuổi đều vào học ở Quốc Tử Giám. Phong công thần chín mươi ba viên. Các chức nhau.

Quý Sửu, năm thứ sáu, mùa thu tháng tám, Thái Tổ mất tại lăng Vĩnh Lăng, Lam Sơn. Tháng mười một, Nguyễn Trãi phụng sắc soạn bài bia thần đạo (bia dựng ở lối đi vào lăng).



紹平元年（太宗紀）甲寅，五月，命阮宗曾蔡君實求封。行遣阮廣掌作。奏本成。內密阮叔惠，學士景緯欲改數字，應怒，惠以告黎察，察讓鷹。馬謝曰：叔惠以倍克小才居天下樞要，每有奏籍，皆欲損民歸官以求合上意，故仆因事而發爾，非有所譏諷君相也。奏告太廟迎太祖神主祔。命文武議除喪。鷹請素服二十七日，然後除之。二年，己卯有再犯盜七人當斬，黎察見其多殺，心難之，帝以問承旨，阮鷹，鷹對曰：法令不如仁義亦明矣。今一旦殺七人，恐非盛德之舉。書曰：安汝止，傳曰：知止而后有定，臣請述止之義，使陛下聞之。夫止者安所止之謂，如宮中陛下所安也。時或出幸他所不可常安，反歸宮中，然後安其所止，人君於仁義亦然，以之存心而安所止，時或盛怒，終無可久。願陛下留心臣言。於是察銀等曰：卿有仁義

能化惡爲善，煩以付之，遂使留與天爵等各保受其囚。鷹曰：彼頑猾羣童朝廷法制所不能懲，況鷹等德薄，安能化之，久乃斷斬二人，餘以流論。帝日與近習嬉戲，大臣欲勸學，乃議奏以阮鷹程舜俞等文臣六人入侍經筵，帝還其奏。四年丁巳春，命阮鷹與鹵簿司監梁登督作鸞鈴樂器，教習樂舞，鷹進石磬圖，因奏曰：夫世亂用武時，平尚文，今興禮樂，此其時也。然無本不立，無文不行，和平爲樂之本，聲音爲樂之文。臣奉詔作樂，正敢不盡心力，但學術粗淺，恐聲律之間，難以諧和，願陛下愛養元元，使閭里無怨恨愁嘆之聲。斯爲不失樂之本矣。帝嘉納之，夏帝欲觀胡氏手詔及詩文，阮鷹采錄得國語數十篇上之。

Phiên âm

Thiệu Bình nguyên niên (Thái Tôn kỷ), giáp dần ngũ nguyệt. Mệnh Nguyễn Tôn Tru. Sái Quân Thực cầu phong. Hành Khiển Nguyễn Trãi chương tác. Tấu bản thành. Nội Mật, Nguyễn Thúc Huệ, Học Sĩ, Cảnh Xước dục cải sổ tự. Trãi nộ. Huệ dĩ cáo Lê Sát. Sát nhượng Trãi. Trãi tạ viết : Thúc Huệ dĩ bội khắc tiểu tài, cư thiên hạ khu yếu, mỗi hữu tấu tịch, giai dục tồn dân quy quan, dĩ cầu hợp thượng ý. Cổ phước nhân sự nhi phát nhĩ. Phi hữu sở cơ phùng quân tương dã.

Tấu cáo Thái Miếu, nghênh Thái Tổ thần chủ phụ. Mệnh văn vũ nghị trừ tang. Trãi thỉnh tổ phục nhị thập thất nhật, nhiên hậu trừ chi.

Nhị niên, kỷ mao, hữu tái phạm đạo, thất nhân đương trạm, Lê Sát kiến kỳ đa sát, tâm nạn chi. Đế dĩ vấn Thừa Chỉ Nguyễn Trãi. Trãi đối viết : Pháp lệnh bất như nhân nghĩa diệc minh hỹ. Kim nhất dân sát thất nhân, khủng phi thịnh đức chi cử. Thư viết : An nhữ chi. Truyện viết : Tri chi nhi hậu hữu định. Thần thỉnh thuật chỉ chi nghĩa, sử Bệ Hạ văn chi. Phù, chỉ giả, an sở chỉ chi vị, như cung trung Bệ Hạ sở an dã. Thờ hoặc xuất hạnh tha sở, bất khả thương an, phản quy cung trung, nhiên hậu an kỳ sở chỉ. Nhân quán ư nhân nghĩa diệc nhiên. Dĩ chi tồn tâm, nhi an sở chỉ. Thờ hoặc uy nộ, chung vô khả cử. Nguyễn Bệ Hạ lưu tâm thần ngôn. U thị, Sát, Ngán đẳng viết : Khanh hữu nhân nghĩa, năng hóa ác vi thiện, phiên dĩ phó chi. Tuy sử Trãi dư thiên tước đẳng, các bảo thụ kỳ tù. Trãi viết : Bỉ ngoan hoạt quân đồng. Triều đình pháp chế sở bất năng an, hướng Trãi đẳng đức bạc, an năng hóa chi. Cửu nãi đoạn trạm nhị nhân, dư dĩ lưu luận.

Để nhật dữ cận tập hy hý. Đại thần dục khuyến học. Nãi nghị tấu dĩ Nguyễn Trãi, Trình Thuấn Du đẳng văn thần lục nhân nhập Thị Kinh Diên. Để hoàn kỳ tấu.

Từ niên, đình ty xuân, mệnh Nguyễn Trãi dữ Lỗ Bộ Tư Giám, Lương Đăng, đốc tác loan linh nhạc khí. giáo tập nhạc vũ. Trãi tiến thạch khánh đồ, nhân tấu viết : Phù, thể loạn, dụng vũ, thời bình thượng văn. kim hưng lễ nhạc, thử kỳ thời dã. Nhiên vô bản bất lập. Vô văn bất hành. Hòa bình y nhạc chi bản. Thanh âm vi nhạc chi văn. Thần phụng chiếu tác nhạc, chính cầm bất tận tâm lực. Đãn học thuật thô thiển, khùng thanh luật chi gian, nan dĩ hải hòa. Nguyễn Bệ Hạ ái dưỡng nguyên nguyên, sử lý vô oán hận sâu thân chi thanh. Tư vi bất thất nhạc chi bản hý. Để gia nạp chi.

Hạ, Để dục quan Hồ thị thủ chiếu, cập thi văn, Nguyễn Trãi thái lục đặc quốc ngữ sở thập thiên, thượng chi.

Dịch nghĩa

Tháng năm, năm giáp dần, niên hiệu Thiệu Bình năm đầu (Lê Thái Tôn) mệnh Nguyễn Tôn Trụ, Sái Quán Thục cầu phong. Quan Hành Khiển Nguyễn Trãi soạn biểu. Bản soạn xong Nội Mật viện, Thúc Huệ, cùng Học Sĩ, Cảnh Xước, muốn đòi vài chữ. Trãi giận. Huệ nói với Lê Sát. Sát trách Trãi. Trãi tạ rằng : Thúc Huệ muốn khoe mình, tìm cách nói xấu người. Vốn được ở chức vị quan trọng khi thấy có bản tấu sớ, là đều làm như vì dân mà chê quan, để được lòng bề trên. Chỉ ngả theo công việc, chứ không thực tâm chê can ai cả.

Khi có việc đón thần chủ Thái Tổ phụ vào Thái Miếu, vua mệnh văn vũ đề nghị trừ tang. Nguyễn Trãi xin cứ mặc áo trắng hết hai mươi bảy ngày nữa rồi sẽ trừ.

Niên hiệu Thiệu Bình năm thứ hai, năm kỷ mao, về việc hình, có bảy tên trộm tái phạm, bị án xử tử. Lê Sát cho là còn số nhiều, ý ngại. Vua hỏi Thừa Chỉ Nguyễn Trãi. Trãi đáp : Pháp lệnh sao bằng được nhân nghĩa, ai cũng biết thế. Nay một lúc giết đến bảy người, sợ không phải là việc trong thời thịnh. Kinh Thư có câu : Yên ở nơi ở của người. Sách Truyện có câu : Biết chỉ thì rồi mới định. Thần xin thuật rõ nghĩa chữ chỉ, đề Bệ Hạ tường. Chỉ là yên ở nơi ở, y như Bệ Hạ yên ở trong cung. Có khi đi ra ngoài, ở ngoài thì đâu có yên bằng ở cung, khi trở về cung mới thấy là chỉ là yên. Một vị vua đối với điều nhân nghĩa cũng thế, đề giữ được tâm, mà yên được ở nơi sở chỉ. Có lúc giận dữ, nhưng giận dữ chỉ có thời hạn, chứ có lâu đâu. Vậy xin Bệ Hạ đề ý đến lời thần. Thế là bọn Sát, Ngạn, nói : Ông có nhân, có nghĩa, đòi được ác ra thiện, xin ông nhận việc này. Rồi giao cho ông Trãi cùng các ông có tuổi, báo lĩnh bọn tù nhân. Ông Trãi nói : Bọn đó gian ngoan, bậy bạ, pháp luật triều đình còn không thay đòi được, huống chi Trãi đức bạc, sao mà hóa nổi. Rồi sau xử quyết hai người, còn thì đòi ra tội lưu.

Vua thường cùng với người ở gần chơi đùa. Các đại thần muốn khuyên học, mới tâu lấy Nguyễn Trãi, Trình Thuấn Du, v.v..., sáu người văn thần cho vào cung Thị Kinh Diên. Vua chuẩn y.

Đinh ty, năm thứ tư, mùa xuân, mệnh Nguyễn Trãi cùng Lỗ Bộ Tư Giám, Lương Đăng, soạn làm các đồ nhạc khí, dạy tập ca vũ. Trãi dâng bản Thạch Khánh đồ, nhân tâu rằng : Đời loạn thì chuộng vũ, thời bình thì chuộng văn. Nay mà hưng khởi lễ nhạc là đúng thời. Tuy nhiên, không có gốc thì không đúng được. Không có văn thì việc không

làm xong. Hòa bình là gốc của nhạc mà thanh âm là văn của nhạc. Thần phụng chiếu làm nhạc, đầu dăm không hết lòng hết sức. Nhưng học thuật còn thô sơ, e về luật thanh âm khó mà hòa hợp. Xin Bộ Hạ thương dân nuôi dân khiến cho đến tận các nơi thôn xóm cũng không có tiếng oán hận, như thế mới là không để mất cái gốc của nhạc. Vua nghe cho là phải.

Mùa hạ, vua muốn coi các chiếu của họ HỒ, cùng văn thơ. Nguyễn Trãi thu thập được vài mươi thiên về quốc âm, dâng lên.



阮鵬奏曰：比者臣等與梁登同校定雅樂而臣所見與梁不同，願回所命。初太祖時命阮鵬定冠服制未及施行，至是梁登上書累陳曰：夫禮有大朝常朝。如郊天，告廟，聖節正旦，則行大朝禮，皇帝服袞冕升寶座，百官具朝服朝冠。如初一日，十五日，則皇帝御黃袍銜天冠，升寶座，百官具公服，幘頭常朝，皇帝御黃袍銜天冠升金臺，百官等常服圓領烏紗帽。夫樂有郊樂，廟樂，五祀樂，敕日月交蝕樂，大朝樂常朝樂，大宴九奏樂，中宮樂，不可一樂用之，一鹵簿大駕，如鸞輅，則大輅，象輅馬輅，有九龍輿，有七龍輿，有步輿，有飛輦。如儀仗，則金戈，斧鉞，幢幡，旌旗，旄節，幟扇五方蓋，駕馬隊伍，皆有多少之數，臣不勝盡錄書奏帝又命登定之登因進冠服制樂器大抵登與阮所定多不合其議樂器輕重大小多相違奏不同故為辭其事，（人物誌云：公辭不與事歸第室於至靈崑山時奉朝參）

Phiên âm.

Nguyễn Trãi tấu viết : Tị giả, thần đẳng dữ Lương Đắc đồng hiệu định nhã nhạc, nhi thần sở kiến dữ Lương bất đồng. Nguyên hồi sở mệnh.

Sơ Thái Tổ thời mệnh Nguyễn Trãi định quan phục chế, vị cấp thi hành. Chi thị Lương Đắc thượng thư lược trần viết : Phù, Lễ hữu đại triều, thường triều, như Giao Thiên, Cáo miếu, Thánh Tiết, Chính Đán, tắc hành Đại triều lễ, Hoàng Đế phục cốn miện, thăng bảo tọa, bách quan cụ triều phục, triều quan. Như sơ nhất nhật, thập ngũ nhật, tắc Hoàng Đế ngự hoàng bào, xung thiên quan, thăng bảo tọa, bách quan cụ công phục, phốc đầu thường triều. Hoàng Đế ngự hoàng bào, xung thiên quan, thăng Kim đài, bách quan trú thường phục, viên lĩnh, ô sa mào.

Phù, Nhạc hữu Giao nhạc, Miếu nhạc, Ngũ tự nhạc, Cửu nhật nguyệt giao thực nhạc, Đại triều nhạc, Thường triều nhạc, Đại án cửu tấu nhạc, trung cung nhạc, bất khả nhất khái dụng chi.

Nhất lộ bộ đại giá, như Loan lộ, tắc đại lộ, tượng lộ, mã lộ. Hữu cửu long dư, hữu thất long dư, hữu bộ liễn, hữu phi liễn.

Như nghi trượng, tắc kim qua, phủ việt, chàng phan tinh kỳ, mao tiết, chương phiến, ngũ phương cái, giá mã đội ngũ, giai hữu đa thiều chi số, thần bất thăng tận lục.

Thư tấu. Đế hựu mệnh Đắc định chi. Đắc nhân tiến quan phục chế nhạc khí. Đại đề Đắc dữ Trãi sở định đa bất

hợp. Kỳ nghị nhạc khí khinh trọng, đại tiểu đa tương vi. Tấu bất đồng. Cổ Trãi từ kỳ sự. (Nhân Vật Chí văn : Công từ bất dữ sự, quy trúc thất ư Chí Linh, Côn sơn, thời phụng triều tham).

Dịch nghĩa

Nguyễn Trãi tâu : Gần đây, tôi cùng Lương Đắc cùng sửa định lễ nhạc. Mà tôi không cùng ý kiến với Lương. Vậy tôi xin lui.

Xưa, Thái Tổ có mệnh cho Nguyễn Trãi sửa định mũ áo. Chưa kịp thi hành. Đến nay, Lương Đắc dâng sớ lược trần : Lễ có đại triều có thường triều, Như lễ Giao, lễ Miếu. các ngày kị, ngày tết. thì thuộc vào lễ đại triều. Hoàng Đế mặc còn miện ngồi vào ngai, trăm quan mặc áo triều, đội mũ triều. Như ngày mừng một, ngày rằm, thì Hoàng Đế mặc áo vàng, đội mũ bình thiên ngồi vào ngai, trăm quan đều áo công, mũ cánh chuồn, thường triều. Hoang Đế mà mặc hoàng bào, đội bình thiên, ngồi ngai trên điện Kim Đài, thì trăm quan mặc thường phục, áo cổ tròn, khăn đen bịt.

Về nhạc, thì có nhạc Giao, nhạc Miếu, nhạc ngũ tự, nhạc cửu nhật nguyệt thực, nhạc đại triều, nhạc thường triều, nhạc tiệc lớn, cửu tấu, nhạc trong cung, không thể dùng lẫn được.

Đồ lỗ bộ, thì có đại giá, như loan lộ, đại lộ, tượng lộ, mã lộ có cửu long dư, thất long dư, có bộ liên, phi liên.

Đồ nghi trượng thì có kim qua, phủ việt, các cờ chàng

phan, tinh kỳ, mao tiết, chương phiến, lọng ngũ phương. Các hình thức, các số nhiều ít, thần không thể kể hết ra đây.

Sớ lên. Vua mệnh Đấng tổ chức. Nhân thế, Đấng tâu trình nghị chế áo mũ, ca nhạc. Đại đề Đấng với Trãi không hợp ý về nhiều khoản, như nhạc khí nặng nhẹ, lớn nhỏ, tấu không giống nhau. Cho nên Trãi từ chức việc. (Sách Nhân Vật Chỉ có chép : Công từ không dự công việc, về dựng nhà ở Chí Linh, Côn Sơn, thỉnh thoảng vào chầu).



頒新定聖節正旦，朔望常朝大宴等禮
 儀註。初帝命梁登定大朝諸儀，至是
 成進之。乃命傅寫儀註懸于承天門外
 帝謁太廟。百官著朝服行新禮自此
 始，行遣阮鸞參知簿籍阮傳，陶公撰
 阮文綯參議阮了等上疏曰：制禮作樂
 必待人後行如周公而後無間言今使
 小豎梁登專定禮樂國得不辱乎，且彼
 所爲欺君罔下無所憑據，如北鳴人早
 報朝，時令君出班定乃鳴古制君出
 時，左撞黃鐘之聲，而右五鐘應之君
 八時撞應賓之鐘而五鐘亦應之，今臨
 朝鐘一百八聲是和尚數珠之數如用
 明國制，君坐奉天門則有金臺，奉天
 殿則有寶座今只有會英一殿復有金
 臺移轉不安重設亦不可，是皆何在等
 儀夫造車則前簷後戶。今開戶之常
 制如此乎，人君出警入蹕此禮之常
 今閣門唱奏事畢百官退君尚坐，而蹕
 人始鳴蹕何也，且登小監統步御座
 君之側，臣竊疑之。



Phiên âm

Ban tân đình Thánh tiết, Chính đán, Sóc Vọng Thường triều, Đại yến đẳng lễ nghi chú :

Sơ Đế mệnh Lương Đắc định đại triều chư nghi. Chi thị, thành, tiến chi. Nãi Mệnh truyền tả Nghi Chú, huyền vu Thừa Thiên môn ngoạn. Đế yết Thái Miếu Bách quan trừ triều phục, hành tân lễ tự thử thủy.

Hành Khiển, Nguyễn Trãi, Tham Tri Bạ Tịch, Nguyễn Truyện, Đào Công Soạn, Nguyễn văn Huyên, Tham Nghi, Nguyễn Liễu đẳng, thượng sớ viết :

Chế lễ, tác nhạc, tất đãi nhân hậu hành, như Chu Công, nhi hậu vô gián ngôn. Kim sử tiểu thụ Lương Đắc, chuyên định lễ nhạc, quốc đắc bất nhục hồ. Thả bỉ sở vi, khi quân vông hạ, vô sở bằng cứ. Như cổ minh nhân tảo, báo triều, thời linh quân xuất ban, định nãi minh. Cổ chế, quân xuất thời, tả chàng hoàng chung chi thanh, nhi hữu ngũ chung ứng chi. Quân nhập thời, chàng nhụy tân chi chung nhi ngũ chung diệc ứng chi. Kim làm triều, chung nhất bách bát thanh, thị Hòa thượng sắc châu chi số. Như dụng Minh quốc chế : Quân tọa Phụng Thiên môn, tắc hữu Kim Đài, Phụng Thiên điện tắc hữu Bảo Tọa. Kim chỉ hữu Hội Anh nhất điện, phục hữu Kim Đài, di chuyển bất an, trùng thiết diệc bất khả, thị giai hà đẳng lễ nghi. Phù, tạo xa, tắc tiền diêm, hậu hộ, Kim khai hộ tại tiền, kỳ chế như thử hồ. Nhân quân xuất cảnh, nhập tất, thử lễ chi thường. Kim Cập Môn xướng tấu sự tất, bách quan thoái, quân thượng tọa. Nhi Tất nhân thủy minh tất, hà dã.

Thả, Đắc, tiểu thụ, nhiều bộ ngự tọa, cận quân chi trắc thần thiết nghi chi.

Dịch nghĩa

Nghi lễ mới được ban ra thi hành về các lễ Khánh tiết, Nguyên dân, sóc, vọng, thường triều, có ghi : Xưa, vua sai Lương Đăng định các thể lệ đại triều. Bấy giờ mới tiến trình. Vua sai chép, rồi treo ngoài cửa Thừa Thiên. Vua yết nhà Thái Miếu. Trăm quan mặc triều phục, bắt đầu làm lễ mới từ đó.

Quan Hành Khiển Nguyễn Trãi, quan Tham Tri Bạ Tịch Nguyễn Truyen, Đào Công Soạn, Nguyễn Văn Huyền, quan Tham Nhì, Nguyễn Liễu dâng sớ tâu :

Chế ra lễ đặt ra nhạc, tất phải đợi khi có người, như Chu Công, để sau khỏi có dị nghị. Nay sai hàng tới tở Lương Đăng định lễ nhạc, như thế là nhục cho cả nước. Vả lại, hần dối trên, lừa dưới, làm việc không căn cứ vào đâu. Ví như người đánh trống báo chầu, thường khi nào vua bắt đầu ra coi chầu, mới báo. Theo phép cũ, lúc vua đi ra, hèn tả hô, nổi tiếng hoàng chung, thì bên hữu nổi năm tiếng chuông. Lúc vua vào, hô tiếng nhụy chung, thì cũng có năm tiếng chuông ứng ngay. Nay khi lâm triều, có 108 tiếng chuông, thế là số tràng hạt kẻ hòa thượng đếm. Nếu như dùng pháp chế triều Minh nước Tàu, khi vua ngồi tại Phụng Thiên môn, thì có Kim Đài. mà khi vua ngồi tại Phụng Thiên điện, thì có Bảo Tọa. Nay ta chỉ có một điện Hội An, lại nói Kim Đài, thì cứ di chuyển đi đi lại lại. tức là, không yên. Mà làm cả hai thì không được. Vậy thế là lỗi lễ nghi gì.

Xét, chế tạo xe, tất là phía trước có rèm, phía sau có cửa. Nay mở cửa phía trước, thì đó là theo pháp chế gì.

Vị vua, khi ra, khi vào, phải có Cảnh, Tất, tức là thị vệ dàn coi giữ. Đó là lễ thường. Nay người giữ phần việc ngoài cửa xướng lên tiếng : việc xong, bách quan lui về mà vua thì còn ngồi. Bọn Cảnh tất cũng hô tiếng Xong việc, Thế là nghĩa lý gì.

Vả lại Đấng là tên tiểu thụ, quanh quẩn nơi vua ngồi, ở luôn bên vua, thần nghi ngờ lắm.



大寶三年壬戌會試，二月初二日，上御會英殿，親賜策問翌日讀卷官，翰林院承旨，兼國子監臣，阮鵬，中書侍郎臣黃夢荀，內密院同知院事臣程舜俞，國子監博士臣，阮子晉，奉卷進讀，第其高下賜阮直狀元，阮如堵榜眼，梁如鵠探花郎，陳文徵等七名進士吳士連等二十三名附榜（出進士題名碑記銜題春臺賦阮直阮維則程文徵三體具有考官批乎見羣賢賦集）。七月帝東巡聞武于至靈城，阮鵬邀駕幸，鵬鄉崑山寺駕回天德江八月還至嘉定大來荔枝園與氏路通宵而崩（初帝愛公妾阮氏路容貌文章之美召入拜爲禮儀學士日夜侍側）人皆言氏路戕廷議殺鵬（世編云：時八月十六日公氏路罪三族又以臨刑悔不用丁福丁勝之言并殺之（范譜云：公將沒嘆不用黃福之言蓋黃福嘗教公改正樂溪祖墓故也時誣爲不用丁福丁勝之言，并殺之耳）。

世編云：初胡時公道遇氏路（范譜云：

御天海潮人其社有廟祀之，余在先興
嘗經其地問之無有）納之。後太宗立
聞其美召入及東巡宵侍帝崩朝有
三族其側室瑞璽居期而帝生鵲
簡月逃之盆性璽云：本縣先賢登籍亦
焉，（范諧註云：瑞璽村人所生二男，其正室
姓范弩衛瑞璽本鄉復姓阮次室黃氏之
陳氏之子真鳳仍留瑞璽從范姓）。

附考史畧云：應之先祖三世家有園，
有蛇穴園裡，公一日卜居約刻為室，
此夕，公夢一婦抱子至，乞緩三日，容
他尋徙地，及早未起，諸童會至，平其
地，見一蛇截其尾得二子殺之，公既
醒起，悔不及，是夜讀書，忽有點血污
及三紙。公大驚，知其報在三世。及公
既顯，常朝回過席肆，見一女色殊
異納之，女名路姓阮能文章貫經史，
帝愛之常召入侍，至是夕乃裁帝。
得罪誅女臨刑化為大蛇入水而逝。

Phiên âm

Đại Bảo tam niên, nhâm tuất, hội thí. Nhị nguyệt sơ nhị nhật, thượng ngự Hội An điện, thân tứ sách vấn. Dục nhật, Độc Quyền quan : Hàn Lâm viện Thừa Chỉ, kiêm Quốc Tử Giám, trần Nguyễn Trãi, Trung Thư, Thị Lang, thần, Hoàng Mộng Tuân, Nội Mật viện, Đồng Tri viện sự, thần Trình Thuần Du, Quốc Tử Giám, Bác Sĩ thần, Nguyễn Tử Tấn, phụng quyền tiền độc, đệ kỳ cao hạ. Tử Nguyễn Trục Trạng nguyên, Nguyễn Như Đồ Bảng Nhãn, Lương Như Hộc Thám Hoa Lang. Trần Văn Huy đẳng, thất danh tiến sĩ, Ngô Sĩ Liên đẳng, nhị thập tam danh phụ bảng. (Xuất Tiến Sĩ đề danh bi ký : Huyền đề, Xuân Đài phú, Nguyễn Trục, Nguyễn duy Tắc, Trình văn Huy, tam thể cụ hữu khảo quan phê bình. Kiến Quán Hiền phú tập).

Thất nguyệt Đế đồng tuần duyệt vũ vu Chí Linh thành. Nguyễn Trãi yêu giá hạnh Trãi hương Côn Sơn tự. Giá hồi Thiên Đức giang. Bát nguyệt hoàn chí Gia Định, Đại Lai, Lê Chi viên. Dữ Thị Lộ, thông tiêu nhị bằng. (Sơ Đế ái công thiếp Nguyễn Thị Lộ, dung mạo văn chương chi mỹ, triệu nhập bái vi Lê Nghi Học Sĩ, nhật dạ thị trắc). Nhân giai ngôn Thị Lộ thí. Đình nghị sát Trãi. (Thế Biên văn : Thời bát nguyệt, thập lục nhật. Công niên lục thập tam. Môn nhân quy táng Phụng Sơn, Tam Giáp sơn). Cập Thị Lộ tội tam tộc. Hựu dĩ Trãi lâm hình, hối bất dụng Đình Phúc, Đình Thắng chi ngôn, tịnh sát chi. Phạm phả văn : Công tương một, thân bất dụng Hoàng Phúc chi ngôn. Cái Hoàng Phúc thường giáo công cải chính Nhị Khê tổ mộ, cố dã. Thời vu vi bất dụng Đình Thắng, Đình Phúc chi ngôn, tịnh sát chi nhĩ).

Thế biên văn: Sơ, Hồ thời, công đạo ngộ Thị Lộ. (Phạm phủ văn: Ngự Thiên, Hải Trào nhân. Kỳ xã hữu miếu tự chi. Dư tại Tiên Hưng thường kinh kỳ địa, văn chi, vô hữu). Nạp chi. Hậu Thái Tôn lập. Văn kỳ mỹ, triệu nhập. Cập đông tuần tiêu thị, đế băng. Triều nghị, di tam tộc. Kỳ trắc thất, Thụy Thù thôn nhân, Phạm thị Mẫn hữu thần tam cá nguyệt. Đào chi Bồn Mang Man, cư kỳ nhi sinh Anh Vũ, nhân gia yên. (Phạm phủ chủ văn: Bản huyện tiên hiền tế tịch, diệp trừ Công tỉnh, Phạm Nỗ Vệ, Thụy Thù thôn nhân. Sở sinh nhị nam. Kỳ chinh thất, Trần thị chi tử, quy bản hương, phục tính Nguyễn, Thử thất, Hoàng thị chi tử, Chân Phụng, nhưng lưu Thụy Thù, tông Phạm tính).

Phụ khảo sử lược văn: Trãi chi tiên tổ tam thế, gia hữu viên, hữu xà huyết viên lý. Công nhất nhật, bốc cư, ước sản vi thất. Thử tịch, công mộng nhất phụ bảo tử chi, khát hoãn tam nhật, dung tha tâm tử địa. Cập tảo vị khởi. Chư đồng hội chi, bình kỳ địa. kiến nhất xà, tiết kỳ vĩ. Đắc nhị tử sát chi. Công ký tỉnh khởi, hối bất cập. Thị dạ, độc thư, hốt hữu điểm huyết, ô cập tam chỉ. Công đại kinh, tri kỳ báo tại tam thế. Cập Công Trãi ký hiền, thường triều hồi, quả tịch tú, kiến nhất nữ, sắc thù dị, nạp chi. Nữ danh Lộ, tính Nguyễn, năng văn chương, quán Kinh, Sử. Để ái chi, thường triệu nhập thị. Chi thị tịch nãi thí đế. Trãi đắc tội tru. Nữ lâm hình hóa vi đại xà, nhập thủy nhi thệ.

Dịch nghĩa

Năm nhâm tuất, niên hiệu Đại Bảo, năm thứ ba, có thi hội. Ngày mùng hai, tháng hai vua ngự đền Hội An, thần ra đề thi. Hôm sau, các quan chấm thi là Hàn Lâm viện Thừa Chỉ, kiêm Quốc Tử Giám, Nguyễn Trãi, Trung Thư, Thị Lang, Hoàng

Mộng Tuấn, Nội Mật viện, Đồng Tri viện sự Trình Thuần Du, Quốc Tử Giám Bác Sĩ Nguyễn Tử Tấn, phụng chiếu xếp trên dưới. Lấy đồ: Nguyễn Trữ, trang nguyên, Nguyễn Như Đồ, bảng nhãn, Lương Như Hộc, thám hoa. Bọn Trần Văn Huy bảy người tiến sĩ, bọn Ngô Sĩ Liên, hai mươi ba người, phó bảng. (Chép ở trong bia khắc tên tiến sĩ. Ngự đề Xuân Đài phú. Nguyễn Trữ, Nguyễn Duy Tắc, Trình (hay là Trần) Văn Huy, các bài thi còn đủ lời phê các quan chấm thi, coi tập Quần hiền phú).

Tháng bảy, vua đi tuần thú xứ đông, duyệt binh tại thành Chí Lăng. Nguyễn Trãi đón xa giá tới Côn Sơn (làng Nguyễn Trãi). Xa giá trở về Thiên Đức Giang. Tháng tám về tới Gia Định, Đại Lai vườn Lệ Chi, cho Thị Lộ hầu đêm, rồi vua mất tại đó. (Trước kia, vua yêu người thiếp của công là Thị Lộ, vì sắc đẹp, được triệu vào cung làm chức Lễ Nghi Học Sĩ, ngày đêm hầu vua). Ai cũng cho là Thị Lộ giết vua. (Sách Thế Biền chép : Ngày 16 tháng 8, Công 63 tuổi. Người nhà đưa về táng tại Phụng Sơn Tam Giáp Sơn). Cùng với Thị Lộ Công bị giết theo hình ba họ. Vì Nguyễn Trãi khi sắp bị hình, có nói câu : Tiếc không nghe lời Đinh Phúc và Đinh thắng thành ra hai người này cũng bị giết. (Sách Phạm phả chép : Công gần mất, có than, không nghe lời Hoàng Phúc. Nguyên là Phúc thường khuyên Công rời ngôi mộ tổ ở Nhị Khê đi. Khi đó án vụ là đã không nghe lời Phúc và Thắng, thành ra cả hai người cũng bị giết).

Sách Thế Biền chép. Thời họ Hồ. (1) Công đi đường, gặp Thị Lộ, đem về. (Theo sách Phạm phả, chính là người xứ Hải Trào, ở đó có miếu thờ. Tới khi ở Tiên Hưng, thường đi qua xứ đó, hỏi thăm, không có miếu).

CHÚ THÍCH : (1) Nếu cứ theo mấy chữ «thời họ Hồ» thì khi đó, Thị Lộ ít nhất là 52 tuổi.

Khi Thái Tôn lên ngôi, nghe nói là người đẹp cho triệu vào cung. Khi vua đi tuần xứ đông đem theo. Đêm vua chết. Triều đình nghị. Công bị tru di tam tộc. Một người vợ lẽ, người làng Thụy-Thủ, tên là Phạm thị Mẫn có thai được ba tháng, mới trốn tới xứ Bồn Man, tới kỳ, sinh ra con là Anh Vũ, rồi ở luôn ngay Bồn Man. (Sách Phạm phả chép : Ở bản huyện, trong sách biên tên các tiên hiền, có nói đến giòng họ Nguyễn Trãi, tên Phạm Nỗ Vệ, được hai trai. Con bà chính thất họ Trần, ở làng Thụy-Thủ, lớn lên trở về quê cũ lấy lại họ Nguyễn, Bà thứ thất họ Hoàng, sinh con là Châu Phụng, ở lại làng Thụy-Thủ, cứ giữ họ Phạm).

Sách Phụ Khảo Sử lược có chép : Nhà tổ tiên ông Trãi về ba đời trước, nhà có vườn, trong vườn có hang rắn. Một hôm, ông Trãi sai dọn vườn để cất nhà. Đêm hôm đó, mê thấy một người đàn bà ẵm con tới xin hoãn cho ba ngày để chọn nơi ở khác. Sớm ông chưa thức dậy, thì bọn tôi tớ đã san vườn, chặt đuôi một con rắn lớn, giết được hai con rắn con. Khi ông dậy, hối không kịp, Đêm đó, ngồi đọc sách, bỗng thấy một giọt máu rơi xuống thấm ba tờ giấy, Ông sợ, biết sẽ bị báo oán đến ba đời, Đến khi ông được vinh hiển, một hôm ở triều về đi qua hàng bán chiếu, thấy người con gái sắc đẹp khác thường, mới lấy làm thiếp. Người con gái là Nguyễn thị LỘ, giỏi văn thơ, thuộc Kinh, Sử, Vua yêu lắm, thường triệu vào hầu. Đến năm đó, xảy ra chuyện giết vua. Trãi bị tội tru lục. Thị LỘ khi sắp bị hành hình, thì biến thành hình con rắn lớn, xuống nước đi mất.

聖宗光順四年壬午，勅諭大臣文武百官等。昔我太祖櫛風沐雨，以定天下，時則佐命勲臣，時賜國姓，用示殊眷。子孫傳襲日久，恐失原祖之姓，有乖教人以孝之道。今後凡功臣子孫並依原姓。范公穀又奏功臣賜國姓並許改從本姓，使澄天潢之宗派，明族氏之本原。帝從之。準前功臣子孫還祖父姓。

五年癸卯秋七月賜阮薦子鸚鵡縣職，范譜（即瑞獸族譜註也）云：初太宗立，阮薦復參預朝政，嘗以功成身退爲念。帝命提舉昆山資國寺，年六十乞謝事，許之，後復彊起命仍舊職，兼中書省三館事，時黎察，叔惠等，用事尤多媚嫉，會掖庭婕妤吳氏玉璫有服，夢金仙童降生，事聞，宣慈太后愈加恩懣。遂以女巫家奉觀音佛爲女妃。忽求寵，事（出史記）連及婕妤。婕妤坐擬流，薦使氏路奏請收監從之，旨

下居微文寺，公使人懸養之。滿月生
 思誠。后怨猶未釋。氏路知之，暗告媿
 好遁，后知而啣之。及帝東巡幸舅家與
 氏路通而崩。后遂誣告氏路逆弑，罪
 公三族。後思誠封壽王，媿好自廣安
 來。具以座中言之。王即位（是爲聖宗）
 乃詔求于孫錄用。時鸚鵡（已中光順
 秋試以下世編）返回應命，報同知州
 （范譜作西真縣，歷授參政號渺軒先
 生。世編作松寥）追贈公贊嘒伯，免還
 祀田百畝，其子孫封蔭，與國同休。至
 今苗裔爲十三世云。鸚鵡生男二長祖
 鑒進士爲安邦承政奉使道遇蛇報次
 祖鑒中式生茂直典簿。茂直生男二，
 光賁知府，光質中式亦有屋居玉山巡
 邏岑羣村，余前往過其地，族人示譜
 記，見與世編同。又有移居海陽春育
 必做舉紹治進士歷官宣光按察使又
 一支在峽山亦稱先生苗裔，嘗向余言
 之。附錄聖宗母吳氏。夢天帝命仙童

降生，童乃請良配女。指屏右玉女曰：以與爾，玉女笑不語。夢覺而生帝，初公鹿有女，以欸律充官婢沒入教坊歌妓，年二玖色絕美，啞不能語，有一夕隨儕侶入內侍唱。坐按拍子，東女以次起，無一稱旨，帝指女曰：此坐後何不起，女應聲唯，登而歌，極雅致，與鈞天佛彷彿似。后在坐見舉止與玉女無異，因納之甚得寵。

Phiên âm

Thánh Tôn, Quang Thuận tứ niên, nhâm ngọ. Sắc dụ đại thần, văn vũ, bách quan đẳng. Tích ngã Thái Tổ trất phong mộc vũ dĩ định thiên hạ. Thời tắc tả mệnh huân thần, thời tứ quốc tính. Dung thị thù quyến. Tử tôn truyền tập nhật cửu. Khủng thất nguyên tổ chi tính. Hữu quai giáo nhân dĩ hiểu chi đạo. Kim hậu, phạm công thần tử tôn, tịnh y nguyên tính. Phạm Công Nghị hựu tấu : công thần tứ quốc tính, tịnh hứa cải tông bản tính, sử trưởng thiên hoàng chi tôn phái, minh tộc thị chi bản nguyên. Để tông chi, chuẩn tiền công thần tử tôn hoàn tổ phụ tính,

Ngũ niên, qui mao, thu, thất nguyệt. Từ Nguyễn Trãi tử, Anh Vũ, huyện chức.

Phạm Phả (tức Thủy Thủ tộc phả chú đã) văn : Sơ Thái Tôn lập, Nguyễn Trãi phục tham dự triều chính. Thường dĩ công thành thân thoát vì niệm. Để mệnh đề cử Côn Sơn Từ Quốc Tự, niên lục thập khát tạ sự, hứa chi, hậu phục cường khởi mệnh nhưng cựu chức, kiêm Trung Thư Tỉnh, Tam Quán sự. Thời Lê Sát, Thúc Huệ đẳng dụng sự vu đa quyền tạt. Hội dịch đình Tiệp Dư, Ngô thị Ngọc Dao hữu thần mộng Kim Tiên đồng giáng sinh. Sự văn. Tuyên Từ Thái Hậu dĩ gia oán đối. Tụy dĩ nữ vu, gia phụng Quan Âm Phật vì nữ Huệ Phi cầu sung. Sự (xuất sử ký) liên cập Tiệp Dư. Tiệp Dư tọa nghĩ lưu. Trãi sử Thị Lộ tấu thỉnh thu giám tông chi. Chỉ hạ cư Huy Văn tự, Công sử nhân thiệp dưỡng chi. Mãn nguyệt sinh Từ Thành. Hậu oán do vị thích. Thị Lộ tri chi, ám cáo Tiệp Dư dận. Hận tri nhi hàm chi. Cập Đế đông tuần, hạnh Trãi gia. Dĩ Thị Lộ thông nhi băng. Hậu tụy vu cáo Thị Lộ nghịch thí. Tội Công tam tộc. Hậu Từ Thành phong Thọ Vương. Tiệp Dư tự Quảng An lai. Cụ dĩ trần trung ngôn chi. Vương tức vị

(thị vi Thánh Tôn). Nãi chiếu cầu tử tôn lục dụng. Thời Anh Vũ (dĩ trúng Quang Thuận thu thí, dĩ hạ xuất Thế Biên) phản hồi ứng mệnh. Trạc Đồng Tri Châu. (Phạm phả tác Tây Trấn huyện, Lịch thụ Tham Chính, hiệu Diêu Hiền tiên sinh. Thế Biên tác Tùng Hác). Truy tặng Công, Tán Trù Bá. Miễn hoàn tự điền bách mẫu. Kỳ tử tôn phong ẩm, dữ quốc đồng hưu. Chí kim miêu duệ vi thập tam thế vãn. Anh Vũ sinh nam nhị, trưởng Tồ Giám tiến sĩ, vi An Bang Thừa Chính, phụng sử, đạo ngộ xa báo, thứ Tồ Giám Trúng Thức sinh, Mậu Trục Điền Ba. Mậu Trục sinh nam nhị : Quang Bí tri phủ, Quang Chắt Trúng Thức, diệc hữu ốc cư Ngọc Sơn tuần. La Sầm quân thôn. Dư tiền vãng quá kỳ địa, tộc nhân thị phả ký, kiến dữ Thế Biên đồng. Hựu hữu di cư Hải Dương, Xuân Dục, Tất Tổ cư Thiệu Trị tiến sĩ, lịch quan Tuyên Quang Án Sát Sứ. Hựu nhất chi tại Giáp Sơn, diệc xưng tiên sinh miên duệ, thường hưởng dư ngôn chi.

Phụ Lục.— Thánh Tôn mẫu, Ngô thị, mộng Thiên Đế mệnh tiên đồng giảng sinh. Đồng nãi thỉnh lương phối nữ. Chi hình hữu ngọc nữ, viết : dĩ dữ nhĩ. Ngọc nữ tiểu bất ngữ. Mộng giác nhi sinh Đế. Sơ Công Trãi hữu nữ, dĩ nô luật sung quan tỳ. Một nhập giáo — phường ca kỹ. Niên nhị cửu, sắc tuyệt mỹ, Á bất năng ngữ. Hữu nhất tịch, tùy sài lữ, nhập nội thị xưởng, tọa án phách tử. Chúng nữ dĩ thứ khởi, vô nhất xứng chi. Đế chỉ nữ viết : Thử tọa hậu hà bất khởi. Nữ ưng thanh, duy, dăng nhi ca, cực nhã chí. Dữ quân thiên phát phang tự. Hậu tại tọa kiến cử chi dữ ngọc nữ vô dị. Nhân nạp chi. Thậm đắc sủng.

Dịch nghĩa

Năm nhâm ngo, niên hiệu Quang Thuận năm thứ tư,

(Thánh Tôn) có sắc dụ cho văn vũ đại thần, **bách quan** : Xưa Thái Tổ ta dầm mưa trải gió để định thiên hạ. Khi đó, các vị giúp việc có công huân được ban quốc tính để tỏ tình thân. Con cháu truyền đời lâu ngày rồi, e rồi quên họ tổ, **như** thế là trái với đạo hiếu. Vậy từ nay con cháu công thần đều lấy họ mình.

Phạm Công Nghi lại tấu : Công thần được ban quốc tính nay cho đổi lại họ mình, để gạn lọc họ tôn thất mà cũng là **để** rõ nguồn gốc. Vua chấp thuận, chuẩn cho con cháu công thần được viết lại họ cũ cho công thần.

Qui mảo, niên hiệu năm thứ năm, mùa thu tháng bảy, cho con Nguyễn Trãi là Anh Vũ, chức huyện.

Gia phả họ Phạm có chép : (họ làng Thụy Thù) Xưa, khi Thái Tôn lên ngôi, Nguyễn Trãi lại tham dự việc triều chính. Tâm vốn mong khi công đã thành thì thân lui về nghỉ. Vua theo lời công xin năm 60 tuổi cho về nghỉ tại Côn Sơn. Sau lại cưỡng ép giữ chức cũ, kiêm chức Trung Thư tỉnh Tam Quán. Thời đó Lê Sát, Thúc Huệ đang hách dịch. Gặp việc có bà Tiệp Dư là Ngô thị Ngọc Dao có mang, mộng thấy Kim Tiền Đồng sẽ giáng sinh, Việc đồn đến tai bà Thái Hậu Tuyên Từ, Thái Hậu ghét. Nhân việc một người cung nhân có tội, liền can đến bà Tiệp Dư, theo luật thì bà Tiệp Dư phải tội lưu. Ông Trãi sai Thị Lộ tâu xin cho người canh giữ. Thái Hậu ban lệnh cho ra ở Huy Văn Tự. Công cho người chăm cung dưỡng. Đủ tháng, Tiệp Dư sinh ra Tư Thành. Thái Hậu vẫn ghét giận không nguôi. Thị Lộ biết thế, ngầm bảo Tiệp Dư trốn đi. Thái Hậu càng giận. Đến khi đông du, vua dừng lại nhà ông Trãi, Thị Lộ hầu ngự. Đêm vua mất, Thị Lộ bị buộc vào tội thị nghịch. Công thì bị giết ba họ. Đến sau Tư Thành phong làm Thọ Vương. Bà Tiệp Dư từ Quảng An về,

kể cho biết chuyện cũ. Vương khi lên ngôi, (Thánh Tôn) mới cho tìm con cháu ông Trãi để cho làm quan. Anh Vũ (đã đỗ kỳ thi hương. Chuyện từ đây, chép theo Thế phả), tuân mệnh, tới triều, được bổ Đồng Tri Châu. (Gia phả họ Phạm cho là làm Tây Trấn Huyện, lần lượt thăng Tham Chính, hiệu là Diêu Hiền tiên sinh. Thế phả thì chép là Tùng Hác). Công được truy tằng Tán Trù Bá, được cấp lại tư điền trăm mẫu, con cháu tập ấm cùng non sông lâu dài. Đến nay là mười ba đời. Anh Vũ sinh hai trai: con lớn đỗ tiến sĩ, giữ chức Thừa Chính ở An Bằng, khi đi sứ, giữa đường bị nạn, vì răn báo oán. Con thứ cũng đỗ hạng Trúng Thúc, giữ chức Mậu Trục Điền Bạ, được hai con, con lớn là Quang Bị Tri Phủ, con thứ là Quang Chất, đỗ Trúng Thúc. Có nhà ở ven Ngạc Sơn, trong các xóm La Sầm. Tôi trước có đi qua địa phương, được người trong họ cho coi gia phả, thì thấy giống như Thế Phả. Lại có một chi rời tới làng Xuân Dục, tỉnh Hải Dương, có người đỗ tiến sĩ niên hiệu Thiệu Trị, quan tới Án Sát Tuyên Quang. Một chi nữa ở Giáp Sơn, tôi thường gặp nói truyện.

Phụ Lục. Bà mẹ vua Thánh Tôn, là bà Ngô thị, mộng thấy Thiên Đế mệnh cho Tiên Đồng giảng sinh. Đồng xin cho một người vợ. Để chỉ phía bên phải một ngọc nữ và nói: Đó, cho mày. Ngọc nữ cười không nói. Tỉnh mộng rồi sau sinh ra vua. Xưa ông Nguyễn Trãi có con gái. Theo hình luật thì bị dung vào làm tôi tớ, rồi tuyển vào đội giáo phường ca kỹ. Tuổi mười tám. Tuyệt đẹp. Cầm không nói. Một buổi chiều đi theo bọn bạn vào cung hát, ngồi cầm phách. Các ca nữ lần lượt đứng dậy, chưa người nào được lệnh vua chỉ để hát. Vua chỉ vào người con gái, nói: Người kia sao không đứng dậy. Thế là người con gái bật ra tiếng dạ, rồi đứng dậy hát cực hay. Bà Hậu có mặt, nhìn cử chỉ y như đã thấy ở trên trời, mới nạp vào cung. Trong cung rất được yêu quý.



八年丁亥三月，命求故翰林承旨學士阮應詩文遺草。

洪德十五年甲辰，勅旨開國功臣子孫，係順天年間有功官一二品，其子孫猶在軍伍，許投告^錄處承二司備奏。送兵部覈實，身材堪用者充錦衣衛俊士。

憲宗景統三年，勅旨順天年間，開國功臣自三品以上子孫已充軍伍各色，許投告兵部勘實，充錦衣衛俊士。能讀書者，充崇文館儒生。三品以下充武林神臂等衛。

裏真帝洪順四年勅旨係開國功臣子孫族屬在軍伍，許將祖父勅命，投告該處勘實，識字者充崇文館學生，不識字者充錦衣衛俊士，是年六月二十七日贈濟文侯制文（出世編以下）。

順天承運皇帝制曰：朕惟法殷中而制治，思弘平祖之圖，稽周載以教功，式表安邦之哲。肆頒如準，增煥若堂。平吳開國功臣，贈特進金紫榮祿大夫贊

時伯柱國阮鷹。體用真儒，經綸領袖。書我后藍山起義，肇成與越之基，時寧人磊水從戎，茂展平吳之緒。閒覽特高於四海，許謀備見於兩朝。雖時運之不齊，難窺玄理，然勲庸之久著，具在丹書，昔時既化於厚恩。今日宜加於異數。是用易其伯爵，寵以侯封，予以旌偉國之英猷，予以顯濟時之實學。於戲，龍虎風雲之會，猶憶前緣文章事業之傳永垂後世，可加封累代功臣，特進金紫榮祿大夫濟文侯柱國。



Phiên âm

Bát niên, đình hợi tam nguyệt. Mệnh cầu cổ Hàn Lâm, Thừa Chỉ Học Sĩ, Nguyễn Trãi thi văn di thảo.

Hồng Đức thập ngũ niên giáp thìn, sắc chỉ khai quốc công thần, tử tôn hệ Thuận Thiên niên gian, hữu công, quan nhất nhị phẩm, kỳ tử tôn do tại quân ngũ, hứa đầu cáo bản xứ Thừa nhị Ty bị tấu. Tổng Binh bộ hạch thực, thân tài kham dụng giả, sung Cầm Y Vệ Tuấn Sĩ.

Hiển Tôn, Cảnh Thông tam niên, sắc chỉ Thuận Thiên niên gian, khai quốc công thần tự tam phẩm dĩ thượng tử tôn, dĩ sung quân ngũ các sắc, hứa đầu cáo Binh Bộ kham thực, sung Cầm Y Vệ Tuấn Sĩ. Năng độc thư giả, sung Sùng Văn Quán nho sinh, Tam phẩm dĩ hạ sung Vũ Lâm Thần Ty đẳng vệ.

Trương Dục đế, Hồng Thuận tứ niên. Sắc chỉ hệ khai quốc công thần tử tôn tộc thuộc, tại quân ngũ, hứa tương tồ phụ sắc mệnh, đầu cáo cai xứ kham thực. Thức tự giả sung Sùng Văn Quán học sinh. Bất thức tự giả sung Cầm Y Vệ Tuấn Sĩ. Thị niên lục nguyệt, nhị thập thất nhật tặng Tể Văn Hầu chế văn (Xuất Thế Biên, dĩ hạ).

Thuận thiên, thừa vận, Hoàng Đế chế viết :

Trẫm duy, pháp Ân trung nhi chế trị, tư hoàng suất tồ chi đồ. Kê Chu tái dĩ mỹ công, thức biểu an bang chi triết. Tư ban như bột, tăng hoán nhược đường. Bình Ngô khai quốc công thần, tặng Đặc Tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Tán Trù Bá, Trụ Quốc. Nguyễn Trãi. Thê dụng chân nho, kinh quân lĩnh hoạch. Ngã Cao Hậu Lam Sơn khởi nghĩa, triệu thành hưng Việt chi cơ. Thời ninh nhân Lỗi Thủy tông

nhưng. Mậu triển bình Ngô chi tích. Văn vọng đặc cao
 ư từ hải, hu mô bị kiến ư lưỡng triều. Tuy thời vận bất tề,
 nan khuy huyền Lý. Nhiên huân dung chi cứu trứ, cụ tại đan
 thư. Tích thời ký Xi ư hậu án. Thị dụng, dịch kỳ Bá tước,
 sủng dĩ Hầu phong. Vu dĩ tinh vĩ quốc chi anh du Vu dĩ hiền
 tế thờ, chi thực học. Ô hô, long hồ phong vân chi hội do ức
 tiền duyên. Văn chương sự nghiệp chi truyền, vĩnh thù hậu
 thế. Khả gia phong lũy đại công thần, đặc tiến Kim Tử Vinh
 Lộc đại phu, Tế Văn Hầu Tru Quốc.

Dịch nghĩa.

Năm thứ tám, dinh hội, tháng ba, mệnh cho tìm thi văn
 đi thảo của cố Hàn Lâm Thừa Chỉ Học Sĩ Nguyễn Trãi.

Niên hiệu Hồng Đức thứ 15, năm giáp thìn (1484) sắc
 chỉ các con cháu khai quốc công thần, khoảng niên hiệu
 Thuận Thiên, có công, quan thi từ nhất nhị phẩm, mà con
 cháu còn tại quân ngũ, thì nay cho trình báo lên hai Ty Thừa
 ở bản xứ, rồi trình lên Bộ Binh để xét, khảo, hạch, nếu có
 thể được thì cho sung vào đội Y Vệ Tuấn Sĩ.

Niên hiệu Cảnh Thống năm thứ ba (Hiến Tôn) (1500),
 Sắc chỉ : Khoảng niên hiệu Thuận Thiên, khai quốc công thần
 từ tam phẩm trở lên, nay các con cháu, nếu đã sung vào các
 loại quân đội rồi, thì báo cáo với Bộ Binh để khảo hạch, rồi
 cho vào đội Cẩm Y Vệ Tuấn Sĩ. Nếu lại biết đọc, biết viết,
 thì cho sung vào Sùng Văn Quán là Nho sinh. Con cháu hàng
 dưới tam phẩm thì sung vào Vũ Lâm Thần Ty đẳng vệ.

Niên hiệu Hồng Thuận năm thứ tư (Vua Tương Dực)
 (1512) Sắc chỉ : Con cháu trong họ khai quốc công thần mà đã

ở trong quân đội, thì đem sắc mệnh của ông cha cáo trình quan bản hạt xét thực. Nếu biết chữ, thì cho sung vào Sùng Văn Quán làm Học sinh. Không biết chữ thì sung vào Cầm Y Vệ Tuân Sĩ. Năm đó tháng 6, ngày 27, có chế-văn phong tặng Tể Văn Hầu (Từ đây chép ở Thế Biền).

Trầm duy: Cứ phép nhà Ân để chế trị, nghĩ đến công-nghiệp tổ tiên Theo nếp nhà Chu để xét công, biểu dương an-bang mưu-sĩ. Rộng ban như dây rề. sáng khắp như cung đèn. Bình Ngô khai quốc công thần Đặc tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Tán Trụ Bá, Trụ Quốc, Nguyễn Trãi, Tài cán chân nho, kinh luân trù hoạch,

Đức Cao Tổ khởi nghĩa Lam Sơn. dựng nên cơ đồ hưng Việt.

Người gặp vua tông quân Lỗi Thủy, chuyển tới công nghiệp bình Ngô. Danh vọng vang lừng bốn bề, mưu cao thấy rõ hai triều.

Dù thời vận không may, việc, khó tương rề ngọn. Nhưng công huân đã rõ, văn đầy đủ thư son.

Thời trước ban ân đã hậu, ngày nay lắng chức khác thường. Cho nên: Đồi trước Bá, Thăng Phong Hầu.

Thế là: Tinh biều người anh hùng cứu nước, hiển dương hạng thực học giúp đời.

Cho hay: Gặp hội rồng hồ, gió mây, nên ghi duyên trước.

Dối truyền văn chương sự nghiệp, rủ mãi đời sau.

Nên gia phong các lớp công thần,

Đặc tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Tể Văn Hầu, Trụ Quốc.



熙宗永治二年秋七月，定諸臣及文武百官饒蔭例。自永祚初官軍以從回鶻遠發，令一切預封功臣獲賜世蔭頗多，至是定例。創業與中興功臣，武自都督以上，文自侍郎以上並賜累代功臣官員子孫。其兩班，武自三太至都僉，文自尚書至侍郎，並得五代蔭。餘以次第減，武四品以下有軍功應受勅令，文中撫有佐貳有歷調，方得諸子官員，初受只饒一男，從官雜流各職與各門衛，吏正出身生徒之半。五十爲老頂，六十爲老饒。

裕宗保泰二年八月，議行武學，武選法設武學所，教授官，令功臣及諸臣子孫皆入學。習武經戰畧。與諸武藝，歲以春秋遊月。小習四仲月，大習春秋習藝。冬夏習文教，教授官舉中者調用，準定三年一試，凡天下俊秀亦聽應舉，其試法，先問孫子大義，通者許入較藝，一馬稍，二劍首，三舞刀，

終場試方策，合格者引入府庭覆試，隨高下叙用。

定國學鄉學試考。曩法國學以祭酒司業，爲講官。文武功臣子孫，並聽與士人入學，每日學官一小習考，諸生入學者四仲，監官一大習考。諸生與衆人四課預中，聽監官保舉，吏部除任，鄉學許校官教習。本府生及童生俊秀之願學者，月二課，中八期者，生考免歷考。童生更許入場。鄉試許縣官考曩，士人舉額以大小中縣爲限。大縣二百人中縣一百五十人，小縣一百人。所類撮尤，引納府尹二司詳考，有稍通次通之別，並聽相鳴比以定其要劣。三年定功臣文武蔭例，時開國功臣世久蔭遠，詐冒者衆。慎德，弘定間諸臣以扈從回鑾賜功臣號，衆蔭，亦多濫雜，又文武子孫統蔭，因循沿衆。等級未明，參從公沅請釐正從之。

四年九月定開國中興功臣統蔭例。

初設武舉科以子午卯酉所舉辰戌丑
未博舉並三年一試，其法先畧問武經
後登校武藝，終場試策一道較藝預中
爲生員官員子孫爲升生合式博舉終
場中格爲造士許同進士敘用三場預
擢取亦與同用。

裕宗永祚六年九月二十六日準給免
還田令，大元帥總國政安都王令旨：
上福縣，梁溪社功臣孫姪國敘榮，成
康屬，外孫阮闡黎政同族等乃前祖平
吳開國功臣特進全紫榮祿大夫入內
行遣門下省右諫議大夫翰林院承旨
大學士兼中書翰林掌六部尚書國子
三館事，亞智字賜金魚袋濟文侯柱國
阮鵬賜姓黎阮鵬多有勲勞有免還田
在古賢社九畝一高，在羅浮樸洞等社
三十畝九高共四十畝累奉仍留與子
孫世守祀事已經查寔等因應仍給上
項田付還孫姪阮庭光監守均分耕種，
以供祭祀祀表前勲，其奉差徵收并所
及各社民當奉鄰別員人不得妄爭違

者有國法在茲，令。（一所在本縣古賢社田共九畝一高。一所在本縣羅浮羅淵樓洞等社三十畝九高共四十畝）。永盛六年九月二十四日。

（給許本縣古賢社九畝八高九尺六寸令旨同，又給許天本縣不移社十五畝五高令旨同）。

懿宗永佑五年，旨令。宗室功臣苗裔有能糾率家丁及召募從義，願隨功討者，聽其啟聞，給糧械差行，隨功賞擢。

六年，錄用前代功臣子孫（時明王襲位）。

顯宗景興三十二年夏，命政府審覈職色，鄭王森（即靖王）以近來各職查雜。凡諸白丁受雜職色，並令正堂索實。

三十三年十二月定功臣統蔭例。



Phiên âm

Hy Tôn, Vĩnh Trị, nhị niên, thu, thất nguyệt. Định chư thân cấp văn vũ bách quan nhiều ẩm lệ. Tự Vĩnh Tộ sơ, quan quân dĩ tông hồi loan. viễn phát, toàn nhất thiết dự phong công thần hoạch tứ thế ẩm pha đa. Chí thị định lệ. Sáng nghiệp dĩ trung hưng công thần, vũ tự Đồ Đốc dĩ thượng, văn tự Thị Lang dĩ thượng tinh tứ lũy đại công thần quan viên tử tôn. Kỳ lưỡng ban : Vũ tự tam Thái chí Đồ, Kiểm, văn tự Thượng Thư chí Thị Lang, tinh đắc ngũ đại ẩm. Dư dĩ thứ đệ giảm, Vũ tự phẩm dĩ hạ, hữu quân công, lịch thụ sắc lệnh, văn trung phủ, hữu tá nhị, hữu lịch điệu, phương đắc chư tử quan viên. Sơ thụ chỉ nhiều nhất nam, tông quan tạp ư lưu các chức dĩ các môn nha lại chính xuất thân sinh đồ chi bán Ngũ thập vi lão hạng, lục thập vi lão nhiều.

Dụ Tôn Bảo Thái nhị niên, bát nguyệt. Nghị hành vũ học, vũ tuyền pháp, thiết vũ học sở, giáo thụ quan, lĩnh công thần cấp chư thần tử tôn giai nhập học. Tập Vũ Kinh, chiến lược dĩ chư vũ nghệ. Tuế dĩ xuân thu đệ nguyệt. Tiều tập tứ trong nguyệt. Đại tập xuân thu tập nghệ. Đồng hạ tập văn giáo. Giáo Thu quan cử trúng giả điều dụng. Chuẩn định tam niên nhất thí. Phạm thiên hạ tuần tú diệc thỉnh ứng cử. Kỳ thí pháp, tiên văn Tôn Tử đại nghĩa. Thông giả, hứa nhập giáo nghệ, nhất mã sáo, nhị kiếm thủ, tam vũ đao. Chung trường thí phương sách. Hợp cách giả, dẫn nhập phủ đình phúc thí. Tùy cao hạ tự dụng.

Định Quốc học, Hương học, thí khảo hạch pháp Quốc học dĩ Tế Tửu. Tự Nghiệp vi giảng quan. Văn vũ công thần tử tôn, tinh thỉnh dĩ sĩ nhân nhập học. Mỗi

nguyệt học quan nhất tiêu tập khảo. Chư sinh nhập học giả, tứ trọng Giám quan nhất đại tập khảo. Chư sinh dữ cử nhân tứ khóa dự trúng, thỉnh Giám quan bảo cử, Lại Bộ trừ nhiệm. Hương học hứa Hiệu quan giáo tập. Bản phủ sinh cập đồng sinh tuần tứ chi nguyên học giả, nguyệt nhị khóa. Trúng bát kỳ giả, sinh khảo miễn lịch khảo, đồng sinh cánh hứa nhập trường. Hương thí hứa Huyện quan khảo hạch. Sĩ nhân cử ngạch dĩ đại tiêu trung huyện vi hạn : đại huyện nhị bách nhân, trung huyện nhất bách ngũ thập nhân, tiểu huyện nhất bách nhân. Sở loại toát vu. Dẫn nạp Phủ Doãn nhị Ty tương khảo Hữu sảo thông, thứ thông chi biệt. Tịnh thỉnh tương minh, ty, dĩ định kỳ ưu liệt.

Tam niên, định công thần văn vũ ẩm lệ. Thời, khai quốc cộng thần, thế cửu ẩm viên, trá mạo giả chúng. Thận Đức, Hoảng Định gian, chư thần dĩ hồ tông hồi loan, tứ cộng thần hiệu tập ẩm, diệp đa lạm tập. Hựu văn vũ tử tôn nhiều ẩm, nhân tuần duyên tập, đẳng cấp vị minh. Tham Tụng Cộng Hăng thỉnh ly chính. Tông chi.

Tứ niên cửu nguyệt, định khai quốc, trung hưng cộng thần nhiều ẩm lệ.

Sơ thiết vũ cử khảo, dĩ ty, ngọ, mao, dậu sơ cử, thìn, tuất, sửu, mùi, bác cử. tịnh tam niên nhất thí, Kỳ pháp, tiên lược văn Vũ Kinh, Hậu diệp hiệu vũ nghệ, Chung trường thí sách nhất đạo, Giáo nghệ dự trúng vi sinh viên, quan viên tử tôn vi biên sinh. Hợp thức bác cử chung trường trúng cách vi Tào Sĩ, hứa đồng Tiến Sĩ tự dụng. Tam trường dự toát thủ diệp dữ đồng dụng.

Dụ Tôn, Vĩnh Thịnh, lục niên, cửu nguyệt, nhị thập lục nhật, chuẩn cấp miễn hoàn điền, lĩnh.

Đại Nguyên Sứ, Tổng Quốc Chính, An Đô Vương, lĩnh chỉ :

Thượng Phúc huyện, Nhị Khê xã, công thần tôn diet, Đoàn, Tự, Vinh, Thành, Liêm, Lưu, ngoại tôn, Nguyễn Giản, Lê Chính, đồng tộc đẳng. nãi tiền tổ. Bình Ngô, Khai Quốc công thần. Đặc Tiến, Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, Môn Hạ Tĩnh, Hữu Giám Nghi đại phu, Hàn Lâm viện Thừa Chỉ. Đại Học Sĩ, kiêm Trung Thư Hàn Lâm, Chương Lục Bộ Thượng Thư, Quốc Tử Tam Quán sự, Á Tri Tự, tứ kim ngư đại, Tế Văn Hầu, Trụ Quốc Nguyễn Trãi, tứ tước Lê Trãi, Đa hữu huân lao, hữu miễn hoàn điền tại Cồ Hiền xã, cửu mẫu, nhất cao ; tại La Phù, Phác động đẳng xã, tam thập mẫu, cửu cao, Cộng tứ thập mẫu, lũy phụng nhưng lưu dữ tử tôn thế thủ tự sự. Dĩ kinh tra thực đẳng nhân. Ung nhưng cấp thượng hạng điền phó hoàn tôn diet Nguyễn Đình Quan giám thủ, quân phân canh chủng, dĩ cung tế tự, biểu tiền huân. Kỳ phụng sai trưng thu tịnh sở cai cấp các xã dân đương phụng trả, biệt viên nhân bất đắc vọng tranh. Vi giả hữu quốc pháp tại. Tự lệnh.

(Nhất sở tại bản huyện Cồ Hiền xã điền cộng cửu mẫu nhất cao. Nhất sở tại Bản huyện, La Phù, La Uyên, Phác Động đẳng xã, tam thập mẫu, cửu cao. Cộng tứ thập mẫu.).

Vĩnh Thịnh lục niên cửu nguyệt nhị thập tứ nhật.

(Cấp hứa bản huyện, Cồ Hiền xã, cửu mẫu, bát cao cửu xích, lục thốn, lệnh chỉ đồng. Hựu cấp hứa tại Thiên Bản huyện, Bất Di xã thập ngũ mẫu, ngũ cao, lệnh chỉ đồng).

Y Tôn, Vĩnh Hữu, ngũ niên, chỉ lệnh: Tôn thất công thần, miêu duệ hữu năng củ suất gia đình cấp chiếu mộ tông nghĩa, nguyên tùy công thảo giả, thỉnh kỳ khai văn, cấp lương giới, sai hành, tùy công thưởng trạc.

Lục niên. Lục dụng tiền đại công thần tử tôn (thời Minh Vương tập vị).

Hiền Tôn, Cảnh Hưng, tam thập nhị niên, hạ mệnh chính phủ thẩm hạch chức sắc. Trịnh Vương Sâm (tức Tĩnh Vương) dĩ cận lai các chức vận tập, phạm chư bạch đình thu tập chức sắc, tịnh lệnh chính đường tra thực.

Tam thập tam niên, thập nhị nguyệt, định công thần nhiều ăm lệ.

Dịch nghĩa

Vua Hy Tôn, niên hiệu Vĩnh Trị năm thứ hai (1677), mùa thu, tháng bảy, Định lại lệ nhiều ăm các quan văn vũ. Từ đầu niên hiệu Vĩnh Tộ (Lê Thần Tôn), (1620), quan quân có đi theo loan giá từ xa trở về, đều được phong là công thần, rất nhiều được tập ăm. Đến nay, mới có lệ định rõ. Phạm các hạng sáng nghiệp, cùng trung hưng, vũ thì từ chức Đô Đốc trở lên, văn thì từ chức Thị Lang trở lên, con cháu đều đời đời được coi là con cháu công thần. Cả hai ban: vũ từ Tam Thái đến Đô Kiềm, văn từ Thượng Thư đến Thị Lang, đều được năm đời tập ăm. Còn ra đều theo thư bực bót dần. Vũ từ tứ phẩm trở xuống, có quân công, nhiều lần được sắc lệnh, văn thì ở các viện đã từng giúp việc, từng ở chức phó, thì con mới được kể là con quan viên. Mỗi quan

được một con giữ chức nha môn lại thuộc, một nửa số thuộc viên đó của bọn sinh đồ xuất thân. Năm mươi tuổi gọi là lão hạng, sáu mươi tuổi gọi là lão nhiều.

Vua Dụ Tôn, niên hiệu Bảo Thái, năm thứ hai, (1722), tháng tám. Đặt ngành vũ học, và thi võ. Đặt trường sở, giáo chức, cho con các công thần, cùng con bách quan được vào học, tập Vũ Kinh, tập chiến lược, cùng các môn vũ nghệ. Cứ tháng thứ hai trong mùa là có tiểu tập. Mùa xuân và mùa thu, có đại tập về các môn, mùa hạ và mùa đông thì tập về Kinh (vũ kinh, kinh sách). Các quan giáo xét thấy người khá thì bổ dụng. Chuẩn cho ba năm một lần thi. Phàm trong nước hạng tuần tú sắc sảo cũng được theo học. Về phép thi, trước hết hỏi đại nghĩa Tôn Tử. Thông hiểu được thì được tranh đua võ nghệ, môn đầu, múa thương, môn thứ hai, múa kiếm, môn thứ ba, múa đao. Cuối cùng là phương sách thi. Người hợp cách cả thì được dẫn vào Phủ thi lại, rồi xếp thứ tự trên dưới để bổ dụng

Về tổ chức Quốc học, Hương Học, Khảo thí, Phúc hạch. Quốc Học thì có chức Tế Tửu, Tư Nghiệp, làm giảng quan, Con cháu văn vũ công thần đều được vào học với các học sinh. Mỗi tháng, học quan một lần cho thi tiểu tập. Và cứ tháng thứ hai trong một mùa, là Giám quan đặt kỳ thi Đại Tập Khảo. Các học sinh cùng các thí sinh ứng cử trong bốn khóa, nếu trúng tuyển thì được giám quan bảo cử. Rồi giao cho chức vụ.

Ở Hương Học thì có Hiệu quan, Giáo tập. Người trong phủ (trong xứ) cùng các hạng đồng sinh tuần tú mà muốn học, thì mỗi tháng hai khóa. Trúng được tám kỳ thì xong. Thế là

đồng sinh được vào trường. Thi Hương thì giao cho huyện quan khảo hạch. Số người học hạn chế theo số các huyện lớn nhỏ. Huyện lớn, hai trăm người. Huyện trung một trăm rưỡi. Huyện nhỏ một trăm. Chọn lấy hạng trội hơn, đưa vào hai ty Phủ, Doãn, đề khảo sát kỹ, lấy trên dưới, cân nhắc, so sánh, để rõ hơn thua.

Năm thứ ba, định lệ tập ấm cho công thần văn võ. Thời đó, khai quốc công thần đã lâu rồi, tập ấm đã xa rồi, có nhiều việc giả mạo. Niên hiệu Thận Đức, Hoảng Định, (1600) các quan theo xa giá về Kinh được tập ấm vào hạng công thần, rất nhiều trường hợp lạm phát. Lại có con cháu văn võ, nhiều ấm, cứ lần lần tập ấm, đẳng cấp mập mờ, Quan Tham Tung Công Hãng xin điều chỉnh. Và được chấp thuận.

Năm thứ tư, tháng chín, định lệ nhiều ấm hạng công thần khai quốc, trung hưng.

Trước kia thì thi võ được tổ chức vào các năm tỵ, ngọ, mao, dậu, mà thi ở địa phương. Các năm thìn, tuất, sửu, mùi thì thi Bắc cử. Cứ ba năm một kỳ thi. Theo phép đầu tiên hỏi về Vũ Kinh, Rồi đến khảo xét các vũ nghệ. Cuối cùng là một bài văn sách. Trúng cách thi được là sinh viên. Con cháu quan viên thi được làm Biện sinh. Trúng cử kỳ Bắc cử, và trúng cách mọi môn thi được gọi là Tào Sĩ, bổ dụng ngang Tiến Sĩ. Cả ba trường cùng trội hơn hết cũng được như thế.

Vua Du Tôn, niên hiệu Vĩnh Thịnh năm thứ sáu, (1710) lệnh chuẩn cấp hoàn lại ruộng thờ.

Lệnh Chỉ Đại Nguyên Súy, Tổng Quốc Chính An Đô Vương :

Huyện Thượng Phúc, xã Nhị Khê, các cháu ba đời hàng công thần là Đoàn, Tự, Vinh, Thành, Liêm, Lưu, các cháu ngoại là Nguyễn Giản, Lê Chính cùng tôn tộc. Vốn có lỗ là : Bình Ngô Khai Quốc Công Thần, Đặc tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển Môn Hạ Tỉnh, Hữu Giám Nghị đại phu, Hàn Lâm viện Thừa Chỉ, Đại Học Sĩ kiêm Trung Thư Hàn Lâm Chưởng lục bộ Thượng Thư, Quốc Tử Tam Quán sự, Á Tri Tự, tứ kim ngư đại Tể Văn Hầu Trụ Quốc Nguyễn Trãi tử tính Lê Nguyễn Trãi. Có nhiều công huân đã được cấp ruộng cho con cháu thờ tự : tại xã Cồ Hiền chín mẫu một sào, tại các xã La Phù, Phác Đông, ba mươi mẫu chín sào. Cộng là bốn mươi mẫu. Sau khi tra xét, nay cấp lại cho các ruộng thờ đó mà được hạng ruộng thượng đẳng, giao cho cháu là Nguyễn Đình Quang giám thủ, chia ra để cày cấy, để cúng tế, biếu dương công lao, gom góp với các xã vốn vẫn cúng tế. Không ai được tranh giành. Trái lệnh đã có quốc pháp. Nay lệnh.

(Một sở tại bản huyện, xã Cồ Hiền, chín mẫu một sào. Một sở tại các xã La Phù, La Uyên, Phác Đông, ba mươi mẫu chín sào, cộng 40 mẫu).

Niên hiệu Vĩnh Thịnh, năm thứ sáu, tháng chín, ngày hai mươi bốn. (Cấp cho ở bản huyện, xã Cồ Hiền, chín mẫu tám sào, chín thước, sáu tấc, như trong lệnh chỉ. Lại cấp cho tại huyện Thiên Bản, xã Bất Di, mười lăm mẫu năm sào, theo như lệnh chỉ).

Vua Y Tôn, niên hiệu Vĩnh Hựu, năm thứ năm, (1739), lệnh chỉ : Giòng dõi tôn thất công thần, những ai đã biết tập hợp người nhà dòng đã chiêu mộ nghĩa quân, xin theo đánh dẹp, chạy giặc, đưa tin giúp lương thực, khí giới, cứ tùy công mà thưởng.

Năm thứ sáu, lục dụng con cháu công thần đời trước (năm đó về họ Trịnh là Minh Vương).

Vua Hiền Tông, niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 32, mùa hạ (1771), mệnh cho chính phủ xét chức sắc phẩm tước. Trịnh Vương Sâm (tức là Tĩnh Vương) thấy thời đó có nhiều gian lận, về chức sắc, mới sai xét lại hạng bạch đình mà có phẩm hàm để biết rõ hư thực. Năm thứ 33, tháng 12, định lệ cho nhiều ăm.



顯宗景興二十八年，八月，初八日，晉封大王勅。勅：平吳開國推忠贊治，合謀保正累代功臣特進金紫榮祿大夫入侍行遣門下省右諫議大夫吏部尚書，掌六部事，翰林院承旨大學士兼中書省，兼翰林院事，知經筵三館事亞智字賜金袋濟文侯封贈太保漢郡公加封應義建謀濟艱定難，宣猷迪德匡時弼辟贊聖翊運顯功揚烈大王。蓋世勲勞，格天功烈，相傳妙宣香德為國張不死赤心懿長默相洪開扶王傑猶生素節永記其存祀典，加封蓋衆昇華，為副王進封王位臨居政府尊扶社稷，鞏固洪圖禮有登秩應加封可加封（云云如上）宣靈延慶大王故勅（景興四十年，五月，十六日加封佐治迪猷勅文同）。

Phiên âm

Hiền Tôn Cảnh Hưng. Nhị thập bát niên. Sơ bát nhật.
Tấn phong Đại Vương sắc.

Sắc Bình Ngô khai quốc, thời trung tán trị, hợp mưu bảo chính, lũy đại công thần, Đặc Tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu. Nhập Thị Hành Khiển. Môn Hạ Tỉnh, Hữu Giám Nghị đại phu. Lại Bộ Thượng Thư. Chương lục bộ sự. Hàn Lâm viện Thừa

Chỉ Đại Học Sĩ, kiêm Trung Thư Tỉnh, kiêm Hàn Lâm viện sự, Tri Kinh Diên Tam Quán sự. Á Tri Tự. Từ Kim đại Tể Văn Hầu, phong tằng Thái Bảo, Khê Quận Công. Gia phong ứng nghĩa kiến mưu, tế gian, định nạn, tuyên du địch đức khuông thời bất tịch, tảo thánh diệc văn hiền công dương liệt Đại Vương.

Cải thế huân lao. Cách thiên công liệt. Tương hựu diệp tuyên duệ đức. Vị quốc chương bất tử xích tâm. Du trường mặc tương hồng đồ. Phù vương nghiêm do sinh tổ tiết. Vĩnh ký cụ tôn tự diên. Gia phong hợp cử di chương. Vị tự vương tiến phong vương vị. Lâm cư chính phủ. Tôn phù xã tắc. Cung cổ hồng đồ. Lễ hữu đẳng trật. Ứng gia phong, Khả gia phong (văn văn như thượng). Tuyên Linh Diên Khánh Đại Vương. Cổ sắc.

(Cảnh Hưng tứ thập niên, ngũ nguyệt, thập lục nhật. gia phong Tá Tri Dịch Du. Sắc văn đồng).

Dịch nghĩa

SẮC TẤN PHONG ĐẠI VƯƠNG.

Vua Hiền Tôn, niên hiệu Cảnh Hưng. năm thứ 28, tháng 8, ngày 8. Sắc : Bình Ngô khai quốc, thời trung tán trị, hợp mưu bảo chính lữ đại công thần. Đặc Tiến Kim Từ Vinh Lộc đại phu. Nhập Thị Hành Khiển. Môn Hạ Tỉnh, Hữu Giám Nghị đại phu. Lại Bộ Thượng Thư Chương lục bộ sự. Hàn Lâm viện Thừa Chỉ Đại Học Sĩ, kiêm Trung Thư Tỉnh, kiêm Hàn Lâm viện sự. Tri Kinh Diên Tam Quán sự. Á Tri Tự. Từ kim đại Tể Văn Hầu, phong tằng Thái Bảo, Khê Quận Công. Gia phong Ứng nghĩa kiến mưu, tế gian định nạn. Tuyên du địch đức Khuông thời bất tịch. Tảo thánh đức văn. Hiền công dương liệt Đại Vương.

Trùm đời công lao, ngang trời huân liệt.

Còn, mất, sân triều, tuyên đức sáng, vì nước vững lòng son

Trước sau trong trường quyết mưu cao, giúp vua bền một tiết.

Sử chép theo như điển pháp, gia phong thêm sáng đạo thường.

Tiến phong vương vị, tham chính công huân.

Tôn phù xã tắc, vững giữ non sông.

Theo lệ có thăng trật, gia phong là đúng nơi.

Cho nên sắc phong, Tuyên Linh Diên Khánh Đại Vương.

(Niên hiệu Cảnh Hưng, năm thứ 40, tháng 5, ngày 16.
gia phong : Tá trị dịch du, văn trong sắc viết đủ như trước).



皇朝嘉隆元年八月，初五日收錄功臣子孫詔：詔舊黎功臣子孫等欽知，身自黎太祖平吳開創，迨夫莊宗滅其中興，多有佐命元勳，厥後黎祚式微，西山扇亂，其功臣子孫衆皆沈抑，茲我勵志殲仇，削平亂畧。近念前代功臣所當存恤特詔頒下，係黎朝開國與中興功臣，經受加頒褒美榮蔭諸話勅。應許子孫近還金華殿學士清玉侯核實，轉奏。限十五日內事畢得憑，議行收錄，以昭厚道。欽哉特詔

是年，九月初九日準頒祀事統夫詔。詔舊黎功臣後裔阮爽欽知：爾之先祖太保漢郡公阮鷹，翊贊黎朝，平吳開國，考功第一，經加蔭爵，永保同休，迨西山扇亂，黎祚告終，爾祖家聲下同編戶。茲一戎大定，四海永清。既稽崇德之文，並舉錄功之典，准頒爾鷹統蔭嗣免身庸搜另詔移，世守阮鷹祀事。並許擇族內二平爲混夫，除免搜另，其身庸受納依例。以昭恤典欽哉。

特詔

Phiên âm

Hoàng Triều, Gia Long nguyên niên, bát nguyệt, sơ ngũ nhật. Thu lục công thần tử tôn chiếu.

Chiếu cữu Lê công thần tử tôn đẳng khâm tri, viết tự Lê Thái Tổ bình Ngô, khai sáng đại phủ Trang tôn diệt Mạc trung hưng, đa hữu tá mệnh nguyên huân. Quyết hậu Lê tổ thức vi Tây Sơn phiên loạn. Kỳ công thần tử tôn cử giai trầm ức. Tư ngã lệ chi, tiêm cữu tước bình loạn lược. Căn niệm tiền đại công thần, sở đương tồn tuất. Đặc chiếu ban hạ. Hệ Lê triều khai quốc dữ trung hưng công thần. kinh thụ gia ban bao mỹ tập ẩm chư cáo sắc, ưng hứa tử tôn đệ hoàn Kim Hoa Điện Học Sĩ, Thanh Ngọc Hầu hạch thực, chuyển tấu. Hạn thập ngũ nhật nội, sự tất đắc bằng, nghị hành thu lục, dĩ chiếu hậu đạo. Khâm tai. Đặc chiếu.

Thị niên. cữu nguyệt, sơ cữu nhật. chuẩn ban tự sự nhiều phu chiếu. Chiếu Cữu Lê công thần, hậu duệ Nguyễn Sáng, khâm tri: Nhĩ chi tiên tổ Thái Bảo Khê Quân Công, Nguyễn Trãi, dục tán Lê triều, bình Ngô khai quốc, khảo công đệ nhất, kinh gia ẩm tước, vĩnh bảo đồng hưu, Đại Tây Sơn phiên loạn, Lê tổ cáo chung. Nhĩ tổ gia thanh hạ đồng biên hộ. Tư nhất nhưng đại định, tử hải vĩnh thanh Ký kê sùng đức chi văn. tình cử lục công chi điển. Chuẩn ban nhĩ vi nhiều ẩm quyền miễn thân dng sưu lãnh chư vu, thế thủ Nguyễn Trãi tự sự. Tình hứa trạch tộc nội nhị suất vi sai phu, trừ miễn sưu lãnh, kỳ thân dung nạp thụ y lệ, dĩ chiếu tuất điển.

Khâm tai. Đặc chiếu.

Dịch nghĩa.**CHIẾU THU LỤC CON CHÁU CÔNG THẦN.**

Hoàng triều, Gia Long năm đầu, tháng tám, ngày mừng tám.

Chiếu cho bọn con cháu công thần triều Lê cũ được biết. Từ khi Lê Thái Tổ bình Ngô khai sáng, cho đến vua Trang Tôn diệt Mạc trung hưng, có nhiều phù tá công to. Rồi sau vận Lê suy vi, Tây Sơn phiến loạn, con cháu công thần đều bị mai một. Nay ta giốc chí diệt thù, dẹp yên phản loạn, Rồi nghĩ tới công thần triều trước cũng đáng tồn tuất, mới đặc ban chiếu, xét về triều Lê. công thần khai quốc cùng trung hưng, đã từng được ban cáo sắc, tập ấm, nay cho các con cháu đệ trình điện Kim Hoa Học Sĩ khảo xét, chuyển tấu. Hạn trong mười lăm ngày. công việc hoàn tất, để bằng cứ mà thu lục, cho rõ ơn trên. Khâm tai, đặc chiếu.

Năm đó, tháng chín, ngày mừng chín, có chiếu chuẩn ban cho tên nhiều phu coi việc thờ tự.

Chiếu cho Nguyễn Sảng, dòng dõi công thần cổ Lê được biết: Tiên tổ người là Thái Bảo Khê Quận Công, Nguyễn Trãi, giúp Lê triều, bình Ngô khai quốc, công đệ nhất, từng được gia ấm tước, cùng non sông lâu dài. Tới khi Tây Sơn phiến loạn, vận Lê cáo chung, gia thanh tổ tiên người thành cùng hàng thương dân. Nay, một mảnh nhung y, bốn bề yên định. Đã nên thành việc chuộng đức, lại theo phép cũ xét công. Chuẩn cho người làm nhiều ấm, miễn trừ phu dịch mọi khoản để trông coi việc tế thờ Nguyễn Trãi. Lại cho được chọn trong họ lấy hai tên làm sai phu, miễn trừ sưu dịch, được hưởng lộc theo lệ định. Để cho rõ việc tuất diên.

Khâm tai, đặc chiếu.



明命三年六月十七日，禮部奏駁蒙蔭議，禮部為題覆事，本年二月二十三目，北城總鎮臣奏叙，明命二年十一月，城轄山南鎮安府縣社奏稱前祖太保漢郡公阮廌，乃舊黎，平吳功臣，叔父某乃其後裔，壬戌年蒙得詔純統蔭並族內澗夫二平，庚辰病故，彼乃其長子，乞為統蔭繼守祀事，經飭兵曹臣究實，由部覆奏等因臣等查阮廌是舊黎功臣，一時功伐，其子孫蔭封三百餘年，食報亦云既厚，於嘉隆元年詔進統蔭，亦為格外隆施，非分之恩，未易數得，況世代連革，時異事殊，似不應援例，陳乞奏擬，平吳開國功臣後裔某奏單應駁，惟阮紹祀事舊准之澗夫業已成額，似應准許依舊二平，十一月十九日奉旨，所議是準依議欽此。

Phiên âm

MÌNH MỆNH TAM NIÊN, LỤC NGUYỆT, THẬP THẮT NHẬT, LỄ BỘ TẤU BẠC TẬP ẤM NGHỊ.

Lễ Bộ vì đề phúc sự. Bản niên, nhị nguyệt, nhị thập tam nhật, Bắc Thành Tổng Trấn, thần, tấu tỵ. Minh Mệnh, nhị niên

thập nhất nguyệt Thành Hại Sơn Nam trấn mỗ phủ huyện, xã mỗ tầu xưng tiên tổ Thái Bảo Khê Quận Công Nguyễn Trãi, nãi cựu Lê Bình Ngô công thần, Cai phụ, mỗ, nãi kỳ hậu duệ. Nhâm tuất niên, mong đắc chiếu, ban nhiều ăm, tính tộc nội sai phu nhị suất. Canh Thìn, bệnh cố. Bỏ nãi mỗ trưởng tử, khát vì nhiều ăm, kế thủ tự sự. Kinh sức hình tào thần cứu thực, do bộ phúc tầu đẳng nhân.

Thần đẳng phụng tra Nguyễn Trãi thị cựu Lê công thần, nhất thời công phạt, kỳ tử tôn ăm phong, tam bách dư niên. Thực báo diệp văn kỳ hậu. U Gia Long nguyên niên, chiếu chuẩn nhiều ăm, diệp vì cách ngoại long thi, phi phân chỉ ân, vị dị sô đắc. Huống thể đại thiên cách, thời dị sự thù, tự bất ưng viện lệ, trần khát tầu nghị. Bình Ngô khai quốc công thần, hậu duệ, mỗ tầu dân ưng bác. Duy Nguyễn Trãi tự sự cựu chuẩn chỉ sai phu, nghiệp dĩ thành ngạch, tự ưng chuẩn y cựu nhị suất.

Thập nhất nguyệt; thập cửu nhật, phụng chỉ sở nghị, thị chuẩn y nghị. Khâm thử.

Dịch nghĩa

BỘ LỄ TẦU BÁC VIỆC TẬP ẨM.

Minh Mệnh năm thứ ba, tháng sáu, ngày mười bảy.

Bộ Lễ vâng hồi, tầu trình. Năm nay, tháng hai, ngày 23, thần, Tông Trấn Bắc Thành, có sớ tầu : Niên hiệu Minh Mệnh năm thứ 2, tháng mười một, Thành hạt Sơn Nam trấn, mỗ, phủ huyện xã mỗ có kêu : Tiên tổ là Khê Quận Công Nguyễn Trãi vốn là Bình Ngô công thần cựu Lê. Cha tên đó là Mỗ, vốn

dòng dõi. Năm nhâm tuất, được chiếu ban chức nhiều ăm, cùng cho trong họ hai tên sai phu. Năm canh thìn, mỗ bị bệnh qua đời. Tên đó là con trưởng, xin làm nhiều ăm, nối việc thờ cúng. Sức cho lại thuộc thần, cứu xét. Thần phụng mệnh tra xét, Nguyễn Trãi là công thần cựu Lê, một thời công nghiệp con cháu hơn ba trăm năm tập ăm. Báo đáp như thế đủ là hậu. Niên hiệu Gia Long năm đầu, có chiếu chuẩn cho nhiều ăm, đó là ra ơn thêm, ngoài điển pháp, mấy khi đã a; được. Huống chi triều đại xa cách, thời khác, việc khác, không có lý viện lẽ. Xin tâu trình, nay bác việc xin của tên mỗ hậu duệ bình Ngô khai quốc công thần. Duy việc trước chuẩn cho tên sai phu giữ việc cúng lễ, việc đã thành lệ, thì xin ưng cho hai suất.

Tháng mười một, ngày mười chín. tâu trình. Đề nghị được chuẩn y Khâm thử.



明命十年，二月，初三日，禮部議停集
蔭澥夫疏禮部臣等爲議奏事。明命九
年，八月，二十六日，奉上諭舊黎開國
功臣後裔，嘉隆年間蒙得統蔭，係奉一
時特恩，非有定例，其應否繼集統夫
之處，著禮部查明詳議具奏。候旨，欽
此。欽遵臣等竊思實延于世，所以賜
厚道而答崇勲。惟於國家有大勲勞然
後可以膺殊報，查各處統蔭等之先祖，
翊扶王運誠爲有功，然於本朝未有尺
寸之勞也。奉世祖皇帝追念膺朝勲舊。
該後裔爲統蔭，使之承祀，所謂係
奉一時特恩，誠如聖諭殆非可以援而
爲例也，奉擬凡現存十三名聽其免除
及身而止。至如已故之二十八名均無
膺承集，嗣後不得邀請，再該等先祖
祀事，間有奉準二人爲澥夫，茲請并
行停罷，其原頒統蔭詔文各道，係奉
先朝恩給，該族奉之爲世寶，其應否
收銷之處，伏候敕下施行謹奏本月初
五日奉旨，故蒙功臣，殊非本朝功臣

者比，若果與葉蔭，則何以示區別乎。所有原領詔文該四十二道，著即行回納，由吏部化銷，現在之號另十三名著禮部換給憑，照各一道。餘依議欽此。

Phiên âm.

Minh Mệnh thập niên, nhị nguyệt, sơ tam nhật, Lễ Bộ nghị định tập ẩm, sai phu sở.

Lễ Bộ thần đẳng vi nghị tấu sự: Minh Mệnh cửu niên, bát nguyệt, nhị thập lục nhật phụng Thượng dụ, cữ Lê khai quốc công thần hậu duệ, Gia Long niên gian, móng đặc nhiều ẩm, hệ phụng nhất thời đặc ân, phi hữu định lệ. Kỳ ưng phủ kế tập nhiều phu chi xứ, trừ Lễ Bộ tra minh tường nghị cụ tấu, hậu chỉ. Khâm thủ. Khâm tuân, thần đẳng thiết tư: Thường diên vu thế, sở dĩ chiêu hậu đạo nhi đáp sùng huân. Dục ư quốc gia hữu đại huân lao, nhiên hậu khả dĩ ưng thù báo. Tra các xứ nhiên ẩm đẳng chi tiên tổ, dục phù vương vận thành vi hữu công. Nhiên ư bản triều vi hữu xích thốn chi lao dã. Phụng Thế Tổ Hoàng Đế truy niệm thắng triều huân cữ, chuẩn cai hậu duệ vi nhiều ẩm, sử chi thừa tự, sở vi hệ phụng nhất thời đặc ân. Thành như Thái thượng du đãi phi khả dĩ viện nhi vi lệ dã. Phụng nghĩ phạm hiện tồn thập tam danh, thỉnh kỳ miễn trừ cấp thân nhi chỉ. Chỉ như dĩ cổ chỉ nhị thập bát danh quân vô dung thừa tập, tự hậu bất đặc yêu thỉnh. Tái cai đẳng tiên tổ tự sự, gián hữu phụng chuẩn nhi nhân vi sai phu, tự thỉnh tinh hành định hải. Kỳ nguyên bản nhiều ẩm chiếu văn các

đạo. Hệ phụng tiên triều ân cấp cai tộc phụng chỉ vi thể bảo. Kỳ ưng, phủ thu tiêu chi xứ, phục hậu sắc hạ thi hành. Cần tấu.

Bản nguyệt, sơ ngũ nhật, phụng chỉ : Cố Lê công thần, thù phi bản triều cống thần già tể. Nhược khái dữ tập ẩm, tặc hà dĩ thị khu biệt hồ Sở hữu nguyên lĩnh chiếu văn, cai tứ thập nhị đạo, trừ tức-hành hồi nạp, do Lại Bộ hóa tiêu. Hiện tại chi nhiều nam thập tam danh, trừ Lễ Bộ hoán cấp bằng, chiếu các nhất đạo. Dư y nghị. Khâm thủ.

Dịch nghĩa

SƠ CỦA BỘ LỄ, NGHỊ, ĐỊNH : TẬP ẨM, SÁI PHU.

Niên hiệu Minh Mệnh, năm thứ Mười, tháng hai, ngày mùng hai, Thần đẳng bộ Lễ tâu việc đề nghị : Niên hiệu Minh Mệnh năm thứ chín, tháng tám, ngày hai mươi sáu, phụng thượng dụ rằng : Dòng dõi khai quốc công thần triều Lê cũ, trong

khoảng niên hiệu Gia-Long có được nhiều ẩm, đó là đặc ân nhất thời, chứ không phải là một định lệ. Hoặc cho, hoặc không cho nối chức nhiều phụ, là tùy nơi bộ Lễ điều tra tở tường tâu lên đề đợi chỉ khâm mệnh.

Thần đẳng thiết tưởng thưởng công là dễ rõ đạo báo đáp công cao. Chỉ có công lớn với quốc gia thì mới có báo đền. Tra xét, đã có nhiều ẩm, tức là tổ tiên họ đã giúp vua thành công, nhưng chưa có một tặc công với bản triều. Phụng mệnh Thế Tổ Hoàng Đế, truy nghĩ đến cựu huân thần triều cũ, có chuẩn cho dòng dõi được làm nhiều ẩm để giữ việc cùng tể, đó là đặc ân nhất thời, đúng như Thánh dụ, chứ không được viện cơ cho là một định lệ.

Vậy nghĩ rằng, hiện tại chỉ có 18 tên là được hưởng. Còn như 28 tên đã quá cố, đều không cho được tập ấm, con cháu không được xin. Vậy việc tế tự tổ tiên, thì đã có hai tên sai phu. Các điền cầu thỉnh khác đều bãi bỏ. Các đạo ấm nhiều ấm do triều trước ban cấp còn lại các người cho được cứ giữ, không phải thu lại, Xin chờ sắc lệnh thi hành. Kính tấu.

Cùng tháng, ngày mừng năm phụng chỉ : Công thần cố Lê có khác, không được so sánh với công thần bản triều. Nếu lại cùng cho tập ấm, thì sao cho khác nhau được. Bốn mươi hai đạo chiếu vốn đã lĩnh, nay tức thì nộp lại, rồi do bộ Lại thiêu hủy. Hiện tại có 13 tên nhiều nam, cho Lê Bộ đòi cấp từng bằng một.

Còn ra, cứ y theo đề nghị. Khám thử.



嗣德六年正月十四日。

勅，宣靈延慶之神護國庇民，給著靈
應肆令玉屑啟命，緬念神麻，可加封
贈俊遊剛忠中等神仍準上福縣古賢總
心溪社下村與神俊裔依舊奉事，神兵
相佑，保我黎民。 謹哉

Phiên âm

Tự Đức lục niên, chính nguyệt, thập tứ nhật.

Sắc : Tuyên Linh Diên Khánh chi thần, Hộ quốc tỳ dân, năm trứ linh ứng. Tứ kim phi ưng cảnh mệnh, miễn niệm thần hựu. Khả gia phong tặng, Tuấn Mại Cương Trung, Trung đẳng Thần. Nhưng chuẩn, Thượng Phúc huyện, Cồ Hiền tông, Nhị Khê xã, hạ thôn, dữ thần hậu duệ, y cựu phụng sự. Thần kỳ tương hựu, bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Dịch nghĩa

Niên hiệu Tự Đức, năm thứ sáu, tháng giêng, ngày mười bốn, Sắc :

Tuyên Linh Diên Khánh, Họ Quốc Tý Dân, đã nhiều
linh ứng. Nay đề cho sáng tỏ linh thiêng, thương dân ủng hộ,
nên gia phong: Tuấn Mai Cương Trung, Trung đẳng thần.
Lại chuẩn cho ở huyện Thượng Phúc, tổng Cồ Hiền, hạ thôn
xã Nhị Khê. cùng dòng dõi thần, cứ phụng thờ như trước.
Thần cứ giúp đỡ che chở dân ta. Khâm tai.



平 論 諸 說

聖宗製瓊苑歌詩云：抑齋心上光奎藻。原註：承旨冠服侯阮為號抑齋，於潤胡登第，聖祖創業之初嘉江歸附，內則贊畫帷幄之等畧，外則草諭列城之文書，華國詞章，寵任益重。正和冊封清使周燝使交吟有云：衣冠人物重南疆，自註理學則程泉，武審，經濟則吳挺之，阮忠彥，阮鷹梁世榮稱文學者頗多。厚齋阮氏曰：阮鷹之學一出於正，黎朝賢行文章之巨俊也。觀其以仁義而安所止，以和平而為樂本，太宗嘉納皆底于行，文章制度燦然可紀，紹平大寶之間，國中彊盛，遠方畏威慕德咸輸誠納款，以觀太平，鷹可謂無負當時之責望也。

Phiên âm

BÌNH LUẬN CHỮ THUYẾT.

Thánh Tôn Chế Quỳnh Uyển Ca Thi vãn: Úc Trai tâm thượng quang khuê藻. Nguyên chú: Thừa chỉ, Quan Phục Hầu Nguyễn Trãi, hiệu Úc Trai, ư nhuận Hồ đăng đệ. Thánh

Tồ sáng nghiệp chi sơ, Lôi Giang quy phụ. Nội tắc tán hoạch duy ác chi trừ lược, ngoại tắc thảo dụ liệt thành chi văn thư, Hoa quốc từ chương, sủng nhiệm ích trọng.

Chính Hòa sách phong, Thanh sử Chu Sán Sứ Giao ngâm hữu vân ; Y quan nhân vật trọng nam cương. Tự chú : Lý học tắc Trình Tuyên Vũ Duệ, Kinh tế tắc Mạc đỉnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Trãi, Lương Thế Vinh. Xưng văn học giả phá đa.

Hậu Trai Nguyễn thị viết : Nguyễn Trãi chi học nhất xuất ư chính, Lê triều hiền hạnh văn chương chi cự tuần dã. Quan kỳ dĩ nhân nghĩa nhi an sở chí, dĩ hòa bình nhi vi nhạc bản. Thái Tôn gia nạp, giai đề vu hành. Văn chương chế độ xán nhiên khả kỹ. Thiệu Bình, Đại Bảo chi gian, quốc trung cường thịnh. Viễn phương úy uy mộ đức, hàm thâu thành nạp khoán, dĩ quan thái bình. Trãi khả vị vô phụ dương thời chi trách vọng dã.

Dịch nghĩa

CÁC LỜI BÌNH LUẬN.

Trong sách Thánh Tôn Chế Quỳnh Uyển ca thi, có câu : Tâm sự Úc Trai như lòng ẩn ngọc. Và câu chú thích : Chức Thừa Chỉ Quan Phục Hầu Nguyễn Trãi, hiệu Úc Trai, đỗ tiến sĩ triều nhuận Hồ. Ban đầu, Thánh Tồ sáng nghiệp, theo Thánh Tồ ở Lôi Giang. Trong thì bày mưu đặt kế phù tá, ngoài thì thư từ khuyên dụ các thành, các trấn về hàng, cùng thư từ giao thiệp với nước Tàu, nhiệm vụ quan trọng. Niên hiệu Chính Hòa tàu sách phong, (1680) Sử triều Thanh là Chu Xán, trong tập

Sứ Giao Ngâm có câu : Về phương nam văn hóa trội hơn. Về Lý học thì có Trình Tuyên, Vũ Duệ, về kinh tế thì có Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Trãi, Lương Thế Vinh. Gọi là hạng văn học thì có nhiều.

Nguyễn Hậu Trai có nói : Nguyễn Trãi có được môn học chính tông. Về văn chương, về đức hạnh, dưới triều Lê, được vào hạng luân tú. Cứ coi việc lấy nhân nghĩa định được nước, lấy hòa bình làm gốc yên vui, thì biết rõ. Thái Tôn chuyên dùng nhân nghĩa, mọi việc sử sách còn ghi. Trong khoảng các năm Thiệu Bình, Đại Bảo, 1434, 1442, nước cường thịnh, bốn phương sợ uy, mến đức đều hàng phục, đều tới để được biết cảnh tượng thái bình.

Có thể nói là Trãi không phụ lòng trông mong đương thời.



惜乎天未欲平治天下，故公終於東遷行遠，不究所圖非公之不幸，乃黎生民之不幸也。●杜氏曰：自紹平，元平以後黎察執國政，引進同類，布滿朝廷，財利法制，開導上心，至是公得召見仁義安止之學，禮樂教化之書，各以當道引君，而太宗慨想堯舜之心，油然而生，商議之底行，松獄之寬貸，訓書之褒美，雅樂之命定，紹平之間，世用五平，使鷹得居位，則早不誦經，雷不說醢，而天變可回也，惜乎鷹之學，不得盡展於太宗之朝，而鷹之言不沒於史錄者，皆可為有國之常法。此所以邵祀山陵大祀記及輿地志，既不毀於延寧而又夢想於光順也。

Phiên âm

Đồ Thị Nghị viết: Tế Văn Hầu, văn chương đức nghiệp, Chu Văn Trinh chi ngoại, đương dữ Trần chi Minh Đạo, Chiêu Minh tương bá trọng. Hầu sơ tại Trần, trạc tiến sĩ đệ. Cập Minh nhân nhập quốc, duy dĩ tôn quốc vi niệm. Tuy Minh chi cao quan, hảo tước, chiêu chi bắt lại. Tây đường chi chăm quý du, cáo dĩ Bồ Đề thủy nhuận. Lượng Giang chi mộng, dữ đạo trung vương, cáo dĩ bích thủy thanh sơn chân nhân giả xuất. Nhân chi dĩ thức trần trung thiên tử yên. Đãi kỳ quyết sách quy Lệ, nhi Lợi vương Trãi tương chi dao hưng. (Việt Điện Mê Linh chú văn: Thuộc Minh triều thời, Trần Nguyên Hãn vi thời, dĩ mãi du vi nghiệp. Chí Tam Đảo tự, nhật mộ ký túc. Tứ canh mặt văn

hữu từ nội nhân tương ngữ. Xưng thiên đình bảo cử. Lam Sơn động chủ Lê Lợi vi An Nam quốc vương, Nhị Khê Nguyễn Trãi vi phụ.). Thử thời dĩ hữu công phụ chí vọng, minh lương khế hội, ngư thủy tương hoan. Thái Tồ thối Ý Thiên chi kiếm. (Lam Sơn ký: Lê Thận thường phao võng ư Lam Giang, đặc phiến thiết như dao, trường nhất xích dư. Trí ám xử hữu quang. Thái Tồ thù dĩ quy, Thử nhất phục đặc kiếm binh. Dĩ hợp kỳ kiếm, bất sai xích thốn). Tuy đồng đức chi thần. Nhi Công chi chế, các sắc, dụ, hữu dĩ kích quốc nhân chí chí biểu thư vãng phục, hữu dĩ đặc Minh nhân chí tâm. Tốt chí nam bắc bãi binh, thiên thư sơn hà, tiết nhiên y cựu. Lê chi sở dĩ đặc thiên hạ giả giai Công chi lực dã. Cập sự Thái Tôn, anh mưu, tráng du, xuất nhân ý biểu. Việt Nam dư địa chí, tắc cương giới chỉ biệt tường hỹ. Giao tự, đại lễ, ký tắc sự thiên chi hiệu chương hỹ. Định thượng tâm, tắc hữu nhân nghĩa chí ngôn, thạch khánh chi đồ. Hậu dân sinh tắc hữu huấn đạo chi thư, tông thương chi tích. Sử thiên bất sinh Lê Sát ư kỳ gian. Công đặc dữ Lý Tử Tấn, Nguyễn Thiên Hựu, Nguyễn Hữu Tích, Phan Thiên Tước, chư quân tử dĩ tư đạo tướng thiên tử, tắc Đường Ngu Tam Đại chi trị khả phục kiến ư đương nhất bỹ. Tích hồ, thiên vị dục bình trị thiên hạ, cố công chung ư đồng đạo Hành Khiển, bất cứu sở đồ. Phi Công chi bất hạnh, nãi Lê sinh dân chi bất hạnh dã.

Đỗ Thị viết: Tự Thiệu Bình nguyên niên dĩ hậu, Lê Sát chấp quốc chính, dẫn tiến đồng loại, bố mẫn triều đình, tài lợi pháp chế, khai đạo thượng tâm. Chí thị, Công đặc triệu kiến nhân nghĩa an chí chí học, lễ nhạc giáo hóa chi thư, các dĩ đương đạo dẫn quân, nhi Thái Tôn khái tướng Nghiêu Thuấn chí tâm, du nhiên dĩ sinh, thương nghị chi đề hạnh, tụng ngục chi khoan thái, huấn thư chi bao mỹ, nhã nhạc chi mệnh đình, Thiệu Bình chi gian, thể dụng phi bình, sử Trãi đặc cư tướng vị, tắc hạn bất tụng kinh, lời bất thiết

tiêu, nhi thiên biến khả hồi dã. Tích hồ, Trãi chi học, bất đắc tân triện ư Thái Tôn chi triều, nhi Trãi chi ngôn bất một ư sử lục giả, giai khả vi hữu quốc chi thường pháp. Thử sở dĩ Giao, Tự, Sơn Lăng, đại tự ký cập Dư địa chí, ký bất hủy ư Diên Ninh, nhi hựu mộng tưởng ư Quang Thuận dã.

Dịch nghĩa

Đỗ Nghi nói : Văn chương, sự nghiệp của Tế Văn Hầu, thì ngoài Chu Văn Trinh ra, có thể ngang với Minh Đạo Chiêu Minh đời Trần. Hầu ở triều Trần đã đỗ tiến sĩ. Khi giặc Minh vào nước, Hầu nhất tâm vì quốc, dù Minh có muốn lấy quan cao tước quý để dụ dỗ, Hầu không theo. Khi ở viện sách chờ thời, đã được biết rồi đây thiên hạ thái bình, Khi tới Lương Giang, nhờ thần báo mộng, mà được biết chân chúa nơi non xanh nước biết, để đi tìm vua đang ở trong cảnh trần ai. Rồi mới nhất tâm theo Lê, mà rồi câu đồng dao được nảy ra : Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm tướng. (Sách Việt Điện Mê Linh có ghi việc : Trong thời nước ta thuộc về Minh (một triều đại nước Tàu), Trần Nguyên Hãn hàn vi làm nghề bán dầu kiếm ăn. Đi bán tới đền Tam Đảo, trời tối vào đền ngủ trọ. Đến cuối canh tư nghe trong đền có tiếng người nói với nhau rằng, trên thiên đình đã cử người chủ đất Lam Sơn, là Lê Lợi làm vua nước An Nam, mà Nguyễn Trãi ở làng Nhi Khê, thì làm tướng). Thời đó ý chí của Hầu đã rõ rệt. Minh quân lương tướng gặp nhau, Cả nước rùng rẩy tới hội. Thái Tổ mài gươm thần, (Theo sách Lam Sơn Ký, Lê Thận thường quăng

chài lưới ở sông Lam Giang. được mảnh sắt như hình lưỡi gươm, dài hơn một thước, đặt nơi tối thì thấy lấp lánh. Thái Tồ lấy đem về. Ngày hôm sau, lại được cái cán, đem tra vào thì ăn khớp không sai phân ly). Thái Tồ họp tụ được các bày tôi cùng tài đức. Hầu thì chuyên viết chế, cáo sớ, dụ kích thích lòng dân, chuyên viết thư, biểu cho người Minh, được lòng người Minh. Rốt cuộc, hai nước bãi binh, theo đúng như thiên thư đã tiết nhiên định phận cho nước ta. Lê mà được nước, toàn nhờ Công.

Tôi đời Thái Tôn, mưu cơ sách lược thật là cao siêu, bản đồ Việt Nam vẽ cương giới thành rõ rệt, Về lễ nghi tế tự, thì đúng cách thờ trời, về giúp vua thì lời nói toàn nhân nghĩa đạo lý, luật pháp thì nghiêm minh. Đối với dân có văn sách dân dụ, thóc lúa có đụn kho.

Thiết sử trời không sinh ra bọn Lê Sát trong thời gian đó, mà ông được cùng với Lý Tử Tân, Nguyễn Thiên Hựu, Nguyễn Hữu Tích. Phan Thiên Tước, cùng bọn quân tử đó đem đạo giúp vua, thì có thể thấy lại được chính trị đời Đường. Ngụ, Tam Đại. Đáng tiếc là trời chưa muốn cho thiên hạ thái bình, cho nên ông không làm chủ chính trị nữa. Chỉ ông không nổi được, không phải riêng ông không may, mà là toàn dân thời Lê không may.

Họ Đỗ nói: Từ năm đầu Thiệu Bình về sau (1434) Lê Sát giữ quốc chính, dùng toàn bọn đồng bè lũ, đầy rẫy triều đình, dẫn dụ vua về pháp chế, về tài lợi. Công vi được triệu tới giúp vua, hành chính thì yên dân bằng nhân nghĩa, dạy

đồ bằng lễ nhạc, Thái Tôn thì có tâm Nghiêu, Thuấn, chăm chú làm việc hay, các đề nghị được thi hành, việc hình ngục được khoan giảm, lời dạy dò thành đẹp, phép nhĩ nhạc được quy định, tất là phải được đại trị. Trãi ở đúng ngôi vị, thì đến mùa màng cũng không có hạn hán, vận trời cũng xoay lại, tai biến không còn là việc thường.

Đáng tiếc cho tài học Trãi không được tận dụng ở triều Thái Tôn, Thế mà lời Trãi ghi trong sử không mất, phép Trãi đặt ra vẫn là quốc pháp. Cho nên, tế tự xã tắc, bờ cõi giang sơn, thời Diên Ninh, (Thái Tôn) đã không hủy bỏ, mà còn mong hoàn thành được ở đời Quang Thuận, (Thánh Tôn).



蘇世輝羣賢賦序云，自陳朝迄今，潛
 鍾無慮千百，而詞章鳴于世者有數焉，
 阮公汝弼浚其源，陶公師錫導其流，
 李拙療，阮菊披敷公之揚其波，陳密
 祭阮抑齋諸賢之助其瀾，天下雄文莫
 大於是，所謂水之江漢星之斗牛者也
 (時保泰)。

Phiên âm

Tô Thế Huy, Quần Hiền Phú Tự vân : Tự Trần triều
 hát kim. tấn thân vô lự thiên bách. Nhi tư chương minh vu
 thế giả hữu sở yên. Nguyễn công, Nhữ Bất tuần kỳ nguyên.
 Đào công, Sư Tích đạo kỳ lưu. Lý Chuyết Liễu, nguyên Cúc
 Pha sở công chi dương kỳ ba. Trần Mật Liêu, Nguyễn Úc Trai
 chư hiền chi trợ kỳ lan. Thiên hạ hùng văn mạc đại ư thị. Sở
 vị thủy chi Giang, Hán, tinh chi Đầu Ngưu giả dã (thời
 Bảo Thái).

Dịch nghĩa

Trong bài tựa sách Tô Thế Huy Quần Hiền Phú có đoạn :
 Từ triều Trần đến nay, bọng mũ ác cân đai, kẻ hàng trăm,
 hàng ngàn. Thế mà văn chương để tiếng lại chỉ có vài người
 thôi. Nguyễn Như Bất bắt đầu khơi nguồn, Đào Sư Tích dẫn
 cho nước chảy, Lý Chuyết Liễu, Nguyễn Cúc Pha làm cho nổi
 sóng, Trần Mật Liêu, Nguyễn Úc Trai giúp cho sóng gợn. Hùng
 văn trong nước chỉ có thế. Y như sông thì chỉ có Giang, Hán
 mà sao thì chỉ có Ngưu, Đầu. (thời Bảo Thái, 1720).



吳千峯曰：陳季之士，阮抑齋乃其最。他如阮子晉，武夢源，潘孚先，阮天鑑諸人，亦卓然為一時文章巨擘。

Phiên âm

Ngô Ngô Phong viết : Trần quý chi sĩ, Nguyễn Ưc Trai nãi kỳ tối. Tha như Nguyễn Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Phan Phù Tiên, Nguyễn Thiên Tùng chư nhân, diệc trác nhiên vi nhất thời văn chương cự phách.

Dịch nghĩa

Ngô Ngô Phong nói : Nhân sĩ thời cuối Trần có Nguyễn Ưc Trai là trội hơn cả. Còn như bọn Nguyễn Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Phan Phù Tiên, Nguyễn Thiên Tùng, đều cùng là hạng văn chương cự phách nhất thời.



見聞阮錄云：廌以章肅侯外孫阮飛卿之子，胡朝進士聞望稔矣。嘉江謁見，遂受知遇。飛書草檄一世獨步。位尚書階功臣。觀其輔政兩朝，盡忠納諫屢見阻抑。曾不少屈，處其絳灌之間，殊費調劑，而昧於止足，更不令終。悲夫，遠孫曾出其追贈制有曰：風虎龍雲之會，猶憶前緣，文章事業之傳永垂來世。蓋佐命元勳，千古自不泯云。

Phiên âm

Kiến Văn Nguyễn Lục vân : Trãi dĩ Chương Túc Hầu ngoại tôn. Nguyễn Phi Khanh chi tử. Hồ triều tiến sĩ, văn vọng nãi hỹ, Lỗi Giang yết kiến, toại thụ tri ngộ. Phi thư thảo hịch, nhất thể độc bộ, Vị Thượng Thư, giai công thần. Quan kỳ Phụ Chính lương triều, tận trung nạp hối, lữ kiến trở ức, tăng bất thiếu khuất. Xử kỳ Giảng, Quán, chi gian, thù phi điều tễ, nhi muội ư chi túc, cánh bất linh chung. Bi phù. Viễn tôn tăng xuất kỳ truy tặng chế, hữu viết: Phong hổ long vân chi hội, do ức tiền duyên. Văn chương sự nghiệp chi truyền, vĩnh thù lai thế. Cái tá mệnh nguyên huân, thiên cổ tự bất泯 vân.

Dịch nghĩa

Sách Kiến Văn Nguyễn Lục có chép: Trãi là cháu ngoại Chương Túc Hầu, là con Nguyễn Phi Khanh, đỗ tiến sĩ dưới

triều nhà Hồ, được tiếng đã từ lâu, Sau lễ yết kiến tại Lối Giang, được ơn tri ngộ. Một đời, một mình chuyên việc văn từ ngoại giao, cùng thảo hiểu dụ, hịch văn. Vị thứ là Thượng Thư, cấp bậc là công thần. Cứ coi việc Phụ Chính trải hai triều, hết lòng trung rắn can nhiều khi gặp trở ngại, mà không chút lùi bước. Ở giữa các Công Hầu thì ung dung điều động, mà sao về tri túc, tri chỉ thì mờ tối đến nỗi đời không trọn. Đáng thương thay. Một người cháu khi cho coi sắc truy tặng, có câu : « Gặp hội phong hồ, vân long, lại nhớ đến tiền duyên. Sự truyền văn chương, sự nghiệp, còn lâu về hậu thế ». Mới biết hạng tá mệnh, nguyên huân, nghìn năm không mất.



通史文藝志序云：我國號稱文獻，上而帝王，下而臣庶，莫不各有著述會而總之，不過百有餘帙，當陳盛時，文雖彬彬，典章極備，藝宗初，占域入寇，燔掠殆盡，是後稍稍收集，逮閔胡失守，明張輔悉取古今書籍送金陵。本朝扒亂興治，阮抑庵李子晉潘孚先。諸名儒，相與搜尋典憲採括遺文，兵火之餘十存四五。

Phiên âm

Thông Sử Nghệ Văn Chí tự vân: Ngã quốc hiệu xưng văn hiến, thượng nhi đế vương, hạ nhi thần thứ. Mạc bắt các hữu trước thuật Hội nhi tổng chi, bất quá bách hữu dư trật. Đường. Trần thịnh thời, văn nhã bản bản, điển chương cực bị. Nghệ Tông sơ, Chiêm Thành nhập khẩu, phần lược đãi tận, Thị hậu sảo sảo thu tập. Đại Nhuận Hồ thất thủ, Minh Trương Phụ tất thủ cò kim thư tịch tổng Kim Lăng. Bản triều bát loạn, hưng trị, Nguyễn Úc Trai, Lý Tử Tấn, Phan Phù Tiên chư danh nho, tương dữ sưu tầm điển thực thái quát di văn, binh hỏa chi dư, thập tôn tứ ngũ.

Dịch nghĩa :

Bài Tựa quyền Thông Sử Nghệ Văn Chí có chép: Nước ta xưng là nước văn-hiến, trên có đế vương, dưới có thần.

dân. Về trước thuật, tất cả các hạng trật, tính gộp lại được độ hơn trăm bộ. Đương thời nhà Trần còn thịnh, thì văn chương rục rỡ, điển pháp đầy đủ. Thời Nghệ Tôn, giặc Chiêm Thành vào quấy phá, đã cướp mất gần hết. Về sau dần dần thu thập lại. Nhưng đến khi nguy Hồ không giữ được nước, giặc Minh do Trương Phụ dẫn tới cướp thu lấy hết đem về Kim Lăng. Đến triều Lê ta, giặc loạn, trị nước yên dân, thì các danh nho, Nguyễn Ước Trai, Lý Tử Tấn, Phan Phù Tiên, cùng nhau sưu tầm các pho sách, nhặt nhạnh thu gộp lại. Thành ra sau cuộc binh hỏa, mười phần còn được bốn năm.



裴存庵雜說云：凡看文字，當辨其言之醇疵，考其人之能否，如張漢超，黎适爲之志排異端以振頹俗。陳廷琛，黎公廌，號能詩。或行己有恥不辱君命，或卓有經濟之業，莫提之以賦稱亦有節清，阮直善四六而遇變不渝，謙恭自保君子所樂道者類此。若浮詞無味與文勝於行者無稱焉。又曰：順天洪德之間，以詩名數十家，詞警意健不忘君親則黎公廌。有奇藝則李公于構。淵奉得體則申公仁忠。清遠則蔡公順。情至則黃公德良。尤爲人所稱道。

Phiên âm

Bùi Tồn Âm Tập Thuyết văn : Phạm khản văn tự, đương biện kỳ ngôn chí thuần tỳ, khảo kỳ nhân chí năng phủ. Như Trương Hán Siêu, Lê Quát, vi văn chí, bài dị đoạn dĩ trấn đời tục. Trần đình Sâm, Lê Công Trãi, hiệu năng thi, hoặc hành kỷ, hữu sĩ, bất nhục quân mệnh, hoặc trác hữu kinh tế chí nghiệp. Mạc Đình Chi dĩ phú xưng diệc hữu thanh tiết. Nguyễn Trục thiện tứ lục, nhi ngô biến bất du. Khiêm cung tự bảo, quân tử sở lạc đạo giả, loại thử. Nhược phủ từ vô vị, dĩ văn thắng ư hành giả, vô xưng yên.

Hựu viết : Thuận Thiên, Hồng Đức chỉ gian, dĩ thi danh sô thập gia. Từ cảnh ý kiện, bất vong quân thân, tặc Lê Công Trãi. Hữu ký khái tặc Lý Công Tử Cầu. Thù phụng đắc thể, tặc Thân Công Nhân Trung. Thanh viễn tặc Sái Công Thuận. Tinh chí tặc Hoàng Công Đức Lương. Vưu vi nhân sở xưng đạo.

Dịch nghĩa

Trong sách Bùi Tồn Am Tập Thuyết có đoạn : Phàm xét văn chương, nên biện rõ lời có thuần hay còn vết, xét người có tài hay không. Như Trương Hán Siêu, Lê Quát, viết văn răn mê tín, dối tục xấu. Trần Đình Sấm, Lê Trãi có tài thơ, làm người có liêm sỉ, không nhục mệnh vua, mà lại trọi về tài kinh tế. Mạc Đĩnh Chi có bài phú rõ được tiết tháo. Nguyễn Trục giỏi về lối văn tứ lục, gập biến mà không đổi. Tinh nét đều khiêm cung, thực rõ là quân tử lạc đạo. Nếu như văn, thấy lợi vô vị, văn lại quá thực, thì sao có khen được.

Lại có đoạn : Trong khoảng Thuận Thiên, Hồng Đức, nổi tiếng về thơ có vài mươi người. Lời răn rỗi, ý mạnh mẽ, không quên đạo quân, thân, thì có Lê Trãi. Ý tứ cao siêu thì có Lý Tử Cầu, Lối thù phụng đúng cách thì có Thân Nhân Trung. Nhẹ nhàng sâu xa thì có Sái Thuận. Tinh cảm dồi dào thì có Hoàng Đức Lương. Tất cả đều được tiếng khen.



范立齋撰祠堂聯云：事業文章開國首，
旂常帶礪故家聲。功存開國藍山錄。
慶衍傳家故邑祠。英雄氣魄依高廟，
瑚濟勲勞感聖朝，功齊藍岳千峯峙。
慶共蘇江一帶流。

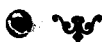
Phiên âm

Phạm Lập Trai soạn từ đường thiếp ván : Sự nghiệp văn chương khai quốc thủ. Cờ thường đại lệ cố gia thanh. Công tồn khai quốc Lam Sơn lục. Khánh diễn truyền gia cố ấp từ. Anh hùng khí phách y cao miếu. Dự tể huân lao cảm thánh triều. Công tề Lam nhạc thiên phong trĩ. Khánh cộng Tô giang nhất đại lưu.

Dịch nghĩa

Sách Phạm Lập Trai Soạn Từ, Đường, có các câu đối :

Văn chương sự nghiệp công khai quốc, cờ, biển non sông tiếng cố gia. Cờ tể truyền gia đền ấp cũ, Công cao khai quốc sử non Lam. Cao miếu anh hùng còn khí phách, Thánh triều tả hữu vẫn khuông phù. Lam lĩnh công cao nghìn ngọn thắm, Tô giang phúc trạch một giòng xuôi.



見聞錄云：陳朝賦，多奇偉，流麗韻致格調。殆類有宋。今所存者，只有阮汝弼，陳公瑾，史希顏，范鏡漢，葛挺之，張漢超，阮伯聰，陶師錫，阮飛卿，段春雷，諸賦體，十三篇見於羣賢賦集中而已。

Phiên âm

Kiến Văn lục vân : Trần triều phú, đa kỳ vĩ, lưu lệ vận, trí cách từ. Đãi loại Hữu Tống. Kim sở tồn giả, chỉ hữu Nguyễn Nhữ Bật, Trần Công Cẩn. Sử Hy Nhan, Phạm Kinh Khê, Mạc Đĩnh Chi, Trương Hán Siêu, Nguyễn Bá Thông, Đào Sư Tích, Nguyễn Phi Khanh, Đoàn Xuân Lôi, chư phú thể, thập tam thiên kiến ư Quần Hiền Phú tập trung nhi dĩ.

Dịch nghĩa

Sách Kiến Văn Lục có chép : Các bài phú về triều nhà Trần, nhiều bài kỳ vĩ, vận khéo, lời đẹp. điệu lưu loát, như lối phú thời Tống. Nay còn lại chỉ có Nguyễn Nhữ Bật, Trần Công Cẩn, Sử Hy Nhan, Phạm Kinh Khê, Mạc Đĩnh Chi, Trương Hán Siêu, Nguyễn Bá Thông, Đào Sư Tích, Nguyễn Phi Khanh, Đoàn Xuân Lôi, tất cả còn có 13 thiên, trong tập Quần Hiền Phú.



人物志云：公以文章謀畧，得君經世，爲開國第一功臣，晚路問退，尤無貪戀之意。獨以妖女業報，平累功名，當時咸惋惜之，然事久論定，是非自明，聖宗詩云：抑齊心上光臺落，蓋深嘆美之也。

Phiên âm.

Nhân vật chí vân : Công dĩ văn chương mưu lược, đắc quân kinh thế, vi khai-quốc đệ nhất công thần. Văn lộ nhân thoái. Vưu vô tham luyến chi ý. Độc dĩ yêu nữ, nghiệp báo tốt lụy công danh, đương thời hàm oán tích chi. Nhiên sự cử luận định, thị phi tự minh. Thánh Tôn thi vân : ức Trai tâm thượng quang khuê tảo. Cái thâm thân tiền chi dã.

Dịch nghĩa

Trong quyển Nhân Vật Chí có đoạn : Công vì văn chương, vì mưu lược, được vua giao cho việc nước, thành vị khai quốc công thần thứ nhất. Lúc có tuổi, lui về, chứ đâu có ý tham luyến. Chỉ vì yêu tình báo oán, hại tới công danh, đương thời hàm oán, thật đáng tiếc. Nhưng lâu dần, luận định rõ rệt, phải trái. Thánh Tôn có câu thơ : Tâm sự ức Trai như lông ấn ngọc. Coi câu thơ biết là Thánh Tôn rất than tiếc.



天南實錄云：抑齋佐太祖定天下，一時命今文書多屬公筆。其作平吳大誥文有曰：遂使宣德孩童贖兵無厭，蓋深忌明人擾害我國。故斥明帝號也，北人見之批云：作此文者，子孫必不全，其後因氏路染禍，人以爲驗。先生其氏路俗傳乃蛇妖化身。少時文辭甚麗，尤善國語唐律，詩與公鳴和所作以百篇，數世不得傳，其和公惜字詩云云，後遂爲先生稼禍，其風稜畧見於此。

Phiên âm

Thiên Nam Thực Lục vân : Ưc Trai tá Thái Tổ định thiên hạ. Nhất thời, mệnh lệnh văn thư đa thuộc Công bút. Kỳ tác Bình Ngô đại cáo văn, hữu viết : Toại sử Tuyên Đức giáo đồng độc binh về yểm, Cái thâm ố Minh nhân nhiều hại ngã quốc, cố xích Minh dè hiệu dã. Bắc nhân kiên chi phê vân : Tác thử văn giả, tử tôn tất bất toàn. Kỳ hậu nhân Thị Lộ nhiệm họa, nhân dĩ vi ngiểm. Tiên sinh thê, Thị Lộ, tục truyền nãi xà yêu hóa thân Thiều thời, văn từ thậm lệ, vu thiện quốc ngữ đường luật, thi dữ Công minh hòa, sở tác dĩ bách thiên. Sở thê bất đắc truyền, kỳ họa Công tình tự thi vân vân. Hậu toại vi tiên sinh giá họa. Kỳ phong lãng, lược kiến ư thử.

Dịch nghĩa

Sách Thiên Nam Thực Lục có chép : Úc Trai giúp Thái Tổ định được thiên hạ. Trong suốt thời gian đó, phần nhiều văn từ tự ông soạn ra. Khi làm bài Bình Ngô đại cáo có viết câu : Đưa trẻ ranh Tuyên Đức thích dùng đồ binh không chán. Đọc câu đó biết công ghét giặc Minh nhiều hại nước ta, cho nên gọi thẳng ngay tên hiệu vua Minh. Người Tàu đọc có phê bình : Người làm bài này, con cháu sẽ không được toàn. Về sau nhân Thị Lộ, Công bị họa, người ta cho là lời nói nghiệm. Tiên sinh có người vợ (chữ vợ e dùng sai), tục truyền là tự con rắn hóa thành người. Lúc ít tuổi văn thơ, nhất là thơ nôm đường luật, có xướng họa với Công đến trăm bài. Các thơ tình từ họa với Công đến vài đời không truyền lại. Về sau gieo họa cho tiên sinh. Về chuyện địa lý, phong thủy, có nói tới.



旣服福官，寇其時，暮聞公有，色曰：「盡言君問。
 鷹鳳上，避，其時，暮聞公有，色曰：「盡言君問。
 公卿之士，公句詩業。夜國事主物王姊，責其為細。
 象飛于遠，卿之於為祠。辭日國陳。仙不公，黎乎。
 侯公墳，朝寺原之，油仲王今南，之。帝。：知。
 文卿先，胡隨中見，曾翁所問，以臣叩洩上之。曰：「
 濟寺杆，舉，望位，以孝，王帝為位，敢，昭呼之。未。
 朝父，嘗公亡，斗位，杆王帝，上薦公不言萬主。獨。
 先阮，水。胡牛，位，元大朝回：黎。所之一。夢。
 ：姓，馬。依心，陳康僧朝曰：黎。告，人金夢。
 云原風家，掌夜之，人禧王鳴神，君以事婦，冥主。
 緣生好，因正有世，沙宿，遼鷄，神君，為公秘，且烈容。
 偶先少。臺，憫霍香神，鷄，令利得庭，詳或仙，為臣。
 滄壽，漢之山，時，西瑞邑宿，旣黎。天其具，請利。
 桑都人，鷹卿，堯燕，燕山，通傳，寄何命之，知盡，黎。

位中寬。去業之觀。祖來之。使形其業之相。兵。懷。陳田公。劉辭君。候戶太。而笑。授火。請木。食更起。帷。借自，且。爲再。開。涉。祖。館。鷄。競。中。蟻，戍。謀。公牛具，矣。利。盡。夜。入。跋。太。築。做，山。虫。神。戊。參。黃。治。肉。我。黎。，門。等。，。摺。之。書，爲，嘗。也。驅。豚。割。給。曰。耳。劍。推。某。耳。可。窺。見。遍。臣。以。衆。公。人，烹。刀。主。主。降。神。陳：主。未。濃。兒。脂。爲。見。日，山。鋤。諱。操。容。未。書。借。曰。下。曰。燕。他。滿。廳。者。者。戰。藍。荷。先。祖。仙。金。星。兵，地。天。公。及。戲。嘗。黎。樵。附。餘。化。葛。值。太：之。天。得。之。伏。爲，鼓。以。又。君。採。歸。十。清。短。見。曰。索。但。始。窺。皆。能。兵。弄，爲，故。二。：方。宿。陳。而，祖。潛。公。起。小。子。學。利。畫。以。凡。曰。祖。信。繁。謂。主。命。太。公。出。明。謀。製。童。從。黎。宇，後。太。留。執。私。謁。成。時，劍。以，掌。使。往：成。語。前。之。候。反。下。嘆，有。書。伏，之，，，父。曰。穿。告，

明達以昇沐。初辛酉授復江力諸皆之承志，迨
 ，明進柳。還平而而姓陳於氣碑，出士之閣京北
 都，並新入北紹節議國。授有道制教學隱烟在
 東未道，餘使。大和賜事家灝神妃辱林棲名墅
 過丁分山百縱撰臨決功館舉渾陵太，輪有別
 進。晟鞍三，所策身以三忌章永皇獄兼，身外
 ，守沐馬等降公仗填。知見文，為下夫淡：，有
 捷拒公于聚門皆門口也。遣宗公語儀事大恬曰：幽
 大城國戰崔開命韓虎實行聖，大昭以議性詩山
 洞櫻齡與，通詞：，其內以沙吳贈常諫侯人故
 萃通昇帝福王，云知息入。霍平初，左文友鳥
 於王柳，黃，好謝自以夫公在間平口下濟贈，
 戰侯侯都矜通通官義戈大國祠天紹人門，其花
 午山遠東生宵是表忠干祿至今順，爰陞爵守中
 兩成安援，晟自除生國榮爵，，作齡累曾獲事

系人稱善見：似就按以形斷也。指以：肥故，
 太，得黃是曰不得今或軍鉗此常舍曰覺其去書
 ，崩此，至謂，黃，。將書指，拔婦既問尼請
 時夕以福，笑耳後驗田頭尚蓋業當一。斷燭
 上是送黃記黃華。為平斷黃，授明見也。卯之東
 關，公書鉗，日信以在為，夷漢：夢可二擊是
 命國。尚為禮百弗人蓋以射珠藥曰夷馬獲蛇夜
 侯蕉哉明悉之，公，穴或反慘在生昧徒。一。
 末，幸所獲，不呈。禍，，尼禍時諸，日矣見之
 平駕路戰時故文也。染漢格其短過謂諾三工項宇
 紹，氏之國虜赦禍妻藥旗山脉未，生容悉：歸
 國，巡妻鞍我得有滅因在展龜漢公國諸幼己曰卯
 蕉帝北公馬在，以蓋夷公墓軍方藥傳一，子外生其
 曰皇以。初水，在公祖家而祖將未：世外精弱野諸袖
 風蕤在君歸公為，云。野構身視，公

代。故，以往晏底某之間嘗生庭公庭文用，世
 溪世命達，嘗，遂晏久順洗婢洞州洞濟並會來
 ，三公既麗中士。鵠，先詔得通知至。之垂
 書在，公殊平學也去鶚，下復使，還孫存雲永
 其報短，色紹女教水子也，其奉作親臣尚龍傳
 滴：一神女，爲所入公妻寬訪後大，功今虎之
 血曰長江一之命公蛇生公公，清息襲至風業
 梁悟一爲通納帝曰爲，爲慈侯州風頓世圖：事
 屋公，今，而皇女化人其，文阜，清孫神曰章
 緣。去江肆悅宗，女于知位濟知蛇風千傳畧文
 人頁卯濕屠，太之刑匿人嗣師授一，及詞。
 婦三破蘇葦楓，鞠臨南主帝太，出事沒制制緣
 衣及子邑過相掖庭。山，皇贈歸中國而封，前
 白汚蛇旁回胡宮時法遊亭宗追以水清獲贈箋想
 一字後于朝詩來駕公氏居聖，子湖諸舟侯額猶

贈堂袍簿部子卒殿補階初死員誥日勝故勲查祭存
 侯純錦政戶賊二圖頭于，罪一解平能寫之殆輪姑
 成體育民勅臣見十饒跪也舊有得子若孟公減册撰
 文，著修公亂去大官入侯勲傷乃，覺噫珠夫所
 師認頂中問曰臨木文公文朝視久較詰公省孫也末
 太可包興澤之忽古一服濟先仰良子大服不子慨黎
 明累尾景思碎奄統榻榜我我敢請與吳榜得身可，
 佛約馬，臣悼竟緣設導：斥不慙屑平，遂其嘆傳
 彷彿戴見功責未牆廊卒曰妄息爲不讀矣臣保同相
 ，屢，想國公語垣右立聲故脅代事歸過切能今載
 厚經窄可開黎也所十林厲何服服業人爲諸不古家
 渾圖短猶省眼爲一敷右上，榜吉名驕不而龍琉
 氣：頗憊欲榜勅至椅左榻生，青功第勅之此土廷
 詞云額神議郎誥之龍坐，少赦巾我甲辟還如狗范
 。制厚，庭侍何逼上服下學不涼曰以此勅烈躬酒

之以待考。按賴氏風水志云：穴在藥溪，龍來甚遠比結局棲棲山山，活水生蛇，微如灰線忽起木里梳角齊結整成好穴傍兩牛角硬砂各出數片，以衝真氣左伴出土呈當回作案案下出一條陰砂為不現官，局內圍圓羣沙猷秀龍虎排牙小溪開鎖左遮右獲為印為劍為讓頭為文筆，為神童侍立為將軍出陣，多合貴格蒸後公之父登閭胡榜眼公即阮某少號神童後從黎太祖平吳為帝師，其後子孫又中進士。

Phiên âm :

Tang Thương Ngẫu Lục văn : Tiên triều, Tế Văn Hầu, Lê công Trãi, hiệu Úc Trai tiên sinh, nguyên tính Nguyễn. Phụ Tự Khanh công Phi Khanh. Phụng Nhãn nhân, thiếu hiệu phong thủy. Thường hãn tiên phần vu Thượng Phúc chi Nhị Khê. Nhân gia yên, Công cử Hồ triều tiến sĩ, quan Ngự Sử Đại Chính Chương. Hồ vong. Tùy Tự Khanh công tị khẩu Côn Sơn Hữu «dạ y ngư đầu vọng trung nguyên» chi cú. Kỳ bi thời, mẫn thế chi tâm. vãng vãng kiến chi ư thi.

Thời, Sơn Tây Hoắc Sa nhân, Trần Nguyên Hãn dĩ mãi du vi nghiệp. Mộ quá Thụy Hương, tức Hy Khang Đại Vương.

Lý Ông Trọng tự. Dạ văn lân ấp thần, yêu vương giai triều Đế. Sở vương từ dĩ Quốc Công ký túc. Kế minh triều hồi. Vương vấn kim nhật nghị sự, hữu hà hiệu lệnh. Thần viết : Thượng đế dĩ Nam Quốc vô chủ, mệnh Lê Lợi vi quân, Lê Trãi vi thần. Trần giác, vật sắc chi. Đắc công dĩ cáo. Công vãng khẩu chi. Mộng vương viết : Thiên đình bí sự, sở bất cảm tiết. Tiên Dung tỷ tận tri kỳ tường. Thả phụ nhân chi ngôn thượng đế bất chi trách. Hạp cụ thịnh liệt trí kim nhất vạp đam chi. Công như kỳ ngôn. Nghệ Tiên Dung Chủ mộng. Chủ hô viết : Lê Trãi, Lê Lợi vi quân, Lê Trãi vi thần. độc vị chi tri hồ. Tế văn chi, viết : Thanh Hóa Lam Sơn nhân dã. Công giai Trần vãng hậu, Thái Tồ phương đoán cát hà sự, khu hoàng ngư tự điền trung, Phán lưu tín túc. Trị tiên hủy, phanh đồn trị cụ. Công Tào hạ chấp thoán, kiến Thái Tồ thao đao cát nhục thả cát thả đam. Tư vị Trần viết : Tiên Dung Chủ đãi ngã hỹ. Từ khứ. Yết Chủ, nhi sách chi kim. Chủ viết : Lê Lợi vi quân nghiệp hữu thành mệnh, Đãn thiên tinh vị giáng nhĩ. Hạp tái hậu chi.

Thời Thái Tồ thủy đắc binh thư, thần kiểm. Dạ bế hộ quan thư. Công tiềm khuy chi. Giai Trần thôi môn nhập. Thái Tồ trượng kiểm xuất. Giai phục địa viết : Mỗ đẳng bát thiệp nhi lai, dĩ minh công năng vi thiên hạ chủ nhĩ. Thái Tồ tiểu lưu chi. Mưu khởi binh. Công viết vị khả. Trúc quán thụ đồ. Thường chế tiêu đao cò, cập yên nùng mật, hoành tổ kê khuyển hình, sử đồng tử lộng dĩ vi hỹ. Tha nhi kiến chi, cạnh thỉnh kỳ phụ vãng tông học. Hựu thường nhu chi biến thư sơn trung mộc diệp viết : Lê Lợi vi quân, Lê Trãi vi thần. Trùng nghị thực chi, xuyên thành tự hoạch. Thái tiêu giả kiến dĩ vi thần, cánh tương cáo ngữ, dĩ cố quy phụ giả nhật chúng.

Mậu tuất khởi binh, tiền hậu phạm nhị thập dư chiến. Công thường tham mưu duy ác, Bính ngo, chiến ư Tuy Động, đại tiếp, Tiến bức Đông Đô. Minh Thành Sơn Hưu, Vương Thông anh thành cự thủ. Đinh mùi. Minh khiển An Viễn Hưu, Liễu Thăng. Kiêm Quốc Công Mộc Thạnh, phân đạo tịnh tiến, dĩ viện Đông Đô, Đế Dữ chiến vu Mã Yên Sơn, trăm Liễu Thăng, sinh cầm Hoàng Phúc. Thôi Tự đẳng tam bách dư nhân, Mộc Thạnh tiêu độn. Vương Thông khai môn hàng. Tùng sử bắc hoàn. Tự thị thông hiếu. Từ mệnh giai công sở soạn. Thiệu Bình sơ, Trừ quan tạ biểu văn: Viên môn trượng sách lâm đại tiết, nhi bán sinh trung nghĩa tự tri. Hồ khâu diên thân, quyết hòa nghị, nhi lưỡng quốc can qua dĩ tức. Kỳ thực dã, Dĩ công tứ quốc tính, thụ: Vinh Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, Tri Tam Quán sự. Trần hậu, tước chí Quốc Công, dĩ Thánh Tôn kiến ky, cử gia đầu ư giang, kim tử tại Hoắc Sa. Công văn chương hồn hạo hữu khí lực. Thuận Thiên gian, Bình Ngô đại oáo, Vĩnh Lăng thần đạo bi chư tác, Thiệu Bình sơ, Tặng Chiêu Nghị vi Hoàng Thái Phi chế, giai khoái trá nhân khâu. Thường dĩ sự hạ ngục, tâm xá xuất chi. Lũy thăng Môn Hạ, Tả Giám Nghị đại phu, kiêm Hàn Lâm Học Sĩ Thừa Chi tước. Tế Văn Hưu, tính diêm đạm, hữu thê ần chi chí. Kỳ tặng hữu nhân thi viết: Thân ngoại phù danh yên các quỳnh, mộng trung hoa điều cổ sơn u. Hữu biệt thụ tại Kinh Bắc viết Tiêu Viên. Thiệu Bình mật, hậu mệnh quan thượng thời, Thái Tôn Hoàng Đế bắc tuần, giá hạnh Tiêu Viên. Thị tịch băng. Nhân dĩ vi công thiếp Thị Lộ sở thi. Công toại dĩ thử đắc họa. Sơ, Mã Yên chi chiến, hoạch Minh Thượng Thư Hoàng Phúc, Hoàng thiện phong thủy, tại ngã quốc thời, tất vi kiểm ký. Chi thị kiến hoạch. Công dĩ phù lỗ, cố bất chi lễ. Hoàng tiếu vi viết: Ngô tổ mộ hữu xá văn tinh bách nhật nạn

nhĩ. Bất tự quân gia di diệt họa dã. Công phát tín. Hậu Hoàng đặc phóng quy, nhi công nhân thê nhiệm họa, nhân dĩ vi nghiệm. Kim án công tổ mộ tại Nhị Khê, huyết táng tại bình điền. Hoặc dĩ vi tướng quân triển kỳ cách, hoặc dĩ vi đoạn đầu tướng quân hình. Mùi phương, Quy sơn, kỳ vĩ phản xạ. Hoàng Thượng Thư kiểm đoán văn : Nhị Khê mạch đoán, họa thâm tru di. Cái chi thử dã.

Thế truyền, Công vi ngộ thời, tại Nhị Khê thu nghiệp, thường chỉ dã ngoại nhất cương, vị chư sinh viết : Minh, đương bạt trừ dĩ cấu tinh xá. Chư sinh nặc. Muội sàng, kiến nhất phụ viết : Thân nhược tử ấu, dung tam nhật tỷ yên khả dã. Kỳ giác, tri thị dã, ngoại dĩ tất công hỹ. Hoạch nhị noãn. Văn kỳ cổ. Chư sinh viết : Khoảnh, kiến nhất xá, kích chi, đoạn vĩ khứ. Công tu kỳ noãn, quy tự chi. Thị dạ, bình chúc, đọc thư nhất bạch y phụ nhân duyên ốc lương, huyết trích kỳ thư, thấp đại tư, ô cấp tam hiệt. Công ngộ viết : Bảo tại tam thế. Hậu xá tử phá noãn khứ. nhất trường, nhất đoán, công mệnh phóng vu bàng ấp Tô Lịch giang. Kim vi giang thần.

Công ký đạt, triều hồi quá vi tịch tứ. Ngộ nhất nữ, sắc thù lệ. Dĩ thi từ tương phùng, duyệt nhi nạp chi. Thiệu Bình trung, thường vãng lai cung dịch. Thái Tôn Hoàng Đế mệnh vi Nữ Học Sĩ. Án giá thời, đình cục chi, nữ viết Công sở giáo dã. Tuy dễ công pháp. Lâm hình, nữ hóa vi xá, nhập thủy khứ.

Thiếp Mồ thị đạt Sơn Nam, nặc vu nhân. sinh công tử Anh Vũ. Cử chi cư đình, chủ nhân tri kỳ vi công thiếp dã. Quang Thuận gian Thánh Tôn Hoàng Đế tự vị, mẫn công oan, hạ chiếu tẩy tuyết, truy tặng Thái Sư Tế Văn Hầu. Phóng kỳ hầu, đặc tỷ sinh tử dĩ quy. Thụ chi Phụ Chậu. Hậu phụng-sứ

quá Động Đình. Hồ thủy trung xuất nhất xà, phong đào đại tặc. Tri châu công thỉnh tế quốc sự, phong đào đồn tặc. Cận hoàn chi Động Đình. Chu phúc nhi một. Tử tôn thế tập công thần tôn. Tế Văn Hầu tặng phong Chế, cấp Truyền thần đồ, chi kim thượng tôn Tinh dung quyền tiên. Chế từ lược viết : Phong hồ long vân chi hội, do tướng tiền duyên. Văn chương sự nghiệp chi truyền, vĩnh thù lai thế. Từ khi hồn hậu, phảng phất Minh Thái Sư Văn Thành Hầu tặng chế vân : Đồ kinh lữ phiêu, ước lược khả nhận. Thử mao phong hậu, ngạch phả đoản trách. Đại mã vĩ bao đỉnh, trứ thanh cảm bảo, thần thái do khả tượng kiến.

Cánh Hưng trung, tu dân chính Bạ, đình nghị dục tỉnh khai quốc công thần án trách, duyệt công sắc, Hộ Bộ Thị Lang Bạng Nhân, Lễ công Quý Đôn toái chi viết : Loạn thần tặc tử, hà cáo sắc vi dã. Ngữ vị cánh, yêm hốt thuy khứ, kiến nhị tốt bức chi chí nhất sở, viên tương liêu nhiều, cồ mộc đại thập vi, diện thượng long ý sở thập. Hữu lang thiết thập, nhất văn quan phúc đầu bồ phục tọa. Tả hữu lâm lập. Tốt đạo Bạng Nhân công nhập, quy vu giai hạ. Thập thượng lệ thanh viết : Ngã Tế Văn Hầu dã, sơ học thiếu sinh, hà cố vọng xích ngã tiên triều huân cự. Tội tử bất xá. Bạng Nhân hiệp tặc, bất cảm ngưỡng thị. Bạng hữu nhất viên lương cân, thanh cát phục, đại vi khản thỉnh. Lương cứu nãi đặc giải. Ngữ viết : Ngã công danh sự nghiệp bất tiết dữ tử giáo. Tử bình nhật dĩ giáp đệ kiêu nhân, quy độc Bình Ngô đại cáo, nhược năng thẳng thử, toái sắc bất vi quá hỹ. Bạng Nhân công giác. Cúc tả cố sắc hoàn chi. Chư công thần tụy đặc bất tỉnh. Y, Công chi huân liệt như thử, nhi bất năng bảo kỳ thân, tử tôn tru diệt đại tận. Sở cầu thổ long cồ kim đồng thân. Khả khái dã phù. (Sách Luận, Tế Tửu, Phạm Đình Hồ, gia tàng tương truyền. Lê mật sở soạn, cồ tồn chi, dĩ dĩ khảo).

Ấn, Lại thị phong thủy Chí vân : Huyệt tại Nhi Khê. Long lai thậm viễn. Tì kết cục thê thê hưng hưng. Hoạt thủy sinh xà, vi như khôi tuyền. Hốt khởi mộc-tinh lãng giác tề chỉnh. Kết thành hảo huyệt. Lưỡng bàng ngư giác, nganh sa, các xuất sồ phiến, dĩ vệ chân khí. Tả bàn xuất thổ-tinh, đương diện tác án. Ấn hạ xuất nhất điều âm sa vi bất hiện quan. Cục nội đoàn viên, quân sa hiển tú. Long hồ bài nha. Tiểu khê quan tỏa. Tả già, Hữu hoạch. Vi ẩm. Vi kiểm. Vi phước đầu. Vi văn bút. Vi thần đồng thị lập. Vi tướng quân xuất trán. Đa hợp quý cách. Táng hậu, công chi phụ đẳng Nhuận Hồ Bằng Nhân, Công tước Nguyễn Mỗ thiêu hiệu thần đồng. Hậu tông Lê Thái Tò bịnh Ngô, vi Đế sư. Kỳ hậu tử tôn hựu trùng tiến sĩ.

Dịch nghĩa

Sách Tang Thương Ngẫu Lục có chép : Triều trước, Tể Văn Hầu là Nguyễn Trãi, hiệu Úc Trai tiên sinh, nguyên là họ Nguyễn, cha là quan Tự Khanh, Nguyễn Phi Khanh. Người làng Phụng Nhãn. Lúc ít tuổi ham học địa lý, có ngôi mộ tổ ở làng Nhi Khê, huyện Thượng Phúc, nhân thế làm nhà ở đó. Nguyễn Trãi đỗ tiến sĩ triều nhà Hồ, quan tới Ngự Sử đài Chính Chương. Nhà Hồ mất. Ông theo cha là quan Tự Khanh về tránh loạn tại Côn Sơn. Lòng thương nước thương đời, thường tiết lộ ra trong các câu thơ như câu : Đêm nhìn Ngư Đầu nhớ Trung Nguyên. Thời đó, có người ở làng Hoắc Sa thuộc trấn Sơn Tây, tên là Trần Nguyên Hãn, đi bán dầu đê kiếm ăn. Một tối qua nghỉ lại xã Thụy Hương, ngủ trọ trong đền Hy Khang đại vương Lý Ông Trọng. Đêm nghe thấy vị thần ở ấp bên, tới mời Đại Vương cùng đi châu Thượng Đế. Đại Vương từ chối là có vị Quốc Công ngủ trọ. Khi gà gáy, vị thần đi châu về. Đại Vương hỏi có lệnh mới gì không, thì thần nói :

Thượng Đế truyền là nước Nam không có chủ, mệnh cho Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi. Trần Nguyên Hãn khi thức dậy, cứ theo lời đi tìm, tìm được công, rồi kể lại chuyện. Công mới đi tới đền hỏi lại. Mộng thấy Đại Vương nói là việc mật trên thiên đình không dám lộ. Có chị tiên Dung biết tỏ tường, mà lại là đàn bà, có nói ra, Thượng Đế cũng không quở. Cứ tới đem đồ lễ cho nhiều, thêm mười ngàn vàng là biết. Công theo lời tới đền Tiên Dung cầu mộng. Công chưa bảo : Lê Trãi hãy nghe. Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi, thế mà còn chưa biết. Công hỏi lại kỹ thì được biết là người ở làng Lam Sơn, trấn Thanh Hóa. Mới cùng với Trần Nguyên Hãn tới dò xét, thì thấy Thái Tồ đương mặc áo ngắn, vác bừa, dắt bò từ ngoài ruộng về, Thái Tồ mời về nhà, giữ ở lại. Gặp ngày giỗ gia tiên, Có làm heo. Công ở dưới bếp đun nấu, thì thấy, Thái Tồ cầm dao cắt thịt, vừa cắt vừa ăn. Công nói riêng với Trần : Tiên Dung nổi dối ta. Thế là cùng từ ra đi, tới đền Công Chúa đề đòi lại vàng. Công Chúa bảo : Lê Lợi làm vua, đã có mệnh rồi, nhưng thiên tinh chưa tới lúc giáng. Vậy cứ trở lại. Khi đó Thái Tồ mới được binh thư và thần kiếm, đem tới, đóng cửa đọc sách. Công, dòm trộm rồi cùng với Trần, đẩy cửa bước vào, Thái Tồ cầm gươm đứng dậy. Hai người phục xuống đất nói : Chúng tôi lặn suối trèo đèo tới đây, vì cho là Minh Công đáng làm chủ thiên hạ Thái Tồ cười rồi giữ lại. Bàn việc khởi binh. Công nói chưa được. Rồi xin dựng một ít nhà lên cho người tứ phương quy thuận. Chế ra ít trống bỏi, mút kẹo bánh vẽ, cho trẻ con tới vui đùa bày ra các trò chơi. Trẻ về nhà kể chuyện, trẻ khác kéo tới. Công cho lấy mỡ bôi vào các cây cảnh trong rừng núi quanh nơi ở, bôi các chữ Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi. Kiến và sâu tới ăn, đục, khoét,

thành ra số binh chữ. Bọn đi kiểm củi trông thấy cho là việc quý thần, loan truyền đi, Người người đều tin, theo tìm tới mỗi ngày mỗi đông.

Năm mậu tuất, (1418) khởi binh. Trước sau hơn hai mươi trận. Công thường tham dự kế sách. Năm binh ngọ, chiến tại Tuy Động đại thắng. Quân tiến vây thành Đông Đô. Giặc Minh là Thành Sơn Hầu Vương Thông giữ thành cố thủ. Năm đinh mùi, triều Minh sai An Viễn Hầu Liễu Thăng, cùng Kiềm Quốc Công Mộc Thạnh, chia hai đường cùng tiến tới cứu Đông Đô. Vua ứng chiến tại núi Mã Yên, chém Liễu Thăng, bắt sống bọn Hoàng Phúc, Thôi Tự, hơn ba trăm tướng tá. Mộc Thạnh nhân đêm tối trốn chạy. Vương Thông mở cửa thành hàng. Vua tha cả cho về nước. Từ đó hai nước giao hiếu.

Giấy má thư từ một tay công soạn. Đầu niên hiệu Thiệu Bình, công xin về nghỉ, trong biểu có câu : Kế sách binh Ngô đáng trước quân môn. Tới việc lớn, một lòng trung nghĩa. Vốn biết gửi thân trước miệng hổ cho nên dè cho hai nước hòa nghị, gác được đao gươm. Câu nói ấy rất đúng. Cho nên xét công lao, Công được ban quốc tính, được phong Vinh Lộc đại phu Nhập Nội Hành Khiển, Tri Tam Quán sự. Trần Nguyên Hãn được phong Quốc Công, nhưng dưới triều Thánh Tông có tội, cả nhà chết. Nay đền thờ ở Hoắc Sa.

Văn chương Công thì hồn hậu sáng sủa, có khí lực, như bài Binh Ngô đại cáo, bài văn bia ở lăng Vĩnh Lăng, dưới thời Thái Tổ ; bài chế tặng Chiêu Nghi làm Hoàng Thái Phi, về đầu đời Thái Tông, đọc lên thấy khoáng trá, Về binh tụng thường.

khoan dung xá tội. Lần lần thăng tới Môn Hạ Tả Giám Nghi đại phu, kiêm Hàn Lâm Học Sĩ, tước Thừa Chỉ.

Tế Văn Hầu, tính điềm đạm, vốn có chí lui về nhàn ău, thơ tặng bạn có câu : Thân ngoài danh lợi nơi mấy khói, hoa nở chim bay khoảng núi xanh. Có một biệt thự ở xứ Kinh Bắc gọi là Tiêu Viên. Niên hiệu Thiệu Bình năm cuối, Công được mệnh theo giá vua Thái Tôn bắc tuần. Vua tới Tiêu Viên, đêm băng. Người ta cho là Thị Lộ giết, vì thế công bị họa.

Xưa ở trận Mã Yên, có bắt được Thượng Thư giặc Minh là Hoàng Phúc. Phúc giỏi địa lý, trong thời kỳ ở nước ta, có ghi chép tất cả các ngôi đất bay. Khi bị bắt, vì là trong bọn tướng tá bị bắt cho nên không được công lấy lễ đối đáp. Phúc cười nói rằng : Ngôi mộ tổ nhà tôi có xá văn tinh. Tôi bị nạn chỉ trong thời gian trăm ngày. Còn như ông thì có họa di diệt Công không tin lời nói Sau Phúc được tha, mà rồi nhân vì Thị Lộ, công bị họa, ai cũng cho là lời Phúc nói nghiệm.

Nay xét ngôi tổ mộ ở làng Nhị Khê, huyết táng ở đồng bằng. Hoặc đúng vào cách Tướng quân phất cờ, hoặc đúng vào hình Tướng quân mất đầu. Về phương mùi (tây nam) có Quy Sơn, ma đuôi quay ngược như bắn lại. Thượng Thư Hoàng Phúc (giặc Minh) có ghi : Đất Nhị Khê, mạch ngắn, họa thảm đến tru di, là ý nói hình đó.

Tương truyền khi chưa ra giúp nước. còn ở Nhị Khê dạy học, công có chỉ vào một gò ở phía ngoài đồng, bảo học trò mai nên dọn sửa lại để rồi dựng thêm nhà học. Học trò vắng. Tới đến, mộng thấy một người đàn bà tới nói người còn yếu, con lại nhỏ, xin dung cho ở ba ngày nữa để tìm nơi

khác rồi sẽ dọn. Tỉnh dậy, Công vội ra coi, thì thấy đã dọn xong rồi. Học trò có bắt được hai cái trứng, hỏi ra thì nói là vừa thấy một con rắn, đánh nó, chặt được đuôi. Công mới bọc hai cái trứng vào vạt áo đem về nuôi. Đêm ấy thắp đèn đọc sách. Một người đầu bà leo trên nóc nhà mặc áo trắng, rỏ giọt máu xuống sách đúng vào chữ đại thãm ba tờ giấy. Công biết ngay nói : Nó báo đến ba đời. Sau, rắn con, phá vỏ trứng chui ra, một con dài, một con ngắn. Công sai đem sang ấp bên, thả xuống sông To Lịch. Sau thành Giang thần.

Khi công đã thành đạt, một hôm đi châu về, qua hàng bán chiếu cói, thấy một người con gái tuyệt đẹp. Dem thơ ra uớng thử, bằng lòng, rồi lấy về. Khoảng niên hiệu Thiệu Bình, người con gái có việc thường qua lại bên cung viện. Vua Thái Tôn mệnh cho làm Nữ Học Sĩ. Khi vua mất, đình thần tra tấn, người chon gái khai là công sai giết. vì thế tội đến công. Khi bị đem hành hình, thì người ấy hóa làm con rắn đi xuống nước mất.

Một người thiếp của công trốn vào nhà dân ở Sơn Nam, rồi sinh ra công tử Anh Vũ. Lâu dần chủ nhà biết là thiếp của công. Khoảng năm Quang Thuận. Thánh Tôn Hoàng Đế lên ngôi, thương công oan, hạ chiếu tẩy oan, truy tặng Thái Sư Tế Văn Hầu, cho tìm dòng dõi, được con người thiếp, gọi về cho làm Tri Châu Phụ Châu. Sau, Tri Châu phụng mệnh đi sứ tàu tới hồ Động Đình (1). Giữa hồ thấy nổi lên một con rắn, rồi có sóng to gió lớn. Tri Châu khẩn xin chờ xong việc nước. Sóng gió ngừng ngay. Nhưng khi xong việc sứ trở về, thì thuyền chìm, đắm cả. Con cháu được đời đời hưởng lộc hàng

CHÚ THÍCH (1) Đoạn này, cần cứu xét lại.

con cháu công thần. Ngày nay, chế biểu tặng phong Tể Văn Hầu, và bức họa truyền thần hãy còn giữ được. Viết và họa trên giấy lụa. Lời văn chế cáo đại lược có câu: Gặp hội long vân, phong hồ lại nhớ đến tiền duyên. Sử truyền sự nghiệp văn chương còn lâu về hậu thế. Lời hồn hậu phảng phất như câu văn phong tặng Minh Thái Sư Văn Thành Hầu: Bức họa đã bị tô đi lò lại, nhưng vẫn nhận được dáng mặt hồn hậu, trán hẹp ngắn, đỉnh đầu khăn che bịt, áo bào gấm xanh, thể cách văn hình dung được. Trong thời Cảnh Hưng (1740) vì muốn sửa lại Dân Chính Ba, triều đình đề nghị bỏ bổng lộc bọn con cháu khai quốc công thần. Khi xét đến sắc của công, thì có Hộ Bộ Thị Lang, Bảng Nhãn Lê Quý Đôn, cầm sắc xé đi nói: Loạn thần, tặc tử sao còn cho cáo sắc. Chưa kịp nói nữa thì ngã ra hôn mê, thấy hai tên lính bắt đến một nơi có tường bao quanh, cây cỏ thụ đến mười lớp. Trên điện, có đặt vài mươi chiếc long ỷ. Gian bên hữu đặt giường. Ngồi trên là một vị quan, áo bố tử, mũ cánh chuồn. Hai bên đông người đứng hầu. Lính dẫn ông Bảng vào, cho quỳ dưới thềm. Giường trên có tiếng to truyền: Ta là Tể văn Hầu. Trẻ thơ mới bập bẹ học, sao dám coi thường ta là huân thần triều trước. Tội đáng chết không tha. Ông Bảng sợ nín hơi không dám nhìn lên. Ở phía trên có một viên khăn the, áo xanh, thay lời khăn khăn xin cho, một lúc lâu mới được. Ở trên có tiếng truyền: Công danh sự nghiệp ta không đáng so sánh với người. Người quen lấy khoa bảng khinh người, nay về đọc bài Bình Ngô đại cáo, ví như làm hơn được thì xé sắc ta không phải là quá. Ông Bảng khi tỉnh lại, vội thảo ngay lại sắc các công thần khác thành ra khỏi bị xét lại.

Đó huân liệt của công như thế, mà thân không bảo toàn được, con cháu bị giết gần hết. Cái kiếp sô-cầu, thô-lông (chó rom, rồng đất đồ dùng vào việc cúng tế, cũng như hình nhân) thật là đáng thương, ngày xưa, ngày nay không khác nhau.

(Đan Luân, Tế Tửu, Phạm Đình Hồ, nhà có giữ được ít chuyện tương truyền, soạn về thời cuối Lê, ta hãy cứ giữ, đợi khảo sát),

Xét : trong sách Phong Thủy họ Lại. Có chép : Huyệt tại Nhị Khê. Long mạch từ xa tới. Khi kết lại có hình tượng hoạt động mà không yên tĩnh. Thủy sinh xà, nhỏ như sợi chỉ. Bên góc bông nổi một đường mộc tĩnh, ngay ngắn, kết thành huyệt tốt. Hai bên góc có hình ngư tinh, có đá ong lởm chởm vai hàng để giữ lấy nguyên khí. Bên tả mọc ra thổ tinh để làm án trước mặt. Dưới đá có một tường đá chìm, thành ra thế (bất hiện quan). Toàn cuộc vuông ra vuông, tròn ra tròn. Các lớp đá hợp thành hình đẹp, long hồ bày hàng. Khe nhỏ như then khóa, trái che, phải giữ. Có ấn, có kiếm, có mũ, có thần đồng đứng châu, có tướng quân ra trận, toàn là quý cách. Khi táng xong thì ông thân sinh ra công đồ Bảng Nhãn triều nhuận Hồ. Công lúc đó, có tiếng là thần đồng. Sau theo Lê Thái Tổ bình Ngô, chức vị là thầy vua. Con cháu sau đổ đạt.

文臣黎厲詩序云：屬上福蕊溪人，父阮飛卿中陳朝進士，生厲二十一歲，中胡朝進士第四名，時見胡氏失馭，吳賊南侵，公有志於救民。遂至仙容公主廟前，懇告吉兆有祝告文，夜夢見仙容公主告云：上帝已擇藍山人黎利爲天子，遂尋入藍山，時吳兵據可藍城中太祖夜夢神人賞一良粥，及厲來見太祖于嘉江宛然如夢中所見。因獻平吳策至太祖在菩提營，增築層樓賜侍坐，領旨草書檄遣各城，及與吳人往復，挺身入城者五次當時憲章法度禮樂刑政，皆在所定。仕至吏部尚書，入內行遣門下省翰林院承旨大學士入侍經筵行樞密院事，掌五經博士兼中書國史三院事，號抑齋先生，有抑齋詩集，玉堂遺藁，并平吳大誥，皇朝章表行于世，晚年娶氏路爲妻，氏路祖知文學入侍太宗拜爲禮儀學士，日夜侍側及帝東巡還至嘉定荔枝園，

與氏路通宵而崩，大臣鄭可阮熾等殺之，連及阮鵬夷三族，收田產入官，至洪德年間，始免還，再錄用子孫封阮翁爲濟文侯。世傳鵬鄉有大陂有大蛇常爲人害其祖教學謀計殺之，至鵬妻氏路腹下有三鱗及禍至鵬人以其蛇之報怨，其孫過洞庭湖，再遇蛇報，至子孫猶有戒心。

Phiên âm.

Văn thần, Lê Trãi Thi Tự Văn : Trãi, Thượng Phúc, Nhi Khê nhân. Phu Nguyễn Phi Khanh, Trần triều tiến sĩ, Sinh Trãi, nhị thập nhất tuế trúng Hồ triều tiến sĩ đệ tứ danh. Thời kiến Hồ thị thất ngự, Ngô tặc nam xâm. Công hữu chí ư cứu dân. Toại chí Tiên Dung Công Chủ miếu tiền khăn cáo cát triệu, hữu chúc cáo văn. Dạ mộng kiến Tiên Dung Công Chủ cáo văn : Thượng Đế dĩ trạch Lam Sơn nhân Lê Lợi vị thiên tử, Toại tâm nhập Lam Sơn. Thời Ngô binh cử Khả Lam thành trung. Thái Tổ dạ mộng thần nhân lại nhất lương bát. Cập Trãi lai kiến Thái Tổ vu Lỗ Giang, uyển nhiên như mộng trung sở kiến. Nhân hiến Bình Ngô sách. Chí Thái Tổ tại Bồ Đề doanh, tăng trúc tăng lầu. Tử thị tọa. Lĩnh chỉ thảo thư hịch, di các thành, cập dữ Ngô nhân vãng phục đỉnh thân nhập thành giả ngũ thứ. Đương thời, hiến chương. pháp độ, lễ nhạc, hình chính, giai tại sở định. Sĩ chi Lại Bộ

Thượng Thư, Nhập nội Hàn lâm Khiển, Môn hạ tỉnh, Hàn lâm viện Thừa Chỉ, Đại Học Sĩ, Nhập thị Kinh Diên, Hành Khu Mật viện sự, Trưởng Ngũ Kinh Bác Sĩ, kiêm Trung Thư Quốc sử Tam Viện sự, hiệu Ưc Trai tiên sinh. Hữu Ưc Trai Thi tập, Ngọc Đường Di Cảo, tỉnh Bình Ngô đại cáo, Hoàng triều chương biếu, hành vu thế. Văn niên thứ Thị Lộ vi Thế. Thị Lộ thô tri văn học, nhập thị Thái Tôn, bá vị Lễ Nghi Học Sĩ, nhất dạ thị trắc, Cập đế đông tuần, hoàn chi Gia Định, Lệ Chi viên, dữ Thị Lộ thông, Tiêu nhi bằng. Đại thần Trịnh Khả, Nguyễn Xi đẳng sát chi, liên cập Nguyễn Trãi di tam tộc, thu diên, sản nhập quan, Chi Hồng Đức niên gian thủy miên hoàn. Tái lục dụng tử tôn, phong Nguyễn Trãi vi Tể Văn Hầu.

Thế truyền, Trãi hương hữu đại pha, hữu đại xà, thường vi nhân hại. Kỳ tổ giáo học mưu kế sát chi, Chi Trãi thế Thị Lộ, phúc hạ hữu tam lân. Cập họa chi Trãi, nhân dĩ vi xà chi báo. Chi tử tôn do hữu giới tâm.

Dịch nghĩa

Bài tựa quyền Văn thần Lê Trãi Thi, có nói: Trãi người làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc. Cha là Nguyễn Phi Khanh, đỗ tiến sĩ triều Trần. Năm hai mươi một tuổi, dưới triều Hồ, Trãi đỗ tiến sĩ thứ tư. Khi thấy Hồ mất lòng dân, thấy giặc tới xâm chiếm, công đã có chí cứu dân. Tới miếu Công Chúa Tiên Dung, cầu cát hung, có bài cáo văn. Đêm mộng thấy Công Chúa báo cho biết là Thượng Đế đã chọn người xứ Lam Sơn, tên Lê Lợi, làm thiên tử. Công lần tới Lam Sơn. Khi đó, quân Minh giữ thành Khả Lam. Thái Tổ đêm mộng thấy thần nhân đưa tới một người phù tá. Khi Trãi tới yết kiến tại Lỗi Giang, Thái Tổ nhận thấy y như

người trong mộng. Trãi hiến kế sách bình Ngô. Đến khi Thái Tổ đóng dinh tại Bồ Đề, làm thêm lũy, lầu cho cao lên nhiều tầng. Rồi cho Trãi cùng ngồi, mệnh cho thảo thư từ, chiếu hịch gửi đi các thành, Trãi thường đi lại với tướng Ngô, một mình vào thành đến năm lần. Thời đó hiến chương, pháp luật, lễ nhạc, binh chính đều một mình định đoạt. Quan chức tới Lại Bộ Thượng Thư, Nhập Nội Hành Khiển Môn Hạ Tể, Hàn Lâm Viên, Thừa Chỉ Đại Học Sĩ, Nhập Thị Kinh Diên, Hành Khu Mật viện sự. Chưởng Ngũ Kinh Bác Sĩ, kiêm Trung Thư Quốc sử, Tam viện sự. Hiệu là Úc Trai. Hiện có Úc Trai Thi tập, Ngọc Đường Di tập. bài Bình Ngô đại cáo, các biểu chương của hoàng triều.

Về lúc có tuổi, lấy Thị Lộ làm vợ. Thị Lộ có biết văn học. Vào chầu Thái Tôn, được chức Lễ Nghi Học Sĩ, ngày đêm chầu vua. Đến khi vua đóng tuần, ngự tới xứ Gia Định vườn Lệ Chi, cùng ở với Thị Lộ. Đến đêm mất. Đại thần là Trịnh Khả, Nguyễn Xí, giết Thị Lộ, tội liên lụy đến Nguyễn Trãi bị tru di ba họ, Diên sản bị sung công, khoảng niên hiệu Hồng Đức mới được trả lại, con cháu mới được dùng, mà Nguyễn Trãi thì được phong Tể Văn Hầu.

Tương truyền, làng Nguyễn Trãi, có gò đất cao, có một con rắn lớn. Tổ tiên Trãi trước dạy học, lập kế giết được. Đến vợ Trãi là Thị Lộ, dưới bụng có ba vảy, khi Trãi bị họa, người ta cho là rắn báo thù. Đến đời cháu đi qua hồ Động Đình, lại bị rắn báo. Các con cháu vẫn thường e ngại.

勲賢阮應傳云：（出潘氏歷朝高章人物誌）。

應號抑齋，弱冠以文章名世。親史百家及輜畧兵書，無不淹貫，年二十一，中閩胡庚辰科大學士，父子同時登用官御史臺正掌。未幾明人南侵，二胡被執，父飛卿亦爲所虜。公僅以身免，總兵張輔逼飛卿爲招之，公不得已就降，輔知不肯效用，欲見殺。尚書黃福奇其貌釋之。留東閩城閩駐，時故臣領興化軍迎立重光帝以圖恢復。黎太祖亦遣應詔書，起義兵於藍山鄉，累敗北兵。軍聲稍振。公憤明人貪暴，思拯生民欲擇真主事之，而未知所向，乃脫身去投宿於鎮武觀，龜求一夢以卜去就，夜半聞神語，曉以太祖姓名，遂決意西求，潛入清華至嘉江行營，謁獻平吳策，太祖置諸左右參謀帷幄，累遷翰林院承旨學士，丁未春加朝烈大夫入內行遣吏尚部，兼行樞密院事。

諸與明人往復文書與各域曉諭皆奉擬撰，帝既放明人還國奉撰平吳大誥。戊申春定功行賞，進爵冠服侯預賜國姓，癸丑春奉撰永陵碑文，太宗紹平初諸大臣擬以公與程舜等入侍延經輔成君德不諧奏。又奉擬樂，與官登梁登不合，遂辭不與事，歸築居於至靈崑山時奉朝參大寶壬戌年六十三秋，氏路入侍毒殺太宗庭論及三族，有妾時方懷孕隨遁得免，尋生于鸚鵡聖宗時軫其冤，賜之縣職贈公濟文侯，所著有玉堂詩集。世傳公鄉大陵土阜有巨蛇樹木蓂莢邑人不敢剪伐，公祖愛其風水，結構書堂於上，門童艾穢誤殺是蛇，蛇精埋怨托生氏路胥下有鱗，公少時道過於武陵悅其才色納之，及當國凡語書詞命與之潤色太宗立聞其名召入見拜爲禮儀學士，公年老欲歸崑山閒養累請不許乃留氏路內侍，帝許之，東巡日，氏路宵侍帝崩乃獲罪臨刑氏路走赴水，人以爲蛇毒之報。

Phiên âm

Huân Hiền Nguyên Trai truyện văn (xuất Phan thị, Lịch triều Hiến Chương Nhân Vật Chí).

Nguyên Trai, hiệu Ưc Trai. Nhược quán dĩ văn chương danh thế, kinh, sử, bách gia, cập thao lược binh thư, vô bất yếm quán, Niên nhị thập nhất trúng Nhuận Hồ cạnh thìn khoa Thái Học Sĩ. Phụ tử đồng thời đăng dụng, quan Ngự Sử đài Chính Chương. Vị kỹ, Minh nhân nam xâm, nhị Hồ bị chấp. Phụ Phi Khanh diệc vì sở lỗ. Công cận dĩ thân miễn. Tổng Binh Trương Phụ bức Phi Khanh vì thư triệu chi. Công bất đắc dĩ tựu hàng, Phụ tri bất khăng hiệu dụng, dục kiến sát. Thượng Thư, Hoàng Phúc kỳ kỳ mạo, thích chi. Lưu Đông Quan thành nhân trú. Thời cổ thần lĩnh Hưng Hóa quân, nghênh lập, Trưng Quang Đế dĩ đồ khôi phục. Lê Thái Tổ diệc dao ứng chiếu thư, khởi nghĩa binh ư Lam Sơn hương. Lũy bại bắc binh, Quân thanh sảo chấn, Công phần Minh nhân tham bạo, tư chứng sinh dân. Dục trạch chân chủ sự chi nhi vị tri sở hướng. Nãi thoát thân khứ đầu túc ư Trấn Vũ Quan, khần cầu nhất mộng dĩ bốc khứ tự. Dạ bán văn thần ngữ, hiểu dĩ Thái Tổ tính danh. Tuy quyết ý lấy cầu, tiếm Thanh Hoa. Chí Lỗi Giang hành doanh. Yết hiến binh Ngô sách. Thái Tổ tri chư tả hữu tham mưu duy ác, Lũy tiến Hàn Lâm viện Thừa Chỉ Học Sĩ. Đinh mùi xuân, gia Triều diệt đại phụ, Nhập Nội Hành Khiển, Lại Bộ Thượng Thư, kiêm Hành Khu Mật viện sự, chư dĩ Minh nhân vắng phục văn thư. Dĩ các thành hiệu dụ giai phung nghĩ soạn. Đế ký phóng Minh nhân hoàn quốc, phung soạn Binh Ngô Đại Cáo. Mậu thân xuân, định công ban thưởng, tiến tước Quan Phục Hầu, dư tứ quốc tính. Quý sửu xuân, Phung soạn Vĩnh Lăng Bi văn. Thái Tôn Thiệu Bình sơ, chư đại thần nghĩ dĩ công dĩ Trình

Thuấn Du đẳng nhập Thị Kinh Diên phụ thành quân đức. Tấu bắt hải. Hựu phụng nghĩ Nhạc, dữ Hoạn Thụ thụ Lương Đẳng bắt hợp, toại từ bắt dữ sự. Quy trúc cư ư Chi Liuh Côn Sơn. Thời phụng triều tham. Đại Bảo, nhâm tuất niên, tục thập tam thu, dĩ Thị Lô nhập thị độc, sát Thái Tôn. Đình luận tập tam tộc Hữu thiếp, thời phụng dụng, ăn độn đắc miễn, Tầm sinh tử Anh Vũ. Thánh Tôn thời, chần kỳ oan, từ chi huyền chức, tặng công Tế Văn Hầu. Sở trước hữu Ngọc Đường Thi Tập.

Thế truyền, công hương, đại pha thổ phụ hữu cư xà thụ mộc trần mãng. Ấp nhân bắt cảm tiền phạt. Công tồ ái kỳ phong thủy. Kết cấu thư đường ư thượng. Môn đồng ngải uế, ngộ sát thị xà. Xà tính mai oán, thác sinh Thị Lộ, hiệp hạ hữu lân, *Công thiếu thời*, đạo ngộ ư Vũ Lăng, duyệt kỳ tài sắc, nạp chi. Cập đương quốc. Phàm ngữ thư, từ mệnh, dữ chi nhuận sát. Thái Tôn lập. Văn kỳ danh, triệu nhập kiến. Bái vi Lễ Nghi Học Sĩ. Thời công niên lão, dục quy Côn Sơn nhàn dưỡng. Lũy thỉnh bắt hứa. Nãi lưu Thị Lộ nội, để hứa chi. Đông tuần nhật, Thị Lộ tiêu thị, để băng. Nãi hoạch tội. Lâm hình Thị Lộ tần phó thủy. Nhân dĩ vi xà độc chi báo.

Dịch nghĩa.

Truyện Huân Hiền Nguyễn Trãi có chép (trích trong quyền Lịch triều Hiến Chương nhân vật chí, tác giả : Phan thị)

Nguyễn Trãi, hiệu Úc Trai, khi ít tuổi đã nổi tiếng về văn chương. Các sách Kinh sử, bách gia chư tử đều đọc kỹ. Năm hai

mười một tuổi, triều nhuận Hồ, khoa canh thìn, đỗ Thái Học Sĩ (tiến sĩ). Cha con cùng làm quan. Trãi giữ chức Chính Chưởng Ngự Sử Đài. Ít lâu sau, giặc Minh tới xâm lược. Cha con Hồ bị bắt. Cha là Phi Khanh cũng bị bắt luôn. Công may được thoát. Tổng Binh Trương Phụ ép Phi Khanh viết thư gọi. Công bất đắc dĩ tới hàng. Phụ biết ý công không phục tòng, muốn giết. Thượng Thư Hoàng Phúc thấy có tướng lạ tha cho, nhưng giữ lại trong thành Đông Quan. Thời đó, cự thần, lĩnh quân trấn Hưng Hóa, đón lập vua Trần, Trưng Quang Đế để mưu đồ lấy lại nước. Lê Thái Tổ cũng hưởng ứng khởi nghĩa binh tại làng Lam Sơn. Nhiều lần thắng quân Tàu, dần dần có thanh thế. Công giận người Minh tàn bạo, muốn cứu dân, cần chọn người đáng tâm chủ để giúp, mà chưa biết chọn ai. Công mới lên tới đền Trấn Vũ cầu mong được rõ. Nửa đêm nghe thần nói chuyện. Sớm dậy, biết rõ tên họ Thái Tổ, mới quyết chí đi về phương tây, tới Thanh hóa, yết kiến tại dinh trại Lỗi Giang, hiến kế sách Bình Ngô. Thái Tổ cho làm tham mưu, ở luôn trong trướng bàn việc. Rồi lần lần giữ chức Hàn Lâm viện Thừa Chỉ Học Sĩ, năm đánh mai phong Triều Liệt đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, Lại Bộ Thượng Thư, kiêm Hanh Khu Mật viện sự. Thư từ đi lại với người Minh cùng hiểu dụ các thành chưa quy thuận, tất cả do công thảo nghĩ. Khi vua đã thả cho quân Minh được về nước thì công phụng soạn chiếu Bình Ngô đại cáo. Năm mậu thàn mùa xuân, khi định thưởng công lao, thì công được tiến tước Quan Phục Hầu, được ban quốc tính. Năm quý sửu mùa xuân, phụng soạn, bài văn bia Vĩnh Lăng. Đầu niên hiệu Thiệu Bình, vua Thái Tôn, các đại thần đề nghị cử công cùng với bọn Trình Thuấn Du vào Điện Kinh Diên để dạy vua còn bé. Lời tâu của công không được vừa lòng. Lại thêm cùng soạn Lễ Nhạc với Hoạn quan Lương Đăng, không hợp ý, công mới từ quan về làm nhà ở Chi Linh, xứ Côn Sơn, thỉnh thoảng mới vào chầu. Niên hiệu Đại Bảo năm nhâm

tuất, (1442), công 63 tuổi. vì việc Thị Lộ bị án đầu độc giết vua, triều đình nghị tội công tội tội tru di tam tộc. Một người thiếp của công khi đó có mang, trốn được, thoát chết. Sinh ra con là Anh Vũ. Đến đời Thành Tôn, vua thương là oan, cho chức Huyện quan và phong tặng công làm Tế Văn Hầu. Sách còn lại có tập Ngọc Đường Thi Tập.

Tương truyền, ở làng công, nơi gò cao, có con rắn to, cỏ cây hoang rậm, người làng không dám đụng tới. Tổ tiên công vốn biết là đất tốt, mới dựng nhà học trên gò. Học trò phát cỏ rậm, nhổ giết được con rắn to. Rắn thù, thác sinh vào Thị Lộ, dưới bụng còn vẩy rắn, Công khi ít tuổi (1), gặp ở Vũ Lăng, yêu vì tài mới lấy. Sau làm việc nước, mỗi khi công có từ mệnh, biều chương, là Thị Lộ sửa chép. Thái Tôn lên ngôi nghe tiếng cho triệu vào yết kiến, phong làm Lễ Nghi Học Sĩ. Khi công tuổi già, muốn về Côn Sơn dưỡng nhàn, nhiều lần xin, vua không cho. Mới xin đề Thị Lộ lại hầu, vua mới cho. Ngày vua động tuần đêm Thị Lộ hầu ngự. Vua băng. Công bị tội. Khi bị đem ra hành hình, Thị Lộ nhảy xuống sông. Người ta cho là rắn báo thù.



Quyển 6 :

ỨC TRAI DI TẬP

Quốc Thư Bảo Huấn Đại Toàn

DƯ ĐỊA CHÍ

抑齋遺集 卷之六
國書寶訓大全
輿地志

阮天縱

集註

阮天錫

謹按

李子晉

通論

紹平二年，上德教遠加，四鄰有邦咸來朝貢，行遣（或作濟文侯）黎鷹，乃作書達于王曰，我國肇有山川，東際于海，西抵于蜀，南至占城，北至洞庭。（行遣官名本朝任重惟宰相與行遣爾。上福慈溪人阮鷹封濟文侯，號抑齋，蜀國名，今雲南省是，占城古胡孫國是，洞庭，湖名，楚地周迴八百里，四望無際，日月出入其中，閩廣諸水悉涯之，湖中出二山，一名君山，產洪橘，崔

舌茶玳瑁竹，祀堯女湘君于此，一名鹿角山陶朱故宅。

先君涇陽王，生有聖德，受封粵南，爲百粵祖。

(我越之先相傳始君曰涇陽，堯帝之裔，王父帝明巡狩至海南遇姦仙女納之，生子祿續神采端正有聖德帝奇愛之，欲立爲嗣，王固讓其兄，帝明乃封之越南，是爲涇陽王)。

雄王紹統，建國曰文郎國，分國中爲交趾朱雋武寧，福祿越崇寧海陽泉陸海武定懷驪九真平文，新興，九德，凡十五部。

(雄王貉龍之子，涇陽之孫，王所都曰文郎，相傳十八世皆稱雄王)。

迨趙爲漢所定，武帝遂以其地爲南海蒼梧鬱林合浦，交趾九真日南珠崖潯耳。

(趙武帝陀建國于番禺(今屬廣東)傳祚六世至衛陽始亡國。西漢元狩年間。武帝遣路博德等滅趙，南海秦故

郡今廣東蒼梧鬱林秦桂林郡，合浦秦象郡屬交趾九真，日南秦象郡，珠為潯耳（州人生則鑲其頰及連耳匡分度數支狀如雞腸粟粟至肩今儋瓊二州是。並在大海中寰宇記永嘉為東甌，鬱林為西甌，輿地志交趾周為貉越，秦曰西甌，索隱曰今珠崖瓊耳謂之甌人是為甌越）。

五_二領內屬歷吳晉至隋唐為中州使。

（東吳孫氏，晉司馬氏，東西晉隋楊氏，唐李氏也內屬時北朝各置太守刺史都督，節度以管轄之。

Phiên âm

ỨC TRAI DI TẬP Quyển chi LỤC QUỐC THƯ BẢO HUẤN ĐẠI TOÀN DƯ ĐỊA CHÍ

Nguyễn Thiên Túng. Tập chú.

Nguyễn Thiên Tích. Cần án.

Lý Tử Tấn. Thông luận.

Thiệu Bình nhị niên, Thượng đức giáo viên gia, tứ lân hữu bang, hàm lai triều cống. Hành Khiển (hoặc tác Tể Văn Hầu) Lê Trãi, nãi tác thư đạt vu vương viết : Ngã quốc triệu hữu sơn xuyên, đông tể vu hải, tây đề vu Thục, nam chỉ Chiêm Thành, bắc chỉ Động Đình.

(Hành Khiển quan danh. Bản triều nhiệm trọng duy Tể Tướng dữ Hành Khiển nhĩ. Thượng Khê nhân, Nguyễn Trãi, phong Tể Văn Hầu, hiệu Úc Trai. Thục, quốc danh, kim Vân Nam tỉnh thị. Chiêm Thành, cổ Hồ-Tôn quốc thị. Động Đình hồ danh, Sở địa, chu hồi bát bách lý, tứ vọng vô tể, nhật nguyệt xuất nhập kỳ trung, Mân Quảng chư thủy tất nhai chi. Hồ trung hữu nhị sơn, nhất danh Quân sơn, sản hồng quất, thời thiết trà, đại mao trúc, tự Nghiêu nữ, Tương Quân vu thử. Nhất danh Lộc Giác sơn, Đào Chu cổ trạch.)

Tiên quân Kinh Dương Vương, sinh hữu thánh đức, thụ phong Việt Nam, vi bách Việt tổ.

(Ngã Việt chi tiên, tương truyền, thủy quân viết Kinh Dương. Viêm Đế chi duệ. Vương phụ đế Minh tuần thú chi Hải Nam, ngộ Vụ Tiên nữ, nạp chi, sinh tử, Lộc Tục, thần thái đoan chính hữu thánh đức. Đế Kỳ ái chi, dục lập vi tự. Vương cố nhượng kỳ huynh. Đế Minh nãi phong chi Việt Nam. Thị vi Kinh Dương Vương.)

Hùng Vương thiệu thống, kiến quốc viết Văn Lang quốc, Phân quốc trung vi : Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức, phạm thập ngũ Bộ.

(Hùng Vương, Lạc Long chi tử, Kinh Dương chi tôn. Vương sở đô viết Văn Lang, tương truyền thập bát thế giai xưng Hùng Vương).

Đãi Triệu vi Hán sở định, Vũ Đế tuy dĩ kỳ địa vi Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đàm Nhĩ.

(Triệu Vũ Đế Đà kiến quốc vu Phiên Ngưng (kim thuộc Quảng Đông). Truyền tộ lục thế. Chi Vệ Dương thủy vong quốc. Tây Hán, Nguyên Thú niên gian, Vũ Đế khiển Lộ Bác Đức đẳng diệt Triệu. Nam Hải Tần cổ quận, kim Quảng Đông. Thương Ngô, Uất Lâm, Tần Quế Lâm quận. Hợp Phố, Tần Tượng quận thuộc. Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam Tần Tượng Quận. Châu Nhai, Đàm Nhĩ, (Châu nhân, sinh, tặc lữ kỳ giáp cấp liên nhĩ khuông phân nhai sở chi, trạng như kế trường, luy luy chí kiên) kim Đam, Quỳnh, nhĩ Châu thị, tịnh tại đại hải trung. Hoàn Vũ ký, Vĩnh Gia vi Đông Âu, Uất Lâm vi Tây Âu. Dư Địa Chỉ, Giao Chỉ, Chu vi Lạc Việt. Tần viết Tây Âu, Sách ần viết kim Châu Nhai, Đàm Nhĩ, vị chi Âu Nhân. Thị vi Âu Việt).

Ngũ Lĩnh nội thuộc. Lịch Ngô Tấn chi Tùy Đường vi Trưng Châu tiện.

(Đông Ngô Tôn thị, Tấn Tư Mã thị, Đông. Tây Tấn, Tùy Dương thị, Đường Lý thị. Nội thuộc thời. bắc triều các trí Thái Thú, Thứ Sử, Đô Đốc. Tiết Độ, dĩ quản hạt chi).

Dịch nghĩa

ỨC TRAI DI TẬP Quyển thứ Sáu.

QUỐC THƯ BẢO HUẤN ĐẠI TOÀN

DƯ ĐỊA CHỈ.

Nguyễn Thiên Tùng.Tập Chú

Nguyễn Thiên Tích.Cần án

Lý Tử Tấn.Thông luận

Niên hiệu Thiệu Bình năm thứ Hai (1435) đức vua lan khắp gần xa các nước bốn cõi tới triều cống. Hành Khiển Lê Trãi mới làm sách dâng lên vua : Nước ta mở nước có núi có sông, phía đông tới bể, phía tây giáp Thục, Phía nam tới Chiêm Thành, phía bắc tới Động Đình. Hành Khiển là chức quan, triều ta quan trọng nhất là Tể Tướng cùng hành Khiển. Người làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc tên là Nguyễn Trãi, phong tước Tể Văn Hào, hiệu là Úc Trai.

Thục là tên nước, nay là tỉnh Vân Nam. Chiêm Thành là nước Hồ Tôn xưa. Động Đình là tên hồ ở đất Sở, xung quanh do được tám trăm dặm, trông bát ngát không thấy bờ, mặt giới mọc lặn như là ở trong hồ. Các đất Mân Quảng đều dựa vào hồ. Trong hồ có hai núi. Một là Quân Sơn, thổ sản là quất hồng, chè Thối Thiệt, trúc Đại Mạo, Có đền thờ Trương Quân, con gái vua Nghiêu. Một núi nữa là Lộc Giác Sơn, Đào Chu xưa có nhà ở đó.

Vua trước tiên là Kinh Dương Vương, từ khi bé đã có thánh đức được phong tại Việt Nam, tức là tổ đất Bách Việt.

(Trương truyền nước Việt ta, vua đầu tiên là Kinh Dương, là dòng dõi Viêm Đế xứ bắc. Cha là Đế Minh đi tuần thú tới Hải Nam, lấy nàng Vụ tiên Nữ, sinh ra con là Lộc Tục. Lộc Tục có đức độ một vị thánh minh, vua rất yêu quý, muốn truyền ngôi. Lộc Tục cố từ chối, nhường cho người anh. Vì thế, Đế Minh phong Lộc Tục ở Việt Nam. tức là Kinh Dương Vương).

Hùng Vương nổi nghiệp, đặt tên nước là nước Văn Lang chia nước làm mười lăm Bộ : Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức.

(Hùng Vương là con Lạc Long, cháu Kiuh Dương, Nơi đóng đô gọi là Văn Lang. Tương truyền được 18 đời, đều xưng là Hùng Vương).

Đến họ Triệu, bị nước Hán đánh thua. Hán Vũ Đế chia đất ra làm chín quận : Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đàm Nhĩ.

(Triệu Vũ Đế tên là Đà, lập nước tại đất Phiên Ngung (nay thuộc Quảng Đông) truyền được sáu đời, đến vua Vệ Dương thì mất nước. Nước Tây Hán, khoảng niên hiệu Nguyên Thu (122), Hán Vũ Đế sai bọn Lộ Bác Đức diệt họ Triệu. Nam Hải quận cũ triều Tần nay là Quảng Đông. Thương Ngô, Uất Lâm là quận Quế Lâm của Tần trước. Hợp Phố là quận. Trọng quận của Tần trước. Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam cũng là Trọng quận của Tần trước. Châu Nhai, Đàm Nhĩ, nay là hai châu Đám, Quỳnh (Người châu có tục khắc, chạm hai bên má cho đến rai tai, chia ra nhiều mảnh lòng thông xuống như ruột gà đến vai). Hai châu ở ngoài bể (Đảo Hải Nam). Trong sách Hoàn Vũ Ký thì Vĩnh Gia là Đông Âu, Uất Lâm là Tây Âu. Trong Địa Dư chí, thì Giao Chỉ đời triều Chu là Lạc Việt, về triều Tần, là Tây Âu. Khảo sát kỹ thì người Châu Nhai, Đàm Nhĩ, vốn gọi là Âu nhân cho nên thành ra chữ Âu Việt),

Ngũ Lĩnh bị nội thuộc, trải các triều Ngô, Tấn đến Tùy, Đường thành ra một chấu nước Tàu.

(Đông Ngô là họ Tôn. Tấn là họ Tư Mã, có Đông Tấn Tây Tấn. Tùy là họ Dương. Đường là họ Lý. Trong thời nội thuộc các triều đại nước Tàu đặt các chức Thái Thú, Thứ Sử, Đô Đốc, Tiết Độ để quản trị nước ta.

前吳平漢復國，所得漢地，北夾兩廣，南至地哩凡二千八百里，東接欽州海門，西界雲南，凡一千七百里。

(前吳姓吳名權也。漢南漢也，正公牙將矯公羨戡逆，漢王劉龔欲因止亂而取之，乃徙封萬王，弘操爲交王，將兵而南，吳王自愛州而北，破弘操於白藤擒之。兩廣，東西廣也，地哩道名今南界是)。

Phiên âm

Tiền Ngô bình Hán phục quốc, sở đắc nhưông địa, bắc giáp lưỡng Quảng, nam chí Địa Lý, phạm nhị thiên bát bách lý Đông tiếp Khâm Châu hải môn, tây giới Vân Nam, phạm nhất thiên thất bách lý.

(Tiền Ngô, tỉnh Ngô, danh Quyên dã. Hán, Nam Hán dã. Chính Công, nha tướng Kiều Công Tiện, thi nghịch. Hán Vương Lưu Cung, dục nhân kỳ loạn nhi thủ chí. Nãi tử phong Vạn Vương Hoàng Thao vi Giao Vương, tướng binh nhi nam. Ngô Vương tự Ái Châu nhi bắc. Phá Hoàng Thao ư Bạch Đằng, cầm chi. Lưỡng Quảng, đông tây Quảng dã. Địa Lý, đạo danh, kim nam giới thị).

Dịch nghĩa

Nhà Tiền Ngô, bình được Hán, phục được nước. Đất đai thu lại, tất cả là : bắc giáp Lưỡng Quảng, nam tới Địa Lý, có 2.800 dặm. Đông tới cửa bể Khâm Châu, tây tới Vân Nam, có 1800 dặm.

(Nhà Tiền Ngô, họ Ngô tên Quyền. Hán là nước Nam Hán. Nhân có việc thí nghịch (Nha tướng Kiều Công Tiễn giết chú), vua Nam Hán là Lưu Cung muốn lợi dụng đề cướp nước ta, mới phong cho con là Hoảng Thao làm Giao Vương đem quân tới. Ngô Quyền khi đó ở Ái Châu đem quân lên bắc, tới Bạch Đằng, phá giặc, bắt được Hoảng Thao. Lưỡng Quảng là Quảng Đông, Quảng Tây. Địa Lý là tên một đạo, hay là ranh giới miền nam).



府凡五十，州凡四十一，縣凡一百零一，戶三百一十萬，丁黎天下爲十道，戶部獻民數五百萬六千五百丁。

有李天下爲二十四路，行遣獻戶數，三百三十萬一百丁。

有陳天下爲十二處，院官獻黃冊，大中男四百九十萬丁，黃男二百十萬四千三百丁。

我朝混一天下爲十五道，府凡五十六，縣凡一百八十七，州凡五十四，鄉凡一，社凡九千七百二十八，村凡二百九十四，坊凡五十九，州凡一百十九，庄凡一百十六，洞凡五百三十四，冊凡四百六十五，所凡五十八，寨凡七十四，源凡十六，恩凡一百有十，丁數七十萬九百四十率，（此歷代州縣戶口之目錄也，二胡既執明人計所獲府州四十八，縣一百六十八，戶三百一十六萬九千五百，象一百一十二，馬四百二十，牛三萬五千七百，舟八千八百六十五。太祖平吳之後，特準定

丁數，山南十四萬率，海陽十一萬率，山西京北各十萬率，清華十萬率。又安五萬，安拜太原各二萬率。宣興各一萬八千率，高平諒山各一萬一千二百率。升華五百四十率，吾氏曰：貉龍五十男從母嫗嫗登山推其長者為雄王，次于各據都冊分治。今之洞冊庄坊是也。又李太宗聖宗征占俘占人以歸，使散處州邑，其邑皆倣古舊號。今之寨所是也。

阮氏曰：按中葉安廣二州，四洞五縣，歸隸欽州興化十有七州。七歸內地順廣二道分為南河陽和以後所存道十三，府五十縣一百六十六州四十八，社八千六百七十一龍德間王府奉詔定民數實稅三十一萬一千六百七十率，內徵諸貢衙需祿并另匠及諸晚企餘受磁硝諸項三萬二千六百七十六率，只存實納二十七萬六千二百一率）。

Phiên âm

Phủ phạm ngũ thập. Châu phạm tứ thập nhất. Hnyện phạm nhất bách linh nhất bát. Hộ phạm tam bách nhất thập vạn

Le thiên hạ vi thập đạo. Hộ Bộ hiến dân số ngũ bách vạn, lục thiên ngũ bách đình.

Hữu Lý, thiên hạ vi nhị thập tứ lộ. Hành Khiển biến hộ số. tam bách tam thập vạn nhất bách đình.

Hữu Trần thiên hạ vi nhập nhị xứ. Viện quan biến hoàng sách Đại trung nam, tứ bách cửu thập vạn đình, hoàng nam nhị bách thập vạn tứ thiên tam bách đình.

Ngã triều hỗn nhất thiên hạ vi thập ngũ đạo. Phủ phạm ngũ thập lục. Huyện phạm nhất bách bát thập thất. Châu phạm ngũ thập tứ, Hương phạm nhất. Xã phạm cửu thiên thất bách nhị thập bát. Thôn phạm nhị bách cửu thập tứ. Phường phạm ngũ thập cửu. Châu phạm nhất bách thập cửu. Trang phạm nhất bách thập lục. Động phạm ngũ bách tam thập tứ. Sách phạm tứ bách lục thập ngũ. Sở phạm ngũ thập bát. Trại phạm thất thập tứ. Nguyên phạm thập lục. Doanh phạm nhất bách hữu thập. Đình số thập vạn, cửu bách tứ thập suất.

(Thử lịch đại châu huyện hộ khẩu chi mục lục dã. Nhị Hồ ký chấp. Minh nhân kế số hoạch, phủ châu tứ thập bát, huyện nhất bách lục thập bát, hộ tam bách nhất thập lục vạn cửu thiên ngũ bách. Tượng nhất bách nhất thập nhị. Mã tứ bách nhị thập, Ngưu tam vạn ngũ thiên thất bách. Chu bát thiên bát bách lục thập ngũ.

Thái Tồ bình Ngô chi hậu, đặc chuẩn định số. Sơn Nam thập tứ vạn suất, Hải Dương thập nhất vạn suất, Sơn Tây. Kinh Bắc, các thập vạn suất, Thanh Hoa thất vạn suất, Nghệ An ngũ vạn suất, An Bang, Thái nguyên các nhị vạn suất, Tuyên Hưng

các nhất vạn bát thiên suất, Cao Bình, Lương Sơn các nhất vạn nhất thiên nhị bách suất, Thăng Hoa ngũ bách tứ thập suất.

Ngô thị viết : Lạc long ngũ thập nam tông mẫu Âu Cơ đẳng sơn, suy kỳ trưởng giả vi Hùng Vương. Thử tứ các cử đồ sách phân trị. Kim chi động, sách, trang, phường, thị dã. Hựu Lý Thái Tôn, Thánh Tôn chinh Chiêm, phù Chiêm nhân dĩ quy, sử tán xử châu ấp. Kỳ ấp giai phóng Chiêm cự hiệu, kim chi trại sở, thị dã.

Nguyễn thị viết : Ân trung điệp An, Quảng nhị châu, tứ động, ngũ huyện quy lệ Khâm Châu, Hưng Hóa thập hữu thất châu, thất châu quy nội địa. Thuận, Quảng nhị đạo phân vi Nam Hà Dương Hòa dĩ hậu sở tôn đạo thập tam, phủ ngũ thập, huyện nhất bách lục thập lục, Châu tứ thập lục, xã bát thiên, lục bách thất thập nhất. Long Đức gian, Vương Phủ phung chiêu định dân số, thực hiệu tam thập nhất vạn nhất thiên lục bách thất thập suất. Nội ban, chư viên nha ngũ lốc tính lãnh tượng cấp am biểu đông dư thụ não tiêu chư hạng, tam vạn nhị thiên lục bách thất thập lục suất. Chỉ tồn thực nạp nhị thập thất vạn lục thiên nhị bách nhất suất).

Dịch nghĩa

Dưới triều Ngô Phủ có 50. Châu có 41. Huyện có 180. (1) Hộ khẩu có 310 vạn.

Dưới triều Đinh Lê. nước chia làm mười đạo. Hộ bộ ghi dân số 500 vạn, 6 nghìn, 500 đình.

Dưới triều Lý, nước chia làm 24 lộ. Hành Khiển ghi số 330 vạn, 100 đình.

Dưới triều Trần, nước chia làm 12 xứ, Viện quan ghi trong hoàng sách đại nam và trung nam 490 vạn đinh, hoàng nam 210, vạn. 4 nghìn 300 đinh.

Đến triều Lê ta, thống nhất thiên hạ, chia nước làm 15 đạo. Có: 56 phủ, 187 huyện, 514 châu, 1 hương, 9.728 xã 294 thôn, 519 phường, 119 châu, 116 trang, 534 động, 465 sách, 516 sở, 714 trại, 16 nguyên, 110 doanh. Số đinh có 700 vạn, 940 suất.

(Đó là trải qua các triều đại, con số châu, huyện, hộ khẩu. Cha con họ Hồ đã bị bắt, kể số người Minh cướp lấy có: 48 phủ châu, 168 huyện, 316 vạn, 9.500 hộ khẩu, 112 voi, 420 ngựa, 35.700 bò. 8865 thuyền.

Thái Tồ dẹp xong giặc Ngô, mệnh xét ghi lại số đinh. Sơn Nam có 14 vạn suất, Hải Dương 11 vạn (mười một), Sơn Tây, Kinh Bắc mỗi nơi 10 vạn, Thanh Hóa 7 vạn, Nghệ An, 5 vạn, An Bang, Thái Nguyên, mỗi nơi 2 vạn, Tuyên, Hưng mỗi nơi 1 vạn 1 nghìn, 200. Thăng Hoa 540 suất.

Họ Ngô bàn: Vua Lạc Long cho 50 con giai theo mẹ (Âu Cơ) lên miền núi, chọn người con lớn là Hùng Vương. Các con thứ chia nhau ra cai quản các xứ, nay là động, sách, trang, phường, chắc là ý nghĩa như thế. Lại xem như Lý Thái Tồ, Lý Thánh Tôn đi chinh phạt nước Chiêm, bắt nhiều dân Chiêm về cho phân tán ở mọi nơi rồi cứ lấy tên cũ mà gọi châu, ấp. Chắc các sở, các trại ngày nay là do đó.

Nguyễn thị bàn: Xét sau thời khai sáng, hai châu An, Quảng, bốn động, năm huyện, theo về châu Khâm, 17 châu Hưng Hóa, thì 17 châu theo về đất cũ, hai đạo Thuận, Quảng, thì chia làm Nam Hà, Dương Hòa. Vậy về sau còn lại, 13 đạo, 50 phủ, 166 huyện, 48 châu, 8.671 xã. Trong khoảng niên hiệu Long Đức (1732-1735) Vương Phủ phụng chiếu định số dân thì biết trong 31 vạn, 1670 suất đã có các hạng ngoại lệ: nha viên, thuộc ngu, thợ, công nhân vãn vãn, đến 3 vạn, 2.676 suất, vậy số suất thực sự còn có 27 vạn, 6.201 suất)



乃命民部編八政書，帝曰古今國都名號沿革，與其山川風物，先生宜歷陳詳記，使朕達所聞所知。

(民部戶部也，政書當時爲政之書)。
侯乃跪序曰：涇陽王建國曰赤鬼，雄王曰文郎，都峯州，蜀曰甌貉，都封溪。趙曰南越，都番禺。徵仍雄雒都麓冷。

(峯州今三帶白鵝是，封溪今東岸古螺是。番禺在廣東州，值西南三十里，麓冷今福祿啗門是)前李曰，萬春都龍編。趙曰越趙都朱鳶，桃郎曰野能，後李烏都延遠峯州，吳曰前吳都螺城，(龍編今昇龍城是，朱鳶今山西安朗是，野能今在綏遠懷安之間未詳其地，烏鳶古屬慈州今慈廉是，螺城安陽王所築)。

丁曰大瞿越都華閭，李曰大越都昇龍，陳及我朝邦號仍李，亦都于此。

(華閭古大黃今長安府是，昇龍古大羅城，李徙都時有黃龍見于城之西，因改曰昇龍，陳以爲中京。胡徙都安孫以中京爲東都，太祖定鼎改爲東京云)。

聘于北朝，有稱越裳交趾安南。

(馮彪氏初聘于周曰越裳氏。自先皇至李英宗聘于宋曰交趾，自英宗迄今聘于宋元明曰安南)，天王冊章有曰粵南，南越，交趾，安南，南平。今亦曰粵南(冊金冊，章龍章也，按：帝明授潯陽粵南王，漢授趙南越王，宋授丁黎李曰交趾郡王，昇進南平王，崩後進南越王。至李英宗時改交趾爲安南國，封帝安南國王，賜國王金印，安南稱國自李始，後陳以來皆倣此)。

Phiên âm

Nãi mệnh Dân Bộ biên nhập Chính Thư, Để viết: Cồ Kim quốc đỏ danh hiệu duyên cách, dữ kỳ sơn xuyên phong vật, tiên

sinh nghi lịch trần tường ký, sử trẫm thuật sở văn sở tri. (Dán bộ, Hộ bộ đã. Chính thư, đương thời vi Chính chi thư).

Hầu nãi dương Tự viết : Kinh Dương Vương kiến quốc viết Xích Quỷ, Hùng Vương viết Văn Lang. đô Phong Châu, Thục viết Âu Lạc, đô Phong Khê. Triệu viết Nam Việt, đô Phiên Ngung. Trưng nhưng Hùng, Lạc, đô Mê Linh.

(Phong Khê, kim Tam Đái, Bạch Hạc thị. Phong Khê, kim Đông ngạn, Cồ Loa thị. Phiên Ngung tại Quảng Đông Châu, trị tây nam tam thập lý. Mê Linh, kim Phúc Lộc, Hát Môn thị).

Tiền Lý viết Vạn Xuân, đô Long Biên. Triệu viết Việt Triệu đô Chu Diên. Đào Lang viết Dã Năng. Hậu Lý đô Ô Diên, thiên Phong Châu, Ngô viết Tiền Ngô, đô Loa Thành.

(Long Biên, kim Thăng Long thành thị. Chu Diên, kim Sơn Tây, An Lăng thị. Dã Năng kim tại Tuy Viễn, Hoài An chi gian, vị tương kỳ địa, Ô Diên, cồ thuộc Từ châu, kim Từ Liêm thị. Loa thành, An Dương Vương sở trúc).

Đinh viết Đại Cồ Việt, đô Hoa Lư. Lý viết Đại Việt, đô Thăng Long. Trần cập ngã triều bang hiệu nhưng Lý, diệc đô vu thử.

(Hoa Lư, cồ Đại Hoàng, kim Trường An phủ thị. Thăng Long cồ Đại La thành. Lý tỷ đô thời, hữu hoàng long, kiến vu thành chi tây, nhân cải viết Thăng Long. Trần dĩ vi Trung Kinh. Hồ tỷ Đô An Tôn dĩ Trung Kinh vi Đông Đô. Thái Tổ định đỉnh cải vi Đông Kinh vãn).

Sinh vu Bắc triều, hữu xưng Việt Thường, Giao Chỉ, An Nam. (Hồng Bàng thị sơ, sinh vu Chu viết Việt Thường thị. Tự

Tiên Hoàng chỉ Lý Anh Tôn sinh vu Tống viết Giao Chỉ. Tự Anh Tôn hất kim sinh vu Tống, Nguyên, Minh, viết An Nam.).

Thiên Vương Sách Chương hữu viết Việt Nam, Nam Việt, Giao Chỉ, An Nam, Nam Bình. Kim diệp viết Việt Nam.

(Sách, kim sách, Chương, long chương đã, Ấn : Đế Minh thụ Kinh Dương Việt Nam Vương. Hán thụ Triệu Nam Việt Vương. Tống thụ Đinh, Lê, Lý, viết Giao Chỉ Quận Vương. Tầm tiến Nam Bình Vương bằng hậu tiến Nam Việt Vương. Chỉ Lý Anh Tôn thời, cải Giao Chỉ vi An Nam quốc, phong đế An Nam quốc vương. Tứ quốc vương kim ấn. An Nam xưng quốc tự Lý thủy. Hậu Trần dĩ lai giai phỏng thử).

Dịch nghĩa

Vua sai Dân Bộ chép vào Chính Thư. Mệnh rằng : Xưa nay các tên quốc đô đã từng thay đổi cùng các tên sông núi địa phương, tiên sinh ghi chép tường tận, để trẫm theo dõi được biết.

(Dân Bộ là Hộ Bộ. Chính Thư là sổ sách về hành chính).
Công mới chép rõ rằng :

Vua Kinh Dương dựng nước đặt tên là nước Xích Quỷ.
Vua Hùng Vương đặt tên là nước Văn Lang, đóng đô tại Phong Châu. Vua Thục đặt tên là nước Âu Lạc, đóng đô tại Phong Khê.
Vua Triệu đặt tên là nước Phiên Ngung. Vua Trưng theo như thời Hùng Lạc, đóng đô tại Mê Linh.

(Phong Châu nay là Tam Đảo, Bạch Hạc. Phong Khê nay là Động ngạn, Cổ Loa. Phiên Ngung nay ở châu Quảng Đông, về tây nam 30 dặm. Mê Linh nay là Phúc Lộc, Hát Môn).

Triều Tiên Ty gọi nước là nước Vạn Xuân, đóng đô tại Long Biên. Triều Triệu gọi nước là nước Việt. Triệu đóng đô tại

Chu Diên. Triều Đào Lang gọi nước là nước Dã Năng. Triều Hậu Lý đóng đô tại Ô Diên, rồi thiên tới Phong Châu. Triều Ngô gọi nước là nước Tiền Ngô, đóng đô ở Loa Thành,

(Long Biên nay là Thăng Long. Chu Diên nay là Sơn Tây, An Lãng. Dã Năng nay ở khoảng Tuy Viễn, Hoài An, chưa tường giới hạn. Ô Diên trước thuộc Từ Châu, nay là Từ Liêm. Loa thành do vua An Dương Vương xây lên).

Triều Đinh gọi nước là nước Đại Cồ Việt, đóng đô tại Hoa Lư. Triều Lý gọi nước là nước Đại Việt, đóng đô tại Thăng Long. Triều Trần rồi đến triều Lê ta, tên nước gọi theo như Lý Thủ độ cũng thế.

(Hoa Lư, xưa là Đại Hoàng, nay là phủ Trường An. Thăng Long xưa là thành Đại La. Triều Lý khi thiên đô, có rồng vàng hiện tại phía tây thành, nhân thế gọi là Thăng Long. Triều Trần đặt làm Trung Kinh. Triều Hồ dời tới An Tôn, gọi Trung Kinh là Đông Đô. Thái Tổ ta định xong nước đổi làm Đông Kinh.

Giao thiệp với Bắc triều lần lượt xưng là Việt Thường, Giao Chỉ, An Nam.

(Họ Hồng Bàng xưa, giao thiệp với triều Chu, gọi là Việt Thường thị. Từ Tiên Hoàng đến Lý Anh Tôn, giao thiệp triều Tống gọi là Giao Chỉ. Từ Anh Tôn tới nay, giao thiệp với các triều Tống, Nguyên, Minh, gọi là An Nam).

Thiên Vương, Sách Chương có chép : Việt Nam, Nam Việt, Giao Chỉ, An Nam, Nam Bình. Nay cũng gọi là Việt Nam.

(Sách là Kim Sách. Chương là Long Chương. Xét : vua Đế Minh phong Kinh Dương làm Việt Nam Vương. Triều Hán phong Triệu làm Nam Việt Vương. Đến Lý Anh Tôn đổi Giao Chỉ An Nam quốc. Tâu phong vua ta làm An Nam Quốc Vương, ban ấn vàng quốc vương. An Nam gọi là quốc bắt đầu từ triều Lý. Triều Trần về sau theo lệ.

肆臣承德旨既言邦師，乃審識王宜，以定貢賦焉。（邦國號也，師如洛師之師）上京。

（上京帝都也。吳時，郡守士王定都于此。唐時都護高王於此築大羅城。自李迄今。亦都于此，府路一，屬縣二，坊三十有六，謹按：奉天府二縣，壽昌，廣德各十八坊（古號永昌）。

厥土惟黃壤，厥田惟上中，歲創輪鎧仗，組豆輶椅綺紬傘，安泰紙章，瑞章宜蠶繅絹。河津石灰，行桃赤染，左一扇子，西湖巨魚，盛光龍服，唐人葉衣。厥貢錦繡黑香，及金三品。（唐人乃兩廣客商居庸也。葉衣者北人裏衣袖身背連長表衣隨次織上。望之如翠葉也。西湖古靈隱是，李陳立行宮於此觀魚）。

Phiên âm

Tứ thần Thừa Đức Chỉ ký ngôn bang, sử nãi thâm chí
vương nghi, dĩ định cố phủ yên.

(Bang quốc hiệu dã. Sư, như Lạc sư chi sư).

Thượng Kinh.

(Thượng Kinh, đế đô dã. Ngô thời, quận thủ, Sĩ Vương, định đô vu thủ, Đường thời, Đô Hộ Cao Vương ư thủ túc Đại La thành. Tự Lý hất kim, diệp đô vu thủ. Phủ lệ nhất, thuộc huyện nhị. Phường, tam thập hữu lục. Cần án: Phụng Thiên, phủ : nhị huyện : Thọ Xương, Quảng Đức, các thập bát phường (cổ hiệu Vĩnh Xương).

Quyết thổ duy hoàng nhượng. Quyết điền duy thượng trung. Tang, kiểm kiện, khảo trọng, trở dậu, kiện ý, ý trừu, cái tán. An thái, chỉ chương. Thụy Chương, Nghi Tâm, hy quyển. Hà tân thạch khối. Hàng Đào xích nhiễm. Tả nhất phiến tử. Tây Hồ cự ngư. Thịnh Quang long nhãn. Đường nhân, diệp y. Quyết cống cầm tù, hắc hương, cập kim tam phẩm.

(Đường nhân nãi lưỡng Quảng khách thương cư phố dã. Diệp y giả, bắc nhân lý y, tự thân bối liên trường biểu y tùy thứ chức thượng. Vọng chi như thủy diệp dã. Tây Hồ, cổ Dâm Đàm thị. Lý Trần lập hành cung ư thủ quan ngư.

Dịch nghĩa :

Thân Thừa Chỉ, đã được trình bày các tên nước, các tên kinh sư. Nay xin ghi phẩm vật để định đoạt vật cống phú.

(Chữ bang là tên nước. Chữ sư y như sư trong kinh sư).

Thượng Kinh.

(Thượng Kinh là kinh đô, đế đô. Thời triều Ngô (nước Tàu), quận thủ là Sĩ Vương đặt đô ở đó. Đến triều Đường, thời đô hộ, Cao Vương ở đó có xây thành Đại La. Từ triều Lý đến nay, vẫn đô ở đó. Một phủ lộ, hai thuộc huyện, 36 phường).

(Kính xét: Phủ Phụng Thiên có hai huyện, Thọ Xương và Quảng Đức, mỗi huyện có 18 phường (xưa tên là Vĩnh Xương).

Đất thì đất vàng tốt. Ruộng thì vào hạng thượng và trung. Sản xuất do các nghề có : gươm đao, kiệu ngời, áo giáp, đồ trở đầu, cung tế, ghế đệm, lọng tàn. Phường An Thái có giấy sách. Phường Thụy Chương, Nghi Tàm, có tơ vải. Bờ sông có đá vôi. Phường hàng Đào có nhuộm các màu đỏ. Phường Tả có quạt. Phường Tây Hồ có cá lớn. Phường Thịnh Quang có long nhãn. Phường Đường nhân có áo xanh. Đủ các thứ gấm vóc, của lạ, vàng, bạc, đồng.

(Đường nhân là phố khách buôn ở lưỡng Quảng tới ngụ. Áo xanh màu lá, là thứ áo của người Tàu mặc, có áo trong ngắn liền với áo ngoài dài, trông như màu lá xanh. Tây Hồ trước tên là Dâm Đàm. Triều Lý, triều Trần dựng hành cung ở đó để coi bắt cá.



陽泉郡，東西夾京北安廣。南北界太原山南。四京鎮之一，東藩之首，路府凡四，屬縣十有八。里社凡一千三百七十七。謹按：上洪府三縣（古洪州今平江）二百十社。唐蒙六十八社一村。唐安五十九社，錦江八十三社，下洪府四縣（今寧江）三百七十一社。嘉福（今嘉祿），八十四社，青河五十四社，四岐一百二十八社一庄一所。永賴（古同賴）一百五社五庄，南蒙府四縣二百八十七社。青林七十八社一所一寨。至靈五十七社。清河六十二社。新明九十二社十二庄。荊門府七縣（俗曰七郡）五百七社。金城（古荅沛）七十一社，峽山六十二社。東嘲一百十社，

水 棠 八 十 一 社 二 村。 安 陽 六 十
 三 社， 安 老 五 十 九 社 二 庄。 宜 陽
 (其 爲 陽 京) 六 十 一 社 十 二 所)。
 厥 土 惟 白 壤。 宜 火 藥， 厥 田 惟 上
 上， 厥 木 惟 松 柏 槐 柳。 中 路 榔 榔
 檳 榔。 文 門 陽 物 錯。 唐 豪 鱸 魚。
 二 安 鷄 惟 塢。 同 賴 柑 惟 飴， 花 潮
 敬 主 花 石。 毛 田 不 閉 會 庵 締 布。
 (宜 者 一 道 之 所 宜 也。 安 子 產 松
 栢。 至 靈 產 槐 柳。 同 賴 產 飴 甘 檳
 榔， 四 岐 產 榔 榔。 視 他 處 爲 正。
 文 門 屬 同 賴， 陽 陝 屬 先 明。 二 海
 口 名， 唐 豪 江 名。 鱸 似 龜 甲 蟲 足
 刀 有 毒 可 死 人 者。 制 魚 得 脚 剪
 投 之 江 中， 二 安 安 陽 安 老 也。 二
 縣 產 闕 鷄， 俗 稱 鷄 塢。 花 潮 屬 東
 潮 敬 主 屬 峽 山， 二 山 之 石 其 彩
 如 雲， 材 可 作 磬， 毛 田 屬 錦 江。
 會 庵 不 閉 俱 屬 同 賴 今 永 賴 是 三
 邑 締 布 其 艷 勝 帛 篚 以 爲 儀， 李

氏曰：海陽土饒人悍，時平則順化，時亂則梗化，丁李以來爲然，鎮撫之任不可不擇也。

Phiên âm

Hải cập Lục Đầu An Tử duy hải Dương.

(Hải, đông hải dã. Lục Đầu, giang danh. Lục thủy hợp nguyên, cổ viết Lục Đầu. An Tử sơn danh, hữu Trần chư Đế thường xuất gia tu thiền vu thử. Hải Dương cổ Dương Tuyền quận, đông tây giáp Kinh Bắc, An Quảng, nam bắc giới Thái Nguyên, Sơn Nam, tứ Kinh trấn chi thủ. Lê Phủ phạm tứ, thuộc huyện thập hữu bát, lý xã phạm nhất thiên tam bách thất thập thất.

Cần án : Thượng Hồng Phủ, tam huyện (Cổ Hồng Châu, kim Bình Giang nhị bách thập xã. Đường hào lục thập bát xã, nhất phủ. Đường An ngũ thập cửu xã. Cẩm Giang bát thập tam xã. Hạ Hồng Phủ tứ huyện (kim Ninh Giang) tam bách thất thập nhất xã. Gia Phúc, (kim Gia Lộc) bát thập tứ xã. Thanh Miện, ngũ thập tứ xã, Tứ Kỳ, nhất bách nhị thập bát xã, nhất sở. Vĩnh Lại (cổ Đông Lại), nhất bách ngũ xã, ngũ trang. Nam Sách phủ, tứ huyện nhị bách thập thất xã. Thanh Lâm, thất thập bát xã, nhất sở, nhất trại. Chí Linh, ngũ thập thất xã. Thanh Hà, lục thập nhị xã. Tân Minh, cửu thập nhị xã, thập nhị trang. Kinh Môn Phủ thất huyện (tục viết thất quận), ngũ bách thất xã. Kim Thanh (cổ Trà Bái), thất thập nhất xã. Giáp Sơn, lục thập nhị xã. Đông Triều, nhất bách thập xã. Thủy Đường, bát thập nhất

xã nhị thôn. An Dương, lục thập tam xã. An Lão ngũ thập cửu xã, nhị trang. Nghi Dương, (điện vi Dương Kinh), lục thập nhất xã, thập nhị sở).

Quyết thổ duy bạch nhượng, nghi hỏa dươc. Quyết điền duy thượng thượng. Quyết mộc duy tùng bách, hộc liễu. Trung lộ, lang da, tân lang. Ngải Môn, Dương vật thác. Đường Hào đối ngư. Nhị An, kê duy ô. Đồng Lại cam duy di. Hoa Triều Kính Chủ hóa thạch Mao điền, Bất Bế, Hội Am hy bố.

(Nghi giả, nhất đạo chi sở nghi dã. An Tử sản tùng bách. Chí Linh sản hộc liễu. Đồng Lại sản di cam, tân lang. Từ Kỳ sản lang da. Thị tha xứ vô vu. Ngải Môn thuộc Đồng Lại. Dương Ao thuộc Tiên Minh. Nhị hải khẩu danh. Đường Hào giang danh. Đối, tự qui giáp, trùng túc, nhận hữu độc khả tử nhân giả. Chế ngư đắc cước tiền đầu chi giang trung. Nhị An, An Dương, An Lão dã. Nhị huyện, sản đầu kê, tục xưng kê ô. Hoa triều thuộc Đồng Triều. Kính Chủ thuộc Giáp Sơn. Nhị sơn chi thạch kỳ thái như vân, tài khả tác khánh. Mao Điền thuộc Cẩm giang. Hội Am, Bất Bế, câu thuộc Đồng Lại, kim Vĩnh Lại thị. Tam ấp hy bố, kỳ điểm thẳng bạch, phỉ dĩ vi nghi.

Lý thị viết: Hải Dương thổ nhiều nhân hãn. Thời bình tắc thuận hóa, thời loạn tắc ngạnh hóa. Đình Lý dĩ lai vi nhiên. Trấn phủ chi nhiệm bất khả bất trạch dã.)

Dịch Nghĩa

GIÁP BỀ CÓ LỤC ĐẦU, AN TỬ, TỨC LÀ HẢI DƯƠNG

(Bề đây là bờ đông. Lục Đầu là tên sông. Sáu giòng sông hợp lại cho nên gọi là Lục Đầu. An Tử là tên núi. Các vua triều

Trần thường xuất gia đến tu ở đó. Hải Dương xưa là quận Dương Tuyền. Đông và tây giáp Kinh Bắc và An Quảng. Nam và bắc giáp Thái Nguyên và Sơn Nam. Là một trong bốn trấn. Đầu các tỉnh về phía đông. Có bốn Lệ Phủ, mười tám thuộc Huyện, 1377 làng xã.

Kinh xét : PHỦ THƯỢNG HỒNG có 3 huyện (xưa là Hồng Châu, nay là Bình Giang), 210 xã : Đường Hào, 68 xã, 1 thôn. Đường An, 59 xã. Cẩm Giang 83 xã. PHỦ HẠ HỒNG có 4 huyện (nay là Ninh Giang) 371 xã. Gia Phúc (nay là Gia Lộc, 84 xã, Thanh Miện, 54 xã, Tứ Kỳ 128 xã, 1 trang, 1 sở. Vĩnh Lại (trước là Đồng Lại), 105 xã, 5 trang.

PHỦ NAM Sách có 4 huyện, 287 xã : Thanh Lâm, 78 xã, 1 sở, 1 trại. Chí Linh, 57 xã. Thanh Hà 62 xã. Tân Minh, 92 xã, 12 trang.

PHỦ KINH MÔN có 7 huyện (tục gọi là 7 quận), 507 xã : Kim Thanh, xưa là Trà Bái), 71 xã. Giáp Sơn, 62 xã. Đông Triều 110 xã. Thủy Đường 81 xã, 2 thôn. An Dương, 63 xã. An Lão, 59 xã, 2 trang. Nghi Dương (vì có lăng tẩm cho nên gọi là Dương Kinh), 61 xã, 12 sở).

Đất trắng, sản thuốc, làm dạn được. Ruộng thì vào hạng thượng đẳng. Cây thì có tùng, bách, hòe, liễu. Trồng được cau dừa. Ở Ngải Môn. ở Dương Áo có loại đá mài. Đường Hào có cá đối. Hải An có gà trội. Đồng Lại có cam ngọt. Hoa Triều, Kinh Chủ, có hoa. Mao Điền, Bất Bế, Hội Am có vải lụa.

(Sản là có sẵn ở đất. An Tử sản tùng bách, Chí Linh sản hòe liễu, Đồng Lại sản cam đường, cau, Tứ Kỳ sản dừa đối với các xứ khác là tốt hơn. Ngải Môn thuộc về Đồng Lại. Dương Áo thuộc về Tiên Minh.

Cả hai là tên cửa bể. Đường Hào là tên sông. Cá đối tựa mai rùa, mà vây thì như chân loài côn trùng, vây có chất độc, ăn phải, có thể chết, cho nên bắt được chắt ngay vây, vút xuống sông. Hai An, là An Dương và An Lão hai huyện, sản gà trời tục gọi gà gà ồ. Hoa Triều thuộc về Đông Triều. Kinh Chủ thuộc về Giáp Sơn. Đá ở hai nơi đó có vân như mây, lấy ở núi về, đục khắc, chế được khánh. Mao Điền thuộc về Cẩm Giang. Hội Am, Bất Bế đều thuộc về Đồng Lại, nay là Vĩnh Lại, cả ba nơi sản the lụa màu trắng hơn vải, đồ thêu dệt có tiếng.

Lý thị bản : Hải Dương đất giàu, người bướng. Thời bình thì hay, thời loạn thì ngang ngạnh. Từ đời Đinh, Lý tới nay vẫn thế. Vị quan cai trị cần được chọn cẩn thận.



沱 陽 拿 圓 惟 山 西。

(沱 陽 江 名， 其 源 發 自 滎 陽， 至
中 河， 與 洸 河 通。 抵 白 鶴， 合 於
潁 河 拿 圓 山 名， 三 峯 峙 立 其 形
自 拿 因 以 爲 名。 我 國 祖 山 也， 山
西 古 朱 鵠 福 祿 部， 東 南 界 上 京
山 南， 西 北 界 宣 興 四 京 鎮 之 二，
西 藩 之 首， 路 府 六。 屬 縣 二 十 四
里 社 凡 一 千 二 百 六 十 八。 謹 按：
國 威 府 五 縣 二 百 五 十 一 社， 慈
廉 八 十 三 社 九 村 六 州 四 所 二 寨
丹 鳳 三 十 五 社 五 村 七 州。 福 祿
(古 麓 冷) 五 十 一 社 五 村 五 州 一 所。 安
山 四 十 二 社 二 村 二 庄 二 寨， 石 室 四 十
一 社 一 庄， 三 帶 (古 峯 州) 六 縣， 四 百
四 十 四 社， 安 朗 (古 朱 鵠) 六 十 三 社 六
州 一 所 三 寨， 女 樂 一 百 社 二 村 八 州。
白 鶴 (峯 州 之 地 有 旗 壇 白 鶴 集 其 上 故
名) 六 十 三 社 五 村 二 州， 先 豐 五 十 社，
扶 康 六 十 八 社。 立 石 一 百 一 社， 臨 洸
府 四 縣 二 百 三 十 社 山 圓 六 十 三 社 一

村。青波五十六社一村一庄一州。華溪
 五十五社一村七庄一寨，夏華五十六
 社一州六庄。端雄府五縣二百七十七
 社，東蘭七十社三庄，西蘭五十四社，
 山陽四十二社四庄當道三十七社，三
 陽七十二社一庄。陀陽府二縣七十六
 社（古沱陽）三農四十社，不拔三十六
 社三村一庄一寨，廣威府二縣九十一
 社，美良四十五社四村一寨，明義四十
 六社二村二州（阮氏曰：沱江上流有
 上下錯石二。東西來角筏如建瓴水，
 商人多若於欄柵云。又越州有黃橘九
 月赤艷連皮，木舟有野，三月始生
 筍葉潤溪淋瀝通之陀江，土人飲之即
 成痕塊。昔建昌王建爲明所扒入山場其
 父爲詩戒之曰春末橘鮮明冬初櫨葉生，
 父子好相見早晚我門庭。建依父教，
 行人皆瘧疾，惟建獨免，古語陀江瘧
 地潤瀨奔躡信不我欺）

(附錄拿圓山神曰：柱國大王者，靈顯最著。李仁宗命工造祠於山上，第一峯有樓二十層，靖王平西欲登幸，忽風雨大作將士迷路不能上云。李氏曰：山西人淳俗朴，雖更擾亂未嘗爲梗)。殷土惟曰壤，桑洲宜殷田惟上中。先靈生絹不拔油柵，粟麻暨戎料，美良象犀角。三農茶惟貓耳。蠟惟黃白，源炭惟絳，喝江魚惟鯪，山圓白雉漆絲。(喝江在福祿縣，相傳喝江發源自江漢。江中有一樹名旃檀高十丈餘，歲久樹老，其根窖連江漢，鱗鱗從之回南，歷朝錫貢以供祭祀，蠟有黃白二次，白以粧容，黃以燈)。

Phiên âm

ĐÀ DƯƠNG TÂN VIÊN DUY SƠN TÂY

(Đà Dương giang danh. Kỳ nguyên phát tự Lư hán, chí Trung Hà, dữ Thao hà thông, đề Bạch Hạc hợp ư Nhị Hà. Tân Viên, sơn danh, tam phong trĩ lập, kỳ hình tự tân, nhân dĩ vi danh. Ngã quốc tổ sơn dã. Sơn Tây, cổ Chu Diên, Phúc Lộc Bộ,

đông nam giới Thượng kinh, Sơn Nam, tây bắc giới Tuyên Hưng, tứ Kinh Trấn chi nhị, tây phiên chi thủ. Lộ phủ lục. Thuộc huyện nhị thập tứ lý xã, phạm nhất thiên tam bách lục thập bát. Cần án : Quốc Uy phủ, ngũ huyện nhị bách ngũ thập nhất xã. Từ Liêm, bát thập tam xã, cửu thôn, lục châu, tứ sở, nhị trại. Đan Phụng, tam thập ngũ xã, ngũ thôn, thất châu. Phúc Lộc (cổ Mê Linh) ngũ thập nhất xã, ngũ thôn, ngũ châu, nhất sở. An Sơn, tứ thập nhị xã, nhị thôn, nhị trang nhị trại. Thạch Tam Thất, tứ thập nhất xã, nhất trang. Tam Đái (cổ Phong Châu), lục huyện, tứ bách tứ thập tứ xã. An Lăng (cổ Châu Diên), lục thập xã, lục châu, nhất sở, tam trại. Nữ Nhạc, nhất bách xã, nhị thôn, bát châu. Bạch Hạc (Phong Châu chi địa hữu chiên đàn, bạch hạc tập kỳ thượng, cổ danh), lục thập tam xã, ngũ thôn, nhị châu. Tiên Phong, ngũ thập xã. Phù Khang, lục thập bát xã. Lập Thạch, nhất bách, nhất xã. Lâm Thao phủ, tứ huyện, nhị bách tam thập xã. Sơn Vi, lục thập tam xã, nhất thôn. Thanh Ba, ngũ thập lục xã, nhất thôn nhất trang, nhất châu. Hoa Khê, ngũ thập ngũ xã, nhất thôn, thất trang, nhất trại. Hạ Hoa, ngũ thập lục xã, nhất châu, lục trang. Đoan Hùng phủ, ngũ huyện, nhị bách thất thập thất xã. Đông Lan, thất thập xã, tam trang. Tây Lan, ngũ thập tứ xã. Sơn Dương, tứ thập nhị xã, tứ trang. Dương đạo tam thập thất xã. Tam Dương, thất thập nhị xã, nhất trang. Đà Dương phủ nhị huyện thất thập lục xã. Tam Nông, tứ thập xã. Bất Bạt, tam thập lục xã, tam thôn, nhất trang nhất trại. Quảng Oai phủ, nhị huyện, cửu thập nhất xã. Mỹ Lương, tứ thập ngũ xã, tứ thôn, nhất trại. Minh nghĩa tứ thập lục xã, nhị thôn, nhị châu. (Nguyễn thị viết : Đà Giang thượng lưu hữu thượng hạ thổ thạch nhị. Đông tây lai chu phiệt như kiến linh thủy. Thương nhân đa khổ ư các chàng vãn. Hựu Việt Châu hữu hoàng

quất, cữu nguyệt xích diêm liên bì. Mộc Sách hữu dã lô, tam nguyệt thủy sinh duẩn điệp. Giản Khê làm lịch thông chi. Đà Giang thổ nhân, âm chi tức thành chương khối. Tích Kiến Xương Vương, Kiến vi Minh sở bát, nhập sơn dịch. Kỳ phụ vi thi giới chi viết : Xuân mạt, quất tiền minh. Đông sơ lư điệp sinh. Phụ tử hảo tương kiến. Tảo văn ngã môn đình, Kiến y phụ giáo. Hành nhân giai ngược tạt, duy Kiến độc miễn. Cỗ ngữ Đà Giang chương địa, giản lại bốn lư, tín bất ngã khi.

Phụ Lục Tản Viên Sơn Thần viết : Trụ Quốc Đại Vương giả, linh hiển tối trứ, Lý Nhân Tôn mệnh công tạo từ u sơn thượng, đệ nhất phong hữu lâu nhị tháp tầng. Tỉnh Vương bình tây, dục đăng hạnh, hốt phong vũ đại tác, tướng sĩ mê lộ, bất năng thượng vấn.

Lý Thị viết : Sơn Tây, nhân thuần, tục phác, tuy nhiễu loạn, vị thường vi nghịch.

Quyết thổ duy bạch nhưõng, tang châu duy nghi. Quyết điền duy thượng trung, Tiên Phong sinh quyển. Bất Bạt du sách, cao ma, ky nhung liệu. Mỹ Lương tượng tê giác. Tam Nông trà miêu nhĩ, lập duy hoàng bạch, nguyên thân duy hy Hát Giang ngư duy anh vũ. Sơn Vi bạch trĩ, tất ti. .

(Hát Giang tại Phúc Lộc huyện, Tương truyền Hát Giang phát nguyên từ Giang Hán. Giang trung hữu nhất thụ, danh chiên đàn, cao tháp dư trượng, tuế cửu, thụ lão. Kỳ căn điều Giang Hán. Anh vũ tông chi hồi nam. Lịch triều tích cống dĩ cung tế tự. Lạp hữu hoàng bạch nhị thụ, bạch dĩ trang đung, hoàng dĩ đăng).

Dịch nghĩa

ĐÀ DƯƠNG, TẢN VIÊN LÀ Ở SƠN TÂY

(Đà Dương là tên sông. Ngọn phát từ sông Lê Hán, đến

Khoảng giữa thì thông với sông Thao, tới Bạch Hạc thì hợp với sông Nhị Hà. Tản Viên là tên núi. Ba ngọn đứng thẳng hình như cái tàn. Nhân hình được đặt tên. Chính là ngọn núi thủy tổ nước ta. Sơn Tây, xưa là Bộ Chu Diên, Phúc Lộc, phía đông nam giáp Thượng Kinh, Sơn Nam, phía tây bắc giáp Hưng và Tuyên. Trong bốn Kinh trấn, Sơn Tây là Kinh trấn thứ hai, là đầu các xứ phía tây. Có 6 Lệ Phủ, 24 thuộc Huyện, 1368 xã.

Kính xét: PHỦ QUỐC OAI có 5 huyện, 251 xã, Huyện Từ Liêm 83 xã 9 thôn, 6 châu, 4 sở, 2 trại. Huyện Đan Phượng có 35 xã, 5 thôn, 7 châu. Huyện Phúc Lộc, xưa là Mê Linh, có 51 xã, 5 thôn, 5 châu, 1 sở. Huyện An Sơn có 42 xã, 2 thôn, 2 trang, 2 trại. Huyện Thạch Thất có 41 xã, 1 trang. PHỦ TAM ĐÁI xưa là Phong Châu có 6 huyện, 444 xã. Huyện An Lãng xưa là Chu Diên, có 63 xã, 6 châu, 1 sở, 3 trại. Huyện Nhữ Lạc có 100 xã, 2 thôn, 8 châu. Huyện Bạch Hạc, (đất Phong Châu có thứ cây chiên đàn, hạc trắng từng đàn đậu trên cây, nhân đó thành tên) có 63 xã, 5 thôn, 3 châu. Huyện Tiên Phong có 50 xã. Huyện Phù Khang có 68 xã. Huyện Lập Thạch có 101 xã. PHỦ LÂM THAO có 4 huyện, 230 xã. Huyện Sơn Vi có 63 xã, 1 thôn. Huyện Thanh Ba có 56 xã, 1 thôn, 1 trang, 1 châu. Huyện Hoa Khê có 55 xã, 1 thôn 7 trang, 1 trại. Huyện Hạ Hoa có 56 xã, 1 châu, 6 trang. PHỦ ĐOAN HÙNG có 5 huyện, 277 xã. Huyện Đông Lan có 70 xã, 3 trang. Huyện Tây Lan có 54 xã. Huyện Sơn Dương có 42 xã, 4 trang. Huyện Đương Đạo có 37 xã. Huyện Tam Dương có 72 xã, 1 trang. PHỦ ĐÀ DƯƠNG có 2 huyện, 76 xã (chữ đà xưa theo bộ thủy chữ không như nay viết theo bộ phụ). Huyện Tam Nông có 40 xã. Huyện Bất Bạt có 36 xã, 3 thôn, 1 trang, 1 trại. PHỦ QUẢNG OAI có 2 huyện, gồm 91 xã. Huyện Mỹ Lương, 45 xã, 4 thôn, 1 trại.

Huyện Minh Nghĩa có 46 xã, 2 thôn, 2 châu.

Nguyễn thị bàn : Sông Đà, về thượng lưu hai nơi có đá mài. Thuyền bè các nơi, tụ họp đông như ngôi lợp, khách buôn chen chúc trên bãi dưới sông. Lại nói : Ở Việt Châu có giống quất vàng, tới tháng chín thì vỏ thành sắc đỏ. Ở Mộc Sách có giống cây dã lô tháng ba mới sinh lá nõn. Nước khe, nước suối chảy thấm dần vào sông Đà, người bản xứ uống vào sinh bệnh chương phù. Xưa Kiến Xương Vương bị giặc Minh đuổi gấp, phải chạy vào núi. Người cha có thơ răn con trong có câu : Quất hết xuân vào cuối, Lô sinh đông mới qua, Cha con cần gặp mặt, sớm tối họp cùng nhà. Kiến theo lời cha dặn. Bọn người cùng đi đều bị ốm, duy Kiến là thoát khỏi. Xưa nói Đà Giang là đất lam chương, nước độc, chắc không sai.

Phụ lục Tản Viên Sơn Thần có chép : Tru Quốc Đại Vương rất là linh hiển. Lý Nhân Tôn có lệnh xây cất một ngôi đền ở trên ngọn núi. Ngôi đền cao 20 tầng. Chúa Tĩnh Vương khi bình tây, muốn yết đền. Bỗng mưa to gió lớn, tướng sĩ lạc đường, rồi không lên được.

Lý thị bàn : Ở Sơn Tây, người thì thuần hậu, tục thì chất phác, tuy có mấy phen loạn, nhưng chưa từng ngang ngược).

Đất thì loại đất trắng, trồng dâu. Ruộng thì có hạng thượng, hạng trung. Tiên Phong có tơ lụa. Bất Bạt có dâu, có tre tốt, có gai dẹt cùng các vật liệu về việc quân. Mỹ Lương có sừng tê, ngà voi. Tam Nông có chè ngon, có sập vàng, sập

trắng. Nguyên Thân có tơ. Hát Giang có cá anh vũ. Sơn Vi có bạch trĩ, có nhựa sơn.

(Hát Giang tại huyện Phúc Lộc. Tương truyền sông Hát phát nguyên từ sông Giang Hán, giữa sông có một cây tên là chiêm đàn, cao hơn mười trượng, lâu năm cây già, rễ ngấm dưới sông, ăn tới sông Giang Hán, Vi rễ đó cá anh vũ từ bắc mới theo về nam các triều đại dùng làm phẩm vật tế tự.

Sáp có hai thứ, vàng và trắng. Trắng để trang sức, vàng để làm đèn nến.



農岐。隊疊惟山南。

(農岐江名。隊疊二山名。李朝作京於此，以爲巡幸朝會之所，山南古交趾郡。東北通海陽上京。西南通山西清化，四京鎮之三，南藩之首路府九九宮屬縣三十有六。里社二千五十九。謹按：常信府三縣。二百二十四社。清潭七十八社五村三所，上福五十七社一所。富川(古浮雲)七十六所一寨。應天府(李爲南京)四縣二百四十五社，青威八十社五村二庄，彰德六十五社三村三庄一所，山明五十五社，懷安四十五社三庄一所。里仁府(古利仁)五縣二百七十七社，南昌八十三社一所三庄一寨，維新五十八社，青廉六十社二所二寨。金榜四十九社一村二所二庄一寨。平陸二十七社七村五庄一寨。快州府五縣二百四十三社(阮崩征元有功，陳仁宗賜湯沐一郡曰崩路，今爲

快州)，東安七十五社，金洞（古藤州）四十六社十一村。芙蓉（古芙花）四十三社，僊侶五十二社四村一庄。天施三十一社八村。新興府四縣二百七十社。御天五十一社。青蘭四十三社。延河四十二社，神溪三十四社，太平府四縣一百八十七社，瓊瑰四十二社一村，附翼三十五社二洲，東閩五十社一庄。瑞英六十社一村一庄。義興府（古應豐李朝立行宮以省耕）四縣二百四十五社，天本七十九社。大安（古大鴉李改爲大安）七十一社，望瀛四十九社，懿安三十六社。天長府（古即墨，陳改爲天長）四縣三百十七社，膠水七十九社。三十三庄，南真一百九社六村，美祿五十一社，上元（古上賢）七十八社一村一寨。建昌府三縣一百六十二社，舒池五十九社，真定六十五社，武仙三十八社）。厥土惟赤埴墳與

青 黎。厥 田 惟 上 上 合 路 布 緇 惟 多 青 成
 綺 羅，金 榜 絕 帛，南 真，真 定 火 藥，膠
 水 瑞 英 大 安 海 鹽 惟 甘。黃 梅 平 望 酒 惟
 連 菊。光 烈 荔 枝 盛 烈 鱸 魚，東 台 熟
 醴，時 享 錫 納。

(黃 梅 光 烈 盛 烈 東 台 俱 屬 青 池 平 望，
 屬 上 福，黃 梅 平 望 花 酒，光 烈 荔 枝 絕
 勝 中 國 歷 朝 錫 貢 以 供 時 祀。李 氏 曰：
 山 南 之 地 平 衍 擅 殷，田 穀 之 宜，人 工
 之 修 過 於 諸 路，歷 朝 養 兵 之 費，皆 資
 焉)。

Phiên âm

NÔNG, KỲ ĐỘI, ĐIỆP DUY SƠN NAM.

(Nông Kỳ giang danh. Đội, Diệp nhị sơn danh, Lý triều
 tác cung ư thử, dĩ vi tuần hạnh triều hội chi sở. Sơn Nam cổ
 Giao Chỉ quận, đông bắc thông Hải Dương, Thượng Kinh, tây
 nam thông Sơn Tây, Thanh Hóa. Tứ Kinh trấn chi tam, nam
 phiên chi thủ. Lệ phủ phạm cửu, thuộc huyện tam thập hữu lục,
 lý, xã nhị thiên ngũ thập cửu.

Cần án: Thường Tín phủ, tam huyện, nhị bách nhị thập tứ xã. Thanh Đàm thất thập bát xã, ngũ thôn, tam sở. Thượng Phúc ngũ thập thất xã, nhất sở. Phú Xuyên (cổ Phù Vân) thất thập lục sở, nhất trại.

Ứng Thiên phủ (Lý vi Nam Kinh) tứ huyện, nhị bách tứ tứ thập ngũ xã. Thanh Oai, bát thập xã, ngũ thôn, nhị trang. Chương Đức, lục thập ngũ xã, tam thôn, tam trang nhất sở. Sơn Minh, ngũ thập ngũ xã. Hoài An tứ thập ngũ xã, tam trang, nhất sở. Lý Nhân phủ (cổ Lợi Nhân) ngũ huyện, nhị bách thất thập thất xã. Nam Xương bát thập tam xã, nhất sở, tam trang, nhất trại. Duy Tân ngũ thập bát xã. Thanh Liêm, lục thập xã, nhị sở, nhị trại. Kim Bảng, tứ thập cửu xã nhất thôn, nhị sở, nhị trang, nhất trại. Bình Lục nhị thập thất xã, thất thôn, ngũ trang, nhất trại. Khoái Châu phủ ngũ huyện, nhị bách tứ thập tam xã (Nguyễn Khoái chinh Nguyên hữu công, Trần Nhân Tôn tứ Thang Mộc nhất quận viết Khoái Lộ, kim vi Khoái Châu) Đông An thất thập ngũ xã. Kim Động (cổ Đằng Châu) tứ thập lục xã, thập nhất thôn. Phù Dung (cổ Phù Hoa) tứ thập tam xã. Tiên Lữ, ngũ thập nhị xã, tứ thôn, nhất trang. Thiên Thi, tam thập nhất xã, bát thôn. Tân Hưng phủ, tứ huyện nhị bách thất thập xã. Ngự Thiên ngũ thập nhất xã. Thanh Lan, tứ thập tam xã. Diên Hà, tứ thập nhị xã. Thần Khê, tam thập tứ xã. Thái Bình phủ, tứ huyện nhất bách thập thất xã. Quỳnh Côi, tứ thập nhị xã, nhất thôn. Phụ Dực tam thập ngũ xã, nhị châu. Đông Quan, ngũ thập xã, nhất trang. Thụy Anh lục thập xã, nhất thôn, nhất trang. Nghĩa Hưng, phủ, (cổ Ung Phong Lý triều lập hành cung, dĩ tỉnh canh) tứ huyện nhị bách tứ thập ngũ xã. Thiên Bản thất thập cửu xã. Đại An (cổ Đại Nha, Lý cải vi Đại An) thất thập nhất xã. Ý An, tam thập lục xã. Thiên Trường phủ, (cổ

Túc Mặc, Trần cải vi Thiên Trường) tứ huyện, tam bách thập thất xã. Giao Thủy thất thập cửu xã, tam thập tam trang. Nam Chân nhất bách cửu xã, lục thôn. Mỹ Lộc, ngũ thập nhất xã. Thượng Nguyên (cổ Thượng Hiền) thất thập bát xã, nhất thôn, nhất trại. Kiến Xương phủ, tam huyện, nhất bách, lục thập nhị xã. Thư Tri ngũ thập cửu xã. Chân Định, lục thập ngũ xã. Vũ Tiên, tam thập bát xã.

Quyết thổ duy xích, thực phân dư thanh lễ. Quyết điền duy thượng thượng. Hợp Lộ bố hy duy đa. Thanh Oai ý la Kim Bảng thi bạch. Nam Chân, Chân Định, Hòa được. Giao Thủy, Thụy Anh, Đại An hải diêm duy cam. Hoàng Mai, Bình Vọng, tửu duy liên cúc. Quang Liệt lệ chi. Thịnh Liệt tích ngư. Đông Đài thực lễ. Thời hưởng tích nạp.

(Hoàng Mai, Quang Liệt, Thịnh Liệt, Đông Đài, câu thuộc Thanh Trì. Bình Vọng thuộc Thượng Phúc. Hoàng Mai, Bình Vọng, hoa tửu. Quang Liệt lệ chi tuyết trắng Trung Quốc, lịch triều tích cống, dĩ cung thời tự.

Lý thị viết : Sơn Nam chi địa, bình diên khai ân, diên cốc chi nghi, nhân công chi tu, quá ư chư lộ. Lịch triều dưỡng bnh chi phi, giai tư yên)

Dịch nghĩa :

NÔNG KỶ, ĐỘI, ĐIỆP LÀ Ở SƠN NAM

(Nông Kỳ là tên sông, Đội, ĐIỆP là tên hai núi Triều Lý xây cung ở đó, lấy làm nơi tuần thú, triều hội Sơn Nam là quận Giao Chỉ xưa, đông bắc giáp Thượng Kinh, Hải Dương, tây nam thông với Sơn Tây, Thanh Hóa. Trong bốn Kinh trấn,

là Kinh trấn thứ ba, đầu các xứ nam. Có 9 lộ phủ, gồm 36 thuộc huyện, 2519 làng xã.

Kinh xét : PHỦ THƯỜNG TÍN có ba huyện, 224 xã : Huyện Thanh Đàm, 78 xã 5 thôn 3 sở. Huyện Thượng Phúc, 57 xã, 1 sở. Huyện Phú Xuyên (xưa là Phù Vân) 76 sở, 1 trại. PHỦ ỨNG THIÊN (Lý gọi là Nam Kinh). 4 huyện, 245 xã. Huyện Thanh Oai 80 xã, 5 thôn, 2 trang. Huyện Chương Đức, 65 xã 3 thôn, 3 trang, 1 sở. Huyện Sơn Minh, 55 xã, Huyện Hoài An, 45 xã, 3 trang 1 sở. PHỦ LÝ NHÂN, (xưa là Lợi Nhân) 5 huyện 277 xã, Huyện Thanh Liêm, 50 xã, 2 sở, 2 trại, Huyện Kim Bảng, 49 xã, 1 thôn, 2 sở, 2 trang, 1 trại. Huyện Bình Lục, 217 xã, 7 thôn, 5 trang, 1 trại. PHỦ KHOÁI CHÂU, 5 huyện. 243 xã, (Nguyễn Khoái chinh Nguyên có công, vua Trần Nhân Tông thưởng cho một quận thang mộc gọi là Khoái Lộ, nay là Khoái Châu). Huyện Đông An 75 xã. Huyện Kim Đông (xưa là Đặng Châu) 46 xã, 11 thôn.

Huyện Phù Dung (xưa là Phù Hoa) 43 xã. Huyện Tiên Lữ, 52 xã, 4 thôn, 1 trang. Huyện Thiên Thi, 31 trang 8 thôn PHỦ TÂN HUNG, 4 huyện, 270 xã. Huyện Ngự Thiên, 51 xã, Huyện Thanh Lan 43 xã. Huyện Diên Hà, 42 xã, Huyện Thần Khê, 34 xã. PHỦ THÁI BÌNH, 4 huyện 187 xã. Huyện Quỳnh Côi, 42 xã, 1 thôn. Huyện phụ Dực, 35 xã, 2 châu. Huyện Đông Lan, 50 xã, 1 trang. Huyện Thụy Anh, 60 xã, 1 thôn, 1 trang. PHỦ NGHĨA HUNG, (xưa là Ứng Phong, triều Lý lập hành cung ở đó làm lễ tịch điền) 4 huyện, 245 xã. Huyện Thiên Bản, 79 xã. Huyện Đại An (xưa là Đại Nha, triều Lý đổi làm Đại An) 71 xã. Huyện Vọng Doanh, 49 xã. Huyện Ý An, 36 xã. PHỦ THIÊN TRƯỜNG (xưa là Tức Mặc, triều Trần đổi làm Thiên Trường) 4 huyện, 317 xã. Huyện Giao Thủy, 79 xã 33 trang. Huyện Nam Chân, 109 xã, 6 thôn. Huyện Mỹ Lộc,

51 xã. Huyện Thượng nguyên (xưa là Thượng Hiền) 78 xã, 1 thôn, 1 trại. PHỦ KIỀM XƯƠNG, 3 huyện, 162 xã. Huyện Thanh Tri, 59 xã. Huyện Chân Định 65 xã. Huyện Vũ Tiên 38 xã. Đất thi đồ, thứ đất quánh, có chất than. Ruộng vào loại tốt Sản nhiều vải. Thanh Oai thì có lụa, là. Kim Bảng có vải nhuộm. Nam Chân, Chân Định, có thuốc đạn. Giao Thủy, Thụy Anh, Đại An có muối ăn. Hoàng Mai, Bình Vọng, có rượu cúc, rượu sen. Quang Liệt có vải quả. Thịnh Liệt có cá diếc. Đông Đài có rượu lễ. Hàng mùa cung tiến (Hoàng Mai, Quang Liệt Thịnh Liệt, Đông Đài, đều thuộc về Thanh Tri. Bình Vọng thuộc về Thượng Phúc. Hoàng Mai, Bình Vọng có rượu hoa. Vải quả Quang Liệt có tiếng, trải các triều có tiến sang Trung Quốc sung vào việc tế tự.

Lý thị bàn : Đất Sơn Nam là bình địa, ruộng tốt, người chăm hơn tất cả các lộ khác. Trải các triều, Sơn Nam đều cung phụng các thứ dùng vào việc binh.



天 德 衛 靈 惟 京 北。

(天 德 水 名，古 北 江 是，李 升 爲 府，
 衛 靈 禹 山 之 別 名 蓋 天 王 飛 升 故 處 也，
 京 北 古 武 寧 郡，西 南 夾 上 京 山 南，
 東 北 夾 太 原 海 陽，四 京 鎮 之 四。北
 藩 之 首。路 府 凡 四，屬 縣 二 十 一 里
 社 一 千 一 百 四 十 七。謹 按：慈 山 府
 六 縣 四 百 社，仙 遊 (古 武 寧 郡) 五 十
 二 社，東 岸 八 十 八 社 一 洲，武 江 八 十
 二 社，桂 陽 四 十 五 社，安 豐 五 十 二 社，青
 水 二 十 八 社 順 安 府 五 縣 三 百 二 十 二
 社，嘉 林 六 十 八 社 二 所 三 寨，超 類
 六 十 一 村，文 江 (古 細 江) 五 十 二 社，
 嘉 定 八 十 六 社 一 所，良 才 七 十 四 庄。
 江 河 府 四 縣 一 百 四 十 八 庄，洽 和 二 十
 二 社 二 寨。安 越 三 十 四 社，金 華 五
 十 社，先 福 四 十 二 社，諒 江 府 六 縣 三
 百 四 十 社，安 勇 八 十 八 社 二 寨，鳳
 眼 六 十 七 社，保 祿 六 十 五 社，安 世 四

十七社，陸岸五十二社，古隴二十四社（四鎮記云：府路一三帶二快州屬縣南真北勇西樂，東岐最是肥饒之地）阮舒軒曰：宋人稱我水土生珠，我山孕金，元人稱我一寸土一寸金，明人稱中國之自海住山，扶董天人稱傘同大王之騎馬騰空，諸家童子之杖笠升王之山（今榮山）徐道行之印石投胎為安南四不死云）。

厥土惟白壤，厥田惟上上，鉢場什器，華球黑布右隴甘蔗，安世弩矢色條石灰。

（鉢場屬嘉林，華球屬文江，應供北聘鉢磁凡七十副黑布凡二百足安世藥矢以禦北寇色條石灰以供制作。李氏曰：京北民人慓悍，雖太平亦常梗化，臣昔為本道行道條上邊事，請增防秋之兵。

附錄曰安世射矢，以其中處血脉湧出須臾死人，至於射禽獸亦然）。

Phiên âm

THIÊN ĐỨC VỀ LINH DUY KINH BẮC

(Thiên Đức, thủy danh, cò Bắc Giang thị. Lý thắng vi phủ. Vệ Linh Vũ Sơn chi biệt danh, Đồng Thiên Vương phi thắng cổ xứ dã, Kinh Bắc cò vũ Ninh bộ tây nam giáp Thượng Kinh, Sơn Nam, đông bắc giáp Thái Nguyên, Hải Dương, tứ Kinh trấn chi tứ, bắc biên chi thủ, Lộ phủ phạm tứ, thuộc huyện nhị thật nhất, lý xã nhất thiên nhất bách tứ thập thất. Cẩn án : Từ Sơn phủ, lục huyện, tứ bách xã. Tiên Du (cò Vũ Ninh quận) ngũ thập nhị xã. Đông Ngan, bát thập bát xã, nhất châu. Vũ Giang, tam thập nhị xã. Quế Dương, tứ thập ngũ xã, An Phong ngũ thập nhị xã. Thanh Thủy, nhị thập bát xã. Thuận An phủ, ngũ huyện, tam bách nhị thập nhị xã. Gia Lâm lục thập bát xã, nhị sở, tam trại. Siêu Loại, lục thập nhất xã, nhất thôn, Văn Giang (cò Tế Giang) ngũ thập nhị xã, Gia Định, bát thập lục xã, nhất sở. Lương Tài, thất thập tứ xã. Bắc Hà phủ, tứ huyện, nhất bách tứ thập bát xã. Hiệp Hòa, nhị thập nhị xã, nhị trại. An Việt, tam thập tứ xã. Kim Hoa, ngũ thập xã. Tiên Phúc, tứ thập nhị xã. Lương Giang phủ, lục huyện, tam bách tứ thập xã, An Dũng, bát thập bát xã, nhị trại. Phượng Nhãn, lục thập thất xã. Bão Lộc, lục thập ngũ xã. An Thế, tứ thập thất xã. Lục Ngạn, ngũ thập nhị xã. Cò Lũng, nhị thập tứ xã. (Tứ Trấn Ký văn : Phủ lộ, nhất Tam Đài nhị Khoái Châu, thuộc huyện, nam Chân, bắc Dũng, tây Lạc, đông Kỳ. Tối thị phi nhiều chi địa).

(Nguyễn Thư Hiền viết : Tống nhân xưng ngã thủy sinh châu, ngã sơn dựng kim. Nguyên nhân xưng ngã, nhất thốn thổ, nhất thốn kim. Minh nhân xưng Trung Quốc chi mặt, địa

linh nhân kiệt. Thanh nhân xưng Tân Viên Đại Vương chi tự hải trú sơn, Phủ Đồng Thiên Vương chi kỳ mã đẳng không, Chữ gia đồng tử chi trượng lạp thăng thiên, Ninh Sơn (kim Vinh Sơn) Từ Đạo Hạnh ấn thạch đầu thai, vi An Nam tứ bất tử vân).

Quyết thờ duy bạch nhưỡng. Quyết điền duy thượng thượng. Bát Tràng, thập khí, Hoa cầu, hắc bố. Hữu Lũng cam già, An Thế nỗ thi, Sắc Điều thạch hôi,

(Bát Tràng thuộc Gia Lâm. Hoa Cầu thuộc Văn Giang. Ung cung bắc sinh, bát từ, phạm thất thập phó, hắc bố phạm nhị bách dật. An Thế được thi, dĩ ngự bắc khấu, Sắc Điều, thạch hôi dĩ cung chế tác.

Lý thị Viết : Kinh Bắc dân nhân, khoáng bản, tuy thái bình diệc thường ngành hóa. Thân tịch vi bản Đạo Hành Khiển, điều thượng biên sự thịnh tăng phòng thu chi binh.

Phụ lục viết : An Thế xạ thi dĩ ký trùng xứ, huyết mạch dũng xuất tu du tử nhân. Chi ư xạ cầm thú diệc nhiên).

Dịch nghĩa

THIÊN ĐỨC, VỆ LINH LÀ Ở LỘ KINH BẮC.

(Thiên Đức là tên sông (xưa là Bắc Giang). nhà Lý đặt lên làm phủ Vệ Linh là tên riêng Vũ Sơn, nơi Phủ Đồng Thiên Vương bay lên trời. Kinh Bắc xưa là Bộ Vũ Ninh, phía tây nam giáp Thượng Kinh, Sơn Nam, phía đông bắc giáp Thái Nguyên, Hải Dương, trong bốn Kinh trấn thì Kinh Bắc là thứ tư, đầu các xứ phía bắc. Lộ có 4 phủ, gồm 21 huyện,

1147 xã.

Kính xét : PHỦ TỪ SƠN, 6 huyện, 400 xã. Tiên Du (xưa là quận Vũ Ninh), 52 xã. Đông Ngạn, 86 xã, 1 châu. Vũ Giang 82 xã. Quế Dương, 45 xã. An Phong, 52 xã. Thanh Thủy, 28 xã. PHỦ THUẬN AN, 5 huyện, 322 xã. Gia Lâm, 68 xã. 2 sở. 3 trại. Siêu Loại, 61 xã, 1 thôn. Văn Giang, (xưa là Tế Giang) 52 xã. Gia Định, 86 xã, 1 sở. Lương Tài, 74 xã. PHỦ BẮC HÀ, 4 huyện, 148 xã. Hiệp Hòa, 22 xã, 2 trại. An Việt, 34 xã. Kim Hoa, 50 xã. Tiên Phúc, 42 xã. PHỦ LƯƠNG GIANG, 6 huyện 340 xã. An Dũng, 88 xã, 2 trại. Phượng Nhãn, 67 xã. Bảo Lộc, 65 xã. An Thế, 47 xã. Lục Ngạn, 52 xã, Cồ Lũng, 24 xã.

Sách Tứ Trấn Ký có chép : Phủ lộ, một Tam Đài, hai Khoái Châu. Huyện thì có : Nam Chân, Bắc Dũng, Tây Lạc, Đông Kỳ, đất rất phì nhiêu.

Nguyễn Thụ Hiền có bản : Người Tống nói, nước ta, nước có châu, núi có vàng. Người Nguyên nói : nước ta một tấc đất là một tấc vàng. Người Minh nói, nước ta ở phía nam nước họ, người khôn, đất thiêng. Người Thanh nói : Tản Viên Đại Vương từ bề tới ở núi. Phù Đồng Thiên Vương thì cưỡi ngựa bay lên trời. Chử đồng tử, thì đội nón lá lên trời. Ở Ninh Sơn (nay là Vinh Sơn) có Từ Đạo Hạnh do tảng đá đầu thai. Đó là bốn vị nhân thần bất tử nước «An Nam.»

Đất thì đất màu. Ruộng thì cực tốt. Ở Bát Tràng công nghệ nhiều. Ở Hoa Cầu có dệt vải đen. Ở Hữu Bùng có mía tốt. Ở An Thế có làm tên nỏ. Ở Sắc Điều có đá vôi.

(Bát Tràng thuộc Gia Lâm. Hoa Cầu thuộc Văn Giang. Về đồ cứng tiến phải cung 72 chiếc bát đá, vải đen 100 tấm.

An Thế cung thuốc tên để phòng giặc bắc. Sắc Điều cung với đá để dùng công tác.

Lý thị bàn : Dân bắc, hung mạnh,, thời thái bình, tính cũng thường ngang ngạnh. Thần xưa được coi là xứ đó. Cần thêm quân canh phòng.

Phụ Lục.— An Thế chế tên, hễ bắn trúng là máu ra mạnh, chết ngay. Bắn chim bắn thú cũng thế.



雲渠金標分茅惟安邦（後避諱改安廣）。
 （雲渠水名。白藤之別號。前吳王擒弘
 標，興道大王擒烏馬兒於此，分茅山
 名。金標銅柱也。海東路西三百里有
 分茅嶺。嶺半有馬援所立銅柱大三尺
 許。唐元和中都護馬騏復立銅柱如漢
 故處。安邦古寧海部。西南接海陽，西
 北界欽州。路府凡二。屬縣凡八。州凡
 六。里社凡三百有二。庄四十四。東方
 之第二藩也，謹按：海東府三縣四州
 一百一庄。華封十四社一村。安興二
 十五社一村十五庄。雲屯州（李朝所
 居，庄居，外國商於此）十庄一坊。橫
 蒲二十五社二庄新安州十六社一村
 五十三庄，萬寧洲十八社二庄四洞，永
 安洲三社（陽泉府五縣二州二百一社。
 安浦三十社（明開萬寧，永安，安浦，
 水路，張輔置遞軍水驛直至欽州又設
 馬驛自嘉林至橫州）橫渠四十社。雲
 安六十八社。華衝九社安然六社如昔

州六十七社四峒，**勳**浪十一社九峒。

李氏曰：安邦險惡，謂之遠州。歷代遠人居之。附錄曰：安廣舊所屬二府八縣六州三百社，莫登庸篡黎遣臣鄭惟僚如明乞援，登庸乃率其下如明鎮南關上降表，乞內屬納如昔，貼浪二州歸隸欽州。及中興之第四葉，元帥清都王久統國政私使使祈封于明，明封爲副國王。王乃獻以陽泉五縣，今計所存府一，縣三，州四，社一百有一。安廣至今狹小可勝惜哉）

厥土惟黑壤，厥田惟下下海濱沈魚惟錯。雲屯萬寧合瓜及北人各以方服貢諸貴異沈魚水名。生於鹹涯。羣魚皆以尾掉，土人取服可消嵐瘴，方服言從其俗，各不相襲也。李時諸國商船來集安廣水碕。朝廷設爲雲屯萬寧二州，使將鎮撫，客商來市羣羣貢進。

Phận âm

VÂN CỬ, KIM TIÊU, PHÂN MAO, DUY AN BANG
(HẬU TỶ CẢI AN QUẢNG)

(Vân Cử, thủy danh, Bạch Đằng chi biệt hiệu. Tiền Ngô Vương, cầm Hoảng Thao, Hưng Đạo Đại Vương, cầm Ô Mã Nhi ư thủ. Phân Mao, sơn danh, Kim Tiêu Đồng trụ dã. Hải Đông lộ, tây nam bách lý hữu Phân Mao lĩnh. Lĩnh bán hữu Mã Viện sở lập đồng trụ, đại tam xích hử. Đường Nguyên Hòa trung, do hộ Mã Thông phục lập đồng trụ, phỏng Hán cổ xứ. An Bang, cò Ninh Hải bộ. Tây nam tiếp Hải Dương, tây bắc giới Khâm Châu. Lộ Phủ phạm nhị. Thuộc huyện phạm bát Châu phạm lục. Lý xá phạm tam bách hữu nhị Trang tứ thập tứ, đông phương chi đệ nhị phiên dã.

Cần án : Hải Đông phủ, tam huyện, tứ châu, nhất bách nhất xã. Hoa Phong, tứ thập tứ xã, nhất thôn. An Hưng, nhị thập ngũ xã, nhất thôn, thập ngũ trang. Vân Đồn châu, (Lý triều Sơ cư. Trang cư, ngoại quốc thương ư thủ) thập trang, nhất phường, Hoành Bồ, nhị thập ngũ xã, nhị trang. Tân An Châu, thập lục xã, nhai thôn, ngũ thập tam trang. Vạn Ninh Châu, thập bát xã, nhị trang, tứ động. Vĩnh An Châu, tam xã. Dương Tuyên phủ, ngũ huyện, nhị châu, nhị bách nhất xã. An Phố tam thập xã. (Minh khai Vạn Ninh, Vĩnh An, An Phố, thủy lộ Trương Phụ tri đệ quân thủy dịch trực chi Khâm Châu, hựu thiết mã dịch tự Gia Lâm chi Hoành Châu). Hoành Cử tứ thập xã. Vân An, lục thập bát xã. Hoa Cùu, cửu xã. An Nhiên lục xã. Như Tích Châu, lục thập thất xã, tứ động. Thập lã, thập nhất trang, cửu động.

Lý thị viết : An Bang hiểm ác, vị chi viên châu, lịch đại thiên nhân cư chi.

Phu Lục viết : An Quảng cựu sở thuộc nhị Phủ, bát Huyện, lục Châu, tam bách xã. Mạc Đăng Dung thoán Lê, di thần Trịnh Duy Liêu như Minh khất viện. Đăng Dung nãi suất kỳ hạ như Minh Trần Nam Quan, thượng hàng biểu, khuất nội thuộc. Nạp Như Tích, Thiếp Lãng, nhị châu quy lệ Khâm Châu. Cập Trung Hưng chi đệ tứ diệp, Nguyễn Súy Thanh Đô Vương, cửu thống quốc chính, tuy sử sử kỳ phong vu Minh Minh phong vi Phó Quốc Vương. An Vương nãi hiến dĩ Dương Tuyên ngũ huyện. Kim kế sở tồn, phủ nhất, huyện tam, châu tứ, xã nhất bách hữu nhất. An Quảng chi kim hiệp tiểu, khả thăng tích tai).

Quyết thổ duy hắc nhượng. Quyết điền duy hạ hạ. Hải tân, Trầm Ngư duy thác. Vân Đồn, Vạn Ninh hợp thảo, cập bắc nhân, các dĩ phương phục cố chư quý dĩ.

(Trầm Ngư, thủy danh, sinh ư hàm nhai. Quần ngư giai dĩ vĩ trạo. Thổ nhân thủ phục khả tiêu làm chương. Phương phục, ngôn tông kỳ tục. Các bất tương tập dã. Lý thời, chư quốc thương thuyền lai tập An Quảng, thủy trư, Triều đình thiết vi Vân Đồn, Vạn Ninh, nhị châu, sử tướng trấn phủ. Khách thương lai thị bối bối cốg tiến.

Dịch nghĩa

VÂN CÙ, KIM TIÊU, PHÂN MAO, LÀ Ở AN BANG
(SAU KIỀNG HÚY ĐỔI LÀ AN QUẢNG).

(Vân Cù là tên sông, là một tên khác của sông Bạch Đằng. Xưa Tiền Ngô Vương bắt Hoảng Thao, Hưng Đạo

Đại Vương bắt Ô Mã Nhi ở đó. Phán Mao là tên núi. Kim Tiêu tức là cột đồng trụ. Lộ Hải Đông về phía tây ba trăm dặm có núi Phán Mao lĩnh. Ở lưng chừng núi, Mã Viện có trồng cột đồng cao hơn ba thước. Niên hiệu Nguyên Hòa triều Đường nước Tàu, dò bộ là Mã Thông lại cho lập cũng nơi ấy cột đồng phỏng theo thời Hán nước Tàu. An Bang là Bộ Ninh Hải xưa, tây nam giáp Hải Dương, tây bắc giáp Khâm Châu. Lô có hai phủ, gồm tám tám huyện, 6 châu 302 xã, 44 trang, xứ thứ hai mặt đông.

Kinh xét : PHỦ HẢI ĐÔNG ba huyện, bốn châu, 101 xã. Hoa Phong, 14 xã, 1 thôn. An Hưng, 25, 1 thôn. 15 trang. Châu Văn Đồn, (triều Lý đặt các Sở, các Trang, có khách buôn ngoại quốc tới ở), có 10 trang, 1 phường. Hoành Bồ, có 25 xã, 2 trang. Châu Tân An có 16 xã, 1 thôn, 53 trang. Châu Văn Ninh có 18 xã, 2 trang, 4 động. Châu Vĩnh An có 3 xã. PHỦ DƯƠNG TUYỀN, có 5 huyện, 2 châu, 201 xã. An Phố, 30 xã. An Phố, 30 xã (nhà Minh, mở đường thủy qua Văn Ninh, Vĩnh An, An Phố. Tương tàu Trương Phụ đặt trạm quân cho tới Khâm. Lại đặt trạm ngựa, từ Gia Lâm tới Hoành Bồ) Hoành Cừ, 40 xã. Văn An, 68 xã. Hoa Cù, 9 xã. An Nhiên, 6 xã. Chân Như Tích, 67 xã, 4 động. Chân Thiếp Lãng, 11 xã, 9 động.

Họ Lý bàn : An Bang hiểm trở gọi là viễn châu, nơi xa, các triều vua thường thiên người tới đó.

Phụ Lục.— An Quảng, trước kia có 2 phủ gồm 8 huyện, 6 châu, 300 xã. Khi Mạc Đăng Dung thoán Lê, có bày tới Lê là Duy Liêu đi sang triều Minh nước Tàu xin cứu viện, Mạc Đăng Dung mới đem lũ bày tới tới cửa quan Trấn Văn Nam, dâng biểu hàng, xin nội thuộc, và nộp hai châu Thiếp Lãng, Như Tích cho thuộc vào châu Khâm Châu và Trung Hưng.

Mạc sai sứ sang Minh cầu phong. Minh phong làm Phó Quốc Vương. Mạc mới hiến 5 huyện Dương Tuyền. Nay tỉnh còn lại có một phủ gồm ba huyện, bốn châu, 101 xã. An Quảng nay nhỏ hẹp. Thật đáng tiếc).

• Đất thì đen, ruộng thì xấu. Ở bờ bể, ở Trầm Ngư chỉ có lợi đánh cá, tất cả người nam, người bắc, về đồ thuế cống, thì tùy phương vật chọn các thứ quý lạ.

(Trầm Ngư là tên dòng nước, ở nơi đất mặn. Cá bắt được, người bản xứ, ăn lấy đuôi là khỏi lam chường, nhưng mỗi nơi dùng mỗi khác. Thời Lý các thuyền buôn các nước tới tụ tập ở bên An Quảng. Triều đình đặt ra hai châu, cho chức tướng trấn phủ. Các khách buôn tới đều nộp đồ cống tiến.



洗歷惟興化。

亦漢雲路社一藩一二峒州路一三峒，在通府里凡二十庄一盤接名峒，末。西。冊第三七庄二，之部，義七，之州社一。雲南舊二州三，水興此宣有五方二七社一。與朝一村州三，黃新於接十有西縣十二十峒黎州一木州十，洗古孔明南凡十。三二立八十一興青州三峒，西府安作社十天興峒，名興拒，北州五八府鎮一，化鎮一，山。獲西四一庄歸。丘二州三峒，歷清孟山凡峒。：峒安文振尾改爲二峒，華州三峒，惟。一，接縣一七。按四。安文。水胡四十符越州一峒，興名年中，東，十十謹五十冊。州。興府四。興州十峒，歷江百南，二，三十三。五二州。嘉興五冊，順州十峒，菜州十峒，五峒，昭晉州十二峒，高陵州四峒，洗五爲南凡百也社峒十四，縣十四三峒，順菜五峒，

黃岩州四峒，合肥州四峒，醴
 泉州四峒，阮舒新曰安西古寧
 遠州後改爲復禮，今爲安西。
 厥土惟赤壤墳。厥田惟上下。
 木條惟喬。草桂砂仁及彩布惟
 絺。金惟三品，銀惟什成。銅錫
 油橘香料豎蜂蜜惟錯。昭替能
 言鸚鵡。惟時錫貢。大理老撾皮
 服。厥貢西綾錦繡。及回鷄彩
 羅，梅州三品什成全銀產處，一
 日惟午時可取，視他州爲尤，大
 理老撾國名屬雲南，古蜀地也，
 其地近本國，常來朝貢，回鷄國
 名，陳時宋數被元人侵伐，宋人
 有以船三十艘來附，國人號曰回鷄，
 能言鸚鵡非常得之物。或時州人戈而
 得之始錫貢。

李氏曰：宣興諒太高平上游五路，
 阻險足憑蛇虺魑魅能爲人怪，水
 土惡暴，能爲人梗，而男子父道間
 失藩臣之禮，良由山林之間何物不

有，而民間日用所乏者一鹹鹽，不然其地水土，京路人民不諳，豈不爲中國之梗乎。

附錄曰：清都王使使如明求封，明人隨便封爲副國王。及明爲清所敗，偏安龍州，使使來求興化諸州地，王乃乞納，興化十州稅例半歸內地，明乃置爲建水縣，明人旣敗，清人復取之，迄今不能復也。

Phiên âm

THAO LỊCH DUY HƯNG HÓA

(Thao, giang danh, Lịch, sơn danh. Thao Hoàng thủy chi mạt, diệc ngũ bách niên nhất thanh. Hưng Hóa cồ Tàn Hưng Bộ, tại Đán vi Nam Trang, Mạnh Hoạch cự Khổng Minh ư thử. Tây thông Văn Nam, Đông tiếp Sơn Tây, bắc, nam tiếp Tuyên, Nghệ. Phủ Lộ phạm nhị, huyện phạm tứ, châu phạm thập hữu thất, lý xã phạm tam thập nhất động nhất bách, ngũ thập hữu ngũ, sách phạm nhất bách tam thập thất, Trang phạm bát. Tây phương chi đệ nhị phiên dã.

Cần án : Quy Hóa phủ, tam huyện, nhị châu, tam thập nhất xã, ngũ thập tứ động. Trấn An nhị thập thất xã, thất trang nhị động, nhị sách. An Khuru (nhất tác lập), nhị xã, nhất trang, nhất động thập bát châu. Văn Chân, nhị xã, bát

thập sách. Văn Bàn châu, tứ thập động. Thủy Vĩ Châu, thập nhất động (dữ Văn Nam tiếp lộ). Gia Hưng phủ, (Hồ cải vi Thiên Hưng, Lê triều nhân cự danh), nhất huyện ngũ châu, tứ thập nhị động. Thanh Xuyên, nhất thôn nhị động, tam thập tứ sách. Phù Hoa châu, tam động. Mộc châu, nhị thập động, tam sách. Việt châu, tam động. Mai châu tam động. Thuận châu, thập động. An Tây phủ, thập châu, tam thập động Lai châu, thập nhất động. Luân châu, thập động. Quỳnh Nhai châu, ngũ động. Thiều Tấn châu, thập nhị động. Cao Lăng châu, tứ động. Khiêm châu, tam động. Tuy Phụ châu, tam động. Hoàng Nham châu, tứ động. Hợp Phì châu, tứ động. Lê Tuyên châu, tứ động. (Nguyễn Thư Hiên viết : An Tây, cồ Ninh Viên châu, hậu cải vi Phục Lễ, kim An Tây).

Quyết thổ duy xích thực phần, Quyết điền duy thượng hạ. Mộc điều duy kiều. Nhung quế, sa nhân, cập thê bố, duy hy Kim, duy tam phẩm. Ngân duy tiệp thành. Đồng tích du quất hưng liệu ky phong mật duy thổ. Chiêu Tấn năng ngôn anh vũ, duy thời tích cố. Đại Lý, Lão Qua bị phục. Quyết cố Tây Lăng cầm tù. cập Hồi Kê thê la. (Mai châu, tam phẩm, thập thành, kim ngân sản xứ, nhất nhật duy ngo thời khả thủ. Thị tha châu vi vu. Đại Lý, Lão Qua, quốc danh, thuộc Văn Nam, cồ Thục địa dã. Kỳ địa cận bản quốc, thường lai triều cống. Hồi Kê, quốc danh, Trần thời, Tống sắc bị Nguyên nhân xâm phạt. Tống nhân hữu dĩ thuyền tam thập suu lai. Quốc nhân hiệu viết Hồi Kê, năng ngôn anh vũ phi thường đặc chi vật, hoặc thời châu nhân đặc nhi đặc chi, thủy tích cố.

Lý thị viết : Tuyên, Hưng, Lượng, Thái, Cao Bình, thượng du ngũ lộ, trở hiểm, túc bằng xà hủy lý vị, năng vi, năng vi nhân quái, thủy thổ ác bạo năng vi nhân ngạnh, nhi

nam tử phụ đạo, võng thất phiên thần chi lễ. Lương do sơn lâm chi gian, hà vật bất hữu, nhi dân gian nhật dụng sở pháp giả nhất hàm diêm. Bất nhiên, kỳ địa, thủy thổ, Kinh lộ nhân dân bất ám khởi bất vi trung quốc chi ngành hồ

Phụ Lục viết : Thanh Đồ Vương sử sử như Minh cầu phong. Minh nhân tùy tiện, phong vi Phó Quốc Vương. Cập Minh vi Thanh sở bại thiên an Long Châu, sử sử lai cầu Hưng Hòa thập châu thuế lệ, bán quy nội địa. Minh nãi trí vi Kiến Thủy huyện. Minh nhân kỳ bại, Thanh nhân phục thủ chi. Hất kim bất năng phục đồ).

Dịch nghĩa

THAO, LỊCH LÀ Ở HUNG HÓA.

(Thao là tên sông. Lịch là tên núi. Thao là một ngành sông Hoàng, cũng cứ đúng 500 năm lại một lần nước được trong. Hưng Hóa. xưa là bộ Tân Hưng, ở đất Hán thì tên là Nam Trung, Mạnh Hoạch chống Khổng Minh ở đó. Phía tây thông với Vân Nam phía đông giáp Sơn Tây, bắc và nam giáp Tuyên và Nghệ. Lộ có 2 phủ gồm 4 huyện, 17 châu 311 xã, 155 động. 137 sách, 8 trang. Phiên thứ hai về phía tây.

Kinh xét : PHỦ QUY HÓA có 3 huyện, 2 châu, 31 xã, 54 động. Chấn An, 27 xã, 7 trang, 2 động 2 sách. An Khưu (có chỗ viết là lập). 2 xã, 1 trang, 1 động, 18 châu. Văn Chấn, 2 xã 80 sách. Châu Văn 40 động. Châu Thủy Vỹ, 11 động (tiếp giáp Vân Nam). PHỦ GIA HUNG, (triều dời ra Thiên Hưng, triều giữ tên cũ). 1 huyện, 5 châu, 42 động.

3 động. Châu Mai Châu có 3 động. Châu Thuận Châu có 10 động. Châu Quỳnh Nhai có 5 động. Châu Thiệu Tấn có 12 động. Châu Cao Lãng có 4 động. Khiêm Châu có 3 động. Châu Lê Tuyên có 4 động. (Nguyễn Thư Hiền nói : An Tây xưa là châu Ninh Viễn, sau đổi làm Phục Lễ. Nay là An Tây).

Đất màu mỡ, sắc đỏ. Ruộng thì có thừ tốt, thừ xấu. Cây rừng cao. Sản nhung, quế sa nhân, vải hoa, vàng tốt, bạc tốt, dầu, quất, hương liệu, mật ong đều đều có cả. Châu Chiếu Tấn, biết hiệu tiếng chim anh vũ, thường cống tiến. Người Đại Lý, Lão Qua, mặc áo da. Cống tiến thì có găm vóc xứ Tây Lãng, lượt là xứ Hồi Kê.

(Ở Mai Châu sản vàng tốt, bạc tốt, Trong một ngày cứ buổi trưa là dễ lấy, mà tốt hơn ở các châu khác. Đại Lý, Lão Qua là tên nước, thuộc xứ Vân Nam, xưa là đất Thục, đất gần nước ta, thường tới triều cống. Hồi Kê là tên nước, thời Trần, triều Tống bị nhiều lần giống Nguyên xâm lấn, người Tống có 30 chiếc thuyền chèo tới xin phụ thuộc. Người nước ta đặt tên là người nước Hồi đem cống tiến.

Lý thị nói : Tuyên, Hưng Lương, Thái, Cao Bình, nằm lộ ở miền thượng du, hiểm trở, nhiều giống hại người như rắn, rắn, quỉ quái. Thủy thổ không tốt, rất chướng ngại cho nhân dân. Ấy thế mà không sai đạo, sai lễ phiên thần, là vì sản rừng núi, đủ sản vật, chỉ thiếu chất muối. Nếu không được thế, thì cứ theo thủy thổ và xa lạ kinh kỳ, nhân dân đối với trong nước rất có thể thành ngang ngạnh.

Phụ Lục.— Thanh Đô Vương sai sứ cầu phong tại triều Minh. Người Minh cũng theo ý phong cho chức Phó Quốc Vương. Khi giống Minh bị thua giống Thanh, phải thiên ra ở Long Châu, Minh sai sứ xin các châu Hưng Hóa. Vương cho. Thế là một nửa trông 10 châu đóng thuế cho Minh đặt thành huyện Kiến Thủy. Khi Minh bị thua, người Thanh cứ giữ. Từ đó ta mất.



犂華及滙惟宣光。

(犂華山名。今謂之犂華間。太祖起義時，使防禦陳班修之，後拒明將柳昇走兵於此，滙河名。其源發自三江流至乾路，與陀洗合，宣光，古新興郡，越雋地，東北夾高諒，西南夾山西及興路，府凡一屬縣凡一，州凡五，里社二百八十二，西方之第三藩也。

謹按：安平府一縣，五州，二百八十二社。福安縣七十三社，收物州五十五社。陸安州四十社，大蠻州三十四社。渭川州六十社。保樂州二十社，李氏曰：宣光保樂州昔本我地。內屬時爲中州物，及李朝宋神宗畏其強盛，既以順州歸我，復定疆界以隘外保樂六縣予之，宣路之俗，大抵恰似北客，歷代以羌忽待之。

附錄曰：宣光有四錯石：曰圓夫婦者，曰仙蟾母子。石者，有二嗽水曰戲象港，曰走馬港者，石頭交錯，水道險

深，波濤之洶湧，流激之水聲，幾半里許，漕筏過此，不善位梓者，即沙欄石窖之內，墮玉平西間，命銳士交射，四石俱墜于河，後數日仙蟾從尾重圓相負如故，銳士大得，以事啟王，王命以牢祀之。

厥土惟黑墳，厥田惟下下，草木惟條，保樂金銀鐵錫，陸安鉛銅礪礬，福安彩布惟青，蜂窠惟黃，收物沉香，花蠟，油象齒，惟良，龍渭丹服，厥貢犀騷。

土人織布金黃，以青彩之，其樣甚好，黃蜂最聚，其蕊吐甚甘，土人以此治腹虫症，花蠟以花增膏，其味甚香，龍渭州名今大蠻國是，在明廣西我保樂之間，其俗亦長髮好露頭骨間，衣服與牢無異，卧朝時常八貢，後信不通，及魯朝起義，向日劫順，犀亦象之類，其麋六十年一生，騷亦馬之類，善於引重，輕身不行。

Phật An

LÊ HOA CÁP LỘ DUY TUYỀN QUANG.

(Lê Hoa, sơn danh. Kim vị chi Lê Hoa quan. Thái Tồ khởi nghĩa thời, sử Phòng Ngũ, Trần Ban tu chi. Hậu cừ Minh tướng Liễu Thăng ư thử, Lô, hà danh. Kỳ nguyên phát tự Tam Giang, lưu chi Càn Lô, dữ Đà Thao hợp. Tuyên Quang cổ Tân Hưng bộ. Việt tuần địa, đông bắc giáp Cao Lưỡng, tây nam giáp Sơn Tây cập Hưng. Lô phủ phạm phạm nhất. Thuộc huyện phạm nhất. Châu phạm ngũ lý xã nhị bách bát thập nhị. Tây phương chi đệ tam Phiên dã.

Căn án : AN BÌNH PHỦ nhất huyện ngũ châu, nhị bách bát thập nhị xã. Phúc An huyện, thất thập tam xã. Thu Vật châu, ngũ thập ngũ xã. Lục An châu, tứ thập xã. Đại Man châu, tam thập tứ xã. Vị Xuyên châu, lục thập xã. Bảo Lạc châu, nhị thập xã.

Lý thị viết : Tuyên Quang, Bảo Lạc châu, tích bản ngã địa, nội thuộc thời, vi Trung châu vật. Cập Lý triều, Tống Thần Tôn, ủy kỳ cường thịnh, ký dĩ Thuận châu quy ngã, phục định cương giới dĩ ải ngoại Bảo Lạc lục huyện dữ chi. Tuyên Lô chi tục, đại đề khắp tự bắc khách, lịch đại dĩ Khương, hốt đãi chi.

Phụ Lục viết : Tuyên Quang hữu tứ thổ thạch. Viết trùng viên phụ phụ giả, viết tiện thiềm mẫu tử thạch giả. Hữu nhị hám thủy viết Hỷ Tượng cảng, viết Tảo Mã cảng giả. Thạch đầu giao sách, thủy đạo hiểm thâm, ba đào chi đào dũng lưu hám chi thủy thanh, cơ bán lý hử. Tảo phiệt quá thử, bất thiện trúc, trạo giả tức sa lan thạch diếu chi nội. Tỉnh Vương bình ấy, mệnh nghệ sĩ giao sạ, tứ thạch câu truy vu hà. Hậu sở nhật, Tiên Thiềm tông vĩ trung viên tương phụ như cổ. Nhục sĩ đại nhuyển, dĩ sự khai vương. Vương mệnh dĩ lao tự chi).

Quyết thổ duy hắc phần. Quyết điền duy hạ hạ. Thảo mộc duy điều. Bảo Lạc, kim ngân, thiết tích. Lục An duyên đồng, thảo đẳng. Phúc An thê bố duy thanh. Phong mật duy hoàng. Thu Vật trầm hương, hoa lạp, thảo du. tượng xỉ duy lương. Long Vị hủy phục, quyết cống tề, lư.

(Thổ nhân chức bố kim hoàng, dĩ thanh thái chi, kỳ dạng thậm hảo. Hoàng phong tối khiết, kỳ nhị thổ thậm cam, thổ nhân dĩ thử trị phúc trùng chủng. Hoa lạp dĩ hoa tăng chữ, kỳ vị thậm hương. Long Vị, Kim Đại Man quốc thị, tại Minh Quảng Tây, ngã Bảo Lạc chi gian. Kỳ tục diệc trường phát, hiệu điều đầu cốt gian. Y phục dữ Lão vô dị. Ngọa Triều thời thường nhập cống. Hậu Sứ tín bất thông. Cấp Lê triều khởi nghĩa, hướng nhất hiệu thuận. Tề diệc tượng chi loại. Kỳ giác lục thập niên nhất sinh. Lư diệc mã chi loại. Thiệu ư dân trọng, khinh thân bất hành).

Dịch nghĩa

ÀI LÊ HOA VÀ SÔNG LỘ LÀ Ở TUYÊN QUANG.

(Lê Hoa là tên núi, nay gọi là Lê Hoa quan, ải Lê Hoa. Thời Thái Tổ khởi nghĩa, có sai chức Phòng Ngự, là Trần Ban sửa lại. Sau chống với tướng giặc Minh ở đây. Lộ là tên sông, phát nguyên từ sông Tam Giang, chảy tới Cam Lộ thì hợp với sông Đà, sông Thao. Tuyên Quang xưa là bộ Tân Hưng, một xứ đất tốt nước ta, đông bắc giáp Cao, Lãng, tây nam giáp Sơn Tây và Hưng, Lộ có 1 phủ, gồm 1 huyện, 5 châu, 282 xã, Tuyên Quang là Phiên thứ ba về phương tây. Kinh xét: PHÚC AN BÌNH có 1 huyện, 5 châu, 282 xã. Huyện Phúc An có 73 xã, Châu

Thu Vật có 55 xã. Châu Lục An có 40 xã. Châu Đại Man có 34 xã. Châu Vị Xuyên có 60 xã. Châu Bảo Lạc có 20 xã.

Lý thị bàn: Châu Bảo Lạc ở Tuyên Quang, từ xưa vốn của ta. Thời nội thuộc, Trung Hoa sát nhập vào của họ. Tới triều Lý, Tống Thần Tôn sợ ta cường thịnh, đã cho Thuận Châu về ta. Lại định lại cương giới, lấy ở ngoài ải sáu huyện Bảo Lạc cho ta. Tục đất Tuyên giống tục khách xứ bắc. Các triều đại ta đối đãi như khách trú man di.

Phụ Lục.— Tuyên Quang có bốn phiến đá là: Phiến đôi vợ chồng, Phiến mẹ con Tiên Thiềm. Hai phiến chực xuống nước là Hỷ tượng cảng và tầu mã cảng. Hình đá lởm chởm, Giòng nước sâu hiềm. Sóng đánh mạnh. Khi có sóng, tiếng nước réo xa nửa dặm còn nghe. Bè chở qua đó, không vững tay lái thì bị cuốn vào các tảng đá ngầm. Chúa Tĩnh Vương khi đi bình giặc tây, có sai mấy tay súng giỏi bắn chìm xuống sông, Nhưng vài ngày sau, phiến Tiên Thiềm lại theo sau phiến đôi nổi lên như cũ. Mấy tay súng sợ tâu lên. Chúa mệnh cho làm lễ tế).

Đất thì đen má quánh. Ruộng thì xấu, cây cỏ làm củi. Bảo Lạc thì có vàng bạc, sắt, thiếc. Lục An thì có thuốc nổ, có mây. Phúc An có vải dệt nhuộm màu xanh, có mật ong vàng. Thu Vật trầm hương, sáp ong, có thuốc nổ, có ngà voi. Người Long Vị còn mặc áo lá. Sừng tê, lừa là các đồ cống tiến.

(Người địa phương dệt vải miến vàng thêm sắc xanh, trông rất đẹp. Ong vàng, mật rất trong, nhị hương thơm, họ dùng trị bệnh đau bụng sản, Sáp dùng về đèn nến, rất sáng, mùi lại thơm

Long Vĩ là tên châu, nay là nước Đại Man, ở giữa khoảng Bảo Lạc nước ta và Quảng Tây nước Tàu, Phong tục thì để tóc dài, che kín đầu, ăn mặc như người Lào. Thường vào cống hiến thời Vua Ngạc triều, rồi bằng đi một thời gian, tới Lê triều khởi nghĩa, thì lại trở lại như xưa.

Tê cũng là loài ngựa voi. Sừng tê cứ 60 năm mới sinh,

Lừa cũng là loài ngựa, tra chở nặng, nhẹ thì không đi).

那松及梁惟清華。

(那松二山名。梁水名，發源自廣平。清華古九真郡。唐時爲愛州。李朝以爲清華府，東北接山南暨海，西南界山西及驩，路府凡六。屬縣二十有二，州凡四，里社九百七十九，南方之第二藩也。謹按：紹天府八縣，三百七十社，瑞原縣四十四社，十三村，十七庄一所六寨十三坊，八庄。永福縣四十五社一村一坊四庄，雷陽七十三社，六村二州二庄三十洲，一坊，一所，東山七十四社，二村一庄一所，安定，五十六社，五村，九寨，九庄。錦水五十社，二村五庄五十冊，三瀾。廣平三十八社二村八洲二庄，石城一社五十三洲，三庄四十四冊，二坊一街，河中府四縣二百八十一社，弘化七十二社，二庄一所，淳祿三十九社，六村，六庄二所。峨山三十九社，宋山三十一社，二洲，九庄，一寨，靜嘉府三

縣，一百九十三社，農貢八十八社，一村，三十一冊，廣昌五十五社，一所。玉山五十四社，一庄一寨，二坊，一巡。長安府古大黃是三縣二百六十三社，嘉遠七十三社，四庄，安謀古謀度是五十二社，二村，一庄。安康三十九社，三村，三庄，三寨，天關府三縣，七十社，安化三十二社，奉化二十七社一庄，一寨。樂土三十一社，庄五。清都府（胡改清化為清都鎮，一縣，四州，五十九峒。壽春十四峒，鄒州十二峒，良政州、冀州十峒）。

李氏曰：清華之地水尾山頭狹小湫隘得其亂不得其治，丁黎之於大黃，二胡西街，覆車可鑒，則於太祖汝說之言為尤信。

厥土惟黑墳，厥田惟上中，積木惟絲。神頭魚有人形，柳關壽春皮惟虎豹犀象。冀岑蠻獠厥貢牙角。

神頭令神符海口是，魚似人形。魚頭有尾無鱗，清化路山多惡獸。精流化為此（阮舒軒曰：清之象，又之神，興太之水，高諒之魔，甚為可畏。

Phiên âm

NA, TÙNG CẤP LƯƠNG, DUY THANH HOA

(Na Tùng nhị sơn danh. Lương thủy danh. Phát nguyên tự Quảng Bình. Thanh Hoa cổ Cửu Chân Bộ, Đường thời vi Ái Châu, Lý triều dĩ vi Thanh Hoa phủ. Đông bắc tiếp Sơn Nam kỳ hải. Tây Nam giới Sơn Tây cấp Hoan. Lệ phủ phạm lục. Thuộc huyện nhị thập hữu nhị. Châu phạm tứ. Lý xã cửu bách thất thập cửu. Nam phương chi đệ nhị Phiên dã.

Cần án: THIỆU THIÊN PHỦ, bát huyện, tam bách thất thập xã. Thụy Nguyên huyện, tứ thập tứ xã, thập tam thôn, thập thất trang, nhất sở, lục trại, thập tam phường, bát trang. Vĩnh Phúc huyện, tứ thập ngũ xã, nhất thôn, nhất phường, tứ trang. Lôi Dương, thất thập tam xã, lục thôn, nhị châu, nhị trang, thập tam châu, nhất phường, nhất sở. Đông Sơn thất thập tứ xã, nhị thôn, nhất trang, nhất sở. An Định, ngũ thập lục xã, ngũ thôn, cửu trại, cửu trang. Cẩm Thủy, ngũ thập xã, nhị thôn, ngũ trang, ngũ thập sách, tam vạn. Quảng Bình, tam thập bát xã, nhị thôn, bát châu, nhị trang. Thạch Thành nhất xã, ngũ thập tam châu, tam trang, tứ thập tứ sách, nhị phường, nhất nhai. HẢ TRUNG PHỦ, tứ huyện, nhị bách bát thập nhất

xã. Hoàng Hóa thất thập nhị xã, nhị trang, nhất sở. Thuần Lộc, tam thập cửu xã, lục thôn, lục trang, nhị sở. Nga Sơn, tam thập cửu xã. Tống Sơn, tam thập nhất xã, nhị châu, cửu trang, nhất trại. TỈNH GIA PHỦ tam huyện, nhất bách cửu thập tam xã. Nông Công bát thập xã, nhất thôn, tam thập nhất sách. Quảng Xương ngũ thập ngũ xã, nhất sở, Ngọc Sơn, ngũ thập tứ xã, nhất trang, nhất trại, nhị phường, nhất tuần. TRƯỜNG AN PHỦ (cổ Đại Hoàng thị), nhị huyện, nhị bách lục thập xã. Gia Viễn, thất thập tam xã, tứ trang. An Mô (cổ Mô Đô thị), ngũ thập nhị xã, nhị thôn, nhất trang. An Khang, tam thập cửu xã, tam thôn, tam trang, tam trại. THIÊN QUAN PHỦ tam huyện, thất thập xã. An Hóa, nhị thập nhị xã Phụng Hóa, nhị thập thất xã, nhất trang, nhất trại. Lạc Thổ, tam thập nhất xã, ngũ trang. THANH ĐÔ PHỦ (Hồ cải Thanh Hóa vì Thanh Đô Trấn), nhất huyện, tứ châu, ngũ thập cửu động. Thọ Xuân thập tứ động. Na Quan Châu, thập nhị động, Lương Chính Châu, Tâm Châu, thập động.

Lý thi viết : Thanh Hoa chi địa, thủy vĩ sơn đầu, hiệp tiểu tru ải, đắc kỳ loan, bất bắc kỳ trị. Đinh Lê chi ư Đại Hoàng, nhị Hồ chi ư Tây Nhai, phúc xa khả giám, Tắc ư Thái Tồ Nhữ thuyết chi ngôn, vi vuơ tín.)

Quyết thổ duy hắc phần. Quyết điều duy thượng trung. Tân mộc duy ty. Thần đầu ngư hữu nhân hình. Na Quan Thọ Xuân, bị duy hồ bảo tề tượng. Tâm, Sầm, Man, Liễu, quyết công nha, giác,

(Thần Đầu, kim Thần Phù hải khẩu thị. Ngư tự nhân hình. Ngư đầu hữu vĩ vô lân. Thanh Hóa lộ, sơn đa ác thú. Tỉnh lưu hóa vi thử).

(Nguyễn Thu Hiền viết : Thanh chi thổ, Nghệ chi thần, Hưng Thái chi thủy, Cao, Lãng chi ma, thậm vi khả úy).

DỊCH NGHĨA.-- Núi Na, núi Tùng và sông Lương là ở Thanh Hóa, (Na, Tùng là hai tên núi. Lương là tên sông, phát nguyên từ Quảng Bình. Thanh Hoa xưa là Bộ Cửu Chân. Thời Đường là Ái Châu. Triều Lý đặt thành phủ Thanh Hoa. Đông bắc giáp Sơn Nam đi ra tới bể. Tây nam giáp Sơn Tây và Hoan Lộ có 6 phủ, gồm 22 huyện, 4 châu, cộng là 979 xã. Thanh Hóa là xứ phiên thứ nhì ở phương nam.

(Kính xét : **PHỦ THIỆU THIÊN** có 8 huyện, 370 xã, Huyện Thủy Nguyên, 44 xã, 13 thôn, 17 trang, 1 sở, 6 trại, 13 phường, 8 trang (theo ý người dịch, thì chữ trang này nhầm). Huyện Vĩnh Phúc, 45 xã, 1 thôn, phường, 4 trang. Lôi Dương, 73 xã, 6 thôn, 2 châu, 2 trang, 30 châu (bãi), 1 phường, 1 sở. Đông Sơn, 74 xã, 2 thôn; 1 trang, 1 sở. An Định, 56 xã, 5 thôn, 9 trại, 9 trang, Cẩm Thủy 50 xã, 2 thôn, 5 trang, 50 sách, 3 vạn. Quảng Bình, 38 xã, 2 thôn, 8 châu (bãi), 2 trang. Thạch Thành, 1 xã, 53 châu (bãi), 3 trang, 44 sách, 2 phường, 1 nhai. **PHỦ HÀ TRUNG**, có 4 huyện, gồm 381 xã. Hoàng Hóa 72 xã, 2 trang, 1 sở. Thuần Lộc, 39 xã, 6 thôn, 6 trang, 2 sở. Nga Sơn, 39 xã. Tống Sơn, 31 xã, 2 châu (bãi). 9 trang, 1 trại. **PHỦ TĨNH GIA** có 3 huyện, gồm 193. Nông Cống, 88 xã, 1 thôn, 31 sách. Quảng Xương 55 xã, 1 sở. Ngọc Sơn, 54 xã, 1 trang, 1 trại, 2 phường, 1 tuần, Phủ Trường An (xưa là Đại Hoàng) có 3 huyện, gồm 263 xã. Gia Viễn, 73 xã, 4 trang. An Mê (xưa là Mê Độ), có 52 xã, 2 thôn 1 trang. An Khang, 39 xã, 3 thôn, 3 trang, 3 trại. **PHỦ THIÊN QUAN** có 3 huyện gồm 70 xã. An Hóa 22 xã. Phụng Hóa 27 xã, 1 trang, 1 trại. Lạc Thổ, 31 xã, 5 trang. **PHỦ THANH ĐỒ** (Hồ đời Thanh Hóa làm Thanh Đô Trấn), 1 huyện, 4 châu, 59 đông

Thọ Xuân, 14 động. Châu Na Quan, 12 động. Châu Lương Chính, Tâm Châu, 10 động).

Lý thị nói : đất Thanh Hóa, đầu núi, đuôi nước, chật hẹp hiểm trở, thời loạn dùng được, thời bình không dùng được. Đinh, Lê, xưa ở Đại Hoàng, cha con Hồ xưa ở Tây Nhai chính là theo vết xe đổ đó. Mới biết Thái Tồ xử sự rất phải).

Đất đen quánh. Ruộng thì có hạng thượng và hạng trung, Sản Phẩm có tơ. Ở Thần Đầu, có cá hình người. Ở Na Quan, Thọ Xuân, có da hổ báo, sừng tê, ngà voi. Các xứ Tâm, Sâm. Man Liễu, tiến sừng và ngà. (Thần Đầu nay là cửa bể Thần Phù. Cá hình người là thứ cá có đầu, có đuôi, không có vẩy. Lộ Thanh Hóa có nhiều vật quái lạ, do các tinh vật tụ lại biến thành.

Nguyễn Thư Hiên nói : Thanh có thổ, Nghệ có thần, Hưng Thái có nước, Cao Lạng có ma. Thật Đáng sợ.



麒麟及藍惟又安。

麒麟山名，在永江之右，藍水名，其源出自靈江，又安古懷驩部。後改爲日南部。又曰驩州，丁黎以爲寨，李改曰又安。東北與海南清化。西南接順化雲南。路府凡九，屬縣二十有五，州凡三，里社凡四百七十九，南方之第三藩也。

謹案：德光府六縣，二百五十五社，羅山三十七社一村二寨。天祿三十七社一庄。宜春二十六社，真福(古新福)三十七社八村一所，香山三十四社，青潭三十四社八村三十三庄九冊三所一寨一福一巡三源，濱州府二縣一百九社，東城七十六社四村二十九庄四冊二洲，瓊瑤三十六社九村四十三洲三十七冊。英都府二縣八十六社，興元四十二社三村三所二甲，南塘四十四社六村一冊一涵茶麟府四縣一百十二峒。會寧五峒，祈山二十峒九洲，襄陽七峒

一坊，永康八十峒，河華府二縣七十九社。石河四十二社一所一寨。奇華三十七社十二村。萊州府二縣四十峒，中山十六峒，翠雲二十四峒。玉麻府一州二十七峒，鄭東二十七峒，臨安府一州十三峒，歸合州(古盆蠻)是本屬東寧，太祖得國始來朝貢十三峒十六冊，順寧府七縣一州九十二峒。珠琅九峒。光榮六峒。明廣九峒。景淳十四峒，金山十二峒，清渭十峒。鎮忠十二峒，布政十二峒。

厥上惟壤，宜損榔，厥田惟上中。胡椒海賦惟佳。南戎躡布石河歸施。玉麻齒革。萊州羽毛。鎮寧桂參。奇花旗子。哀牢彩被，厥貢象蠟鉦金。

羽翠羽也。毛山骨子毛也。鎮寧府金山產桂。珠琅產參，每年上供二十斤。奇華海口名。旗子魚名，其形似鰐，身圓如鵠。胸臆有毒，土人漁得以掌捫之，

其皮銜圓，不見頭面，若煮食箕子胸臆者，即暴死，書存之以示戒，如唐蒙之鑿刃，支枝之瓢瓜，渭泉之五廉也。哀牢國名，其先有婦人名沙壹者，居於牢山捕魚水中觸沈木有孕十月產男子，後沈木化爲龍出水因舐其男之背，故種人皆刻畫其身以象龍文。漢光武時始通中國。明帝以其地置哀牢，博南二縣。今部落甚繁，所在有之，皆號曰牢。然文布纏藤，呼魚喝鳥蛇蠶象飯，避仇八寺，風俗大畧無異，地產犀象白蠟布，金鉦尤好。無文字，以葉記事。牢自李，陳，屢經大創，乃以地近我國朝貢不闕，國初常効順。及路文偉詐誘牢，信好遂絕，及天下大定牢盤桓猶向奴曰單于，後改爲陀云昆孤慕德內附。西南復通。

李氏曰：乂安人心險悍過於雲州，道路甚長，水土常習，歷代以之樂西南夷。

Phiên âm

KỶ LÂN, CẤP LAM DUY NGHỆ-AN

Kỷ Lân, sơn danh, tại Vĩnh Giang chi hữu. Lam thủy danh Kỳ nguyên xuất tự Linh Giang. Nghệ An, cồ Hoài Hoan Bộ, Hậu cải vi Nhật Nam quận. Hựu viết Hoan Châu. Đinh. Lê dĩ vi trại. Lý cải viết Nghệ An. Đông bắc giáp Hải Nam, Thanh Hoa. Tây Nam tiếp Thuận Hóa, Vân Nam. Lộ phủ phạm cửu, Thuộc huyện nhị thập hữu ngũ. Châu phạm tam. Lý xã phạm tứ bách thất thập cửu. Nam phương chi đệ tam Phiên dã. Cần án : Đức Quang phủ lục huyện, nhị bách ngũ thập ngũ xã, La Sơn, tam thập thất xã, nhất thôn, nhị trại. Thiên Lộc, tam thập thất xã, nhất trang. Nghi Xuân, nhị thập lục xã. Chân Phúc (cồ Tân Phúc) tam thập thất xã, bát thôn, nhất sở. Hương Sơn tam thập tứ xã, Thanh Chương tam thập tứ xã, bát thôn, tam thập tam trang, cửu sách, tam sở, nhất trại nhất vạn, nhất tuần, tam nguyên. Diễn Châu phủ, nhị huyện, nhất bách cửu xã. Đông Thành, thất thập lục xã, tứ thôn, nhị thập cửu trang, tứ sách, nhị châu. Quỳnh Lưu, tam thập lục xã, cửu thôn, tứ thập nhị châu, tam thập thất sách. Anh Đô phủ, nhị huyện, bát thập lục xã. Hưng Nguyên, tứ thập nhị xã, tam thôn, tam sở, nhị giáp. Nam Đường, tứ thập tứ xã, lục thôn, nhất sách, nhất vạn. Trà Lân phủ, tứ huyện, nhất bách thập nhị động. Hội Ninh, ngũ động. Kỳ Sơn, nhị thập động, cửu châu, Tương Dương, thất động nhất phường. Vĩnh Khang, bát thập động. Hà Hoa phủ, nhị huyện, thất thập cửu xã. Thạch Hà, tứ thập nhị xã, nhất sở nhất nhất trại. Kỳ Hoa, tam thập thất xã. thập nhị thôn. Quý Châu phủ, nhị huyện, tứ thập động. Trung Sơn, thập lục động. Thúy Vân, nhị thập tứ động. Ngọc Ma phủ, nhất châu nhị thập thất động. Trinh Cao, nhị thập thất động. Lâm An phủ, nhất châu, thập tam

động. Quy Hợp châu (cổ Bồn Man thị bản thuộc Ai Lao. Thái Tồ
đắc quốc thủy lai triều công). thập tam động, thập lục sách.
Thuận Ninh phủ, thất huyện, nhất châu, cửu thập nhị động.
Châu Lang cửu động. Quang Vinh, lục động. Minh Quảng, cửu
động. Cảnh Thuần thập tứ động. Kim Sơn thập nhị động.
Thanh Vị, thập động. Trấn Trung, thập nhị động. Bồ Chính,
thập nhị động).

Quyết thổ duy nhượng, nghị tân lang. Quyết điền duy
thượng trung. Hồ tiêu, hải hàm duy giai. Nam Nhung. sơ bố.
Thạch hà hy thi. Ngọc Ma xỉ cách. Quý châu vũ mao. Trấn
Ninh, quế, sâm. Kỳ Hoa, thốc tử Ai Lao thái bị. Quyết cống
trượng, lập, chinh kim.

(Vũ, thủy vũ dã. Mao, Sơn cốt tử mao dã. Trấn Ninh
phủ, Kim Sơn sản quế. Châu Lang sản sâm. Mỗi niên thượng
cung nhị thập cân. Kỳ Hoa, hải khẩu danh, Thốc tử, ngư
danh, kỳ hình tự biết. Thân viên như âu. Hưng ức hữu độc.
Thổ nhân ngư đắc, dĩ chuồng mỗn chi. Kỳ bì sung viên, bất
kiến đầu diện. Nhược chủ thực, thốc tử hưng ức giả, tức bạo
tử. Thư tồn chi dĩ thị giới, như Đường Hào chi đối nhân,
Chi Lăng chi biểu qua, Vị Tuyên chi ngũ liêm dã. Ai Lao,
quốc danh. Kỳ tiên hữu phụ nhân, danh Sa Đài giả, cư ư Lào
Sơn, Bồ ngư thủy trung. Xúc trầm mỗc, hữu dụng. Thập
nguyệt sản nam tử. Hậu trầm mỗc hóa vi long, xuất thủy
nhân thi kỳ nam chi bối, cổ chủng nhân giai khắc họa kỳ
thân, dĩ tượng long văn. Hán Quang Vũ thời, thủy thông
trung quốc. Minh Đế dĩ kỳ địa trí Ai Lao, Bắc Nam. nhị
huyện. Kim bộ lạc thậm phần. Sở tại hữu chi, giai hiệu viết
Lào. Nhiên văn bố triển đẳng, hồ ngư xướng điều, xà canh
tượng phạn, tị cửu nhập tự, phong tục đại lược vô dị. Địa
sản tê tượng, bạch lập, kê bố. kim chinh vu hảo. Vô văn

tự, dĩ diệp ký sự, Lào tự Lý. Trần, lữ kinh đại sáng. Nãi dĩ địa cận ngã quốc, triều cống bất khuyết. Quốc sơ thường hiệu thuận. Cập Lê Văn Luật, trả du Lào, tín hiệu toại tuyệt, Cập thiên hạ đại định. Lào Bàn Già (do Hung Nô viết Đan Vu, hậu cải Vi Đài Văn) Côn Cô mộ đức, nội phụ, tây nam phục thông.

Lý thị viết : Nghệ An nhân tâm hiểm hãn, quá ư Ái Châu. Đạo lộ du trường, thủy thổ thường tập, Lịch đại dĩ chi nự tây nam dĩ.

Dịch nghĩa

NÚI KỶ LÂN VÀ SÔNG LAM LÀ Ở NGHỆ AN.

(Kỳ Lân là tên núi, ở phía hữu sông Vĩnh giang. Lam là tên sông, phát nguyên từ Linh Giang. Nghệ An xưa là Bộ Hoài Hoan, sau đổi làm quận Nhật Nam. Rồi lại gọi là Hoan Châu. Các triều Đinh, Lê, đặt thành trại. Triều Lý gọi là Nghệ An. Đông bắc giáp Hải Nam, Thanh Hóa. Tây nam tiếp tới Thuận Hóa, tới Vân Nam. Lộ có 9 phủ. gồm 25 huyện, 3 châu, cộng 479 xã. Phiên thứ ba phương nam. Kinh xét : PHỦ ĐỨC QUANG. có 6 huyện, 255 xã. La Sơn, 37 xã, 1 thôn, 2 trại, Thiên Lộc, 37 xã 1 trang. Nghi Xuân, 26 xã. Chân Phúc (xưa là Tân Phúc) 37, xã 8 thôn. 1 sở. Hương Sơn, 34 xã. Thanh Chương 34 xã, 8 thôn 33 trang, 9 sách, 3 sở, 1 trại, 1 vạn, 1 tuần, 3 nguyên. PHỦ DIỄN CHÂU có 2 huyện, 109 xã. Đông Thành, 76 xã, 4 thôn, 29 trang 4 sách, 2 châu (bãi). Quỳnh Lưu. 36 xã, 9 thôn, 42 châu (bãi), 37 sách. PHỦ ANH ĐỒ có 2 huyện, 86 xã. Hưng Nguyên, 42 xã, 3 thôn 3 sở, 2 giáp. Nam Đường, 44 xã. 6 thôn, 1 sách, 1 vạn. PHỦ TRÀ LÂM, có 4 huyện, 112 động. Hội Ninh, 5 động. Kỳ

Sơn, 20 động. 9 châu (bãi). Tương Dương, 7 động, 1 phường. Vĩnh Khang, 80 động. PHỦ HÀ HOA có 2 huyện, 79 xã. Thanh Hà 42 xã, 1 sở, 1 trại. Kỳ Hoa, 16 động. Thủy Văn, 24 động. PHỦ NGỌC MA có 1 châu, 24 động. Trình Cao, 27 động. PHỦ LÂM AN có 1 châu, 13 động. Châu Quy Hợp (xưa là Bồn Man vốn thuộc Ai Lao khi Thái Tổ được nước rồi, Bồn Man mới triều cống), 13 động 16 sách. PHỦ THUẬN NINH có 6 huyện, 1 châu, 92 động. Châu Lang 9 động. Quang Vinh 6 động. Minh Quảng, 9 động. Cảnh Thuận, 14 động. Kim Sơn, 12 động. Thanh Vị 10 động. Trấn Trung, 12 động. Bố Chính, 12 động).

Đất vốn đất màu, sản giống cau. Ruộng thì có hạng tốt và hạng trung. Có hồ tiêu, có muối. Ở Nam Nhung có vải thường dùng. Ở Thạch Hà có vải thô. Ngọc Ma có da, có ngà, Quý Châu có vũ, mao. Ở Kỳ Hoa có thóc tử. Ai Lao có mền hoa, ngà voi, sáp ong, chiêng đồng.

(Vũ đây là lông chim trĩ. Mao là lông loại sơn cốt tử (người dịch chưa hiểu là loại gì). Kim Sơn ở phủ Trấn Ninh sản quế. Châu Lương sản sâm, mỗi năm cung tới 20 cân. Kỳ hoa là tên cửa bể. Thóc tử là tên cá, hình tựa con ba ba, mình tròn như con ấu dưới bụng ngực có độc, người bản xứ bắt được phải lấy tay bóp nặn vút đi. Da đây dẫu không nhận rõ đầu mặt. Nếu như, nấu cả ngực bụng mà ăn, thì chết ngay, cho nên cần báo cho dân gian biết mà cần thận, y như cá đối ở Đương Hào, bầu ở Chi Lăng, và ngũ liêm ở Vị Tuyên. Ai Lao là tên nước, Xưa có người đàn bà tên là Sa Đài ở Lao Sơn, bắt cá, vô ý dưng vào cây gỗ chìm dưới nước rồi có thai, 10 tháng sinh ra con giai. Sau cây gỗ hóa thành rồng, ra khỏi nước, liếm vào lưng đưa con. Từ đó, giòng giống đều vẽ, khắc vào mình hình rồng. Thời vua Quang Vũ triều Hán, Lào mới thông với Trung Quốc. Vua Minh Đế chia đất ra làm 2 huyện : Ai Lao và Bắc Nam. Nay

các bộ lạc phức tạp. Người ở nơi nào thì cũng đều gọi là giống Lào. Tuy nhiên, y phục, ngôn ngữ, cũ chi, phong tục, về đại cương, không khác nhau. Thỏ sản có ngà voi, sừng tê, sáp ong, vải lông dê, chiêng đồng thật là khéo. Không có chữ viết, dùng lá cây đề ghi việc.

Lào từ thời Lý Trần, thường bị lấy họa chiến tranh, vì có ở giáp nước ta, thành ra chuyên triều cống, không bỏ sót, nhất là lúc ban đầu. Đến khi Lô Văn Luật, đối người Lào, có việc gian dối, từ đó mới tuyệt thông hiếu. Mãi đến khi trong nước đã yên, thiên hạ đại định, Lào Bàn Gia (tức là quốc chủ) tên là Côn Cô, có lòng ái mộ, xin phụ thuộc, xúi tây nam lại thông hiếu.

Lý thị bàn : Người Nghệ An mạnh dữ, hung tợn hơn người châu Ái. Đất đai dài rộng, tập quen gian hiểm, các triều đại dùng để chống giữ rợ tây nam.



海及雲靈惟順化。海，南海也，雲，臨山也，靈水名，
 順化古越裳氏部，安，趙越改，為北景州，
 內伴，東北通又縣凡八，西南達牢廣，
 路府凡二，屬十縣，南方之第四藩也。
 社凡六，百五十五府二縣，二州，二百二
 謹按：新平府祿七十八社，七冊，四
 十四社，麗水二縣，九社，市政州六十三
 源，麗水二縣，二十四庄，二冊，三源。
 社，一古麻靈李常傑征占取其地六十
 明靈古麻靈李常傑征占取其地六十
 四社，二十四源，社，海陵五十五社，八
 四村，二十八峒。武昌九十五社，三村
 五冊，丹田六十三社二村，二州十冊，三
 金茶，七榮四十四社。二十冊，沙五州六峒
 源。思榮五社。二十冊，沙五州六峒
 盤九十五社。二十冊，沙五州六峒
 順平州八峒二十冊，沙五州六峒

十五庄，六十八册。厥土惟黑墳，
宜火藥及椒戎，厥田惟中中。其盤
黃雉，沙盃茶惟雀舌。海陵蠶惟白
毛。

(紙藥以葉紙包之，以火燃而食之也。

明人來侵令我州縣納胡椒，一人十
苗，後椒貴，一苗值五緡。江以北
椒樹盡徙於吳。惟乂化更歷。後陳
及本朝，割據，椒猶存焉。

李氏曰：順化我北景州也，內屬後猷。
占琛常提南境，盡有其地。李陳之
時，親征占城多擒占主，占人請猷
思麻，明靈，布政三州贖罪，天子
置爲順州化順，後合爲順化，其民
染古舊俗，性悍耐苦先朝以之禦占。

Phiên âm :

HẢI CẬP VÂN, LINH DUY, THUẬN HÓA

(Hải, Nam Hải dã. Ải, sơn dã. Linh, thủy danh. Thuận
Hóa, cò Việt Thường thị Bộ. Triệu Việt cải vi Bắc Cảnh Châu.

nội bần Đông bắc thông Nghệ, An, tây nam liên Lao, Quảng, Lộ phủ phạm nhị. Thuộc huyện phạm bát. Châu phạm tứ, Lý xã, phạm lục bách, ngũ thập bát. Nam phương chi đệ tứ phiên dã.

Căn án : Tân Bình phủ nhị huyện, nhị châu, nhị bách nhị thập tứ xã. Khang Lộc thất thập bát xã, thất sách, tứ nguyên. Lệ Thủy nhị thập cửu xã, Bộ Chính Châu, lục thập tam xã, nhất thôn, nhị thập tứ trang, nhị sách, tam nguyên. Minh Linh (cổ Ma Linh, Lý Thường Kiệt chinh Chiêm thủ kỳ địa), lục thập tứ xã, nhị nguyên. Triệu Phong phủ, lục huyện, nhị châu, tứ bách tứ thập tứ xã. Hải Lăng. ngũ thập tứ xã, bát thôn, nhị thập bát động. Vũ Xương, cửu thập ngũ xã. Thuận Bình Châu, bát động, nhị thập nhất sách. Sa Bôi châu, lục động, thập ngũ trang, lục thập bát sách.)

Quyết thổ duy hắc phân, Nghi hòa được cấp tiêu nhung. Quyết điền duy trung trung. Điện Bản hoàng trĩ, Sa Bôi trà duy tước thiệt. Hải Lăng thổ duy bạch mao.

(Chỉ được dĩ điệp chỉ bao chi, Dĩ hòa nhiên nhi thực chi dã. Minh nhân lai xâm, linh ngã châu huyện nạp hồ tiêu, nhất nhân thập miếu. Hậu tiêu quý. Nhất miếu trị ngũ quyển mãn. Nỗ Giang dĩ bắc tiêu thụ tận tỷ ư Ngô. Duy Ngộ Hòa cảnh lịch Hậu Trần cấp Bản Triều cát cứ, tiêu do tồn yên,)

(Lý thị viết : Thuận Hóa ngã Bắc Cảnh Châu dã. Nội thuộc hậu, Chiêm, Hoàn thường nhiều nam cảnh, tận hựu kỳ địa Lý Trần chi thời, thân chinh Chiêm Thành, đa cầm Chiêm chủ, Chiêm nhân thỉnh hiến Tư Ma, Minh Linh, Bộ Chính tam châu thực tời. Thiên Tử trị vi Thuận châu, Hóa châu, hậu hợp vi Thuận Hóa. Kỳ dân nhiễm Chiêm cựu tục, tình hãn nại khổ, Tiên triều dĩ chi nự Chiêm.

Dịch nghĩa

BỀ CÙNG NÚI VÂN, SÔNG LINH LÀ Ở THUẬN HÓA.

(Bề là bề Nam Hải. Vân là Ải Sơn. Linh là tên sông. Thuật Hóa xưa là Bộ Việt Thường thị, thời Triệu Việt, đổi làm phụ vào châu Bắc Cảnh. Phía đông bắc thông với Nghệ An, phía tây nam liền Lao, Quảng. Lộ có 2, gồm 8 huyện, 4 châu, 658 xã. Ở phương nam là Phiên thủ tự.)

Kính xét : PHỦ TÂN BÌNH có 2 huyện, 2 châu, 224 xã. Khang Lộc, 78 xã. 7 sách, 4 nguyên. Lệ Thủy, 29 xã. Châu Bồ Chính 63 xã, 1 thôn, 24 trang, 2 sách, 3 nguyên, Minh Linh (xưa là Ma Linh Lý Thường Kiệt bình Chiêm, nhân chiếm đất) 64 xã, 2 nguyên. PHỦ TRIỆU PHONG có 6 huyện, 2 châu, 444 xã. Hải Lăng, 54 xã, 8 thôn, 28 động. Vũ Xương, 95 xã, 3 thôn, 5 sách. Đan Điền 63 xã, 9 thôn, 6 sách. Kim Trà, 73 xã 2 thôn, 2 châu, 13 sách, 5 nguyên. Tư Vinh, 44 xã, 18 thôn, 1 trang. Điện Bàn, 95 xã, Châu Thuận Bình có 8 động, 21 sách. Châu Sa Bôi có 6 động, 15 trang, 68 sách).

Đất màu, sắc đen, sản thuốc đạn, hồ tiêu. Ruộng thì hạng rung. Điện Bàn có giống chim trĩ vàng. Sa Bôi có chè nhỏ lá. Hải Lăng có thỏ lông trắng.

(Giấy thuốc đạn, là lấy lá tầm thuốc vào, để đốt dễ cháy, dễ đun nấu. Khi giặc Minh tới xâm lấn, có bắt châu huyện ta mỗi người phải nộp hồ tiêu 10 miều (một thừ đồ đồng). Hồ tiêu thành quý, mỗi miều giá tới năm quan tiền. Từ Nỗ Giang trở lên, đều giống hồ tiêu để chuyên tải sang Tàu. Đến khi các vùng

Nghệ, Hóa, được nhà Hậu Trần, rồi đến triều ta giành lại quyền cát cứ, hồ tiêu mới còn giống).

(Họ Lý nói: Thuận Hóa là châu Bắc Cảnh của ta. Sau thời nội thuộc, tên Hoàn Ngọc, nước Chiêm Thành thường quấy nhiễu chiếm hết phía nam Triều Lý, triều Trần, vua thân chinh đánh Chiêm, thường bắt được vua. Người Chiêm phải đem ba chân Tư Ma, Minh Linh, Bồ Chính chuộc tội. Vua ta đặt làm châu Thuận và Châu Hóa, sau hợp làm một Thuận Hóa. Dân nhiễm phong tục giống Chiêm, tính cũng hung dữ, lại quen chịu khó nhọc. Các triều trước dùng để chống với Chiêm.



像女富河淮南界，

像女山名，古龍骨是，山上有塔十二座，號曰像女塔。富河四海門名。南界古越裳。北景州內倂也。內屬間沒於占，占分爲占膽，占曼，東北接順化，西南通占城，路府凡三，屬縣凡九。里社九十七，南方之第五藩也。

謹按：升華府三縣，二十三社，古地哩是醴陽九社，河東八社，熙江六社，思義府古占曼是三縣四十一社。平山十七社，義山十一社，慕華十三社，懷仁府三縣，三十三社，蓬山七社，符離八社，綏遠十八社。

李氏曰：胡氏征占，占人獻占膽之地，李瑩初使盡獻占之占曼，胡置爲升華府。國史所謂南至地哩者也。

阮舒軒曰，胡氏初占盡獻占曼之地。因分爲升華思義州，置安撫使以管之，以兵源頭爲新寧鎮。占城收兵近便人民還國，洪德間，占恭和入寇化州。聖宗

親征破國盤城，收復舊疆，又闢地至石碑山。置懷仁府，屬縣三，其藩定四府，門，弟俞虬薰至瀋陽凡十四海門，置爲廣南承宣云，及昭薰子孫繼鎮順廣，復征占取其地，置爲平康延慶平順三府。又征高綿取其地，置爲嘉定府，福隆，新平二縣。自古占人僻居平順之左。乃封占主爲順城王，占人由此不能爲我患矣。

厥土惟黑墳，厥田惟下下。瀋定水獬，思明絲束黃竹赤燕，綿山玄縞，赤野夏碧孤山特桐，延津浮磬，名山石錯。

瀋定江，與懷仁府接，獬子歲服百獸，犀象見之皆驚瀋定有獬三羣居水中，

翻尾以打人船，波濤湧積如堆，李常傑征占時大軍至此不便涉乃封獅爲劫順三神。伯宣勅日獅于浮江出聽，由是軍船進無所礙，思明錦山皆屬安遠，赤野屬義山。孤山屬河東，延河名名山屬慕華。

Phiên âm

TIỀN NỮ, PHÚ HÀ, DUY NAM GIỚI.

Tiên Nữ, sơn danh, cồ Long, Cốt thị, Sơn thượng hữu tháp thập nhị tòa hiệu viết Tiên Nữ tháp, Phú Hà, tứ hải môn danh, Nam Giới, cồ Việt Thường, Bắc Cảnh Châu. nội bần dã, Nội thuộc gian, một ư Chiêm. Chiêm phân vi Chiêm Chiêm, Chiêm Lũy. Đông bắc tiếp Thuận Hóa. tây nam thông Chiêm Thành. Lộ phủ phạm tam, Thuộc Huyện phạm cửu. Lý xã cửu thập thất, nam phương chi đệ ngũ Phiên dã, (Cẩn án ! Thăng Hoa phủ tam huyện, nhị thập tam xã (cồ Địa Lý thị), Lê Dương cửu xã. Hà Động bát xã. Hy Giang lục xã. Tư Nghĩa phủ (cồ Chiêm Lũy thị) tam huyện, tứ thập nhất xã, Bình Sơn. thập thất xã. Mộ Hoa, thập tam xã, Hoài Nhân phủ, tam huyện, tam thập tam xã, Bồng Sơn thất xã. Phù Ly bát xã, Tuy Viễn, thập bát xã),

(Lý thị viết : Hồ thị chinh Chiêm. Chiêm nhân hiến Chiêm Chiêm chi địa. Quý Ly kiếp sử tận hiến Chiêm chi Chiêm Lũy. Hồ trí vi Thăng Hoa phủ. Quốc sử sở vĩ nam chi Địa Lý giả dã.

(Nguyễn Thư Hiền viết: Hồ thị kiếp Chiêm, tận hiến Chiêm Lũy chi địa. Nhân phân vi Thăng Hoa, Tư Nghĩa Châu. Trí An Phủ Sứ dĩ quản chi. Dĩ kỳ nguyên đầu vi Tân Ninh Trấn. Chiêm Thành thu kỳ cận tiện nhân dân, hoàn quốc. Hồng Đức gian, Chiêm Trà Hòa, nhập khẩu Hóa Châu. Thánh Tôn, thân chinh phá Đồ Bàn thành. thu **phục** cựu cương, hựu tịch địa chi Thạch Bi sơn. Tri Hoài Nhân phủ. Thuộc huyện tam. Kỳ phiên định tứ phủ, nam vi Chiêm giới).

(Phụ Lục viết: Lý thời dĩ đắc Quảng Nam, thập kim chi nhi. Chi Hồ thời hựu đắc Quảng Nam, thập phần chi bán. Hồng Đức gian, Thánh Tôn, xích địa tự Chiêm Lũy Lịch Môn Hoan, Tiến Tây, Sa Hoàng, Luật Quan, Thời Phú, Hà Ba, Lãnh Thúc, Thi Nại, Xuân Đài, Đà Nẵng, Trà Nong, Tiểu Môn, Đệ Du, Cầu Huân, chi Phan Dương, phạm thập tứ hải môn, tri vi Quảng Nam. Thừa Tuyên văn. Cập Chiêu Huân, tử tôn, kế trấn Thuận. Quảng, phục chinh Chiêm, thủ kỳ địa, tri vi Bình Khang, Diên Khanh Bình Thuận, tam phủ. Hựu chinh Cao Miên, thủ kỳ địa, tri vi Gia Định phủ, Phúc Long, Tân Bình, nhị huyện. Tự cổ Chiêm nhân tị cư Bình Thuận chi tả. Nãi phong Chiêm chủ vi Thuận Thành Vương. Chiêm nhân do thử bất năng vi ngã hoạn hỹ).

Quyết thẻ duy bắc phần. quyết diên duy hạ hạ, Phiên định thủy sư. Tư minh, ty tử, hoàng trúc, xích yển. Miên Sơn, huyền đảo. Xích Dã, hạ dịch, Cỏ Sơn, đặc đồng. Diên Tân, phủ khánh, Danh Sơn, thạch thác.

Phan Định giang, dữ Hoài Nhân phủ tiếp. Sư tử uy phục bách thú, tề tượng kiến chi giai kinh. Phan Định hữu sứ tam quần, cư thủy trung, phiên vĩ dĩ dã nhân thuyên. Ba đào dũng tịch như đôi. Lý thường Kiệt chinh Chiêm thời đại quân chi thử bất tiện

thiếp. Nãi phong sứ vi Hiệu Thuận tam thần, bá Tuyên sắc nhất sư tử phù giang xuất thính. Do thị, quân thuyền tiến vô sở ngại. Tư Ninh, Cẩm Sơn, giai thuộc Tuy Viên. Xích Dã thuộc Nghĩa Sơn. Cô Sơn thuộc Hà Đông. Diên, hà. Danh Sơn, thuộc Mộ Hoa.

Dịch nghĩa

TIỀN NỮ, PHÚ HÀ LÀ Ở NAM GIỚI.

(Tiền Nữ là tên núi, xưa là Long cốt. Trên núi có tháp cao 12 tầng, gọi là tháp Tiền Nữ. Phú Hà là tên bốn cửa bể. Nam Giới, xưa là Việt Thường, tức là Bắc Cảnh châu nội hạn. Thời nội thuộc thì đất đó sát nhập vào nước Chiêm. Chiêm chia đất đó làm hai : Chiêm Chiêm và Chiêm Lũy. Đông bắc tiếp với Thuận Hóa, tây nam thông với Chiêm Thành. Lộ có 3 phủ, gồm 9 huyện, cộng 97 xã. Ở phương nam là Phiên thứ năm.

(Kính xét : PHỦ THĂNG HOA, có 3 huyện, gồm 23 xã. (xưa gọi là Địa Lý). Lễ Dương, 9 xã. Hà Giang, 9 xã, PHỦ TƯ NGHĨA (xưa là Chiêm Lũy) có 3 huyện gồm 41 xã. Bình Sơn, 17 xã. Nghĩa Sơn, 11 xã. Mộ Hoa, 13 xã. PHỦ HOÀI NHÃN có 3 huyện gồm 33 xã. Bồng Sơn, 7 xã. Phù Ly, 8 xã. Tuy Viên, 18 xã.)

(Lý thị nói : Họ Hồ đánh Chiêm. Người Chiêm hiến đất Chiêm Chiêm Quý Ly bắt phải hiến cả đất Chiêm Lũy. Họ Hồ đặt làm phủ Thăng Hoa. Quốc sử chép là : nam giới đất Địa Lý là tại thế)

(Nguyễn Thư Hiền nói : Họ Hồ biếp Chiêm, lấy hết đất Chiêm Lũy. Nhân chia làm Thăng Hoa, Tư Nghĩa, đặt chức An Phủ Sư để cai quản, lấy một phần làm trấn Tân Ninh. Người

Chiêm cho dân ở gần được thuận tiện trở về nước. Trong thời Hồng Đức, người Chiêm là Trà Hòa vào cướp ở Hóa. Thánh Tôn thân chinh phá thành Đồ Bàn, thu phục biên giới cũ, lại mở rộng đất đai cho tới Thạch Bi Sơn, đặt ra phủ Hoài Nhân, kiêm 3 huyện. Phiên Định ở phía nam bốn phủ, là biên giới nước Chiêm.

Phụ Lục. — Thời nhà Lý. Quảng Nam nay 10 phần, thì Lý có 2 phần. Đến thời Hồ thì được nửa. Thời Hồng Đức, Thánh Tôn mở đất, từ Chiêm Lũy qua Môn Hoàn, Tiến Tây, Sa Hoàng, Luật Quan, Thời Phú, Hà La, Lãnh Thúc, Thị Nại, Xuân Đài, Đà Nẵng, Trà Nong, Tiểu Môn, Độ Du, Câu Huân, cho tới Phiên Dương, gồm 14 cửa bể, đặt chức Quảng Nam Thừa Tuyên. Khi Chiêu Huân có con cháu nối đời trấn thủ Thuận Quảng, thì lại đi đánh Chiêm, chiếm thêm đất, đặt làm 3 phủ, Bình Khang, Diên Khánh, Bình Thuận. Rồi lại đi đánh Cao Miên, chiếm đất đặt làm phủ Gia Định và hai huyện Phúc Long, Tân Bình, Từ xưa, người Chiêm vẫn tụ họp về phía nam Bình Thuận, Nhân thế, vua mới phong cho chủ Chiêm làm Thuận Thành Vương. Vì thế, người Chiêm không còn mối lo ngại cho ta nữa.)

Đất thì đen, ruộng thì xấu. Sông Phan Định có giống sư tử nước. Tư Minh có tơ gai, có trúc vàng, có yến đỏ. Miên Sơn sản vải trắng. Xích Dã sản chim trĩ. Cô Sơn sản gỗ đồng. Bến Diên có khánh đá. Danh Sơn có đá mài.

(Sông Phan Định giáp phủ Hoài Nhân. Sư tử có oai, các thú rừng đều sợ, tê, voi cũng phải kinh. Sông Phan Định có 3 con sư tử nước. Ở dưới nước, quật đuôi lên, là đánh úp được thuyền,

làm cho nước cao, sóng dồn. Lý Thường Kiệt bình Chiêm. khi quân đội tới đó, chưa có phương tiện qua sông. mới phong cho sư tử làm Hiệu Thuận tam Thần. Ngày tuyên sắc sư tử nổi lên mặt nước nghe sắc. Thế là từ đó, thuyền quân qua lại không trở ngại. Tư Minh, Cẩm Sơn thuộc về Tuy Viễn. Xích Dã thuộc Nghĩa Sơn. Cô Sơn thuộc Hà Đông. Diên là tên sông. Danh Sơn thuộc về Mộ Hoa.)



[illegible]

也。三者不常有，惟我諒山及暹古
真域有之，歷朝以為部祀。

Phiên âm

CHIÊM, SIÊM, CHÂN LAP, NHUNG PHỤC, QUYẾT CỐNG
ĐẠI MAO, BẠCH TƯỢNG, HOA CHI, CẬP CỬU THỐN NGHỊ.

(Chiêm Thành cổ Tượng Lâm huyện, thuộc ngã Việt Thường Bộ, Nhật Nam quận, hậu cải Lâm Ấp. Kỳ cảnh, nam thông Chân Lạp, viết Thi Bi. Tây tế Qua Oa, viết Thượng Nguyên. Bắc tiếp ngã Hoan Châu nhường. viết Ô Lý. Duy đông tế vu hải. Thống châu đại tiểu phạm tám thân hữu bát. Tung quảng khả lục bách lý. Kỳ địa thiếu điền, tham ngã Nhật Nam phi ốc, dục lược hữn chi, cổ thường xâm nhiễu, Kỳ tục sự Can Ni đạo (do Hoa Lang Đạo). Chú kim nhân, ngân nhân. đại thập vi dĩ tự chi. Siêm La quốc tại nam hải trung. Kỳ địa, thiên dư lý, cổ Siêm Hồi, Siêm Giải, nhị quốc thị. La thổ phi, bách cốc thành thực, sản kim Lạp Siêm, thổ tích. Hậu Siêm hàng Siêm, hợp vi Siêm La. Kỳ tục hiếu phiếu lược. Chân Lạp tại Chiêm Thành chi nam, khứ Nhật Nam quận, chu hành, lục thập nhật nãi chí. Kỳ huyện, trấn, phong tục dữ Chiêm vô dị. Kỳ dân dĩ đông hương vi thượng, hữu thủ vi khiết. Tự Đường hậu phân vi nhị. Kỳ bán bắc, đa sơn phụ, viết Lục Chân Lạp, tâm hiệu Khuất Hạ (kim Cao Lạp), Bán nam tế hải, viết Thủy Chân Lạp. Địa bát bách lý (kim Gia Định). Bạch tượng diệc thủ trung chi linh, thái bình thủy kiến. Hoa chi, hoa thạch chi chi dã. Cửu thốn nghị, nghị chi thần chủ dã. Tam giả bất thường hữu, duy ngã Lạng Sơn cập Siêm, Chiêm, Chân Lạp hữu chi. Lịch triều dĩ vi Giao tự.

Dịch nghĩa

NƯỚC SIÊM. NƯỚC CHIÊM, NƯỚC CHÂN LẠP, HAY
DÙNG BÌNH, CỐNG HIẾN CÓ ĐỒI MỒI, VOI TRẮNG, ĐÁ HOA
VÀ KIẾN CÀNG 9 TẮC.

(Chiêm Thành, xưa là huyện Tượng Lâm thuộc bộ Việt Thường ta, quận Nhật Nam, sau đổi là Lâm Ấp. Xét về vị trí, phía nam thông nước Chân Lạp, gọi là Thĩ Bị. Phía tây giáp xứ Qua Oa, gọi là Thượng Nguyên. Phía bắc giáp đất thuộc châu Hoàn nước ta là Ô Lý. Duy có phía đông là bể. Lớn nhỏ có 38 châu. Đất rộng đến 600 dặm. Ít ruộng. Thấy đất Nhật Nam nước ta phì nhiêu, thì sinh tham muốn cướp lấy, cho nên thường hay quấy nhiễu. Phong tục thì thời đạo Can Ni (cũng như đạo Hoa Lang). Đúc người vàng, người bạc, to bằng mười người ôm để làm tượng thờ.

Nước Siêm La, ở vào giữa Nam hải, đất rộng hơn nghìn dặm, trước là hai nước Siêm Hồi và Siêm Giải. La thì đất tốt, cây trồng đủ thứ, sản xuất ra vàng, sạp. Siêm thì đất xấu. Sau Siêm hàng La, hợp làm Siêm La. Tục ưa cướp phá.

Chân Lạp ở phía nam Chiêm Thành, cách xa quận Nhật Nam đến 60 ngày đi thuyền bể. Ở các huyện, các trấn, phong tục không khác gì Chiêm Thành. Đối từ phía thì dân cho phía đông là quan trọng. tay phải tượng trưng sự trong sạch. Từ sau đời Đường (một triều đại nước Tàu) nước chia làm hai xứ. Một nửa

phía bắc, nhiều gò núi, thì gọi là Lục Chân Lạp, sau lấy tên là Khuất Hạ (nay là Cao Lạp). Một nửa phía nam, giáp bể, thì gọi là Thủy Chân Lạp, đất rộng 800 dặm, (nay là Gia Định).

Voi trắng cho là linh vật, đời thái bình mới xuất hiện. Hoa chi là đá hoa có vân đẹp. Cửu thốn nghị, là kiến càng to, kiến thần càng to, kiến thần dài chín tấc. Ba vật đó không thường có được. Các triều đại đều liệt vào đồ tế Giao).



良江及研惟太原。

(良江，富良江也，研山名，太原古武定部內地。東北夾高諒，西南夾京北，路府凡二，縣凡九。州凡二。里社三百三十六。北方之第二藩也。

謹按：富平府八縣一州，二百三十六社，司農五十七社，一庄五寨。平原莫改平泉二十七社，普安二十三社，一庄，洞喜二十九社二村，二十庄一寨，一坊，一市。大慈二十二社，七庄，富良三十社，十庄，文朗五社九庄。武崖三十社，六村，二十五庄一源一州，定化古宣化州四十社，十二庄，通化府一縣一州，七十三社，威化二十二社，二村，十二庄。白通州五十一社一村，十二庄。

李氏曰：太原自李陳爲州，至明人八國，升爲府。黎朝一統，始升爲道。

(阮舒軒曰：李朝令開平虜江，自冷更

至平虜，通于平澤，以便太原往來，又置
 白通感化居民凡七驛以爲變夷宿歇
 之所，然後太原一條，山脚漸可通行）
 厥土惟赤填墳）厥田惟下下，白通拉草
 參穀，定銀銅鉛金，大慈蛇，普安白
 猿，同喜魚珠惟錯。

Phiên âm

LƯƠNG GIANG CẤP NGUYÊN DUY THÁI NGUYÊN

(Lương Giang, Phú Lương Giang dã. Nghiên, sơn danh.
 Thái Nguyên, cổ Vũ Định Bộ nội địa. Đông bắc giáp Cao, Lạng.
 Tây nam giáp Kinh Bắc. Lộ phủ phạm nhị. Huyện phạm cửu.
 Châu phạm nhị. Lý xã tam bách, tam thập lục. Bắc phương chi đệ
 nhị Phiên dã.

Cần án : Phú Bình phủ. bát huyện, nhất châu, nhị bách tam
 thập lục xã. Tư Nông, ngũ thập thất xã, nhất trang, ngũ trại.
 Bình Nguyên, (Mạc cải Bình Tuyên) nhị thập thất xã. Phổ An, nhị
 thập trang, nhất trại, nhất phường, nhất thị, Đại Từ, nhị thập
 nhị xã, thất trang. Phú Lương, tam thập xã, thập trang. Văn Lãng
 ngũ xã, cửu trang. Vũ Nhai, tam thập xã, lục thôn, nhị thập ngũ
 trang, nhất nguyên, nhất châu. Định Hóa, (cổ Tuyên Hóa) châu,
 tứ thập xã, thập nhị trang. Thông Hóa phủ, nhất huyện, nhất
 châu, thất thập tam xã. Cẩm Hóa, nhị thập nhị xã, nhị thôn, thập
 nhị trang. Bạch Thông châu, ngũ thập nhất xã, nhất thôn, thập
 nhị trang.

Lý thị viết : Thái Nguyên tự Lý, Trần vi châu. Chí Minh nhân nhập quốc, thăng vi phủ. Lê triều nhất thông, thủy thăng vi đạo.

(Nguyễn Thư Hiến viết : Lý triều lĩnh khai Bình Lỗ giang tự Lãnh Canh chí Bình Lỗ, thông vu Bình Than, dĩ tiện Thái Nguyên vãng lai. Hựu trí Bạch Thông, Cẩm Hóa, cư dân, phạm thất dịch, vi man di túc yết chi sở. Nhiên hậu Thái Nguyên, nhất điều sơn cước tiệm khả thông hành.)

Quyết thổ duy xích điền phần. Quyết điền duy hạ hạ. Bách Thông chú sâm, nhung xác. Định Hóa, ngân, đồng, duyên. Đại Từ nhiệm xá, Phổ An, bạch viên. Đồng Hỷ ngư châu duy thổ.

Dịch nghĩa ;

SÔNG LƯƠNG VÀ NÚI NGHIÊN LÀ Ở THÁI NGUYÊN.

(Lương Giang là sông Phú Lương. Nghiên là tên núi. Thái Nguyên, xưa là thuộc về đất Bộ Vũ Định, Phía đông bắc giáp Cao, Lạng. Phía tây nam, giáp Kinh Bắc. Lộ có 2 phủ, gồm 9 huyện, 2 châu, 336 xã. Lộ là Phiên thứ hai về phương bắc.

Kinh xét : PHỦ PHÚ BÌNH có 8 huyện, 1 châu. 236 xã. Từ Nông, 57. 4 trang, 5 trại. Bình Nguyên (triều Mạc đổi là Bình Tuyên), 27 xã. Phổ An, 23 xã. 1 trang. Đồng Hỷ, 29 xã, 2 thôn, 20 trang, 1 trại, 1 phường, 1 chợ. Đại Từ, 22 xã, 7 trang. Phú, Lương, 30 xã, 10 trang, Văn Lãng, 5 xã, 9 trang. Vũ Nhai. 30 xã, 6 thôn, 25 trang, 1 nguyên. 1 châu. Châu Định Hóa (xưa là Tuyên Hóa), 40 xã, 12 trang. PHỦ THÔNG HÓA, có 1 huyện, 1 châu, 73 xã. Cẩm Hóa, 32 xã, 2 thôn, 12 trang. Châu Bạch Thông 51 xã, 1 thôn, 12 trang.

Lý thị nói : Thái Nguyên từ các triều Lý, Trần, vẫn là châu. Đến khi người Minh cướp nước, đưa lên thành phủ, Nhà Lê nhất thống mới đặt thành đạo.

(Nguyễn Thư Hiến nói : Triều Lý sai mở sông Bình Lý sai mở sông Bình Lỗ, từ Lãnh cho tới Bình Lỗ, thông vào Bình Than để cho tiện sự đi lại ở vùng Thái Nguyên. Lại đặt ra bảy trạm cư dân, ở Bạch Thông, Cẩm Hòa, để làm trụ sở cho man di. Có thể đường đi Thái Nguyên mới dễ dàng.).

Đất thì rẻo, loại đất bồi. Ruộng thì xấu. Bạch Thông có nhung, xâm gác. Định Hóa có bạc, đồng, chì, vàng. Đại Từ có giống trâu. Phổ An có vượn trắng. Đồng Hỷ có ngựa tốt.



邱驢望夫惟諒山。

邱驢在桂城，北，古溫邱慈嶺江是，望
夫山名。在諒城之西，山，上，出，一
石，遠望如策人形，背南面北。俗傳
古傳。北邊。錦望夫山。諒夷二百
軍寨。迴孤馬。北社二
年織，孤馬。東里
山，名馬。東里
爲名馬。東里
原，東里
七，里
藩也。

謹按：長慶府七州，一百九十三社。
三州。平樂十社，二十一村與廣西
思明接壤，脫朗州古脫樂是二十社，
安州三十社，一百一十社，文淵
州古文州是四十一社，安淵州三
五社，一村一庄，七原州莫改七
三十四社，安博州三十八社。附錄：

胡篡陳祚，明人來諒山祿平之地，
 乃使黃晦卿爲割地使以祿平古樓三
 十八社，五十九村與明，所失之壤
 ，凡五日程。厥土惟黑墳，厥田惟
 下下。安博錦繡綾羅異香，安州山
 藥。七原金鉛，文淵銅銀，脫朗白
 象，惟時勅獻，思明土獠，厥貢西錦
 及沉香。

思明明廣西州名，地近本國，土官
 常率土人朝獻，李氏曰：白象亦象
 中之靈，李陳間兩見之，諒州有獻，
 輒以郊享，可見聖人不玩異物如此。

Phiên âm

KỶ LƯ, VỌNG PHU, DUY LẠNG SƠN.

(Khuru Lư tại Quế Thành bắc, cở Ôn Khuru, Thông Lĩnh Giang
 thi. Vọng Phu, sơn danh, tại Lạng thành chi tây. Sơn thượng
 từng xnất nhất thạch, dao vọng như nhân hình, bối nam, diện
 bắc. Tục truyền, cở truyền. Nam Sách nhân, Đậu Thao, vi Tiên
 Ngô Vương tướng. Tông quân ngự bắc biên. Kỳ thi, Tô thi, danh
 Huệ, thủ tiết thập niên, chức hồi văn cầm ký chi, Hậu nãi dữ gia

nô dăng Lạng Sơn, cô sơn vọng phư bất kiến. Nãi đầu thi nhi hóa. Nhân dĩ vi danh yên. Lạng Sơn, cổ Lục Hải Bộ, tây nam giáp Thái Nguyên, đông bắc giáp Lưỡng Quảng. Lộ phủ, phạm nhất, châu phạm thất, lý xã, nhị bách nhị thập thất. Bắc phương chi đệ tam Phiên dã.

Cẩn án : Trường Khánh phủ, thất châu, nhất bách cửu thập tam xã. Lộc Bình châu, tam thập cửu xã, nhị thập nhất thôn (dữ Quảng Tây Tư Minh tiếp nhượng). Thoát Lãng châu (cổ Thoát Lạc thị), nhị thập xã. An châu tam thập xã, nhất bách doanh, thập châu. Văn Uyên châu (cổ Văn Châu thị) tứ thập nhất xã. An Lan châu, tam thập ngũ xã, nhất thôn, nhất trang. Thất Nguyên châu (Mạc cải Thất Tuyên) tam thập tứ xã. An Bắc châu, tam thập bát xã.

Phụ Lục — Hồ thoán Trần Lộ, Minh nhân lai Lạng Sơn, Lộc Bình chi địa. Nãi sử Hoàng Hối Khanh vi cát địa Sử. Dĩ Lộc Bình, Cổ Lâu, tam thập bát xã, ngũ thập cửu thôn, dữ Minh. Sở thất chi nhượng, phạm ngũ nhật trình).

Quyết thổ duy hắc phần. Quyết điền duy hạ hạ. An Bắc, cầm tử, lãng la, di hương. An Châu, sơn dưc. Thất Nguyên, kim duyên. Văn uyên, đồng ngân. Thoát Lãng, bạch tượng, duy thời sắc hiển. Tư Minh thổ liệu quyết cống tây cầm, cập trầm hương.

(Tư Minh, Quảng Tây châu danh. Địa cận bản quốc. Thổ quan thường suất thổ nhân triều hiến).

(Lý thị viết : Bạch tượng diệc thú trung chi linh. Lý Trần gian lưỡng kiến chi. Lạng châu hữu hiển, triếp dĩ Giao hưởng. Khả kiến thánh nhân bất ngoạn dị vật như thử).

Dịch nghĩa

KỶ LỪA, VỌNG PHU, LÀ Ở LANG SƠN.

Khuru lừa, tức Kỳ lừa ở phía bắc Quế Thành, xưa là Ôn Khuru Thông Lĩnh Giang. Vọng Phu là tên núi ở phía tây thành Lạng. Trên núi đứng sừng sững một tấm đá, trông xa như hình người, lưng tựa phía nam, mặt ngảnh phía bắc. Tục truyền nghĩa là xưa có truyền, có kể truyện lại. Người đất Nam Sách là Đậu Thao, làm tướng cho vua Tiền Ngô Vương, theo quân chống giữ mặt bắc. Vợ là họ Tô. lên là Huệ thủ tiết 10 năm, dột gấm hồi văn gửi đi. Về sau, cùng người nhà lên núi Lạng Sơn, nhìn ngóng chống không thấy. Chết, thấy hóa đá. Nhân đó, đặt tên. Lạng Sơn, xưa là Bộ Lục Hải, tây nam giáp Thái Nguyên, đông bắc giáp Lưỡng Quảng, Lộ có 1 có phủ, gồm 7 châu, 227, xã. Lộ Lạng Sơn là Phiên thứ Ba về phía bắc).

(Kính xét : PHỦ TRƯỜNG KHÁNH có 7 châu, 193 xã. 211 thôn (giáp với đất Tàu, Quảng Tây, Tư Minh). Châu Thoát Lãng (xưa tên là Thoát Lạc), 21 xã. An Châu, 30 xã, 100 doanh, 10 châu. Châu Văn Uyên (xưa tên là Văn Châu), 41 xã. Châu An Lan, 35 xã, 1 thôn, trang. Châu Thất Nguyên, (Mạc đổi làm Thất Tuyền), 34 xã, Châu An Bắc, 38 xã.)

Phụ Lục.— Họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, người Minh tới Lộc Bình, Lạng Sơn. Hồ mới sai Hoàng Hối Khanh, làm cát địa Sứ, lấy Lộc Bình, Cổ Lâu, 30 xã, cho giặc Minh. Đất bị mất rộng đến 5 ngày đường.)

Đất đen, mềm. Ruộng thì xấu. An Bắc có gấm, vóc, là lãng (một hàng tơ), cùng các hương vị. An Châu có các vị thuốc sơn dược. Thất Nguyên có vàng, chì. Văn Uyên có đồng, có bạc. Thoát Lãng có voi trắng, khi có thì được mệnh cung tiến. Tư Minh có sơn dược, cùng là gấm tây cầm, và trầm hương.

(Tư Minh là tên Quảng Tà nước Tàu thời Minh. Đất gần nước ta. Quan bản xứ cùng người bản xứ thường tới cống hiến).

Lý thị nói : Voi trắng là loại linh vật. Khoảng Lý, Trần có hai lần được thấy. Mỗi khi Lạng Sơn cung tiến, là có làm lễ Giao. Đủ biết thánh nhân không có ham chuộng vật lạ, của lạ).



蒲 及 華 安 惟 高 平。

蒲 水 名。華 安 水 名，高 平 古 武 定 外 地，
東 北 接 兩 廣，西 南 夾 太 原 諒 山，路 府 凡
一，州 凡 四，里 社 二 百 七 十 三，北 方 之
第 四 藩 也。

謹 按：安 平 府 四 州，二 百 七 十 三 社，上
琅 州 二 十 九 社，下 琅 二 十 八 社。石 林 一
百 七 十 四 社，二 村，一 甲，廣 源 四 十 四
社，四 村。

李 氏 曰：高 平 土 宜 多 珍 異，然 赴 任 官
難 於 久 住 先 代 乃 寄 治 於 太 原 云。

惡 水 記 云：太 之 大 慈，武 雀，高 平 之 石
林，廣 源 上 下 琅 州，宣 之 保 樂 興 之 文 振
水 尾 符 華 牧 州，高 陵 黃 岩，醴 泉，諒 之
溫 州，脫 朗 安 瀾，七 源，安 博，安 邦 之 永
安，又 之 珠 琅，景 津，歸 合，清 之 壽 春，
岑 州，京 北 之 右 隴，海 陽 之 東 潮，水 棠，
其 惡 水 凡 二 十 九 處 云。厥 土 惟 赤 填 墳。
厥 田 惟 下 下，廣 源 黃 金 丹 砂，石 林 特 犀

良馬，連山琨瑤竹山直棚，邕州寶哩，
厥貢珍珠。

連山屬上琅，竹山屬下琅，邕北廣東州
名，本國產處記如箇金，武建金弄石銀
定連金鉛送星葉上銀左右金，覆山廠
銀金，仁山廠銀金亢銀廠銀有鉛左有
金，威樂廠銀有鉛上有金。同樂廠銀有
鉛，俗號福星廠，客號福生。武振廠金。
廠北金銀鉛，白鉛廠天呆廠金錫，廣固
廠金有鐵鉛惡水第一核市標俗號波
羅鐵處以下寶囊標鐵大好，有銅仕中
標同泥巡卯支北山支有銅。波油巡夷
內地標上有銀全年銀子三笏。北泮市
上有金，那苗市間有銅，泔隴市西支銅
廣白市右有金，野市間有銀，界市間有
金新福二十六標鉛。

Phiên âm

BỒ CẬP HOA AN, DUY CAO BÌNH.

(Bồ, thủy danh. Hoa An, thủy danh. Cao Bình, cỏ Vũ
Định ngoại địa. Đông bắc tiếp Lưỡng Quảng, tây nam giáp

Thái Nguyên, Lạng Sơn. Lộ phủ phạm nhất, châu phạm tứ, lý xã, nhị bách thất thập tam. Bắc phương chi đệ Tứ Phiên dã.

Cần án : AN BÌNH PHỦ, tứ châu, nhị bách thất thập tam xã. Thượng Lang Châu, nhị thập cửu xã. Hạ Lang, nhị thập bát xã. Thạch Lâm, nhất bách thất thập tứ xã, nhị thôn, nhất giáp, Quảng Nguyên, tứ thập tứ xã, tứ thôn.

Lý thị viết : Cao Bình thổ nghi đa trân dị. Nhiên phó nhiệm quan nan ư cứu trợ. Tiên đại nãi ký trị ư Thái Nguyên vân. Ác Thủy ký vân : Thái chi Đại Từ, Vũ Nhai, Cao Bình chi Thạch Lâm, Quảng Nguyên, thượng hạ Lang Châu, Tuyên chi Bảo Lạc, Hưng chi Văn Chấn, Thủy Vĩ, Phù Hoa, Mai Châu, Mộc Châu, Cao Lăng, Hoàng Nham, Lễ Tuyên, Lạng chi Ôn Châu, Thoát Lăng, An Lan, Thất Nguyên, An Bắc, An Bang chi Vĩnh An, Nghệ chi Châu Lang, Cảnh Thuần, Qui Hợp, Thanh chi Thọ Xuân, Sầm Châu, Kinh Bắc chi Hữu Lũng, Hải Dương chi Đông Triều, Thủy Đường, Kỳ ác thủy phạm nhị thập cửu xứ vân).

Quyết thổ duy xích điền phần. Quyết điền duy hạ hạ. Quảng Nguyên hoàng kim, đan sa, Thạch Lâm, đặc tế, lương mã Liên Sơn, côn dao. Trúc Sơn, trực đồng. Ung Châu. Man Lý, quyết cống trân châu.

(Liên Sơn thuộc Thượng Lang. Trúc Sơn thuộc Hạ Lang. Ung bắc, Quảng Đông châu danh (Bản quốc sản xứ ký). Như cá kim Vũ Kiến kim Lộng thạch, ngân Định Biên (kim duyên). Tống Tinh (môi thượng ngân tả hữu kim). Phúc Sơn sưởng (ngân kim). Nhân Sơn Sưởng (ngân kim). Bông Ngân sưởng (ngân hữu duyên tả hữu kim). Cẩm Lạc sưởng, (ngân hữu duyên, thượng hữu

kim). Đồng Lạc sưởng (ngân hữu duyên, tục hiệu Phúc Tinh sưởng, khách hiệu Phúc Sinh). Vũ Chân sưởng, (kim, sưởng bắc kim ngân duyên). Bạch duyên sưởng, Thiên Bảo sưởng (kim tích). Quảng Cổ sưởng (kim hữu thiết duyên, ác thủy đệ nhất). Hạch Thị môi (tục hiệu Ba La, thiết xứ dĩ hạ). Bảo Nhưong môi (thiết đại hảo, hữu đồng). Ba Du Tuần (giáp nội địa môi thượng hữu ngân, Đồng niên ngân tử tam hết). Bắc Lao thị (thượng hữu kim). Na Miêu Thị (gián hữu đồng). Bằng Lũng Thị (tây chi đồng). Quảng Bạch Thị (hữu, hữu kim). Giả Thị (gián hữu kim). Tân Phúc, (nhị thập lục môi duyên).

Dịch nghĩa :

BỒ CÙNG HOA AN LÀ Ở CAO BÌNH.

(Bồ là tên sông. Hoa An là tên sông. Cao Bình xưa là đất ngoài thành Vũ Định. Đông bắc giáp Lương Quảng, tây nam giáp Thái Nguyên, Lạng Sơn. Lộ có 1 phủ, gồm 4 châu, 273 xã. Lộ Cao Bình là Phiên thứ Tư về phía bắc).

(Kính xét : PHỦ AN BÌNH có 4 châu, 273 xã. Châu Thượng Lang 29 xã. Hạ Lang 28 xã. Thạch Lâm 174 xã, 2 thôn, 1 giáp. Quảng Nguyên 44 xã, 4 thôn.

Lý thị nói: Về thổ nghi thì Cao Bình nhiều sản vật. Nhưng làm quan không ở được lâu. Tôi có một ông Cụ thời trước trị hạt Thái Nguyên có nói thế.

Sách Ác Thủy Ký có chép: Thái Nguyên có Đại Từ, Vũ Nhai. Cao Bình có Thạch Lâm, Quảng Nguyên, thượng hạ Lang Châu. Tuyên Quang có Bảo Lạc. Hưng Hòa có Văn

Chấn, Thủy Vĩ, Phù Hoa, Mai Châu, Mộc Châu, Cao Lăng, Hoàng Nham, Lê Tuyên. Lạng Sơn có Ôn Châu, thoát Lăng, An Lan, Thất Nguyên, An Bắc. An Bang có Vĩnh An, Nghệ, An có Châu Lang, Cảnh Thuần, Qui Hợp. Thanh có Thọ Xuân, Sầm Châu, Kinh Bắc có Hữu Lũng. Hải Dương có Đông Triều, Thủy Đường. Tất cả nước độc tính đến 29 xứ.

Đất thì, màu đỏ. Ruộng thì xấu. Quảng Nguyên có vàng, có đan sa. Thạch Lâm có tẻ giặc, có ngựa tối. Liên Sơn có loại ngọc gọi là côn dao. Trúc Sơn có gỗ đồng. Ung Châu, Mam Lý tiến Trấn châu. Liên Sơn thuộc Thượng Lang. Trúc Sơn thuộc Hạ Lang. Ung là tên phía bắc châu Quảng Đông (theo sách nước ta).

Về các kim khoáng vàng bạc, thì có các nơi khai thác. Tống Tinh (quặng than, có vàng, bạc). Xưởng Phúc Sơn, xưởng Nhân Sơn, (bạc có lẫn chì, vàng). Xưởng Cẩm Lạc (bạc, vàng, chì). Xưởng Đồng Lạc (cũng gọi là xưởng Phúc Tinh, Phúc Sinh). Xưởng Vũ Chấn (có cả chì). Xưởng Bạch Duyên, xưởng Thiên Bảo, (vàng và thiếc). Xưởng Quảng Cổ (vàng, sắt chì) (nơi nước độc nhất). Ở Hạch Thị Môi (tục gọi là Ba La) có quặng sắt. Ở Bảo Nhượng Môi, sắt tốt nhất (có lẫn đồng), Đồng Nê Tuần, có lẫn đồng. Ba Du Tuần (có lẫn bạc), mỗi năm được ba hốt bạc. Bắc Lao Thị (có lẫn vàng). Na Miêu Thị (có lẫn đồng). Bằng Lũng Thị (có lẫn đồng). Quảng Bạch Thị (có lẫn vàng). Dã Thị (có lẫn bạc), Tân Phúc (có chì 26 nơi).



上田面供粟六十升，錢六陌，中田面粟四十升，錢四陌，下田面粟二十升，錢三陌，不滿面者，全免，(面貳也，陳呼貳爲面，國初因之)。

Phiên âm

Thượng điền diện, cung túc, lục thập thăng, tiền lục mạch.
Trung điền diện, túc tứ thập thăng, tiền tứ mạch. Hạ điền diện
túc nhị thập thăng, tiền tam mạch. Bất mãn diện giả toàn miễn.

(Diện chi dã. Trần hô chi vi diện. Quốc sơ nhân chi).

Dịch nghĩa

Hạng ruộng thượng đẳng, nộp thuế, lúa 60 thăng, tiền 6 tiền. Trung đẳng, lúa 40 thăng, tiền 4 tiền. Hạ đẳng lúa 20 thăng, tiền 3 tiền. Không đủ cây cấy thì miễn cả.

(Diện nghĩa là chi, là ruộng cấy. Triều Trần gọi chi là diện. Đầu triều ta, cứ theo tiếng chi).



京師有提領，內京鎮四道，及清化，有行遣參知，外藩鎮九道，有總管宣尉。

以行遣參知任京路，是內三百里接文教也，以總管宣尉任藩路，是外二百里管武衛也。

李氏曰：京路非無總管宣尉，而所職者，行遣參知，藩路非無行遣參知，然四京鎮各兼之，如東道行遣，兼領海陽安廣，西道行遣兼領山西宣興，南道行遣，兼領山南清化，而開治于雲床。副使兼順廣，而開治于武昌。北道行遣兼領京北太原，而開治於安勇，副使領高平諒山，而開治於溫州。至於參知亦皆如此。故外舉總管宣尉言之也。

Phiên âm

Kinh Sư hữu Đề Lĩnh, Nội Kinh Trấn tứ Đạo, hữu Hành Khiển Tham Tri, Ngoại Phiên Trấn cửu Đạo, hữu Tổng Quản Tuyên Ủy.

(Dĩ Hành Khiển Tham Tri, nhiệm Kinh Lộ, thị nội tam bách lý quỹ văn giáo dã. Dĩ Tổng Quân Tuyên Ủy nhiệm Phiên Lộ, thị ngoại nhi bách lý phần vũ để bả.

Lý thị viết : Kinh Lộ phi vô Tổng Quân, Tuyên Ủy, nhi sở chức giả Hành Khiển, Tham Tri. Phiên Lộ phi vô Hành Khiển, Tham Tri. Nhiên tứ Kinh Trấn, các kiêm chi. Như Đông Đạo Hành Khiển, kiêm lĩnh Hải Dương, An Quảng. Tây Đạo Hành Khiển, kiêm lĩnh Sơn Tây, Tuyên, Hưng. Nam Đạo Hành Khiển, kiêm lĩnh Sơn Nam, Thanh Hóa, nhi khai trị vu Văn Sàng. Phó Sứ kiêm Thuận Quảng, nhi khai trị vu Vũ Xương. Bắc Đạo Hành Khiển, kiêm lĩnh Kinh Bắc, Thái Nguyên, nhi khai trị ư An Dũng, Phó Sứ lĩnh Cao Bình, Lang Sơn, nhi khai trị ư Ôn Châu. Chi ư Tham Tri, diệc giai như thử. Cổ ngoại cử Tổng Quảng Tuyên Ủy ngôn chi dã).

Dịch nghĩa

Ở Kinh Đô thì có quau Đề Lĩnh. Ở trong 4 đạo Kinh Trấn thì đặt quan Hành Khiển, quan Tham Tri. Ở ngoài 9 đạo phiên Trấn thì đặt quan Hành Khiển, quan Tuyên Ủy.

(Đặt Hành Khiển, Tham Tri có trách nhiệm ở các Kinh Lộ, thế là trong vòng 300 dặm tuyên dương văn hóa. Đặt Tổng Quân, Tuyên Ủy có trách nhiệm ở các Phiên Lộ thế là ngoài xa trong khoảng 200 dặm, phần khởi vũ bị.

Lý thị nói : Ở các Kinh Lộ không phải là không có Tổng Quân, Tuyên Ủy, mà chỉ có chức Hành Khiển, Tham Tri. Ở các Phiên Lộ, không phải là không có Hành Khiển, Tham Tri, nhưng

đã có 4 Kinh Trấn kiêm. Như Hành Khiển Đông Đạo, kiêm lĩnh Hải Dương, An Quảng. Hành Khiển Tây Đạo, kiêm lĩnh Sơn Tây, Tuyên, Hưng. Hành Khiển Nam Đạo kiêm lĩnh Sơn Nam, Thanh Hóa, mà đặt trị sở, tại Văn Sang. Phó Sứ thì kiêm Thuận, Quảng, mà đặt trị sở, Vũ Xương. Hành Khiển Bắc Đạo, kiêm lĩnh Kinh Bắc, Thái Nguyên, trị An Dũng, Phó Sứ thì lĩnh Cao Bình, Lạng Sơn, trị sở tại Ôn Châu.

Ngay đến Tham Tri cũng như thế. Cho nên, ở ngoài chỉ nói đặt các chức Tổng Quản, Tuyên Ủy là vì thế.



國人毋得效吳占牢，暹真蠟諸國語及服裝，以亂國俗。

毋者禁止之辭，言吳語從舌必譯而後知，牢語從咽，暹占，真蠟國語從喉，如歛聲然，皆不可效，以亂國音者。吳人久論元俗，被髮白齒，短衣長袖，冠裳恠爛，如葉之重者，明人雖復漢唐衣冠之舊，而其俗未變，牢人以剝布纏身如佛家之水田，占人以巾蔽腿而路其形，暹羅，真臘以布連包乎膝，如屣之裏，皆不當因襲，以亂風也。

李氏曰：自元人入中國之後天下變而胡語胡服矣，獨不變者惟我邦與金陵之朱氏，金山之趙氏而已。及明太祖即位，使易濟民來通好。裕宗使尹齊臣聘于明，明帝勞問國使，嘉其服俗依然中華文明賜御詩曰：安南際有陳，風俗不元人，衣冠周制度，禮樂宋君臣。因賜文獻之邦四字，又遣我使位朝

鮮三級之上。及使回，乃使牛諒賣龍章金印皆來襲龍馬。

Phiên âm

QUỐC NHÂN VÔ ĐẮC HIỆU NGÔ, CHIÊM, LÀO, SIÊM,
CHÂN LAP, CHƯ QUỐC, NGŨ CẬP PHỤC TRANG, DĨ LOẠN
QUỐC TỤC.

(Vô giả, cấm chỉ chi từ. Ngô : Ngô ngữ tông thiết, tất dịch nhi hậu tri. Lão ngữ tông yết. Siêm, Chiêm, Chân Lap quốc ngữ tông hầu, như quyết thanh nhiên. Giai bất khả hiệu dĩ loạn quốc âm giả. Ngô nhân cửu luân Nguyên tục, bị phát, bạch xỉ, đoản y, trường tụ quan thường, xán lạn, như diệp chỉ trùng giả. Minh nhân tuy phụ Hán, Đường y quan chỉ cự, nhi kỳ tục vị biến. Lão nhân dĩ kể bố triều thần, như Phật gia chi thủy điền. Chiêm nhân dĩ cân tế thối nhi lộ kỳ hình. Siêm La, Chân Lạp dĩ bố liên bao thủ tất, như thi chỉ khóa, giai bất đương nhân tập dĩ loạn phong dã. Lý thị viết : Tự Nguyên nhân nhập Trung quốc chi hậu, thiên hạ biến, nhi hồ ngữ, hồ phục hỹ. Độc bất biến giả, duy ngã bang, dữ Kim Lăng chi Chu thị, Kim Sơn chi Triệu thị nhi dĩ. Cập Minh Thái Tổ tức vị, sử Dịch Tế Dân lai thông hiếu. Du Tôn sử Doãn Thuấn Thần sinh vu Minh. Minh Đế lao vấn quốc sử, gia kỳ phục tục y nhiên trung hoa văn minh. Tú ngự thi viết : An Nam tế hữu Trần. Phong tục bất Nguyên nhân. Y quan Chu chế độ. Lễ nhạc Tống quân thần. Nhân tứ Văn Hiến Chi Bang tứ tự. Hựu tiến ngã sử vi Triều Tiên tam cấp chi thượng. Cập sử hồi, nãi sử Ngưu Lượng lại long chương kim ấn giai lai bao sủng yên).

Dịch nghĩa

NGƯỜI TRONG NƯỚC KHÔNG ĐƯỢC BẮT CHƯỚC
TIẾNG NÓI VÀ LỐI ĂN MẶC CỦA NGƯỜI CÁC NƯỚC NGÔ.
LÀO, CHIÊM, SIÊM, CHÂN LẠP, SINH LOẠN PHONG TỤC.

(Không được, là tiếng cấm chỉ. Nghĩa là : Người Ngô nói theo giọng lưỡi tất có thông dịch mới hiểu. Người Lào nói theo hơi cưỡng lưỡi. Người, Siêm Chiêm, Chân Lạp, nói theo yết hầu, cưỡng họng. Tất cả đều không được bắt chước. Người Tàu đã lâu ngày, nhiễm phải tục giống Nguyên, búi tóc, răng trắng, áo ngắn ngoài, áo trong vạt dài, mũ quân, màu sắc y như đài hoa. Người Minh tuy trở lại mũ áo các triều Hán, Đường, nhưng mọi tục còn chưa đổi. Người Lào thì lấy vải dệt bằng lông súc vật, cuốn quanh mình, y như áo cà sa nhà sư. Người Chiêm thì quấn hông bằng khăn, mà lộ thân hình. Người Siêm La, Chân Lạp, thì bao tay, bao đầu gối bằng vải, như bọc thầy người chết. Tất cả không nên bắt chước, sinh loạn phong tục,

Lý Thị nói : Từ khi người Nguyên vào Trung quốc trở về sau, trong nước thành biến đổi, mặc lối Hồ, nói giọng Hồ. Không biến đổi là chỉ có nước ta, và họ Chu ở Kim Lăng, cùng họ Triệu ở Kim Sơn. Đến khi Thái Tổ triều Minh lên ngôi, có sai Dịch Tế Dân tới thông hiếu Vua Dụ Tôn ta sai Doãn Thuấn Thần, tới Minh bang giao. Minh Đế hỏi thăm quốc sử, khen là phong tục y nguyên như Trung Hoa khi văn minh. Có tặng thơ : An Nam có họ Trần. Phong tục khác người Nguyên. Mũ áo theo Chu lễ. Lễ nhạc Tống quân thần. Và tặng 4 chữ : Văn Hiến Chi Bang. Thăng cho địa vị sứ ta hơn sứ Triều Tiên ba cấp. Khi sứ về, vua Minh sai Ngưu Lượng theo sang, đem huy chương, ấn vàng, phong



諸邊州官郎父道無敢不得赴京，有朝會許次懷遠。

懷遠館名，在嘉林之巨靈，李朝置此，以爲邊酋外國使宿歇之所，父道今改爲輔導。

外國諸人不得擅入內鎮。悉處之雲屯，萬寧，芹海，會統，會潮，慈嶺，富良，三奇，竹華焉。

內鎮四京路也。芹海會統會潮三海口名，俱屬乂安，慈嶺屬諒山，三奇屬宣光，竹華屬山西興化寄治之鎮所連結兩章嚴內外之防於此可見矣。

Phiên âm

CHƯ BIÊN CHÂU, QUAN LANG, PHỤ ĐẠO, VÔ CỐ BẮT
ĐẮC PHỐ KINH. HỮU TRIỀU HỘI HƯA THỜ HOÀI VIỄN

(Hoài Viễn, quán danh, tại Gia Lâm chi Cự Linh. Lý triều tri thủ dĩ vi biên tù, ngoại quốc sứ, tức yết chi sở. Phụ đạo, kim cải vi phụ đạo).

Ngoại quốc chư nhân, bắt đắc thiện nhập nội trấn. Tất xử chi Văn Đồn, Vạn Ninh, Cần Hải, Hội Thống, Hội Triều,

tam hải khẩu danh, câu thuộc Nghệ An, Thông Lĩnh thuộc Lạng Sơn. Tam Kỳ thuộc Tuyên Quang. Trúc Hoa thuộc Sơn Tây, Hưng Hóa. Kỳ trị chi Trấn, sở liên kết lưỡng chương, nghiêm nội ngoại chi phòng, ư thử khả hiển hỹ).

Dịch nghĩa :

CÁC QUAN LANG, QUAN PHỤ ĐẠO, Ở CÁC CHÂU NƠI
BIÊN GIỚI, VÔ CỠ KHÔNG ĐƯỢC VỀ KINH. KHI CÓ
TRIỀU HỘI THÌ ĐƯỢC NGHỈ LẠI Ở HOÀI VIỄN

(Hoài Viễn là tên quán xá, ở đất Cự Linh huyện Gia Lâm, Triều Lý đặt ra là để các Tù Trưởng, các sứ thần ngoại quốc lấy làm nơi nghỉ. Phụ đạo nay đổi thành chữ phụ đạo (cùng âm nhưng nghĩa khác).

Các người ngoại quốc không được tự ý mình đi vào các nội trấn. Đều phải dừng lại ở các nơi Văn Đồn, Văn Ninh, Cần Hải, Hội Thống, Hội Triều, Thống Lĩnh, Phụ Lương, Tam Kỳ Trúc Hoa.

(Nội Trấn là 4 Kinh Lộ. Cần Hải, Hội Thống, Hội Triều, là tên ba cửa bể, đều thuộc về Nghệ An. Thống Lĩnh thuộc về Lạng Sơn. Tam Kỳ thuộc Tuyên Quang. Trúc Hoa thuộc Sơn Tây, Hưng Hóa. Các Trấn kiêm trị, đều liên lạc rất nghiêm cẩn về việc canh phòng. Cứ coi tờ chức đó thì biết.



帝曰：太祖開闢十年，天下大定，傳之子孫，期以萬世，朕否德泰位，賴諸忠良匡救，以圖終始，使予德光于四海，則旣程之治，何足云多。

陳避元祖諱，改李爲阮。黎避恭慈太后諱，改陳爲程。

乃命阮天縱作集註，阮天錫作謹按，李于晉作通論以明之。

天縱天錫時居諫院，多有直言于晉自北道行遠入爲承旨，典作詔誥文辭與雅有足稱者。

一旬書成上進御覽，帝曰：於戲聖祖經營四方足迹徧於天下，扇風欲雨卧鼓枕戈其亦艱哉收拾山河，以付於我，其亦大哉先生佐我神考代天行化，克配上帝，至此書又欲擬倣虞夏，勉勿予素劬吾於堯舜其亦偉哉言太祖經營馳驅，適歷天下暑不及扇，食不及飲，卧不及席，枕不及褥，如此其艱苦也故天地神人亦克予相，大定

明寇，復我封疆，傳之子孫以及我也，先生指濟文也，神考太祖也，帝君曰正直者代天行化太祖起義，羣臣請尊上為代天行化，是後話論多以稱之，做擬虞夏，欲率虞夏之所行。勉勿予素，勿以予幼冲為不才，而忽之也，勉造引之也，帝言先生既佐太祖，能以其君配帝之顯者，今此書歷問古今志記又欲效唐虞之治如此，勿以予不敏而棄之其當引我以堯舜之極等者，則其功昭垂千古顧不偉哉

鷹曰：上言及此國家之幸也。

Phiên âm

Để viết : Thái Tồ gian quan thập niên, thiên hạ đại định truyền chi tử tôn, kỳ dĩ vạn thế. Trẫm phủ đức thiêm vị, lại chư trung lương khuông cứu, dĩ đồ chung thủy. Sử dư đức quang vu tứ hải, tắc Nguyên, Trình chi trị, hà đa.

(Trần tị nguyên tồ hủ, cải Lý vi Nguyên. Lê tị Cung Từ Thái Hậu hủ, cải Trần vi Trình.)

Nãi mệnh Nguyễn Thiện Tùng tác Tập Chú, Nguyễn Thiên Tích tác Căn Ân, Lý Tử Tấn tác Thông Luận dĩ minh chi.

(Thiên Túng, Thiên Tích, thời cư Gián Viện, đa hữu trực ngôn. Tử Tấn tự Bắc Đạo Hành Khiển, nhập vi Thừa Chỉ Điền Tác Chiếu Cáo Văn từ áo nhĩ hữu túc xưng giả.)

Nhất tuần thư thành, thượng tiến ngự lãm. Đế viết : Ô hô Thánh Tổ kinh doanh tứ phương, túc tích biến ư thiên hạ. Phiến phong, dục vũ, ngoa cổ chăm qua, kỳ diệc gian tai. Thu thập sơn hà, dĩ phó ư ngã. Kỳ diệc đại tai. Tiên sinh tá ngã thần khảo đại thiên hành hóa, khắc phối Thượng Đế. Chí thử, Thư hựu dục nghĩ phổng Ngu, Hạ Miễn vật dư khí. Cù ngô ư Nghiêu, Thuấn. Kỳ diệc vĩ tai.

(Ngôn Thái Tổ kinh doanh, trị khu, biến lịch thiên hạ. Thử bất cập phiến, thực bất cập phạm, ngoa bất cập tích, chăm bất cập nhân. Như thử kỳ gian khổ dã. Cố thiên địa, thân nhân diệc khắc dư tương, đại định Minh khẩu, phục ngã phong cương, truyền chi tử tôn, dĩ cập ngã dã. Tiên sinh chỉ Tế Văn dã. Thần khảo, Thái Tổ dã. Đế quân viết : chính trực giả đại thiên hành hóa. Thái Tổ khởi nghĩa, quần thần thỉnh tôn thượng vi Đại thiên hành hóa, Thị hậu cáo dụ, đa dĩ xưng chi. Phổng nghĩ Ngu Hạ, dục suất Ngu, Hạ chi sở hành. Miễn vật dư khí, vật dĩ dư ấu sung vi bất tài, nhi hốt chi dã. Cù, tiến dẫn chi dã. Đế ngôn : Tiên sinh ký tá Thái Tổ, năng dĩ kỳ quân phối Đế chi hiền giả, kim thử Thư, lịch duyệt cổ kim chỉ ký. Hậu dục hiệu Đường, Ngu chi trị như thử. Vật dĩ dư bất mãn nhi khí chi. Kỳ đương dẫn ngã dĩ Nghiêu, Thuấn chi cực đẳng. Tắc ký công chiếu thù thiên cồ. Cồ bất vĩ tai).

Trãi viết : Thượng ngôn cập thử, quốc gia chi hạnh dã.

Dịch nghĩa

Vua nói : Thái Tổ khó nhọc trong 10 năm, thiên hạ mới được yên, truyền nước cho con cháu, mong đến muôn đời. Trẫm kém đức, lạm ở ngôi, cần nhờ các vị trung lương giúp, để cho được thủy chung, mà đức ta mới được sáng ra bốn bề. Thế thì triều Nguyễn, triều Trịnh đã lấy gì làm hay lắm.

(Triều Trần kiêng húy vị tổ, đổi chữ Lý ra chữ Nguyễn, Triều Lê tránh húy Cung Từ Thái Hậu, đổi Trần ra Trịnh).

Vua mới mệnh cho Nguyễn Thiên Túng làm (Tập Chủ), Nguyễn Thiên Tích làm (Cần án), Lý Tử Tấn làm (Thống Luận), để cho sách được rõ.

(Thiên Túng, Thiên Tích, khi đó, làm quan ở Gián Viện. nhiều lần nói thẳng. Tử Tấn do chức Hành Khiển Đạo, về Kinh làm Thừa Chỉ điền tác, chiếu cáo. Văn từ thanh nhã, rất xứng chức). Được một tuần, thì công việc xong. Sách tiến lên vua coi. Vua nói : Cho hay, Thánh Tổ kinh doanh bốn phương, trong nước dâu dầu cũng đã bước chân tới. Nóng quạt gió, khát uống nước mưa, gối trên cỏ nằm trên trống, thật cũng đã gian nan. Thu thập non sông, giao lại cho ta, thật là việc lớn. Tiên sinh giúp Thần Khảo ta, thay trời hành đạo, để được phối với Thượng Đế. Đến nay sách lại có ý phỏng theo Ngu, Hạ. Cố đi, đừng quên ta. Cố cho ta bằng Nghiêu, Thuấn. Công việc vĩ đại thay.

(Thích nghĩa, Thái Tổ kinh doanh, trị khu, đi khắp trong nước. Nóng không kịp quạt, ăn không kịp uống, nằm không giường, ngủ không chiếu. Như thế là gian khổ thật. Cho nên, giới đất, thần và người, đều giúp, bình được giặc Minh, lấy lại được bờ cõi, tuyên cho con cháu, tức là ta. Chữ Tiên sinh là chỉ

Tế Văn, Chữ Thần Khảo là chữ Thái Tồ. Đế quân là ý nói : Có chính trực thì mới thay giờ hành đạo. Thái Tồ khởi nghĩa, quần thần tôn lên làm (thay trời hành đạo). Rồi về sau trong các cáo dụ thường dùng mấy chữ đó. Phỏng theo Ngu Hạ, là muốn nói, đem hành vi của Ngu Hạ, khuyên chớ bỏ ta, chớ thấy ta còn bé nhỏ, cho là vô tài mà không cần tới. Đó là lời khích thích. Vua nói : Tiên sinh đã giúp Thái Tồ, đã làm cho Thái Tồ được danh giá phối với Thượng Đế. Nay quyển sách này ghi chép các việc từng trải cớ và kim, tức là ý muốn có được đời thịnh trị như Đường Ngu. Vậy đừng nên thấy ta ít tài mà bỏ. Nên cố cho ta thành Nhiều Thuần Như thế thì công huân đủ xuống nghìn năm. Thật là vĩ đại.)

Trãi nói : Vua mà nghĩ như thế, thật là may cho quốc gia.



祝里吳氏曰：志畧曰，本國四至，計起東抵于海西抵老撾。南亦抵于海，北抵憑祥，四百七十里，東南抵海，東北抵廣東欽州一千里。西南到占城二千四百里。西北到廣西順安府二千五百里。到南京，江南由廣西去七千七百二十里。由廣東去六千六百二十里。到燕京由廣西去一萬六千六十里，由廣東去一萬六十五里。

宋文帝元嘉中，南徑林邑於日立表望之，日在表北，九寸一分，交影在表南，三寸三分，交州去洛凡七千餘里。蓋山川曲折使之然也。以表取其綜，真當六十里，唐開元測交州，夏至日，影在表南三寸三分與元嘉所測畧同。王克論衡曰：日南去洛萬里。李襲曰，安南至長安七千二百五十里。孟鑑曰：以四方揆之，安南通當中國末地耳。今自羅城至金陵，一百十五縣。計七千七百餘里。

李氏曰：抑齋上進此言。太宗嘉嘆。俾公印行。及東行暴崩，朝議以為抑齋夫人阮氏路裁逆，罪及三族。大司徒黎列公令工人毀本。後仁宗長能聽政，黎列有罪，囚於土牢，帝幸秘書閣覽經籍，得抑齋遺本，謂羣臣曰：阮鵬忠誠，佐太祖以武戡亂，佐太宗以文致平，文章德業本朝各將無與為比，不幸婦人變，善類蒙辜，最為可憫，乃置於御寢以為正本。

Phiên âm

Chức Lý Ngô thị viết Chí Lược viết: Bản quốc tứ chí, kể đông đề vu hải, tây đề Lão Qua, nam diệc đề vu hải, bắc đề Bằng Tường tứ bách thất thập lý. Đông nam đề hải. Đông bắc đề Quảng Đông, Khâm Châu, nhất thiên lý. Tây nam đảo Chiêm Thành, nhị thiên tứ bách lý. Tây bắc đảo Quảng Tây, Thuận An Phủ, nhị thiên ngũ bách lý. Đảo Nam Kinh, Giang Nam, do Quảng Tây khứ, thất thiên thất bách, nhị thập lý; do Quảng Đông khứ, lục thiên lục bách nhị thập lý. Đảo Yên Kinh, do Quảng Tây khứ, nhất vạn, lục thiên, lục thập lý; do Quảng Đông khứ, nhất vạn lục thập ngũ lý.

Tổng Văn Đế, Nguyễn Gia trung. nam kinh Lãm Ấp. ư nhật biểu vọng chi, Nhật tại biểu bắc, cửu thốn, nhất phần. Giao

cảnh tại biểu nam, tam thốn tam phân, Giao Châu khứ Lạc hoàn thất thiên dư lý. Cái sơn xuyên khúc chiết sử chi nhiên dã. Dĩ biểu thủ kỳ tôn trực đương lục thập lý. Đường Khai Nguyên, trắc Giao Châu, hạ chí nhật, ảnh tại biểu nam tam thốn, tam phân, dĩ Nguyên Gia sở trắc lược đồng. Vương Khắc luận hành viết : Nhật Nam khứ Lạc vạn lý, Lý Giám viết : An Nam chí Trường An, thất thiên nhị bách ngũ thập lý. Mạnh Quán viết : Dĩ tứ phương quý chi, An Nam thích đáng Trung quốc mặt địa nhĩ. Kim, tự La Thành chí Kim Lăng, nhất bách thập ngũ dịch, Kế thất thiên thất bách dư lý.

Lý thị viết : Úc Trai thượng tiến thử Thư, Thái tôn gia thân, tỷ công ấn hành. Cập đông hành bạo băng, triều ughị dĩ vi Úc Trai phu nhân, Nguyễn thị Lộ thị nghịch, tội cập tam tộc. Đại Tư Đồ Lê Liệt Công, linh công nhân hủy bản. Hậu Nhân Tôn trưởng năng thích chính, Lê Liệt hữu tội, tù ư thổ lao. Để hạnh Bi thư Các lâm Kinh Tịch, đắc Úc Trai di bản, Vị quân thần viết : Nguyễn Trãi trung thành, tá Thái Tổ dĩ vũ kham loạn, tá Thái Tôn dĩ văn tri bình. Văn chương, đức nghiệp, bản triều danh tướng vô dữ vi tỉ. Bất hạnh, phụ nhân cấu biến, thiện loại móng cò, tối vi khả mẫn. Nãi tri ư ngục tằm dĩ vi chính bản.

Dịch nghĩa

Chúc Lý, Ngô thị có nói : Sách Chí Lược chép : Nước ta, xét bốn phía, đông tới bể, tây tới nước Lão Qua, nam tới bể, bắc cách 470 dặm tới huyện Bàng Tường ở tỉnh Quảng Tây nước Tàu, đông nam tới bể, đông bắc qua 1000 dặm tới châu Khâm ở tỉnh Quảng Đông nước Tàu, tây nam qua 2.400 dặm tới nước Chiêm Thành, tây bắc cách 2.500 dặm tới phủ Thuận

An tỉnh Quảng Tây. Do đường Quảng Tây mà tới Nam Kinh, Giang Nam thì xa 7.720 dặm. Do đường Quảng Đông thì có 6.620 dặm. Do đường Quảng Tây mà tới Yên Kinh, thì xa 16.060 dặm, do đường Quảng Đông thì xa 16.065 dặm.

Niên hiệu Nguyên Gia vua Tống Văn Đế xét về nước Lam Ấp phương nam, nhìn vào máy đo ánh nắng thì thấy, mặt trời về phía bắc máy 9 tắc, 1 phân, ngả bóng về phía nam máy mất 3 tắc 3 phân. Mà Giao Châu cách xa Lạc Dương tới hơn 7.000 dặm. Đó là vì sông núi đi quanh co mới thành như thế. Nếu lấy đúng giữa kinh vĩ, thì thẳng lại 60 dặm. Niên hiệu Khai Nguyên triều Đường, do về Giao Chỉ, vào ngày hạ chí, bóng mặt trời tại phía nam máy cách ba tắc, ba phân, giống như đời Nguyên Gia. Vương Khắc có nói : Từ An Nam tới Trường An, có 7.250 dặm. Mạnh Quân có : Xét đo cả 4 phương thì thấy An Nam là đất xa nhất của Trung Hoa.

Nay đo từ La Thành tới Kim Lăng có 115 trạm, tính ra hơn 7.700 dặm.

Lý thị nói : Úc Trai dâng sách này. Thái Tôn khen, mệnh cho ấn hành. Đến khi vua đi tuần bị nạn, triều đình nghị tội, Úc Trai phu nhân Nguyễn thị Lộ (cứ theo người dịch thì chữ phu nhân đây dùng sai) giết vua, bị tội đến tam tộc. Đại Tư Đồ là Lê Liệt sai thợ hủy bản sách. Về sau, Nhân Tôn nhón tự coi chính trị được, thì Lê Liệt gặp lúc có tội bị ở tù, vua có tới Bí Thư Các, coi sách, thấy sót lại bản Úc Trai, vua bảo quần thần :

Nguyễn Trãi vốn trung thành, giúp Thái Tổ lấy vũ trị loạn, giúp Thái Tôn lấy văn trị bình. Về văn chương, về đức nghiệp, các danh tướng triều ta không ai bằng. Không may, một người đàn bà gây biến. Người hay mà bị tội thật là đáng thương. Vua mới đặt sách vào nơi ngự tầm, coi làm chính bản,

附錄 編定全越詩集 序

桂堂黎貴惇

黎 鷟 號 抑 齋， 姓 阮 氏， 賜 國 姓， 陳 朝 阮
 飛 卿 之 子， 陳 元 旦 之 外 孫， 閩 胡 庚 辰 科
 登 第， 胡 亡， 隱 居 不 仕， 太 祖 舉 義 兵， 至
 嘉 江 壯 策 上 謁 獻 平 吳 三 策 遂 受 知 遇
 拜 宣 奉 大 夫 翰 林 院 承 旨， 兼 吏 部 尚 書
 知 內 密 院 事 侍 講 畫 草 書 檄， 開 國 功 臣
 功 第 一， 順 天 加 光 祿 大 夫 入 內 行 遣， 右
 諫 議 大 夫， 加 中 書 監 國 史 院， 三 館 事
 亞 大 智 宇， 冠 服 侯。 太 宗 即 位， 受 顧 命，
 輔 政， 大 寶 末 坐 真 侍 官 見 害， 聖 宗 知
 其 冤 復 官 爵， 加 贈 贊 時 伯， 襄 翼 帝 加 封
 濟 文 侯。 今 上 加 封 大 王， 為 文 章 有 氣
 格， 詩 多 情 致， 所 有 玉 堂 遺 範， 抑 齋 詩
 集， 軍 中 詞 命， 或 作 又 有 皇 朝 表 章 行
 世 行 于 世 藝 文 志 云： 大 寶 年 間 公 奉 定
 律 書 六 卷 于 鸚 鵡 貢 生 同 知 州。 孫 祖 鑒
 安 邦 承 正 使。

Dịch nghĩa

PHỤ LỤC,

BIÊN ĐỊNH TOÀN VIỆT THI TẬP TỰ

QUẾ ĐƯỜNG, LÊ QUÝ ĐÓN

Lê Trãi, hiệu Úc Trai, tính Nguyên thị, từ quốc tính, Trần triều, Nguyễn Phi Khanh chỉ tử, Trần Nguyên Đán chỉ ngoại tôn. Nhuận Hồ, canh nhĩn, khoa, đẳng đệ. Hồ vong. ần cư bất sĩ. Thái Tổ cử nghĩa binh. Chỉ Lỗi Giang. Trượng sách, thượng yết. Hiến Bình Ngô tam sách. Toại thụ tri ngô. Bài Tuyên Phụng đại phu, Hàn Lâm viện Thừa Chỉ. Kiêm Lại Bộ Thượng Thư, Tri Nội Mật viện sự. Thi mưu hoạch, thảo thư hịch. Khai quốc công thần, công đệ nhất.

Thuận Thiên, gia Quang Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, Hữu Giám Nghị đại phu, gia Trung Thư Giám Quốc Sử viện, Tam Quán sự, Á Đại Tri Tự, Quan Phục Hầu.

Thái Tôn tức vị, thụ cô mệnh Phụ chính. Đại Bảo mật, tọa thể thị cung, kiến hạp. Thánh Tôn tri kỳ oan, phục quan trước, gia tằng Tán Trù Bá. Tương Dực Đế gia phong Tế Văn Hầu. Kim thượng gia phong Đại Vương. Vi văn chương hữu khi cách, thi đa tình trí. Sở hữu Ngọc Đường Di Phạm, Úc Trai Thi Tập, Quân Trung Từ Mệnh, hành vu thể. (hoặc tác, hựu hữu Hoàng Triều Biều Chương hành thể). (Nghệ Văn Chí văn : Đại Bảo niên gian, công phụng Định Luật Thư lục quyền).

Tử, Anh Vũ, cống sinh đồng Tri Châu. Tôn Tổ Giám, An Bang Thừa Chính Sử.

Dịch nghĩa

PHỤ LỤC

BÀI TỰA QUYỀN : BIÊN ĐỊNH TOÀN VIỆC THI TẬP

LÊ QUÍ ĐÔN

Lê Trãi, hiệu Úc Trai, họ Nguyễn, được ban họ vua, là con Nguyễn Phi Khanh, triều nhà Trần, cháu ngoại Trần Nguyên Đán, đỗ Tiến Sĩ khoa canh tý triều Thuận Hồ. Nhà Hồ mất, ở ẩn không làm quan. Thái Tổ khởi nghĩa. Ông tới Lỗi Giang yết kiến, dâng sách Bình Ngô, ba sách, Được tri ngộ. Được phong làm Tuyên Phụng đại phu, Hàn Lâm viện, Thừa Chỉ, kiêm Lại Bộ Thượng Thư, Tri Nội Mật viện sự, giúp mưu kế, thảo thư hịch, trong công thần khai quốc, đứng vào hàng nhất.

Niên hiệu Thuận Thiên, gia phong Quang Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, hữu Giám Nghị đại phu, gia Trung Thư Giám Quốc Sử viện, Tam Quán sự, Á Đại Trí Tự, Quan Phục Hầu.

Thái Tôn lên ngôi. Ông được cử mệnh phụ chính.

Cuối niên hiệu Đại Bảo, bị hại vì tội người vợ hầu ngự (theo người dịch, chữ vợ e là in nhầm).

Thánh Tôn biết là oan, phục cho quan tước, gia tặng là Tán Trù Bá. Tương Dực Đế gia phong Tể Văn Hầu. Kim thượng (vua bây giờ) gia phong Đại Vương,

Văn chương có khí cách, thơ có tình ý. Truyền lại có pho Ngọc Đường Di Phạm, pho Úc Trai Thi Tập, tập Quân Trung Từ Mệnh, (hoặc lại có tập Hoàng Triều Biểu Chương truyền lại) (Quyển Nghê Văn Chí có chép : trong khoảng niên hiệu Đại Bảo ông phụng mệnh định lại sáu quyền Luật Thư),

Con là Anh Vũ, đồ cống sinh, được bổ Đồng Tri Châu. Cháu là Tô Giám giữ chức Hành Khiển Tộ An Bang,

嗣德戊辰秋

A
134

抑齋集

福澤原本

我往因鄉人知縣杜富與僕有隙彼賂參政梁汝弼
 謂僕欺慢上司恃彊跋扈若不圖之必生後患汝弼乃
 告官兵官及內官馬騏等因發官兵來襲僕原不問
 老幼並為斬馘於僕族黨俱亡妻兒分散發掘祖父墳
 墓骸骨暴露蓋山加戊戌帝起兵于藍山明馬騏等過之乃退
 落水杜富引賊徒掘僕父墓盡去骸骨又開山以爲
 市後改其家爲僕無所控訴進退惟艱乃遣親人詣二司
 明使者再三皆被殺戮曾不放回僕計無所出於是

匿偷生歲月以待上司之察情糊口山林已

內殿、未嘗一飽、然精衛豈辭填海之勞、冤酷不顧
 上之報、因率其衆以襲杜富之家、鄉、虜彼宋親、皇恭
 行德其宿怨耳、非敢他志、今聞總兵官大德、決人
 之恩及物、以、禹、謝敵之心、為心、以黃霸化民之政、為
 政、誠僕改過自新之日也、虔差從兄黎運等、奉書敬
 請、轅門陳冤哀懇、伏乞赦既往之愆、許以自新之
 政、倘垂寬宥、乾坤造化之力也、

請總兵官及清化府衛官書

夫論者得其平則其說實允融者乃善惡不明自
 動不辨之度或也今府衙鎮守等官奉朝廷之命牧
 養斯民曾受吾之養嬰兒無不盡其愛也今僕遇此
 事之難會亮融之情不蒙矜察復督攻討使一方之
 人不得其所此雖僕之罪亦由上司懷柔不以其道也
 且惡惡將生避勝就逆人之常情今僕棄柔梓而
 進今日國而不顧與言及此尤可哀憐何朝廷之
 牧之賢居今僕至此極也今僕指天為誓

抱誠信而來降、乞再生於君父、幸能明其寃、貽解彼
 前愆、使僕得盡忠悃、以奉朝廷、誠所願也、昔管、蔡
 負罪、竟為晉室忠臣、閔羽更生、猶為曹公報效、雖
 僕不敏、敢忘斯義、或與北賊以立功、或併從西征而贖
 罪、雖死不辭、伏乞俯察微誠、免其罪戾、幸甚。

與太監山壽書

夫天下之道重莫重於忠義、尊莫尊於名節、愚竊
 生而榮避辱、此人之常情也、僕自生來、好居窮賤、惡

義疾小人而致禍難、雖身居艱險、求生之志不棄、日
 咨嗟、望二天而控訴、今聞大人從京始至、明其負罪之端、
 示以可生之路、僕衆聞之、童老不勝懽忭、伏願以一冊
 為家奴、以免縣官侵苦、且古人云、以訾洊訾、其禍不休、今杜
 富與僕舊為仇讐、再為本縣之官、此僕所以離散逃亡之故也、今
 大人德及昆蟲、思洽草木、藏汙納垢、納服招亡、能許
 僕以改過自新、洗心滌慮、以作太平之民、所謂死而
 而骨肉也。

與方政書

與勁料千鈞之弩不為鼠輩獲機令爾為相名將以兩
 國之兵而爭勝於匹夫勝者不過封侯萬一蹶跌四方樂
 於當相貽譏於後世深為公寒心焉今為公計不如
 按甲休兵閑坐受降此上策也雖僕等與公之幸亦
 下萬民之大幸也

又答方政書

明又進軍不止及有書論
至而數其罪故為書答之

卷之四

補遺

示再虐賊方改夫為將之道以仁義為本智勇為資人
 再等徒句誑詐虜殺無辜每陷其眾於死亡之地而
 之恤天地所不容人鬼所共憤是以連年征伐常取勝
 敗而不能先為之改過乃猶起穢以自臭悔將何及況今
 春水方生嵐障流毒其勢不能耐久今再徒擁大兵逗撓
 不進使軍人染瘴厲而死是誰罪過兵法曰仁者以弱
 制強義者以寡敵眾再今欲戰則宜勸兵相攻以決
 雌雄毋徒苦兩軍為也

答方政書

戰見前書馬之曰陸司健
韓書出平原地故答之

不再慮賊方政夫善用兵者無險無不險無易無不易
勝負在乎將不在乎地之險易也八險而闕者如兩虎
鬪於空谷中善用者勝誤用者敗是以地無常形戰無
常勢何險易之有分哉汝若不退必引兵以決戰焉

又與方政書

丙午五月我軍至人安城
韓不出戰乃為書遺之

示再慮賊方政吾聞名將貴仁義賤權謀耳等權謀
猶不足況仁義乎昔者汝書之來嘗笑我首鼠竄伏山

林不敢出乎原地以相攻今我已至此又安能引時
戰鬪故謂此為兩林乎為平原乎汝乃閉城固守
老嫗何耶吾恐汝等不免巾幘之辱矣

再復方政書

方政教書于
我故復之

夫國大事者以仁義為本成大功者以仁義為先
義之為全故事功之必濟吾國因胡氏失道假以
為名謂其暴虐之實侵奪我疆土漁獵我生民
不刑搜求珍異割正小民不得其養

今民惡神怒，雖有大喪，曾不知內省厥躬，而乃贖武方
 兵，甘心遠累，使士卒暴露，人民塗地，喜怒哀樂，
 不在顛災，而在蕭牆之內也。

答總兵王通太監山壽等書

十二月破關東賊通身若
 阮仁格口請和所答

侯聞天地之於萬物者，雷霆震怒，而生生之意，行於其
 間，父母之於衆子者，鞭笞譴責，而鞠育之恩，在乎其際。
 伏蒙大人書，許以自新，不勝欣幸。誠天地父母之大德
 也。雖粉骨蕩身，亦不足報。然大父若有愛恤，元元

宜差頭目前往演文新平等城各令班師僕即將
 貢方物伏乞大人差官與僕親信子弟詣降伏罪併
 自當儲整橋梁道路不煩官軍倘蒙矜納非特免
 漢國生靈之塗炭抑亦免中國士卒鋒刃之苦也

達花大人等書

達花大人等知道只今滿好已成求封表與使人將已
 過梅關同東西二廣及福建等處俱以明年正月初
 二日起程回京惟總兵官王大人太監山大人暫且停候

廣州又安有他道裏官軍齊到東關一併同行
 亦宜速戒裝出城駐札以待蔡公及邢內官打指揮
 此一月計去請勿警退如今道路橋梁俱已脩整糧食
 已備辦供給大人等若或警退只恐蔡公去後難以
 獨行因此與大人報知宜早趁蔡公同去為妙

寄蔡公書

寄贊兄蔡公弟寓東關聞知兄已出城拜見我
 主可喜可喜自此解兵使南國得免干戈之苦何

史可謂知幾君子哉其為情好至篤百年不可忘
已今遣人將船十五隻來接公及各官貴眷可隨便東
裝束其餘軍人可以陸行吾今各處橋梁俱已修整
路無虞只為報知

與邢內官并打忠梁汝笏等書

書說與邢大人打梁諸公等只今和好已成公等宜
速整裝待得廉公自以安來及濱州城軍等過此
併同行只今路上棧道俱已修葺糧食供給亦已

備倘若不行只恐蔡公去後無人相伴糧食恐或斷乏棧道恐或傾圯日後惟艱只此相報

再與打忠梁汝芳書

前說與打老官梁相公等若做一家大小俱得平安宜聽吾言速整裝出城待演又官相與同去如或不然悔將無及公等豈不見演又順化等軍人只公等子俱得保全歡歡喜喜無一些事公等乃還不此而欲若是其自苦耶我果有欲害公等

卷之四

福海藏

可免只今聖上寬恩有勅旨令總兵官便宜行
 主我陳氏班師回京以免兩國干戈之苦我亦以仁義
 之道盡心敬事朝廷凡一應官軍俱各速送回里所
 過悉為修葺橋梁道路供贍糧食是我欲以留名
 永垂千載故不欲與公等執一扣之得失也如或不然不
 過莽月之間公等雖金城湯池亦必委棄之耳到此
 相節無可奈何竊為公計莫若速行請勿狐疑以
 敗乃事不宣

再答王通書

十二日中關城王通等遺書其詞頗後時打草軍丁故答之

馬

僕聞越人澆蕩齊人多詐、蓋地氣所生、人性所受、此古今之常理也。是以其間雖有忠信篤實之人而隨、珉焉。下所謂前後異詞、此是往來之使不達事勢之宜、以致兩軍之疑惑。僕局敢異處於其間、裁伏望列位大人察而宥之。如謂打草軍丁、每見殺戮、是上流之軍、車參之徒、紅衣之卒、或性貪財而好殺、以致然也。僕固不曾見聞、然稍加裁傷、必亦安順。如謂各衛軍人未見是

劉然足相途修阻、士卒難行、然陸續相至、屈指可待、
 亦較息也、如謂責表之使亦未嘗明白到邱溫、如
 是則送使之入、懶慢不行、回扇浮言、別作生事、併
 失無他意、如或不信、則閣下宜復使一二親信之
 典僕、兩三頭目前往邱溫、審問虛實、以明真偽、可
 如謂船隻道路橋梁未見修葺、自是和好未定、以
 致牽延、為和好既成、修之未晚、自今以後、倘能寧
 疑惑之心、更篤和好之義、則下免憂南之塗炭、上則

周之疲費天下幸甚

舟與王通山書

僕聞信首國之實人而無信其何以行之哉前者得書

併使人來言約以和解二俱已聽從今觀城中猶推

壕放尖高柵樹壘壞古器以鑄火筒勝戰器史記王通取趙四物

昔明興為號號又高築東國城後果無家秋失是大人等將班師四京取將國子

城池取俱不可得而知也傳曰不藏無物蓋心不誠則

事皆虛妄大人誠能不棄前言九所行之策要宜利

再與王通書

一欲強師則班師、欲固守則固守、何以陽言然好
 與國、不宜前後相反、內外不一若此也、夫小民愚而
 神、雖以僕之情無知、然必若此也、所說其所以觀其
 所由察其所安、則人之情偶亮、豈有不察應者矣、不宜
 再與王通書
 前者得書、併草本、所言要教安南、果復立陳氏、道嗣僕與
 諸頭目軍人等、莫不歡欣鼓舞、相謂果能如是、今後南
 北無事矣、然天高而皇帝遠、大人權不歸一、政出多門、

動不同心各自異、九前日所言所行僕已嘗備見之矣、不知今日之事果將如何、此僕區區小人之見、所以卧不安席、食不甘味、拳拳懇于懷、欲捨而不能、况前日事勢與今日事勢實同一機、一人說是、十人說非、一為君壞事、是所謂作舍道旁、三年不成者也、一為君是、遂使僕等至今不勝其苦、大人倘見於前日之所為、千萬留情、是僕之大幸也不宣、

再與王通書

商書承尊賴并使人所言俱云只因前信更無
 又云翻還來春還單其言墨彩未乾言猶在耳
 行與逆便之人亦已回矣不知大人果因前信耶更後
 調耶如果因前信必明白相報使僕得重補架備軍物
 以候其行倘復異詞誠恐信不可失也古人云去食去
 信不可去故文公不食從廉之利商君不廢從水之賞
 大人以詩書之帥又不辭文公商君中以果欲棄信乎
 不宣

再與王通書

唐書通鑑卷之四

昨以相察稍遠定勞往來今欲移居北江城邊對澤州
之以便來往敬稟知此意專候專命如別有發落乞示
便為感

再與王通書

達總兵官大人僕聞天無私覆地無私載日月無私照
臨故王若四海為家切無遐邇之有間也今者疊奉
尊書計命班師欲必以二太監大人奏請立我陳氏

世宗憲皇帝卷之四

子孫是大人等誠能為國盡忠、尊君以義、比之前要
功、異奏、謂陳氏子孫盡忠、信不同矣、信如此言、亦惟天
社一國之幸、亦天下萬邦之大幸也、朝廷之恩、既與天地同
覆、載日月同照、臨大人有命、敝邑豈敢背違哉、臣等
慙、不勝俟命之至、

再達山壽書

達山老大人等、前者奉書、未蒙許可、今欲再具、感戴只
恐煩渾、恐人有病、臨則呼喚、年以得、此亦常情、斷不免

子孫俱被胡氏誅滅殆盡無可繼立已議置府縣設

官費治訖洪熙元年

明仁宗
年號

及本國耆民於老耄地

方訪得陳氏某實先陳王某嫡孫稟性聰明秉心忠
順義當繼立乞照例襲封仍舊納貢謹遣某奉表
奏以聞

伏以湯武弔民而罪事未得已杞宋繼世而祀既義
所當然往替厥初顯為明讓黎利祿惟聖人之治不過
九州王者之仁實同一體茲惟交趾受隔華風漢唐並

此以官軍所獲可盡併之人要已會說乞為難遂不知
如何並不見一人放出士官及士人既不放出族至者可
並之人俱是舊人親戚奴婢豈忍若是慈然耶所以不
得不冒干威嚴再為煩請告也不宜

下有奏
告文

求討表文

吏部有政清化等府知府臣黎利誠惶誠恐誓首頓
首謹上言臣伏觀大軍克平之初詔求陳氏子孫以奉
宗祀其都有接等官未及備求只詢士人言奏稱陳氏

[illegible]

續若忘殘軀而立大義自知攀頭而觸法每懷無地
 而稽顙有痛則呼乃人情之必至知過必改諒聖人之
 所容瀝血陳詞籲天請命恭惟

皇帝陛下天覆地載日煦月臨春育海涵大庠泰色
 之薰雲行雨施普覃解作之恩必崇德以彰賢必興
 絕而繼之必同漢武詔棄輪臺之過必如太宗悔伐高
 麗之非赦過宥罪誕擴好生之仁休兵息民尚謫止戈
 之武臣敢不銘心刻骨効順輸忠奉表稱臣願述侯藩之

張大越之舊義各處賊人俱已出城拜降惟東關一城
未能遽屠定由天祐皇陳故成功之速而臣等破賊於
銳幸得以効尺寸之功伏惟

烈聖皇帝陛下同垂協和勅減彊明以效萬世之
福也臣下情無任瞻天仰聖謹奏表以聞

與王通書

丁未帝遣軍遮江北岸與王通書
王通山壽使阮仕來通信者以書示之

書奉總兵官大人鈞座前僕聞以誠服人者人
服之夫至誠之道可以動天地通鬼神而況於人

仁宗皇帝、徽宗皇帝、其宗皇帝、聖憲皇帝、
 皇帝、憲慈皇太后、藝宗皇帝、順慈皇太后、肅宗皇帝、
 嘉慈皇太后、宣光皇帝陛下、臣祖父受國恩厚、世為近
臣義當効忠盡力、一旬明賊奪我疆土、虐我生靈、犯城
 先帝陵廟、絕滅陳氏子孫、臣卧薪嘗膽三十餘年、志
 在復讐、以雪前恥、於乙巳年在老過地方、尋得義宗三
 世孫陳某、就本年己正大號、以奉宗社、義兵一舉、四方
 集、是以一戰祓荼龍、而復又安清化之地、再戰於寧橋、而

復大越之舊疆、各處賊人俱已出城拜降、惟東關一城
未能遽屠、寔由天神皇陳故成功之速、而臣等破賊於
銳、幸得以効尺寸之功、伏惟

烈聖皇帝陛下、同垂協和、勦滅彊明、以致萬世太平
福也、臣下情無任瞻天仰聖、謹奏表以聞、

與王通書

丁未帝進軍臨江、北岸與東關賊相拒、
王通山壽使阮仕來通信者、以書一紙、

書奉總兵官大人鈞座前、僕聞以誠服人者、人
服之、夫至誠之道、可以動天地、通鬼神、而況於人、

仁宗皇帝、徽宗皇帝、其宗皇帝、順慈皇太后、肅宗皇帝、
 皇帝、憲慈皇太后、藝宗皇帝、順慈皇太后、肅宗皇帝、
 嘉慈皇太后、重光皇帝陛下、祖父受國恩厚、世為述
 臣、義當効忠盡力、一有明賊、奪我疆土、虐我生靈、犯境
 先帝陵廟、絕滅陳氏子孫、臣卧薪嘗膽三十餘年、志
 在復讐、以雪前恥、於乙巳年在老過地方、尋得故宗三
 世孫陳某、於本年己正大號、以奉宗社、義兵一舉、四方
 集、是以一戰祿茶龍、而復又安清化之地、再戰於寧橋、而

進表之後隨即退軍。今使已行矣。送使之人亦已回矣。
 而軍之退不退未可卜也。又謂要將土人俱放出城而數月
 以來不見一人放出。不知父母果若是耶。傳曰。自古皆有死。
 無信不立。故王者不欺四海。伯者不欺四鄰。今大人以父
 母之心而欺其子耶。伏惟鈞慈俯垂照亮。不宣。

再與山壽書

僕聞天有四相。必資土以旺。人有四德。必資信以行。
 苟土之不旺。信之不充。則乾道息。人事虧矣。故皇極以

并書遺書卷之四

大人俱請失一死戰大人如復踐前言以尋舊約則就行班
師以卒前好僕亦將各城軍人及昨所獲軍馬盡數
發回如其不然請以各城含冤積忿之軍與僕三十
萬兵周被城下聽大人如何發落僕不勝恐懼候命之
至不宜

與太監山壽書

臣奉太監山老大人鈞座前僕之事大人恩猶父母自前
至今苟嘗有一念之或虧前日大人賜書約以和解謂

進表之後隨即退軍。今使已行矣。送使之人亦已回矣。而軍之退不退未可卜也。又謂要將土人俱放出城而數月以來不見一人放出。不知父母果若是耶。傳曰。自古皆有死。無待不立。故王者不欺四海。伯者不欺四鄰。今大人以父母之心而欺其子耶。伏惟鈞慈俯垂照亮。不宜。

再與山壽書

僕聞天有四時。必資土以旺。人有四德。必資信以行。苟土之不旺。信之不充。則乾道息。人事虧矣。故皇極

并序通鑑卷之四

補遺

大人俱請決一死戰。大人如復踐前言以卒舊約則就行班
師以卒前好。僕亦將各城軍人及昨所獲軍馬盡數
發回。如其不然請以各城含冤積忿之軍與僕三十
萬兵周旋城下。聽大人如何發落。僕不勝恐懼候命之
至。不宜。

與太監山壽書

臣奉太監山老大人鈞座前。僕之事大人。思猶父母。自前
至今。苟嘗有一念之或虧。前日大人賜書。約以和解。謂

之地而為天下之養此論誠為的確使人人皆同此心則天
 卜無事矣其鎮守內官及三司各官徐以會議相問
 知朝廷大臣徒長計却議復如何大人果能開誠
 前書所議謂奉命之日得以便宜行事及
 此等語便當決成歸志一以解兵釋怨為天下
 之幸一以引君當道以揚天下後世之名何必復請
 萬官軍以護接宜更回還腹裏不如放鷹犬棄網罟
 之為愈也前言幸能不食僕當掣開歸路凡前途橋

人之恩厚如天地之覆載尚有所憾況其他乎大人謂非
 德與澤但求肯放鷹犬棄網罟而使人之信也昨者
 因邱溫抱慍之人搜出宣德元年十二月初十日所呈土
 官武開資本及本月十六日續差土人徐誠資本等以
 本中意語方知大人之德猶天地之於萬物洋洋乎發育
 生意清施而萬物不之覺也前書責僕不能敬事天
 地父母僕不自知負罪深重徒切兢惶量大人必重哀
 恕能卽止初無求備之心僕又讀本中所謂不以一眚

之地而為天下之養此論誠為的確使人人皆同此心則天
 下無事矣其鎮守內官及三司各官徐以會議相
 知朝廷大臣徒長計却議復如何大人果能開誠
 前書所議謂奉命之日得以便宜行事及
 此等語便當成歸志一以解兵釋怨為
 之幸一以引君當道以揚天下後世之名何必復請
 萬官軍以護接宜更因還腹裏不如放鷹犬棄網罟
 之為愈也前言幸能不食僕當掣開歸路九前途橋

人之恩厚如天地之覆載尚有所憾況其他乎大人謂非
 德與源但未肯放鷹犬棄網罟而使人之信也昨者
 因邱溫抱愠之人搜出宣德元年十二月初十日所呈土
 官武開資本及本月十六日續差土人徐誠資本等項
 本中意語方知大人之德猶天地之於萬物洋洋乎發育
 生意濟施而萬物不之覺也前書責僕不能敬事天
 地父母僕不自知負罪深重徒切兢惶量大人必重哀
 恕能卽止初無求備之心僕又頃本中所謂不以一眚

也已

再與王通書

書奉總兵官大人、僕聞誠於愛物者、天地之心、誠於愛子者、父母之心、愛物不誠、則生生有相而息、愛子不誠、則慈愛有相而虧、是以天地之於萬物、父母之於赤子、不過一誠而已、昨日奉書責以不能敬事天地父母、然僕觀大人前日所為、並非天地父母之道、其於成人處已之間、果何如耶、必如張子以責人之心責己

與我相會、定為期日、班師回京、而公等乃執守故
常、不違事變之宜、欲以數仞之城、而拘留久從恩歸
之士、謂可以度日自娛、而不顧數千之性命、是豈仁者
之所為哉、今我如選取清化、濱州、及西都諸賊、只三四
萬、周旋城下、蓋不過相刺之間、灰飛竹破、到此相斂、
公等欲保全妻子性命、豈不難哉、今為公等計、真如
早棄甲兵、出城與蔡都督等軍陸續回去、以還我
安南境土、使彼此兩便、豈不善哉、如或不然、求之何

也已

再與王通書

書奉總兵官大人僕聞誠於愛物者天地之心誠於
愛子者父母之心愛物不誠則生生有相而息愛子不
誠則慈愛有相而虧是以天地之於萬物父母之於
赤子不過一誠而已昨日奉書責以不能敬事天地父
母然僕觀大人前日所為並非天地父母之道其於成
人成己之間果何如耶必如張子以責人之心責己

與我相會、定為期日、班師回京、而公等乃執守故
 常、不違事變之宜、欲以數仞之城、而拘留久役思歸
 之士、謂可以度日自娛、而不顧數千之性命、是宜仁者
 之所為哉、今我如選取清化、濱州、及西都諸賊、只三四
 萬、周旋城下、蓋不過相刺之間、灰飛竹破、到此相敵、
 公等欲保全妻子性命、豈不難哉、今為公等計、莫如
 早棄甲兵、出城與蔡都督等軍陸續回去、以還我
 安南境土、使彼此兩便、豈不善哉、如或不然、求之何

後大人各開誠心決成歸志則就將成中軍人先行發
以蔡公印隨同發去大人如或未行蔡公安敢先舉
戈乎若使僕掣開歸路與夫脩整橋梁備辦糧草
則何難之有僕豈有他願哉不宣

再與大監山壽書

書奉大監山若大人僕竊惟平昔之所過於海岳而僕
之報補淺有涓埃以此恩之深有相感前者奉書已
自明言謂大人與總兵官之意固欲和解以免西國

干戈之苦、奈以方馬細人之言、或以一旦國壞、敗僕之軍、
 下頭目、或歸、惡於僕、自不聽僕告戒、昨日之事、僕初
 不知也、僕豈敢遽忘前議而欲害大人耶、且是非曲直
 信不能逃人心之靈、諺有之曰、如人飲水、冷暖自知、今
 若和議之成不成、信義之失不失、非僕之過也、前者所
 遣馬三百匹、軍一千人、秋毫無傷、歟、其被殺者、俱
 人臨相對敵、蓋出於不得已焉耳、若能復尋舊約、
 總兵官所言、不待命而就行、則前日所獲軍馬

及逆重各衛所軍人今俱在此惟大人之命是聽未審
 人人如何處置若其不然而猶惑於方馬之計雖以
 大人父母之恩必不能愛育其子而僕不得服事人人
 以盡為子之道惟大人恕責是幸不宣

喻小鵝城土官書

昔人有言曰鳥反歸故鄉狐死必首丘禽獸尚得况
 於人乎卿等本皆西越之人衣冠之族頃因胡氏失德
 災賊憑凌累身陷於虜庭或名糜於偽職勢非得

已豈其本心上帝哀念假手于我代天行化太師衛

國公

史記丁未諸將推尊帝為代天行化有異帝崩後又稱一

吊民伐罪恢復基圖王

師所知義聲載路四方之民莫不極負而至也師等

若能洗心滌慮去逆歸順或居為內應或挺身出降

非特雪其前耻亦必蒙其降鑒我不食言若復聽

顧偽職抗拒王師城陷之日罪浮於吳矣

諭北江城書

書示北江城中將校官員軍人等余聞人有南北道無

彼此仁又君子無處無之我安南雖遯嶺外而號為詩
 書之邦其智謀才識之士世不乏人是以凡我所行之事莫
 非動循禮義應天順人前昔總兵官成山侯自寧橋
 挫之後令人致書約以和解我上得書敬順朝廷之
 心下免為兩國干戈之苦所言一一聽從彼又令我差人
 進表求封謂進表之後隨即退軍及表既行而軍不
 退又增樹柵壘繕脩器械自謂深為得計背約無信
 一至於此今者清化濱州地裏等處衛軍俱已一齊到

凡軍人妻子財物、秋毫無犯、今為再計、莫如出、
 蔡督軍決為歸計、以活城中數千人之性命、我等
 古人之得失、如秦之自起、楚之項羽、秋降督約、我等
 為此、再其寬心、請勿竄疑、以敗乃事、汝若謂城高池深、
 糧食又多、則消化又廣、等處、城非不高、池非不深、糧非
 不多、兵非不彊、而蔡都督兵非不精、官非不大、將非不
 明、而猶臨、相連變、以全數萬人之性命、而飛等乃欲固
 守、虛議以取實禍、豈不謬哉、且我、再國、今、內、有、

蕭牆之憂、外有北邊之彊寇、而大臣倖位、政由下
出、旱蝗連年、盜賊蜂起、其為喪亂、豈不前知、智者
觀事於未形、而何再等見幾之不早、乃欲若是自苦
耶、再等若能出城、與我和親、則我視汝義、猶兄弟骨
肉、豈特保全妻子性命而已、如其不然、則仁汝所為、且
父之間、會相見、再到此相節、悔將無及、再等思之

諭三江城書

書示三江城中將校官員軍人等、所貴乎君子者、豈

能識相連處量力處已。今者有人以爲無所起。泰山以望
 而當軍。職而自謂力有餘者。亦可謂自愚之甚者矣。再
 等以數百軍人。獨守孤城。而與我抗。是亦何異於此哉。
 以再之城池。不若又安之高且深。以再之糧儲。不若再
 安之蓄積之厚。而武勇敢死之士。又不如演又軍人之
 衆。再之官將。又不如蔡都督之大。今演又順化新平清
 化前衛市橋昌江鎮江等處衛軍。俱已開城出降。今
 見善提樹下。蔡都督定為日期。班師回京。九一應官

軍及妻子財產並秋毫無犯而再惟執迷守誤不
 能遠圖何見機之不早也凡我將士莫不欲拔
 孤以先登而我猶念城中無辜之人實為再誤此
 惟將鼓一鳴玉石不分書數字為寄

與王通書

帝使人往來通所通
不續乃為書示之

書達懸兵官成山侯鈞座前昨者奉書未蒙報示差
 人往候又却不再回是大人前日言行不還之言果
 何在乎僕以小國事大國之道宜當敬畏且以大人

前日臣言於義事忍絕故累奉書不憚煩數然卒
 不得所願不知是勢使然耶僕竊為大人計不如班
 師凱還以解兩國干戈之苦以免國家窮蹙之禍以成
 興滅繼絕之義以示王者一視無私之仁上馬不負朝
 廷委仁之陛下馬不失將臣出國之義使名垂史冊
 頌不傳哉與其襲漢唐好大喜功之弊豈若行仁義
 吊伐之師今乃舍此不圖惟汲汲於築城鑿池每以
 鐵傾城門偷據禁軍何至若是自昔取大人若謂城

池險固可恃、則僕恐遠水不能救近火、若謂城中勇
 敵之士尚多、欲決雌雄於一戰、則僕昔在可藍茶麟之
 日、方公等以數萬之衆、兵彊志銳、而僕以數百父子之
 兵、猶能迎刃而解、以成破竹之勢、況今以演又清化新順
 及東都諸路、選其精銳者、不下數十萬人、則其雌雄
 之勢、可坐而策也、然國之盛衰、一關乎天、兵之彊弱、不在
 乎多、而大人每以往日胡氏爲喻、僕以今日之事、與往日不
 同、夫胡氏欺天虐民、而僕敬天順民、則理之順逆、不

同一也胡氏之兵百萬惟百萬一心僕之兵不過數十萬而人同一心此不同二也今大人幸能不以人廢言決成歸志令得親信之人同山大人過江為會僕即退師石室清潭快州以候出處如其不然末之何也已

再諭王通書

僕嘗觀易經三百八十四爻而其要在和之一字故君子隨和達變和之義大矣哉前日初征交趾之報

臣奉詞伐罪此報也今者天運循環無往不復大
 人奉命之日得以便宜處置而大人果能復昭太宗詔書
 許立陳氏令復我國此又一報也報乎報乎信不可失
 書曰先報者殺無赦後報者殺無赦是以君子貴在
 隨報處中然自古以來迂儒俗士不識報務識報所
 者在平倭倭者大人者所謂識報務之倭倭也昨奉
 書來要僕悔前日之非再修舊好信所謂君子無相
 風惡譬若疾風暴雨倏一再光霽是可喜也但所謂

將在此軍士先發回一節、於理有碍、何者大人秉黃鉞、總王師、諸將雖有盖世之才、絕倫之力、莫不奔走奉命、大人未行、而欲演人等軍先回、於理不順、此一碍也、且今日取出演人等軍原議、先將在城官軍發回、一自小人沮壞好事、遂成齟齬、演人等軍原有惡心、謂為大人賣已、今大人未行、蔡都督必不敢先一步、是一碍也、目今天氣溫和、正是班師相候、大人捨此相不行、而直待春水方生、暑氣漸逼、而謂從容罷還、僅以

役思歸之士途中悲嘆、到此相繼欲從容、未必得從容也、向者所謂隨和審變、正宜辨之於早、大人果能不以僕言為迂濶、開布誠心、願得親信之人、同山大人過江相會、刑牲歃血、要質鬼神、定為期日、就將阮向官何知州送還東閩、僕亦隨卽差人進表納貢、而退軍於石室、快州等處、使大人得以從容就道、諸軍陸續而還、而山大人為之收後、如此則彼此嫌怨、必釋、而大人天地父母之心、方全始終、僕雖結草啣

環豈足報云。

再諭王通書

端肅率書總兵官列位大人鈞鑒下。夫善用兵者在乎
審知勢而已。得其利有其勢則樂亡為存。仇小成大
夫其利無其勢則累憂為禍。轉安為危。在乎反掌。
間稱今耶等不明潮勢。更無經緯。豈不足所笑。
何足與言兵事也。往者內懷詭詐。外托誦和。掘壕
壘坐。待援兵。心迹不白。內外不一。豈能使我必。

勿疑乎、古人云、他人有心予忖度之、此之謂也、昔秦吞併六國、專制四海、德政不修、身亡國破、今吳之疆不及秦、而苛刻殆甚、不滿期年、必相繼而死、所謂天命非人力也、方今北有天元之敵、內有潯州各處內外之憂、江左一區、不能自守、況有他國之圖哉、卿等不請事勢、為人所欺、竟托張輔、欲藉其威、此豈大丈夫哉、抑亦婦人耳、當今事勢、雖使上位舉兵而來、亦促亡耳、況於張輔自至、送死何足道哉、昔漢昭烈劉氏

之遠派耳孔明能使大業復興况皇陳之子孫乎天
 命與之人心歸之非吳國所能奪也且古之豪傑未
 遇而隱見幾而作是以伊尹莘野之耕夫太公渭水
 之釣父一為王者之佐一為王者之師是豈豪貴之人
 耶貧賤之人耶若燕之慕容趙之石勒此是中國之
 人耶蠻貊之人耶深味碑言直蠻獠小人語非中國
 之人言也今計窮力盡士卒疲勞內乏糧儲外無救援
 空取藁土假息孤城豈非机上之內釜中之魚更歟

雖吾民諭以非義彼忠臣義士之人雖窮厄相坐薪嘗
 膽不肯異國奈何今日背信卿等不義之言乎但恐
 城南中人之懷舊主及吳人之不勝困苦其害卿等相
 繼來降如張飛呂布反為羣下所害此必然之理也今
 各城自都司以下恨卿等詐已誘以屠城或奮身而
 踰壘連告攻具繕修車梯被困之人反相殺戮何必
 我之士卒乎今為卿籌之其敗有六潦水橫流牆櫓
 崩頽樵薪匱乏馬死兵疲此一敗也昔太宗梓建德而

曹亮出勝、金長關、陳塞、兵象俱屯、援兵若至、萬一必
 敗、援兵既敗、那等成擒、此二敗也、健兵肥馬、今在北
 地防備、元兵不遑南顧、此三敗也、干戈屢動、征伐頻
 興、人不聊生、嗷嗷失望、此四敗也、奸臣專政、弱主當朝、
 骨肉相殘、蕭牆起禍、此五敗也、今我興起義兵、上下同
 心、英雄盡力、士卒自練、器械日積、且耕且戰、城中疲弊、
 自取滅亡、此六敗也、今守一最之城、以待六者之敗、深
 為勝算、惜之、吾去遠水不臨救近火、如有撥兵之來、亦

何益於敗亡乎昔者方政馬騏驎行奇處生靈塗炭
 天下悲嗟振我之邑墳墓虜我之民妻子生者受害死
 者含冤卿等深察事機詳明細務斬方政馬騏驎之首送
 赴軍門則免城中魚肉蘇國內瘡痍和好復通干戈
 水息若欲班師振旅則修整橋樑備船隻水陸
 二途惟意所欲送軍出境萬保無虞臣禮不虧前物
 不闕如其不聽則當整軍布陣交戰平原以大肆推
 以觀巧拙不可深居窮窳以效老嫗之態也

掛有遺集卷之四

補注

典王通書

司空叅禮上將終戰與時人戰敗于州

侯聞夫一介水大海不為之溲溲一介水大海不為之

盛故善用兵者不以小勝喜不以大敗懼今諸公以數

千鎰率獨守孤城糧欲絕而援不來眾日離而軍

日少其彊弱勝負之勢可坐而策况安南兵象之多

心力之齊戰器日修士氣日增其智謀之士武勇之

將不譬林立而櫛比也公等一有小勝不見其彊而代

雖有小敗不見其弱昨者我之裨將數人年少氣驕

不遂於東、輕戰失機、公等以此得志、今以新平順化、
 漢人及前衛三江、昌江鎮夷衛各所等處將校、若蔡
 則督及三司指揮千百戶等官數百餘員、軍人一萬
 數千、男女大小三萬餘人、俱為公等所誤、較之我裨
 將數人、孰輕孰重、孰勝孰負、而公曾不以此為慮、
 倘且鵠張誇大、譬猶突火棟、焚而堂燕、情啍啍相樂、
 豈不甚可笑哉、且今二廣地方、聞我軍乘勝長驅、羣
 盜因而竊發、霹靂大王已自橫地稱帝、而我之兵象

日夜進攻兗祥隆州皆為我有、今公猶且日望援兵、
 聲言援至、譬猶夢中說夢、又甚可笑也、前日蔡州賊
 指揮千萬兵及各府州縣之官告乞願將太宗皇帝許立
 陳氏子孫、詔書內事理赴京陳奏、及請告總兵官不
 能鎮守北方、人隨人計、却自行文書取各衛軍馬計數
 和解、既而背約、以致彼眾嗷嗷失所、以此為詞、供俾以
 日所得奏書、則總兵官大人真有誠心、但為方馬所
 惑、以致此再、是以此議未定、大人若能復尋、

印班師與蔡都督和議一以免兩國下民之害一以解
 蔡都督責已之惡如此則全師免禍豈不善哉若或
 執迷守死而不善道是亦唐太宗所謂盡忠無益於
 也且大丈夫行事當磊磊落落大人欲水戰則當盡戰
 船排列江中以決死戰欲步戰則當盡兵馬速出勝野
 留一二日以決雌雄不可首窺城隅午出午入掠取蔡草
 以爲得計若此則婦人女子所爲非大丈夫所爲也
 再與王通書

清江府知府蔡某書奉總兵戚山侯知道僕聞所貴
 乎懷傑貴在乎達和勢審事變而已我昔在可藍之
 日地不過一城家不過一濠而馬騏朱桀等所過
 後又遺跡於老樹至靈山之地待和而食不待敵衣
 衣掩冬夏兵不過數千一城空空如也親戚子弟師友
 分散他鄉不得完聚而方以馬騏王成鴻貴等輩
 逞歲進兵我之甲兵旦夕擺押無一和必應
 生戰界務所過無不摧折豈非天意乎

逆備環、無往不復、往者不拘二領、今因再興、有三十
 年之食、昔者兵不過數百、今清化父子之兵、不下二萬、廣州
 斯平順化、素號精壯勇敢之士、不下數萬、與交州等
 同心協力之士、不下十萬、其餘戰士不下二十萬、昔之師
 人親、分數、今者智謀才識之士、不啻林、立櫛、比
 品械、空、今者、船連雲、鎧甲耀日、銳刃堆積、
 倉充、以昔較今、強弱可知也、况再國主連年死喪、骨肉
 相殘、北寇侵凌、大臣不附、加以凶年、存亡未定、與政令

頗嘗盜賊蜂起自洪武至今窮兵黷武中國之人
 民疲弊天之降喪正在此報再尚不達相變反業出
 之言猶爲攻守之計彼若羞於攻守何不我於也
 蘇徽賜之報而反端張誇大於今日乎何不思之甚也
 况又塗人耳目設詞詭象聲言機兵欲至張輔又來
 再何不思今日雖有援兵十萬此遭賊乎若其傾國而
 來或三四十萬再何不料再國今日果無事乎將蕭
 牆之內猶有事乎如張輔等一相僥倖成功便是知

胡氏策集、一國之人視若仇敵、衆叛親離、張輔令其此勢、
 遂以成功、再、再何不思我兵衆之多、心力之齊、縱有張
 輔百輩、其如我何、况再國勢岌岌、及若此、此及今張輔
 領三四十萬兵出境、再朝廷肯放心乎、今為公等計、不
 若與蔡都督班師回去之為愈也、不然我旗一指、我鼓
 一鳴、公等悔將何及、易曰窮則變、變則通、公等盍不
 思此、經守巡遠之小節、吾恐再之士卒、日夜思歸之切、
 誰以饑渴不飽、疾疫相因、雖欲攻且守、誰其與之、請云

一說為食父子無義其方為等輩所謂敗名之機不可
以師者必害其無恩義

與蔡邕書

以天問詞

弟戴山書奉若昆弟公足下為貴於陳道貴於
行然道之行不行然則貴也之過不過是以古之貴於
素傑其平日之所規有貴於行然則貴也之過不過是以
於斯世然其相之過不過然則貴也之過不過是以
貴而貴也之過不過然則貴也之過不過是以

食必不下於漢高祖如箕子之不臣周服則我國主之下車
 說道必不下於周武顧此二策公將安決且國之興亡
 盛衰關乎天運誠非人力所成今公獲為中國之用則方
 今中國內有蕭牆之禍外有北寇之憂旱澇相因妖孽并
 至大臣不附舉國離心天之降喪不風則暮士之明哲當宿
 與微之於早若公等和衷為而遲死可為名報又不幸為
 不得伸其有為如志立如唐文宗所謂盡忠無益者也
 為公計不若順其過聽命于天乘此招機樹立功業

食必不下於漢高祖如箕子之不臣周服則我國主之下車
 說道必不下於周武願此二策公將安決且國之興亡
 盛衰關乎天運誠非人力所及今公復為中國之用則方
 今中國內有蕭牆之禍外有北寇之憂旱澇相因妖孽并
 至大臣不附舉國離心天之降喪不風則暮士之明哲當宿
 幾微之於早若公等知志正如唐文宗所謂盡忠無益者也
 不憚伸其有為知志正如唐文宗所謂盡忠無益者也
 為公計不若順其過聽命于天乘此新機樹立功業

彼者民幸得脫塗炭之苦而公之豐功偉績亦得以昭
 垂青史豈不偉哉如其種種將小節因非議相害係
 也願垂裁察不宜

與王通書

昔示再總安竊知遠古人有言窮寇勿逼今我教
 導三四十萬兵馬每四城只恐為窮則味狀窮則將
 恐吾不以全勝之美與殆死之卒爭小輩屠也雖欲
 敵之豈大敵之難夫部千鈞之力壓於鳥卵之上未可

也。以攻城之說，姑置一邊。或者驟得顯賞置之度外，
 以甲休兵，撫養士卒，招下賈者，延攬群才，繕脩戰器，陳
 象教以坐作進退之法，又薰之以仁義，使人人有親上
 長之誠，以之應敵，順吾向者生，悖吾向者死，凡吾所恃者，
 他日再國之事稍緩，貪心復萌，或再加三四萬兵，復不
 以吾之所以待之者，蓋綽乎有餘裕。若再等不戰而自
 除，何足道哉。願此二策，吾意未決，不知公等將以我置
 之度外為上策也。取公等退而教之，幸甚。

諭清化等城書

諭再清化人安將校軍人等夫御國止疆乃人民之
 大節、論功、行賞、斯國家之典常、今再等以忠義之心、
 勇悍之氣、敵王所懷、屢顯厥功、昔我本朝當先皇帝
 興隆之盛、報占城逆命、侵我邊邑、乃祖乃父、能輸誠
 効順、圖報國家、殺破賊徒、復我國家疆土、芳名偉烈、
 簡冊昭垂、今者狂明不道、上違天心、黷武窮兵、務廣
 土地、生民荼毒、三十餘年、未運循環、與往不復、曩與一

起席卷長眠數月之間、先復舊轍惟東園一境、賊集
 手通遊魂殘喘、徒再編張、九我京路諸軍、盡新日湖
 聖在右天長天網等軍、或列於南城北城、並首成、
 於天潢肺腑之親、然亦未見其有輸忠効力、樹立功
 勳者、而再等以藩屏之臣、克念乃祖、乃父、謀臣之功
 以盡忠于國家、同心一水、國書圖駐、戰勝攻取、斷有
 功、以此忠誠、良可褒獎、特令錄實、以酬再等、再其最
 哉

求封奏文

丁未天曆三年當稱宣德二年八月朔紫太祖得覽胡翁著于老過國各陳誠稱爲陳氏之後因權立爲

黃龍元年慶道

使求封于明

安南國先陳王三世孫陳高、大頭目黎利、謹奏爲求封

中、臣竊惟皇國僻居荒裔、雙隔華風、當太祖高皇帝

龍飛之初、且祖先諸國而入貢、特承少、錫以王爵、自

是世守封疆、朝貢罔缺、頃以胡氏篡奪、履臣宗祀、上

欺朝廷、下重民苦、上天降禍、臣庶離心、太宗皇帝弗忍

一方荼毒、興師問罪、克平之後、復詔求陳氏子孫、謂

已死、濟、無可繼立、乃復請置郃縣、將陳氏子孫陳
 禧、陳師、陳光社等數十人、起送回京、盡行安插、仍
 關設都布按三司府縣衛所衙門、置官分治、然其前
 置之官、不體朝廷設撫遠人之意、乃專為刻民肥
 之謀、但於而者、不知大體、昧於承宣、踐局、蓋者、禁
 無聲、更視民瘼、其惟民之官、則不以撫字為念、而
 侵漁其神、此之民、則不以衛民為心、而肆行凌
 虐、聞官之從事以聚歛為意、培克良民、逼取

竭澤、搜索靡遺、欲其泉貨之富、則盡民財以充在
 之然、欲解字之壯、則奪民租而興木土之功、公租之所
 八者、一分監臨之所資者過半、官吏之愛民者絕無、而視
 民如仇、脅者皆是、日甚一日、民不聊生、若水益深、若火
 益熱、奈天高而朝廷遠、下情不能上達、而饑寒之
 切于身、禮義有不暇顧、乃率衆以殺其官吏、是蓋
 一相出於不得已、而冀少緩於水火之極耳、臣竄身
 在老極國十有餘年、至是臣一國之人、不謀而同、辭乃

有被讀通者。臣於奉奉之國不暇簡釋已倪拘塞
 情以侍朝。余聖德元年十一月日。臣運至本國見臣國人
 已先將。臣祖久境土盡行收復。其新平順化又安演州
 清化前後衛昌江鎮。夷市橋三江各處城池俱已開
 城釋甲。就將和解。其衛所州縣等官并一應官軍
 臣二牧養。秋毫無犯。其總兵官王通陳智李安馬
 英方政內官山壽馬興等輩亦已與臣請解。臣已
 請王通等遣人齎書回奏。然彼眾懷罪懷疑。有不敢

行、臣等自知負罪深重、進退惟谷、然臣竊惟自古聖
 人若成湯武王之伐罪吊民、一皆出於天理之至公、非有
 一毫私意於其間、是以夏商雖滅、而桀紂雖或討、或
 命、未嘗不體乎天、後以漢唐好大喜功、而猶且西殫
 日、國置之度外、況我太祖高皇帝貽後、條章明明在
 上、太宗文皇帝詳立陳氏子孫之詔書、御筆未乾、伏
 惟

皇帝陛下、聖神文武、睿知聰明、好生之德、既洽于民

化之仁、固有攸聞、必同漢武下輪臺之詔、必若唐太
 宗新市之師、必遵太祖之條章、必舉行太宗之明詔、
 赦臣丘山之罪、必寬臣斧鉞之誅、使臣得守土南荒、
 納貢天闕、是則非獨臣一人之幸、臣一國之人莫不歡
 欣踴躍、鼓舞皇仁、不啻若陽春之回枯朽、溫風之解
 冰寒者也、臣當銘心刻骨、効頓輸忠、奏表稱臣、歲貢
 問缺、另除差人齎捧表文進貢方物、外未敢自專、謹
 具奏聞伏候

再與王通書

有化府知府蔡某書復、總兵官大人鈞坐前并列位
大人等、昨日奉書、未蒙回荅、差來通事、口說無憑、
然前日之事、既往難追、自今而後、悔不遠復、大人倘能
念及安南一方之人、匍匐無知、不忍使其無辜、而受
戮、則前日之言、可以不負矣、

抑齋遺集卷之四

公

CCLXXXII

詩集序

陳克俊撰

詩集序

先生上福縣葉漢人父姓既諱服陳縣葉漢先生
 中進士第二名歷官通事大夫大理寺卿兼中書
 侍郎翰林院學士太子左贊善大夫國子監司業
 以金魚袋上輕車都尉并生諱為院卿齋二十一
 歲中進士第四名為中書御史監正掌兼攝
 及北兵竊據公素善天人知我國真主興欲往
 為輔北人於留城中常托國語有尾吟見其詩

詩集序

陳克俊

詩集序

宋史卷之五

宋史卷之五

集社人見公大才，故無為用。知公志不固，愈加激。
 遇後設計得脫，去謁太祖高皇帝于滌江。獻平
 吳策，是夜帝夢神人告以明日責以良弼，及
 公集狀貌寤如夢中所見。帝奇之，封授承旨。
 學士置諸左右。凡軍國機務，委公籌畫。及北
 苦提，帝命構層樓于苦提樹上，與城對峙。賊
 動靜，仍賜公侍坐第二層。日暮，徒復書，謂各城
 仍挺身入城五次，滿和通使却北兵還國。及

大封功臣加公冠服侯賜國姓凡國朝憲章制度
 禮樂皆公所粉餽歷官特進金紫榮祿大夫內行
 遣門下省諫議大夫翰林院承旨八侍經筵知
 制誥行樞密院事兼西北二道軍民簿籍詞賦
 掌五經博士五衛禁兵掌中書國史三館事等
 職有詩集行于世

新漢書十一年
 庚子仲春庚辰

松軒

唐書尉註書公上孫孫漢公二十一歲中今以申子年之實生公陳
唐書公符四年庚申上地青成古屬國或見早賢錄

生編 為孫漢公上孫孫漢公二十一歲中今以申子年之實生公陳
唐書公符四年庚申上地青成古屬國或見早賢錄

有陳宅在華溪父應龍就飛卿登進士第二

繼位朝娶司徒陳子立之女生為寶飛熊驪四人年七

十三通明人之亂於公父子三人歸于萬山燕諸仲店

後卒于此父子飛熊父曉之曰我老矣仁汝弟從惟吾平

生最愛拜望山山水水骸骨歸屋足矣我觀天大二

十年後南方必有真主興於空決志于此

朕優父之賢正為大孝豈江區膝下以為孝耶公乃辭
 以求養于夜澤或作蘇武鄉夢見告云藍山黎利為天子乃
 尋到瀛江遇黎太祖事之

世傳先生精于術數知我國氣當在清華間往求
 之及至藍山與太祖相遇情願為奴太祖收之居一年日
 事耕作宿于舍外別與所見一日遇皇考諱日見太
 祖即生九切肉食之先生即為誓乃辭去至楊舍澤留
 意見明人數回在別館賸問此人何來其中一人謂先生

智女舞而後既見其意再於疑未定故去先生聞之
 不爲意前往諫曰彼留宿隔壁有明人夜出望見天象
 常急呼同伴指示曰安南將星象已顯現吾輩當早去
 不可久留同伴問是何如體貌意象其人曰他是虎
 將多殺且飲食粗惡先生所之乃反藍山始細觀動靜
 見年市太祖常買酒油携回先者酒多於油至是油多
 於酒心覺之一夕索太祖於寢所不見即潛入林中
 高望見山頂中有一快光照耀意太祖在焉乃登

之是太祖與黎受共算太乙，謂至亥年可去。去者，
 曰去上卿算矣。為相驚起，欲斬之。先生對曰：「某所以去
 賢王公，只為此耳。何乃相失？」太祖憐創，曰：「家奴亦有
 知者。」曰：「某所素講明也。」太祖啓扉，賜之坐，命索之。
 先生市算曰：「百年即其數也。」自是凡有計議，必與
 之同。先是太祖與同御黎受謀起兵，未敢發。及得
 先生乃定。詳見功臣黎受譜記。

通史太祖初為可藍韓導報方閭胡纂陳臺居

卿請經史、究兵法、守已待報、進批、與擒陳、進金
 陵、郡縣我國、帝潛有懷獲之志、虛已下賞、散財養
 士、蔡文、安蔡文、靈夢、與阮、馬、劉、仁、謝、鄭、無、武、成、林
 柳、蔡、專、書、等、時、一、胡、蒙、饑、並、來、歸、附、帝、傾、身、增、校
 密、謀、舉、義、相、有、杜、富、詐、明、官、率、眾、遁、帝、授、洛、水、水、
 水、戊、戌、正、月、帝、建、義、於、藍、池、稱、平、定、王、命、蔡、文、
 蔡、寧、蔡、鈔、蔡、禮、蔡、景、蔡、濟、蔡、龍、蔡、昇、蔡、國、蔡、
 梅、蔡、兒、蔡、培、蔡、寧、等、自、蔡、文、意、復、蔡、定、蔡、國、蔡、

蔡絳蔡祐蔡度蔡勳蔡精蔡林劉渾蔡昭
 教陳連陳精蔡景壽范龍范英蔡察張雷知可
 裴國興蔡考蔡邦蔡汝覽蔡可朗武成孫無門
 志陳忽杜秘阮馬蔡文憲蔡慎蔡人父為相將
 分率鉄突勇士出與明人對敵和將徵兵少而
 兵四萬五千餘人象馬殆以百數走八世沒
 因任鄭阜夾哀牢地畧人耕糧火路絕往來
 雲山世谷幾十餘日以禹餘糧蜂窠為食

連降大將黃衷等國王請開塞道有數里大明德
 賜降文可書正月兵進并許撤城象速來謁見
 與命領行以免抵解若不如命即加差車里
 意繼等六國進討袁平報請命帝得其次資軍
 勢復振

丁未

明宣德二年

春正月平定王以翰林承旨學士既

為朝列大夫八四行遠吏部尚書兼樞密院事
 進軍瀝江北岸命將分屯東都城攻圍益急

獲營構層樓高準報天塔登樓望城中勅張昭
 卿侍坐第二層讀旨草往復書札又遣降人告諸將
 曰招諭三江城其守將劉清等出降及柳昇之子
 在城困迫責書求和諸將多勸王職之惟任道愷
 生惟愷見通牒書言勿以一隅之地勞萬里之師
 兵如原征之數得六七大將如張輔等方可圖之
 遂不可守之故應審知庶實專主講和王從之
 諸將解圍而退後通不待命而班師者以往復

得如昔時奉旨禁書三得胡朝述法陳景道馬撰
 不歸實注立進舉堂事而陳公後亦重即行飛奏明
 帝得奏請書臣曰論者不違正父之意必謂從之不
 武而得民之歡何恤于人言乃遣使封爵為安南國
 王勅罷南征兵

聖廟小錄云不戰而一以和為結局阮廌
 策史記云帝之用兵能以柔制剛制勝多致
 捷其安順化百都東鄰諸城皆命文臣阮廌

書謝之不戰而降。

順天元年

勢大
迎敵

戊申夏四月，平定王即皇帝位，命阮

高作平吳大誥。

通史云：戊戌帝為明將攻急，駐蹕阜，問諸將誰可
易袍以代。皆不敢應。德江冊人黎東奮然願往。帝
仰天祝曰：後日朕有天下，朕與子孫不貳其功。願
殿成山林，寶印成銅，神劍成刀，兵來飛馬，八陣盡
其所執，加以極刑。賊遂退。順天元年，第一等。

順天元年第一等

六

臣命阮鷹、戴約、誓詞藏于金匱。

戊申順天元年二月，定封功臣九缺，實火首軍人者於隴崖，勤勞有功等項，該一百二十二人。第一功賜國姓黎、歸黎、龍等五十二人，為榮祿大夫左金吾衛大將軍、尚書省第二功賜國姓黎、蕭、黎、劉、黎、考等七十一人，為忠亮大夫左捧神衛將軍、尚書省第三功賜國姓黎、趙、黎、蕭、黎、考等九十人，為忠武大夫鉤野大將軍、尚書省第四功賜中為十五道，置行遠分守。

氏簿籍

秋八月定功行封視功之高下定為等類以承旨阮
鵬為冠服僕司徒陳軒為左相國樞密大俠范文巧
為太保並賜國姓

一年己酉詔內外文武官有精通經史悉集會試於
府路軍人山林隱逸有通經史工文藝舉解省堂員
身八場中者選用題詞用尚書蔡文靈監試
承旨阮鵬是知帝御善提警考試宏詞科

天下勳
首取阮天錫陶公探程壽俞潘子止等六人
三聖科錄
惟如原本

已酉五年立長子右相恩齊為國王攝行國事太子
梁郡公元龍為皇太子命武自燕骨文自行進以上有
男九歲以上十五歲以下八侍太子武自同知以下文自
尚書以下有男九歲以上十七歲以下八國子監讀書
封拜功臣九十三員以次封縣上侯亞侯卿候直、侍
各有差

六年癸丑秋八月太祖廟蓋藍山永陵十一月阮氏
 新撰神道碑記

紹平元年

北太

甲寅五月命阮氏亦嘗蔡君實主計行

還阮氏掌作奏本成內密院叔惠學士古

宗庶忽惠以告蔡察察讓廬廬謝曰叔惠

才居天下無要每有奏籍皆欲得氏

上意故仆因事而發再非有所諷諷君

述太祖神主神命文武議阮氏

市

事

後除之

二年己卯有再犯盜亡人雷新等察見其多殺心執之
而以同承旨既屬高爵對執法令不如仁義事明矣今
一旦殺七人恐非威德之舉書曰最難止傳曰知止而後
有定臣請述止之義使陛下聞之夫止者安所止之謂
如官中陛下所安也朝政世事他所不可常安反歸
官中然後安其所止人君於仁義亦然以之存心而
安所止則威怒終無可久願陛下留心臣言也

蔡銀等以珣有仁義能化惡為善願以付之遂使珣
與天府等各保受其囚虜以彼頑狃等輩朝廷法例
所不能懲况虜等德薄安能化之以乃斷斬二人餘
以流論

帝日與近習嬉戲大臣欲勸學乃議奏以阮厲程祥
俞等文臣六人八侍經筵帝還其奏

四年丁巳春命阮厲與鹵簿司監梁登督作樂鼓
樂器教習樂舞為進石磬圖因奏曰夫世亂用武

和乎尚文、今興禮樂、此其和也、然無文、不立、無文、不
 行、和平為樂之本、聲音為樂之文、臣奉詔作樂、正
 敢不盡心力、但學將雅、淺恐聲律之間、難以諧和、
 願陛下愛養元元、使閭里無惡、愆愆之聲、斯為
 不失樂之本矣、帝嘉納之、

夏帝欲觀胡氏手詔、及得、以既為米、錄得、因獻
 十篇上之、

阮厲奏曰、比者臣等與梁登同校定雅樂、而臣所

梁不同願國所命、初太祖親命阮應定冠服制未及
 施行至是梁登上書畧陳曰夫禮有大朝常朝加郊
 天告廟聖節正旦則行大朝禮皇帝服衮冕升寶
 坐百官具朝服朝冠如初一日十五日則皇帝御
 袍衛天冠升寶座百官具公服幘頭常朝皇帝御
 黃袍衛天冠升金臺百官著常服圓領烏紗朝大樂
 有郊樂廟樂五祀樂教日月交融樂大朝樂常朝樂
 大晏九奏樂中宮樂不可一樂用之一鹵簿大駕如

卷之三

禮部

輅制大輅象輅馬輅有九龍輅有七輅與有武輅有
 龍輅如儀仗則金吾衛儀衛儀衛儀衛儀衛儀衛儀
 蓋駕馬隊伍比肩有數臣不勝盡錄書奏帝
 又命澄定之登因進冠服制樂器大抵登與薦所定
 多不合其議樂器輕重大小多相違奏不同故薦辭
 其事

人物誌云公辭不與事歸
 集室於至靈崑山相奉朝參

頒新定聖節正旦朔望常朝大宴等禮儀詔初帝命
 樂全定大朝諸儀至是成進乃命傳寫儀註懸于

天門外帝謁太廟百官著朝服行新禮自此始行遣
 阮厲參知簿籍阮傳陶公撰阮文編參議阮子等上
 疏以制禮作樂必待人後行如周公而後無闕言今
 使小監梁登專定禮樂國得不辱乎且彼所為欺
 君罔下無所憑據如鼓鳴人早報朝相令君出班定
 乃鳴古制君出相左撞黃鐘之聲而右五鐘應之君
 入相撞鉦實之鐘而五鐘亦應之今臨朝鐘一百餘
 是和尚數珠之數如用明國制君坐奉天門則有金

臺奉天殿則有寶座、今只有會英一殿、復有金臺、終
轉不棄、重設亦不可、是皆何等禮儀、夫造車則前簾
後戶、今開戶在前、其制如此乎、人君出警、八驂此禮
之常、今開門唱奏事畢、百官退、君尚坐、而驂人始鳴驂
何也、且登小監、繞步御座、近君之側、臣竊疑之、

大寶三年壬戌會試、二月初二日、上御會英殿親臨
策問、翌日讀卷、官翰林院承旨、魚國子監、臣阮鵬、
侍郎、臣黃夢荀、內密院同知、院事、臣程霖、俞、

博士臣阮子晉奉卷進讀第其高下賜阮直欽元阮

堵榜眼梁如鵠探花郎陳文徽等七名進士吳士達等

二十三名附榜

以進士題名碑記經文徽二體具有考官批評見重寶賦集

衡縣有墨賦阮直

七月帝東巡閱武于至靈城阮鴈邀駕幸鴈御崑山

寺駕回天德江八月還至嘉定大來荔枝園與氏路

通宵而崩

阮帝安公妾阮氏路公抱大孝之美召八拜為禮信與士日夜侍側

人皆言氏路執

廷議殺鴈

世錄云初八月十六日公年六十三門人歸莊鳳山三炭山

及氏路罪三族又以

為臨刑悔不用丁福丁勝之言并殺之

范譜云公持刀不用黃福之

多儒者輩亦改正其誤集教也
聖子不周丁福丁福之官并提之耳

世歸云初胡朝公道遇氏路

范諸文知天增潮人其姓有周
祀之今在光興寺壁畫地門之

有納之後太宗立聞其美召八及東巡宮侍帝崩

朝饒夷三族其側室瑞獸村人范氏敏有服三箇

月建之益惜廢居期而生鸚鵡國家焉

范諸文云本
朝先賢公始

力青公始正何衛瑞獸村人何生五男其正室唐氏生子
歸木如復姓氏次室黃氏之子真魯仍留瑞獸使范氏

一附考火畧云虞之先祖三世家有國有姓穴國裡公

一日卜居納刺為室此夕公夢一婦抱子至乞殺二

月客他尋捷地及早未起諸童會幸其地見
 蛇截其尾得二子教之公既醒起惘不及是在
 香想有點血污及三絲公大驚知其報在二
 處既醒常朝四過席肆見一女色殊異納之
 路姓阮能文章貫經史帝愛之常召八侍不
 乃獻帝薦得罪誅女臨刑化為大蛇入水而逝
 聖宗光順四年壬午勅諭大臣文武百官等昔我
 祖師風冰而冰天下和則佐命無臣時賜國

示諫書于孫傳襲日久、悉失原祖之姓、有乖敬人以
尊之道、今擬凡功臣子孫並依原姓、范公毅又奏功臣
賜國姓、並許改從本姓、使澄天潢之宗、淑明族氏之本
原、帝從之、帝前功臣子孫還祖父姓

五年癸卯秋七月、遷阮厲子鸚鵡縣職

范謫

謫

族

云

初

太宗

立

阮

厲

復

參

預

朝

政

嘗

以

功成身退為念、帝命提舉昆山資國寺、年六十

乞謝事、許之、後復強起、命仍舊職、兼中書省

黃和蔡原叔惠等用事尤多嬖嫉會掖庭姦好吳
 氏玉璫有服夢金仙童降生事聞宜慈太后愈加怒
 對遂以女巫家奉觀音佛為女惠妃求寵事出史連
 及嬖嫉姦好坐擬流腐使氏路奏請收監從之旨
 一居徽文寺公使人贖養之滿月生恩誠后惡猶未解
 氏路知之暗告嬖好道后知而卻之及帝東巡幸鷹
 家與氏路通而崩后遂誣告氏路逆弑罪公三族
 俱忠誠封壽王姦好自廣安來具以座中言之王

即位之乃詔宋平赤銀用扣鴨鵝已中光順林世近四

應命同知州范增作西真燕歷校參政遺贈公贊時

仙龜遷祀田百畝其子孫封蔭與國同休至今苗裔為

十三世孫鶴生男二長祖登進士為安邦承政奉使道過

蛇報次祖慶中式生茂直典簿茂直生男二光育知府光

實中式亦有屋居王山巡邏岑羣村余前往過其地族人

示譜記人與世編同又有移居海陽春育有必德舉昭

清德七應官宜光緒察便又一支在義山亦稱先生詩

商書向余言之

附錄聖宗吳氏夢天帝命仙童降生童乃請
 醴之蒲屏右王女曰以與再王女笑不語夢覺而
 帝初公鴈有女以琴律之官婢沒入教坊歌妓年
 玖色絕美啞不能語有一夕隨僮侶入內侍
 拍子衆女以次起無一稱旨帝指女曰此坐後何
 女應聲唯金而歌極雅致與鈞天佛彷彿似石在
 見舉止與玉女無異因納之甚得寵

年丁亥三月、命東坡翰林承旨學士阮鴈詩文清草、
洪德十五年甲辰、勅會國功臣子孫、保順天年間有
功官一二品、其子孫勳在軍伍、許拔告本處承二司備奏
送兵部覈實、身材堪用者、充歸本衛使士、

憲宗景統三年、勅會順天年間國功臣自三品以上
子孫、已充軍伍各色、許拔告兵部覈實、充歸本衛使
士、能讀書者、充崇文館儒生、三品以下充武衛神臂
等衛、

順治四年、勅旨休開國功臣子孫族屬在內

將祖父勅命、扶告該處勳貴、識字者克崇文館
字生、不識字者克歸本衛俊士是年六月二十七日、贈

清文侯制文

止此續以下

順天承運皇帝制曰朕惟法殷中而制治思弘率祖
之圖等周並以敷功式表安邦之教肆頒如舞增煥
若堂乎吳開國功異增特進金紫榮祿大夫黃
伯柱國既廣體國真儀經始碩畫我高后蓋

起義卒成興越之基，相寧人潯水從戎，茂德平吳
 之績，開望特高於四海，許與備見於兩朝，雖知
 之，而亦承勳，如理，猶無庸之，乃獲其，在丹，書，井
 朝，既，修，於，厚，恩，今日，宜，加，於，異，數，是，用，易，其，伯，齒，賦
 以，侯，封，丁，以，旌，備，國，之，英，辭，于，以，顯，濟，和，之，實，望，於
 武，龍，虎，風，其，心，之，會，猶，憶，前，緒，文，亮，事，業，之，傳，永
 和，後，世，可，加，封，累，代，功臣，特，進，金，紫，紫，綬，大，夫，濟，文
 侯，桂，國

熙宗永治二年秋七月、定諸臣及文武百官饒蔭例、
 自永祚初、官軍以從回鶻、遠發金、一切預封功臣、復
 賜世蔭頗多、至是定例、創業與中興功臣、武自都督
 以上、文自侍郎以上、並賜累代功臣官員子孫、其西
 班、武自三太至都僉、文自尚書至侍郎、並得五代蔭、
 餘以次第減、武四品以下有軍功、歷受勅令、文中撫
 有佐貳、有歷調方得諸子官員、初受只饒一男、從官
 緋流各職、與各門衙吏正出身生徒之半、五十爲老

項六十為老曉

裕宗保泰二年八月、議行武學、武選法、設武學所、教授官、令功臣及諸臣子孫皆入學、習武經戰畧、典諸武藝、歲以春秋選月、小習四仲月、大習春秋習藝、冬夏習文教、教授官舉中者調用、準定三年一試、凡天下俊秀亦聽應舉、其試法、先問孫子大義通者、許入較藝、一馬稍二劍、首三舞刀、終場試方策、合格者、引入府庭覆試、隨高下取用、

定國學鄉學試考憲法國學以祭酒司業為講官文
 武功臣子孫並聽與士人入學每月學官一小習者
 諸生入學者四仲監官一大習考諸生與舉人四課
 預中聽監官保舉吏部除任鄉學許拔官教習本
 府生及童生俊秀之願學者月二課中八期者生若
 免歷考童生更許八場鄉試許縣官考覈士人舉
 額以大小中縣為限大縣二百人中縣一百五十人小
 縣一百人所額撮充引納府尹二司詳考有稍通

以通之別並聽相鳴比以定其優劣

三年定功臣文武蔭例、朝開國功臣世父蔭遠、
月者東慎德弘定開諸臣以扈從回鑾賜功蔭
號襲蔭亦多濫雜又文武子孫饒蔭因循沿襲
等級未明參從公沆請釐正從之

四年九月定開國中興功臣饒蔭例

初設武舉科以子午卯酉所舉辰戌丑未燁
並三年一試其法先畧問武經後疊校武藝

場試策一道較藝預中為生員官員子孫為弁生策
試八格為學生官員子孫為弁生合式博舉終場中
格為進士許同進士叙用三場預撮取亦與同用

裕宗永盛六年九月二十六日準給免還田令

大元帥總國政安都王令旨上福縣藥溪社功臣孫
姪團叙榮成康裔外孫阮憫黎政同族等乃前祖
平吳開國功臣特進金紫榮祿大夫入內行遣門下
右諫議大夫翰林院承旨大學士兼中書翰林掌六部

尚書國子三館事亞智字賜金魚袋濟文侯柱國阮
 賜姓黎阮庶多有勲勞有免還田在古質社九畝
 在羅浮磯洞等社三十畝九高共四十畝累奉仍留與子
 守祀事已經查實等因應仍給上項田付還孫
 庭光監守均分耕種以供祭祀表前勲其
 後井所該及各社民當奉鄰別員人不得妄
 有閼法在茲令

一所在本縣古質社田共九畝二畝
 一所在本縣羅浮磯洞等社田共四十畝

永盛六年九月二十四日

給許本傳古賢社九畝八高珍凡大寸令旨同
人給許在天本縣不移社十五畝五高令旨同

慈宗永佑五年旨令宗室功臣苗裔有能糾率家丁
及召募從軍順隨攻討者聽其啓開給器械差行隨
功賞擢

六年錄用前代功臣子孫 相明王襲仇

顯宗景興三十二年夏命政府審覈職色鄭王森

王以迄來各職素雜凡諸白丁受雜職色並令正

查實

二十三年十二月定功區饒隆側

顯宗景興二十八年八月初八日晉封大王執

勅平吳開國推忠贊治合謀保正累代功臣特進金

紫榮祿大夫八侍行遣門下省右諫議大夫吏部尚書

掌六部事翰林院承旨大享士兼中書省兼翰林

院事知經筵三館事亞智字賜金袋濟文侯封

贈太保煥郡公加封應義建謀濟報定難宜猷迪訪

臣相輔贊至翊運顯功揚烈大王、蓋世無雙、格天
 功烈、相佑妙宣、膺德為國、張不死赤心、悠長默則、
 圖扶王儼、猶生素節、永記具存、祀典加封、
 為嗣王進封王位、臨居政府、尊扶社稷、鞏固洪圖、
 有登秩、應加封可加封、
云云
如上宜靈延慶大王故勅

景興四十年五月十六日
 加封位治建祿勅文同

皇朝嘉隆元年八月初五日收錄功臣子孫誥

詔管祭功臣子孫等、欽知事、自奉太祖、開創、迨夫

在誠莫中興、多有佐輔元勳、厥後恭祚式微、西向廟堂、
 功臣子孫、摩挲特沈、抑最職、勵志職、仇、制、平、亂、果、近、念、前、
 代功臣所當存恤、特詔頒下、保黎朝開國與中興功臣、經、
 受知顧、褒美、集、蔭、諸、誥、敕、應、許、子、孫、遞、還、金、華、殿、以、上、
 清王侯、核實、轉奏、限十五日內、事畢、得、憑、議、行、收、錄、以、昭、
 厚道、欽、哉、特、詔、是年九月初九日、準、頒、祀、事、饒、夫、詔、
 詔舊黎功臣後裔、阮、奕、欽、知、再、之、先、祖、太、保、漢、郡、
 阮、虞、翊、贊、黎、朝、平、吳、開、國、考、功、第、一、經、加、蔭、爵、永、

同休迨西山崩亂繁作告終再祖家聲下同編戶茲
 戎大定四海永清既纂崇德之文並舉錄功之典准
 頒再為體隆雖免身庸授另諸務世守阮廌祀事並許
 擇族內二輩為灑夫除免授另其身庸受納依例以昭
 恤典欽哉特詔

明命三年六月十七日禮部奏駁襲蔭議

禮部為題覆事本年二月二十三日北城總鎮臣奏叙
 明命二年十一月城轄山南鎮公府縣社公奏稱前項

郡公阮鴈乃舊紱平吳功臣、故父某乃其後
 成、年蒙得詔領饒、隆、並、族、內、遷、失、三、年、虜、展、興
 彼乃某長子、乞為饒、隆、繼、守、祀、事、經、飭、兵、曹、臣、克
 員、由、部、覆、奏、等、因、臣、等、奉、查、阮、鴈、是、舊、紱、功、臣、
 報、功、伐、其、子、孫、蔭、封、三、百、餘、年、食、報、亦、云、既、厚、於
 嘉、隆、元、年、詔、准、饒、隆、亦、為、格、外、隆、滋、分、之、恩、未、易
 數、得、况、世、代、遷、革、知、異、事、殊、似、不、應、援、例、陳、乞、奏、擬
 平、吳、開、國、功、臣、後、裔、某、奏、畢、應、駁、惟、阮、鴈、祀、事、舊、准、之、禮

大業已成、期似應准許依舊二率、十一月十九日奉
旨所議是准依議欽此。

明命十年二月初三日禮部議停襲薩灑大賚。

禮部臣等為議奏事、明命九年八月二十六日本

上諭舊案開國功臣役裔嘉隆年間蒙得賜誥、係

奉一帙特恩、非有定例、其應否襲襲夫之虞、其

部查明詳議具奏、候旨欽此、鈔過、尋竊思

于世所以厚道而答崇、惟於國家有大勳、

然後可以膺殊報、查各處饒慶等之先祖、如扶王、
誠為有功、然於本朝未有尺寸之勞也、奉

世祖皇帝追念勝朝勲績、准該後裔為饒慶使之
承祀、所謂係奉一報特恩、誠如 聖諭、殆非可以援
而為例也、奉擬凡冊存十三名、聽其免陳及身而
至如已故之二十八名、均無庸承襲、嗣後不得邀請、
該等先祖祀事、間有奉准二人為灑夫、茲請并
罷、其厚頌饒慶誥文各道、係奉

上制恩給該族奉之為世寶其應否收銷之處伏候
勅下施行謹奏

二月初五日奉旨故黎功臣殊非本朝功臣者比若梁
其襲蔭則何以示區別乎所有原領詔文該四十二道
著卽行回納由吏部化銷現在之饒男十二名著禮
部換給憑照各一道餘依議欽此

嗣德六年正月十四日

勅宣靈延慶之神護國庇民稔著靈應肆今玉座

緬念神庥，而加贊爾。後漢書卷之六
 縣古賢，德業流傳，千村與神。後漢書卷之六
 大相佑，保我黎民。後漢書卷之六

評論諸說

聖帝製瓊苑歌詩云抑齊心上光臺原註承旨冠服侯阮
 庶幾抑齊於潤胡登第聖祖創業之初滌江歸附內則
 畫帷幄之籌畧外則草諭列城之大書華國詞章龍仁
 益重

正和冊封清使周鼎使交吟有云衣冠人物重疆自註理
 學則程泉武曆經濟則莫捷之既思梁世榮編
 大學者願衆

厚齋阮氏曰、阮氏之學一出於正、蔡朝實行文章之巨俊也、
 觀其以仁義而盡所出以經學而為樂於義、不事於官、
 處乎行、文章制度燦然可紀、雖平大寶之間、國中雖盛、
 遠方畏威慕德、咸輸誠納款、以觀太平、焉可謂無負言、
 相之責望也。

杜氏儀曰、濟文侯文章德業、未嘗員之外、當與陳之明、
 昭明相伯仲、侯初在陳、擢進士第、及明人入國、惟以宗、
 為念、雖明之高官好爵、招之不來、西堂之枕、季休、

善提水潤天下太平、諒江之夢與道微、玉旨以碧水青山
 真人著出因之以識、塵中天子馬、迨其決策歸黎而升王
 禹相之謠興、三良何日暮寄宿四更東關有祠內人相語猶天曉
 夢、藍山祠主禁利為食前此相已有公輔之望、明良契會、魚水相
 親、太祖率倚天之劍、藍山記、黎侯常把酒於藍江、得片餅加刀七尺
 其制不若尺寸、率同德之臣、而公之制諸勅諭有以激國人之志、衣
 書往復、有以得明人之心、率之南北罷兵、天書山河、然侯
 獲黎之所以得天下者、皆公之力也、示美謀壯猷

天下無

逆問

財利法制開導上心至是公得召見仁義要止之學
 禮樂教化之書各以當道引致而太宗既想亮於之
 心油然而生高議之底行於獄之寬貸訓書之褒美雅
 樂之命定紹平之間世用丕平使薦得居相位則早不
 用經書不設黜而天寵可回也惜乎薦之學不得盡
 展於太宗之朝而薦之言不沒於史牒者皆可為有國之
 常法此所歎如祀山陵大祀記及輿地志既不載於楚寧
 而又委之於光順也

蘇世祥辭賈賦序云自陳朝迄今縉紳無慮千百而詞

蘇世祥

章鳴于世者有數焉阮公沈弱凌其源陶公師錫導
其流李拙庵阮菊坡數公之揚其波陳密察阮抑齋諸
賢之助其瀾天下知莫大於是所謂水之江漢星之斗牛
者也抑齋

吳平峯曰陳季之志阮抑齋乃其最他如阮子晉武夢源
清季先阮又繼諸人亦事然為一類文章世襲

見陳阮錄云陳季之以章肅侯外孫阮飛卿之子胡朝進士南

夫、潘江竭見、遂受知遇、飛書草檄、一世獨步、位尚書
 臣、觀其輔政兩朝、盡忠納諫、屢見阻抑、曾不少
 處其鋒、灌之間、殊賈調劑、而昧於止足、更不令終
 悲夫、遠孫曾出其追贈制、有曰、風虎龍雲、之會、猶憶
 前緣、文章事業之傳、永垂來世、蓋仁孝之勲、千古自
 不泯云、

通史藝文志序云、我國號稱文獻、上而帝王、下而臣僚、莫
 不各有著述、會而總之、不過百有餘帙、當陳盛朝、又

變不渝。雖恭自保，君子所樂道者，類此。若浮詞無味，與
大勝於行者，無殊焉。又曰：順天洪德之間，以詩名
數十家，詞華意健，不忘君親，則蔡公爲有奇。蔡則
李公乎？機酬奉得體，則申公仁忠清遠，則蔡公順情。
致則黃公德良，尤爲人所稱道。

生齋樓祠堂帖云：事業文章開國首，旂常帶礪故家
聲。功存開國藍山錢，慶衍傳家故邑祠。英雄氣概依
高廟，瑚璉重芳感聖朝。功齊藍嶽千峯峙，慶共蘇

和元通集卷之五

江一帶流

見聞錄云陳朝賦多奇偉流麗韻致格調總類有宋
所存者只有阮汝弼陳公瑾宋有顧范應璩其後
張藻趙阮角地陶師錫阮飛卿段春雷諸賦體十三
篇見於群賢賦集中而已

人物誌云公以文章謀畧得君經世為開國第一功臣
晚路閑退尤無貪戀之意獨以妖女業報辜累功名
當相戚懷惜之然事久論定是非句明聖宗詩云

齊心上光奎藻、蓋深嘆美之也、

南齊錄云、柳齊任太祖定天下、一制命令、文書多屬公
軍、其作平吳大誥、文有曰、遂使宣德、使童黠、兵無厭
蓋深惡明人擾害我國、故斥明帝號也、北人見之、批云
作此文者、子孫必不全、其後因氏路染禍、人以為貶、尤
生、姜氏路俗傳、乃蛇妖化身、少知文辭、甚麗、尤善國
語、唐律詩、與公為和、所作以百篇、數世不得傳、其和公
情字詩云云、後遂為先生稼稿、其風稜畧見於此、

非以偶顯云先朝濟文侯黎公爲號抑齋先生原莊阮
 父寺卿公親鄉屬眼人少好風水嘗杆先墳于上福之墓
 漢國家馬公舉胡朝進士官御史臺正掌胡亡隨
 寺卿公避寇崑山有夜依牛斗望中原之句其悲
 和惻世之心往往見之於詩報山西霍汝人陳元杆以
 膏油爲紫暮過瑞香宿禧康大王李翁仲祠夜聞
 隣邑神遊王偕朝帝所王辭以國公寄宿鶴鳴
 朝因王問今日議事有何號令神曰上帝以南河

命繫。利為君、黎薦為臣、陳覺物色之得、公
 出、公往叩之、夢王曰、天庭秘事、所不敢洩、仙客婦
 直知其詳、且婦人之言、上帝不之責、盡其盛烈、冥
 金一萬兩、之、公如其言、詣仙客主夢、主呼曰、黎薦、黎
 利為君、黎薦為臣、獨未之知乎、細問之曰、清化藍
 山人也、公偕陳往候、太祖方短葛荷鋤、驅黃牛自田
 中反、留信宿、值先諱烹豚治具、公盡下執爨、見太祖
 操刀割肉、且割且嘆、私謂陳曰、仙客主給我矣、辭去、竭主

而索之金、生曰、黎利為君、業有成命、但天星未降耳。
 重再候之、朝太祖、始得兵書神劍、夜閉戶、觀書、公濟
 窺之、偕陳推門入、太祖伏翽出、皆伏地曰、某等跋扈而
 來、以明公能為天下主耳、太祖笑留之、謀起兵、公曰、
 未可、集館校徒、嘗製小鼓、鼓及燕、濃蜜、控做鷄犬形、
 使童子弄以為戲、他兒見之、竟請其父往從學、又嘗
 濡脂遍書山中木葉、曰、黎利為君、黎麻為臣、蚩蚩
 之、穿成字畫、林樾者見以為神、更相告語、以成。

昔日家戊戌起兵前後九二十餘戰公嘗參謀帷幄百
 午戰於軍洞大捷進逼東都明成山侯王通擲城拒守
 丁未明遣安達侯如昇黔國公沐晟分道並進以拔
 東都帝與戰于馬鞍山斬柳昇生於黃福崔聚等三
 百餘人沐晟宵遁王通開門降縱使北還自是通好
 詞命皆公所撰紹平初除官謝表云轅門仗策臨大
 節而半生忠義食知虎口填身決和議而兩國干戈以
 息其實也以功賜國姓授榮祿大夫八內行遣知三所

事陳後爵至國公以聖宗見忌蔡家拔於江會桐在
 霍次公文章渾灑有氣力順天開平晏大歸來履神道
 碑諸侯碑平初贈昭儀為皇太妃制皆繪畫人口常以
 事下獄尋赦出之累陞門下三諫議大夫兼翰林學士
 承旨壽清文侯性恬淡有棲隱之志其贈友人詩自身
 外池名烟閣迥蒼山遙為林山故有別墅在京北回龍
 園紹平末傳命關上相之弟皇弟北遷為卒燕國是
 身崩人以為公晏氏臨所賦公遂以此得禍初為繼之

既獲明尚書，黃善風水在我國，相悉為計。至是
 也，獲公以傳，屬故不之知。黃笑謂曰：吾祖墓有故太生
 曰：難耳，不似君家夷滅禍也。公弗信。後黃得故師，而
 公因是索禍人以為驗。今公祖墓在藥溪，穴墓在平田，
 以為夷滅禍，或以為斷頭將軍形，未方龜山
 其尾反。尚書對者：藥溪脉短，禍慘誅夷，益指
 此也。世傳公末遇劫在藥溪，投棄常指野外一岡，謂諸
 生曰：明當拔除，以橘精舍諸生諾。昧與夢見一婦曰：身

弱子幼客三日使鳥可也既覺馳視野外已悉工矣
 獲二婢問其故諸生曰頃見一婦等衣斷尾去公袖其
 卵婦字之是夜哀嫺讀書一白未婦人綴尾染血滴
 其書歷代字巧疑三頁公悟報報在耳世後蛇子破卵
 去一長一短公命放于旁邑蘇澤江今為江神公既意
 朝四過常席肆遇一女色殊麗以詩詞相戲悅而納之
 紹平中嘗往來宮掖太宗皇帝命為女學士是
 建鞠之女曰公所教也遂處分法臨別女化為蛇入水去

其氏逸

世于人生公子騫、以之居傳主人知其

系公妻也。光順間，聖宗皇帝嗣位，應公寃，下詔洗雪，追贈太師、清文侯，訪其後，得騫生子以歸，授知阜州。後奉使過洞庭，湖水中出一蛇，風濤大作，知州公請清問事，風濤頓息，觀還至洞庭，舟覆而沒。子孫世襲功臣，孫清文侯贈封制及傳神圖至今尚存，並用絹箋制詞畧曰：風虎龍雲之會，猶想前緣；文章事業之傳，永垂來世。詞氣渾厚，彷彿明太師文成侯贈制云：圖經

林約畧可認體貌豐厚額頰短窄戴馬尾包頂著青
 錦袍神態猶可想見景興中修民政興庭議欲省開國
 功臣恩澤閔公勅戶部侍郎榜服蔡公貴傳碑之曰
 前臣賊子何詰勅為也語未竟奄忽驅去見二年過之
 至一所垣牆繞繞古木木十圍殿上龍椅數十右廊設
 椅文官幞頭補服坐左右林立率導榜服公八跪于
 階下榻上厲聲曰我清文侯也初學少生何故妄忤我
 先朝勲舊罪死不赦榜服脅息不敢仰視傍有一員涼

巾青吉服代為懇請良久乃得解語曰我功名事業
 不肖與子較子平日以甲第驕人歸讀平吳大誥若能勝
 此陣勅不為過矣榜眼公覺聖旨故較還之諸功臣遂
 得不省噫公之勲烈如此而不能保其身子孫以滅殆
 盡焉狗土龍古今同嘆可慨也夫
冊輅祭雨前分號家
藏相傳黎木所撰姑
待考

按賴氏風水志云穴在桑溪龍來甚遠比結局樓樓因
 因活水生蛇微如灰線忽起木星棲再齊整結成好穴

兩傍牛耳、硬砂各出數片、以衛真氣、左伴出土屋管而
 作案、案下出一條陰砂為不現官、局內團團、群沙獻秀、龍
 虎排牙、小溪開鎖、左遮右護、為印、為劍、為幟頭、為文筆、
 為神童侍立、為將軍出陣、多合貴格、蓋後公之父登明
 胡榜服公卽阮某少號神童、後從黎太祖平吳、為帝師
 其後子孫又中進士

文臣黎鴈詩序云、鴈上福榮溪人、父阮飛卿中

進士、生鴈二十一歲、中胡朝進士第四名、相

取吳賊南侵。公有志於救民。遂至仙客公主廟前。懇告
 吉兆。有祝告文。夜夢見仙客公主。告云。上帝已擇藍山人
 葉利為天子。遂尋入藍山。和吳兵據可監城中。太祖夜
 夢神人資一良策。及晨來見太祖于溫江。宛然如夢中
 所見。因獻平吳策。至太祖在善提。自築層樓。賜侍
 坐。顧首草書檄遣各城。及與吳人結從。城者五
 次。當知憲章法度禮樂刑政。皆在所定。仕至吏部
 尚書。入內行遣門下省翰林院承旨太學士。入侍經

總行樞密院事、學士、經書士、兼中書國史三院事、
 齊先生有智、齊持事、至堂遺事、并年與大將軍、
 章表行于世、晚年娶氏、路為妻、氏路粗知文、學以侍太
 宗、拜為禮儀學士、日夜侍側、及帝東巡、遷至嘉定、為
 校國典、氏路通宵而崩、大臣鄭可阮、職等殺之、連及阮
 廌、夷三族、牧田產八官、至洪德年、開始免還、再餘用子
 孫、封阮廌為濟文侯、世傳廌鄉有大陂、有大蛇、常為
 人害、其祖父教學謀計殺之、廌妻氏路腹下有三胎、及品

至虜人以為蛇之報惡其孫過洞庭湖再遇蛇報至
子孫猶有戒心

烈賢阮鷹傳云

出諸氏歷朝
意重人物誌

阮鷹號抑齋弱冠以文

年

著述經史百家及雜畧兵書無不淹貫年二十中開明

廣辰科太學士父子同科登用官御史莒正軍未幾

明人南侵二胡被執父飛卿亦為所虜公僅以身免總

兵張輔逼飛卿為書招之公不得已就降輔知不肯效

用欲見殺尚書黃福奇其貌釋之留陳關城開駐紮

故舊領事官等親往重光宮以國版授奉天縣志
 部書起義兵時並山卿某致北平軍府將軍等
 貪暴忍酷生民被擄無辜並奪之而去無所補救
 故有於此嘆其概然永一憂取下去後復有
 以太祖姓名遺來意旨求諸人清年重歸江行
 吳陳太祖置諸左右參謀帷幄累進翰林院學士
 未春加朝列大夫八內行達更郎尚書承行樞密院事
 諸典明人姓張文書與奉天縣志等書載其常脫

明人逐國、奉撰平吳大略、戊申春定功行賞進爵位
 服侯、預賜國姓、癸丑春奉撰承陵碑文、太宗紹平初、諸
 大臣擬以公與程祥俞等八侍經筵輔成君德、奏不諧、
 又奉撰樂、與宦豎梁登不合、遂辭不與事、歸築居於
 至靈崑山、相奉朝參、大寶壬戌年六十三秋、以氏路八侍
 毒殺太宗、庭論及三族有妾相方懷孕、隱遁得免、尋生
 子鵬鵠、聖宗相軫其冤、賜之縣職、贈公濟文侯、所著
 有玉堂詩集、世傳公卿大陵土阜有巨蛇、樹木蓂莢、邑

人不敢剪伐、公祖受其風水、結構書堂於上、門童艾織
 誤殺是蛇、蛇精埋悉、托生民路、帝下有蟬、公少相道過於
 武陵、悅其才色、納之、及當國、凡語書詞、命與之潤色、大宋立
 聞其名、召八見、拜為禮儀學士、相公年七、欲歸、直小州
 養累請不許、乃留氏路內侍、帝許之、東還、以入路、帝
 帝崩、乃獲罪、臨刑、氏路走赴水、人以為蛇所之報

印齊遺集卷之六

國書寶訓大全

輿地志

阮天機集註

阮天機集註

李子晉通鑑

昭平二年、上德教遠加、四鄰有邦、咸來朝貢、行遠

作

休文 黎廣乃作書達于王曰、我國肇有山川、東際于

海、西抵于蜀、南至占城、北至洞庭、

行遠官者、本朝任重惟宰相與行遠、再上福壽漢

人阮廣、封濟文侯、號抑齊、局爵名、今雲南有是

印齊遺集卷之六

阮天機

印齊遺集卷之六

占城古胡孫國是洞庭湖名楚地內建於黃巢白雲
無際日月出入其中、閩廣諸水悉匯之潮中有五
山、一名君山產洪橘崖舌茶玳瑁竹、祀堯女湘君
于此、一名鹿角山、陶朱故宅、

先君涇陽王、生有聖德、受封粵南、為百粵祖、

我越之先相傳始、君曰涇陽炎帝之裔、王父帝明、巡
狩至海南、遇嫫仙女納之、生子祿續、神米端正有聖
德、帝奇愛之、欲立為嗣、王固讓其兄帝明、乃封之

越南是為涇陽王

胡上紹統建國曰文郎國分國中為交趾朱為武寧福
 林趙蒙寧海陽泉陸海武定懷驩九真平文新興九德
 九十五部

雄王貉龍之子涇陽之孫王所都曰文郎相傳十八世皆
 稱雄王

迨趙為漢所定武帝遂以其地為南海蒼梧鬱林合浦
 交趾九真日南珠崖儋耳

武帝時建國于番禺今屬廣東傳祚六世至南陽始山國

五、西漢元封年間武帝遣路博德等滅越南海秦故郡

今廣東蒼梧鬱林秦桂林郡今浦秦象郡屬交趾九

真曰鬱象郡珠崖清耳州人少則鎮其象及連耳區分今

儋瓊二州是並在大海中寰宇記永嘉為東甌鬱林為

西甌與地無交趾周為絡繹秦曰西甌索隱曰今珠崖

俗耳謂之甌人是為甌越

五、嶺內屬漢吳晉至隋唐為中州便

孫氏晉司馬氏東西晉隋楊李氏也時屬
北朝各置太守刺史都督節度以管轄之

吳平漢復國所得壤地北夾兩廣南至地哩九二千八
百里東接欽州海門西界雲南九一千七百里

前吳姓吳名權也漢南漢也正公牙將矯公羨弑逆
漢王劉龔欲因其亂而取之乃使封萬王弘操為交
王將兵而南吳王自愛州而北破吳孫林自蘇於之兩
廣東西廣也地理道名亦兩界是

府九五十州九西平縣九百零六戶三萬一十萬丁
 隸天下為十道戶部賦民數並有舊籍並百丁
 有李天下為二十四路行遣賦戶數五百三十萬一百丁
 有陳天下為十二處院官賦黃冊大中賜四百九十萬丁
 黃男二百十萬四千三百丁

我朝混一天下為十五道府九百一十縣九一百八十七州
 九五十四鄉九一社九九千七百二十四村九二百九十四
 九五十九州九一百十九庄九一百一十六洞九五百三十一

四百六十五所九五十八寨九七十四源九十六邊九二百

此書代州縣戶口之目錄也二胡既執明人計所獲

州四十八縣一百六十八戶二百一十六萬九千五百

衆一百一十二馬、四百二十牛、三萬五千七百、舟八千八

百六十五太祖平吳之後特準定丁數山南十四萬軍

海陽十一萬率山西京北各十萬率清華七萬率入

安五萬卒。安邦太原各二萬卒。直興各一萬六千卒。

高平諒山各一萬一千二百年升華並百四十年

平氏田籍龍五子男從母縣源登山其族者為龍五子各散而分治今之洞村莊坊是也又李太宗聖宗紅成時以人以此地

州邑其邑皆做占舊縣今之縣所是也

阮氏曰按中葉安廣一州四縣五縣縣縣州縣地十有年惟世

歸內地順廣二道分為南河陽和以後所有道十三府五十五縣一萬

州四十八社八千六百七十一龍德間王南年詔定民數實檢一萬

千六百七十年內缺諸員高檢并另匠及諸職全縣檢實檢實

萬二千六百七十六年只存實納二十七萬六千二百一軍

乃命民部編八政書帝曰古今國都名號沿革與其山川

風物先生宜厘陳詳記使朕述所聞所知

民部戶部也政書當相為政之藏

侯乃聽序以涇陽王建國曰赤鬼雄王曰文郎都峯州
 前曰醜貉都封溪趙曰南越都番禺嶺仍雄雉都麓
 峯州今三帶白嶺是封溪今東岸古螺是番禺在
 廣東州值西南三十里麓冷今福祿鳴門是

前李曰萬春都龍編趙曰越趙都朱雋桃郎曰野能
 後李都烏延遷峯州吳曰前吳都螺城

龍編今昇龍城是朱雋今山西安朗是野能今在雄
 懷安之間未詳其地烏延古屬慈州今慈廉是

城安陽王所築

丁巳大羅越都華間。李曰大越都昇龍。陳及我朝。郡縣
仍李亦都于此。

華間古大黃。今長安府是。昇龍古大羅城。李使都
有黃龍見于城之西。因改曰昇龍。陳以為中京。胡從
都安保。以中京為東都。太祖定鼎。改稱東京。故
勝于北朝。有稱越裳交趾安南。

施恩氏初勝于周曰越裳氏。自先皇至本朝。龍勝于

宋曰交趾自英宗迄今聘于宋元明曰安南

天王册章有曰粵南南越交趾安南南平今亦曰粵南
册金册章龍章也按帝明授涇陽粵南王漢授越南
越王宋授丁黎李曰交趾郡王尋進南平王崩後進南
越王至李英宗報改交趾為安南國帝安南國王
賜國王金印安南稱國自李始後陳以來皆倣此

群臣承總肯既言邦師乃審議王宜以定貢賦焉
邦國號也師如洛師之師

上京

上京舊都也吳朝郡守王定都于此唐初郡徙
高祖於此築大羅城自李延今亦都于此府路一
屬縣二坊三十有六註按奉天府二縣壽昌廣德各

十八坊

古號
永昌

厥土惟黃壤厥田惟上中穀剝輻饒仗組豆輻棊時幽並
介安泰絳章瑞章宜蠶綿絹河津石灰行挑素炭
左一扇子西湖巨魚盛光龍影唐人葉衣殿貢錦繡

香及金三品、

唐人乃兩廣客商居庸也、葉衣者北人裹衣袖身皆
連長表衣隨次繳上、望之如翠葉也、西湖古靈澤是
李陳立行宮於此觀魚、

海及六頭安子惟海陽

海東海也、六頭江名、六水合源、故曰六頭、安子山名、
有陳諸帝嘗出家修禪于此、海陽古陽泉郡、東
西夾京北安廣、南北界太原山南四京鎮之一、東

之首路府九明縣縣十有八里社九一千五百七十七

社上洪府三縣今平江二百平社、唐素六十八社一社唐素

五古元社錦江八十五社下洪府四縣今平江三百七十一社

嘉福今嘉八十四社、青滿五十四社、四岐一百二十八社、

一所永順古同一百五社五庄、南策府四縣二百八十七

青林七十八社一所一寨、至靈五十七社、清河六十二

明九十二社十二庄、荆門府七縣修四五百七社、金城

七十一社、炎山六十二社、東明一百十社、水棠八十

安陽六十二社，古老五十九社二庄宜陽。其為陽京六十一社十

二航

歌土惟白壤宜火藥，厥田惟上上，厥木惟松栢槐柳，中路
惟惟，艾門陽，陳物鐵唐，素對魚，二安，然惟，同，同，
柑惟然，花潮敬主花石，毛田不開會庵，絲布。

宜者一道之所宜也，安子產松栢，至靈產槐柳，同賴
產，貽甘楨，柳，口岐產槐柳，視他處為尤，艾門屬同
和陽，陳，先明二海口名，唐，素，江名，鱉，似龜，田，蟲，足

乃有棄可死又者、劉魚得舟剪投之江中、二安安
 安老也、二縣產蘭鵝、俗稱鵝鵝、花湖屬東湖、故于
 黃山、二山之石其彩如雲、村可作學、毛田屬錦江、會
 不開俱屬同類、今永順是、三邑綿布、其製勝帛
 為饒

李氏曰海陽止饒人、齊和平則順化、和融則
 亨以來為然、鎮撫之仁、不可不擇也

沱陽年圖惟山西

沱陽江名其源發自瀘溪至中河與沅河通抵白鶴介
 於河濱今圖山名三峯峙立其形似傘因以為名我國祖山
 也山西古來為福祿部東南界上京山南西北界宜興四
 東鎮之山西藩之首路府六屬縣二十四里社九千三百六十
 八按國威府五縣二百五十一社慈康八十三社九村六州四
 所二寨丹鳳三十五社五村七州福祿古義五十一社五村五州
 一所安山四十二社二村二庄二寨石室四十一社一庄三帶古義
 六縣四百四十四社安朝古義六十三社六州一所三寨女樂一

甲子年

地

九

田

百社江村山州 舊名 華州之地有 縣名 上林名 六十三社五村二州先置
 十社 扶康六市 以林 五石 一有 一社 臨汝府四縣 二百五十社
 山國 李 三社 一村 青 五 十 六 社 一村 一社 一州 華 漢 五十 五
 社 一村 七 庄 一 寨 夏 年 五 丁 六 社 一 州 查 鹿 端 雄 府 五 縣 二 百
 七 年 社 東 蘭 七 十 社 三 庄 西 蘭 五 十 四 社 山 陽 四 十 二 社 四
 庄 當 道 三 年 七 社 三 陽 七 十 二 社 一 庄 陀 陽 府 二 縣 七 十 六 社 社
 以 唐 年 社 不 置 年 六 社 三 村 一 庄 一 寨 廣 威 府 二 縣 九
 升 縣 義 興 十 五 社 由 村 一 寨 明 義 興 十 六 社 二 村 二 州 院 氏 同 院 氏 同

或有上下錯在二東而中在後如疑水前人多不辨其
 有民編月未記連皮大甲有野德二月始生笋葉潮溪林居而之陀
 以上人飲之即成水塊者建昌王延為明所中人山場其父前請於
 春未編詳明不初種葉七父子好相見早晚我門庭建侯父數行人
 皆獲疾惟我獨免古語陀江寧地潮源奔馳信不攻於
 所傳半國山神曰柱國六王者靈顯最著李仁宗命工造祠於山上第
 一舉有樓二十層靖王平西欲登集
 忽風雨大作附王連路不能上云

李氏曰山西人淳俗朴雖更堪亂未嘗為梗

厥土惟白壤桑洲惟宜厥田惟上中先豐生絹不拔油柵泉麻暨
 戎料其民象犀象三農茶鹽豬耳順惟黃白源炭惟婦唱紅
 魚惟饒饒山國白雄雞紙

唱江在福祿縣相傳唱江發源自江漢江中有一樹名旗檀高
 十丈餘歲久樹老其根窖連江漢鱗鱗從之四南歷朝爲貢
 以供祭祀嶼有黃白二穴白以誑客黃以饗

農岐隊壘惟山南

農岐江名隊壘二山名李朝作宮於此以爲巡幸朝會之所
 山南古交趾郡東北通海陽上京西南通山西清化四京鎮
 之西南端之首路府九九屬縣三十有六里社二千五十九
 謹按常信府一縣二百二十四社清潭七十八社五村三所六社

美... 四十三... 五十二... 四十一... 三十一...
... 東安... 金... 四十六...
... 五... 二... 四十三...
... 六... 二... 金... 一... 二... 二... 二...
... 八... 三... 二... 一... 二... 二...
... 八... 二... 二... 二... 二... 二...
... 二... 二... 二... 二... 二... 二...
... 二... 二... 二... 二... 二... 二...
... 二... 二... 二... 二... 二... 二...

卷之六

興府四縣二百七十社御天五十一社青龍四十三社施河四十一

二社神溪三十四社太平府四縣一百一十七社瓊瓊四十二社

一村附翼三十五社二洲東關五十社瑞其六十社一村一

庄義興府古應豈李朝立四縣二百四十五社天本七十九社大

安古大鵬李七十一社望瀛四十九社陸安三十三社義長府古

界陳改四縣三百十七社膠水七十九社三十三社南興有

九社六村美祿五十一社上元古上七十八社柑古義興府

府三縣一百六十二社野池五十九社興定六十五社武仙三十

八社

歲土惟赤埴墳與青黎、厥田惟上上、合路布帛惟多、青成
 羅金榜純帛、南真真定火藥、膠水瑞英、大安海流惟甘黃、
 平望酒惟蓮藕、光烈荔枝、盛烈鱗魚、東台蒸醃、扣官錫、
 黃梅光烈盛烈東台俱屬青池、平望屬上福、
 花酒光烈荔枝絕勝中國、歷朝錫貢以供耜祀
 李氏曰、山南之地平行塏般田穀之宜、人工之修、過於
 路、歷朝養兵之費、皆資焉。

大德衛靈惟志

志

英德水奉古北江是李村為廣德靈福山也

後并改廣也古北江武寧却西兩江上源山噴泉北

來原海關南京鎮之四北滿之首路府九眼屬縣二十一

杜二千一百四十七難慈山所六縣中有杜仙造廿次五十二

杜東岸八十八杜一洲武江八十二杜桂陽四十杜貴豐

五十二杜青水二十八杜順安府五縣三百二十二杜嘉林

六十八杜二所三寨超類六十一杜一村文江廿知五十二杜

嘉定八十六社一所、良才七十四社、北河府四縣一百四十八

社、滄和二十二社二寨、安越三十四社、金華五十社、先福四

十二社、諒江府六縣二百四十社、安勇八十八社二寨、鳳眼六

十七社、保祿六十五社、安世四十七社、陸岸五十二社、古隴

二十四社、四縣記云：府路一二三、二快州、屬縣南、真化、夷、石、樂、東、岐、最、是、肥、饒、之、地、

阮野軒曰：宋人稱我水生、殊非、以、早、金、元、人、稱、我、寸、土、寸、金、明、人、稱、中、國、之、土、地、天、人、稱、清、人、稱、金、國、大、王、自、海、住、山、欲、重、天、王、之、勢、焉、
騰、空、指、家、童、子、之、杖、笠、竹、天、穿、山、峰、
無、道、行、之、印、而、披、臉、為、安、南、四、不、死、云、

康土惟白壤、厥田惟上上、鉢場什器、華球黑布、右臘甘蔗、安

地輿

十三

世宗失及銀石反

時場屬嘉祐年結屬大江應保拓助錄九七十副

增元二百之志也禁火以禦北冠色條石反以供制作

喜祿自定地與人懷悍雖太平亦嘗懷化臣昔為本

行達條上邊事請增防秋之兵

附錄曰安世射矢以其中與血脈
湯火頃與死人至放射會時亦然

雲溪金標分茅惟安邦

後魏碑
政安廣

雲溪水名白藤之別號前吳王幹弘徽與道

於此分茅山名金標銅柱也海東路西三百里有分茅嶺
 嶺半有馬援所立銅柱大三尺許唐元和中都護馬燭立
 銅柱於漢故處安邦古寧海部西南接海陽西北界欽州
 路府九二屬縣九八州九六里社九三百有二座四十四東
 方之第二藩也謹按海東府三縣四州一李華封十四社
 一村安興二十五社一村十五座雲志州李十社李城橫蒲
 二十五社二座新安州十六社一村五十三座萬寧州十八社二
 座四洞永安州三社陽泉府五縣二社二百一社安清三十社明

蘇州次安寧橋水路要衝置遠軍兵
直至蘇州又設兵驛自嘉林至蘇州
積集四十社需安六十八

社華衛九社安然六社如昔州六十社
社暗處雖數十社

九崗

李氏曰安邦陳惠謂之遠
社代遷人

附錄曰廣德所屬二府八縣六州三百社其
惟傳如明乞糧登庸乃率其下如明鎮南門上
附及二州歸蘇州及中興之第四葉元帥清鄉王
作封于明明封為副國王王乃獻以陽泉五縣
州四社一百有一安寧
至今然少可服懷矣

版土惟黑壤厥田惟下下海濱沈魚惟蠟雲屯萬寧合及
化人各以方服貢諸貴吳

沈魚水名生於鹹滙群魚皆以尾掉土人取服可消嵐瘴
 方服言從其俗各不相襲也李相諸國商船來集安席
 豬朝廷設為雲屯萬寧三州使將鎮撫客商來市並
 貢進

洮歷惟興化

洮江名歷山名洮黃水之末亦五百年一清興化古新興
 漢為南中王獲拒孔明於此西通雲南東接山西
 宣入府路凡三縣凡四州凡十有七里社凡三十八

有五册九二五三十七卷九人西方之書五卷

續接歸化府三縣二州三十一社五十四崗縣安二十七社

二崗二册安立一作二社一座一崗十八州文振二社八十册文

州四十崗水尾州十一崗縣東南嘉興府明改為天門縣一縣

五州四十二崗青川一村二崗三十四册符華州三崗木州二

十崗三册越州三崗梅州三崗順州十崗安西府十州三

十崗萊州十一崗倫州十崗瓊崖州五崗昭晉州十二

崗高陵州四崗諫州三崗終阜州三崗黃若州四崗

肥州四崗、醴泉州四崗

阮齊新曰安西古平遠今後改為復遠今為安西

焉上惟赤埴墳、厥田惟上下、木條惟喬、茸桂砂仁及彩布惟
 綿、金惟三品、銀惟什成、銅錫油楠香料、暨蜂窠惟錯、昭魯
 能言、鸚鵡惟和、錫貢大理、老撾皮服、厥貢西陵錦繡、及回
 鷄彩羅

梅州三品什成金銀產處、一日惟午扣可取、視他州為尤
 大理老撾國名屬雲南、古蜀地也、其地近本國、常來朝
 貢、回鷄國名、陳和宋、數被元人侵伐、宋人有以船三十艘

東附國外無疆域者皆得其物或和州人
而得之始焉事

漢武皇帝與蘇武高平上將王路阻險足憑蛇虺應能
為水土惡暴能為人梗而男子父道罔失藩臣之德
其地山林之國何物不有而民間日用所乏者正誠望不
其地水土京師人民不諳豈不為中國之梗乎

附錄曰清都王使使如明求封明人隨使封為副國王及明為清
所敗備安龍州使使來求與化諸州地王乃乞納與化十州稅制
山內地明乃置為建水縣明人
清人復取之迄今不能復也

犁華及溫惟宣光

犁華山名今謂之犁華關太祖定義親使防禦陳班修
之役拒明將柳昇支兵於此溫河負其源發自三江流至
乾縣與陀洮合宣光古新與却越雋地東北夾高諒西
南夾山而及與路府九屬縣九一州五里社二百八十二
西方之第三藩也

據按安平府一縣五州二百八十五社福安縣七十三社永
物州五十五社陸安州四十社大鹽州三十四社渭川州

六十社保樂州二十社

李氏曰宜先保樂州昔本我地內屬初為中州物及
李朝來神宗畏其疆盛既以順州歸我後定疆界以臨
外保樂大縣予之宜路之俗大抵恰似杞寨歷代以荒忽
待之

附錄以宜先有四嶺五口重關夫嶺者曰仙嶺得子石嶺有二泉水曰藏事
曰大馬港者石頭夾處水道險阻其間山嶺危峻之水聲震中里故
後遇此不若任神若即仙嶺石嶺之內增上二嶺今仙嶺四石嶺
不復然因仙嶺後是區區相與如故故山嶺以事故王王今以中
嚴土惟黑墳厥田惟下下草木惟條保樂金銀鉄錫

麻福安彩布惟青、端蜜惟黃、收物流香花蝶、油、象
 仁、良、龍、滑、升、服、原、貢、年、臘、

土人織布金黃、以青彩之、其樣甚好、黃蜂最聚、其藥吐
 甚甘、土人以此治腹虫症、花蝶以花增養、其味甚香、龍
 渭州名、今大慶國是在明廣西、城保樂、之側、其俗亦長髮
 好著頭骨、聞本服與年無異、則朝和膏、人貢、後便信不
 通、及葉朝定義、由是朝和、年亦蒙恩、類、其為太平年一生
 雖亦馬、逆類、善於引重、輕身不行、

松及景惟清華、

縣境之內、各處皆有廣平、清華、古、吳、郡、唐、初、為
 清華、唐、初、以、為、清、華、唐、東、北、接、山、南、暨、海、西、南、界、山
 南、暨、海、唐、初、以、為、清、華、唐、東、北、接、山、南、暨、海、西、南、界、山
 南、暨、海、唐、初、以、為、清、華、唐、東、北、接、山、南、暨、海、西、南、界、山
 方之第二清也

經、按、超、天、府、八、縣、兵、百、七、十、社、瑞、原、縣、四、十、四、社、十、三、村、十
 七、座、二、所、六、縣、十、三、坊、八、座、永、福、縣、四、十、五、社、二、村、二、坊、四、座、
 雷、陽、七、十、三、社、六、村、南、二、座、子、州、山、境、一、所、東、山、七、十、四、社、

二村一處一所安定五十六社五村九寨九庄錦水五十
 社三村五座五十册三溝廣平三十八社二村八洲二座石城一
 社五十五洲三座四十四册二坊一街河中府四縣二百
 八十一社弘化七十二社二庄一所淳祿三十九社六村六
 座三所義山三十九社宋山三十一社二洲九座一寨靜
 嘉祥三縣一百九十三社農貢八十八社一村三十一册廣
 昌五十五社一所玉山五十四社一庄一寨二坊一巡長安府
 大興三縣五百六十五社嘉遠七十三社四座安謨古蹟五
 座是

元朝卷之三

地輿

十九

馬邑縣志

卷之二

十二社、錦村、十座、安慶、二十九社、三社、三座、三寨、天國府三
 縣七十社、安化二十二社、奉化二十七社、一庄、一寨、樂土三十
 一社、五座、清都府、縣政清化、一縣、四州、五十九崗、青春十四崗、
 柳關州十二崗、良政州、靈州十崗、

李氏曰：清華之地，水尾山頭，然小狀，臨得其亂，不得其治。
 丁黎之於大黃，二朝之於西嶺，屢事可鑒，則於太祖汝說
 之言，為尤信。

縣志：黑墳、靈山、錦村、中、嶺、木、惟、縣、神、頭、魚、有、人、形、柳、關、壽。

春皮惟虎豹犀象鱗本寶錄賈牙身

神頭今神符海口是魚似人形魚頭有毛無鱗清化路

山多惡獸精流化為此

此說野軒曰清之類又之神與木之於高諸之靈苦為可畏

麒麟及藍惟又安

麒麟山名在永江之右藍水名其源出自靈江又安古

懷罪部後改為日南郡又曰驪州丁黎以為寨李改曰

又安東北夾海南清化西南接順化雲南路府九九屬縣

二十有五州九三里杜九四百七十九南方之第三藩也

德光府六縣二百五十五社、澤州五十七社、二縣一府、
 二十七社一庄、宜春二十六社、真福、五十七社、八社、
 香山五十四社、青漳三十四社、八村三十三庄、九社、
 寨一溝一巡三源、濱州府二縣一百九社、東城七十六社、四村、
 十九庄四冊二洲、瓊瑤三十六社、九村四十二洲、三十七社、
 和府二縣八十六社、興元四十二社、三村三所二渠、南塘四十、
 仁六村一冊一溝、茶麟府四縣一百十二社、會寧、
 尚九洲襄陽七崗一坡、永康八十崗、河坪府二縣七十

四十五社一所一寨奇華三十七社十二枝蘇州府

丁蘭中山平木岡軍雲二十四崗五麻府一州二十七

年二十七崗臨安府一州十三崗歸合州

右三變是本
屬夜牢太祖

初寸三崗平木崗軍府七縣一州九十二崗珠琅九

光紫六崗明廣九崗景輝十四崗金山十二崗清渭

崗鎮忠王崗有政十二崗

淮城五崗順慶四惟上中胡敏海嶺惟鎮兩或政布石

楚平縣鎮軍英州羽毛鎮軍桂參奇花簇子哀牢移樓

也。得此者子。其狀如魚。其皮圓不見頭面。若養食。無
十斤。奇華海曰：魩鯪子魚名。其形似蠶。身圓如鰓。胸
有棘。大鱗得以掌刺之。其皮銜圓不見頭面。若養食。無
胸臆者。即暴死。書存之以示戒。如唐豪之鯢。乃支據之獸。
八、月泉之五藤也。哀牢國名。其先有婦人名少臺者。居於
山捕魚水中。順流而下。有孕十月產男。子後沈水化為
龍。出水而為蛟。人見之者皆射盡其身。以象龍文。漢

始通中國、明帝以其地置哀牢、南二縣、今部
 其繁所在有之、皆號曰牢、然文布羅藤、呼魚、喝鳥、
 蛇、象、飯、避仇、八寺、風俗大畧無異、地產犀象、白蠟、
 布、金、銀、尤好、無文字、以葉記事、牢自李陳屢經大創、乃
 以地近我國、朝貢不闕、國初常効順、後改爲此云、（梓）詐誘牢、
 信好遂絕、及天下大定、牢盤踞、（梓）詐誘牢、
 內附西南復通、

李氏曰、人安人心、除悍過於、愛州、道路悠長、水土常習、

歷代以之樂西南夷

海及雲靈惟順化

海南海也雲隘山也靈水名順化古越裳氏都趙趙改
為北景升內伴東北通又安西南連寧廣路府九二屬
縣九八州九四里社九六百五十八南方之第四藩也

諸枝新平府二縣三州二百二十四社康祿七十八社七册

四源麗水二十九社布政州六十三社一村二十四庄三縣

三源明靈

古麻靈李常餘
征占取其地

六十四社三源肇豐肅六縣三州

四百四十四社海陵五十四社八村二十八崗武昌九十
 五社三村五册丹田六十三社九村六册金茶七十三社二
 村二州十三册三源思榮四十四社十八村二庄真盤九十
 五社順平州八崗二十一册沙孟州六崗十五庄六十八册
 以上惟黑墳宜火藥及椒戎履田惟中中真盤黃燒沙孟茶
 州雀舌海陵兔惟白毛

紙藥以葉紙包之以火燃而食之也明人來便令我明藥
 納胡椒一人十苗後椒貴二苗值五緡等江以北椒樹立

使於吳惟父化更歷後陳辱本朝制權故鎮存焉

李氏曰順化我北景州也內屬後占不主常擾南境反
有其地李陳之報親征占城多矜占王占人請獻思麻
明置布政三州贖罪天子置為順州化州後合為順化其
民染占舊俗性悍耐苦先朝以之禁占

僊女富河惟南界

僊女山名古龍骨是山上有塔十二座號曰僊女塔富河
四海門名南界古越裳北景州內僻也內屬開浚於占

分為占曉占壘、東北接順化、西南通占城、路府凡三屬縣、
九九里社九十七、南方之第五藩也、

蓋按升華府三縣、二十三社、古地、醴陽九社、河東八社、熙江

六社、恩義府古占三縣四十一社、平山十七社、義山十二社、

華十三社、懷仁府三縣三十三社、蓬山七社、符離八社、

連十八社、

李氏曰、胡氏征占、占人獻占曉之地、季釐劫、使盡獻占
之占壘、胡置為升華府、國史所謂南至地、里者也、

卷之六

卷之六

既野新曰朝氏朝占監縣占豐之地因分為片華思義州並安撫使以會之
以其源頭為壽寧鎮占城收其近便人民遷徙德興占城又遷此

聖宗親征破關無城故獲舊圖又圖加五野此
還懷仁府屬縣三其嘉定四府南為占界

附錄曰李朝已得廣南十分之二至胡朝又得廣南十分之半沈德問聖宗
斥地自占豐屋門運美西沙黃氏開報富河學冷求凡討香臺陀泥茶康

小門弟命外董至滿陽九十四海門置前廣南承宣云及昭董子游擊
順廣復征占取其地置為平康進慶順三府又征高棉取其地置為

嘉定府福新平二府自古占人僻居平順之左
村占主為順城王占人由此不能為我患矣

厓土惟黑墳厥田惟下下滿定水鄉思明綠泉黃竹赤熱縣山玄

嶺赤野夏翟孤山特桐延津浮磬名山石錯

滿定江與懷仁府接鄉子威服百獸犀象見之皆驚滿定有

御王野居水中、鰓尾以打人船、波濤湧積如堆、李常傑征
 占、輒大軍至此不便、涉乃封、御、為、欽、順、三、神、俾、宣、勅、日、御、于、海、
 江出、聽、由、是、軍、船、進、無、所、礙、思、明、錦、山、皆、屬、綏、遠、赤、野、屬、
 義、山、珠、山、屬、河、東、延、河、名、各、山、屬、慕、華、

占遲、真、臘、或、臘、嚴、貢、瑛、瑤、白、象、花、脂、及、九、寸、蠟、

占城、古、象、林、縣、屬、我、趙、棠、部、日、南、郡、後、改、林、邑、其、境、南、通、
 真、臘、白、弛、備、西、際、瓜、哇、曰、上、源、北、接、我、驪、州、壤、曰、烏、里、惟、東、
 際、于、海、統、州、大、小、凡、三、十、有、八、經、廣、可、六、百、里、其、地、少、田、貧、

戰且盡。羅既無君有之故常侵擾其俗事純尼道。羅在嶺南
 今人聚人大十國以祀之。暹羅國在南海中其地千餘里。
 古暹西暹。暹二國是羅土肥百穀成。燕產金。暹土瘠。
 後暹降羅合為暹羅其俗好黠掠真臘在占城之南。
 去日南郡舟行六十日乃至其縣風俗與占無異其
 民以東向為尚右手為尊自唐後分為二其半北多
 山阜曰陸真臘尋號屈賀。今高半南際海曰水真臘
 地八百里。今由象亦獸中之靈太平始見花脂花石之

所也九寸蟻蟻之神主也三者不常有惟我諒山及遼
占真蠟有之歷朝以為郊祀

良江及研惟太原

良江富良江也研山名太原告武定郡內地東北夾高詠
西南夾東北路府九二縣九州九二里社三百三十六批
方之第二藩也

遼東富平府八縣一州二百三十六社司農五十七社一座五
泰平原其數千七社善安二十三社一座洞喜二十九社二

二十座二縣一坊一市大慈二十二社七座富良三十社十座
文明五社九座武庫三十社大村二十五座二源一州定化七座
甲子社十二座通化府一縣一州七十三社感化二十二社二村十
座百通州五十一社一村十二座

李氏自太原自李陳為州至明人八國升為府黎朝一
統始升為道

既舒新只李朝令開平廣六有海更至平廣通十平縣以便人治
宋六置白道感化居民九十六縣以為盛廣有數之於然後太原
脚漸可

狀土作赤墳墳厥田惟下下白通誌葦叢定化銀銅
金大慈蛇普安白棟同喜魚珠此錯

卽望夫惟蘇山

卽望在桂城北古溫卽慈嶺江里望夫山名在諒城之西
山上聳出一石遠望如人形背南面北俗傳

卽南策

人竇只龍爲前吳王將從軍禦北邊其妻蘇氏名慈守
節十年幾迎文錦寄之後乃與家奴登諒山孤山望夫不
見乃投屍而化因以爲名諒山古陸海部西南夾大

東坡表二陽廣路野走一州凡七里社二百二十七北方之

第五層處四六社為一

陽樓表廣廣市州一百九十三社穀平州三十九社二十一

村^{與廣西}廣^西州^{古廣}社^是平社安州三十社二百五十州

文淵州^{古文}社^是四十一社安州州三十五社一村一座七原州^其

社三十四社廣州三十八社

附錄州名陳祚明人來廣山縣界之地乃故黃縣為割地使以祚
平古縣三十八村五十九村界明所定茲據山玉川

歐止惟無續續由惟下下安博錦廣被羅異香宏州山燕七原

致文淵銅銀脫頭白象惟新勅獻思明土孫厥貢西歸
及沉香

思明明廣西州名地近本國土官常率土人朝獻
李氏曰白象亦獸中之靈李陳勝兩見之諒州有獻象
以郊享可見聖人不玩異物如此

蒲及羣安惟高平

蒲水名羣安水名高平古武定外道東北接南廣西南夷
太原諒山路府九一州九四里社二百七十三北方之第

關東山

安平府四州二百七十三社上琅州二十九社下琅
二十八社石林一百七十四社二村一甲廣源四十四社四
李氏因高平土宜多珍異然赴仁官難於久住先代
乃寄情於太原云

惡水出云木之大慈武崖高四之石井廣所上下環州宜之保樂能
之如觀水冠亦深地中木井高為甚數處若城之區尤脫河而南
慨矣壽安郡之利病山之疎掘易於合有之否奈火將
京北之右騰海陽之東灑水常其惡水九二十九度五

廠主惜赤壤。廠曰。陛下下。廣源黃金丹。石林特屏。民馬。

是山琅玕竹山直相、邕州亦哩、厥貢珍珠

連山屬上琅竹山屬下琅、邕批廣東州名、本國產加箇公武

建金弄石銀定邊、送星、坡上銀、左有金、覆山、金仁山、銀、金、龍、銀

廠、銀有銀、左有金、感樂、銀有銀、上有金、同樂、銀有銀、屋、廠、客、號、福、生、武、板、所

金、銀、批、白、銀、廠、天、采、廠、金、錫、廣、固、廠、金、有、雙、餘、核、市、橫、街、號

以下、寶、華、銀、仕、中、標、同、泥、巡、卯、支、批、山、波、油、巡、批、山

上有、銀、全、年、批、料、市、金、上、有、邦、苗、市、銀、有、甕、隴、市、西、方、廣、白

市、右、有、野、市、銀、有、界、市、金、有、新、福、街、號

門、有、金、三、天、六、姓、號

二十九

上田面供粟六十升、以六陌、中田面粟四十升、錫四陌、下
田粟二十、錢叁陌、不精面者、全免、

面貳也、陳呼貳為面、國初因之、

京師有提領內京鎮四道、及清化、有行遠參知外諸鎮
九道、有總管宣慰、

以行遠參知仁京路、是內三百里、設文教也、以總管宣
慰仁諸路、是外三百里、管武衛也、

李氏曰、京路非無總管宣慰、而所職者、行遠參知諸道、

非無行遣參知然四京鎮各兼之如東道行遣兼領海陽
 安廣西道行遣兼領山西宣興南道行遣兼領山南清化
 而開治于雲床副使兼領廣而開治于武昌北道行
 遣兼領東北太原而開治於安勇副使領高平諒山而
 開治於溫州至於參知亦皆如此世宗嘗總管宣慰
 言之也

國人毋得效吳占牢遣真蠟諸國語及服裝以亂國俗
 母者禁止之辭言吳語從古必譯而後知牢語從

吾其強國而遠聲名乎。身死於不可救。如亂國者。故吳
人父。諸君。修。後。聖。動。機。歷。本。兵。神。冠。靈。煉。烟。如。常。之。重
者。明。人。雖。後。漢。唐。衣。冠。之。舊。而。其。俗。未。變。宋。人。以。羽。布
纏。身。如。快。寒。之。水。田。占。人。以。巾。蔽。腿。而。露。其。形。遠。雖。真
服。以。布。連。包。手。膝。如。鹿。之。裘。皆。不。當。因。襲。以。亂。風。也。
李氏曰。自元入中國之後。天下變而胡語胡服矣。獨不
變者。惟我邦與金陵之宋。大金山之趙氏而已。及明太祖
即位。使易清民衣。道經梅丘。使尹壽至。問。一。明。臣。若。曰。

問國使嘉其服俗依然中華文明賜御詩曰安南際有陳
 風俗不元人衣冠周制度禮樂宋君臣因賜文獻之邦四
 字又遣我使位朝鮮丘巖之上及使回乃使牛諒實龍章
 金印皆來褒寵焉

諸邊州官郎父道無故不得赴京有朝會許次懷遠
 懷遠館各在嘉林之巨靈李朝置此以為邊商外國使館
 散之所父道令改為轉運

外國諸人不得擅入內城慈慶之雲屯萬寧并海會院

有湖海之廣，其地皆屬。今三海口名俱屬，又安能
 內鎮四京，歸之青海，會三海口名俱屬，又安能
 屬屬，以三青屬，其地皆屬。今三海口名俱屬，又安能
 連屬，而章慶內外之防，於此可見矣。

帝曰：太祖開國十年，天下大定，傳之子孫，期以萬世。朕不
 泰位，賴諸忠良匡救，以圖終始。使予德光于四海，則
 之流何足云矣。

陳避元祖諱，改字為阮。纂避恭慈太后諱。

作集註阮夫錫作證按李子晉作通

天錫相君諫院多有直言子晉自北道行道人

貴典作詔議文辭與雅有足稱者

一句書成上達御覽帝曰茲殿重祿經營四方足達徧於
天下、扇風散雨、時鼓槐戈、其如無我、槐格山河以付於
其、其如我先生位我神考、伐天行化、克配上帝、至
此書畢、朕敬依虞夏、勉予素勤、至要於免齊、其亦

義

言大祖經營乾業遍歷天下暑不及扇食不及飲卧不
 及康樂不為禍如漢高祖吾輩故天地神人壽萬子孫大
 定國寇復我封疆傳之子孫以及我也先生清濟文也神
 考林樾也帝君曰正直者代天行化太祖起義群臣請尊
 為代天行化是後諸酋多以稱之繼繼虞夏是欲學虞夏
 之所行勉勿予素勿以予幼冲為不才而忽之也勉進
 引之也帝言先生既佐太祖能順其君既帝之顯者
 此書歷闡古今志記又欲效唐虞之治如此勿以予

敏而素之其當別我以克舜之極等者則其功昭垂千古顧不備哉

唐曰上言及此國家之幸也

但里吳氏曰志畧曰本國四至計起東抵丁編西抵老鴉南亦抵于流北抵憑程四百七十里東南抵海東北抵廣東欽州一千里西南到占城一千四百里西北到廣西順安府二千五百里到南京江南由廣西云七千七百二十里由廣東去六千六百二十里到南京由廣西去一萬六千六百里由廣東去一萬六千五百里宋文帝元嘉中南越林邑於日之東望之曰在廣北九十分之五在表南三十三分交州去海九千餘里蓋山川曲折使之然也以收取其地直當六千里唐開元間交州最至日影在表南二十三八分與元嘉時同王克論唐曰日南去洛萬里李肇曰安南至長安七千二百五十里王維曰以四方按之安南適當中國東地耳今自羅城至金陵一百十五里計七千七百餘里

三十三

子以取此書上進其書大抵其書以印行及東行暴廣
朝議以為抑齊夫人阮氏路我逆罪及三族六司故禁其公
令二人毀本後仁宗長龍總政禁封有罪因於土宇常章
秘書閣覽經籍得抑齊遺本謂群臣曰臣屬忠誠佐太
祖以成茲艱位太宗以文致平文章德業本朝各體斯
典為此不幸婦人禍慶善類蒙辜最為可憫乃置
於御寢以為政本

松軒

附封綸定全越詩集序

桂堂黎貴梓

黎薦號抑齋。姓阮氏。賜國姓。陳朝阮飛卿之子。
 陳元且之外孫。閏胡庚辰科登第。胡亡。隱居不仕。
 太祖舉義兵。至瀝江。杖策上謁。獻平吳三策。遂受
 禮遇。拜宣奉大夫翰林院承旨。兼吏部尚書。知內
 密院事。侍謀畫。草書檄。開國功臣功第一。順天加光
 祿大夫。入內行遣右諫議大夫。加中書監。國史院三
 館事。亞大智。字冠服侯。太宗即位。受顧命。輔

大寶末生妻侍宮見害聖宋知其冤復官爵加贈

補遺卷八

黃曉伯、襄翼帝加封齊文侯今上加封大王為大

章有氣格詩多情致所有王堂遺筆抑齊詩集

軍中詞命或作不有皇朝表章行世行于世藝文志云大寶年間公奉定錄書六卷子賜

貢生同知州孫祖堅安邦承政使

Chịu trách nhiệm xuất bản

VŨ AN CHƯƠNG

Biên tập: HOÀNG THỊ THIỆU

Bìa: NGỌC HIỂN

Trình bày: QUỐC ĐẠI

In 600 bản khổ 16 x 24. Tại xí nghiệp In Sơn La.
Giấy phép xuất bản số: 260/14 CXB - QLXB ký ngày 04 /1/2001
In xong và nộp lưu chiểu Quý-II năm 2001





Nguyễn Trãi

TOÀN TẬP

Giá: 150.000đ